

CHÀO MỪNG KỶ NIỆM QUỐC KHÁNH 2-9

VL00003832

**Việt Nam
từ cuộc chiến tranh
giải phóng dân tộc
tới đổi mới và phát triển**

**HỒ SƠ
60 NĂM
1945-2005**



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

VIỆT NAM

TỪ CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
TỚI BỐI MỞI VÀ PHÁT TRIỂN

(Hồ sơ 60 năm - 1945-2005)

Bản sao lưu trữ

Chủ trương biên soạn:
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Những người thực hiện:

NGUYỄN VĂN BÌNH

LÊ NHƯ TIẾN

LÊ NGỌC TÚ

Tổ chức thực hiện:

CHI NHÁNH PHÍA NAM NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

*Những người biên soạn chân thành cảm ơn và xin lỗi
các tác giả có bài sử dụng trong tập sách này mà chưa liên
hệ được trước để xin phép.*

Mọi liên hệ xin gửi về:

CHI NHÁNH PHÍA NAM

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

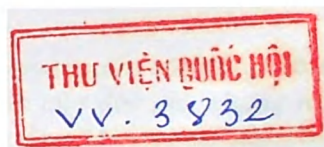
85. CMT8, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 08.8390.970

VIỆT NAM

TỪ CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỚI ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

(Hồ sơ 60 năm - 1945-2005)



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
Hà Nội - 2005

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việt Nam là đất nước có hàng nghìn năm lịch sử. Lịch sử của đất nước Việt Nam từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do độc lập...” (Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945) cho tới ngày nay đầy ắp những sự kiện, những diễn biến, những bài học...

Trong 60 năm dựng nước và giữ nước ấy (1945 - 2005) chúng ta đã đi trên con đường lớn từ cuộc chiến tranh giải phóng tới chiến tranh bảo vệ Tổ quốc để rồi hướng tới mục tiêu cao đẹp mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra: Xây dựng Tổ quốc Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Cuốn sách: “Việt Nam từ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc tới đổi mới và phát triển (Hồ sơ 60 năm - 1945-2005)” sẽ đem tới một cái nhìn toàn cảnh và không kém phần kỹ lưỡng về quá trình dựng nước và giữ nước hào hùng ấy. Các tác giả của cuốn sách đã trình bày một cách cô đúc hành trình gian nan suốt 80 năm để có được ngày 2/9/1945 cũng như con đường vượt qua cuộc chiến đấu trong vòng vây, trong sự cô lập của kẻ thù để tới Điện Biên Phủ huy hoàng, cùng hành trình tới Mùa Xuân toàn thắng vĩ đại năm 1975.

Lịch sử đương đại của đất nước từ sau chiến tranh đến những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới dù không hề đơn giản nhưng cũng đã được các tác giả đề cập và phân tích một cách khoa học.

60 năm dựng nước và giữ nước không có một cuốn sách nào dù công phu đến đâu có thể đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của độc giả nhưng những cố gắng của các tác giả cuốn sách này trong việc vừa đem tới một cái nhìn toàn cảnh, vừa có những phân tích, những điểm nhấn cần được ghi nhận tích cực.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 2005
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

PHẦN THỨ NHẤT

LƯỢC SỬ NHỮNG CUỘC CHIẾN THỜI BẮT ĐẦU DỰNG NƯỚC ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

- * Tổng quát về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến 1945
- * Những phong trào yêu nước:
 - Duy Tân, Đông Du...
 - Đảng ra đời và lịch sử của Đảng
 - Hồ Chí Minh xuất dương
 - Giữa bầu hùm đói dựng lên sắc sao vàng, cờ đỏ,
 - Diễn biến cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền

A. THỜI KỲ ĐẦU DỰNG NƯỚC

1. Thánh Gióng đánh giặc ngoại xâm

Thời bắt đầu dựng nước, thời Hùng Vương, nước ta đã bị các thế lực ngoại bang xâm lấn. Truyền thuyết dân gian còn lưu truyền về cuộc kháng chiến của nhân dân dưới sự chỉ huy của người anh hùng thần thoại Thánh Gióng. Gióng xuất thân từ một nhà nông dân nghèo, sống giữa sự dùm bọc của làng xóm, sớm có lòng yêu nước chống ngoại xâm. Khi đất nước bị giặc xâm lược, Gióng xin ra đánh giặc. Cùng đi đánh giặc với Gióng có người cầm võ đập đất, người đi săn, trẻ chăn trâu, cả những con vật sống trong rừng cũng xin theo Gióng đánh giặc. Đánh tan giặc, Gióng hoá lên trời. Câu chuyện tuy có nhiều nét thần thoại hoang đường nhưng đã phản ánh một điều là ngay từ khi bắt đầu dựng nước, dân tộc ta đã ngay lập tức phải chống ngoại xâm bảo vệ sự tồn tại của mình. Và cuộc chiến tranh giữ nước từ xa xưa ấy đã mang hình ảnh một cuộc chiến tranh toàn dân - nét đặc sắc nhất trong lịch sử chiến tranh vệ quốc của nhân dân ta.

2. Cuộc kháng chiến chống Tần (khoảng năm 214 - 208 trước công nguyên)

Sau khi thống trị toàn Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng mở những cuộc chiến tranh bành trướng quy mô lớn xuống phía Nam Trường Giang thôn tính các tộc người Việt (Bách Việt). 50 vạn quân Tần do Đồ Thư chỉ huy đánh xuống phía nam. Khoảng năm 214 trước công nguyên, quân Tần tiến vào vùng cư trú của người Âu Việt và Lạc Việt là tổ tiên của dân tộc Việt Nam hiện nay. Trước sức mạnh của quân Tần, nhiều tộc người Việt bị khuất phục và bị thôn tính.

Tổ tiên ta kiên trì cuộc kháng chiến chống Tần với cách đánh theo kiểu vườn không nhà trống và chiến tranh du kích, ban ngày thì lẩn tránh vào rừng, ban đêm mới đánh tập kích, phục kích. Quân Tần vừa thiếu thốn lương thực vừa bị tiêu hao lực lượng lâm vào cảnh tiến không được thoái cũng không xong. Đồn quân địch vào thế nguy khốn, lúc đó lực lượng kháng chiến của người Việt mới tổ chức phản công lớn đại phá quân Tần và giết được tướng giặc Đồ Thư, quân Tần phơi thây, máu chảy hàng mấy chục vạn người. Năm 208 trước công nguyên, nhà Tần phải xuống lệnh thu nốt số bại binh về nước. Bằng cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, nền độc lập mới sơ khai của nước ta đã được giữ gìn và củng cố. Sự còn lại hiếm hoi hai tộc người Lạc Việt, Âu Việt đã nói lên sức sống quật cường của dân tộc ta. Và khi các tộc Việt khác bị người Hán sáp nhập và đồng hoá thì Lạc Việt, Âu Việt đương nhiên trở thành người đại diện và kế tục duy nhất lịch sử Bách Việt.

3. Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà (năm 184 - 179 trước công nguyên)

Sau khi hợp nhất Âu Việt với Lạc Việt, Thục Phán nắm quyền cai quản đất nước, xưng là An Dương Vương, đổi tên nước là Âu Lạc, xây thành Cổ Loa làm kinh đô. Những sự kiện này xảy ra vào thế kỷ III, II trước công nguyên.

Lúc này ở Trung Quốc, nhà Tần sụp đổ, nhà Hán mới lên, một viên tướng nhà Tần là Triệu Đà lợi dụng tình hình đó, xây dựng lực lượng, chiếm đất Quảng Đông và Quảng Tây lập ra nước Nam Việt đóng đô ở đất Quảng Châu ngày nay và có âm mưu bành trướng xuống phía nam. Triệu Đà đã nhiều lần xâm lược Âu Lạc, nhưng Âu Lạc lúc đó có quân tướng giỏi, có thành lũy kiên cố, có vũ khí tốt, đặc biệt là nỏ liên châu bắn một lần nhiều mũi tên - được coi là nỏ thần nên đều đánh bại Triệu Đà.

Bị thất bại bằng vũ lực, Triệu Đà dùng gian kế cầu hoà và cầu hôn công chúa My Nương cho con trai là Trọng Thủy, gửi Trọng Thủy ở rể ở kinh đô Cổ Loa. An Dương Vương bị mắc mưu giặc. Trọng Thủy là một gian tế vừa dùng kế ly gián gây mâu thuẫn trong nội bộ triều đình, lấy cắp bí mật nỏ thần. Khi chính trị, quân sự Âu Lạc suy yếu, Triệu Đà xuất quân xâm lược. Cuộc chiến đấu của An Dương Vương lâm vào tình thế bất lợi và nhanh chóng thất bại. Cuộc chiến bại này làm cho đất nước ta rơi vào ách thống trị của phong kiến Trung Quốc hơn 1.000 năm, thường gọi là thời kỳ Bắc thuộc.

B. THỜI BẮC THUỘC

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43)

Nhà Hán thực hiện chính sách thống trị trên đất Âu Lạc hết sức hà khắc, vừa bóc lột thậm tệ, vừa đồng hoá nham hiểm. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta vẫn tiếp tục với khí thế cao hơn. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là tiêu biểu cho phong trào giải phóng dân tộc giai đoạn này. Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai chị em ruột con gái Lạc tướng dòng dõi vua Hùng. Mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng phát động cuộc khởi nghĩa dưới khẩu hiệu đền nợ nước, trả thù nhà. Cuộc khởi nghĩa lúc đầu là khởi nghĩa địa phương ở huyện Mê Linh (Sơn Tây, Vĩnh Phúc), được nhân dân khắp các địa phương nhất tề nổi dậy hưởng ứng. Chính quyền đô hộ nhà Hán tan rã. Thái thú Tô Định trốn chạy về Trung Quốc. Toàn bộ đất nước gồm 65 huyện thành (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) được giải phóng. Trưng Trắc được suy tôn làm vua gọi là Trưng Vương. Đây là vị vua phụ nữ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử nước ta, trong hàng ngũ tướng lĩnh nghĩa quân có nhiều người là phụ nữ. Tháng 2 - 42, nhà Hán cử Mã Viện đến đem hai vạn quân sang xâm lược nước ta. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch, quân khởi nghĩa tan vỡ, Hai Bà Trưng hy sinh, kháng chiến thất bại (5 - 43). Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng tiêu biểu cho ý chí bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, tô thắm truyền thống anh hùng giặc đến nhà đàn bà cũng đánh của phụ nữ Việt Nam.

2. Khởi nghĩa Bà Triệu (248)

Triệu Thị Trinh sinh ra trong một gia đình yêu nước, có thể lực ở quận Cửu Chân. Bà là người giỏi võ nghệ, giàu mưu trí và có chí lớn. Nhân dân còn truyền tụng câu nói đầy khí phách của bà: "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tỳ thiếp người!"

Năm 248, Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa ở vùng núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá). Đông đảo nhân dân khắp hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) nổi dậy hưởng ứng. Bà Triệu đã chỉ huy nghĩa quân đánh thắng nhiều trận, quân Ngô tan rã. Bọn quan lại thống trị từ Thứ sử Giao Châu trở xuống đến các huyện lệnh đều bị giết hoặc chạy trốn. Cả Giao Châu chấn động.

Nhà Ngô phải cử danh tướng Lục Dận đem quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng, kiên cường nhưng vì lực lượng quân sự còn yếu nên đã thất bại. Bà Triệu Thị Trinh hy sinh trên núi Tùng (Hậu Lộc, Thanh Hoá), nay còn lăng mộ và đền thờ Bà ở chân núi Tùng, cạnh quốc lộ 1, thuộc Phú Điền, Hậu Lộc. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu là một cuộc khởi nghĩa lớn, có thanh thế và vang dội, là đỉnh cao của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc thế kỷ II, III. Cho đến nay, nhân dân cả nước còn lưu truyền hình ảnh Bà Triệu và hoạt động của quân khởi nghĩa.

3. Khởi nghĩa Lý Bí (542)

Lý Bí (còn gọi Lý Bôn) xuất thân trong một gia đình đời đời có vị thế ở Long Hưng (Thái Bình). Ông là người có tài kiêm văn võ, yêu nước, thương dân, áp ủ kế sách đánh đuổi bọn thống trị, giành độc lập cho dân tộc. Hào kiệt bốn phương hội tụ cùng Lý Bí chuẩn bị khởi nghĩa. Các địa phương vùng Bắc Bộ gần đây vẫn còn đến hơn hai trăm đền miếu thờ Lý Bí và các tướng lĩnh cuộc khởi nghĩa.

Mùa xuân năm 542, Lý Bí phát động cuộc khởi nghĩa toàn dân. Chưa đầy ba tháng cuộc khởi nghĩa đã quét sạch bộ máy chính quyền đô hộ nhà Lương, châu thành Long Biên (Bắc Ninh) được giải phóng. Nhà Lương đã hai lần đưa quân sang đánh chiếm lại châu Giao nhưng đều bị quân khởi nghĩa đánh tan.

Tháng Giêng năm 544, Lý Bí tuyên bố độc lập, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Ông lên ngôi hoàng đế xưng là Nam đế (hoàng đế nước Nam), đặt niên hiệu riêng là Đại Đức (đức lớn), tổ chức một triều đình riêng có hai ban văn võ. Ông cho dựng diện Vạn thọ (bền vững lâu dài), xây một chùa lớn là chùa Khai Quốc (ở nước), ban sắc phong thần cho Bà Triệu.

Với kết quả của cuộc khởi nghĩa, nước Vạn Xuân ra đời, một triều đình Lý Nam Đế hoàn toàn độc lập có ý nghĩa lớn. Đó là sự trỗi dậy và khẳng định ý chí độc lập tự chủ của dân tộc, ngang nhiên phủ định bá quyền của hoàng đế phương Bắc.

4. Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nước Vạn Xuân (545 - 603)

Đầu năm 545, nhà Lương sau Dương Phiêu và Trần Bá Tiên đem 8 vạn quân sang xâm lược nước Vạn Xuân. Chính quyền độc lập lúc này còn non trẻ, lực lượng

quốc phòng chưa được phát triển và củng cố. Lý Nam Đế qua kinh nghiệm hai lần đánh thắng giặc sang xâm lược, vẫn chủ trương chỉ dựa vào quân chủ lực với các thành lũy cố định, đánh dần trận đối diện nhau nên không địch nổi quân địch đông và mạnh. Lý Nam Đế dẫn 3 vạn quân ra chống giặc ở Chu Diên (Hải Dương, Hưng Yên), bị thua rút về cửa sông Tô Lịch. Lý Nam Đế lui quân lên giữ thành Gia Ninh (Việt Trì). Giặc bao vây và phá thành, Lý Nam Đế phải chạy vào miền Khuất Lão (Phú Thọ). Sau một thời gian được nhân dân miền núi Khuất Lão ủng hộ, Lý Nam Đế lại phục hồi được lực lượng. Tháng 10 - 546, Lý Nam Đế kéo quân ra vùng hồ Điển Triệt (đầm Vạc, Vĩnh Yên). Một đêm nước sông lên to, chảy mạnh vào hồ, Trần Bá Tiên thừa cơ tiến đánh bất ngờ. Quân Vạn Xuân không kịp phòng bị nên tan vỡ. Các cánh quân khác cũng không chống được giặc phải rút vào hoạt động ở vùng núi quận Cửu Chân. Cuộc kháng chiến của Lý Nam Đế thất bại. Ông giao quyền binh cho Triệu Quang Phục rồi bị ốm chết.

Triệu Quang Phục vốn là con của một thủ lĩnh vùng Chu Diên, hai cha con là người đầu tiên đem dân binh theo Lý Bí khởi nghĩa.

Triệu Quang Phục là một tướng tài được Lý Bí trao binh quyền uỷ thác tiếp tục cuộc kháng chiến. Triệu Quang Phục thu thập số binh sĩ còn lại sau trận hồ Điển Triệt lui về lập căn cứ ở vùng đồng lầy cỏ dại Dạ Trạch (Khoái Châu, Hưng Yên). Triệu Quang Phục cho quân đóng rải rác ở các bãi nổi trong đồng lầy được cỏ dại che phủ, ra vào bằng các con đường nhỏ bí mật; ban ngày tắt hết khói lửa, không lộ hình tít, ban đêm đi thuyền ra đánh úp quân Lương. Nhờ cách đánh phù hợp, lực lượng của Triệu Quang Phục dần phục hồi, gây cho địch một số thiệt hại. Triệu Quang Phục xưng là Triệu Việt Vương, nhân dân ta thường gọi là Dạ Trạch Vương.

Năm 550, nhân bên nhà Lương có biến loạn, quân Lương phải rút đại quân về nước, Triệu Việt Vương tổ chức phản công lớn, quét sạch quân giặc, giải phóng hoàn toàn đất nước. Nước Vạn Xuân giữ được độc lập trên nửa thế kỷ nữa.

5. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722)

Mai Thúc Loan gốc người vùng ven biển Hà Tĩnh sau chuyển sang ở vùng Nam Đàn, Nghệ An. Ông nhà nghèo, có sức khoẻ, giỏi võ nghệ và thông minh, thường bị bắt làm dân phu phục dịch chính quyền đô hộ nhà Đường. Năm 722, Mai Thúc Loan kêu gọi và tổ chức những người dân phu khởi nghĩa, được nhân dân khắp vùng Thanh, Nghệ Tĩnh hưởng ứng, nghĩa quân trở nên đông đảo, mạnh mẽ. Ông xây dựng căn cứ ở vùng rừng núi bên bờ sông Lam thuộc đất Nghệ An, xưng là hoàng đế. Dân gian thường gọi ông là Mai Hắc Đế vì da ông đen, có lẽ do ông xuất thân từ Mai Phụ, một làng làm muối ven biển Thạch Hà.

Mai Thúc Loan liên kết được với cả nước Chăm-pa, Chân Lạp để ủng hộ nhau chống nhà Đường. Sau thời gian xây dựng, phát triển lực lượng, nghĩa quân tiến ra Bắc đánh đuổi bọn đô hộ, giải phóng đất nước. Nhà Đường cử 10 vạn quân do Dương Tư Húc, tướng hàng đầu của triều đình chỉ huy sang đàn áp cuộc khởi nghĩa. Vì lực lượng quá chênh lệch, Mai Thúc Loan thất trận, nghĩa quân tan vỡ.

6. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng (766 - 791)

Phùng Hưng là hào trưởng đất Đường Lâm (Ba Vì, Hà Tây) vốn có sức khoẻ hiếm thấy. Năm 766, căm ghét chính sách thống trị của quan lại nhà Đường, Phùng Hưng lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa từ vùng Đường Lâm rồi kéo xuống đánh chiếm phủ Hành Tống Bình, khởi nghĩa thắng lợi. Phùng Hưng tổ chức việc cai trị đất nước. Bảy năm sau ông mất, được tôn làm Bố Cái đại vương. Năm 791, nhà Đường xâm lược trở lại đất nước ta.

7. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán - chiến thắng Bạch Đằng lần thứ nhất (938)

Cuối năm 938, vua Nam Hán sai Hoàng Thao đem quân sang xâm lược nước ta. Quân Nam Hán chủ yếu là thuỷ quân và đi theo đường biển vào sông Bạch Đằng. Ngô Quyền là một danh tướng người Đường Lâm (Ba Vì, Hà Tây) được nhân dân ủng hộ đã giết chết Kiều Công Tiễn, tên bán nước cầu viện quân Nam Hán đưa quân vào nước ta, nắm quyền cai quản đất nước, kiên quyết tổ chức đánh giặc bảo vệ chủ quyền dân tộc. Được tin Hoàng Thao sắp đem quân sang xâm lược nước ta, Ngô Quyền nói với các tướng lĩnh rằng: “Hoàng Thao là một đứa trẻ dại, đem quân từ xa đến, quân lính mỗi mệt lại nghe được tin Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta sức mạnh đối địch với quân mỗi mệt, ta phá được song họ có lợi ở thuyền, nếu ta không phòng bị trước thì chuyện được thua chưa thể biết trước được. Nếu ta sai người đem cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển trước, vạt nhọn đầu và bịt sắt, nhân khi nước triều lên, thuyền của họ tiến vào bên trong hàng cọc, bấy giờ ta sẽ dễ bề chế ngự. Không kế gì hơn kế ấy cả”.

Theo lệnh Ngô Quyền, quân dân ta đã đóng cọc gỗ, đầu bịt sắt nhọn ngang sông Bạch Đằng nơi hiểm yếu gần cửa biển thành một trận địa ngầm. Quân thuỷ, bộ của ta mai phục ở phía trong.

Quân Nam Hán nhân lúc nước triều lên, thuyền vào sông dễ dàng đã ô ạt kéo vào cả đội hình tề chỉnh. Quân ta dùng thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi vờ rút chạy. Hoàng Thao hạ lệnh đuổi đánh, nhưng thuyền nhẹ đi nhanh quân địch không đuổi được. Chờ cho đoàn quân địch vượt vào trong bãi cọc, đội hình dồn lại và chờ nước thuỷ triều rút, Ngô Quyền cho tất cả lực lượng từ phía bên trong đánh quật lại, từ hai bên bờ đánh hai bên sườn đội hình địch.

Thuyền ta nhẹ, cơ động, linh hoạt, lại nhân lúc nước rút đánh rất mãnh liệt. Quân địch thuyền to khó cơ động, đội hình lại dồn lại, nước thuỷ triều rút. Ba phía bị đánh mạnh thuyền của chúng rút chạy ra biển bị đâm vào bãi cọc ngầm. Đội hình tan tác, nhiều thuyền bị vỡ, bị đắm, tướng sĩ hoảng loạn, phần bị giết, phần bị chết đuối, phần lớn quân Nam Hán bị tiêu diệt trong đó có cả chủ tướng Hoàng Thao. Vua Nam Hán là Lưu Cung đang điều quân tiếp viện cho con rể Hoàng Thao nhận được tin thất trận, ý chí xâm lược tan rã, phải thu nhất tàn quân và bãi binh.

Trận Bạch Đằng (938) là một trận quyết chiến, chiến lược lớn trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Chỉ trong một trận, một ngày đã đánh tan, tiêu diệt phần lớn đạo quân xâm lược kể cả tên tổng chỉ huy, kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Chiến thắng Bạch Đằng đã kết thúc hơn 1000 năm nước ta bị phương Bắc đô hộ, mở ra thời kỳ phát triển Quốc gia phong kiến độc lập, Bạch Đằng, một địa danh lần đầu tiên xuất hiện ngời sáng trong lịch sử giữ nước của dân tộc ta.

C. THỜI PHONG KIẾN ĐỘC LẬP

1. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (981)

Năm 944 Ngô Quyền mất, lợi dụng sự suy yếu của triều đình trung ương, thế lực cát cứ ở địa phương nổi dậy, mỗi người hùng cứ một phương gây ra loạn mười hai sứ quân.

Đình Bộ Lĩnh quê ở Văn Bông (Gia Phương, Gia Viễn, Ninh Bình). Vùng này đến nay vẫn còn nhiều người họ Đinh dòng gốc từ Đình Bộ Lĩnh. Ông là người có chí lớn và mưu lược. Ông nêu cao ngọn cờ thống nhất quốc gia, phù hợp với yêu cầu lịch sử dân tộc và được nhân dân ủng hộ, đã dẹp được các sứ quân, được tôn là Vạn Thắng Vương. Năm 968, Đình Bộ Lĩnh lên ngôi vua, xưng là Đinh Tiên Hoàng, đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình, tổ chức triều đình theo kiểu phong kiến tập quyền, xây dựng quân đội theo hệ thống đạo, quân, lữ, tốt, ngũ, mỗi bậc từ dưới lên đều gấp mười lần: mỗi ngũ là mười người, mười ngũ là một tốt, cho đến mỗi đạo quân tương đương mười đạo đơn vị hành chính. Như vậy, theo biên chế, tính ra đến một triệu quân. Chắc rằng đây là theo số quân như phép ngụ binh ư nông sau này; còn số quân thường trực chắc ít hơn nhiều. Nhờ có lực lượng quân sự mạnh và chính trị, kinh tế ổn định, phát triển nên nhà Tống không dám xâm lược Đại Cồ Việt.

Năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Theo luật lệ phong kiến, Đinh Toàn mới có 6 tuổi lên ngôi vua, triều đình suy yếu. Nhân dịp đó, nhà Tống quyết định xuất quân xâm lược nước ta. Vua Tống Thái Tông điều động quân tướng ở Quảng Đông, Quảng Tây và vùng Kinh Hồ, chia làm ba đạo tiến đánh nước ta. Một đạo do Hầu Nhân Bảo chỉ huy từ Ung Châu (Nam Ninh, Quảng Tây) vào châu Ngân Sơn (Cao Bằng, Bắc Cạn); một đạo do Tôn Toàn Hưng và Trần Khâm Tộ chỉ huy từ vùng Kinh Hồ vào Lạng Sơn; một đạo thủy quân do Lưu Trừng chỉ huy từ Quảng Đông theo đường biển qua vịnh Hạ Long rồi vào sông Bạch Đằng. Kế hoạch của quân Tống là theo ba hướng cùng hợp quân phía Bắc thành Đại La để đánh chiếm Đại La và vùng Bắc Bộ, sau đó đánh vào kinh đô Hoa Lư; đồng thời vua Tống gửi thư đe dọa đòi phải thuận phục.

Trước nguy cơ của đất nước, vua Đinh còn nhỏ không thể lãnh đạo tổ chức cuộc kháng chiến, triều đình và quân sĩ được sự sáng suốt đồng tình của Thái

hậu Dương Văn Nga đã suy tôn Thập đạo tướng quân - Tổng chỉ huy quân đội - Lê Hoàn lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi năm 980, lập ra triều Tiền Lê thay triều Đinh và gấp rút chuẩn bị kháng chiến. Lê Hoàn cho xây dựng trận địa phòng ngự kiên cố ở Bình Lỗ (bên bờ sông Cà Lồ) nhằm chặn cánh quân lớn do Hầu Nhân Bảo chỉ huy từ hướng Cao Bằng, Thái Nguyên xuống. Trên hướng Lạng Sơn - Bắc Ninh, ông cũng cho quân chủ lực phối hợp với dân binh chuẩn bị chặn đánh địch. Hướng đông bắc ông bố trí trận địa cọc ngầm ở cửa sông Bạch Đằng để chặn đánh đoàn thủy quân Tống tương tự như trận địa cọc của Ngô Quyền gần nửa thế kỷ trước đây. Kế hoạch của Lê Hoàn là kiên quyết đánh chặn, tiêu hao, tiêu diệt địch trên các hướng, không cho chúng hợp quân đánh chiếm Đại La và Bắc Bộ là vùng đất căn bản của cả nước. Bảo vệ được vùng Bắc Bộ là bảo đảm an toàn cho kinh đô.

Khoảng đầu năm 981, trên các hướng quân Tống tiến vào nước ta, đạo quân Hầu Nhân Bảo tiến khá nhanh nhưng đến Bình Lỗ bị một lực lượng mạnh của quân Đại Cồ Việt do Lê Hoàn trực tiếp chỉ huy đánh cho thiệt hại nặng phải lui quân đóng trại. Đạo quân Tôn Toàn Hưng và Trần Khâm Tộ tiến được xuống Hoa Đô (Bắc Giang, Bắc Ninh) bị chặn đánh cũng phải dừng lại không tiến được. Đạo thủy quân tiến vào sông Bạch Đằng bị quân ta có trận địa hiểm yếu là bãi cọc ngầm đã chặn đánh quyết liệt. Thủy quân Tống bị đánh thiệt hại nặng, phải lui quân. Đây là chiến thắng Bạch Đằng lần thứ hai trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Hầu Nhân Bảo không nhận được tin tức của hai đạo quân kia, lại tổ chức đánh xuống Bình Lỗ. Lê Hoàn đã bố trí trận địa mai phục lớn đợi giặc. Trận đánh diễn ra quyết liệt với thế chủ động của ta tại vùng Phù Lỗ (Sóc Sơn, Hà Nội). Quân Tống đại bại, bị tiêu diệt phần lớn, Hầu Nhân Bảo cũng bị chết trận. Đạo quân Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ nghe được tin hai đạo quân bên phải, bên trái đều bị đánh bại, hoảng sợ vội rút chạy. Quân ta truy kích tiêu diệt phần lớn đạo quân này. Cả ba đạo quân đều đại bại, vua Tống phải hạ lệnh bãi binh. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất thắng lợi góp phần củng cố nền độc lập dân tộc. Đất nước được yên hàn trong suốt gần một thế kỷ.

2. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai (1075 - 1077)

Cuối thế kỷ X - đầu thế kỷ XI, triều Tiền Lê suy thoái. Sau khi vua Lê Long Đinh, một người hung tàn, bạo ngược chết, triều đình đưa Lý Công Uẩn lên làm vua, lập ra triều Lý (1009). Dưới triều Lý, đất nước ta có một bước phát triển vượt bậc. Kinh tế phát triển mạnh, quốc phòng được tăng cường, đặc biệt quân đội đời Lý đã đạt đến trình độ tổ chức, huấn luyện và trang bị khá cao. Chính sách ngụ binh ư nông được thực hiện bắt đầu từ thời kỳ này. Quốc gia thống nhất được củng cố; quan hệ với các nước trong khu vực mở rộng và được các nước nể trọng. Thế, lực nước ta lúc đó đang vững mạnh.

Nhà Tống là quốc gia lớn mạnh nhưng lúc này đang gặp nhiều khó khăn. Phía bắc và tây bắc bị các nước Liêu, Hạ uy hiếp. Trong nước thì mâu thuẫn giai cấp gay gắt, các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng lên. Triều đình chia bè chia cánh tranh giành quyền lực.

Tổng Thần Tông và tể tướng Vương An Thạch chủ trương xâm lược nước ta, vừa thoả mộng bành trướng từ lâu, vừa nhằm hướng mâu thuẫn ra bên ngoài và nếu thắng, với oai thắng trận đó, vừa giải quyết được mâu thuẫn nội bộ, vừa chế áp được các nước Liêu, Hạ. Với ý nghĩa chiến lược như vậy nên nhà Tống chuẩn bị cho cuộc xâm lược khá cẩn thận. Ở gần biên giới phía bắc nước ta, chúng chuẩn bị những căn cứ xâm lược ở các thành trì lớn như Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu, lấy đây làm nơi xuất phát và dự trữ hậu cần trong chiến tranh. Ở phía nam, chúng còn xúi giục Chiêm Thành quấy phá biên giới, âm mưu đánh nước ta từ hai phía bắc, nam.

Đánh nước ta, nhà Tống tuy lực có mạnh nhưng thế không mạnh. Triều đình nhà Lý, đặc biệt là phụ quốc thái úy Lý Thường Kiệt đã theo dõi và nắm tình hình chặt chẽ. Sự chuẩn bị kháng chiến cũng rất chủ động. Nhà Lý vừa lo ổn định vững chắc tình hình trong nước, tăng cường khả năng quốc phòng, vừa loại trừ mối hiểm hoạ từ phía nam. Năm 1069, Lý Thánh Tông cùng Lý Thường Kiệt đem quân vào Nam đánh tan quân Chiêm Thành, tiến vào kinh đô bắt quốc vương Chiêm phải cắt đất ba châu (Quảng Bình, Bắc Quảng Trị) cho nhà Lý. Sau đó Lý Thường Kiệt cho vẽ bản đồ, khẳng định biên giới, bố trí lực lượng biên phòng rồi rút về nước. Biên giới phía nam được bảo vệ vững vàng.

Sang những năm 70, sự chuẩn bị xâm lược càng đầy mạnh. Quân Tống thường xuyên xâm nhập biên giới quấy nhiễu và do thám. Thời điểm nổ ra chiến tranh đã gần kề. Lý Thường Kiệt nói: không ngồi yên đợi giặc chi bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của chúng. Ông chủ trương tiến công để tự vệ, xuất quân tập kích tiêu diệt các căn cứ xâm lược trên đất Tống rồi nhanh chóng rút quân về tổ chức phòng thủ đất nước.

Ngày 27 - 10 - 1075, hơn 10 vạn quân Đại Việt chia làm hai đạo nhanh chóng bất ngờ vượt biên giới đánh vào đất Tống. Một đạo quân gồm binh lính địa phương vùng biên giới phía bắc do các tướng lĩnh người dân tộc thiểu số: Tôn Đản, Lưu Kỳ, Hoàng Kim Mãn, Thân Cảnh Phúc, Vi Thủ An, chỉ huy tiến công diệt các đồn trại quân Tống ở biên giới rồi tiến về Ung Châu. Đạo quân chủ lực do Lý Thường Kiệt chỉ huy tập trung ở Vĩnh An (Móng Cái, Quảng Ninh) dùng thuyền vượt biển đánh chiếm Khâm Châu, Liêm Châu tiến đến hợp quân với đạo quân đi đường bộ vây đánh thành Ung Châu. Trên đường tiến quân, Lý Thường Kiệt cho phân phát các bản Lộ bố nói rõ mục đích của quân ta là đánh bọn thống trị tàn ác, giải phóng dân khỏi cực khổ, lầm than nên không những không bị dân Tống chống lại mà còn được hoan nghênh ủng hộ. Đến lúc này triều Tống mới được tin báo, vội cho một vạn quân xuống ứng cứu nhưng đến ải Côn Lôn (phía bắc Ung Châu) đã bị quân Đại Việt do Lý Thường Kiệt mai phục sẵn ở đây tiêu diệt.

Sau 42 ngày vây hãm, chiến đấu gan dạ, mưu trí, ngày 1 - 3 - 1076, quân ta đã chiếm được Ung Châu, căn cứ chính rất kiên cố của quân Tống. Quân ta đã đốt phá kho tàng, phá huỷ thành lũy, lấy đá lấp sông để ngăn chặn đường thuỷ của địch. Mục tiêu cuộc tiến công đã hoàn thành thắng lợi. Trong khi triều Tống đang lúng túng chưa kịp phản ứng thì tháng 4 - 1076, quân ta đã chủ động nhanh chóng rút quân về nước.

Cuộc tập kích chiến lược này thể hiện tư tưởng tiên phát chế nhân, lấy tiến công để tự vệ của Lý Thường Kiệt. Đây là cuộc tập kích chiến lược đầu tiên và cũng là duy nhất trong lịch sử chống xâm lược phương Bắc. Cuộc tập kích đã kích thích sĩ khí quân dân ta, chủ động chuẩn bị cuộc kháng chiến. Trái lại, lực lượng xâm lược Tống đã bị tiêu hao suy yếu một phần do thất trận, mâu thuẫn nội bộ bị khoét sâu, do đó mất thế chủ động trong chiến tranh.

Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt dàn thế trận kháng chiến. Qua cuộc tập kích sang đất Tống và các tin tức do thám, Lý Thường Kiệt biết chắc quân xâm lược sẽ vào theo hướng bắc và đông bắc rồi tiến đến mục tiêu chính là chiếm kinh thành Thăng Long. Trên những con đường tiến quân của địch, ông bố trí các lực lượng quân địa phương cùng dân binh làm nhiệm vụ kiểm chế và tiêu hao địch. Tại bờ nam sông Như Nguyệt (đoạn sông Cầu từ Ngã ba sông Cà Lồ và sông Cầu, thuộc làng Như Nguyệt, xã Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh) đến Phả Lại (Chí Linh, Hải Dương), ông cho xây dựng một phòng tuyến vững chắc, chặn đứng mọi đường tiến quân của địch xuống Thăng Long. Phía trước là dòng sông rộng, ven bờ có nhiều tầng cọc tre, rào tre tạo thành bãi chướng ngại vật; trên bờ dựng lũy đất cao có binh lính với vũ khí trang bị đánh quân đổ bộ túc trực ngày đêm. Trên hướng đường thủy đông bắc, một đạo thủy quân trấn giữ vùng duyên hải để ngăn chặn thủy binh địch, còn đại bộ phận thủy binh đóng ở Vạn Xuân (Phả Lại) cơ động đánh địch trên các hướng. Đại quân do Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy đóng phía sau chiến lũy, vùng Từ Sơn (Bắc Ninh) chỉ huy, tiếp ứng và tiến công, phòng thủ trên cả hai hướng thủy, bộ.

Cuối năm 1076, Tống Thần Tông và tể tướng Vương An Thạch hạ lệnh điều 30 vạn bộ binh và một đạo thủy quân do Quách Quỳnh làm chánh tướng và Triệu Tiết làm phó tướng xuất quân đánh nước ta. Với lực lượng mạnh, các mũi tấn công tập trung nên quân Tống đã vượt qua các lực lượng đánh ngăn chặn của quân ta ở vùng biên giới, nhanh chóng tiến đến bờ bắc sông Như Nguyệt. Bị phòng tuyến Như Nguyệt chặn lại, quân Tống rải quân đóng trên trận tuyến dài 30 km từ bến đò Như Nguyệt đến chân núi Nham Biền (Việt Yên, Bắc Giang).

Lợi dụng quân đông với chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, đầu năm 1077, Quách Quỳnh cho bắc cầu phao tổ chức vượt sông đột phá phòng tuyến quân ta ở bến đò Như Nguyệt nhưng bị đánh bại. Quách Quỳnh chờ thủy quân đến, có phương tiện vượt sông và phối hợp thủy bộ tiến công nhưng đạo thủy quân Tống đến bờ biển Quảng Ninh đã bị thủy quân ta do tướng Lý Kế Nguyên đánh cho tan tác, số tàn quân phải nằm lại ngoài đảo. Chờ thủy quân không được, Quách Quỳnh ra lệnh đóng bè chở quân đổ bộ sang bờ nam sông Như Nguyệt nhưng phương tiện vượt sông có hạn, quân sang lại khó vượt qua bãi chướng ngại, quân Tống vượt sông bị tiêu diệt hoàn toàn. Cuộc tiến công lần thứ hai thất bại thảm hại. Muốn đánh cũng không được, Quách Quỳnh phải ra lệnh: Ai bàn đánh sẽ bị chém nhưng đóng lại cũng không xong, bị quân ta tiến công, tập kích, phục kích, cắt đường vận chuyển, lương thực thiếu thốn, doanh trại tạm bợ, thủy thổ không hợp, bệnh dịch hoành hành, quân Tống ở vào tình thế lúng túng, bị động, chỉ lo cố thủ.

Tháng 2 - 1077, Lý Thường Kiệt chủ trương phản công chiến lược. Thủy quân ta vượt sông đánh mạnh vào trận địa ở Nham Biễn, vừa tiêu diệt một bộ phận quân địch vừa nghi binh thu hút địch chú ý vào hướng này, sau đó rút lui. Đồng thời, đại quân ta do Lý Thường Kiệt chỉ huy vượt sông bất ngờ đánh vào cánh quân Triệu Tiết, tiêu diệt quá nửa số quân Tống ở đây ước tính vài vạn tên. Sau trận này, quân Tống lâm vào tình trạng quần bách, quân tướng đều mệt mỏi, tinh thần sa sút. Nắm tình hình đó, Lý Thường Kiệt chủ trương kết thúc chiến tranh để không nhọc tướng tá, khỏi tổn xương máu mà bảo toàn được tôn miếu. Ông chủ động điều đình mở lối thoát cho địch. Cuộc thương lượng giảng hoà để quân Tống rút lui về nước nhanh chóng được hai bên thoả thuận.

Tháng 3 - 1077, quân Tống rút chạy về nước trong cảnh hỗn loạn.

Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai thắng lợi hoàn toàn. Trong cuộc chiến tranh xâm lược, nhà Tống tiêu tốn 5.190.000 lạng vàng. Quân chiến đấu 10 vạn khi trở về chỉ còn 23.400 người,

1 vạn ngựa chỉ còn 3.174 con. Kể cả thiệt hại trong trận tập kích chiến lược của ta thì số binh lính và dân phu lên đến 30 vạn, ý chí xâm lược của nhà Tống tiêu tan, 200 năm sau nhà Tống còn tồn tại nhưng không dám nói đến việc xâm lược nước ta một lần nữa.

Cuộc kháng chiến chống Tống đời Lý có vị trí đặc biệt trong lịch sử chiến tranh chống ngoại xâm cũng như lịch sử phát triển của dân tộc ta. Dựa vào sự đánh giá đúng đắn tương quan thế lực giữa ta với địch, tạo thời cơ chủ động sáng tạo trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh kết hợp với tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh tự vệ, lòng nhân ái khoan dung của dân tộc ta thể hiện rõ rệt trong giải quyết giữa đánh và đàm. Đánh cho quân địch thiệt hại nặng, đè bẹp ý chí xâm lược của chúng rồi chủ động thương lượng, đuổi quân địch ra khỏi đất nước ta, kết thúc chiến tranh, khôi phục nền độc lập. Truyền thống vừa đánh vừa đàm trong chiến tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta bắt đầu từ đây.

Cuộc kháng chiến chống Tống đời Lý còn có bước phát triển mới về ý chí độc lập tự chủ, quyền bình đẳng và bất khả xâm phạm dân tộc ta qua bài thơ bất hủ như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, tương truyền của Lý Thường Kiệt:

*"Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thu
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khang thủ bại hư"*

Được dịch là:

*"Sông núi nước Nam, vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Có sao lũ giặc sang xâm phạm*

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời"

3. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất (1258)

Vào đầu thế kỷ XIII, trên đất nước Mông Cổ ngày nay hình thành một quốc gia quân sự độc tài của cư dân chăn nuôi, thạo cưỡi ngựa, bắn cung, quen sống du mục hoang sơ trên vùng thảo nguyên rộng lớn. Với lực lượng quân sự mạnh, dựa trên những đạo kỵ binh thiện chiến, các vua chúa Mông Cổ đã lao vào cuộc chiến tranh chinh phục khủng khiếp. Trong vòng nửa thế kỷ, Thành Cát Tư Hãn và các vua chúa Mông Cổ với đoàn quân viễn chinh khét tiếng tàn bạo, cách tấn công ào ạt, chớp nhoáng đánh đâu thắng đó đã chinh phục hết quốc gia này đến quốc gia khác, thành lập một đế quốc Mông Cổ rộng lớn từ bờ biển Đông Á Thái Bình Dương đến tận Hắc Hải. Cả châu Á và châu Âu bao trùm bóng đen xâm lược của Mông Cổ.

Nước Đại Việt cũng không nằm ngoài bối cảnh chung đó.

Từ năm 1226, triều Trần được thiết lập, chấm dứt cuộc khủng hoảng suy tàn cuối triều Lý. Triều Trần đảm nhận sứ mệnh đẩy mạnh công cuộc dựng nước và chăm lo quốc phòng đối phó với nạn ngoại xâm.

Năm 1252, chúa Mông Cổ sai Hốt Tất Liệt và Ngột Lương Hợp Thai đánh chiếm nước Đại Lý (Vân Nam, Trung Quốc). Năm 1257, Ngột Lương Hợp Thai được lệnh đem một đạo quân từ Vân Nam đánh chiếm Đại Việt để mở một gọng kìm vu hồi đánh vào phía nam nước Nam Tống. Trước khi xuất quân, Hốt Tất Liệt là em trai chúa Mông Cổ Mông Kha và là tổng chỉ huy đạo quân phía nam sai sứ sang đòi vua Trần đầu hàng. Vua Trần Thái Tông và triều đình đã tống giam kẻ đại diện đế quốc Mông Cổ và tổ chức toàn dân gấp rút chuẩn bị kháng chiến. Trần Quốc Tuấn dẫn một lực lượng lên bố trí ở vùng biên giới. Đại quân ta do vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy lập lên phòng tuyến ở Bình Lệ Nguyên (Việt Trì, Vĩnh Yên) chặn đường tiến quân của quân địch từ Vân Nam theo đường Lào Cai xuống Thăng Long.

Đầu năm 1258, quân Mông Cổ vượt biên giới vào nước ta. Đạo quân địch gồm khoảng 3 vạn tên, có lực lượng kỵ binh thiện chiến làm nòng cốt nhanh chóng tiến được xuống Bình Lệ Nguyên. Sau một trận chiến đấu ác liệt, quân ta bất lợi, không thể ngăn chặn được quân giặc. Theo mưu kế của Lê Tần, quân ta rút về Phù Lỗ (Đông Anh, Hà Nội), phá cầu Phù Lỗ và lập trận tuyến phòng ngự ở bờ nam sông Cà Lồ để chặn địch. Quân Mông Cổ tiếp tục tiến công mạnh. Vua Trần cùng đại quân phải rút về Thăng Long. Trước thế mạnh của giặc, triều Trần thực hiện cuộc rút lui chiến lược để bảo toàn lực lượng, triều đình và đại quân rút về vùng Thiên Mạc (Khoái Châu, Hưng Yên). Nhân dân Thăng Long cũng rời kinh đô, tản cư về vùng nông thôn. Quân giặc vào được Thăng Long, một toà thành trống rỗng, không người, không của. Chúng tàn phá Thăng Long nhưng không dám tiến công tiếp vì không biết chủ lực quân ta ở đâu, mở rộng chiếm đóng thì quân số có hạn. Lương thực mang theo đã hết, nguồn tiếp tế vốn không được phòng bị cho cách đánh nhanh thắng nhanh, trông chờ cướp lương để ăn thì không có. Tình thế khó khăn bết tắc, kế hoạch rút lui chiến lược phát huy hiệu quả. Thời cơ phản công đã đến.

Ngày 29-1-1258, quân ta ngược sông Hồng bất ngờ tiến công quyết liệt vào Đông Bộ Đầu (bến sông Hồng ở Thăng Long). Quân giặc bị thiệt hại nặng vội rút lui chạy khỏi Thăng Long theo con đường ven sông Hồng mà chúng vừa tiến xuống. Chạy đến Quy Hoá (Phú Thọ, Yên Bái), bị bộ phận quân chủ lực của ta bố trí chặn địch từ đầu cuộc chiến tranh còn ếm tại đây phối hợp cùng dân binh địa phương do tù trưởng Hù Bồng chỉ huy đón đánh quân địch bị thiệt hại thêm, Ngột Lương Hợp Thai cùng đám tàn quân không dám đánh lại chỉ lo chạy tháo thân về Vân Nam.

Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất thắng lợi.

4. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai (1285)

Sau khi tiêu diệt nhà Nam Tống, thôn tính toàn Trung Quốc, Hốt Tất Liệt lên làm vua lập ra triều Nguyên (1271). Đây là đế quốc lớn mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Với thế và lực mới, Hốt Tất Liệt quyết tâm xâm lược lại Đại Việt, một đất nước có vị trí đặc biệt quan trọng trên con đường bành trướng xuống phía nam của nhà Nguyên.

Đánh giá được âm mưu và hành động chuẩn bị chiến tranh của nhà Nguyên, triều Trần cũng lãnh đạo toàn dân khẩn trương triển khai kế sách chống xâm lược. Năm 1282, vua Trần Nhân Tông triệu tập Hội nghị Bình Than (vùng hiểm yếu sông Lục Đầu) gồm các vương hầu, tướng lĩnh, hạ quyết tâm và bàn kế đánh giặc. Sau đó, đầu năm 1285, vua Trần lại mở hội nghị Diên Hồng triệu các bô lão - đại diện nhân dân ở các địa phương về triều đình để thống nhất quyết tâm kháng chiến và động viên toàn dân đánh giặc. Khí thế sát thát náo nức trong toàn dân, toàn quân. Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội. Ông đã ra lời kêu gọi hịch tướng sĩ - một áng hùng văn bất hủ có ý nghĩa lớn khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào và ý thức trách nhiệm của người chiến binh trước sự mất còn của dân tộc. Các vương hầu hăng hái mộ quân, luyện tập sẵn sàng theo mệnh lệnh của triều đình. Các địa phương, dân binh được tăng cường, luyện tập, rào làng chiến đấu. Nhân dân phối hợp với quân đội chuẩn bị trận địa và cất giấu lương thực để làm kế thanh dã - vườn không nhà trống.

Nhiều cuộc duyệt binh và diễn tập lớn được tổ chức ở kinh thành và những nơi xung yếu.

Nắm được tình hình điều động lực lượng và dự đoán kế hoạch tiến công của địch, quân ta cũng triển khai thế trận phòng thủ. Trên hướng bắc, Trần Quốc Tuấn trực tiếp chỉ huy một lực lượng chủ lực lớn đối đầu với lực lượng chính của địch. Trên hướng tây bắc, Trần Nhật Duật - vị tướng thuộc địa hình, phong tục tập quán vùng này, chỉ huy một đạo quân nhằm ngăn chặn quân Nguyên từ Vân Nam tiến sang. Ở phía nam, thượng tướng thái sư Trần Quang Khải trực tiếp chỉ huy một đạo quân trấn giữ ở vùng Nghệ An, Hà Tĩnh chặn đường đạo quân Nguyên đánh lên từ phía nam. Việc chuẩn bị với quy mô lớn, nghiêm cẩn và chủ động. Xem cách bố phòng diễn biến chiến tranh, ta có thể thấy Trần Quốc Tuấn chủ trương rút lui chiến lược rồi phản công chiến lược đánh tan quân địch.

Đầu năm 1285, 60 vạn quân Nguyên do con trai Hốt Tất Liệt là Trấn Nam vương Thoát Hoan làm tổng chỉ huy cùng lúc tiến đánh nước ta. Ở phía Bắc, 50

vạn quân chia làm hai hướng: hướng bắc đạo quân chủ lực do Thoát Hoan chỉ huy từ Quảng Tây tiến vào Lạng Sơn. Hướng tây bắc theo sông Chảy đánh vào Yên Bái. ở phía Nam, 10 vạn quân do Toa Đô chỉ huy từ Chăm-pa tiến ra.

Cánh quân Thoát Hoan đánh các đồn biên giới, vào Lộc Bình (Lạng Sơn), theo đường Lạng Sơn - Thăng Long, đánh xuống Chi Lăng. Trước thế mạnh của giặc, Trần Quốc Tuấn chỉ huy đánh cản địch một số trận rồi rút dần về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương) - vùng hiện nay có đền Vạn Kiếp thờ Trần Hưng Đạo, một di tích lịch sử, một danh thắng, nhân dân cả nước thường đến viếng quanh năm. Thoát Hoan lại tiến đến Vạn Kiếp. Trần Quốc Tuấn đánh một trận nữa rồi theo đường sông rút về Thăng Long, sau đó rút khỏi Thăng Long về Trường Yên (Ninh Bình) và Thiên Trường (Nam Định). Quân địch vào Thăng Long rồi tiếp tục đánh xuống Trường Yên và Thiên Trường.

Cánh quân Naxirút Đin vào theo đường sông Chảy. Trần Nhật Duật đánh chặn ở vùng Yên Bái rồi rút về Bạch Hạc, sau đó về hợp quân ở vùng Nam Định, Ninh Bình.

Cánh quân phía nam của Toa Đô tiến được ra Nghệ An. Quân ta đánh một số trận nhưng không cản được địch, Trần Quang Khải phải rút về Thanh Hoá. Địch đánh Thanh Hoá rồi tiến ra Trường Yên. Trước tình thế bị đánh úp bằng hai gọng kìm Bắc - Nam, thoát khỏi vòng vây để bảo toàn lực lượng, tạo và đón thời cơ phản công, Trần Quốc Tuấn cho một bộ phận nghi binh lên hoạt động ở vùng Đông Bắc thu hút sự chú ý của địch còn đại quân triều đình thì vòng vào trấn giữ Thanh Hoá làm căn cứ. Đến đây, cuộc rút lui chiến lược của ta đã hoàn thành. Âm mưu bao vây tiêu diệt quân chủ lực và bộ máy đầu não đất nước ta của quân Nguyên đã bị thất bại.

Thoát Hoan chia quân đóng giữ những vị trí quan trọng và lập các trạm liên lạc với nhau. Quân chủ lực ta phối hợp với dân binh tổ chức đánh du kích ở vùng địch chiếm tạo thế và chuẩn bị phản công. Quân Nguyên bị tiêu hao, mỗi mệt, bị triệt đường tiếp lương, lại gặp mùa viêm nhiệt đến, ốm đau dịch bệnh phát sinh, đánh, giữ đều khó.

Nắm bắt thời cơ, tháng 5 - 1285, Trần Quốc Tuấn tổ chức phản công. Một loạt trận đánh lớn từ Trường Yên ra đến Thăng Long. Đó là các trận A Lỗ (Nam Định), Tây Kết, Hàm Tử (bờ sông Hồng thuộc địa phận Hưng Yên), Chương Dương (Thường Tín, Hà Tây) phá vỡ tuyến phòng ngự dọc sông Hồng và đánh vào Thăng Long. Thoát Hoan phải rút chạy về Vạn Kiếp. Tại Vạn Kiếp quân ta đã bố trí một trận đánh lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Thoát Hoan cùng đám bại quân chạy về hướng Lạng Sơn. Tại đây phục binh ta lại đổ ra bao vây đánh tiêu diệt. Nhiều tướng lĩnh và binh lính tử trận.

Thoát Hoan phải chui vào ống đồng để tránh tên độc cho quân lính khiêng chạy mới thoát chết về đến bên kia biên giới.

Đám quân Naxirút Đin còn lại tháo chạy về biên giới. Đến vùng Phú Thọ lại bị thổ binh (dân binh các dân tộc ít người) do Hà Đặc, Hà Thương chỉ huy chặn đánh tổn thất nặng.

Đạo quân Toa Đô từ Trường Yên theo đường biển vào sông Hồng định đến Thăng Long hội quân với Thoát Hoan, nhưng đến Tây Kết thì bị quân ta tiến công tiêu diệt phần lớn, Toa Đô tử trận.

Sau gần 6 tháng chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt và quét sạch đạo quân xâm lược lớn ra khỏi bờ cõi. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai thắng lợi hoàn toàn.

Trần Quang Khải đã làm bài thơ mừng thắng trận:

“Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái Bình nên gắng sức

Non nước ấy nghìn thu”

5. Cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ ba (1285 - 1288) - Chiến thắng Bạch Đằng lần thứ ba

Một quân đội đánh đâu thắng đó, được coi là không có đối thủ mà hai lần bị thảm bại bởi nước Đại Việt nhỏ bé ở kề bên khiến cho Hốt Tất Liệt hết sức cay cú. Đang là hoàng đế một đế quốc mạnh nhất trong lịch sử Nguyên Mông, rộng lớn và cường thịnh nhất thế giới lúc đó, Hốt Tất Liệt vốn hiếu chiến và kiêu căng quyết định chuẩn bị một cuộc xâm lược đối với Đại Việt vừa để huỷ diệt quốc gia ngang bướng hỗn xược này, vừa là để rửa nhục, giữ thể diện với các nước khác. Tuy nhiên lần này nhà Nguyên cũng không dám khinh suất. Để tập trung đánh Đại Việt, Hốt Tất Liệt ra lệnh bãi bỏ kế hoạch xâm lược Nhật Bản đang được chuẩn bị. Triều Nguyên huy động gần 50 vạn quân và lại giao cho Thoát Hoan, người nắm được nhiều tình hình Đại Việt, đã có kinh nghiệm lần xâm lược trước chỉ huy để lập công chuộc tội. Tuy quân số lần này chỉ gần bằng lần trước nhưng tinh nhuệ hơn. Đặc biệt nhà Nguyên thấy rằng trên chiến trường Đại Việt, kỵ binh quân Nguyên không phát huy được sức mạnh, trong khi đó thủy quân là điểm mạnh của Đại Việt luôn làm cho quân Nguyên không sao chống đỡ nổi. Chính vì lẽ đó, quân Nguyên đã điều động lực lượng thủy quân chuẩn bị vượt biển đánh Nhật Bản dùng vào việc đánh Đại Việt.

Về phía Đại Việt, sau chiến thắng năm 1285, nhân dân cả nước ra sức lao động hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hoá thì tin tức về một cuộc xâm lược mới của nhà Nguyên lại được truyền đến. Được kinh nghiệm và khí thế hai lần chiến tranh trước cổ vũ, cả triều đình và quân dân ta chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến với tinh thần chủ động và tự tin cao. Trần Quốc Tuấn, nhà quân sự thiên tài một lần nữa lãnh trách nhiệm tổng chỉ huy quân đội đã nói với vua Trần: quân ta đã quen đánh trận, quân địch thì từ xa đến, lại bị ảnh hưởng lần thất bại trước, không có chí chiến đấu, tất thế nào ta cũng phá được chúng. Khi quân Nguyên đến biên giới, ông còn nhận định: “Năm nay giặc đến dễ đánh”.

Tháng 12 - 1287, quân bộ binh (gồm cả kỵ binh) do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy từ Quảng Tây vào Lạng Sơn hướng tới Vạn Kiếp.

Một đạo bộ binh do Ái Lỗ chỉ huy từ Vân Nam theo đường sông Hồng tiến vào hướng xuống Thăng Long.

Đạo thủy binh gồm 600 chiến thuyền do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp cùng chỉ huy từ Khâm Châu (Quảng Đông) vượt biên giới vào sông Bạch Đằng, tiến vào Vạn Kiếp, hội quân cùng Thoát Hoan để đánh vào Thăng Long.

Rút kinh nghiệm các lần xâm lược trước, lần nào quân Nguyên cũng bị thiếu lương thực - nhân tố thiết yếu bảo đảm sự sống và chiến đấu của quân đội, lần này chúng tổ chức hẳn một đoàn thuyền lớn gồm 70 vạn斛 (khoảng hàng vạn tấn) do Trương Văn Hổ chỉ huy đi cùng đạo thủy quân.

Như vậy, ở cả ba hướng, ba đạo quân đều hướng tới hợp lực đánh chiếm Thăng Long. Vua Nguyên còn căn dặn các tướng là phải hành động hết sức thận trọng: “Không được cho Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường”.

Trên hướng Lạng Sơn và hướng sông Hồng, quân ta theo kế hoạch vừa chặn đánh để kiểm chế và tiêu hao lực lượng địch vừa rút dần để bảo toàn lực lượng. Quân Thoát Hoan xuống đóng được ở Vạn Kiếp, quân Ái Lỗ cũng xuống dần đến Thăng Long.

Trên hướng biển Đông Bắc, thủy binh địch đến cửa sông Bạch Đằng. Thủy binh ta do Trần Khánh Dư chỉ huy chặn đánh nhưng bị tổn thất, Ô Mã Nhi tiến nhanh vào Vạn Kiếp. Không chặn được thủy binh địch nhưng Trần Khánh Dư vẫn bám giữ vùng ven biển. Biết đoàn thuyền lương Trương Văn Hổ chở nặng thì đi chậm, không có thủy binh yểm trợ đang đi vào, Trần Khánh Dư bố trí trận địa mai phục ở Vân Đồn đón đánh tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương Trương Văn Hổ.

Thoát Hoan cùng Ô Mã Nhi hội quân được ở Vạn Kiếp, chúng cho xây dựng ở đây một căn cứ quân sự, một hậu cứ trung tâm trọng yếu. Tháng 12 - 1287, quân thủy bộ Nguyên tiến về Thăng Long, đạo quân Ái Lỗ cùng đến Thăng Long. Triều đình và đại quân ta đã chủ động rút khỏi Thăng Long bảo toàn lực lượng rút về vùng hạ lưu sông Hồng. Quân Nguyên vào Thăng Long nhưng cũng lại là một toà thành trống rỗng. Thoát Hoan cho quân tìm đuổi triều đình và quân chủ lực ta nhưng vì không thấy mà bị chặn đánh quyết liệt nên phải rút về Thăng Long. Đến đây, chiến lược đánh nhanh thắng nhanh bị phá sản, quân Nguyên lại lâm vào tình trạng đánh không được, giữ không xong, vừa bị bao vây cô lập, vừa bị tập kích, phục kích khắp nơi, lương thực thiếu thốn, bệnh dịch phát sinh. Chờ mãi không thấy đoàn thuyền lương Trương Văn Hổ, Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi đem một đội thủy binh ra biển đón thuyền lương. Ra đến cửa biển, Ô Mã Nhi mới biết đoàn thuyền lương Trương Văn Hổ đã bị diệt, hẳn đành quay lại Vạn Kiếp. Ở Thăng Long, đại bản doanh Thăng Long đứng trước nguy cơ bị tiến công tiêu diệt như lần trước, Thoát Hoan phải rút khỏi Thăng Long kéo về Vạn Kiếp.

Đại quân ta dưới sự thống lĩnh của vua Trần và sự chỉ huy trực tiếp của Trần Quốc Tuấn di chuyển về vùng Đông Bắc chuẩn bị những trận địa lớn để tiêu diệt quân xâm lược.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, Thoát Hoan tìm cách bỏ chạy. Quân Nguyên chia làm hai đạo. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp chỉ huy đạo thủy binh có cả bộ binh đi cùng theo hướng sông Bạch Đằng rút chạy trước. Đây cũng là mưu kế thoát thân của Thoát Hoan. Cánh quân rút trước sẽ thu hút lực lượng quân ta. Sau đó bộ binh do Thoát Hoan chỉ huy sẽ nhanh chóng rút chạy theo đường bộ qua Lạng Sơn về nước. Ở cả hai hướng quân ta đã chủ động dàn thế trận đón địch.

Sông Bạch Đằng lại được chọn làm điểm quyết chiến chiến lược. Trên sông Bạch Đằng, đoạn từ ghềnh Cốc, núi Tràng Kênh đến các ngã ba sông Chanh, sông Kênh, sông Rút, Trần Quốc Tuấn cho bố trí những trận địa cọc ngầm quy mô lớn, khi thủy triều xuống sẽ trở thành những bãi cản, thuyền lớn không thể vượt qua để ra bể. Hai bên bờ sông và các lạch, các sông nhánh thuộc đất hai huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) và Yên Hưng (Quảng Ninh), bộ binh, thủy binh của ta mai phục đông và mạnh với nhiều loại vũ khí uy lực lớn.

Cuối tháng 3, đạo quân Nguyên đi đường thủy bắt đầu rút theo đường sông Kinh Thầy ra sông Bạch Đằng. Trên bờ tả ngạn có một toán kỵ binh do Trình Bằng Phi chỉ huy đi hộ tống. Toán kỵ binh này trên đường bị ta phá cầu và đánh chặn nên phải quay lại Vạn Kiếp.

Sáng ngày 9 - 4 - 1288, đoàn thuyền địch bắt đầu vào sông Bạch Đằng, một đội chiến thuyền nhẹ của ta đón đường khiêu chiến rồi giả thua chạy về phía hạ lưu. Đoàn thuyền địch đuổi theo, thuyền ta nhỏ nhẹ đã nhanh chóng cơ động vào các lạch bên sông. Lúc bấy giờ thủy triều đang xuống, nước chảy mạnh, thuyền chiến địch đang lao nhanh ra biển, bất ngờ bị bãi cọc chặn lại, thuyền chiến to, nặng, không xoay trở được, nhiều chiếc bị vỡ đắm, đội hình dôn lại. Lúc đó, từ hai bên bờ, các lạch sông, quân ta với khí thế "sát thát" đổ ra đánh hết sức quyết liệt. Những bè lửa được thả trôi xuống đốt cháy quân địch, tên độc bắn xuống như mưa, các thuyền chiến nhỏ, nhẹ, cơ động với đội thủy binh tinh nhuệ thiện chiến, quân địch không sao chống đỡ nổi. Chiến trận xảy ra trọn ngày 9 - 4. Toàn bộ thủy bộ của Ô Mã Nhi bị tiêu diệt. Các tướng giặc như Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, đều bị bắt sống. Riêng số thuyền chiến ta thu được đã là 400 chiếc, không kể số bị vỡ đắm.

Chiến thắng Bạch Đằng lần thứ ba là trận quyết chiến chiến lược của cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ ba. Đây là trận đánh có quy mô lớn, được chuẩn bị công phu với nghệ thuật tác chiến tài giỏi, chỉ trong một ngày tiêu diệt gọn cả một đạo quân hàng chục vạn tên. Đạo bộ binh của Thoát Hoan rút lui theo đường Lạng Sơn, quân dân ta đã chiếm lĩnh các vị trí hiểm yếu chặn đánh địch ở các ải Nội Bàng, Nữ Nhi, Khuu Cấp (thuộc trục đường Bắc Giang - Lạng Sơn). Quân Nguyên bị tổn thất nặng nề, đám tàn quân may thoát chết chạy được về Quảng Tây. Ngày 19-4-1288 Thoát Hoan giải tán nốt số quân bại trận này. Thế là gần 50 vạn quân chủ lực, một bộ phận quan trọng trong quân lực triều Nguyên bị xoá sổ.

Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ ba thắng lợi rực rỡ, kết thúc mưu đồ xâm lược của nhà Nguyên.

6. Chiến tranh Việt - Chămpa (thế kỷ XI - XVII)

Vào thế kỷ thứ VII, VIII ở vùng Trung Trung Bộ ngày nay ra đời nước Chămpa (còn gọi Chiêm Thành), cư dân chủ yếu là người Chăm. Nhân dân hai nước Chămpa và Đại Việt đã có quan hệ giao lưu kinh tế văn hoá lâu đời, từng đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung. Tuy nhiên, chính quyền phong kiến thống trị hai nước đã nhiều lần gây ra những cuộc chiến tranh giữa hai nước.

Giữa thế kỷ XI, nhà Tống chuẩn bị xâm lược Đại Việt, đã cho sứ giả xuống xúi giục quốc vương Chămpa quấy rối biên giới phía nam nước Đại Việt để Đại Việt phải phân tán lực lượng đối phó với cả hai mặt Bắc - Nam. Để loại trừ mối uy hiếp từ phía nam, yên tâm lo việc phương Bắc, phá âm mưu liên kết của nhà Tống với Chămpa, năm 1069, vua Lý và Lý Thường Kiệt chỉ huy một đạo quân tiến vào đất Chămpa, đánh phá kinh thành Chà Bàn (An Nhơn, Bình Định), đánh tan lực lượng quân sự Chămpa, bắt vua Chămpa phải cắt đất ba châu (Quảng Bình, Bắc Quảng Trị) cho nhà Lý, sau đó quân rút về nước.

Cuối thế kỷ XIII, đầu thế kỷ XIV, nhiều cuộc xung đột xảy ra giữa Đại Việt và Chămpa. Năm 1306, vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chămpa, vua Chămpa dâng hai châu Ô Lý (Quảng Trị, Thừa Thiên). Biên giới nước Đại Việt ở phía nam đến đèo Hải Vân.

Vào nửa sau thế kỷ XIV, nhân nhà Trần suy yếu, quốc vương nổi tiếng của Chămpa là Chế Bồng Nga mở nhiều cuộc tiến công đánh phá vùng biên giới Đại Việt rồi đánh ra Châu Diên (Nghệ An), Châu Ái (Thanh Hoá), có lần tiến theo sông Hồng đánh vào tận Thăng Long. Triều Hồ Quý Ly đã ba lần tiến đánh Chămpa, chiếm đất lập thành lộ Thăng Hoa (Quảng Nam, Quảng Ngãi). Năm 1446 - 1447, nhà Lê hai lần tiến đánh Chămpa. Lần thứ hai, sau thắng trận, nhà Lê chiếm một phần đất Chămpa cùng với lộ Thăng Hoa lập thành đạo Quảng Nam (gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), mở rộng biên giới đến đèo Cù Mông.

Cũng như thế kỷ XV, các thế lực thống trị Chămpa xung đột tranh chấp nhau, chia nước Chămpa thành ba nước nhỏ. Sang thế kỷ XVII, họ Nguyễn xây dựng thế lực ở Đàng Trong, các chúa Chămpa nhiều lần cầu cứu họ Nguyễn để đánh lẫn nhau. Nhân đó, họ Nguyễn lần chiếm dần phần đất Chămpa nhân dân Chăm trở thành một thành phần của dân tộc Việt Nam, sống hoà hợp với các thành phần dân tộc khác.

7. Cuộc kháng chiến chống Minh đời Hồ Quý Ly (1406 - 1407)

Vào cuối thế kỷ XIV, triều Trần mục nát, Hồ Quý Ly - một đại vương có thế lực mạnh trong triều ép vua Trần nhường ngôi cho mình, lập ra triều Hồ vào năm 1400. Hồ Quý Ly là người táo bạo, ông đã thực hiện một số cải cách về chính trị, kinh tế, xã hội nhưng cũng chỉ là nhằm cứu vãn sự sụp đổ của Nhà nước phong kiến và củng cố địa vị của dòng họ mình, không giải quyết được những mâu thuẫn gay gắt của xã hội đương thời. Ông lại mưu đồ cướp ngôi nhà Trần, một triều đại đã có nhiều công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc nên ông mất lòng dân. Thế lực của đất nước suy yếu. Bấy giờ ở Trung Quốc, nhà Minh đang

cường thịnh. Lợi dụng tình hình không ổn định ở Đại Việt, Minh Thành Tổ quyết định đưa quân sang xâm lược.

Ngày 19 - 11 - 1406, Trương Phụ thống lĩnh gần 50 vạn quân, trong đó có trên 20 vạn quân chiến đấu tiến vào nước ta. Trước đó triều Hồ đã cho chuẩn bị kháng chiến. Nhưng chiến lược của nhà Hồ là tăng cường số lượng quân thường trực, sắm sửa nhiều vũ khí tốt và xây dựng các tuyến phòng thủ, lấy đó để dàn trận đối đầu với địch. Hồ Quý Ly có ý định xây dựng một quân đội đến một triệu người, chắc chắn rằng ông chưa thực hiện được. Vũ khí của nhà Hồ có loại súng thần cơ do Hồ Nguyên Trừng chỉ huy chế tạo tốt hơn súng của nhà Minh. Hồ Quý Ly cũng cho cấm cọc gỗ, chằng xích sắt ở các cửa sông hiểm yếu. Một phòng tuyến quy mô lớn được xây dựng từ núi Tản Viên (Hà Tây) theo bờ nam sông Đà, sông Hồng xuống Nam Định rồi lại theo sông Luộc, sông Thái Bình sang Bình Than trên sông Lục Đầu dài khoảng 400 km. Thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Tây) được coi là cứ điểm then chốt của phòng tuyến.

Quân Minh nhanh chóng vượt qua các trận đánh chặn của quân Hồ, hội quân trước tuyến phòng thủ Đa Bang và công phá Đa Bang. Ngày 20 - 11 - 1407, thành Đa Bang bị hạ, tuyến phòng thủ tan vỡ, quân Hồ tổn thất nặng, rút về Thăng Long rồi lại rời Thăng Long về giữ vùng hạ lưu sông Hồng (Nam Định). Quân Minh vào Thăng Long rồi đuổi tiếp xuống phía nam nhưng bị đánh lại quyết liệt, phải về đóng ở Hàm Tử.

Tháng 4 - 1407 quân Hồ tổ chức phản công lớn nhưng bị mai phục, tổn thất nặng phải rút chạy vào Thanh Hoá. Quân Minh thừa thắng truy kích gắt gao. Tháng 6 - 1407, Hồ Quý Ly cùng triều đình bị bắt ở Kỳ Anh (Hà Tĩnh)

Cuộc kháng chiến chỉ kéo dài được nửa năm. Đất nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Minh. Cuộc kháng chiến thất bại để lại nhiều hạn chế và sai lầm. Hạn chế vì đất nước đang khủng hoảng, triều Hồ mới lên chưa kịp khắc phục. Hạn chế vì mất lòng dân, những hạn chế đó là một nguyên nhân khiến Hồ Quý Ly mắc sai lầm về chiến lược quân sự. Ông không thể dựa vào dân, phát động cuộc chiến tranh toàn dân rộng lớn chống kẻ thù. Hồ Nguyên Trừng đã nói với vua cha: "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo". Hồ Quý Ly khen câu nói thể hiện được điều cốt yếu đó. Dù sao triều Hồ cũng phải chịu trách nhiệm trước lịch sử.

8. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)

Cuộc kháng chiến do triều Hồ lãnh đạo bị thất bại nhưng cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta vẫn tiếp tục với nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ khắp nơi. Nhà Minh thiết lập bộ máy đô hộ với những thủ đoạn cai trị tàn bạo, khủng bố dã man hòng khuất phục dân tộc ta. Chúng dựng lên hệ thống thành lũy đồn ải quân sự dày đặc. Giữa các cứ điểm có hệ thống liên lạc bằng các trạm dịch để kịp thời thông tin ứng cứu nhau. Chúng cấm nhân dân không được sản xuất, tích trữ mọi vật dụng có thể làm vũ khí. Sự đi lại làm ăn của mọi người bị kiểm soát ngặt nghèo. Trong các cuộc đàn áp phong trào khởi nghĩa chúng dùng các thủ đoạn man rợ như thiêu sống, mổ bụng vắt ruột lên cây, rán thịt người lấy mỡ.

Điều đó cho thấy, cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta vô cùng gian nan, quyết liệt.

Ngay từ năm 1407 trở đi, đã có nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ nổ ra, tuy không thành công nhưng đã tạo tiền đề cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Năm 1416, tại vùng rừng núi Lam Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hoá), Lê Lợi cùng 18 người thân tín nhất làm lễ tuyên thệ một lòng sống chết đứng lên khởi nghĩa đánh giặc cứu nước. Đó là Hội thề Lũng Nhai, đặt cơ sở đầu tiên cho cuộc kháng chiến Lam Sơn. Sau hội thề, công việc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương. Anh hùng hào kiệt bốn phương cùng những người dân yêu nước tìm về Lam Sơn tụ nghĩa. Trong đó phải kể đến Nguyễn Trãi, thoát khỏi vòng giam lỏng của quân Minh ở Đông Quan (Hà Nội) đến dâng Lê Lợi “Bình Ngô sách” - kế sách đánh đuổi quân Minh.

Ngày 7 - 2 - 1418 (ngày mùng 2 Tết Mậu Tuất), Lê Lợi cùng toàn thể nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn. Lúc mới khởi sự, nghĩa quân không quá 2.000 người, với mọi gian nan thiếu thốn, “Cơm ăn thì sớm tối không được hai bữa, áo mặc thì đông, hè chỉ có một manh, quân lính chỉ độ vài nghìn, khí giới thì thật tay không”, có lúc bị quân Minh bao vây càn quét nghĩa quân tổn thất nặng chỉ còn hơn 100 người. Nhưng với nghị lực phi thường, có cách đánh phù hợp, đặc biệt là được nhân dân che chở ủng hộ, vừa đánh vừa xây dựng trưởng thành nên lực lượng ngày càng phát triển, căn cứ khởi nghĩa không ngừng mở rộng khắp vùng rừng núi Thanh Hoá. Quân Minh dùng biện pháp quân sự không đàn áp được cuộc khởi nghĩa, chuyển sang dùng biện pháp chính trị mua chuộc, dụ dỗ. Nghĩa quân cũng cần có thời gian tạm hoà hoãn để tăng cường lực lượng chuyển sang giai đoạn tiến công mới. Vì thế cuộc đình chiến được hai bên thoả thuận vào tháng 5 - 1423.

Sau hơn một năm mua chuộc, dụ dỗ không thành, quân Minh chuẩn bị tiến công quân sự. Nghĩa quân cũng đã phát triển được lực lượng, theo kế hoạch của Nguyễn Chích, tiến vào Nghệ An cùng phong trào nhân dân nổi dậy đã giải phóng Nghệ An rồi tiến vào giải phóng Thanh Hoá.

Tháng 8 - 1425, Lê Lợi cho một bộ phận nghĩa quân vào giải phóng vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Vùng giải phóng được mở rộng từ Thanh Hoá tiến đến đèo Hải Vân. Quân giải phóng tiến công đến đâu, nhân dân nhất tề nổi dậy đến đấy, khiến cho quân giặc tan rã nhanh chóng. Thanh niên trai tráng ở các vùng giải phóng nô nức tòng quân, nghĩa quân đã phát triển thành một lực lượng vũ trang hùng mạnh gồm hàng vạn quân, có đủ cả bộ binh, thủy binh, kỵ binh, tượng binh.

Sang năm 1426, cục diện chiến trường đã thay đổi, quân khởi nghĩa đã ở vào thế chủ động. Cuộc khởi nghĩa từ đây chuyển thành chiến tranh giải phóng dân tộc. Quân Minh lâm vào thế bị động, binh lực suy yếu khó chống đỡ các đòn tiến công mạnh mẽ của nghĩa quân, phải cho người về nước xin viện binh. Nhà Minh điều động 5 vạn quân do Vương Thông chỉ huy sang tăng viện.

Tháng 9 - 1426, gần một vạn quân Lam Sơn chia thành 3 cánh tiến ra Bắc, phối hợp cùng nhân dân nổi dậy giải phóng nhiều vùng rộng lớn: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Sơn Tây, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Giang tạo thành thế uy hiếp Đông Quan.

Đầu tháng 11 - 1425, 5 vạn viện binh của Vương Thông đến thành Đông Quan. Quân Minh tập trung ở Đông Quan đến trên 10 vạn tên. Ý thế có viện binh, quân đông, tinh thần binh tướng mới sang còn có khí thế, Tổng binh Vương Thông quyết định mở cuộc hành quân lớn nhằm giải toả Đông Quan, xoay chuyển cục diện chiến trường. Sáng ngày 5 - 11, đích thân Vương Thông cùng các tướng lĩnh cao cấp chỉ huy phần lớn quân số ở Đông Quan (khoảng 7, 8 vạn quân) tiến ra vùng Thanh Oai, Chương Mỹ (Hà Tây)

Đây là vùng mới giải phóng, nghĩa quân Lam Sơn ở đây do các tướng Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Đinh Lễ, Nguyễn Xí chỉ huy chỉ độ 1 vạn quân nhưng được nhân dân hết lòng ủng hộ, phối hợp đánh địch. Quân Lam Sơn đã bố trí hai trận địa mai phục lớn ở Tốt Động, Chúc Động (Chương Mỹ, Hà Tây) rồi cho đánh một số trận nhỏ trên đường hành quân của quân Minh để nhử chúng vào trận địa phục kích của ta.

Rạng sáng ngày 7 - 11, quân Minh lọt vào trận địa mai phục Tốt Động bị quân Lam Sơn đánh thiệt hại nặng phải rút chạy. Đến Chúc Động lại sa vào trận địa đã bố trí của quân ta và bị đánh tan tã, phần lớn quân Minh bị diệt, khoảng trên 6 vạn tên trong đó có các tướng Trần Hiệp, Lý Lượng. Vương Thông bị thương cùng đám tàn quân về được thành Đông Quan. Trận Tốt Động - Chúc Động là một chiến dịch tiêu diệt chiến lớn. Chỉ trong ba ngày đêm, với một số quân số ít hơn địch nhiều lần nhưng quyết tâm cao cùng với cách đánh mưu trí, sáng tạo, quân Lam Sơn đã diệt phần lớn đạo quân Minh, khiến chúng càng lấn sâu vào thế phòng ngự bị động. Vương Thông sợ quân ta tiến công tiêu diệt nên một mặt xin giảng hoà để làm kế hoãn binh, một mặt cử người về cấp bách xin viện binh.

Bộ tham mưu nghĩa quân một mặt tranh thủ củng cố hậu phương bố trí lực lượng đón đánh viện binh địch, mặt khác đẩy mạnh tấn công quân sự với tấn công bằng vận bức hàng quân Minh ở các thành Nghệ An, Diễn Châu (Bắc nghệ An), Tam Giang (Bắc giang), Thị Cầu (Bắc Ninh).

Trước nguy cơ đạo quân Minh ở Đại Việt bị tiêu diệt hoàn toàn, vua Minh điều 15 vạn quân sang tiếp cứu.

Tháng 10 - 1427, viện binh địch chia làm hai đạo tiến vào nước ta. Đạo thứ nhất gồm 10 vạn quân do Liễu Thăng chỉ huy từ Quảng Tây theo đường Lạng Sơn - Đông Quan. Đạo thứ hai do Mộc Thạch chỉ huy gần 5 vạn quân từ Vân Nam theo đường Lê Hoa Lào Cai - Đông Quan.

Ngày 8 - 10, đạo quân Liễu Thăng vào Lạng Sơn. Quân ta vừa đánh vừa rút lui, dử địch vào trận địa mai phục ở Chi Lăng. Ái Chi Lăng là một vị trí hiểm yếu trên đường Lạng Sơn - Đông Quan. Đó là một thung lũng dài 4 km, đoạn rộng nhất khoảng 1km, hai đầu núi khép lại tạo thành hai cửa ải khó vượt qua,

phía Tây là dãy núi đá dựng đứng, phía đông là rừng núi rậm rạp trùng điệp. Giữa thung lũng là những cánh đồng lầy lội, có xen kẽ những ngọn núi nhỏ.

Liễu Thăng là viên tướng kiêu căng, nắm trong tay 10 vạn quân, lại hành quân khá “dễ dàng” nên rất chủ quan. Khi đến gần Chi Lăng, Liễu Thăng trực tiếp chỉ huy đội kỵ binh tiên phong. Ngày 10 - 10, đội quân tiên phong lọt vào trận địa mai phục, quân ta từ rừng núi hai bên đường đổ ra chặn đầu khoá đuôi tiêu diệt gọn đội quân tiên phong trên 1 vạn tên. Liễu Thăng bị chém chết bên sườn núi Mã Yên trong thung lũng. Tuy nhiên địch còn đông, phó tướng Lương Minh lên nắm quyền chỉ huy chặn chính lại đội ngũ tiếp tục tiến về phía Đông Quan. Đến Cần Trạm (Kép, Bắc Giang) quân Minh lại bị chặn đánh một trận quyết liệt, hàng vạn tên bị chết trong đó Lương Minh cũng bị đâm chết tại trận. Thôi Tụ lên nắm quyền chỉ huy cùng Lý Khánh, Hoàng Phúc cố kéo quân về thành Xương Giang mà chúng tưởng là quân Minh còn đang chiếm giữ. Đến Phố Cát (Lạng Giang, Bắc Giang) cách Xương Giang 8 km quân địch lại bị phục kích, quân Lam Sơn đánh chặn đầu và tạt ngang sườn, nhiều quân tướng Minh bị diệt. Lý Khánh uất ức và tuyệt vọng phải thắt cổ tự tử.

Số quân còn lại đến được Xương Giang những tướng vào được thành, phối hợp với quân ở đây chốt giữ chờ thời cơ. Nhưng thành Xương Giang đã bị quân ta chiếm từ trước đó 10 ngày và đã biến thành cứ điểm chặn đường chúng. Thôi Tụ, Hoàng Phúc đến nơi mới biết thành đã bị hạ, hy vọng cuối cùng tiêu tan. Không cách nào khác, quân Minh phải đắp lũy ngoài phía bắc Xương Giang để trú quân, đúng theo phương án của quân ta.

Ngày 3 - 11, từ bốn phía, quân Lam Sơn tổng công kích diệt và bắt sống toàn bộ đạo quân này. Thôi Tụ, Hoàng Phúc đều bị bắt sống.

Đạo quân Mộc Thạch đang bị chặn lại ở vùng biên giới Lào Cai, nghe tin đạo quân Liễu Thăng bị diệt vội tháo chạy. Quân ta truy kích diệt và bắt sống hơn 2 vạn tên. Chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang (từ ngày 8 - 10 đến 3 - 11 - 1427) tiêu diệt hoàn toàn đạo viện binh 15 vạn quân Minh là trận quyết chiến chiến lược đập tắt hy vọng cuối cùng của quân Minh. Vương Thông thế cùng lực kiệt đành xin “giảng hoà” giữ mạng cùng đám tàn quân về nước.

Sau 10 năm chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hoàn toàn thắng lợi, hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Minh. Nền độc lập của nước ta được giữ vững, đất nước bước vào thời kỳ phát triển thịnh vượng mới.

9. Cuộc xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn (thế kỷ XVI - XVII)

Vào đầu thế kỷ XVI, triều Lê suy sụp, các phe phái phong kiến tranh giành quyền lực, thoán đoạt và xung đột gay gắt.

Năm 1527, tập đoàn phong kiến Mạc Đăng Dung thắng thế, phế truất vua Lê lập ra triều Mạc, cai quản vùng Bắc Bộ gọi là Bắc triều. Các thế lực phong kiến đối lập với nhà Mạc do họ Trịnh đứng đầu, dưới danh nghĩa “triều Lê trung hưng” chiếm giữ từ Thanh Hoá trở vào gọi là Nam triều. Cuộc nội chiến ác liệt

kép dài trên nửa thế kỷ giữa hai tập đoàn phong kiến Mạc - Trịnh làm cho nhân dân vô cùng khốn khổ, hao người tốn của vì nạn binh dịch. Vì quyền lợi ích kỷ, Mạc Đăng Dung đã đầu hàng, đem một phần đất của Tổ quốc để cầu viện sự ủng hộ của nhà Minh. Đây là trường hợp duy nhất trong lịch sử Việt Nam, một người lãnh đạo đất nước cắt đất dâng cho ngoại bang. Hành động nhục nhã này của nhà Mạc khiến cho nhân dân càng căm ghét, phẫn nộ, dẫn đến sự thất bại của Bắc triều trong cuộc chiến tranh với Nam triều.

Năm 1592, Nam triều chiếm được Thăng Long, cuộc nội chiến Nam - Bắc triều kết thúc. Nhưng trong nội bộ Nam triều lại nảy sinh mâu thuẫn gay gắt giữa hai thế lực họ Trịnh và họ Nguyễn. Họ Trịnh nắm quyền từ sông Gianh (Quảng Bình) trở ra Bắc gọi là Bắc Hà hay Đàng Ngoài. Họ Nguyễn nắm quyền phía nam sông Gianh gọi là Nam Hà hay Đàng Trong.

Từ năm 1627 - 1672, cuộc xung đột vũ trang giữa hai tập đoàn Trịnh - Nguyễn diễn ra thường xuyên. Không kể những cuộc xung đột nhỏ lẻ, hai tập đoàn phong kiến đã tiến hành 7 lần đánh nhau lớn. Vùng Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An luôn là bãi chiến trường của cuộc nội chiến. Cuộc xung đột giữa các tập đoàn phong kiến thối nát kéo dài trên một thế kỷ đã xô đẩy nhân dân vào những cuộc chém giết khốc liệt và gây ra nạn chia cắt đất nước.

10. Khởi nghĩa Tây Sơn (1771 - 1789)

Mùa xuân năm 1771, cơn bão táp cách mạng của nông dân và các tầng lớp nhân dân dưới sự tổ chức, lãnh đạo của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ nổ ra ở ấp Tây Sơn, phủ Quy Nhơn (Bình Định). Đây là cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhất trong lịch sử Việt Nam. Ngay từ đầu, nghĩa quân đã lấy khẩu hiệu "lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo" để hiệu triệu và tập hợp quần chúng bị áp bức.

Từ căn cứ Tây Sơn, nghĩa quân tiến xuống đồng bằng giải phóng các làng xã, các huyện lỵ. Bọn quan lại cường hào ác bá bị trừng trị. Của cải của chúng và lương thực của cải trong kho Nhà nước phong kiến bị tịch thu chia cho dân nghèo. Mọi thứ thuế được tuyên bố bãi bỏ, những người bị giam cầm trong nhà ngục được giải phóng. Nhân dân các địa phương nô nức tham gia khởi nghĩa, trong đó có cả các thương nhân ở các thành thị. Một số nho sĩ tiến bộ, một số quan lại, thổ hào lớp dưới đã sớm tham gia khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa phát triển nhanh chóng với khí thế hết sức mạnh mẽ.

Mùa thu năm 1773, nghĩa quân hạ thành Quy Nhơn rồi tiến ra chiếm Quảng Ngãi, tiến vào giải phóng Phú Yên, Bình Thuận. Sau khi điều đình tạm hoà hoãn với quân Trịnh ở mặt Bắc để tập trung diệt quân Nguyễn ở phía nam, liên tục các năm 1776, 1777, 1778, 1782, 1783, 5 lần quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định. Cả 5 lần quân Nguyễn đều thất bại, lực lượng bị tan rã phải chạy trốn ra các hải đảo sang sống lưu vong bên đất Xiêm. Chính quyền họ Nguyễn cát cứ trên 200 năm bị đánh đổ. Phong trào Tây Sơn đã giải phóng hầu hết đất Đàng Trong.

Sau khi đánh tan 5 vạn quân Xiêm can thiệp xâm lược, từ tháng 6 - 1786, quân Tây Sơn chuyển hoạt động ra hướng Bắc. Trong vòng 10 ngày, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh tan 3 vạn quân Trịnh (mới vượt sông Gianh vào chiếm Phú Xuân của họ Nguyễn), giải phóng toàn bộ đất Đàng Trong. Thừa thắng, Nguyễn Huệ quyết định tiến quân ra Bắc.

Tình hình Bắc Hà lúc này đang rối loạn. Chính quyền Lê - Trịnh mục nát cực độ. Binh lính thì đang tan rã, lưu manh hoá và nổi loạn. Quân Tây Sơn với hơn 1,000 chiến thuyền vượt biển đánh chiếm vùng Nam Định rồi tiến thẳng về giải phóng Thăng Long ngày 21 - 7 - 1786. Như thế chỉ chưa đầy một tháng, bằng cuộc tiến công vũ bão, quân Tây Sơn đã đập tan lực lượng quân sự của họ Trịnh, lật đổ chính quyền họ Trịnh tồn tại gần 300 năm, giải phóng Đàng Ngoài.

Cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn là sự quật khởi của các tầng lớp nhân dân bị áp bức đứng lên lật đổ các thế lực phong kiến thống trị suy tàn, phản dân, hại nước, đảm nhiệm sứ mệnh của dân tộc khôi phục quốc gia thống nhất, đánh bại các đạo quân xâm lược, bảo vệ nền độc lập của đất nước.

11. Cuộc kháng chiến chống quân Xiêm can thiệp - xâm lược (1784 - 1785)

Bị quân Tây Sơn đánh cho tan tác, trong bước đường cùng, bọn phong kiến Đàng Trong đứng đầu là Nguyễn Ánh đi vào con đường phản bội Tổ quốc mưu giữ được địa vị thống trị của mình. Năm 1783, Nguyễn Ánh chạy ra đảo Phú Quốc rồi trốn sang sống lưu vong bên đất Xiêm và cầu cứu vua Xiêm. Vua Xiêm nhân cơ hội đó mưu chiếm đất Gia Định và thôn tính nước Chân Lạp (Camphuchia). Vua Xiêm điều 5 vạn quân do tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy theo hai đường thủy bộ có tàn quân Nguyễn Ánh dẫn đường vào nước ta.

Tháng 7 - 1784, 2 vạn thủy binh Xiêm vòng đường biển đổ bộ lên vùng Rạch Giá ngày nay, 3 vạn bộ binh địch qua đất Chân Lạp theo đường ven sông Hậu tiến xuống. Lực lượng không nhiều nên vừa đánh chặn quyết liệt vừa rút lui bảo toàn lực lượng. Hai đạo quân Xiêm đến được Trấn Giang (Cần Thơ). Quân Nguyễn Ánh đến đây cũng được tăng cường đáng kể do bọn phản động trong nước mộ binh gia nhập. Quân Xiêm lúc này lực lượng mạnh lại vừa có những thắng lợi bước đầu nên rất kiêu căng, chuẩn bị đánh sang Mỹ Tho.

Nắm được tình hình ở cực Nam, đầu năm 1785, từ Quy Nhơn, Nguyễn Huệ chỉ huy 2 vạn quân Tây Sơn vượt biển vào thẳng Mỹ Tho. Sau khi đánh một số trận thăm dò, nắm chắc tình hình và ý đồ của địch, Nguyễn Huệ quyết định tổ chức một trận địa mai phục lớn ở Rạch Gầm - Xoài Mút (đoạn giữa hai ngã ba sông Rạch Gầm và sông Xoài Mút với sông Tiền phía trên Mỹ Tho khoảng 6, 7 km) nhằm lừa quân địch vào để tiêu diệt toàn bộ quân Xiêm ở đây.

Sau khi bố trí trận địa, Nguyễn Huệ cho một lực lượng nhỏ dùng thuyền nhẹ tập kích vào doanh trại địch rồi rút lui. Quân Xiêm quyết định dốc toàn lực tấn công tiêu diệt quân Tây Sơn ở Mỹ Tho.

Rạng sáng ngày 19 - 1 - 1785, toàn bộ quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh theo đường sông Tiền tiến đánh thành Mỹ Tho. Chờ khi đội hình địch lọt vào trận địa mai phục Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Huệ hạ lệnh tấn công. Pháo đặt trên bờ, trên cù lao Thới Sơn, trên thuyền chiến bắn đồng loạt vào thuyền chiến địch, thủy binh Tây Sơn từ Mỹ Tho tiến lên đánh chặn đầu, từ các nhánh sông đánh tạt sườn đội hình địch. Quân Xiêm không cách nào chống cự nổi, thuyền đắm, quân chết. Một số thoát được lên bờ bị bộ binh ta đón chặn tiêu diệt. Cho đến chiều cùng ngày, toàn bộ chiến thuyền cùng 4 vạn quân Xiêm - Nguyễn bị diệt. Chiêu Tăng, Chiêu Sương cùng vài nghìn quân, mở đường máu chạy được về đất Chân Lạp rồi tìm đường về nước. Nguyễn Ánh ở phía sau cùng đốc tàn quân vội quay lui trốn sang Xiêm.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút là một trận quyết chiến chiến lược, chỉ trong một ngày quân Tây Sơn tiêu diệt gọn toàn bộ đạo quân xâm lược Xiêm cùng quân bán nước Nguyễn Ánh, đập tan âm mưu can thiệp xâm lược của quân Xiêm và ý đồ bán nước của Nguyễn Ánh. Độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Thanh thế quân Tây Sơn và người anh hùng áo vải, nhà quân sự kiệt xuất Nguyễn Huệ càng lừng lẫy. Chính sử của nhà Nguyễn cũng phải ghi lại rằng "người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp".

12. Cuộc kháng chiến chống Mãn Thanh (1788 - 1789)

Trước sức mạnh như vũ bão của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, bọn phong kiến thống trị hoàn toàn sụp đổ. Tuy nhiên sự phản ứng giai cấp của chúng càng điên cuồng. Ở phía bắc, Lê Chiêu Thống đã không còn xứng đáng là một vị vua của triều Lê, quỳ gối bán nước cho phong kiến nước ngoài. Lê Chiêu Thống cho người sang cầu cứu nhà Mãn Thanh.

Mãn Thanh vốn là một tộc người ở phía Bắc Trung Quốc. Nhân nhà Minh sụp đổ đã tràn xuống chiếm Trung Quốc lập nên một triều đình thống trị ngoại tộc. Dưới triều Càn Long, nhà Thanh đạt đến độ cường thịnh nhất. Sẵn ý đồ bành trướng, nhân được Lê Chiêu Thống cầu viện, Càn Long chớp lấy cơ hội đưa quân sang xâm lược Đại Việt.

Tháng 11 - 1788, gần 30 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh chia làm bốn đạo tiến vào nước ta. Đạo chủ lực do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy tiến qua đường Lạng Sơn. Đạo thứ hai do Sâm Nghi Đống chỉ huy tiến theo đường Cao Bằng. Đạo thứ ba do Ô Đại Kinh chỉ huy theo đường Tuyên Quang. Đạo thứ tư theo đường Quảng Ninh. Hướng chung của các đạo quân này là tiến xuống hợp quân đánh chiếm Thăng Long.

Quân Tây Sơn và Bắc Hà bấy giờ chỉ có độ vài vạn quân do Ngô Văn Sở chỉ huy. Tương quan lực lượng quá chênh lệch mà tình hình Bắc Hà cũng không được ổn định do bọn phong kiến phản động vẫn ngấm chống lại quân Tây Sơn, ngóng chờ Lê Chiêu Thống dẫn quân Thanh về.

Quân Tây Sơn sau một số trận đánh ở biên giới không ngăn cản được quân địch, Ngô Văn Sở theo mưu kế sáng suốt của Ngô Thì Nhậm chủ động tổ chức cuộc rút lui chiến lược "ta bảo toàn lấy quân lực mà rút lui. Cho chúng ngủ trọ

một đêm rồi lại đuổi chúng đi”. *Quân Tây Sơn tập trung về Thăng Long rồi rút lui theo* kế hoạch. Bộ binh chốt giữ vùng núi Tam Điệp (Ninh Bình), thuỷ quân về đóng giữ vùng Biện Sơn (Thanh Hoá), liên hệ với nhau, lợi dụng địa hình lập thành một phòng tuyến chặn đường tiến quân của địch vào Thanh Hoá, Nghệ An và cấp báo với Nguyễn Huệ.

Sau 20 ngày tiến quân, Tôn Sĩ Nghị đã vào được thành Thăng Long. Trên đường từ biên giới đến Thăng Long quân Thanh tiến khá thuận lợi. Tôn Sĩ Nghị chủ quan, thoả mãn và huênh hoang cho rằng việc bắt sống Nguyễn Huệ dễ như “thò tay lấy đồ vật trong túi”. *Hắn cho tướng sĩ nghỉ ngơi 10 ngày chuẩn bị ăn Tết Nguyên Đán* và dự định đến ngày 6 tháng giêng sẽ xuất quân tiến vào phía nam. Tin thắng trận về đến triều Thanh. Càn Long khen Tôn Sĩ Nghị là một “*dại thần toàn tài*” và phong tước *Mưu dũng công hạng nhất, thưởng cho quân lính mỗi người thêm từ một đến hai tháng lương*.

Ngày 21 - 12 - 1788 ở Phú Xuân, Nguyễn Huệ nhận được tin báo của Ngô Văn Sở. Để có danh nghĩa chính thức lãnh đạo cả dân tộc chống ngoại xâm, ngay ngày 22 - 12 - 1788, ông làm lễ lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung, rồi lập tức thống lĩnh đại quân khoảng 5 vạn người tiến ra Bắc. Bốn ngày sau quân Quang Trung vượt gần 400 km đến Nghệ An. Tại đây, Quang Trung dừng quân 10 ngày, tuyển binh, phiên chế, duyệt binh biểu dương lực lượng. Lúc này, quân Tây Sơn đã lên đến 10 vạn và tiếp tục hành quân ra Bắc.

Ngày 25 - 1 - 1789, quân Tây Sơn đến Tam Điệp. Sau khi nắm tình hình ông đã quyết định một kế hoạch đánh địch vừa tổng thể vừa chi tiết, định hẳn ngày thắng lợi hoàn toàn. Quang Trung mở tiệc khao quân, tuyên bố cho quân sĩ “*ăn Tết Nguyên Đán trước, đợi đến sang xuân, ngày 7 vào thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn*”. Các người hãy ghi nhớ lời ta xem có đúng thế không”.

Quang Trung chia quân thành 5 đạo cùng xuất phát thần tốc tiến ra Bắc. Đạo quân chủ lực do Quang Trung trực tiếp chỉ huy đánh thẳng vào hệ thống phòng ngự chủ yếu của địch ở phía nam. Đạo thứ hai do đô đốc Long (có tài liệu cho là đô đốc Đặng Tiến Đông hoặc cả hai đô đốc) chỉ huy đi vòng phía trái đánh vào Khương Thượng. Đạo thứ ba do đô đốc Bảo chỉ huy yểm hộ và phối hợp với đạo chủ lực. Đạo thứ tư do đô đốc Tuyết chỉ huy vượt biển đánh vào vùng Hải Dương. Đạo quân thứ năm do đô đốc Lộc chỉ huy theo đường biển rồi vào Bắc Giang bịt đường rút của quân Thanh.

Đêm 25-1-1789 (đêm 30 Tết), đạo quân chủ lực vượt sông Gianh Khẩu nhanh chóng diệt gọn các đồn trên hệ thống dọc đường thiên lý từ Gianh Khẩu đến Hạ Hồi (Thường Tín, Hà Tây). Đêm 28 - 1, quân Tây Sơn bí mật tiếp cận vây chặt đồn Hạ Hồi, một đồn lỵ trọng yếu của địch, cách Thăng Long 20 km. Trước uy lực của quân ta, quân Thanh hoảng sợ phải đầu hàng. Nhận được tin mất Hạ Hồi, quân Thanh hoảng hốt nói với nhau: “*Thật là tướng trên trời rơi xuống, quân dưới đất chui lên*”. *Tôn Sĩ Nghị kinh ngạc “rút kiếm chém xuống đất nói rằng; sao mà thần đến thế”*.

Mở sáng ngày 30-1, quân Tây Sơn tiến đánh Ngọc Hồi, một cứ điểm mạnh cách Thăng Long 14km, giữ vị trí then chốt bảo vệ trực tiếp cửa ngõ phía nam Thăng Long. Quân địch ở đây có khoảng 3 vạn tên với sự chỉ huy của Hứa Thế Hanh - phó tướng của Tôn Sĩ Nghị và là tướng chỉ huy toàn bộ hệ thống phòng ngự phía nam. Quang Trung trực tiếp chỉ huy trận này.

Mặc dù quân địch đông, có thành lũy kiên cố, ra sức chống đỡ nhưng quân Tây Sơn với đội tượng binh hơn 100 voi chiến, những lá chắn lớn chống tên đạn, đột nhập giáp chiến với "thế lực ô ạt như nước triều dâng", chỉ trong 1 ngày đã san phẳng đồn Ngọc Hồi, tiêu diệt bộ phận lớn quân địch. Số còn lại cố chạy về Thăng Long nhưng đến vùng Đầm Mực (Thanh Trì, Hà Nội) thì bị đạo quân đô đốc Bảo bí mặt mai phục sẵn ở đây tiêu diệt hết.

Cũng mở sáng ngày 30 - 1, đạo quân thứ hai bất ngờ tiến công mãnh liệt vào đồn Khương Thượng - Đống Đa. Quân Thanh bị tiêu diệt hàng vạn tên, tướng chỉ huy Sầm Nghi Đống phải tự tử. Quân Tây Sơn chọc thẳng vào thành Thăng Long. Tại đại bản doanh Thăng Long (khoảng gần đầu cầu Long Biên), Tôn Sĩ Nghị đang tiệc tùng tết nhất thì được tin cấp báo Ngọc Hồi bị phá, Khương Thượng - Đống Đa bị diệt, quân Tây Sơn đang tiến vào thành. Hốt hoảng, Tôn Sĩ Nghị cùng toàn quân hộ vệ người không kịp mặc giáp, ngựa không kịp đóng yên "*qua cầu phao rồi nhằm hướng Bắc mà chạy*". Sợ quân Tây Sơn truy kích, vừa qua cầu phao, Tôn Sĩ Nghị vội cho phá cầu phao làm cho số quân Thanh đang chạy chen nhau trên cầu bị chết đuối gần hết. Số quân chưa kịp xuống cầu không bị giết cũng phải đầu hàng. Vài vạn quân Lê Chiêu Thống bị đánh tan, tên vua bán nước vội chạy theo Tôn Sĩ Nghị. Tôn Sĩ Nghị chạy đến Phượng Nhãn bị đạo quân do đô đốc Lộc đợi sẵn chặn đánh phải bỏ cả sắc thư và ấn tín để thoát thân.

Số quân Thanh đóng ở Hải Dương bị đạo quân đô đốc Tuyết đánh tan. Quân Thanh ở Sơn Tây được tin Thăng Long thất thủ, hoảng sợ vội rút chạy về nước. Đám tàn binh về đến Quảng Tây chỉ còn mấy vạn tên.

Bằng một chiến dịch tấn công chớp nhoáng, đặc biệt cuộc tổng công kích vào Ngọc Hồi, Đống Đa, quân Tây Sơn với thiên tài quân sự của vị thống lĩnh Nguyễn Huệ, lại được nhân dân ủng hộ, phối hợp đã tiêu diệt đạo quân xâm lược gần 30 vạn tên cùng đám nguy quân. Đây là một chiến công hiển hách vào bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trưa ngày 30 - 11 - 1789 tức mồng 5 Tết, Quang Trung cùng đạo quân chủ lực tiến vào kinh thành, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến, hoàn toàn đúng với kế hoạch tác chiến và lời hứa trước binh sĩ của ông.

13. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (cuối thế kỷ XIX)

Ngày 16 - 9 - 1792, Quang Trung từ trần đột ngột. Đây là một tổn thất lớn cho phong trào Tây Sơn và dân tộc. Từ đây, triều Tây Sơn suy yếu hẳn.

Nguyễn Ánh dựa vào sự ủng hộ của tập đoàn địa chủ Nam Bộ và bán một phần lãnh thổ của Tổ quốc lấy sự giúp đỡ của Pháp, phát triển lực lượng phản công

đánh bại triều Tây Sơn. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua đóng đô ở Phú Xuân (Huế), lập ra triều Nguyễn, một triều đại phong kiến phản động, yếu hèn.

Hành động bán nước của Nguyễn Ánh đã tạo cơ hội cho thực dân Pháp từng bước thực hiện dã tâm xâm lược nước ta.

Sau một thời gian dài thông qua các giáo sĩ truyền đạo Thiên chúa, các thương nhân cùng mối liên kết với một số cơ sở chính trị và nắm tình hình mọi mặt của Việt Nam; sáng sớm ngày 1 - 9 - 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha mà chủ yếu là quân Pháp gồm khoảng 3.000 quân, 14 chiến thuyền, trang bị hiện đại, nổ súng đánh chiếm bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Kế hoạch của chúng là dùng Đà Nẵng làm bàn đạp đánh lên kinh thành Huế, bắt triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.

Quân Pháp - Tây Ban Nha vừa đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà đã vấp phải sự chống cự của nhân dân và một lực lượng quân triều đình, chúng không tiến sâu vào đất liền được. Sau 5 tháng bị giam chân tại chỗ, không thực hiện được kế hoạch chiếm kinh thành, quân địch phải rút khỏi Đà Nẵng, vào phía nam đánh Gia Định. Như thế kế hoạch của chúng đã thay đổi, từ đánh nhanh thắng nhanh chuyển sang đánh chiếm từng bước.

Tháng 2 - 1859, quân Pháp chiếm được thành Gia Định nhưng gặp phong trào kháng chiến của nhân dân, lại phải rút khỏi Gia Định, quay ra đánh Đà Nẵng lần thứ hai cũng lại thất bại. Đầu năm 1860, quân Pháp đánh chiếm Gia Định lần thứ hai. Quân triều đình do Phương chỉ huy không ngăn được giặc. Quân Pháp nhanh chóng chiếm Gia Định đánh rộng ra chiếm 3 tỉnh miền Đông (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà). Tháng 6 - 1862, Phan Thanh Giản, Lâm Suy Hiệp theo lệnh vua Tự Đức ký hiệp ước đầu tiên nhượng hẳn 3 tỉnh miền Đông cho Pháp. Mặc dù triều đình đầu hàng nhưng nhân dân cả ba tỉnh Nam Bộ liên tục nổi dậy chống Pháp. Các cuộc khởi nghĩa lớn gây cho địch nhiều thiệt hại như khởi nghĩa của Trương Định ở vùng Gò Công, Mỹ Tho, khởi nghĩa Võ Duy Dương (Thiên Hộ Dương) ở Tháp Mười, nhưng tương quan lực lượng không cân sức, lại bị triều Tự Đức ngăn trở, cấm đoán, phá hoại nên các cuộc khởi nghĩa không duy trì được. Tháng 6 - 1867, quân Pháp chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) trước sự bất lực đầu hàng của triều Nguyễn.

Ở ba tỉnh miền Tây nhân dân lại nổi dậy đánh Pháp sôi nổi. Các cuộc khởi nghĩa lớn và kéo dài của Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc kéo dài tới 10 năm; khởi nghĩa của Phan Tôn, Phan Liêm ở Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh; khởi nghĩa Nguyễn Hữu Huân ở Mỹ Tho. Thật đúng như lời lãnh tụ khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực: "Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây". Tuy nhiên cuối cùng các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại.

Sau khi chiếm được Nam Bộ và đàn áp được phong trào khởi nghĩa ở đây, cuối năm 1873 Pháp đưa quân ra đánh chiếm Bắc Bộ. Ngày 20 - 11 - 1873, với 300 quân và 11 khẩu đại bác trên hai chiến hạm, quân Pháp ngược sông Hồng đánh chiếm thành Hà Nội. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương chỉ huy chiến đấu, bị

thương nặng, bị bắt, ông nhịn ăn cho đến chết. Quân Pháp nhanh chóng chiếm các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

Trong khi triều đình tan rã thì nhân dân khắp mọi nơi ở Bắc Bộ nổi dậy chống Pháp quyết liệt; cộng với những khó khăn nội bộ, quân Pháp rút khỏi Bắc Bộ (1874). Tháng 4 - 1882, quân Pháp lại đánh chiếm Bắc Bộ lần thứ hai. Thành Hà Nội thất thủ ngày 25 - 4. Tổng đốc Hoàng Diệu tuẫn tiết. Các tỉnh khác lần lượt bị Pháp chiếm đóng.

Triều đình nhà Nguyễn với hai điều ước Hác-măng (1883) và Patơ-nốt (1884) hoàn toàn đầu hàng giặc Pháp. Tuy vậy trong triều Nguyễn cũng có những người yêu nước, chủ trương vũ trang chống Pháp như thượng thư bộ binh Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi rút ra miền núi tỉnh Quảng Trị tổ chức kháng chiến. Tại đây Hàm Nghi ra *chiếu Cần Vương* kêu gọi nhân dân chống Pháp, phò vua cứu nước.

Phong trào Cần Vương bùng lên ở khắp các địa phương Trung Bộ và Bắc Bộ, kéo dài đến hết thế kỷ XIX, trong đó có các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như khởi nghĩa Ba Đình của Phạm Bành và Đinh Công Tráng ở Nga Sơn (Thanh Hoá) năm 1886 - 1887; khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật ở khắp vùng Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh kéo dài từ năm 1885 - 1892; khởi nghĩa của Nguyễn Quang Bích ở vùng Tây Bắc từ năm 1885 - 1892; khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh) của Phan Đình Phùng từ năm 1885 - 1896. *Sau khởi nghĩa* Hương Khê phong trào Cần Vương chấm dứt.

Cùng với phong trào đánh Pháp do các sĩ phu lãnh đạo dưới ngọn cờ Cần Vương, phong trào nhân dân tự đứng lên chống Pháp cũng sôi nổi ở nhiều địa phương: Tuyên Quang, Hoà Bình, Tây Bắc, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Quảng Yên, Đông Triều, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nha Trang, Biên Hoà, Bà Rịa. Cuộc khởi nghĩa lớn nhất, bền bỉ nhất, tiêu biểu cho phong trào nổi dậy của nhân dân là *khởi nghĩa Yên Thế* lúc đầu do Đề Nắm, từ 1892, do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Nghĩa quân Yên Thế hội tụ nhiều cuộc khởi nghĩa nhỏ lẻ ở các địa phương, hoạt động ở vùng rộng lớn gồm các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên, kéo dài từ năm 1884 - ngay sau sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình đến 1913 mới thất bại. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế rất gian khổ, quyết liệt, gây cho địch nhiều thiệt hại và lo lắng.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp từ khi Pháp bắt đầu xâm lược đến cuối thế kỷ XIX kể cả lúc đầu có quân triều đình, đều là lực lượng nhỏ yếu, mang tính chất từng địa phương, không có sự phối hợp chỉ huy thống nhất nên trước sau đều bị quân Pháp đánh bại. Dù thất bại, các phong trào này đã vun đắp cho truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta.

PHẦN THỨ HAI

HỒ SƠ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)

Cuộc 투쟁 gây gộc đối chọi với Mútcotông

- * Những cuộc ngoại giao, hòa đàm trước khi nổ ra toàn quốc kháng chiến
- * Những chiến dịch lớn
- * Tiến về tiếp quản Thủ đô

NĂM 1945

Ngày 23-9

Đồng bào Nam Bộ bắt đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngay từ ngày mùng 2 tháng 9 trong lúc hàng chục vạn đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn họp mít tinh mừng độc lập thì một số tên Pháp phản động nổ súng khiêu khích làm một số người chết và bị thương. Lập tức tự vệ của ta bắn trả và bắt giam một số. Vu cáo ta không giữ được trật tự trong thành phố, phái bộ Anh sai bọn lính Nhật tước vũ khí và đòi ta giải tán các đơn vị tự vệ, cấm đồng bào ta biểu tình. Ngày 20, bọn Anh thả tù binh Pháp (bọn Pháp này bị quân đội Nhật bắt giam từ ngày đảo chính ngày 9 tháng 3) và đóng cửa tất cả báo chí ở Sài Gòn. Ngày 21 tháng 9, quân đội Anh chiếm đóng trụ sở cảnh sát Quận 3, thả tù binh Pháp và trang bị vũ khí cho chúng. Đồng thời quân Anh ban bố lệnh thiết quân luật, cấm đồng bào ta không được biểu tình, hội họp, không được đem theo vũ khí và không được đi lại ban đêm. Tối 22, sau khi chiếm Đài vô tuyến điện, quân Anh làm ngõ để quân Pháp đánh úp Sài Gòn.

Sáng ngày 23 tháng 9, Xứ ủy Nam Bộ và Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã họp cấp tốc ở phố Cây Mai (Chợ Lớn) chủ trương kiên quyết kháng chiến. Hội nghị quyết định: triệt để tổng đình công, không hợp tác với giặc Pháp, đánh du kích, phá hoại đường giao thông tiếp tế, bao vây, tiêu hao, tiêu diệt địch. Chiều 23 tháng 9, Sài Gòn triệt để tổng đình công, không hợp tác. Công sở, xí nghiệp, cửa hàng đều đóng cửa, chợ không họp, xe ngừng chạy. Khắp phố phường vật chướng ngại mọc lên. Các đơn vị xung phong, Công đoàn và Thanh niên tiên phong lập tức chiếm lĩnh vị trí chiến đấu đánh trả quân địch.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945 đồng bào Sài Gòn mở đầu cuộc kháng chiến gian khổ nhưng vinh quang, kiên quyết đánh thắng quân xâm lược.

Cùng ngày 23 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng nhất trí với quyết tâm của Xứ ủy và nhân dân Nam Bộ, kêu gọi nhân dân cả nước chi viện sức người, sức của cho Nam Bộ kháng chiến.

Ngày 26-9

* Qua đài phát thanh *Chủ tịch Hồ Chí Minh* kêu gọi đồng bào Nam Bộ anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Hồ Chủ tịch nói:

"Tôi tin và đồng bào cả nước đều tin vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ... Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ... Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và đồng bào toàn quốc sẽ hết sức ủng hộ những chiến sĩ và nhân dân đương hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà...). Ít lâu sau xuất hiện khẩu hiệu "Chiến đấu để bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh" và từ đó thành phố Sài Gòn Chợ Lớn được mang tên mới quang vinh: Thành phố Hồ Chí Minh.

* Chi đội 3 giải phóng quân (chi đội trưởng: Lương Văn Khâm tức Mông Phúc Thơ, Chính trị viên: Vũ Nam Long) hành quân bằng tàu hỏa từ ga Thanh Hóa vào Nam. Đây là chi đội Nam tiến đầu tiên. Dọc đường, chi đội được bổ sung 2 trung đội của tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An vào chiến đấu tại cầu Bình Lợi, Xuân Lộc (Đông Nam Bộ). Tiếp đó, từ tháng 10 năm 1945 đến tháng 3 năm 1946, có 12 chi đội (mỗi chi đội tương đương trung đoàn hoặc tiểu đoàn) và 6 đại đội Vệ quốc đoàn Nam tiến cùng quân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

Cuối tháng 9

Hội nghị quân sự Nam Trung Bộ quyết định thành lập Bộ chỉ huy mặt trận Nam Trung Bộ, gồm các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Trương Quang Giao. Nhiệm vụ: bảo đảm hành lang và bàn đạp vận chuyển vũ khí, lương thực của Trung ương và các tỉnh phía Bắc vào Nam Bộ; đưa lực lượng vào chi viện Nam Bộ kháng chiến; sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của Pháp và Nhật ra Nam Trung Bộ.

Ngày 4-10

Thực hiện quyết định tăng cường lực lượng cho Nam Bộ, những đội quân "Nam tiến" đã nhanh chóng lên đường vào Nam.

Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã tiếp người, tiếp của cho Sài Gòn. Từ Hà Nội, Việt Bắc, vùng duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ, các tỉnh miền Trung, thanh niên xung phong gia nhập các chi đội giải phóng quân nô nức lên đường vào Nam Bộ đánh giặc cứu nước, ngăn chặn bước tiến của quân thù, giam chân chúng trong thành phố Sài Gòn.

Ngày 12-10

Các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ quyết đánh địch. Bị vây chặt trong thành phố Sài Gòn, không thực hiện được ý đồ đánh chớp nhoáng, bọn Pháp phải xin đình chiến từ ngày 30 tháng 9. Đúng như Đảng ta dự kiến, sau khi được tăng viện thêm một trung đoàn bộ binh, một tiểu đoàn cơ giới và một đội thủy quân mạnh, quân Pháp nổ súng trở lại ngày 12 tháng 10. Ngày 22 địch chiếm Biên Hòa, Thủ Dầu Một rồi Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá và cuối cùng ngày mùng 5 tháng 2 năm 1946 tràn vào thị xã Cà Mau. Cũng ngày 12 tháng 10, quân Pháp đổ bộ lên thị xã Nha Trang - mặt trận ở miền Nam Trung Bộ bắt đầu.

Ngày 15-10

Thành lập Chiến khu 4 gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Khu trưởng Lê Thiết Hùng (tức Lê Văn Sửu). Chính trị viên: Hồ Tùng Mậu. Ngày 15 tháng 10 trở thành ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 4.

Ngày 17-10

Em Lê Văn Tám tẩm xăng vào người, tự thiêu, rồi chạy vào kho dầu Xi-mông Pi-ê-tơ-ri (Simon Piétri) của bọn thực dân Pháp ở Thị Nghè, Sài Gòn. Toàn bộ kho dầu bốc cháy suốt 2 ngày.

Ngày 18-10

Quân Pháp tập trung xe tăng, pháo binh, tàu chiến, có quân Nhật giúp sức mở cuộc tiến công vào phòng tuyến của ta ở khu vực cầu Thị Nghè (Sài Gòn). Bộ đội Nam tiến cùng nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương đánh chặn quyết liệt, diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí.

Ngày 19-10

Nam Trung Bộ kháng chiến. Lực lượng vũ trang địa phương cùng các chi đội Nam tiến lập phòng tuyến bao vây đánh địch ở khắp các mặt trận.

Ngày 20-10

Hội nghị quân sự Nam Bộ tại An Phú Xã (Thủ Dầu Một) chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang, thống nhất chỉ huy, phân chia khu vực hoạt động và kế hoạch chống Pháp ở Nam Bộ.

Ngày 25-10

* *Hội nghị toàn xứ của Đảng bộ Nam Bộ tại Thiên Hộ (Cái Bè, Mỹ Tho).* Tham dự hội nghị có đại biểu Ban Thường vụ Trung ương Đảng và đông đủ đại biểu các tỉnh, thành. Hội nghị chú trọng đặc biệt vấn đề tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang. Đồng chí Tôn Đức Thắng được cử ra phụ trách Ủy ban kháng chiến và chỉ đạo các lực lượng vũ trang Nam Bộ.

* *Thành lập Phòng tình báo (Bộ Tổng tham mưu)* tại nhà số 67 phố Bà Triệu, Hà Nội. Trưởng phòng: Hoàng Minh Đạo.

Ngày 25 tháng 10 trở thành ngày truyền thống của Tổng cục 2 ngày nay.

Ngày 31-10

Thành lập Chiến khu 3, gồm các tỉnh Hải Phòng, Kiến An, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương. Tư lệnh: Hoàng Minh Thảo. Chính trị viên: Lê Quang Hòa. Ngày 31 tháng 10 được xác định là ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 3.

Tháng 11

* *Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Tây Bắc.* Nhiệm vụ là chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng Bộ tăng cường sẵn sàng chiến đấu ngăn chặn quân Pháp từ Vân Nam (Trung Quốc) kéo vào Lai Châu,

phá âm mưu chiếm Tây Bắc làm bàn đạp tiến xuống Bắc Bộ và sang Lào của địch. Từ tháng 11 năm 1945 đến tháng 4 năm 1946 Bộ Tổng tham mưu điều động 7 đại đội từ Hà Nội, Bắc Giang, Hà Đông, Sơn Tây, Nam Định, Vinh Yên, Phúc Yên, Hà Nam, Ninh Bình tăng cường cho Tây Bắc xây dựng cơ sở và đánh địch.

* *Hội nghị các đồng chí phụ trách Đảng trong Vệ quốc đoàn*, bàn việc liên lạc và xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội.

Ngày 25-11

* *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc của Trung ương Đảng*. Bản chỉ thị vạch rõ đường lối và nhiệm vụ cơ bản của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn mới. Về nhiệm vụ của cách mạng, bản chỉ thị viết: "Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Nhiệm vụ cơ bản của toàn dân ta lúc này là củng cố chính quyền nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân". Chỉ thị còn nêu rõ những nhiệm vụ cụ thể về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính, văn hoá, hướng dẫn toàn Đảng, toàn dân chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng.

* Sau 15 ngày bao vây, quân ta tiêu diệt gọn 200 quân Pháp, giải phóng thị xã Phan Rang.

Ngày 10-12

* Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ (mở rộng) tại Bình Hòa Nam quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam và chia Nam Bộ thành ba khu 7, 8, 9.

Chiến khu 7 gồm các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa và thành phố Sài Gòn. Chiến khu 8 gồm các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Sa Đéc. Chiến khu 9 gồm các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Trà Vinh, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng.

* Tại Vinh (Nghệ An) thành lập *Chi đội Giải phóng quân Đội Cung*. Chi đội trưởng: Hoàng Quang Việt; Chính trị viên: Phạm Thùy. Tháng 6 năm 1946, chi đội chuyển thành Trung đoàn 57.

Tháng 12

* Tám tàu chiến Mỹ chở lực lượng của sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 cùng một tiểu đoàn dù, gồm 5.000 tên đến Sài Gòn, do Lơ Cléc chỉ huy mở cuộc càn quét khu vực bắc, nam Sài Gòn.

* *Thành lập một số chi đội, đại đội Vệ quốc đoàn ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Nam Bộ*. Ở Nam Trung Bộ có các chi đội: Trần Cao Vân (Quảng Nam), Lê Trung Đình (Quảng Ngãi), Phan Đình Phùng (Bình Định), Chi đội 1 (Bình Thuận), Chi đội 2 (Ninh Thuận), Chi đội 3 (Khánh Hòa), Hoàng Hoa Thám (Kon Tum), Chi đội 51; hai đại đội Nơ Trang Lơng (Đắc Lắc), Phan Thanh (Đà Nẵng) và một số phân đội ở Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Ở Nam Bộ có các chi đội 2,

3, 4, 7, 21, 25 (bộ đội Bình Xuyên), chi đội 6 (Gia Định), chi đội 1 (Thủ Dầu Một), Chi đội 17 (Mỹ Tho), Chi đội 18 (Sa Đéc), Chi đội 10 (Biên Hòa), Chi đội 11 (Tây Ninh), Chi đội 12 (Gia Định), Chi đội 13 (công nhân Sài Gòn), Chi đội 14 (Tân An), Chi đội 15 (Chợ Lớn).

* Các chi đội Nam tiến Hà Nội, Nghệ An, Quảng Ngãi, Nam Định, Ninh Bình, các chiến sĩ du kích Ba Tơ cùng đồng bào các dân tộc chặn đánh quân Pháp ở Tây Nguyên.

* Thành lập *Ban Y tế Vệ quốc đoàn*.

Giám đốc: bác sĩ Vũ Văn Cẩn.

NĂM 1946

Tháng 1

Trung ương Đảng quyết định thành lập Trung ương Quân ủy, đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư. Đây là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong quân đội, giúp Trung ương Quân ủy về mặt chính trị, có ủy ban Chính trị và ủy ban Đảng vụ.

* Tiếp và trả lời phỏng vấn của các nhà báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *"Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải chúc Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác, thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận... Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".*

Ngày 22-1

Chính phủ ban bố "Quốc lệnh" gồm 10 điều thưởng và 10 điều phạt. Trong 10 điều thưởng có các điều: "1. Nhà nào có 3 con tòng quân sẽ được thưởng. 2. Ai lập được quân công sẽ được thưởng. 3. Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng...". Trong 10 điều phạt có các điều: "1. Thông tin với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử. 2. Trái quân lệnh sẽ bị xử tử. 3. Ra trận tự ý rút lui sẽ bị xử tử. 5. Phá hoại quân chế sẽ bị xử tử. 6. Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử...".

Ngày 6-3

Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp. Từ cuối tháng 2 chính phủ phản động Tưởng Giới Thạch đã bí mật đàm phán với bọn thực dân Pháp mưu mô để quân đội Pháp được vào miền Bắc Việt Nam thay thế cho gần 20 vạn quân Tưởng làm nhiệm vụ tước vũ khí của quân đội Nhật sắp rút về nước. Ngày 3 tháng 3, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ngày 5 tháng 3, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng phân tích tình hình và thông qua chủ trương tạm thời hòa hoãn với thực dân Pháp. Đây là chủ trương đúng đắn và sáng suốt, cách mạng đã loại trừ được một

kẻ thù hung ác là Tướng Giơri Thạch và bè lũ tay sai do đế quốc Mỹ điều khiển, tranh thủ thêm một thời gian củng cố, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào. Thực hiện chủ trương trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Hiệp định sơ bộ - bản hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với nước ngoài với đại diện Chính phủ Pháp tại ngôi nhà số 2 phố Lê Lai (nay là nhà văn hóa thiếu nhi Hà Nội). Nội dung tóm tắt của bản Hiệp định là:

- Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính của mình trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.

- Pháp cam đoan sẽ thừa nhận kết quả của việc trưng cầu ý dân về thống nhất ba kỳ.

- Việt Nam thuận để 15.000 quân Pháp vào Bắc Việt Nam thay quân Tưởng và sẽ rút đi sau một thời gian quy định.

- Đình chiến để đàm phán chính thức.

Do kết quả của Hiệp định mà “gần một năm hòa bình đã cho chúng ta thời giờ để xây dựng lực lượng căn bản” (báo cáo Đại hội Đảng năm 1951).

Ngày 9-3

Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Hòa để tiến”, nêu bật nhiệm vụ của Đảng là giải thích và thống nhất tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ trương của Đảng và Chính phủ là đúng đắn. Chỉ thị nêu rõ việc ký hiệp định là nhằm tạm thời hòa hoãn với Pháp, nhanh chóng đẩy 20 vạn quân Tưởng về nước, tránh phải đối phó một lúc với nhiều kẻ thù. Đồng thời nhấn mạnh: kiên quyết chống lại các biểu hiện bi quan, dao động, hoặc “tả khuynh”, chủ quan mất cảnh giác trong khi thi hành hiệp định; duy trì và phát triển thực lực về quân sự, cảnh giác, tích cực chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu nếu thực dân Pháp phản bội hiệp định.

Ngày 25-3

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 34-SL) quy định về tổ chức Bộ Quốc phòng gồm các cục: Chế tạo Quân nhu, Chế tạo Quân giới, Chính trị, Tình báo, Quân chính, Quân huấn, Công chính giao thông, Quân pháp, Quân nhu, Quân y và Văn phòng.

Ngày 16-4 - 23-5

Phái đoàn *Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sang thăm nước Cộng hòa Pháp.* Do sự thỏa thuận của hai Chính phủ, phái đoàn Quốc hội ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm thân thiện Quốc hội và nhân dân Pháp. Nhiệm vụ của phái đoàn như Hồ Chủ tịch căn dặn trước khi lên đường là: “Đoàn kết, cẩn thận, làm cho nước Pháp hiểu ta để gây tình hữu nghị giữa hai dân tộc”. Cuộc đi thăm nước Pháp của phái đoàn Quốc hội đã thành công tốt đẹp.

Ngày 17-4

Bộ Quốc phòng ra nghị định (số 13-NĐ) thành lập Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn trên cơ sở Trường Huấn luyện cán bộ Việt Nam. Giám đốc: Hoàng Đạo Thúy. Phó giám đốc: Trần Tử Bình.

Ngày 26 tháng 5 năm 1946, trường khai giảng tại Sơn Tây (228 học viên). Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự, tặng Trường lá cờ đỏ có thêu 6 chữ vàng: “Trung với nước, hiếu với dân”. Người nói: “Trung với nước, hiếu với dân là bốn phạm thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề, nhưng cũng là một vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta”.

Ngày 6-5

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 60-SL) đổi tên “Ủy ban kháng chiến toàn quốc hội” thành “Quân sự ủy viên hội”. Sắc lệnh gồm 7 điều quy định tên gọi, thành viên, chức năng, quyền hạn và các cơ quan của Quân sự ủy viên hội.

Ngày 7-5

Trận tập kích lớn đầu tiên ở phân khu Vạn Giã gồm Vạn Giã, vị trí Hiền Lương và vị trí Đồn Điền (Khu 5) tiêu diệt hai phần ba lực lượng địch và thu hơn một ngàn khẩu súng.

Ngày 22-5

Sắc lệnh đổi tên Vệ quốc đoàn thành Quân đội quốc gia của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong quân đội có một hệ thống biên chế thống nhất theo từng trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội. Từ cấp trung đội trở lên có chính trị viên.

Ngày 20-6

Bộ Quốc phòng ra nghị định (số 49-NĐ) quy định một số điểm trong Quân đội quốc gia, gồm 7 chương, 48 điều. Chương I: Quân phục, phù hiệu, cấp hiệu. Chương II: Sổ sách tuyển binh. Chương III: Quân phong quân kỷ. Chương IV: Công việc trong đồn trại. Chương V: Công việc hàng ngày trong mỗi đại đội. Chương VI: Vệ sinh và thứ tự. Chương VII: Công tác ở địa phương.

Sắc lệnh đặt nền tảng đầu tiên cho việc xây dựng quân đội chính quy của một quốc gia độc lập.

Cuối tháng 6

Tây Nguyên kháng chiến anh dũng. Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ 6-3, trong những ngày còn đang họp trù bị ở Đà Lạt bọn thực dân Pháp ở Đông Dương đã xúc tiến tập trung tấn công hòng mở rộng vùng chúng chiếm đóng ở cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Quân và dân ta ở Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ đã chặn đánh quân địch ở Buôn Hồ, Plây Cu, An Khê, Kon Tum, tiêu diệt hàng trăm tên.

Tháng 7

Thành lập bốn trung đoàn: 79 (Đắc Lắc), 80 (Khánh Hòa), 81 (Ninh Thuận), 82 (Bình Thuận).

Tháng 8

Bộ Quốc phòng quyết định thống nhất chỉ đạo các xưởng sản xuất và sửa chữa vũ khí trong cả nước đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Cục Chế tạo. Các xưởng vũ khí được lệnh tạm dừng việc sản xuất súng trường và tiểu liên để tập trung sản xuất lựu đạn và đạn DAM, nhằm trang bị kịp thời cho quân đội ta đánh giặc Pháp.

Ngày 9-9

Bộ Quốc phòng ra nghị định (số 101-NĐ) về "Các hiệu lệnh bằng tiếng kèn dùng trong quân đội quốc gia Việt Nam", gồm 38 hiệu lệnh, như: đứng nghiêm, chào Quốc kỳ, báo thức thường ngày, báo thức ngày lễ, tập hợp, điểm danh, cử lễ gắn huy chương...

Tháng 11

* Cả nước chia thành 12 khu hành chính và quân sự:

Khu 1: Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phúc Yên.

Khu 2: Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu.

Khu 3: Hải Phòng, Kiến An, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương.

Khu 4: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên.

Khu 5: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Công Tum, Gia Lai.

Khu 6: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng.

Khu 7: Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn, Sài Gòn.

Khu 8: Tân An, Gò Công, Mỹ Tho, Sa Đéc, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre.

Khu 9: Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá.

Khu 10: Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Vĩnh Yên.

Khu 11: Hà Nội.

Khu 12: Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hòn Gai, Quảng Yên.

Mỗi khu có ủy ban kháng chiến khu phụ trách hành chính, khu trưởng phụ trách quân đội.

Đến 25-1-1948 chuyển thành liên khu: Bắc Bộ có 3 liên khu 1, 3, 10, Trung Bộ có Liên khu 4, 5, Nam Bộ thành 1 liên khu.

* *Thành lập Ủy ban bảo vệ, Ban chỉ huy và Đảng ủy mặt trận Hà Nội.* Đồng chí Nguyễn Văn Trân - Bí thư Đảng ủy mặt trận kiêm Chủ tịch ủy ban bảo vệ thành phố. Đồng chí Trần Quốc Hoàn - Phó bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo chung.

* *Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng chỉ huy ra mệnh lệnh cho Bộ Tổng tham mưu điều động lực lượng tăng cường cho Hải Phòng; đồng thời lệnh cho bộ đội ta chỉ nên có những hành động tự vệ.* Từ ngày 20 đến 26 tháng 11, Trung đoàn 41 cùng lực lượng tự vệ và nhân dân Hải Phòng dựng chiến lũy, đánh bật nhiều đợt tiến công có xe tăng của quân Pháp xâm lược trên các đường phố. Ngày 26 tháng 11, thực hiện mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, bộ đội và tự vệ Hải Phòng rút ra ngoài thành phố, xây dựng phòng tuyến tiếp tục chiến đấu.

Ngày 20 - 27-11

Thực dân Pháp tập trung quân đánh phá thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn.

Tại Hải Phòng, bộ binh và xe tăng Pháp bất ngờ mở cuộc tiến công vào các vị trí trong thành phố. Trung đoàn 91, Tự vệ thành, Công an xung phong và nhân dân Hải Phòng dựng chiến lũy, đánh quân Pháp trên các đường phố. Tại khu vực Nhà hát thành phố, 17 chiến sĩ Vệ quốc quân và 12 chiến sĩ Đội tuyên truyền xung phong dùng lựu đạn, lưới lê đánh bật nhiều đợt tiến công có xe tăng của địch. Ngày 26 tháng 11, Vệ quốc quân rút ra ngoài thành phố, lập phòng tuyến chặn đánh địch.

Tại Lạng Sơn, Trung đoàn 125, tự vệ và nhân dân thị xã kiên cường đánh trả quân Pháp xâm lược, gây cho địch nhiều thiệt hại ở Trường Nữ học và khu vực chợ Kỳ Lừa. Ngày 27 tháng 11, các đơn vị rút ra ngoài thị xã, lập phòng tuyến tiếp tục chiến đấu.

Ngày 19-12

Bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của cả nước. Sau khi bọn tướng tá Pháp họp bàn ở Hải Phòng, ngày 17 quân Pháp nổ súng gây hấn tại Hà Nội: bắn vào trụ sở tự vệ, gây thảm sát ở phố Hàng Bún, Yên Ninh. Ngày 18 chúng chiếm trụ sở Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Đêm 18 chúng gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí của tự vệ và đòi chiếm Sở Công an Hà Nội. Âm mưu địch chiếm lại nước ta đã rõ ràng. Từ đêm 19 tháng 12 tiếng súng kháng chiến ở Hà Nội và nhiều nơi khác mở đầu cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 20-12

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!”.

Ngày 22-12

Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị toàn dân kháng chiến. Về cuộc trường kỳ kháng chiến, bản chỉ thị vạch rõ: “Mục đích: đánh phản động thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất và độc lập; tính chất: trường kỳ kháng chiến, toàn diện kháng chiến; chính sách: đoàn kết chặt chẽ toàn dân, thực hiện toàn dân kháng chiến, đoàn kết với Miên, Lào và thân thiện với các dân tộc yêu chuộng hòa bình, liên hợp với nhân dân Pháp chống phản động thực dân Pháp; cách đánh: triệt để dùng du kích, vận động chiến, bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài, triệt để làm cho địch đói khát, què, mù, điếc, căm, tiêu hao, mỗi mết, chán nản. Vừa đánh vừa vũ trang thêm, vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ”.

Tiếp đó, đồng chí Trường Chinh - Tổng bí thư của Đảng đã viết một loạt bài “Kháng chiến nhất định thắng lợi” giải thích đường lối kháng chiến của Đảng (những bài này đăng liên tiếp trên báo Sự thật, sau đó xuất bản thành tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi*).

NĂM 1947

Ngày 6-1

Thành lập Trung đoàn Thủ đô (lúc đầu mang tên Trung đoàn Liên khu 1), trên cơ sở thống nhất các lực lượng Vệ quốc đoàn, Tự vệ, Công an xung phong trong Liên khu. Hội nghị quân sự toàn quốc (từ 12 đến 15-1-1947) tặng đơn vị danh hiệu “Trung đoàn Thủ đô”.

Trung đoàn biên chế ba tiểu đoàn (101, 102, 103) do đồng chí Hoàng Siêu Hải làm Trung đoàn trưởng, đồng chí Lê Trung Toàn - Chính trị viên và đồng chí Hoàng Phương - Tham mưu trưởng.

Ngày 13 tháng 1, Trung đoàn làm lễ tuyên thệ tại rạp hát Tố Như (nay là rạp Chuông Vàng), thề "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

Ngày 12 - 16-1

Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất tiến hành tại Chúc Sơn (Chương Mỹ, Hà Đông). Hội nghị nhận định: Với viện binh đang kéo tới, quân Pháp sẽ mở rộng phản công và tiến công. Nhiệm vụ chính của chúng ta là: Bảo toàn chủ lực, duy trì sức chiến đấu của bộ đội, triệt để tiêu thổ kháng chiến, phá hoại đường sá, nhà cửa, làm vườn không nhà trống, xây dựng các đội quân đặc biệt như đội cảm tử diệt xe tăng, đội đánh địa lôi... để ngăn chặn bước tiến của địch.

Ngày 17-1

Quân Pháp từ Nam Ô đánh lên đèo Hải Vân và đổ bộ vào Lăng Cô, nhằm kiểm soát đường qua đèo Hải Vân để tiếp viện cho một bộ phận lực lượng của chúng đang bị quân dân Thừa Thiên vây đánh trong thành phố Huế. Vệ quốc đoàn chặn đánh địch trên cả hai tuyến đường bộ và đường sắt. Sau 3 ngày chiến đấu, ta diệt hơn 200 lính Âu Phi.

Ngày 25-1

Đồng chí Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, đồng chí Hoàng Văn Thái - Tổng tham mưu trưởng đến sở chỉ huy Mặt trận Hà Nội (đóng tại Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội) cùng Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội bàn kế hoạch chỉ đạo Trung đoàn Thủ đô chiến đấu bảo vệ Hà Nội. Các đơn vị phía ngoài Liên khu 1 cử các phân đội nhỏ, bí mật luồn vào nội thành đánh quấy rối, tiêu hao sinh lực địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó.

Ngày 16-2

* Ta đánh trận Tâm Vu (Cần Thơ) tiêu diệt hoàn toàn đoàn xe địch có tên trung tá chỉ huy và thu toàn bộ vũ khí.

* *Hội nghị Trung ương Quân ủy lần thứ nhất (mở rộng)* ra nghị quyết quy định về vấn đề tổ chức, tuyên truyền, huấn luyện, liên lạc báo cáo, nhiệm vụ, kỷ luật.

Ngày 17-2

Kết thúc 57 ngày đêm chiến đấu dũng cảm của quân và dân Thủ đô. Trong 57 ngày đêm Trung đoàn Thủ đô đã tiêu diệt gần 2.000 tên địch, nổi tiếng với những trận đánh ở nhà Xô-va, chợ Đồng Xuân, trường Trần Nhật Duật, hoàn thành nhiệm vụ tiêu hao, tiêu diệt địch và giam chân một lực lượng lớn quân đội Pháp ở Hà Nội. Ngày 17 tháng 2 Trung đoàn được lệnh bí mật rút khỏi Thủ đô, vượt sông Hồng sang vùng tự do ở Vĩnh Phúc một cách an toàn.

Tháng 2

* *Cuộc kháng chiến lan rộng từ thành phố về nông thôn.* Từ ngày toàn quốc kháng chiến quân dân ta bao vây đánh địch ở khắp các mặt trận. Toàn bộ quân đội Pháp ở thành phố Vinh bị tiêu diệt gọn; quân Pháp ở Bắc Giang, Bắc Ninh phải rút chạy; ở Hà Nội, Nam Định, Huế, Đà Nẵng, quân địch bị vây hãm, tiêu hao, tiêu diệt. Sau khi địch có thêm nhiều viện binh, quân ta chủ trương “không đánh trận địa với địch, không đương đầu với hỏa lực mạnh của địch” và “tránh mũi dùi chủ lực của địch để bảo toàn chủ lực và duy trì sức chiến đấu của bộ đội ta” nên đã rút ra ngoài thành phố sau thời gian vây hãm 60 ngày ở Hà Nội, 90 ngày ở Nam Định, 50 ngày ở Huế và 25 ngày ở Đà Nẵng. Cuộc kháng chiến lan rộng về vùng nông thôn.

* *Thống nhất tên gọi các lực lượng nửa vũ trang là dân quân* do chính quyền địa phương chỉ đạo. Lực lượng dân quân chia ra: dân quân du kích có nhiệm vụ đánh giặc giữ làng và dân quân tự vệ đảm nhận công tác hậu phương.

* *Hội nghị đại biểu các Ban liên lạc các chiến khu*, bàn nguyên tắc, trách nhiệm tổ chức mạng liên lạc đặc biệt giữa Bộ Tổng chỉ huy với các chiến khu và ngược lại.

Ngày 6 - 12-3

Quân ta ở Nam Định tiêu diệt hơn 300 tên địch khi chúng tập trung quân từ Hà Nội xuống phá vây cho bọn đang bị bao vây trong thành phố từ ngày Toàn quốc kháng chiến. Theo Hiệp định sơ bộ tại Nam Định có 650 quân Pháp đóng ở nhà máy Sợi, nhà máy Tơ và Ga. Từ ngày 19 tháng 12 năm 1946 quân ta bao vây và đánh bật chúng ra khỏi nhà ga và Nhà máy tơ. Quân dân Nam Định đã kiên trì bao vây chặn đánh quân cứu viện trong suốt 90 ngày đêm, tiêu diệt nhiều lực lượng địch.

Ngày 8-3

Quân ta phản công ở Ô Môn (Nam Bộ) tiêu diệt 400 tên địch khi chúng đánh vào vùng căn cứ của ta.

Tháng 3

* *Chính phủ quyết định đổi tên Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia thành Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ*, thành lập các ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội thuộc ủy ban kháng chiến các cấp. Tiếp theo những quy định về tổ chức “mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi vào dân quân” và tăng cường cán bộ tổ chức, những tổ chức vũ trang của quần chúng đã trở thành một bộ phận trong các lực lượng vũ trang của Nhà nước. Đến đây lực lượng vũ trang của ta bắt đầu có phân biệt rõ: bộ đội chính quy, du kích địa phương thoát ly sản xuất (bộ đội địa phương) và dân quân tự vệ không thoát ly sản xuất.

* *Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy ra chỉ thị về phương châm xây dựng các cơ sở sản xuất quốc phòng.* Chỉ thị nêu rõ: Việc xây dựng các xưởng sản xuất quốc phòng phải có quy mô, cơ động linh hoạt, phân tán nhẹ nhàng, thuận tiện cho việc di chuyển; chuẩn bị địa điểm dự bị và kế hoạch di chuyển khi cần thiết, tăng

cường sản xuất các loại vũ khí để phục vụ tác chiến. Việc tổ chức sản xuất phải kết hợp cơ khí và thủ công, cố định và lưu động.

Ngày 21-3

Quân dân vùng Vân Đình (Hà Đông) và thị xã Phủ Lý chặn đánh địch nhiều trận, tiêu diệt hơn 800 tên địch. Bắn rơi 3 máy bay (ở Miếu Môn, chiến sĩ ta dùng súng trường bắn rơi 1 máy bay), phá hủy 7 xe cơ giới khi địch tập trung hơn 5.000 quân từ Nam Định và Hà Đông đánh sâu vào Nho Quan (Ninh Bình) hòng lũng phá cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ.

Ngày 29-3

Bốn tiểu đội thuộc hai tiểu đoàn 16 và 18 (Trung đoàn Trần Cao Vân) tập kích đồn Đất Đỏ (Khu 4) diệt một trung đội Pháp, bắt tù binh, thu nhiều vũ khí, đạn dược. Trận tập kích mở đầu sự chuyển hướng thường đánh “dàn trận” sang “du kích, vận động” của các lực lượng vũ trang trên chiến trường Bình Trị Thiên.

Tháng 4 - tháng 5

Các chiến trường đẩy mạnh chống càn và đánh giao thông. Ở Bắc Bộ: tiểu đoàn 60 (Khu 2) phá chiến dịch đường số 6 của địch. Quân và dân làng Cự Nẫm (Quảng Bình) đánh bại cuộc càn lớn của địch, được tuyên dương là “Làng chiến đấu kiểu mẫu”. Ở Trung Bộ: trung đoàn 81 phục kích diệt 40 tên địch tại Suối Ván, tiếp đó diệt 4 xe quân sự, 35 tên địch tại Lăng Ông. Tiểu đoàn 193 (Trung đoàn 108) diệt một đoàn xe quân sự, thu nhiều vũ khí tại đèo Hải Vân. Ở Nam Bộ: bộ đội Khu 8 diệt một đoàn xe vận tải quân sự tại Giồng Dừa; bộ đội Khu 9 phá hủy 6 xe vận tải, diệt hơn 100 lính Pháp, thu nhiều vũ khí tại Tầm Vu (Rạch Giá). Qua các trận đánh trên, bộ đội ta được rèn luyện, tiến bộ trong cách đánh “du kích vận động chiến”.

Ngày 22-5

Trận phục kích ở đèo Hải Vân (Quảng Nam) tiêu diệt một đoàn xe vận tải. Trong trận này một đại tá và hai đại úy Pháp phải đền tội.

Ngày 2-7

Quân ta bắt đầu đánh mạnh vào An Khê (Bình Định) tiêu diệt nhiều tên địch, buộc chúng vội vã rút ba cánh quân lớn, bỏ dở cuộc hành quân xuống vùng Đình Quang, Đôn Hào, Hang Dơi, Vườn Xoài (Bình Định).

Ngày 14-7

Chi đội 10 Biên Hòa phục kích đánh đoàn tàu hỏa quân sự của Pháp ở Bầu Cá, trên đường sắt Biên Hòa - Phan Thiết. Sau khi dùng mìn điện tự chế từ bom 50 kg lấy được của địch đánh đổ đoàn tàu, bộ đội ta tiến công, loại khỏi vòng chiến đấu gần 200 tên địch, thu 60 súng các loại và 3 máy vô tuyến điện.

Ngày 27- 29-9

Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ tư, nhận định hướng tiến công của địch, xác định: “Bắc Bộ sẽ là chiến trường chính, nếu địch không mạo hiểm thì đánh

đồng bằng, nếu mạo hiểm chúng sẽ đánh lên Việt Bắc". Hội nghị chủ trương: "Kiên quyết nắm vững bộ đội, giữ gìn chủ lực, tiêu diệt từng bộ phận quân địch, bảo vệ căn cứ, thực hiện phối hợp giữa các khu và phối hợp chiến lược toàn quốc, phá tan âm mưu lập nguy quyền của địch. Cách đánh của ta là du kích chiến và vận động chiến, dùng đơn vị đại đội để hoạt động trên chiến trường của mỗi địa phương".

Ngày 7-10 - 22-12

Chiến dịch Việt Bắc. Quân địch tập trung một lực lượng lớn gồm hơn một vạn quân (có 2 binh đoàn tinh nhuệ, 40 máy bay, 800 xe cơ giới, do trung tướng Xalăng (Salan) chỉ huy, chia làm 3 hướng đánh vào Việt Bắc, căn cứ địa cách mạng của cả nước, hồng tiêu diệt cơ quan lãnh đạo Trung ương và bộ đội chủ lực của ta, chặn đường tiếp tế và liên lạc của ta với bên ngoài, phá hoại kinh tế và tàn sát nhân dân vùng căn cứ địa.

Bộ Tổng chỉ huy ta sử dụng các trung đoàn 147, 165 (chủ lực Bộ); 72, 74, 121 (Khu 1); 11, 36, 59, 98 (Khu 12); 1 tiểu đoàn pháo binh và Trung đoàn Sông Lô (Khu 10), 5 tiểu đoàn độc lập của Bộ, Khu 1 và 12, các đơn vị binh chủng và du kích đánh chặn cuộc tiến công lớn của quân Pháp lên Việt Bắc.

Chiến dịch diễn ra thành hai đợt (7-10 - 20-11, 21-11 - 22-12). Các đơn vị thực hiện phương châm "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" và cách đánh du kích, vận động đánh địch trên các địa bàn, trọng điểm là các mặt trận đường số 3, đường số 4 và Sông Lô, bẻ gãy các mũi tiến công đường không, đường bộ và đường thủy của binh đoàn đổ bộ đường không, binh đoàn bộ binh thuộc địa, lính thủy đánh bộ cùng lực lượng dự bị của Pháp (tổng số khoảng 1,2 vạn quân). Bộ đội ta đánh nhiều trận, gây cho địch tổn thất lớn: Bắn rơi tại chỗ máy bay chở viên tham mưu phó quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, thu tài liệu kế hoạch chiến dịch của địch (9-10); phục kích tại bản Sao - đèo Bông Lau (30-10); bắn tàu chiến, ca nô tại Khoan Bộ (23-10), Đoan Hùng (24-10), La Hoàng (2-11), Khe Lau (10-11)... trên sông Lô; tập kích đồn Phủ Thông (30-11); phục kích tại đèo Giàng trên đường số 3 (15-12)...

Toàn chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 quân Pháp, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô, phá hủy 100 khẩu pháo, cối, hàng nghìn súng, hàng trăm xe quân sự, thu hàng chục tấn chiến lợi phẩm.

Chiến thắng Việt Bắc đã làm phá sản chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp, bảo toàn và phát triển bộ đội chủ lực, bảo vệ cơ quan lãnh đạo kháng chiến cả nước, đưa cuộc kháng chiến của quân và dân ta phát triển sang giai đoạn mới, đánh dấu mốc hình thành của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam.

Ngày 8-10

Ta đợt kích thị xã Ninh Hòa (Nam Trung Bộ) tiêu diệt 450 tên địch.

Tháng 10

Bộ Tổng chỉ huy quyết định tổ chức lại chiến trường Bắc Bộ thành ba Liên khu lâm thời: Khu A gồm Khu 12, Khu 1, hai tỉnh Vĩnh Yên và Tuyên Quang. Liên khu trưởng: Chu Văn Tấn, Liên khu phó: Lê Hòa, Chính trị viên: Nguyễn Vinh.

Khu B gồm Khu 10, Khu 14 (trừ hai tỉnh Vĩnh Yên), Tuyên Quang. Liên khu trưởng: Bằng Giang, quyền Liên khu phó: Lê Trọng Tấn, Chính trị viên: Song Hào.

Khu C gồm Khu 2, 3 và 11. Liên khu trưởng: Hoàng Sâm, Chính trị viên: Lê Hiến Mai, các ủy viên: Hoàng Minh Thảo, Lê Quang Hòa.

Ngày 12-12

Thành lập Ban Quân sự Nam Bộ. Trưởng ban: Nguyễn Thanh Sơn.

Tháng 12

Ở Nam Trung Bộ, Trung đoàn 81 mở thông đường liên lạc mang tên “*Đường Hồ Chí Minh*” dài hơn 300km, nối liền Nam Trung Bộ với Nam Bộ (từ Phú Yên đến Bà Rịa), góp phần đưa đón cán bộ, bảo đảm thông tin liên lạc, tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Ngày 31-12

Quân ta phục kích ở ga Sông Phan (Nam Trung Bộ) phá 1 đầu máy, 20 toa xe, diệt 300 tên địch.

NĂM 1948

Ngày 1-1

Thành lập tiểu đoàn pháo binh 410 (Liên khu 10), nòng cốt là 5 trung đội (175, 200, 250, 225, 275) thuộc Ban Pháo binh Khu 10 cũ, do đồng chí Phạm Văn Đôn làm tiểu đoàn trưởng. Đây là tiểu đoàn pháo binh tập trung đầu tiên của quân đội ta.

Đầu năm 1948

Thành lập các Trung đoàn 300, 301, 302, 304, 306, 307, 308, 310, 311, 312 và một tiểu đoàn lưu động thuộc Khu 7. Sau khi thành lập, Trung đoàn 302 sáp nhập thêm một chi đội và đổi thành Trung đoàn 309; hai Trung đoàn 307 và 309 sáp nhập thành Trung đoàn 397.

Tháng 1

* *Đờ La-tua (De Latour), tư lệnh quân Pháp ở Nam Bộ vạch kế hoạch bình định đồng bằng Nam Bộ:* Thiết lập một hệ thống đồn bốt tháp canh dày đặc, kết hợp với hàng loạt cuộc hành quân càn quét triệt để phá cơ sở kháng chiến, tiêu diệt hoặc đánh bật chủ lực ta khỏi đồng bằng, tách bộ đội với nhân dân, tăng vùng địch kiểm soát, chúng tiến hành nhiều cuộc càn nhỏ, sử dụng lực lượng cơ đại đội, tiểu đoàn chà xát nhiều lần, đồng thời mở những cuộc càn chớp nhoáng vào căn cứ du kích của ta.

* Các đơn vị đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá âm mưu bình định của địch.

Ở Bắc Bộ: tiểu đoàn 223 (trực thuộc Bộ), tiểu đoàn 249 (Trung đoàn 28 Lạng Sơn) cùng một số đại đội độc lập, dân quân, du kích phá hủy bốn xe quân sự, diệt gần hai trung đội địch, thu nhiều chiến lợi phẩm tại Bó Củng - Lũng Vài trên đường số 4A (8-1). Sau trận này, tiểu đoàn 223 được tặng danh hiệu "*Tiểu đoàn Lũng Vài*".

Ở Trung Bộ: bộ đội công binh (Trung đoàn 82) đánh phục kích làm đổ một đoàn tàu quân sự địch tại khu vực Suối Kiệt (7-1). Trung đoàn 108 (Khu 5) đánh đoàn xe 62 chiếc có 1.500 lính và máy bay yểm trợ tại đèo Hải Vân, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 400 tên, thu nhiều vũ khí (24-1).

Ở Nam Bộ: một số đơn vị thuộc Khu 7 đánh bại cuộc hành quân Vê-ga của 11 tiểu đoàn địch có xe bọc thép lội nước, pháo binh, máy bay chi viện tại chiến khu Đồng Tháp Mười (14 đến 18-1). Đây là trận chống càn lớn nhất từ trước đến nay của các lực lượng vũ trang Khu 7.

Ngày 20-1

* *Các sắc lệnh phong quân hàm cho các đồng chí lãnh đạo quân đội.* Quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp; quân hàm Trung tướng: đồng chí Nguyễn Bình; quân hàm Thiếu tướng: các đồng chí Nguyễn Sơn, Thiết Hùng, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa, Trần Tử Bình, v.v... Việc phong quân hàm trên đánh dấu sự trưởng thành của quân đội cách mạng.

* *Bộ Tổng chỉ huy ra chỉ thị (số 114-BT) về xây dựng căn cứ địa Tây Bắc,* một nhiệm vụ quan trọng về chính trị và quân sự, nhằm "bảo toàn lãnh thổ, giải phóng đồng bào, mở rộng căn cứ địa dự bị ở Bắc Bộ, phá tan âm mưu dùng người Việt trị người Việt. Chỉ thị đề ra phương châm công tác của các lực lượng vũ trang tại Tây Bắc.

Tháng 2

Tổng chỉ huy quyết định thành lập Đội vũ trang công tác biên phòng (gọi tắt là Vũ công đội biên phòng), hoạt động ở các tỉnh biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang. Ngày 20 tháng 5 năm 1948, Tổng chỉ huy ra nghị định (số 151/TCH) thống nhất các đội vũ trang tuyên truyền ở biên giới vào hệ thống của quân đội quốc gia. Phụ trách: Lý Ban - đặc phái viên Bộ Tổng chỉ huy.

Ngày 1-3

Trung đoàn 310 (Biên Hòa) do trung đoàn phó Nguyễn Văn Lung chỉ huy, cùng du kích phục kích đoàn xe quân sự của địch tại La Ngà - Định Quán (trên đường Sài Gòn - Đà Lạt), phá hủy gần 60 xe, diệt 150 tên địch (trong đó có đại tá Pa-ruýt, tổng tham mưu phó quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương và đại tá Sê-ri-nê, chỉ huy sư đoàn lê dương số 13).

Ngày 7 - 23-3

Các đại đội 105, 117, 124 bộ đội địa phương cùng dân quân, du kích chống càn tại Hòa Mỹ (Hương Trà, Thừa Thiên), diệt và làm bị thương 200 tên địch, bắn rơi 2 máy bay.

Ngày 14-3

Trận vận động chiến đầu đầu tiên của Liên khu 5 ở Hương An (Quảng Nam) một tiểu đoàn địch bị ta bao vây, truy kích và đánh tan.

Ngày 16-3

Tiểu đoàn 48 độc lập (Liên khu 1) phối hợp với tiểu đoàn 249 Lạng Sơn phục kích, phá hủy 7 xe địch, diệt và làm bị thương hơn 140 tên trên đường số 4 (đoạn Na Sầm - Thất Khê).

Ngày 18-3

* Tiểu đoàn 45 thuộc Trung đoàn 17 chủ lực của Bộ được tăng cường hỏa lực pháo binh, tiến công cứ điểm Tu Vũ (cách Hòa Bình 25 km về phía Bắc) nhằm phá thế chiếm đóng khu tam giác Hòa Bình - Tu Vũ - Thu Cúc, thu hẹp phạm vi kiểm soát của địch. Sau một thời gian chiến đấu, Tiểu đoàn 45 diệt và làm bị thương 60 tên địch, phá hủy hai phần ba công sự. Qua trận đánh, bộ đội ta có thêm kinh nghiệm hiệp đồng giữa pháo binh và bộ binh trong tác chiến diệt cứ điểm.

* Du kích huyện Tân Biên (tỉnh Thủ Biên), do Trần Công Ân chỉ huy đánh tháp canh cầu Bà Kiên. Bằng cách cải trang, lợi dụng lúc địch thay gác, du kích bí mật tiếp cận, dùng thang leo lên, ném lựu đạn qua lỗ bắn vào tháp canh, diệt 10 tên, thu 8 khẩu súng, rồi rút lui an toàn. Cách đánh "Công đồn đặc biệt" (gọi là đặc công) ra đời từ đó.

Ngày 18 - 25-3

Bộ chỉ huy Liên khu 10 mở chiến dịch tiến công quân Pháp ở khu vực Quang Huy, Gia Hội (Nghĩa Lộ). Lực lượng tham gia gồm 4 tiểu đoàn chủ lực và dân quân, du kích địa phương. Sau hơn một tuần chiến đấu, ta diệt và bức rút 7 vị trí, buộc hàng trăm tên địch ra hàng, tạo điều kiện cho các đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập của Liên khu tiến vào hoạt động trong vùng địch tạm chiếm.

Ngày 4 - 7-4

Tiểu đoàn 73 (trung đoàn 7-4, Liên khu 1) do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Tiến Công chỉ huy, phục kích đoàn xe quân sự địch trên đường số 4A thuộc tỉnh Cao Bằng, phá hủy tại chỗ 7 xe, làm hư hỏng 50 xe, diệt và làm bị thương hơn 200 tên, thu nhiều chiến lợi phẩm.

Ngày 6-4

Cục Chính trị xây dựng đề án chính trị ủy viên và chính trị viên đề nghị Bộ Quốc phòng trình Chính phủ phê duyệt và ban hành. Nội dung đề án đề cập: "Quân đội Việt Nam ở hoàn cảnh đặc biệt, trong sự tiến bộ sẽ có những bước vượt quăng không ngờ. Cho nên, chế độ chính trị ủy viên đặt ra mà cũng có thể mau bãi bỏ. Có thể nơi này bắt đầu thi hành thì nơi khác đã không còn cần thiết. Tuy vậy, cũng phải đề phòng trong sự chuyển biến của tình thế gặp một hoàn cảnh đặc biệt nào ta phải tạm thời thỏa hiệp trong việc điều kiện quốc phòng và quân đội quốc gia. Vì thế, chế độ chính trị ủy viên nhất định phải đặt cho thành nếp... Chính trị viên đặt ra từ tiểu đoàn xuống tới trung đội".

Ngày 7-4

Đại đội 87 (tiểu đoàn 400, Trung đoàn 9) và 1 đại đội của chi đội Nguyễn Thiện Thuật (Phân khu Trị - Thiên) chống địch càn quét tại làng Đông Dương (Quảng Trị); diệt 2 trung đội địch, bắt 29 tên.

Ngày 10-4

Bốn chiến sĩ Mạc Thị Loan, Hoàng Thị Thanh, Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thị Huệ thuộc trung đội nữ biệt động Minh Khai, tiến công rạp chiếu bóng Magiét-tích (Sài Gòn) bằng lựu đạn, diệt và làm bị thương 50 sĩ quan thủy binh Pháp.

Ngày 14-4

* Phát hành công phiếu kháng chiến.

* Thủ tiêu việc lưu hành tiền đồng - một thứ tiền đúc bằng đồng dùng để mua bán từ thời phong kiến ở vùng Thanh Hóa trở vào phía Nam.

* Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 165/SL) quy định Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân tự vệ Việt Nam đổi thành *Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam*. Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân tự vệ Việt Nam gọi là Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam.

Ngày 19-4

Năm đại đội bộ đội địa phương Cần Thơ và Rạch Giá (Khu 9) phục kích, phá hủy 14 xe vận tải, diệt 200 tên địch tại Tầm Vu (Rạch Giá).

Ngày 20-4

Chi đội Nguyễn Thiện Thuật đổi phiên hiệu thành Trung đoàn 95, chi đội Trần Cao Vân đổi thành Trung đoàn 101 và chi đội Lê Trực đổi thành tiểu đoàn 274.

Ngày 25-5

Quân ta chặn đánh địch ở vùng Chợ Thi, Chợ Đìa tiêu diệt 300 tên địch khi địch dùng thủy, lục, không quân càn quét huyện Ân Thi (Hưng Yên).

Ngày 26 - 30-5

Trung đoàn 64 cùng du kích và nhân dân địa phương chống cuộc càn của 3.000 quân địch, có thủy quân, không quân và pháo binh hỗ trợ vào huyện Ân Thi (Hưng Yên). Bộ đội và du kích đã chiến đấu dũng cảm, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch, diệt hơn 200 tên, bắn chìm 3 ca nô, buộc chúng phải rút quân.

Đây là thắng lợi lớn đầu tiên của ta ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 1 - 15-6

Chiến dịch Yên Bình Xã 1. Bộ Tư lệnh Liên khu 10 sử dụng các tiểu đoàn: 532 (chủ lực Liên khu), 534 (Hà Giang), 45 (chủ lực Bộ), 2 đại đội độc lập (700 và Ngô Khê) tiến công quân Pháp ở khu vực huyện Yên Bình (nay thuộc tỉnh Yên Bái), nhằm tiêu diệt sinh lực, phá kế hoạch tiến công của địch, rèn luyện bộ đội

tác chiến tập trung. Ta tiến công thị trấn Yên Bình Xã, bao vây, tiến công, bức rút một số cứ điểm. Nhưng do ta chưa nắm vững nguyên tắc tập trung ưu thế binh hỏa lực trong tiến công cứ điểm, nên kết quả tiêu diệt địch không lớn (diệt và bắt hơn 200 tên).

Ngày 29-6

Trung đoàn 103 (Liên khu 4) do trung đoàn trưởng Tùng Lâm chỉ huy, tiêu diệt địch ở các vị trí Bà Đồn, Thụ Lộc, Cự Năm, Sen Bàng, Hy Diệt (Bắc Quảng Bình).

Ngày 7-7

* Quân dân Đồng Tháp Mười chặn địch càn quét, diệt 200 tên địch.

* Cục Chính trị báo cáo Trung ương Quân ủy về công tác chính trị 6 tháng đầu năm 1948, nêu rõ: Công tác chính trị được xây dựng trong toàn quân đã đạt được một nền tảng vững chắc. Hệ thống tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ các cơ quan chính trị được quy định rõ ràng và tiến hành điều hành thường xuyên, làm cho bộ đội hăng say luyện tập và dũng cảm chiến đấu.

Ngày 9-7

Tiểu đoàn 319 (Trung đoàn 101, Liên khu 4) diệt đồn Hà Thanh (Phú Vang, Thừa Thiên).

Tháng 7

Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ Nam Bộ lần thứ nhất tiến hành tại Chiến khu Đồng Tháp Mười quyết định phát triển phong trào dân quân, lập làng chiến đấu, xây dựng chủ lực mạnh để đánh những trận lớn, phát triển đánh giao thông, đi đến đánh đồn, tiêu diệt từng bộ phận của địch...

Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư Xứ ủy.

Ngày 27-7 đến 2-8

Nhằm tiêu diệt sinh lực, phá thế chiếm đóng của địch ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Bộ chỉ huy Liên khu 1 chỉ huy 2 trung đoàn (308, 74), 3 tiểu đoàn và một số đại đội độc lập, cùng du kích tiến công tuyến phòng thủ của địch trên đường số 3, đoạn Bắc Cạn - Ngân Sơn.

Mở đầu, Tiểu đoàn 11 (Trung đoàn 308) được tăng cường 1 đại đội pháo tiến công cứ điểm Phủ Thông. Tiếp đó, các đơn vị tăng cường đánh du kích, đánh giao thông, chặn viện trên đường số 3. Ta diệt gần 60 tên, thu hơn 50 súng. Tiểu đoàn 11 được tặng danh hiệu "*Tiểu đoàn Phủ Thông*".

Ngày 31-7

Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ (mở rộng) phân tích tình hình và quyết định: "Chiến lược của ta phải nhằm vào chống chiến lược giặc, vào sự bảo vệ dự trữ của chúng ta, bảo vệ hậu phương của ta. Ta phải gây phong trào và tạo làng chiến đấu cho các tỉnh, phải có chủ lực mạnh để đánh những trận lớn, phải đánh đồn, tiêu diệt từng bộ phận nhỏ của địch, mở rộng mặt trận ở toàn cõi Nam Bộ".

Ngày 3-8

- * Tấn công vị trí Sóc Xoài (Rạch Giá) tiêu diệt 200 tên địch.
- * Mở đầu chiến dịch Xuân Đại (Sơn La) quân ta tiêu diệt vị trí xóm Chơì và Khả Cự.

Ngày 8 - 16-8

Hội nghị lần thứ 5 của cán bộ Trung ương Đảng. Tại hội nghị này đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng trình bày văn kiện quan trọng “*Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ*”, phân tích chính xác tình hình, đánh giá đúng đắn địch, ta, vạch ra phương hướng và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam nhằm chủ động đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới. Hội nghị thảo luận và khẳng định tính chất cách mạng Việt Nam lúc này là “cách mạng dân chủ mới” và nó có hai nhiệm vụ lớn: nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong. Hai nhiệm vụ đó phải đi đôi, nó bồi bổ cho nhau và ảnh hưởng đến nhau.

Hội nghị còn nghe và thảo luận 3 báo cáo quan trọng “Kiểm thảo mùa hè và chuẩn bị thu đông 1948”; “Công tác dân vận và công tác Mặt trận dân tộc thống nhất”; “Tình hình và nhiệm vụ mới của Đảng”. Toàn thể Hội nghị tán thành các nhiệm vụ cần kíp và cốt yếu do Ban Chấp hành Trung ương đề ra để củng cố và phát triển Đảng, chấn chỉnh tổ chức, thực hiện dân chủ, thống nhất tư tưởng, hành động, nâng cao trình độ lý luận đảng viên, sửa đổi lối làm việc, thi hành một chính sách cán bộ đúng, đề cao uy tín của Đảng mặc dù Đảng chưa ra công khai và sau cùng tiến tới thành lập một ủy ban liên lạc giữa các Đảng bạn ở Đông Á. Hội nghị lưu ý về mấy vấn đề đặc biệt sau: Vấn đề tổ chức Đảng trong quân đội, vấn đề thống nhất tư tưởng và hành động trong tình hình mới.

Ngày 9-8

Đại đội du kích Lê Hồng Phong tỉnh Quảng Trị phục kích đoàn xe quân sự địch trên đường số 9, phá hủy 13 xe, diệt 25 tên địch, thu 30 súng. Đại đội được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen là “đơn vị kiểu mẫu của Liên khu 4”.

Ngày 10-8

Tiểu đoàn 274 (Quảng Trị) được một bộ phận của tiểu đoàn 400 (Trung đoàn 301) phối hợp, phục kích, phá hủy 5 xe, diệt 17 tên địch tại Tiên Lương.

Tháng 8

Thành lập Mặt trận 3 (Mặt trận Trung Du). Thiếu tướng Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng trực tiếp làm Chỉ huy trưởng mặt trận.

Ngày 18 - 31-8

Trung đoàn 209 (Trung đoàn Sông Lô) cùng nhân dân và lực lượng vũ trang Liên khu 10 chống cuộc càn Ca-ni-gu của 3.000 quân địch tại Vinh Yên, Phúc Yên.

Ngày 19-8

* *Thành lập Hội đồng quốc phòng tối cao* để nghiên cứu kế hoạch kháng chiến toàn diện trình Chính phủ duyệt và thực hiện. Chủ tịch: Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch: Lê Văn Hiến (Bộ trưởng Bộ Tài chính); các ủy viên: Phan Kế Toại (quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ), Phan Anh (Bộ trưởng Bộ Kinh tế), Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam), Tạ Quang Bửu (Thứ trưởng Bộ Quốc phòng).

* *Chính phủ ra quyết định về nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng* (tổ chức và quản trị quân đội và các cơ quan quốc phòng, điều khiển các cơ sở sản xuất quốc phòng), Tổng tư lệnh (phụ trách chỉ huy quân đội và dân quân Việt Nam, sử dụng các cơ quan giúp việc chỉ huy, quyết định việc điều động và sử dụng các sản phẩm).

Ngày 20-8

Trung đoàn 95 (Liên khu 4) do trung đoàn trưởng Nguyễn Nam Thắng và chính ủy Lê Chương chỉ huy phục kích đoàn xe 27 chiếc của địch tại đèo Tân Lâm (đường 9), phá hủy 16 xe, diệt và bắt 30 tên. Đây là trận vận động phục kích giao thông cấp trung đoàn đầu tiên trên chiến trường Bình - Trị - Thiên.

Ngày 5 - 7-10

Chiến dịch Yên Bình Xã 2. Nhằm phá kế hoạch chiếm đóng và âm mưu tiến công thu đông - 1948 của Pháp, tập dượt bộ đội tập trung đánh cứ điểm kiên cố, Bộ Tư lệnh Liên khu 10 sử dụng tiểu đoàn 453, đại đội 22 (Trung đoàn 115), 2 đại đội độc lập (671, 672), 1 đại đội sơn pháo 75mm, mở chiến dịch tiến công địch ở huyện Yên Bình (Yên Bái) lần 2. Sau 3 trận chiến đấu, bộ đội ta diệt và làm bị thương 58 tên địch, thu một số vũ khí, lương thực, giải phóng 70 gia đình bị địch tập trung ở Yên Bình Xã.

Ngày 8-10 - 7-12

Chiến dịch Đông Bắc I (Đông Bắc - Bắc Bộ), Bộ Tổng chỉ huy và Bộ Tư lệnh Liên khu 1 chủ trương mở chiến dịch Đông Bắc I nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá cơ sở kinh tế, đánh vào tuyến hậu cần của địch từ Hải Phòng lên Lạng Sơn, mở rộng khu tự do Đông Bắc, phá kế hoạch tiến công thu đông của chúng.

Diễn biến chiến dịch chia làm 2 đợt: (8 - 30-10; 31-10 - 7-12). Kết thúc chiến dịch, ta diệt 3 cứ điểm, bức rút 7 vị trí, diệt 150 tên, thu một số vũ khí; mở rộng và củng cố căn cứ địa Đông Bắc.

Tháng 10

Thành lập Bộ Tư lệnh Nam Bộ trên cơ sở Ban Quân sự Nam Bộ, do Trung tướng Nguyễn Bình làm Tư lệnh.

Ngày 20-10

Thành lập Liên khu 5, trên cơ sở hợp nhất các Khu 5, 6 và 15 gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng (Lâm Đồng). Lực

lượng thuộc Liên khu có 7 trung đoàn và 1 tiểu đoàn. Việc thành lập Liên khu 5 thống nhất sự chỉ đạo, chỉ huy trên các địa bàn Nam Trung Bộ, tạo điều kiện để phát triển lực lượng chủ lực, thúc đẩy vận động chiến.

Ngày 11-11

Khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 5 mở đợt hoạt động Đông Xuân 1948-1949. Ở Khánh Hòa, Phú Yên: Liên trung đoàn 80 - 83 do Trung đoàn trưởng Lư Giang, Chính ủy Nguyễn Đường chỉ huy, diệt một số vị trí địch. Ở Quảng Nam: Trung đoàn 108 do Trung đoàn trưởng Nguyễn Bá Phát, Chính ủy Nguyễn Quyết chỉ huy, tập kích một số đồn địch ở khu vực thị xã Hội An, phục kích xe quân sự địch trên đèo Hải Vân. Ở Tây Nguyên: Tiểu đoàn 50 (Trung đoàn 120) do Trung đoàn trưởng Trương Cao Dững chỉ huy, cùng lực lượng vũ trang địa phương Gia Lai đánh giao thông trên đường số 19.

Tại cực Nam Trung Bộ, Liên Trung đoàn 81-82 do đồng chí Nguyễn Quang Tuyến - Trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Sắc Kim - Chính trị ủy viên chỉ huy đánh bại cuộc càn lớn của 1.000 địch vào các huyện Hòa An, Trung Phong.

Ngày 19-11

** Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 258-SL) tổ chức Công an Quân pháp trong thời kỳ kháng chiến.* Sắc lệnh có 18 điều quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn... của Công an Quân pháp.

Ngày 19 tháng 11 trở thành ngày truyền thống của ngành Điều tra hình sự Quân đội nhân dân Việt Nam.

** Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 259-SL) quy định sinh hoạt phí, phụ cấp hàng tháng và phụ cấp thâm niên của quân đội.*

** Chính phủ ban hành "Quân dụng phiếu", sử dụng thay một phần tiền mặt trong việc trao đổi, phục vụ các nhu cầu cần thiết của quân đội.*

Ngày 25-11 - 10-12

Chiến dịch đường số 4 quân ta đánh vào Đồng Đăng, Pò Đôn, Khâu Hai, Lũng Vài, Cao Bằng, Na Sầm.

Ngày 8 - 13-12

Quân ta diệt gọn một đại đội địch ở vùng Ba Thá (Hà Tây) khi một tiểu đoàn địch càn quét vùng này. Ngày 11 ta diệt thêm 70 tên ở Tế Tiêu, Trinh Tiết và bến Đục. Hôm sau mặc dù địch có thêm viện binh ta lại tiêu diệt ở Tuy Lai, Hà Xá một đại đội nữa.

NĂM 1949

Ngày 12-1

Mở đầu chiến dịch đông xuân Quảng Nam - Đà Nẵng. Ta đánh đoàn tàu hỏa 17 toa ở Hói Mít (Thừa Thiên) diệt 300 tên, phá hủy 7 toa quân trang quân dụng

và 4 toa đạn. Ngày 19 ta đánh đồn Túy Loan. Sau đó tập trung quân đánh hai ngày liền (24 và 25) làm chủ tình thế ở bắc Quảng Nam. Riêng trận phục kích đèo Hải Vân ta diệt 286 tên địch, làm bị thương 160 tên, phá hủy 62 xe. Toàn bộ chiến dịch ta đã tiêu diệt 2.000 tên địch, phá hủy đường xe lửa Quảng Nam - Huế làm ngừng trệ giao thông trên đường này hàng tháng trời.

Ngày 14 - 18-1

Hội nghị cán bộ lần thứ sáu của Trung ương Đảng. Hội nghị lần này có đông đủ đại biểu Trung - Nam - Bắc và cán bộ cao cấp trong các ngành về dự. Hội nghị nghe và thảo luận báo cáo "Tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công" do đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng trình bày; các báo cáo về quân sự, chính quyền, mặt trận. Hội nghị nhận định: "Giai đoạn cầm cự chiến lược đã bắt đầu từ năm 1948 sau chiến dịch Việt Bắc và nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn chiến lược thứ hai là tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công". Khẩu hiệu của Đảng đề ra lúc này là: "*Tất cả để đánh thắng*". Hội nghị đặc biệt chú trọng đến vấn đề thực hiện chính sách ruộng đất và đề nghị Chính phủ ra sắc lệnh giảm tô.

Ngày 15-2

Tướng Ble-dô, Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, sử dụng lực lượng cơ động mở cuộc hành binh Di-an (Diane), đánh chiếm khu vực Phú Thọ, Yên Bái. Mục đích cuộc hành binh nhằm bảo vệ phía tây đồng bằng Bắc Bộ còn sơ hở, thực hiện chủ trương tăng cường phòng ngự vùng trung du Bắc Bộ, sau đó "đánh tan" lực lượng chủ lực ta ở Bắc Bộ.

Ngày 1-3 - 20-4

Chiến dịch Lào - Hà (Lào Cai - Hà Giang). Nhằm phối hợp với mặt trận 7 (chiến dịch Cao - Bắc - Lạng và chiến dịch Đông Bắc), Bộ Tư lệnh Liên khu 10 sử dụng 4 tiểu đoàn (453, 532, 530, 930), một số đại đội độc lập và đội vũ trang tuyên truyền tiến công địch ở Lào Cai - Hà Giang, diệt 2 vị trí, bức địch rút khỏi 22 vị trí khác, diệt và gọi hàng hơn 60 tên địch, phá âm mưu lập "Xứ Nùng tự trị" của địch.

Ngày 4-3 đến 27-4

Chiến dịch Đông Bắc II. Nhằm tiêu diệt một bộ phận quân Pháp, củng cố và phát triển cơ sở, hỗ trợ mặt trận Cao - Bắc - Lạng, Bộ Tổng chỉ huy sử dụng Trung đoàn 98, Trung đoàn độc lập Hải Ninh, Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 59) do Lê Quảng Ba làm chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch, tiến công địch ở Đông Bắc Bắc Bộ. Sau hơn 40 trận lớn nhỏ, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 600 tên địch, bắt và gọi hàng hơn 200 tên, phá hủy 80 xe quân sự, thu nhiều vũ khí.

Ngày 12-3

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 14-SL) đổi tên "Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam" thành "*Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam*"; các bộ chỉ huy liên khu đổi thành Bộ Tư lệnh liên khu;

Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam đổi thành Tư lệnh quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam; Liên khu trưởng đổi thành Tư lệnh liên khu.

Ngày 15-3 - 30-4

Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng. Ba trung đoàn (28, 72, 74), tiểu đoàn 517 (Liên khu 1), bốn tiểu đoàn bộ binh (29, 35, 23, 18), tiểu đoàn pháo binh 410 (trực thuộc Bộ), dưới sự chỉ huy của các đồng chí Đào Văn Trường (Tư lệnh), Hà Kế Tấn (Chính ủy), tổ chức tiến công địch trên tuyến phòng thủ đường số 4 và lực lượng chiếm đóng của Pháp ở Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn, buộc địch phải rút khỏi Bắc Cạn. Diễn biến chiến dịch chia làm hai đợt (15/3 - 14/4, 25 - 30/4). Kết thúc chiến dịch, ta bức rút 17 đồn bốt, phá hủy 80 xe quân sự và loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.400 tên địch.

Ngày 29-3

Chính phủ Pháp điều động 13 tiểu đoàn ở châu Phi và 2 phi đoàn máy bay tiêm kích sang Đông Dương, nâng lực lượng viễn chinh tại Đông Dương lên 130.000 quân.

Ngày 7-4

Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương. Sắc lệnh quy định: "Quân đội quốc gia Việt Nam gồm hai phần: Quân đội chính quy và quân đội địa phương. Bộ đội địa phương có 3 đặc điểm chính là: có tính cách địa phương, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, tự trang bị và tự túc về cấp dưỡng".

Thực hiện sắc lệnh trên, ngày 7 tháng 7 năm 1949, Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng tư lệnh ra Nghị định (số 103/NĐ) về tổ chức bộ đội địa phương và Thông tư (số 46-TT) về nhiệm vụ của cơ quan các cấp, các ngành đối với việc xây dựng bộ đội địa phương.

Ngày 29-4

Mở đầu chiến dịch Sông Lô phá cuộc hành binh Pô-môn (Pomene) của thủy, lục, không quân địch lên Phú Thọ, Tuyên Quang. Suốt 7 ngày đêm bộ đội ta ra sức truy kích địch đánh thắng những trận Trảng Sảo, Lê Mỹ, Núi Hét, Tiến Du (Phú Thọ) diệt 800 tên, bắn rơi 2 máy bay, đánh chìm 2 xà lan và 100 thuyền địch. Đây là lần đầu tiên quân ta dùng 2 trung đoàn đánh vận động, bẻ gãy cuộc hành binh của địch.

Ngày 13-5

Chính phủ Pháp cử tướng Rơ-ve (Revers) tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp sang Đông Dương. Sau hơn một tháng điều tra, ngày 29 tháng 6 năm 1949, Rơ-ve gửi Chính phủ Pháp bản báo cáo đề xuất một kế hoạch chiến lược mới. Nội dung chính gồm: Coi Bắc Bộ là chiến trường chính, tăng quân cho Bắc Bộ, mở rộng phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ, tăng cường phòng thủ khu tứ giác Lạng Sơn, Tiên Yên - Hải Phòng - Hà Nội, bao vây căn cứ địa

Việt Bắc, phong tỏa biên giới Việt - Trung; chú trọng phát triển sử dụng quân nguy vào việc chiếm đóng để tập trung quân Âu - Phi xây dựng lực lượng cơ động, càn quét, đánh phá, đàn áp phong trào chiến tranh du kích, chuẩn bị mở các cuộc tiến công lớn tiêu diệt bộ đội chủ lực ta.

Kế hoạch Rơ-ve được Chính phủ Pháp thông qua, được Mỹ ủng hộ, đánh dấu sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam.

Ngày 19-5 - 18-7

Chiến dịch Sông Thao. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phát triển chiến tranh du kích, mở rộng căn cứ Tây Bắc, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng các tiểu đoàn 11, 45 (Trung đoàn 308), 4 tiểu đoàn của Liên khu 10 và một số đơn vị binh chủng, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lê Trọng Tấn (Chỉ huy trưởng), Cao Văn Khánh (Chỉ huy phó), mở chiến dịch tiến công vào phòng tuyến sông Thao của Pháp ở khu vực Yên Bái - Lào Cai. Diễn biến chiến dịch chia thành 3 đợt (19/5 - 13/6; 24-29/6; 16-18/7). Kết thúc chiến dịch, ta tiến công tiêu diệt 9 cứ điểm, bức rút 16 đồn, loại khỏi vòng chiến đấu gần 700 tên địch, phá vỡ từng mảng lớn phòng tuyến Sông Thao, mở rộng vùng tự do của ta ở Sơn La, Yên Bái, Lào Cai từ Ba Khe đến Bảo Hà.

Ngày 10-6 - 5-7

Chiến dịch "Thập vạn Đại Sơn". Thực hiện thỏa thuận giữa Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Trung ương Đảng ta, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho Bộ Tổng tư lệnh Liên khu 1: "Giúp giải phóng quân (Trung Quốc) xây dựng một khu giải phóng ở vùng Ung - Long - Khâm liền với biên giới Đông Bắc của ta, thông ra biển, gây điều kiện để khuếch trương lực lượng đón quân tiến xuống phía nam, đồng thời hoạt động ở Đông Bắc để mở rộng khu tự do của ta ra sát tận biên giới và thông ra biển, liền với khu giải phóng Việt Quế".

Bộ chỉ huy chiến dịch gồm: Tư lệnh Lê Quảng Ba và Trần Minh Giang (Trung Quốc) - Chính trị ủy viên.

Chiến dịch diễn ra trên hai mặt trận: Mặt trận Điền Quế do đồng chí Nam Long làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Hoàng Bình (Trung Quốc) làm Chỉ huy phó, đồng chí Đỗ Trình làm Chính trị ủy viên; Mặt trận Tả Giang - Long Châu do đồng chí Thanh Phong (Tư lệnh phó Liên khu 1) làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 74) và đồng chí Long Xuyên (Trung đoàn phó Trung đoàn 28) làm Tư lệnh phó. Trên cả hai mặt trận, bộ đội Việt Nam đã phối hợp với Quân giải phóng Trung Quốc tiêu diệt nhiều đồn bốt, mở rộng khu Điền Quế, Việt Quế, các khu căn cứ Tả Giang, Thập vạn Đại Sơn. Hoàn thành nhiệm vụ các đơn vị trở về Tổ quốc.

Ngày 16-6

Mở đầu chiến dịch Liên huyện (Tây Bắc). Sau gần một tháng hoạt động quân ta tiêu diệt địch ở 9 vị trí, bức rút 16 vị trí, phá vỡ phòng tuyến Lào Cai - Hà Giang - Yên Bái, mở rộng thêm 6.000 km² cơ sở trong vùng địch hậu. Do thắng

lợi của chiến dịch này địch phải rút bỏ Trại Vải (Hòa Bình), phòng tuyến Thu Cúc - Quang Huy bị phá vỡ.

Ngày 28-6

Mở đầu *Chiến dịch Hồ Chí Minh ở Tây Nguyên*. Lần đầu tiên quân ta mở một chiến dịch dài ngày ở cả 3 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc mà hướng chính là tỉnh Gia Lai. Qua chiến dịch ta đã gây được cơ sở quần chúng và phát động chiến tranh nhân dân trong các vùng đồng bào Thượng như dọc đường 21. M'đrác, Cheo Reo, dọc đường 19, Kon Tum, An Khê, Mang Giang, Gia Hội, Ca Nắc, Kông Plông.

Tháng 7

Hội nghị dân quân Khu 7 quyết định phát triển dân quân du kích, đặc biệt là ở vùng dân tộc ít người, thành lập các làng chiến đấu để chống càn, bảo vệ địa phương.

Ngày 8-8

Bộ đội Khu 9 đánh địch ở Sóc Xoài (Rạch Giá), diệt 200 tên, phá hủy 11 xe cơ giới, thu 1 pháo 90 mm.

Ngày 9-8

Giải phóng thị xã Bắc Cạn. Bị quân ta uy hiếp mạnh, địch phải rút ngắn phòng tuyến biên giới. Ngày 9 địch rút khỏi thị xã Bắc Cạn và các vị trí Phủ Thông, Nà Phạc, Ngân Sơn. Quân ta truy kích đến Bằng Khẩu diệt 100 tên, phá 15 xe. Bắc Cạn là thị xã đầu tiên được giải phóng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 18-8

* *Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân*, trong đó xác định vị trí vai trò: "Bộ đội địa phương và dân quân trong quá trình tiến triển của chiến tranh, là lực lượng hậu bị trực tiếp của quân chủ lực". "Xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân là một công tác then chốt để đẩy mạnh chiến tranh tiến tới".

* Tại Bắc Bộ, Bộ chỉ huy quân Pháp huy động 5 tiểu đoàn, có máy bay, xe lội nước và pháo binh yểm hộ, mở cuộc hành quân Ca-ni-gu (Canigou) đánh chiếm thị xã Vinh Yên, Phúc Yên. Đây là hành động tiếp tục kế hoạch chiếm đóng Trung Du của Pháp.

* Tại Trung Bộ, quân Pháp mở cuộc càn lớn vào Mỹ Xuyên (Phong Điền, Quảng Trị). Các tiểu đoàn 277, 310 (Trung đoàn 95), 364 (Liên khu 4) anh dũng chiến đấu, bẻ gãy cuộc tiến công của địch, gây cho chúng một số thiệt hại.

Ngày 28-8

Đại đoàn bộ binh 308 tổ chức lễ thành lập tại Đồn Đu, Đồng Hỷ (nay là Phú Lương) tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Vương Thừa Vũ làm Đại đoàn trưởng kiêm

Chính ủy. Đại đoàn 308 là đại đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của quân đội ta được mang danh hiệu “Quân Tiên phong”.

Ngày 2-9

Tướng Các-păng-chi-ê (Carpentier), được Chính phủ Pháp bổ nhiệm thay Ble-dô (Blairot) làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, tới Sài Gòn. Đây là viên Tổng chỉ huy thứ năm của Pháp trong chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Ngày 9-9

Cục Chính trị Bộ Quốc phòng ra chỉ thị về công tác chính trị trong những tháng cuối năm 1949. Sau khi nêu một số khuyết điểm cần khắc phục, Cục Chính trị xác định nhiệm vụ và phương châm công tác chính trị thời gian tới là:

1. Tích cực đẩy mạnh và hoàn thành cuộc vận động “Rèn cán chính quân”.
2. Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng bộ đội địa phương để tạo điều kiện thực hiện phương châm chiến lược, đẩy mạnh vận động chiến hơn nữa.
3. Bảo đảm nhiệm vụ: kiên quyết khắc phục những nhược điểm trong thực hiện phương châm chiến lược mở rộng và phối hợp các chiến trường.
4. Triệt để phá vỡ từng khối nguy binh (Đông Bắc, Tây Bắc, Cao Đài, Hòa Hảo...).
5. Lãnh đạo thực hiện chuẩn bị chiến trường và thực hiện từng kế hoạch tác chiến.

Đối với bộ đội chủ lực: Tập trung kiện toàn các đơn vị, chú trọng các binh chủng chuyên môn. Tăng cường bổ sung phương tiện công tác chính trị cho các đơn vị chủ lực.

Tháng 9

* Khai giảng khóa đầu tiên trường Đảng Nguyễn Ái Quốc

* Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị quân sự Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy đọc báo cáo quan trọng nhận định tình hình quân sự địch, ta và nêu một số công tác quan trọng: Gấp rút chấn chỉnh bộ máy quân sự các cấp: xây dựng ba thứ quân: rèn cán, chính quân; tổ chức lại bộ máy quân giới, quân nhu; tăng cường công tác chính trị, địch vận, đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công.

Ngày 10-10

Bộ chỉ huy quân Pháp huy động hàng nghìn quân dù, bộ binh, hàng chục máy bay, tàu chiến, cơ nô, mở cuộc hành quân A ng-tơ-ra-xít (Anthracite), chiếm đóng Phát Diệm (Ninh Bình) nhằm chuẩn bị cho ý đồ chiếm toàn bộ vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Tháng 10

* Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam và Bộ chỉ huy Quân đội Lào Ít-xa-la quyết định phân chia lại phạm vi hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam tại Lào. Bộ đảm nhiệm Bắc Lào, Liên khu 4 phụ trách Trung Lào và Liên khu 5 phụ trách Hạ Lào.

Thành lập Mặt trận Bình - Trị - Thiên - Trung Lào.

Đồng chí Hà Văn Lâu được cử làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Trần Quý Hai làm Ủy viên chính trị.

Ngày 2-11

Quân ta tiến công phòng tuyến Sông Mã, diệt cứ điểm Xiềng Kho (Sơn La) bứt rút 9 vị trí, phá vỡ hành lang Sông Mã dài 100 km từ Mường Lầm đến Sốp Hào, tạo điều kiện cho các vũ trang tuyên truyền tiến sâu vào vùng tạm bị địch chiếm, gây cơ sở, quét sạch cơ sở, quét sạch nguy quyền trong vùng rộng gần một vạn km².

Ngày 4-11

* *Mở đầu chiến dịch Mỹ Tho* để phá âm mưu chiếm đóng Vĩnh Xuân - Chợ Giữa. Quân ta đánh các trận ngã ba Ba Nhơn, đồn Bình Trung, đường 16, rạch Long Tiền tiêu diệt 241 tên địch.

* *Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự*. Sắc lệnh ghi rõ: "Tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi đến 45 tuổi phải có 2 năm tại ngũ. Khi có chiến tranh có thể kéo dài đến hết chiến tranh".

* *Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh (số 127-SL) hợp nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc*.

Tư lệnh: Lê Quảng Ba, Chính ủy: Chu Văn Tấn.

Ngày 18-11

Bộ Tư lệnh Nam Bộ ra mệnh lệnh (số 137) thành lập các liên trung đoàn 301-310 và 300-397 thuộc Khu 7, các liên trung đoàn 306-312 và 308-311 thuộc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngày 25-11 - 30-1-1950

Chiến dịch Lê Lợi. Nhằm phá thế uy hiếp của địch, mở rộng đường giao thông liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu 3 và tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng các Trung đoàn 209 (thuộc Bộ), 66 (Liên khu 3), 9 (Liên khu 5), 42 và 48 (hai trung đoàn địa phương Liên khu 3), tiểu đoàn độc lập 930 (Liên khu 10), một số đơn vị binh chủng, du kích, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Hoàng Sâm (Tư lệnh), Lê Quang Hòa (Chính ủy), Lê Trọng Tấn (Phó tư lệnh), tiến công địch tại vùng Chợ Bờ (Hòa Bình). Diễn biến chiến dịch chia làm hai đợt (25-30 tháng 11, 1-27 tháng 12). Kết thúc chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 800 tên địch.

Ngày 7 - 26-12

Chiến dịch Cầu Kè. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ hệ thống đồn bốt, tháp canh, giải tán bảo an, dân vệ, Bộ Tư lệnh Khu 8 sử dụng hai trung đoàn 109, 111, bốn đại đội bộ đội địa phương, công an xung phong và du kích mở cuộc tiến công đánh vào tuyến phòng thủ của quân Pháp ở Cầu Kè - Tiểu Cần (Trà Vinh). Diễn biến chiến dịch chia làm 3 đợt (7-9 tháng 12, 10-12 tháng 12, 13-26 tháng 12). Kết thúc chiến dịch, ta diệt, bắt và gọi hàng hơn 600 tên địch, bắn chìm 2 tàu chiến.

Ngày 12-12

Quân ta đánh trận Phú Phong - trận vận động chiến đầu tiên ở Nam Bộ, diệt 300 tên địch.

Ngày 22-2 - 27-1-1950

Chiến dịch Lê Lai, Phân khu Bình - Trị - Thiên sử dụng 4 Trung đoàn (95, 18, 101, 57), một số tiểu đoàn, đại đội bộ đội địa phương và dân quân du kích, do các đồng chí Hà Văn Lâu (Tư lệnh), Hoàng Anh (Chính ủy) chỉ huy, tiến công địch chủ yếu từ nam Quảng Bình đến bắc Thừa Thiên. Chiến dịch chia làm 2 đợt (22-31/12/1949; 15-27/1/1950). Qua hơn 30 trận lớn nhỏ, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn một nghìn tên địch. Lần đầu tiên, Bộ Tư lệnh mặt trận Bình - Trị - Thiên mở chiến dịch quy mô nhiều trung đoàn chủ lực, có sự phối hợp của lực lượng vũ trang các tỉnh đạt mục đích chiến dịch đề ra.

NĂM 1950**Ngày 6-1**

Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị mở chiến dịch Tây Bắc và chuẩn bị chiến trường Đông Bắc. Chỉ thị nêu rõ: Mở chiến dịch Tây Bắc nhằm: “Phối hợp với Quân giải phóng Trung Hoa tiêu diệt tàn quân quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch nếu chúng tràn qua biên giới”; “Làm tan rã khối ngụy binh và phá ngụy quyền”; “Tiêu diệt một số vị trí địch”; “Khôi phục lại Lào Cai, mở thông đường quốc tế”. Đồng thời để chuẩn bị chiến trường Đông Bắc, “Cần chú trọng đến củng cố, phát triển cơ sở chính trị và vũ trang, gây cơ sở du kích miền biển... điều tra địch tình, phá hoại kinh tế địch, chuẩn bị lương thực tiếp tế cho bộ đội đánh đến”; “khi có đủ điều kiện sẽ mở một chiến dịch lớn, quét địch ra khỏi đường số 4 và một đoạn bờ biển, đánh bại quân địch trong vùng Đông Bắc”.

Ngày 9-1

Học sinh, sinh viên Sài Gòn biểu tình chống chính quyền bù nhìn. Từ cuối năm 1949 phong trào bãi khóa của học sinh, sinh viên ở các thành thị tạm bị chiếm đóng liên tiếp nổ ra để đấu tranh chống thỏa hiệp Bảo Đại - Ô-ri-ôn (Auriol) và việc thành lập Chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Địch tìm mọi cách đàn

áp và xuyên tạc phong trào. Ngày 9, hàng ngàn học sinh, sinh viên Sài Gòn biểu tình trước dinh tổng trấn bù nhìn Nam phần. Cuộc biểu tình bị đàn áp dã man khiến một số học sinh, sinh viên bị chết và bị thương trong đó có học sinh Trần Văn Ôn. Hôm sau hàng vạn đồng bào Sài Gòn xuống đường đưa tang những người hy sinh. Hơn 10 vạn đồng bào đứng dọc hai bên đường có đám tang đi qua. Ngày 13, hầu hết học sinh, sinh viên thành phố Hà Nội bãi khóa để tỏ tình đoàn kết với các bạn Sài Gòn. Ngày 14, Sài Gòn - Chợ Lớn tổng bãi công, bãi chợ.

Từ đó ngày 19 tháng Giêng trở thành ngày học sinh, sinh viên toàn quốc.

Ngày 10-1 - 31-3

Chiến dịch Võ Nguyên Giáp. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, cắt giao thông, đẩy mạnh chiến tranh du kích phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 sử dụng hai trung đoàn 210, 108, một số đơn vị bộ đội địa phương, dân quân du kích, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Đàm Quang Trung (Tư lệnh), Nguyễn Đôn (Chính ủy), tiến công ở Bắc Quảng Nam. Diễn biến chiến dịch chia làm 3 đợt (10/1-6/2 - 7/2-14/3 - 15-31/3). Chiến dịch kết thúc thắng lợi, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.200 tên địch, phá hủy 17 xe vận tải, 3 đầu máy xe lửa, 12 toa xe lửa, thu 203 súng các loại, giải phóng huyện Duy Xuyên và phía Tây huyện Đại Lộc với 20.000 dân.

Ngày 12-1 - 1-3

Chiến dịch Trường Chinh. Để tiêu diệt sinh lực địch, triệt phá quốc lộ 1 và đường sắt Nha Trang - Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 sử dụng các tiểu đoàn 365, 121, 120 thuộc trung đoàn 80, 83, hai đại đội độc lập, bộ đội địa phương và dân quân du kích, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lưu Giang (Tư lệnh), Nguyễn Đường (Chính ủy), tiến công địch ở nam Khánh Hòa. Sau 21 trận đánh lớn nhỏ, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 150 tên địch, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy 15 ô tô quân sự, thu 41 khẩu pháo và súng các loại, giải phóng một phần huyện Vĩnh Xương, Diên Khánh.

Ngày 14-1

Ngày thắng lợi ngoại giao. Ngày 14 Chính phủ ta ra tuyên bố về đường lối ngoại giao của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngày 15 Chính phủ ta thừa nhận Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Ngày 18 Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa - nước đầu tiên công nhận Chính phủ ta. Tiếp đó ngày 30 Chính phủ Liên bang Cộng hòa chủ nghĩa Xô Viết, ngày 31 Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, ngày mồng 2 tháng 2 Chính phủ Cộng hòa nhân dân Tiệp Khắc và Chính phủ Cộng hòa dân chủ Đức, ngày mồng 3 Chính phủ Cộng hòa nhân dân Ru-ma-ni, ngày mùng 5 các Chính phủ Cộng hòa nhân dân Ba Lan và Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri, ngày mùng 8 Chính phủ Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri, ngày 18 Chính phủ An-ba-ni và ngày 17 tháng 11 Chính phủ Cộng hòa nhân dân Mông Cổ công nhận Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta.

Việc Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em công nhận nước ta là một thắng lợi ngoại giao cực kỳ to lớn của cách mạng Việt Nam.

Tháng 1

* Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh chủ trương phát triển lực lượng và vũ khí pháo binh toàn quân. Theo biên chế, mỗi trung đoàn mạnh có một tiểu đoàn pháo (70 hoặc 75mm: 4 khẩu), mỗi đại đoàn có 1 tiểu đoàn pháo 75 mm (4 - 6 khẩu).

* Bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ cho Bộ Tổng tham mưu và một số cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng nghiên cứu kế hoạch đề nghị viện trợ và kế hoạch tiếp nhận viện trợ quân sự. Theo kế hoạch đó, từ ngày 7 đến cuối năm 1950, Bộ Tổng tham mưu đã tổ chức tuyến vận tải chuyển hàng quân sự từ các tổng kho Nhà Phạc, Chợ Mới, Bắc Cạn xuống các Liên khu 3, 4 và 2 lần vận chuyển vũ khí vào các căn cứ du kích ở tả ngạn sông Hồng.

Ngày 18-1

* *Trận tập kích sân bay Bạch Mai.* 36 chiến sĩ Tiểu đoàn 108 Hà Nội cùng dân quân du kích bất ngờ tập kích sân bay, phá hủy 27 máy bay và đốt cháy 600.000 lít xăng dầu của địch.

* *Chiến dịch Cầu Ngang.* Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, Bộ Tư lệnh Khu 8 sử dụng Tiểu đoàn 307, hai đại đội 109 và 101 bộ đội địa phương, tiến công các vị trí địch tại khu vực Cầu Ngang, loại khỏi vòng chiến đấu gần 200 tên, thu gần 200 súng các loại.

Ngày 21-1

Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng khai mạc. Bước vào năm 1950 tình hình trong và ngoài nước có những chuyển biến quan trọng: cuộc kháng chiến của ta đang phát triển mạnh mẽ; cách mạng Trung Quốc thành công; Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em công nhận Chính phủ ta; thực dân Pháp lúng túng suy yếu; Mỹ mưu toan giúp Pháp và can thiệp thẳng vào Đông Dương. Hội nghị đã đánh giá tình hình, kiểm điểm chủ trương chính sách kháng chiến của Đảng và vạch rõ: "Cần phải nhận rõ tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sự giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng sự lúng túng của địch, gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị", giành thắng lợi lớn làm chuyển biến cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Hội nghị đã đề ra 10 nhiệm vụ công tác trong năm 1950 để hoàn thành nhiệm vụ chuyển mạnh sang tổng phản công.

(Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất họp trong lúc phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh đang nổi dậy. Hội nghị toàn quốc lần thứ hai quyết định Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945).

Ngày 25 - 27-1

Chiến dịch Dầu Tiếng - Bến Cát. Bộ Tư lệnh Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn sử dụng hai trung đoàn 306, 312, phối hợp với hai trung đoàn 301, 310 (Khu 7), cùng du kích, nhân dân phá cuộc càn của một tiểu đoàn địch có xe tăng, xe

cơ giới hỗ trợ, tại vùng Hớn Quán và bắc huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một). Kết quả chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 60 tên địch, thu và phá hủy một số phương tiện chiến tranh, mở rộng khu căn cứ Thanh Tuyên - Long Xuyên.

Ngày 26-1 - 1-2

Chiến dịch Cao Lãnh. Nhằm ngăn chặn địch đánh vào Đồng Tháp Mười, Bộ Tư lệnh Khu 8 sử dụng Trung đoàn 115, Tiểu đoàn 308, bốn đại đội bộ đội địa phương và du kích, do Đặng Văn Thông chỉ huy, tiến công các vị trí, đồn bốt địch tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc. Kết thúc chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên địch, thu và phá hủy nhiều vũ khí, giải phóng ba xã Tân An, Hòa An, Tân Thuận Tây, với 6.000 dân.

Ngày 7-2 - 7-3

Chiến dịch Lê Hồng Phong I. Thực hiện chỉ thị về mở chiến dịch Tây Bắc (6-1-1950) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Tư lệnh Liên khu 10 sử dụng Trung đoàn 102 (Đại đoàn 308), Trung đoàn 165 (Liên khu 10), tiểu đoàn 11, hai tiểu đoàn pháo binh 69, 40, mười trung đội bộ đội địa phương, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Bằng Giang (Chỉ huy trưởng), Song Hào (Chính ủy), tiến công địch ở địa bàn Lào Cai, Lai Châu, Sơn La thuộc Tây Bắc, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở thông đường liên lạc quốc tế, phối hợp với quân giải phóng Trung Quốc tiêu diệt tàn quân Tưởng. Trên các hướng chiến dịch, các đơn vị phối hợp bộ binh, pháo binh tiến công các vị trí Phố Lu, Bản Lầu, Nghĩa Đô, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 300 lính thuộc tiểu đoàn ngụy Thái thứ 2 cùng một số lính Âu - Phi, thu và phá hủy một số phương tiện, vũ khí của địch, giải phóng một vùng rộng 2.000 km² với 6.000 dân.

Ngày 8-2

Bộ chỉ huy Pháp huy động 6 tiểu đoàn (5.000 quân) và 2 thủy đội, mở cuộc hành binh Tô-nô (Tonno - thùng gỗ) đánh chiếm tỉnh Thái Bình - tỉnh còn lại cuối cùng của vùng tự do thuộc Liên khu 3.

Ngày 12-2

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh Tổng động viên, để thực hiện khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Sắc lệnh quy định: "Tất cả nhân lực, vật lực, tài lực đều đặt dưới chế độ pháp luật đặc biệt trong thời kỳ chiến tranh".

Tháng 2

Mặt trận yêu nước Nec Lào Hắc Xạt thành lập và chính thức tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng - Quân đội giải phóng nhân dân Lào. Liên minh chiến đấu Việt - Lào được tăng cường. Các đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam tại Lào được tổ chức lại. Liên khu Việt Bắc giải thể Trung đoàn 138 để tổ chức thành 3 tiểu đoàn cho 3 phân khu (A, B, C) ở Thượng Lào. Liên khu 4 giúp kiện toàn tiểu đoàn Lào - Việt thứ nhất và xây dựng tiểu đoàn thứ hai ở Trung Lào. Ta giúp bạn tổ chức 4 đại đội độc lập và 1 đội vũ trang tuyên truyền ở Hạ Lào.

Ngày 24-2

Tướng Các-păng-chi-ê (Carpentier), tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, gửi tờ trình lên Chính phủ Pháp, đề nghị: Một, tăng viện binh để đề phòng Trung Quốc tiến công. Hai, để quân đội Pháp tiếp tục bình định lãnh thổ tới hết năm 1950 vì quân đội ngụy (Bảo Đại) chưa đủ khả năng thay thế. Trong lúc chờ quyết định của Chính phủ, Các-păng-chi-ê chỉ thị cho tướng A-lếch-xăng-dri (Alessandri) tiếp tục chiếm đóng đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 27-2

Trận Lê Xá, Tiểu đoàn Nguyễn Huệ (Trung đoàn 66) tiến công vị trí Lê Xá (Nam Định), loại khỏi vòng chiến đấu hai trung đội và thu toàn bộ vũ khí của địch. Đây là trận công kiên đầu tiên của ta ở đồng bằng Liên khu 3.

Ngày 10-3

Đại đoàn 304 - đại đoàn chủ lực cơ động thứ hai của quân đội ta, tổ chức lễ thành lập tại đình Tam Lạc (Thọ Xuân, Thanh Hóa). Đại đoàn trưởng: Hoàng Minh Tháo, Chính ủy: Trần Văn Quang, Đại đoàn được mang tên "Đại đoàn Vinh Quang".

Ngày 19-3

Ngày toàn quốc chống Mỹ. Từ ngày 17 đế quốc Mỹ cho 2 tàu chiến An-đéc-xơn (Anderson) và Xtích-ken (Sticken) cập bến Sài Gòn, chuẩn bị thao diễn lực lượng để uy hiếp tinh thần đồng bào ta. Ngày 19, hàng vạn đồng bào Sài Gòn xuống đường tuần hành thị uy hô vang các khẩu hiệu: "Phản đối viện trợ Mỹ", "Đả đảo Bảo Đại", "Hồ Chí Minh muôn năm". Đồng bào giương cao cờ đỏ sao vàng và khẩu hiệu diễu qua các phố chính dẫn xuống bến tàu. Bị cảnh sát ngăn lại hàng vạn người dồn về tòa thị chính xé cờ Mỹ, cờ Pháp, cờ bù nhìn và ảnh Bảo Đại. Cũng hôm đó quân ta nã súng cối vào các tàu chiến đậu trên sông. Trước sức mạnh của quần chúng hai tàu chiến Mỹ lạng lẽ rút neo cút khỏi Sài Gòn. Kế hoạch thao diễn cũng phá sản. Đây là cuộc biểu tình chống Mỹ đầu tiên của nhân dân ta. Từ đó ngày 19 tháng 3 hàng năm được gọi là "Ngày toàn quốc chống Mỹ".

Ngày 25-3 - 6-5

Chiến dịch Mùa Xuân. Nhằm tiêu diệt sinh lực, thu hẹp phạm vi chiếm đóng và kiểm chế địch đưa quân ra Bắc Bộ, đồng thời phát triển chiến tranh du kích và đẩy mạnh tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực, Bộ Tư lệnh Nam Bộ sử dụng các tiểu đoàn 307, 308, 309, 312, Trung đoàn Việt Miên, cùng dân quân du kích, do Nguyễn Văn Quạn (Tư lệnh Khu 8), Nguyễn Đăng (Phó tư lệnh Khu 8) và Nguyễn Xuyên chỉ huy, tiến công hệ thống đồn bốt, tháp canh, diệt tề, đánh giao thông và quân ứng chiến địch trên toàn miền. Sau hơn một tháng, tại các tỉnh Trà Vinh (Khu 8), Sóc Trăng (Khu 9), Sài Gòn - Chợ Lớn (Khu 7)... gần 70 đồn bốt, tháp canh và nhiều phương tiện quân sự, vũ khí của địch bị phá, trong đó có tàu Xanh Lu-béc-bi-ê bị đánh chìm trên sông Lòng Tàu; hơn 1.450 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu. "Chiến dịch Mùa Xuân" thực chất là một đợt tác chiến

tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang giành thế chủ động tiến công trên chiến trường Nam Bộ.

Ngày 4 - 30-4

Chiến dịch Sóc Trăng I. Nhằm thu hẹp phạm vi kiểm soát, phá vỡ hệ thống phòng ngự địch, bảo vệ nguồn dự trữ của ta, Bộ Tư lệnh Nam Bộ sử dụng Tiểu đoàn 402 chủ lực khu, Tiểu đoàn 404 chủ lực Nam Bộ, 3 đại đội thuộc liên trung đoàn 123-225 và 9 trung đội du kích của 2 tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, 1 trung đội Ít-xa-rắc và 1 đội biệt động, do Võ Quang Anh làm Tư lệnh, Nguyễn Hoàn làm Chính ủy, tiến công địch trên địa bàn các huyện Châu Thành, Long Phú, Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Sau 2 đợt chiến đấu, ta diệt đồn Bung Trốp, đánh tan 1 đại đội tiếp viện và phá hủy 1 pháo 90mm của địch. Đây là chiến dịch đầu tiên diễn ra trên địa bàn Khu 9 trong kháng chiến chống Pháp.

Ngày 12-5

Tiểu đoàn Lê Lợi (Trung đoàn 66, Đại đoàn 304) vận động đánh tan 1 đại đội địch ở Hoàng Dương, Tử Dương (Ứng Hòa - Hà Đông) diệt và bắt hơn 185 tên, thu nhiều vũ khí. Đây là trận vận động chiến đầu tiên đạt hiệu suất chiến đấu cao của bộ đội chủ lực ở đồng bằng Liên khu 3.

Ngày 15-5

Mở đầu *chiến dịch Phan Đình Phùng* (Nam Quảng Bình) quân ta đã giải phóng một vùng rộng lớn giữa 2 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị, quân ta diệt và làm bị thương 500 tên địch, phá hủy 1 máy bay, 5 xe cơ giới và một kho đạn.

Ngày 17-5

Bộ chỉ huy Mặt trận Bình - Trị - Thiên được thành lập theo chỉ thị của Bộ Quốc phòng. Nhiệm vụ: “Thực hiện kế hoạch quân sự của Tổng tư lệnh, trực tiếp chỉ huy bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, dân quân thuộc mặt trận; phối hợp với Bộ Tư lệnh địa phương liên khu và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu 4 trong việc lãnh đạo và xây dựng bộ đội địa phương. Phát triển dân quân, chuẩn bị chiến trường và bảo vệ địa phương”. Chỉ huy trưởng: Trần Quý Hai; Chính ủy: Chu Văn Biên.

Ngày 19-5

Liên khu 4 quyết định thành lập Trung đoàn 120 quân tình nguyện¹ Việt Nam tại Trung Lào. Trung đoàn trưởng: Trường Sinh; Chính ủy: Lê Hữu Khai. Trung đoàn 120 được thành lập đánh dấu bước phát triển mới về tổ chức lực lượng của liên quân Việt - Lào.

Ngày 20-5

Trung đoàn 18 (Liên khu 4) do Trung đoàn trưởng Phùng Duy Phiên và Chính ủy Quang Minh chỉ huy chống địch càn ở Xuân Bô (Lệ Thủy, Quảng Bình). Sau

1. Đầu năm 1953, Tiểu đoàn 120 được đổi tên thành Trung đoàn 280.

một thời gian chiến đấu ta loại khỏi vòng chiến đấu 500 tên địch thuộc các tiểu đoàn số 6, số 8, số 27 Âu - Phi (BTA).

Ngày 21-5

Quân ta chặn đánh hai cánh quân địch từ Hà Nội và Nam Định tiến về thị xã Phủ Lý, tiêu diệt 2 trung đội địch ở Đê Đáy và Phù Lưu Trạch (Hà Đông).

Ngày 25 - 26-5

Để thử nghiệm trang bị, cách đánh mới và phát triển kết quả chiến dịch Lê Hồng Phong I, Mặt trận Đông Bắc sử dụng Trung đoàn 174 tiến công vị trí Đông Khê (Cao Bằng). Sau hơn một ngày chiến đấu, ta làm chủ trận địa, diệt và bắt hơn 300 tên địch, thu và phá hủy 6 khẩu pháo, trong đó có 2 khẩu 105 mm.

Ngày 15-6 - 24-10

Chiến dịch Phan Đình Phùng. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phối hợp với chiến dịch Lê Hồng Phong I, nâng cao trình độ tổ chức chỉ huy đánh tập trung của bộ đội ta, Bộ Tư lệnh Mặt trận Bình - Trị - Thiên sử dụng hai trung đoàn chủ lực (18, 95), bộ đội địa phương, dân quân du kích do các đồng chí Trần Quý Hai (Tư lệnh kiêm Chính ủy), Lê Nam Thắng (Phó tư lệnh) chỉ huy, tiến công địch trên địa bàn hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị. Sau hai đợt chiến đấu (15-30/6, 17-24/10), ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 850 tên địch, phá hủy 1 đoàn tàu (15 toa), 40 xe quân sự, bắn rơi 1 máy bay, thu 1 khẩu pháo Bô-phô và 150 súng các loại, bước đầu đánh bại chiến thuật "khối ứng chiến lớn" của quân Pháp trên chiến trường Bình - Trị - Thiên.

Giữa năm 1950

Thành lập Đoàn 99 trực thuộc Bộ. Nhiệm vụ: đứng chân ở Việt Bắc để thu dụng, bổ sung quân cho các chiến dịch. Đoàn trưởng: Trần Công Khanh, Chính ủy: Phạm Ngũ Kiên.

Đến đầu năm 1951, phát triển thêm Đoàn 403 làm nhiệm vụ ở Liên khu 4.

Tháng 7

* *Bộ Tư lệnh Khu 8 mở chiến dịch tiến công địch ở địa bàn hai huyện Lách và Mỏ Cày (tỉnh Bến Tre);* nhằm tiêu diệt sinh lực, phá kế hoạch chiếm đóng Cù Lao Minh của địch.

Tư lệnh chiến dịch: Nguyễn Đăng.

Các phó tư lệnh: Đồng Văn Cống, Võ Văn Thời và Phan Văn Kinh.

* *Tổng cục Chính trị biên soạn tài liệu: "Mấy vấn đề công tác trong chiến dịch".* Về nhiệm vụ của Đảng ủy được xác định rõ: "Đảng ủy cần lãnh đạo thống nhất về mặt tư tưởng và tổ chức, cần lãnh đạo cụ thể bảo đảm chấp hành mệnh lệnh... Khi quyết định chiến dịch phải họp Đảng ủy hay Đảng ủy mở rộng. Nếu khi có chỗ không thống nhất tư tưởng, cũng phải họp Đảng ủy để giải quyết. Chú

ý mở rộng dân chủ, có mở rộng dân chủ mới phát huy được tính tích cực của quần chúng. Cần dân chủ về chính trị và dân chủ cả về quân sự...”.

Tháng 7 đến tháng 9

Chiến dịch Đắc Lắc (chiến dịch Nguyễn Huệ). Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, gây cơ sở vùng sau lưng địch, bồi dưỡng lực lượng ta, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 sử dụng hai trung đoàn (803, 84), do Tư lệnh chiến dịch Nguyễn Đôn và Chính ủy Trương Quang Giao chỉ huy, tiến công địch tại khu vực Ma Đắc - Cheo Reo - Buôn Hồ, tỉnh Đắc Lắc. Qua 2 đợt chiến đấu (tháng 7 - tháng 8 và tháng 9) ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 150 tên địch, thu gần 40 súng các loại, mở rộng căn cứ ở vùng tam giác Cheo Reo - Buôn Hồ - Ma Đắc, nối liền qua phía tây đường 14 sang Cam-pu-chia.

Ngày 5-8 - 4-11

Chiến dịch Hoàng Diệu. Nhằm tiêu diệt sinh lực, chống âm mưu cướp phá và kiềm chế lực lượng ứng chiến của địch, phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 sử dụng Trung đoàn 108 và lực lượng vũ trang Quảng Nam do Tư lệnh chiến dịch Nguyễn Bá Phát và Chính ủy Nguyễn Quyết chỉ huy, tiến công địch trên địa bàn bắc Quảng Nam - Đà Nẵng. Với một số trận phục kích ở các khu vực Bảo An, Điện Bàn, Xuân Đài, Giao Thủy - Thượng Phước, đèo Hải Vân, đánh tháp canh và chặn đánh địch càn quét vào Điện Hòa, sau hai đợt chiến dịch (5/9 - 8/9; 9/9 - 4/11) ta loại khỏi vòng chiến đấu gần một nghìn tên địch, thu 45 súng, giữ vững phong trào kháng chiến ở vùng sau lưng địch.

Ngày 8-9

Phối hợp với chiến dịch Biên Giới, quân ta tiến công liên tiếp vào vùng Ninh Bình tiêu diệt các vị trí Chính Đại, Phương Mai, Hồi Trung, bức rút 11 vị trí khác.

Ngày 16-9 - 14-10

Chiến dịch Biên Giới (chiến dịch Lê Hồng Phong II). Chấp hành quyết định của Trung ương Đảng (6-1950) và mệnh lệnh về chiến dịch Biên Giới Cao - Lạng (7 tháng 7 năm 1950) của Bộ Tổng tư lệnh, quân đội ta mở chiến dịch tiến công quy mô lớn trên địa bàn hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn thuộc “Liên khu biên giới Đông Bắc” của Pháp. Mục đích là tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới, mở đường giao thông nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Đảng ủy mặt trận Biên Giới và Bộ chỉ huy chiến dịch gồm: Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng tư lệnh, Bí thư Đảng ủy mặt trận, chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Thiếu tướng Hoàng Văn Thái - Tổng tham mưu trưởng, Đảng ủy viên mặt trận, Tham mưu trưởng chiến dịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho bộ đội (2-9), nêu bật: “Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng. Chúng ta quyết đánh thắng trận này”. Tiếp đó, Người đến sở chỉ huy chiến dịch nghe báo cáo và kiểm tra công tác chuẩn bị

(11 và 12-9), ra mặt trận Đông Khê (13-9) trực tiếp theo dõi, động viên bộ đội chuẩn bị bước vào chiến đấu.

Mở màn chiến dịch, từ 16 đến 19 tháng 9, hai trung đoàn (174, 209), hai tiểu đoàn (11, 426) và ba tiểu đoàn pháo binh của ta tập trung tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê. Từ 2-8 tháng 10, Đại đoàn 308, Trung đoàn 209 vận động tiến công tiêu diệt binh đoàn Lơ-pa-giơ từ Thất Khê lên và binh đoàn Sác-tông từ Cao Bằng rút về, tại khu vực Cốc Xá, điểm cao 444, bắt sống bộ chỉ huy của hai binh đoàn; đánh tan cánh quân Đờ-la Bôm (De le Béaum) (được tổ chức 7-10-1950) ở Thất Khê. Từ ngày 10 tháng 10, các đơn vị đánh quân địch tăng viện và truy kích địch rút chạy. Ngày 14 tháng 10, chiến dịch kết thúc. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 8 tiểu đoàn địch (với hơn 8.000 quân), trong đó có 5 tiểu đoàn ứng chiến (hơn một nửa lực lượng cơ động chiến lược của Pháp ở Bắc Đông Dương); thu hơn 3.000 tấn vũ khí, phương tiện chiến tranh; phá vỡ hệ thống phòng ngự đường số 4 của địch; giải phóng 5 thị xã, 13 thị trấn với 35 vạn dân và nhiều vùng quan trọng ở vùng biên giới Việt - Trung; củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, nối liền nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa.

Chiến thắng Biên Giới đánh dấu sự trưởng thành của quân đội ta về tổ chức, chỉ huy và trình độ tác chiến, làm thay đổi cục diện chiến tranh: Ta chuyển sang giai đoạn thực hành chiến lược phản công và tiến công, Pháp chuyển dần sang chiến lược phòng ngự.

Ngày 29-9

Bộ chỉ huy Pháp huy động sáu tiểu đoàn quân ứng chiến ở Bắc Bộ mở cuộc hành binh "Hải Cầu" (Phoque) đánh lên Thái Nguyên. Mục đích nhằm kéo chủ lực ta ra khỏi khu vực đường số 4, củng cố lại tuyến phòng thủ của chúng. Trong gần nửa tháng, ba mũi hành quân của địch đã bị Trung đoàn 246, Tiểu đoàn 16 huấn luyện tân binh (Đại đoàn 308), bộ đội địa phương và dân quân du kích liên tục chặn đánh. Bị thiệt hại gần 600 tên, địch buộc phải rút quân về Hà Nội.

Ngày 3 - 12-10

Chiến dịch Long - Châu - Hà 1. Nhằm giành dân, khôi phục cơ sở, tiêu diệt sinh lực địch và phối hợp với chiến dịch Biên Giới (Bắc Bộ), Bộ Tư lệnh Khu 9 sử dụng 2 tiểu đoàn 404, 409 (Trung đoàn Tây Đô), 3 đại đội địa phương tỉnh, 1 đội biệt động, 1 tiểu đội bộ đội Ít-xa-rắc, 2 trung đội dân quân, do Chỉ huy trưởng chiến dịch Huỳnh Thủy và Chính ủy Nguyễn Văn Bê chỉ huy, tiến công địch trên địa bàn huyện Tịnh Biên và Tri Tôn tỉnh Long - Châu - Hậu. Sau một số trận đánh đồn, lô cốt, tháp canh, đánh giao thông và quân cứu viện địch, qua hai đợt chiến đấu (3-7/10, 8-12/10), ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 130 tên, phá hủy 3 xe quân sự, diệt và bức rút hơn 40 lô cốt, tháp canh, thu 22 súng.

Ngày 7-10 - 15-11

Chiến dịch Bến Cát. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích và phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, Bộ Tư lệnh Khu 7 sử dụng các tiểu

đoàn 303, 302, 304 (thiếu), 7 đại đội độc lập và binh chủng, cùng dân quân du kích, dưới sự chỉ huy của Bộ chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí Tô Ký - Chỉ huy trưởng, Lê Đức Anh - Tham mưu trưởng, Nguyễn Duy Hanh - Chính trị viên, tiến công địch tại Bến Cát (tây bắc Sài Gòn). Với các trận đánh trên các đường số 13, 14, 7 qua 3 đợt chiến đấu (7-10/10, 13-30/10, 11-15/11), ta đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 800 tên địch, phá sập hàng loạt tháp canh, phá hủy 48 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, 7 thuyền máy và tàu đổ bộ, 12 cầu cống, thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm khác. Chiến dịch Bến Cát là chiến dịch đầu tiên và duy nhất trên chiến trường miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp.

Ngày 10-10

Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Lơ-tuốc-nô (Letourneau) cùng hai viên tướng Gioăng (Juin) và Va-luy (Valluy) sang Đông Dương, nghiên cứu đề xuất với Chính phủ Pháp một số vấn đề về quân sự, cần tăng viện cho Đông Dương (quân tinh nhuệ: 500.000, máy bay: gấp 3 lần); tập trung lực lượng xây dựng các binh đoàn cơ động (GM)¹, xây dựng quân đội nguy làm nhiệm vụ bình định; rút bỏ các vị trí cô lập, co hẹp phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng, lui quân về phòng ngự ở trung du Bắc Bộ để đề phòng ta tiến công.

Tháng 11

* Tổng cục Cung cấp thành lập đại đội ô tô 200 (36 xe) và đại đội ô tô 203 (16 xe). Đây là 2 đại đội vận tải cơ giới đầu tiên của quân đội ta.

Ngày 6-12

Chính phủ Pháp cử tướng Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi (De Lattre de Tassigny), tư lệnh lực lượng quân khối Tây Âu, làm tổng chỉ huy kiêm cao ủy Pháp ở Đông Dương. Đến Việt Nam, Tát-xi-nhi vạch ra một kế hoạch gồm 4 điểm chính: Một, gấp rút tập trung quân Âu - Phi tinh nhuệ xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời phát triển nguy binh với quy mô lớn để bổ sung cho đội quân viễn chinh, xây dựng "quân đội quốc gia" bù nhìn. Hai, xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boong-ke), bên ngoài là một "vành đai trắng", bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ để đối phó với bộ đội chủ lực ta, ngăn chặn ta đưa nhân lực, vật lực ra vùng tự do. Ba, tiến hành bình định vùng tạm bị chiếm và vùng du kích nhằm vơ vét sức người, sức của để chuẩn bị phản công. Bốn, phá hoại các vùng tự do bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, máy bay oanh tạc, chiến tranh tâm lý, bao vây kinh tế.

Ngày 25-12 - 17-1-1951

Chiến dịch Trần Hưng Đạo (chiến dịch Trung Du). Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phát triển chiến tranh du kích, giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng Đại đoàn 308, Đại đoàn 312 (thiếu một trung đoàn), hai trung đoàn độc lập (174, 98), ba trung đoàn (48,

1. GM: Gropement Mobile.

64, 52 - Liên khu 3) cùng lực lượng vũ trang địa phương, tiến công địch trên địa bàn các tỉnh Vĩnh Yên - Phúc Yên, Bắc Ninh - Bắc Giang. Qua hai đợt chiến đấu (25 đến 29/11, 30/12/1950 đến 17/11/1951) ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 5.000 tên (trong số 8 tiểu đoàn và 8 đại đội địch trên địa bàn), diệt 30 vị trí, tháp canh, thu nhiều vũ khí, giải phóng một số vùng thuộc các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên, mở rộng vùng tự do Hải Ninh đến sát đường Tiên Yên - Móng Cái. Tuy vậy, do chọn hướng không phù hợp, trình độ đánh công kiên của bộ đội ta còn yếu, công tác bảo đảm khó khăn, địch lại phát huy được sức cơ động và hỏa lực, nên kết quả chiến dịch bị hạn chế.

Ngày 27-12

Đại đoàn bộ binh 312 - đại đoàn bộ binh thứ ba của quân đội ta tổ chức lễ thành lập tại Kim Lăng (Phú Thọ). Đại đoàn trưởng: Lê Trọng Tấn; Chính ủy: Trần Độ. Đại đoàn mang danh hiệu: "Đại đoàn chiến thắng".

NĂM 1951

Đầu năm

Bộ Tư lệnh Nam Bộ ra nghị quyết quân sự xác định: "Chủ động kiềm chế địch trên chiến trường Nam Bộ và tiến kịp với phong trào toàn quốc. Muốn chủ động kiềm chế địch phải giành Khu 8, giữ vững Khu 9, giúp phong trào Campuchia phát triển và phối hợp chặt chẽ với Tây Nguyên cực Nam Trung Bộ". Phương châm tác chiến: "Du kích chiến là chính, học tập đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới".

Ngày 16-1

Đại đoàn bộ binh 320 - đại đoàn chủ lực cơ động thứ tư của quân đội ta tổ chức lễ thành lập tại đình Móng Lá, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Đồng chí Văn Tiến Dũng làm Đại đoàn trưởng kiêm Chính ủy. Đại đoàn mang danh hiệu "Đại đoàn Đồng Bằng".

Tháng 1

* Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi xúc tiến xây dựng tuyến phòng thủ ở Bắc Bộ (Việt Nam). Phòng tuyến "boong-ke" này gồm 1.300 lô cốt, lập thành 113 cứ điểm kéo dài từ Hòn Gai, Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh, qua Vĩnh Phúc, Sơn Tây, Hà Đông đến Ninh Bình, do 20 tiểu đoàn Âu - Phi đóng giữ. Ở vành ngoài, song song với phòng tuyến, Pháp tàn phá hàng trăm làng mạc, hàng vạn mẫu ruộng, cưỡng bức hàng chục vạn dân vào vùng địch kiểm soát, lập một "vành đai trắng" (khu vực không người) với chiều rộng từ 5 đến 10 km, để bảo vệ phòng tuyến.

* Tổng Chính ủy ra chỉ thị "Mạnh dạn đề bạt cán bộ" chú trọng công nông, khai thác nguồn cán bộ từ quần chúng, chiến sĩ và cán bộ cấp dưới đã qua thử thách trong chiến đấu ở các đơn vị.

Ngày 11 - 19-2

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đại hội họp tại Việt Bắc bao gồm 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho trên 76 vạn đảng viên.

Sau lời khai mạc của đồng chí Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Báo cáo chính trị nhắc lại quá trình hoạt động của Đảng từ khi thành lập, vạch rõ những nhiệm vụ trước mắt của Đảng nhằm đưa kháng chiến đến thắng lợi. Người chỉ rõ: Cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, bởi vì: "Ta có một Đảng to lớn, mạnh mẽ. To lớn, mạnh mẽ là vì có chủ nghĩa Mác - Lênin, vì sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên, vì được toàn quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ". Đồng chí Trường Chinh trình bày bản luận cương "Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội" đúc kết những kinh nghiệm của mấy chục năm vận động cách mạng của Đảng, nêu rõ tính chất, nhiệm vụ của cách mạng và phác ra tiền đồ của cách mạng và của dân tộc Việt Nam.

Một quyết định quan trọng của Đại hội là đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam và Đảng ra công khai hoạt động nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và đẩy mạnh cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi. Đại hội đã thông qua Tuyên ngôn, chính cương và Điều lệ của Đảng. Bản tuyên ngôn nêu rõ Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính cương của Đảng ghi: "Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, thủ tiêu chế độ thuộc địa trong vùng tạm bị chiếm, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội".

Về đường lối kháng chiến, Đại hội khẳng định: Cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân. Đặc điểm của nó là toàn dân, toàn diện, trường kỳ và nhất định thắng lợi.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

Đại hội đánh dấu một bước quan trọng trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, động viên toàn quân, toàn dân đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

Ngày 12-2 - 13-3

Chiến dịch Long Châu Hà 2. Nhằm giải phóng dân, giành lại nguồn dự trữ, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, gây cơ sở, mở rộng vùng căn cứ, tạo thế chủ động phá âm mưu chia cắt của địch, mở hành lang nối liền Khu 8 và Khu 9, Bộ Tư lệnh Khu 9 sử dụng Trung đoàn Tây Đò, hai đại đội Long Châu Hà, một đại đội biệt động và các trung đội du kích, do Chỉ huy trưởng chiến dịch Vũ Quang Anh và Chỉ huy phó kiêm trưởng ban chính trị Hoàng Thế Thiện chỉ

huy, tiến công địch trên địa bàn hai huyện Châu Phú A và Châu Thành, tỉnh Long Xuyên. Sau một số trận bao vây, diệt đồn và đánh quân ứng cứu giải tỏa, vũ trang tuyên truyền, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 300 tên địch, phá hủy 4 lô cốt và nhiều tháp canh, thu 21 súng, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị trong vùng sau lưng địch, phát triển dân quân du kích ở địa phương.

Ngày 3-3

Đảng Lao động Việt Nam chính thức ra mắt quốc dân công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến kiến quốc.

Trong buổi lễ, đồng chí Trường Chinh thay mặt Trung ương Đảng trình bày mục đích, tôn chỉ và chính cương mới của Đảng. Đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh: “Đảng Lao động Việt Nam đứng trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nguyện đoàn kết chặt chẽ, cộng tác thân mật với các đảng phái, các đoàn thể và nhân sĩ yêu nước trong mặt trận để kháng chiến và kiến quốc”.

Việc Đảng ra hoạt động công khai là một sự kiện vô cùng quan trọng đánh dấu một thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa cuộc kháng chiến mau đi đến thắng lợi.

Ngày 9-3

Quân ta tiến công vị trí Phả Lại của địch trên đường Sịa - Phú Ốc, phía Bắc Thừa Thiên, tiêu diệt một trung đội ngự binh, 100 hạ sĩ quan, 50 sĩ quan Việt binh đoàn đang huấn luyện tại đó. Đây là lần đầu tiên bộ đội Bình Trị Thiên đánh công kiên tiêu diệt hoàn toàn vị trí huấn luyện sĩ quan của địch, gây cho địch nhiều hoang mang bối rối, nhất là trong hàng ngũ ngự binh.

Ngày 10 - 13-3

Trận chống càn Thanh Hương - Mỹ Xuyên. Bộ chỉ huy Pháp huy động binh đoàn Sóc-ken (1.000 quân) và binh đoàn Bút-tin (1.500 quân) càn quét căn cứ Thanh Hương - Mỹ Xuyên (Thừa Thiên). Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Liên khu 4, Trung đoàn 95 (do Trung đoàn trưởng Lê Bá Vận và Chính ủy Trần Văn Bàn chỉ huy), Trung đoàn 101 (do Trung đoàn trưởng Lê Văn Tri và Chính ủy Lê Tự Đồng chỉ huy) cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích anh dũng chống càn. Qua 4 ngày chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.600 tên, đánh bại cuộc càn quét quy mô lớn của địch.

Ngày 23-3 - 7-4

Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Chiến dịch Đường số 18). Nhằm tiêu diệt sinh lực địch và phát triển chiến tranh du kích, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng 2 đại đoàn (308, 312), 2 trung đoàn (98, 174), 4 đại đội pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh, cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích tiến công tuyến phòng thủ đường số 18 của địch (khu vực từ Phả Lại đến Ưng Bí); đồng thời sử dụng 2 đại đoàn (320, 304) phối hợp đánh địch ở trung du và đồng bằng Liên khu 3. Trên hướng chính, địch có khoảng 11 tiểu đoàn thuộc lực lượng chiếm đóng và lực lượng cơ động. Tại đây, ta tiến công hàng loạt cứ điểm (Lán Tháp, Lọc Nước, Sóng Trâu, Bí Chợ,

Tràng Bạch, Mạo Khê Mỏ, Mạo Khê Phố, Bãi Thảo, Bến Tắm, Hương Gián, Hạ Chiếu), đánh địch cứu viện và rút chạy. Ở hướng phối hợp, ta tiến công các vị trí Côn Trọ, Ngô Khê, Thanh Than và nhiều mục tiêu ở Vĩnh Phú, Lục Ngạn (Hà Bắc)... Đến ngày 7 tháng 4, chiến dịch kết thúc, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.900 tên địch, diệt và bức rút hơn 130 vị trí, tháp canh, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy 10 xe cơ giới, thu gần 300 súng các loại. Chiến dịch đã giáng một đòn mạnh vào phòng tuyến "boong-ke" của địch ở Bắc Bộ, nhưng cũng có một số trận ta đánh không thành công và bộ đội thương vong cao (hơn 2.350 đồng chí).

Ngày 19-4

* Bộ chỉ huy Pháp huy động 12 tiểu đoàn bộ binh thuộc 3 binh đoàn cơ động (GM1, GM4 và GM Para), 2 đại đội pháo, 2 đại đội xe tăng mở cuộc hành binh "Con sứa" (Méduse) càn quét vùng nam Hải Dương và bắc Thái Bình. Cuộc càn của địch kéo dài đến ngày 3 tháng 5 năm 1951 mới chấm dứt.

* Chiến sĩ biệt động Phạm Thị Biên đánh mìn kho dầu Shell (Đà Nẵng), đốt cháy hàng nghìn phuy xăng.

Ngày 1-5

** Ban hành thuế nông nghiệp.*

Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành sắc lệnh: cải cách chế độ đảm phụ, bãi bỏ các thứ đóng góp cũ như thuế công lương, thuế điền thổ, v.v... bãi bỏ việc mua thóc định giá và đặt ra thuế nông nghiệp thu bằng thóc nhằm đảm bảo cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, phát triển sản xuất nông nghiệp, thống nhất và đơn giản chế độ đảm phụ cho dân, thực hiện đóng góp công bằng.

Sau đó, ngày 15-7-1951, Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về thuế nông nghiệp. Điều lệ này được xây dựng trên ba phương châm chính:

1. Tổng động viên tài lực để đảm bảo cung cấp cho nhu cầu kháng chiến.
2. Phát triển sản xuất nông nghiệp để cải thiện dân sinh.
3. Thực hiện đóng góp công bằng và dân chủ.

* Đại đoàn bộ binh 316, đại đoàn chủ lực cơ động thứ năm của quân đội ta tổ chức lễ thành lập tại Cốc Lùng (Thoát Lãng, Lạng Sơn). Bộ Tư lệnh Đại đoàn gồm: Lê Quảng Ba - Đại đoàn trưởng; Chu Huy Mân - Chính ủy.

Ngày 12 - 25-5

Chiến dịch Sóc Trăng 2. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng khu vực kiểm soát, nối liền giao thông liên lạc giữa Khu 8 và Khu 9. Bộ Tư lệnh Khu 9 sử dụng Trung đoàn Tây Đô, ba tiểu đoàn 406, 408, 410, bộ đội địa phương và dân quân du kích, do đồng chí Nguyễn Chánh (Tư lệnh khu) và đồng chí Phan Văn Chiêm (Phó bí thư tỉnh ủy Sóc Trăng) chỉ huy, tiến công địch trên địa bàn các huyện Vĩnh Châu, Thạnh Trị, Long Phú (tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Cần Thơ). Qua một số trận đánh đồn, đánh giao thông trên sông, đánh quân tiếp viện, ta đã loại khỏi

vòng chiến đấu hơn 200 tên thuộc 10 trung đội chiếm đóng và 2 tiểu đoàn ứng chiến địch, góp phần hỗ trợ phát triển chiến tranh du kích ở địa phương.

Tháng 5

* Các khu 7, 8, 9 giải thể để phân chia, tổ chức thành hai Phân Liên khu miền Đông và miền Tây. Các trung đoàn, liên trung đoàn giải thể để thành lập các tiểu đoàn chủ lực của các Phân Liên khu và các tỉnh.

* Bộ Tổng tham mưu quyết định thành lập Đại đội cao xạ 612 - đơn vị sử dụng pháo cao xạ 37mm đầu tiên của quân đội ta. Đơn vị được trang bị 4 khẩu 37mm làm nhiệm vụ bảo vệ cầu Tà Lùng (Cao Bằng), một vị trí quan trọng trên tuyến biên giới Việt - Trung.

Ngày 28-5 đến 20-6

Chiến dịch Quang Trung (Chiến dịch Hà Nam Ninh). Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích..., Bộ Tổng tư lệnh sử dụng các Đại đoàn 308, 304, 320, các đơn vị binh chủng, các tiểu đoàn và đại đội bộ đội địa phương, dân quân du kích tiến công địch trên địa bàn ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Đảng ủy Mặt trận gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp (Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy), Nguyễn Chí Thanh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm. Diễn biến chiến dịch chia làm 2 đợt (28-31 tháng 5, 1-20 tháng 6). Tại Ninh Bình (hướng chính chiến dịch) ta tiến công vào hàng loạt vị trí địch ở Nhà Thờ, Non Nước, Gối Hạc, Chùa Dầu, Yên Vệ, Cổ Côi, Yên Mô Thượng, Lộc Cầu, Bến Xanh, Lan Khê, Chùa Cao, Chùa Hữu, Ngọc Cẩm (Yên Thủy), núi Sâu... Trên các hướng khác, ta đánh địch ứng cứu, phản kích ở Nam Định, Phủ Lý (Hà Nam), Thái Bình; tiến công địch ở Võ Giàng, Kỳ Cầu, Hưng Công (nam Hà Đông). Kết thúc chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu 4.000 tên địch (40% lính Âu Phi) của 8 tiểu đoàn và 32 đại đội thuộc lực lượng chiếm đóng và cơ động, diệt và bức rút hơn 30 vị trí, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng một số xã thuộc hai huyện Yên Mô, Yên Khánh (Ninh Bình), xây dựng khu căn cứ Bình Lục, Lý Nhân (Hà Nam).

Ngày 15-7

Bảo Đại ký dụ "Tổng động viên". Với đạo dụ này, chính quyền thuộc địa của Pháp và ngụy quyền liên tiếp mở các cuộc bắt lính để phát triển lực lượng, trong đó tổ chức ra các đội biệt kích Com-măng-đô (Commandos) để phá cơ sở ta. Thời gian này, Pháp - ngụy có 4 loại biệt kích: Biệt kích thường hoạt động ở địa phương; biệt kích xung kích hoạt động trong các Liên khu, biệt kích đổ bộ ở các Liên khu, do hải quân chỉ huy. Biệt kích hải quân thuộc Bộ tổng chỉ huy Pháp đổ bộ quấy rối vùng ven biển.

Ngày 20-7

Đại đội 55 (Tiểu đoàn 303) và một đội biệt động tỉnh Thủ Biên, do Tỉnh đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy, tiến công yếu khu quân sự Trảng Bom (nằm trên quốc lộ 1, cách thị xã Biên Hòa 20 km về phía bắc). Bộ đội ta cải trang làm

công nhân cao su, bí mật bất ngờ tập kích cải cách đồn bốt địch; đồng thời, bộ đội địa phương, du kích, các đội vũ trang tuyên truyền của các huyện lân cận hiệp đồng đánh giao thông không cho địch đến ứng cứu. Trận này, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch, thu nhiều chiến lợi phẩm.

Ngày 26-7

Trận Thanh Lâm Bò. Bộ chỉ huy quân Pháp huy động 5 tiểu đoàn Âu - Phi, Bắc Phi và nguy càn quét vào khu vực cầu Thanh Lâm Bò (Phú Vang, Quảng Trị). Trung đoàn 101 (Liên khu 4) do Trung đoàn trưởng Lê Thuyết chỉ huy, kiên quyết chống càn. Sau hai giờ chiến đấu, Trung đoàn 101 đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn (diệt và bắt hơn 100 tên), buộc địch phải rút quân.

Ngày 6-8

Bộ đội Liên khu V tiêu diệt hai đồn Công Lông và Công Pông, bức địch rút hai đồn Công Leng và Công Ma Bút, 7 trung đội thiện chiến của địch bị tiêu diệt. Ta thu 20 tấn vũ khí đạn dược. Với 2 trận Công Lông và Công Pông, ta đã đánh một đòn khá nặng vào hệ thống quân sự của địch uy hiếp vùng tự do Quảng Ngãi.

Ngày 4-9

Quân ta đột nhập thị trấn Cái Bè (Mỹ Tho), đốt cháy một kho xăng dầu của địch chứa 164.000 lít, một kho đạn chứa 1.000 tấn đạn các cỡ, một kho chứa 20 xe vận tải, tiêu diệt một đồn lính Âu Phi gồm 80 tên, một đồn quân biệt kích 100 tên.

Ngày 24 - 30-9

Bộ chỉ huy quân Pháp huy động 4 binh đoàn cơ động (GM1, GM3, GM4, GM7) có không quân, hải quân và pháo binh phối hợp, mở cuộc hành binh "Trái chanh" (Citron) càn quét vùng bắc sông Luộc và phía tây huyện Ninh Giang (Hưng Yên), nhằm tiêu diệt Trung đoàn 42 Liên khu 3. Trong bảy ngày chống càn, Trung đoàn 42 cùng lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh địch quyết liệt, gây cho chúng một số thiệt hại, sau đó rút sang địa bàn tỉnh Thái Bình, bảo toàn lực lượng, tiếp tục chiến đấu.

Ngày 29-9 - 31-10

Chiến dịch Lý Thường Kiệt. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, diệt trừ thổ phỉ, mở rộng cơ sở vùng sau lưng địch, bảo vệ mùa màng và phát triển chiến tranh du kích, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng Đại đoàn 312, Trung đoàn 148 độc lập, 2 đại đội và 1 tiểu đoàn bộ đội địa phương, tiến công địch ở khu vực Nghĩa Lộ (Yên Bái). Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh. Bộ đội ta đã tiến công các vị trí Ca Vịnh, Bản Tú, Gia Hội, Nghĩa Lộ, Cửa Nhì... loại khỏi vòng chiến đấu 1.258 tên (trong đó có 255 tên bị bắt), thu hơn 300 súng các loại, 11 tấn đạn, 20 tấn quân lương. Chiến dịch này đã để lại những kinh nghiệm cho ta về công tác chuẩn bị, chỉ huy và thực hành tác chiến chính quy trên chiến trường rừng núi.

Ngày 30-9 - 8-10

Bộ chỉ huy quân Pháp huy động 4 binh đoàn cơ động (GM1, GM3, GM4, GM6), 2 tiểu đoàn dù, pháo binh, ca-nô, tàu chiến mở tiếp cuộc hành binh “Trái quýt” (Mandrine) càn quét vào khu căn cứ du kích thuộc 3 huyện Tiên Hưng, Duyên Hà, Hưng Nhân (Thái Bình) nhằm tiêu diệt Trung đoàn 42 (Liên khu 3) và cơ quan Mặt trận Tả ngạn sông Hồng... Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Dương Hữu Miên (Chỉ huy trưởng mặt trận), đồng chí Nguyễn Khai (Chính ủy mặt trận), Trung đoàn 42 cùng các đơn vị chặn đánh các mũi tiến quân của địch, gây cho chúng một số thiệt hại, sau đó bí mật vượt sông Luộc sang địa bàn tỉnh Hưng Yên, bảo toàn lực lượng.

Tháng 10

* *Bộ Tổng tư lệnh phát động một tháng chiến tranh du kích* (từ trung tuần tháng 10 đến trung tuần tháng 11 năm 1951), tại trung du Bắc Bộ và Liên khu 3. Mục đích nhằm giữ vững, củng cố và phát triển cơ sở chính trị và vũ trang trong lòng địch, bảo vệ mùa màng... Sau một tháng tiến hành chiến tranh du kích của các đơn vị ở trung du và Liên khu 3 đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.678 tên địch (trong đó bắt 140 tên).

* *Thành lập Trường lái xe Tiến Bộ*. Nhiệm vụ: đào tạo lái xe và thợ sửa chữa. Học viên là thanh niên được tuyển chọn có đủ tiêu chuẩn về chính trị (đảng viên hoặc quần chúng tốt), có văn hóa và sức khỏe. Đây là cơ sở đào tạo lái xe đầu tiên của quân đội ta.

Ngày 9 - 10-11

Tổng Quân ủy họp mở rộng, quyết định thay đổi hình thức hoạt động đối với chủ lực ở Bắc Bộ: “Trước kia thì tập trung chủ lực đánh lớn trên một chiến trường, trong một thời gian nhất định; nay cần hoạt động phân tán trên nhiều chiến trường, trong thời gian khác nhau, mỗi lần hoạt động độ trên dưới một đại đoàn”...

Ngày 30-11

Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng tư lệnh gửi thư cho các đồng chí Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị thông báo Bộ Chính trị đã nhất trí với đề nghị của Tổng Chính ủy là chuyển hướng chiến dịch về Hòa Bình và nhấn mạnh: “Đây là cơ hội tốt thuận lợi để tiêu diệt địch. Đáng lẽ ra ta phải đánh điểm để diệt viện, phải điều nó ra để mà đánh. Ở đây ta không cần đánh điểm mà viện của nó cũng ra. Đây là cơ hội rất thuận lợi để phát triển chiến tranh du kích rộng rãi. Cần hết sức tranh thủ thời gian giành nhiều thắng lợi nhỏ cộng lại sẽ thành thắng lợi lớn...”.

Ngày 10-12

Bộ Tổng tư lệnh ra chỉ thị củng cố bộ đội địa phương và đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Phú Thọ.

Ngày 10-12-1951 - 25-2-1952

Chiến dịch Hòa Bình. Nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đập tan kế hoạch chiếm đóng Hòa Bình của địch, Bộ Tổng tư lệnh quyết định sử dụng các đại đoàn 308, 312, 304, lực lượng vũ trang địa phương, đánh địch ở mặt trận Hòa Bình (hướng chính); Đại đoàn 316 và Đại đoàn 320 đánh địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ (hướng phối hợp). Bộ chỉ huy chiến dịch do Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tư lệnh. Trên hướng chính, chiến dịch diễn ra thành 3 đợt: Đợt 1 (10-26 tháng 12), ta cắt đứt tuyến sông Đà, tiến công tiêu diệt các cứ điểm Tu Vũ, Chẹ và chặn đánh các cánh quân viện theo đường bộ, đường sông; Đợt 2 (27 - 31 tháng 12), ta tiếp tục đập vỡ tuyến sông Đà, tiêu diệt các điểm cao 400, 600, Đá Chông, Chẹ, chặn đánh các cánh quân viện trên các trục đường 87, Ba Vì, Mỹ Khê; Đợt 3 (7 tháng 1, 25 tháng 2 năm 1952), ta cắt đường số 6, tiến công Pheo, Đầm Hướng, bao vây cô lập Hòa Bình, đánh địch rút chạy trên đường số 6. Trên hướng phối hợp, ta tiến sâu vào vùng tạm chiếm ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ, liên tục tiến công địch, góp phần vào thắng lợi ở mặt trận chính. Ngày 25 tháng 2 chiến dịch kết thúc, ta loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch, bức hàng, bức rút hơn 1.000 đồn bốt, thu và phá hủy nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh, mở rộng các khu căn cứ du kích, giải phóng hơn hai triệu dân.

Khu vực Sông Đà - Hòa Bình được giải phóng, nối thông liên lạc giữa căn cứ địa Việt Bắc với các Liên khu 3 - 4, góp phần đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, đánh bại âm mưu của quân Pháp muốn giành lại quyền chủ động chiến lược và chia cắt chiến trường Bắc Bộ.

NĂM 1952

Ngày 6-1 - 7-2

Quân ta tập kích vào các thị xã Ninh Bình, Phủ Lý trừng trị bọn biệt kích ác ôn ngay tại các sào huyệt của chúng.

Quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn đại đội biệt kích "hổ xám" Văng-đéc-béc (Vanderberg) ở nhà tế bản, thị xã Nam Định (16-1) và tiêu diệt gọn đại đội biệt kích Rút-cô-ni (Ruscony) ở Lạc Tràng, thị xã Phủ Lý (7-2).

Tháng 1

Chính phủ Pháp cử tướng Ra-un Xa-lăng (Raoun Salan) làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương thay Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi (mất ngày 8-1-1952). Xa-lăng vạch một kế hoạch tìm kiếm chiến thắng cho chiến tranh Đông Dương, trong đó nhấn mạnh: xây dựng một đạo quân thiện chiến có ưu thế tuyệt đối về quân số để tiêu diệt các đơn vị chủ lực ta. Riêng đối với chiến trường Bắc Bộ, Xa-lăng chủ trương: Đẩy mạnh bình định tất cả những khu vực hiện Pháp đang kiểm soát, khống chế, ngăn chặn mọi nguồn nhân, vật lực cung

cấp cho kháng chiến. Tiếp tục mở các cuộc hành quân càn quét quy mô vừa và nhỏ, mở rộng chiếm đóng các vùng kinh tế, đông dân. Xây dựng các đơn vị cơ động, sẵn sàng ứng chiến khi cần thiết. Xa-lăng dự kiến kế hoạch thực hiện trong 3 năm (1953-1955).

Ngày 20-1

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị "Đẩy mạnh du kích chiến tranh trên chiến trường Bắc Bộ". Về nhiệm vụ mở rộng, củng cố căn cứ địa, chỉ thị nêu rõ: "Những căn cứ chính cần xây dựng cho được là: vùng Tiên Lữ, Phù Cừ - Hưng Yên, Hải Dương và vùng Tiên - Duyên - Hưng (Thái Bình), sau đó thì đến căn cứ Hà Nam (Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm), ở hữu ngạn sông Hồng và căn cứ Nam - Bắc phần Bắc Ninh (Gia Long và Tiên - Quế Võ), ở tả hữu ngạn sông Đuống những nơi này Liên khu Việt Bắc và Liên khu 3 phải tập trung năng lực giải quyết, chú trọng làm thế nào đánh thông được đường liên lạc giữa các căn cứ đó để khi địch càn quét lớn thì có thể dựa vào nhau mà đối phó".

Tháng 2

Bộ chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ mở các cuộc hành binh "Nhà lá" càn quét vào chiến khu Dương Minh Châu và "Gió lốc" (Foubion) càn quét vào chiến khu Đồng Tháp Mười. Tiểu đoàn 403 (Phân Liên khu miền Đông Nam Bộ) phối hợp với đội biệt động tỉnh Dầu Tiếng bất ngờ tiến công sở chỉ huy địch tại Suối Đá (Dầu Tiếng), bẻ gãy cuộc hành quân "Nhà lá" của địch ngay tại căn cứ xuất phát. Trong khi đó, các đơn vị tại chiến khu Đồng Tháp Mười liên tục chiến đấu trong 17 ngày đêm, loại khỏi vòng chiến đấu 790 tên (trong tổng số 3.000 tên trong cuộc càn Gió lốc), đánh chìm 3 tàu chiến, phá hủy 4 xe lội nước, buộc địch phải rút quân.

* *Tổng cục Chính trị xây dựng "Đại cương kế hoạch chỉnh huấn về chính trị trong quân đội"* gửi các đại đoàn chủ lực trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh. Về ý nghĩa của việc chỉnh huấn, Tổng cục Chính trị nêu rõ: "Nâng cao sự giác ngộ chính trị cho cán bộ và chiến sĩ là một chế độ công tác quan trọng, có tính chất xây dựng và thường xuyên của quân đội nhân dân. Chỉ có luôn luôn nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ và chiến sĩ mới có thể làm cho bộ đội được củng cố và đoàn kết, làm cho quan hệ quân dân càng mật thiết để bảo đảm việc hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch cũng như các nhiệm vụ công tác khác... Bởi vậy, cần phải tăng cường việc chỉnh huấn về chính trị, thực hiện việc giáo dục chính trị".

Ngày 3 - 18-3

Trung đoàn 95 (chủ lực Liên khu 4), Tiểu đoàn 230 (Quảng Trị) do Trung đoàn trưởng Lê Văn Tri và Chính ủy Nguyễn Hữu Cầu chỉ huy, cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích liên tiếp tiến công hệ thống đồn bốt, tháp canh địch ở Nam Đông (Gio Linh); chặn đánh đoàn xe quân sự địch (80 chiếc chở 1.200 quân) trên đường 74, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 800 tên; phá hủy và thu nhiều vũ khí, đạn, mở rộng vùng căn cứ du kích bắc Quảng Trị.

Ngày 8-3

Hội nghị ngành Quân khí toàn quân lần thứ hai, tổng kết công tác năm 1951 và đề ra nhiệm vụ trong năm 1952. Đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp đến dự phát biểu, nêu rõ: Chủ trương trang bị cho bộ đội cách mạng, nói chung nguồn chính là ở tiền tuyến. Cần nắm vững chủ trương ấy... Nhiệm vụ chính của quân khí là thống kê chiến lợi phẩm, phụ là sản xuất, xin tiếp tế...

Ngày 10 - 18-3

Bộ chỉ huy Pháp ở Bắc Bộ tập trung 4 binh đoàn cơ động GM1, GM2, GM4, GM7 (5.000 quân), 2 tiểu đoàn pháo, 1 tiểu đoàn cơ giới, mở cuộc hành binh "Lội nước" (Amphibie) càn quét vào khu căn cứ du kích Lý Nhân và Bình Lục (Hà Nam). Trung đoàn 64 (Đại đoàn 320) do Trung đoàn trưởng Lê Ngọc Hiền chỉ huy cùng các lực lượng vũ trang địa phương tích cực chống càn. Kết hợp giữa bố trí trận địa phục kích, đắp ụ, phá cầu, trên các mũi tiến công của địch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 500 tên, buộc địch phải rút quân, giữ vững khu căn cứ và phong trào kháng chiến ở địa phương.

Tháng 3

Bộ chỉ huy Pháp huy động 3 tiểu đoàn mở cuộc hành binh "Tây Bá Lợi Á" (Siberie) càn quét vùng Từ Sơn (Bắc Ninh) và 3 tiểu đoàn mở cuộc hành binh "Thanh kiếm" (Sabre) càn quét vùng Yên Lạc, Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc). Lực lượng vũ trang các địa phương đã anh dũng đánh chặn, bẻ gãy các cuộc càn quét của địch.

Ngày 18-3

Bộ đội Liên khu V phục kích 2 tiểu đoàn địch cách Man Đông (Quảng Trị) 4 km, tiêu diệt 770 tên địch.

Ngày 21-3

Quân ta (lực lượng Liên khu V) tiêu diệt vị trí Sơn Tùng của địch. Sau đó ta lại chặn đánh đội quân tiếp viện ở Khánh Mỹ. Địch bị tiêu diệt 115 tên, bị bắt 45 tên.

Ngày 25-3 - 6-4

Bộ chỉ huy Pháp ở Bắc Bộ huy động 5 binh đoàn cơ động GM1, GM2, GM3, GM4, GM7 có pháo binh, tàu chiến, ca nô, xe cơ giới, quân dù chi viện, mở cuộc hành binh "Thủy ngân" (Mercure) càn quét vào căn cứ du kích liên huyện Thái Ninh, Kiến Xương, Tiền Hải, Vũ Xương (Thái Bình). Các trung đoàn 48, 52 (Đại đoàn 320), cùng lực lượng vũ trang địa phương tích cực đánh địch trong và ngoài căn cứ (gần 200 tên lớn nhỏ), loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên, làm thất bại ý đồ của địch hòng tìm diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến tỉnh Thái Bình và bộ đội chủ lực.

Ngày 14.- 22-4

Phá trận càn Pô-lô Pôóc-tô Tuyéc-cô (Polo Porto Turco).

Quân ta đánh bại cuộc càn quét lớn của địch ở Bắc sông Luộc (Hưng Yên, Hải Dương). Ngày 23-4-1952, địch tập trung 18 tiểu đoàn bộ binh, nhiều xe cơ giới, trọng pháo, máy bay càn quét vào Bắc sông Luộc nhằm phá hoại cơ sở của ta. Quân ta tích cực chống càn, tiêu diệt 1.980 tên địch (đa số là lính Âu Phi), phá hủy 1 xe tăng, 30 xe vận tải, 2 ca nô, bắn rơi và bắn hỏng 2 máy bay, thu 30 súng các loại.

Sau những cuộc càn quét lớn thất bại, từ tháng 6 năm 1952, thực dân Pháp chuyển sang càn quét vừa (với lực lượng từ 1 đến 3 tiểu đoàn) và chủ yếu là càn quét nhỏ, trên từng khu vực hẹp và kéo dài thời gian càn quét, vừa càn quét vừa tiến hành “bình định”.

Ngày 22 - 28-4

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba, đề ra những công tác chính trong năm 1952, trong đó quyết định chấn chỉnh quân đội. Hội nghị nêu rõ: “Quân đội ta đã tiến bộ nhiều, nhưng còn nhiều khuyết điểm: trình độ kỹ thuật, chiến thuật còn kém, nhất là trình độ chính trị chưa được nâng cao, lập trường giai cấp chưa vững, cán bộ công nông chưa được cất nhắc đúng mức...”. “Trong việc chỉnh huấn bộ đội, lấy chính trị làm gốc khởi đầu từ cán bộ, dần dần đến toàn thể đội viên, phải chú trọng bồi dưỡng và cất nhắc cán bộ công nông, phải làm cho quân đội ta trở nên thật là một quân đội cách mạng của nhân dân, một quân đội vô địch”.

Ngày 23-4 - cuối tháng 5

Trung đoàn 42 chủ lực Liên khu 3 cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh chặn 4 binh đoàn cơ động GM1, GM2, GM3, GM7 và quân ứng chiến địa phương, có máy bay chi viện, mở cuộc hành binh “Con lạc đà” (Đromadaire) càn quét vùng căn cứ du kích liên tỉnh Hưng Yên - Hải Dương (bắc sông Luộc). Rút kinh nghiệm những lần chống càn trước đây và thực hiện chủ trương của mặt trận Tả ngạn sông Hồng, Trung đoàn 42 phân tán từng tiểu đoàn, phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 2.000 tên, bảo vệ được lực lượng, giữ vững vùng căn cứ du kích liên tỉnh bắc sông Luộc.

Ngày 1-5

* Công nhân Biên Hòa phá hủy một kho xăng của thực dân Pháp, làm cho chúng thiệt hại hơn 1 triệu lít xăng.

* Tại Việt Bắc, Cục Thông tin liên lạc tổ chức hội nghị thông tin liên lạc toàn quân lần thứ hai, thống nhất nguyên tắc tổ chức thông tin liên lạc cho chiến dịch, chiến đấu; quy định biểu biên chế phân đội thông tin liên lạc từ cấp đại đội bộ binh trở lên để trình Bộ Tổng tham mưu duyệt. Về thông tin điện thoại, hội nghị khẳng định phải dùng “chiến thuật mũi dùi” từ trên xuống, tuyệt đối không được đảo ngược.

* Thành lập Tiểu đoàn 320 vận tải thuộc Phân Liên khu miền Đông Nam Bộ. Tiểu đoàn có nhiệm vụ: tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa từ Liên khu 5 về chiến khu

Đ, giữ vững đường liên lạc giữa Nam Bộ với Trung ương; đưa đón, bảo vệ các đoàn cán bộ Trung ương vào Nam Bộ và ngược lại. Tiểu đoàn trưởng: Nguyễn Văn Lung.

Ngày 20-5

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết "về tổ chức Đảng trong bộ đội chủ lực", quy định:

"Ở đại đội có hội nghị toàn thể chi bộ và ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi ủy).

Ở tiểu đoàn có đại hội đại biểu tiểu đoàn và ban chấp hành tiểu đoàn (gọi tắt là tiểu đoàn ủy).

Ở trung đoàn có đại hội đại biểu trung đoàn và ban chấp hành trung đoàn (gọi tắt là trung đoàn ủy).

Ở đại đoàn có đại hội đại biểu đại đoàn và ban chấp hành đại đoàn (gọi tắt là đại đoàn ủy).

Ở các trường, nếu nhỏ thì có hội nghị toàn thể chi bộ trong trường và ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi ủy), nếu lớn thì có đại hội đại biểu toàn trường và ban chấp hành nhà trường (gọi tắt là hiệu ủy).

- Ở các cơ quan đoàn bộ, nếu nhỏ thì có hội nghị toàn thể chi bộ trong cơ quan và ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi ủy), nếu lớn, có từ hai chi bộ trở lên thì có đại hội đại biểu cơ quan và ban chấp hành liên chi (gọi tắt là liên chi ủy). Ở đại đoàn hoặc các tổng cục thuộc Bộ Tổng tư lệnh, nếu có nhiều liên chi, thì có đại hội đại biểu toàn cơ quan và ban chấp hành đại đoàn bộ, tổng cục...

Tổng Quân ủy do Trung ương chỉ định, đặt dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị".

Tháng 5

* *Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định thành lập Khu Tả ngạn sông Hồng.* Các tỉnh Hải Phòng, Kiến An, Hưng Yên và Thái Bình được tách khỏi Liên khu 3 về Khu Tả ngạn sông Hồng. Bộ Tư lệnh khu do đồng chí Đỗ Mười làm Bí thư kiêm Chính ủy, đồng chí Nguyễn Khai làm Tư lệnh, đồng chí Dương Hữu Miên làm Phó tư lệnh và đồng chí Đặng Tính làm Phó chính ủy.

* *Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh tiến hành chấn chỉnh quân đội.* Các đơn vị từ Liên khu 5 trở ra được chỉnh huấn chính trị, quân sự, tổ chức biên chế, trang bị. Về quân sự: Các đại đoàn thống nhất huấn luyện 5 kỹ thuật (bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn, đào công sự, sử dụng bộc phá), chiến thuật công kiên cứ điểm, đánh vận động, chống càn, chiến đấu hiệp đồng binh chủng... Về tổ chức, biên chế, trang bị: Bộ Tổng tham mưu quy định mỗi đại đoàn có 3 trung đoàn bộ binh và các tiểu đoàn binh chủng (công binh, pháo binh, phòng không, thông tin, vận tải...). Mỗi tiểu đoàn tổ chức 1 đại đội mạnh có 4 trung đội để làm nhiệm vụ chủ công trong tác chiến công kiên. Mỗi đại đội bộ binh giảm 11 người, nhưng được trang bị thêm 6 súng trường, 15 tiểu liên. Cơ quan từ đại đội bộ đến đại đoàn bộ gồm 800 người, toàn đại đoàn giảm 1.000 người. Các cơ quan trực thuộc

Bộ Tổng tư lệnh xác định rõ chức trách, cải tiến nếp làm việc, giảm trung gian, rút cán bộ và chiến sĩ tăng cường cho các đơn vị chiến đấu.

Cuộc chỉnh huấn đã nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ tổ chức, chỉ huy, kỹ thuật, chiến thuật của quân đội ta lên một bước mới.

Ngày 28-5 - 2-6

Tiểu đoàn 57 (Trung đoàn 46 chủ lực Liên khu 3) phối hợp với lực lượng địa phương đánh chặn 8 tiểu đoàn bộ binh địch có pháo binh và quân dù chi viện, mở cuộc hành binh Căng-gu-ru (Kangourou) càn quét khu vực tây Phú Xuyên, Ứng Hòa (Hà Đông) và Kim Bảng (Hà Nam). Ta loại khỏi vòng chiến 400 tên, buộc địch phải rút quân.

Ngày 30 - 31-5

Hai trung đoàn 18, 95 (chủ lực Liên khu 4), Tiểu đoàn 299 (Quảng Bình) cùng dân quân du kích tiến công diệt cụm phòng thủ của địch ở Ba Đồn, giải phóng huyện Quảng Trạch.

Ngày 2 - 6-6

Địch huy động 10 tiểu đoàn bộ binh, có pháo binh, xe tăng, tàu chiến, quân dù chi viện, mở cuộc hành binh "Con sơn dương" (Antilope) càn quét khu vực đông Phú Xuyên (Hà Đông) và Duy Tiên (Hà Nam). Tiểu đoàn 292 (Trung đoàn 16 chủ lực Liên khu 3) vận dụng các biện pháp chống càn (phân tán lực lượng đánh nhỏ, thường xuyên quấy rối...) phối hợp với dân quân du kích đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên, bẻ gãy cuộc càn của địch.

Ngày 16-6

Đại đội bộ đội địa phương huyện Châu Thành (Mỹ Tho), do huyện đội trưởng Lê Phước Hải chỉ huy tiến công trường hạ sĩ quan ngục tại Bình Đức. Sau 30 phút chiến đấu, ta làm chủ trận địa, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 250 tên, thu hơn 250 súng và 100.000 viên đạn. Đây là trận tập kích đạt hiệu suất chiến đấu cao của bộ đội địa phương Nam Bộ.

Ngày 19 - 20-6

Trung đoàn 101 (Liên khu 4) đánh chặn cuộc tiến công của Tiểu đoàn 27 Âu Phi và tiểu đoàn 2 Bắc Phi vào chiến khu Dương Hòa (tây Thừa Thiên). Bằng cách phân chia lực lượng thành nhiều mũi, bí mật bất ngờ tiến công quân địch, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 400 tên, buộc số còn lại phải bỏ chạy. Cơ quan chỉ đạo kháng chiến của Thừa Thiên tại chiến khu được bảo vệ an toàn.

Ngày 15-7 - 26-9

Chiến dịch Quảng Nam. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ hệ thống đồn bốt, tháp canh địch, thu hẹp vùng địch tạm chiếm, mở rộng vùng du kích và thế làm chủ của ta, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 sử dụng Trung đoàn 503 và lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, tiến công địch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Nguyễn Bá Phát làm Tư lệnh, đồng chí Bùi San làm Chính ủy và đồng chí Phan Hàm làm Phó tư lệnh. Sau ba đợt chiến đấu, tiến

công vị trí Xuân Đài, khu hành chính Phú Ký, đồn Vân Ly, cứ điểm Túy Loan, khu hành chính Kỳ Lam, tháp canh Thượng Phước, các cứ điểm Ba Dụ và Lê Sơn, đồn Đốc Nhất (trên đèo Hải Vân), đồng thời đánh địch tăng viện và địch càn quét ở Gò Nổi... Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 1.200 tên địch, thu nhiều chiến lợi phẩm, mở rộng vùng du kích bắc Quảng Nam đến sát ngoại ô thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An.

Ngày 25 - 29-8

Trung đoàn 101 (Liên khu 4) do Trung đoàn trưởng Lê Thiết chỉ huy, đánh chặn 7 tiểu đoàn quân ứng chiến, có pháo binh, máy bay chi viện, mở cuộc hành binh "Châu chấu" (Sauterelle) càn quét khu vực Thanh Hương - Vĩnh Xương. Tuy đồng chí Trung đoàn trưởng hy sinh và một số cán bộ cơ quan bị bắt, nhưng Trung đoàn đã gây cho địch một số thiệt hại; sau đó rút ra khỏi vòng vây của địch, tiếp tục chiến đấu.

Ngày 31-8

Một tổ đặc công do đồng chí Nguyễn Văn Thọ chỉ huy bí mật tiếp cận dùng mìn đánh kho bom Phú Thọ (Sài Gòn) phá hủy 52 tấn bom và 50 triệu viên đạn của địch. Trận đánh gây tiếng vang lớn ở Sài Gòn và các vùng lân cận.

Ngày 4 - 7-9

Trung đoàn 101 (Liên khu 4) chống cuộc càn "Con cá sấu" (Caiman) của 8 tiểu đoàn, có quân dù, pháo binh, tàu thủy, máy bay chi viện tại khu vực dọc Cửa Việt vào Phong Điền, Hải Lăng (Quảng Trị). Sau 3 ngày chống càn, ta loại khỏi vòng chiến đấu 400 tên địch, phá hủy 2 xe quân sự, buộc địch phải rút quân.

Ngày 14-10 - 10-12

Chiến dịch Tây Bắc.

Quân ta mở chiến dịch Tây Bắc nhằm 3 mục đích: tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đồng bào Tây Bắc khỏi ách áp bức của giặc, giải phóng một bộ phận đất đai Tây Bắc. Phối hợp với chiến trường chính Tây Bắc, quân ta còn mở các mặt trận ở đồng bằng và các tỉnh vùng sau lưng địch.

Cuối năm 1952, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Kết quả toàn chiến dịch quân ta tiêu diệt 13.800 tên địch, bao gồm:

- Ở mặt trận Tây Bắc, quân ta tiêu diệt 6.023 tên, hầu hết các tên chỉ huy các vị trí lớn đã bị quân ta bắt. Ta diệt và chiếm lại 85 vị trí địch, thu 3.785 súng các loại, 90 máy vô tuyến điện, 1.450 dù, và 6 máy bay, giải phóng 28.000 km², gồm 25 vạn dân, trong đó có thị xã Sơn La (giải phóng ngày 22-11-1952).

- Ở mặt trận Phú Thọ: quân ta tiêu diệt 1.884 tên, phá hủy 43 xe cơ giới, thu 133 súng các loại, 1 xe tăng 18 tấn, 16 xe vận tải, quét sạch quân địch khỏi Phú Thọ (25-11-1952).

- Ở mặt trận sau lưng địch bị tiêu diệt 5.887 tên trong đó có 1/3 bị bắt sống, ta thu 2.307 súng các loại.

Chiến thắng Tây Bắc có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó đã giải phóng đồng bào Tây Bắc khỏi sự áp bức của giặc, giải phóng một bộ phận đất đai rộng lớn, một vùng chiến lược quan trọng. Quân và dân ta đã tiêu diệt và chiếm lại 100 vị trí lớn nhỏ của địch ở Tây Bắc, tránh được sự uy hiếp của địch vào căn cứ địa Việt Bắc đồng thời chiến thắng Tây Bắc còn có tác dụng phá phần lớn âm mưu thâm độc "Xứ Thái tự trị" của địch nhằm chia rẽ người Thái với người Kinh, người Thái với đồng bào các dân tộc thiểu số khác.

Ngày 1 - 30-12

Trung đoàn 48 (chủ lực Liên khu 3), các đại đội 40, 57, 91 bộ đội địa phương tỉnh, huyện đánh chặn cuộc hành binh Bơ-ta-nhơ (Bretagne) của 5 binh đoàn cơ động GM1, GM3, GM4, GM5, GM7, có pháo binh, xe tăng, xe bọc thép lội nước, tàu chiến, xe vận tải chi viện, vào vùng căn cứ Trục Ninh, Nam Trục, Xuân Trường, Giao Thủy (Nam Định). Các trung đoàn 57, 66, 52 chủ lực liên khu cùng dân quân du kích phối hợp đánh địch ở các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam, Thái Bình. Trong một tháng chiến đấu, ta diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, bảo toàn lực lượng và giữ vững khu căn cứ.

Ngày 5-12

Đại đoàn bộ binh 325 - đại đoàn chủ lực cơ động thứ sáu của quân đội ta được thành lập tại Bình - Trị - Thiên. Tư lệnh kiêm Chính ủy: Trần Quý Hai. Đại đoàn 325 mang tên truyền thống "Đại đoàn Bình Trị Thiên".

NĂM 1953

Ngày 13 - 28-1

Chiến dịch An Khê. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích và phối hợp với chiến trường toàn quốc, Bộ tư lệnh Liên khu 5 sử dụng các Trung đoàn 108, 803, Tiểu đoàn 40 chủ lực liên khu, Trung đoàn 120 bộ đội địa phương và dân quân du kích tiến công địch trên đường số 19, trọng điểm là khu vực An Khê. Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Nguyễn Chánh làm Tư lệnh kiêm Chính ủy.

Ngày 13 tháng 1, bộ đội ta tiến công địch ở các cứ điểm Tú Thủy, Cửu An, Eo Gió, ngày 28 đánh Thượng An; buộc địch ở Kon He tháo chạy; uy hiếp và đánh địch ứng viện ở An Khê... Đến ngày 28 tháng 1, chiến dịch kết thúc, ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.600 địch (bắt 300 tên), thu vũ khí, giải phóng 18.000 dân. Đây là thắng lợi lớn trên chiến trường Nam Trung Bộ, đánh dấu sự trưởng thành về tác chiến của lực lượng vũ trang Liên khu 5.

Ngày 25 - 30-1

Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Tại hội nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản báo cáo quan trọng, Người nhấn mạnh hai vấn đề chính: một là lãnh đạo kháng chiến và chính sách quân sự, hai là phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến tới cải cách ruộng đất. Về chỉ đạo kháng chiến và chính sách quân sự, Hồ Chủ tịch nêu ra 10 điểm cụ thể, Hội nghị đã hoàn toàn nhất trí với 10 điểm trên.

Về công tác phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, Hội nghị đã kiểm điểm việc thi hành chính sách ruộng đất trong mấy năm kháng chiến và đề ra 5 công tác chính trong năm 1953 là: Phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, đẩy mạnh công tác chinh quân, tăng cường công tác kinh tế tài chính, công tác vùng sau lưng địch, chú trọng công tác chính huấn cán bộ trong và ngoài Đảng. Trong 5 công tác kể trên, công tác chính số một là phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức.

Hội nghị thông qua bản Dự thảo cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam về chính sách ruộng đất.

Trước mắt, năm 1953 Hội nghị quyết định phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại công điền, chia hẳn ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân, thiết thực chuẩn bị cải cách ruộng đất.

Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng trong việc kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ cách mạng: phản đế và phản phong.

Tháng 1 - tháng 3

Quân Pháp mở hàng loạt cuộc hành binh ở Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên và Nam Bộ. Riêng ở Bắc Bộ, từ ngày 16 tháng 1, Pháp mở cuộc hành binh Ấc-toa càn quét hai huyện Đông Quan, Quỳnh Côi (Thái Bình); từ ngày 20 tháng 1, mở cuộc hành binh "Con cóc" (Crapaud) càn quét vùng Bắc Kiến Xương (Thái Bình); từ ngày 27 tháng 1, mở cuộc hành binh Noóc-măng-di (Norrmandie) càn quét các huyện Thanh Miện, Tứ Kỳ (Hải Dương), Ân Thi (Hưng Yên); từ ngày 4 tháng 2, mở cuộc hành binh Tu-lu-dơ (Toulouse) càn quét các huyện Gia Lâm, Tiên Du, Qué Võ (Bắc Ninh); từ ngày 7 tháng 3 mở cuộc hành binh Hốt-tơ An-pơ càn quét hai huyện Yên Mô (Ninh Bình) và Nga Sơn (Thanh Hóa); từ 20 tháng 3 mở cuộc hành binh Coóc-xơ (Corse), nhảy dù xuống Chợ Bờ, Suối Rút (Hòa Bình). Mỗi cuộc hành binh, Pháp huy động từ 2 đến 4 binh đoàn cơ động, triệt phá các khu du kích của ta và bắt thanh niên vào lính.

Ngày 13-4 - 14-5

Chiến dịch Thượng Lào. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và theo yêu cầu của Chính phủ kháng chiến Lào, Mặt trận Ít-xa-la, Bộ Tổng tư lệnh mở chiến dịch tiến công địch ở Sầm Nưa, Xiêng Khoảng (Thượng Lào), nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một bộ phận đất đai, xây dựng và củng cố các căn cứ du kích, đẩy mạnh kháng chiến của nhân dân Lào. Bộ chỉ huy chiến dịch: Phía Lào có Hoàng thân Xu-pha-nu-vông (Thủ tướng

Chính phủ kháng chiến), đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản (Bộ trưởng Quốc phòng), đồng chí Xanh-ga-po (Thứ trưởng Quốc phòng) và đồng chí Thao-ma (Bí thư tỉnh Sầm Nưa). Phía Việt Nam có Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chỉ huy trưởng, Thiếu tướng Hoàng Văn Thái - Tham mưu trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Nam - Chủ nhiệm cung cấp và đồng chí Nguyễn Khang đặc trách công tác ở chiến trường nước bạn. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm các Đại đoàn 308, 312, 304, Trung đoàn bộ binh 148 và một số đơn vị lực lượng vũ trang Pa-thét Lào. Ngày 3 tháng 4, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư căn dặn bộ đội làm nhiệm vụ quốc tế: "Giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình". Bước vào chiến dịch, phát hiện thấy liên quân Việt - Lào tiến công, quân địch ở Sầm Nưa (3 tiểu đoàn và 1 đại đội, phòng ngự theo kiểu tập đoàn cứ điểm) vội vã bỏ chạy; liên quân Việt - Lào chuyển sang truy kích, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 4.600 tên (bằng 1/5 diện tích nước Lào), giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lỳ (tương đương 1/5 diện tích nước Lào), nối liền căn cứ kháng chiến Lào với vùng Tây Bắc Việt Nam. Thắng lợi của chiến dịch đã góp phần củng cố tình đoàn kết chiến đấu của quân và dân hai nước Việt - Lào.

Ngày 21-4

Thực hiện chỉ thị của Khu ủy Khu Tả ngạn sông Hồng và Tỉnh ủy Kiến An, Tỉnh đội Kiến An sử dụng các đại đội 53, 195, 295 bộ đội địa phương tỉnh, một tổ quân báo tỉnh, đại đội 196 huyện Tiên Lãng, du kích và nhân dân, do Tỉnh đội trưởng Đặng Kinh chỉ huy, tập kích vào nhiều vị trí (trong số 17 vị trí, mỗi vị trí do một đại đội lính Âu Phi và ngụy chiếm đóng), bảo vệ trong và ngoài thị xã Kiến An. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 500 tên địch, thu nhiều chiến lợi phẩm.

Ngày 28-4

Quân ta đột nhập thị xã Nam Định tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn ngụy binh, bắt 20 cảnh binh ác ôn, 505 ngụy binh. Sáng hôm sau, quân ta lại chặn đánh quân tiếp viện của địch, diệt 100 tên.

Tổng cộng ta thu 517 súng các loại, 105 hòm đạn, ta phá hủy 5 xe tăng, 21 xe các loại, 1 máy bay và 21 đại bác, đại liên của địch.

Ngày 7-5

Chính phủ Pháp cử tướng Hăng-ri Na-va (Henri Navarre) làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Ngày 19 tháng 5, Na-va sang Đông Dương nghiên cứu tình hình và vạch ra một kế hoạch chiến lược trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Về quân sự: Dựa vào viện trợ Mỹ xây dựng một quân đội tay sai lớn mạnh, tổ chức lực lượng cơ động chiến lược (khoảng 15 binh đoàn cơ động), đẩy mạnh hoạt động tác chiến, từng bước thoát khỏi thế phòng ngự bị động, tiến tới giành quyền chủ động chiến lược, tạo thế quân sự có lợi cho cuộc chiến tranh; Na-va dự kiến thực hiện kế hoạch trong 18 tháng gồm 2 bước: Bước 1: Thu đông 1953 và mùa xuân 1954: giữ thế phòng ngự ở miền Bắc Việt Nam; tập trung xây dựng lực lượng cơ động lớn và mở rộng

quân nguy, cần quét bình định vùng đã kiểm soát, mở các cuộc hành quân lớn chiếm đóng vùng tự do của ta, nhất là ở Nam Bộ và Liên khu 5. Từ thu đông 1953, trên cơ sở thực hiện bước 1, chuyển sang tiến công chiến lược ở miền Bắc, tiêu diệt chủ lực ta để kết thúc chiến tranh.

Kế hoạch của Na-va được Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng Pháp thông qua và Mỹ tán thành. Đây thực chất là kế hoạch Pháp - Mỹ nhằm cố gắng cao nhất để chuyển bại thành thắng trong chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Ngày 18-6

Quân ta tập kích vào thị trấn Phả Lại (Hải Dương) tiêu diệt 400 tên địch, đồng thời phá cuộc chuẩn bị càn quét của địch vào huyện Yên Dũng (Hà Bắc).

Ngày 19-6

Quân ta đột nhập thành phố Hải Phòng, phá hủy một kho lớn chứa bom và đạn đại bác, đốt cháy hai kho xăng dầu gồm 16 bể lớn 8.000 thùng, phá hủy 70 xe vận tải và tiêu diệt 31 lính Âu Phi.

Ngày 9-7

Tướng Mỹ Ô Đa-ni-en (O Daniel), Tư lệnh lực lượng ở Thái Bình Dương dẫn đầu phái đoàn quân sự Mỹ sang Đông Dương đôn đốc, giám sát thi hành việc kế hoạch Na-va.

Ngày 19 - 20-7

Pháp huy động 7 tiểu đoàn (3 tiểu đoàn dù và 4 tiểu đoàn bộ binh) mở cuộc hành binh "Chim én" (Hirondelle) càn quét vùng Lạng Sơn nhằm phá hậu phương ta. Đây là cuộc càn điển hình theo chiến thuật Na-va, nhưng không mang lại kết quả; địch phải chấm dứt cuộc càn và rút lui.

Ngày 28-7 - 5-8

Trung đoàn 95 (Liên khu 4) cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích chống cuộc càn "Các-mác-gơ" (Carmasque) của 13 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn dù, có máy bay, pháo binh chi viện vào vùng căn cứ du kích 4 huyện Phong Điền - Quảng Điền - Triệu Phong - Hải Lăng (Quảng Trị). Bộ đội và du kích vừa bám đánh địch ở từng thôn xã, loại khỏi vòng chiến đấu 400 tên, vừa tổ chức đưa lực lượng vượt ra ngoài vòng vây của địch tiếp tục chiến đấu.

Ngày 4-8

Pháp huy động 12 tiểu đoàn bộ binh thuộc 2 binh đoàn GM3 và GMVN, 8 tiểu đoàn khinh quân, 2 tiểu đoàn pháo, 1 hải đoàn xung kích mở cuộc hành binh "Tác-răng-te-dơ" (Tarentaise) càn quét các huyện Giao Thủy, Hải Hậu (Nam Định). Bộ đội địa phương và dân quân du kích tích cực chống càn, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.400 tên địch.

Tháng 8

Bộ Tổng tham mưu báo cáo Tổng Quân ủy kế hoạch tác chiến chiến lược, xác định: Nhiệm vụ trước mắt của quân đội ta là phải phá kế hoạch tập trung binh lực và âm mưu bình định đồng bằng của địch.

Ngày 28-8 - 22-9

Pháp huy động 2 binh đoàn cơ động GM3, GM5, 1 tiểu đoàn dù, 1 tiểu đoàn bộ binh Xê-nê-gan, 1 tiểu đoàn xe bọc thép, 1 tiểu đoàn ngự, 1 thủy đội, các đội biệt kích, mở cuộc hành binh “Cơ-lốt” (Claude) càn quét huyện Tiên Lãng, tỉnh Kiến An. Dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của Khu ủy, Tỉnh ủy, Tỉnh đội, trực tiếp là Ban chỉ đạo chống càn của tỉnh, các đại đội 295, 331, 196 bộ đội địa phương tỉnh, huyện, cùng dân quân du kích và nhân dân, được sự phối hợp của các huyện, tỉnh bạn kiên cường đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 670 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, đẩy lùi cuộc càn lớn của địch. Ngày 23 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen và tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhất cho quân và dân Tiên Lãng.

Ngày 5-9

Na-va rút lực lượng ở tập đoàn cứ điểm Nà Sản, chuyển 6 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh về tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ làm lực lượng cơ động đối phó với hoạt động của chủ lực ta.

Ngày 9-9

Quân ta tập kích vị trí Dị Sử (Hải Dương) tiêu diệt gần 2 đại đội địch, trong đó có 1 trung tá, 1 đại úy, 2 trung úy, 1 thiếu úy, thu nhiều quân trang quân dụng.

Ngày 13-9

Phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, quân và dân ta ở Vĩnh Long đã chặn đánh một đoàn tàu chiến của địch trên sông Long Hồ, bắn đắm 5 chiếc, bắn bị thương nặng một chiếc. Cũng ngày này, ở địa điểm khác, quân dân Vĩnh Long lại bắn một tàu chiến lớn của giặc, tàu này chúng thường dùng làm binh công xưởng lưu động trên sông.

Tháng 9

* Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng bàn về chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954. Hội nghị thảo luận hai phương án: Phương án thứ nhất: tập trung toàn bộ, tranh thủ tiêu diệt một bộ phận quân địch, phối hợp đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, bảo vệ vùng tự do. Sau khi địch bị tổn thất đến một mức độ nhất định, vùng tự do được củng cố, ta sẽ tùy tình hình mà tiếp tục để bộ đội chủ lực ở đồng bằng hay điều động đi nơi khác. Phương án thứ hai: Đưa bộ đội chủ lực lên hướng Tây Bắc, vì Tây Bắc Việt Nam và Lào là nơi địch yếu nhưng chúng không thể bỏ. Hướng này mặc dù có khó khăn lớn về tiếp tế, nhưng ta buộc địch phải phân tán lực lượng, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh hoạt động ở khắp các chiến trường sau lưng địch, tạo điều kiện để tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Bộ Chính trị phê chuẩn phương án thứ hai.

* Bộ Tổng tư lệnh mở lớp tập huấn cán bộ trung cấp, cao cấp toàn quân. Mục đích là nâng cao trình độ tổ chức chỉ huy, cách đánh điểm, đánh địch đang vận động hoặc mới chiếm lĩnh trận địa.

Tháng 9 - tháng 11

Toàn quân chỉnh huấn quân sự. Huấn lệnh chỉnh huấn quân sự (năm 1953) của Bộ Tổng tư lệnh xác định: “Chúng ta phải nâng cao trình độ công kiên, đồng thời phải nâng cao trình độ vận động. Chúng ta không những phải thông thạo động tác cơ bản mà phải khéo léo ứng dụng, không những phải thông thạo đánh đêm mà quen cả đánh ban ngày, không những đánh kẻ địch ở dưới đất mà đánh kẻ địch có phi pháo phối hợp”.

Ngày 22-9 - 2-10

Pháp tập trung 18 tiểu đoàn bộ binh thuộc các binh đoàn cơ động GM2, GM5, GM7, 5 tiểu đoàn dù, 7 tiểu đoàn pháo, 1 tiểu đoàn cơ giới, 2 hải đoàn xung kích, mở cuộc hành binh “Con cá măng” (Brochet) càn quét ác liệt căn cứ du kích liên tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình (Bắc sông Luộc). Các trung đoàn 50, 52 (chủ lực Liên khu 3) cùng bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích tích cực chống càn, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.200 tên địch, thu và phá hủy nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh, giữ vững khu căn cứ du kích, làm thất bại một bước kế hoạch Na-va ở đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 25-9

Quân ta tập kích vào Bùi Chu (Nam Định) tiêu diệt toàn bộ tiểu đoàn khinh quân 710, bắt 500 tên địch.

Ngày 15-10 - 6-11

Phá tan chiến dịch Hải Âu (Mouette) của địch ở tây nam Ninh Bình. Địch huy động 6 binh đoàn cơ động, 9 tiểu đoàn pháo binh, 3 tiểu đoàn thiết giáp đánh vào khu vực tây nam Ninh Bình, đồng thời cho quân hoạt động nghi binh ở vùng ven biển Thanh Hóa. Ních-xơn, phó tổng thống Mỹ đến chợ Ghênh (Ninh Bình) quan sát chiến dịch. Chiến dịch này là màn đầu của kế hoạch Na-va¹ nhằm giành lại thế chủ động và kết thúc cuộc chiến tranh trong vòng 18 tháng. Bước đầu của kế hoạch Na-va đã bị thất bại thảm hại. Quân ta đã phá tan chiến dịch Hải Âu trong vòng 23 ngày, ta tiêu diệt 1 tiểu đoàn, hơn 11 đại đội địch ở mặt trận tây nam Ninh Bình và 2 tiểu đoàn, hơn 5 đại đội ở mặt trận sau lưng địch, tổng cộng trên 4.000 tên địch bị tiêu diệt, trong đó có 1.170 tên bị bắt.

Ngày 20-11

Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu điều Đại đoàn 316 hành quân gấp lên Lai Châu đánh tiêu diệt địch

1. Ngày 7-5-1953 Chính phủ Pháp cử tướng Na-va (Navarre) làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. “Kế hoạch Na-va” do Pháp và Mỹ vạch ra. Đó là một kế hoạch chiến lược quy mô, một âm mưu chính trị và quân sự thâm độc, ngoan cố, một cố gắng cuối cùng của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

khi có thời cơ, ngăn chặn quân địch từ Điện Biên Phủ lên Lai Châu hoặc từ Lai Châu về Điện Biên Phủ.

Ngày 20 - 22-11

Pháp tập trung 6 tiểu đoàn dù (khoảng 4.500 quân, trong đó 1 phần 3 là quân ngự) mở cuộc hành binh "Con hải ly" (Castor) kết hợp nhảy dù và đổ bộ đường không chiếm Điện Biên Phủ (Lai Châu), biến nơi đây thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhằm đối phó với ta trên hướng Tây Bắc và Thượng Lào. Tiếp đó (22-28 tháng 11), Pháp tập trung 8 tiểu đoàn bộ binh mở cuộc hành binh "Ác-đéc-sơ" (Ardèche) chiếm vùng sông Nậm Hu (Thượng Lào) nhằm nối thông với Điện Biên Phủ (Việt Nam).

Ngày 4-12

Quân ta tập kích vào thị xã Thái Bình, diệt toàn bộ ban chỉ huy và bộ tham mưu chung của 3 trung đoàn cơ động của địch đang chuyển về càn quét miền Nam Thái Bình, diệt 10 tên địch, trong đó có một đại tá và một đại úy, bắt 2 trung úy, 3 thiếu úy.

Ngày 6-12

Tổng Quân ủy trình Bộ Chính trị "Phương án tiếp tục mùa xuân 1954" bao gồm nội dung: I. Tình hình và phương hướng chiến dịch. II. Binh lực và thời gian tác chiến. III. Nhu cầu nhân lực, vật lực. IV. Kế hoạch đường sá và vận chuyển. Về phương hướng chiến dịch, Tổng Quân ủy phân tích, phán đoán ý đồ hành động của Pháp sau khi chiếm Điện Biên Phủ, Thượng Lào và chủ trương phải chuẩn bị cho mặt trận Điện Biên Phủ, coi "Điện Biên Phủ sẽ là một trận công kiên lớn nhất từ trước tới nay". Bộ Chính trị thông qua phương án và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 10 - 31-12

Chiến dịch Lai Châu mở đầu chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phân tán lực lượng cơ động chiến lược của địch, giải phóng Lai Châu, thực hiện ý định chiến lược mở đầu chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng Đại đoàn 316, do Tư lệnh Lê Quảng Ba và Chính ủy Chu Huy Mân chỉ huy, cùng lực lượng vũ trang tại chỗ tiến công địch trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Phát hiện chủ lực ta tiến quân lên Tây Bắc, ngày 10-12, địch bắt đầu rút khỏi Lai Châu thực hiện cơ cụm lực lượng về Điện Biên Phủ. Đại đoàn 316 tổ chức ngăn chặn, tập kích và truy kích địch. Nhiều trận chiến đấu diễn ra ở Bản Tấu, Pu San, thị xã Lai Châu... Đến ngày 31 tháng 12, chiến dịch kết thúc. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 24 đại đội (trong số 3 tiểu đoàn và 23 đại đội ngự), giải phóng tỉnh Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ) bước đầu đánh bại âm mưu của địch cơ cụm lực lượng về Điện Biên Phủ.

Ngày 16-12

Quân ta tập kích tiêu diệt lần thứ 2 vị trí Dị Sử, chỉ huy sở phân khu của địch ở Hưng Yên; sau 15 phút chiến đấu, ta giết 90 tên, bắt sống 172 tên, bắn trọng thương 40 tên, phá hủy 20 xe vận tải, đốt cháy 1 kho đạn lớn.

Ngày 21-12-1953 - tháng 5-1954

Chiến dịch Trung - Hạ Lào. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng vùng Thà Khẹt, đường số 9 từ biên giới Việt Nam đến giáp sông Mê Kông ở Trung Lào. Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tư lệnh Liên khu 4 sử dụng các Trung đoàn 280 và 120 (bộ đội tình nguyện), một số đơn vị binh chủng phối hợp với một bộ phận quân giải phóng Pa-thét Lào, tiến công địch tại khu vực Ma Hả Xay, Nhom Ma Rát, Thà Khẹt, đường số 9 (Trung Lào). Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Hoàng Sâm làm Tư lệnh, đồng chí Trần Quý Hai làm Chính ủy. Bước vào chiến dịch, ta đã tập kích địch ở Khăm He, Khăm Mạ (trên đường 12), truy kích địch ở Ba Na Phào rút chạy, tiến công tiêu diệt các vị trí Hín Xiu, Đồng Hén, Pha Lan, Mường Phìn... trên đường số 9 và đường số 8. Phát huy thắng lợi, Trung đoàn 101 tiến công xuống phía Nam phối hợp với quân giải phóng Ít-xa-rắc (Cam-pu-chia) đánh địch ở miền Đông và Đông Bắc Cam-pu-chia. Đến tháng 5 năm 1954, ta và bạn kết thúc chiến dịch. Toàn chiến dịch, ta đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn (trong số 4 tiểu đoàn chiếm đóng và 5 tiểu đoàn ứng chiến ở Trung Lào), giải phóng thị xã Thà Khẹt, một phần tỉnh Xa Van Na Khẹt, thị xã A Tô Pơ, toàn bộ cao nguyên Bô Lô Ven (Lào) và mở rộng căn cứ ở Đông Bắc Cam-pu-chia. Chiến dịch Trung Hạ Lào thể hiện bước trưởng thành mới về trình độ tổ chức chỉ huy, phối hợp chiến đấu của Liên quân Việt - Lào trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954.

NĂM 1954

Đầu tháng 1

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại bản Tỉn Keo (xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), hạ quyết tâm: "Tập trung đại bộ phận chủ lực thiện chiến của ta lên mặt trận Điện Biên Phủ mở chiến dịch tiến công tiêu diệt những lực lượng tinh nhuệ nhất của địch trong tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của chúng trên chiến trường Đông Dương này".

Ngày 16-1 - 17-2

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hút lực lượng cơ động, phá âm mưu lấn chiếm vùng tự do của địch, mở rộng vùng giải phóng và phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 sử dụng 2 trung đoàn chủ lực (108-803), Trung đoàn 120 địa phương, một số tiểu đoàn, đại đội độc lập của liên khu và các tỉnh, tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên. Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Nguyễn Chánh làm Tư lệnh kiêm Chính ủy, đồng chí Nguyễn Bá Phát làm Tham mưu trưởng. Bước vào chiến dịch, bộ đội ta tiến công, đánh địch phản kích và rút chạy trên hướng đường 19 An Khê - hướng phụ và trên hướng Bắc Kon Tum - hướng chính. Trên hướng phụ, bộ đội ta nổ súng trước, diệt các cứ điểm Kà Tung, Ba Bả, Tà Tu, Búp Bè. Trên hướng chính, bộ đội ta diệt các cứ điểm Măng Đen, Cồng Brây, Măng Bút, Đắc Tô, Đắc Sút, Đắc Lây,

Đắc Đoà, tập kích thị xã Plây Cu... Đến ngày 17 tháng 2 chiến dịch kết thúc. Ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.300 tên địch thuộc 4 tiểu đoàn cơ động và 15 đại đội chiếm đóng trên địa bàn; giải phóng một vùng chiến lược gần 16.000 km² trong đó có thị xã Kon Tum; buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động ra nhiều hướng, tạo điều kiện thuận lợi để ta tập trung cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chiến thắng Bắc Tây Nguyên là một thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong chiến dịch Đông Xuân 1953-1954; phá âm mưu củng cố Tây Nguyên, làm thất bại thủ đoạn thâm độc của địch “dùng người Thượng đánh người Kinh, người Thượng đánh người Thượng” của địch.

Ngày 29-1

Mỹ điều 200 binh lính thuộc lực lượng không quân của Mỹ sang Đông Dương để bảo đảm kỹ thuật máy bay ném bom B-26 cho Pháp sử dụng ở Điện Biên Phủ.

Ngày 29-1 - 13-2

Chiến dịch Thượng Lào. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giúp cách mạng Lào phát triển, Bộ Tổng tư lệnh sử dụng Đại đoàn 308 cùng với một số đơn vị bộ đội địa phương, du kích bạn, tiến công phòng tuyến sông Nậm Hu của địch ở Thượng Lào. Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Vương Thừa Vũ làm Tư lệnh. Bước vào chiến dịch, ngày 31 tháng 1 phát hiện ta tiến quân, địch vội bỏ phòng tuyến rút chạy. Đại đoàn 308 và bạn truy kích, diệt địch ở Mường Khoa trên hướng Mường Sài; Mường Ngòi, Nậm Ngà trên hướng Nậm Bạc - Luông Pha Bông; loại khỏi vòng chiến đấu 17 đại đội trong số 5 tiểu đoàn chiếm đóng, 2 tiểu đoàn và 2 binh đoàn cơ động trên địa bàn; đập tan phòng tuyến sông Nậm Hu, giải phóng tỉnh Phong Xa Lỳ, nối liền khu giải phóng Sầm Nưa của bạn với vùng Tây Bắc nước ta.

Ngày 31-1

* Quân ta tập kích vào thị trấn Đô Sơn phá hủy 5 máy bay, đốt cháy 5 triệu lít xăng, diệt 2 chỉ huy sở của địch, trong đó có nhiều sĩ quan và phi công.

* Trung đội du kích (20 đồng chí) huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, do huyện đội phó Nguyễn Văn Thòa chỉ huy, được bộ đội công binh tỉnh giúp đỡ, bố trí trận địa mìn đánh đoàn tàu quân sự địch tại khu vực gần ga Phạm Xá (trên tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng) làm đổ đầu máy và 8 toa xe, loại khỏi vòng chiến đấu 770 tên địch, làm ngưng trệ vận chuyển đường sắt của địch trong 4 ngày đêm.

* *Tổng cục Cung cấp điều chỉnh kế hoạch bảo đảm vũ khí trang bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ*, theo kế hoạch mới (từ phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh” chuyển sang “đánh chắc, tiến chắc”, lực lượng tham gia chiến dịch đông, thời gian tác chiến dài), số vũ khí đạn dược cần bổ sung là 414 tấn, đưa tổng số lên 1.455,5 tấn, tăng 4 lần so với số lượng lớn nhất trong các chiến dịch thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Ban Quân khí tiền phương được thành lập gồm 139 cán bộ, chiến sĩ và 4 đại đội thanh niên xung phong (478 người). Trưởng ban: Nguyễn Văn Nam - Cục trưởng Cục Quân khí.

Tháng 1 - tháng 2

Các chiến trường đẩy mạnh hoạt động theo chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954. Ở Bắc Bộ, Đại đoàn bộ binh 320 cùng các lực lượng vũ trang Liên khu 3 diệt hàng loạt vị trí, phá vỡ phòng tuyến sông Đáy, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch. Ở Liên khu 5, các lực lượng vũ trang địa phương đánh giao thông trên đường số 1, đường số 7, bức rút nhiều vị trí địch, giải phóng huyện Hương Hóa (Quảng Trị). Ở Nam Trung Bộ, các lực lượng vũ trang tập kích thị xã Hội An, Phan Thiết, bao vây bức hàng và tiêu diệt một số cứ điểm. Ở Nam Bộ, các tiểu đoàn 302, 307 chủ lực khu và các tiểu đoàn 311, 410 bộ đội địa phương tỉnh... tiến vào vùng địch tạm chiếm, hỗ trợ nhân dân đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng vùng giải phóng.

Ngày 6-2

Mỹ chuyển giao 40 máy bay ném bom hạng trung B-26 cho Pháp và tặng viện trợ 120 triệu đôla bổ sung năm 1954 là 1 tỷ 115 triệu đôla giúp Pháp trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Tiếp đó, ngày 17 tháng 2, Mỹ chính thức yêu cầu Pháp để Mỹ phụ trách huấn luyện quân nguy và mời Pờ-lê-ven (Pléven) - bộ trưởng quốc phòng Pháp sang Mỹ cùng tướng Ô Đa-ni-en (O Danien) - tư lệnh lục quân Mỹ ở Thái Bình Dương điều chỉnh lại kế hoạch Na-va.

Ngày 7-3

Tiến công sân bay Cát Bi. Quân ta đột nhập sân bay Cát Bi, một trong ba sân bay lớn nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương. Chúng rào chung quanh sân bay từ 3-6 lần hàng rào dây thép gai có gai mìn và hỏa pháo tự động, đặt 42 tháp canh, 13 ụ đại bác xung quanh các hàng rào, huy động trên 2.000 quân dưới sự chỉ huy của 3 tên đại tá, 44 tên cố vấn Mỹ để bảo vệ sân bay.

Quân ta đã phá hủy hoàn toàn 60 máy bay địch, gồm 38 chiếc phóng pháo kiểu B-26, 10 chiếc khu trục, 3 chiếc vận tải và 9 chiếc "bà già". Bom đạn trong các máy bay bị phá nổ làm cho nhiều máy móc, kho tàng của địch bị cháy và phá hủy.

Chiến thắng to lớn của ta ở Gia Lâm và Cát Bi làm cho địch bị tổn thất nặng và gặp nhiều khó khăn trong việc vận chuyển tiếp tế cho các chiến trường nhất là ở Điện Biên Phủ.

Ngày 8-3

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố phản đối Chính phủ Mỹ trắng trợn, công khai phái nhân viên không quân đến Đông Dương trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh xâm lược.

Ngày 13-3 - 7-5

Chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhằm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giải phóng Tây Bắc, giành thắng lợi quyết định trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 -1954, Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Bộ chỉ huy chiến dịch gồm: Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận; Thiếu tướng Hoàng Văn Thái - Tham mưu trưởng; đồng chí Lê Liêm - Chủ nhiệm chính trị; Chủ nhiệm cung cấp - Đặng Kim Giang. Hội đồng cung cấp mặt trận do Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch; đồng chí Trần Đăng Ninh - Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp phụ trách công tác đường sá, tiếp tế chiến dịch.

Ngày 13 tháng 3, chiến dịch bắt đầu và trải qua ba đợt. Đợt một (13-17 tháng 3) các đơn vị thuộc Đại đoàn 312, Đại đoàn 308 cùng Đại đoàn công pháo 351 tiến công tiêu diệt các trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập và bức hàng trung tâm Bản Kéo. Trong 5 ngày, hệ thống phòng ngự tiền tiêu của địch trên hướng bắc và đông bắc bị đập tan; lực lượng ta mở thông cánh cửa xuống lòng chảo, áp sát khu trung tâm. Đợt hai (18 tháng 3-30 tháng 4), các đơn vị thuộc ba Đại đoàn (316, 308, 312) cùng các lực lượng binh chủng pháo binh, phòng không đánh chiếm các cứ điểm phía đông (các ngọn đồi C1, E, D, A1); đồng thời xây dựng trận địa bao vây, đánh lấn, chia cắt tập đoàn cứ điểm, khống chế và triệt chỉ viện đường không của địch. Riêng trận đánh đồi A1 gặp khó khăn, ta phải tổ chức đánh đến ba lần. Trong một tháng, vòng vây của ta ngày càng siết chặt tập đoàn cứ điểm, tạo ra thế trận cho tổng công kích. Đợt ba (1-7 tháng 5), các đơn vị thuộc các Đại đoàn 308, 312, 304, 316 cùng các đơn vị binh chủng, đánh chiếm các điểm cao còn lại ở phía đông, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch ở phía tây (các điểm cao 505, 505A, 511A, C2, 506, 310). Ngày 7 tháng 5, ta chuyển sang tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kết thúc chiến dịch.

Trong 55 ngày đêm chiến đấu, ta tiêu diệt và bắt hơn 16.000 tên địch, trong đó bắt toàn bộ bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm do tướng Đờ Cát-xơ-ri cầm đầu (tính theo đơn vị gồm 21 tiểu đoàn, trong đó có 17 tiểu đoàn bộ binh và dù, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh), bắn rơi và phá hủy 62 máy bay, bắn hỏng 4 xe tăng; thu 30 trọng pháo, 6 xe tăng, hơn 30.000 chiếc dù cùng toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng.

Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn nhất, đánh tiêu diệt lớn nhất, điển hình nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, là đỉnh cao của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954. Thắng lợi của chiến dịch cùng với thắng lợi trên các chiến trường khác đã góp phần quyết định làm phá sản kế hoạch Na-va của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đồng thời có ý nghĩa quyết định thành công của hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tháng 3 - tháng 4

Các chiến trường đẩy mạnh hoạt động phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ.
Tại Nam Bộ, Tiểu đoàn 302 chủ lực phân Liên khu miền Đông phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia diệt một số vị trí địch, mở rộng vùng giải phóng của các tỉnh phía Đông Cam-pu-chia (tháng 4). Lực lượng vũ trang các tỉnh phá nhiều đồn bốt, xe quân sự và diệt hàng nghìn tên địch trên các địa bàn. Tại Trung Bộ, lực lượng vũ trang Liên khu 5 tập kích vào Plây Riêng (Đông Nam Plây Cu) diệt hàng trăm tên địch thuộc binh đoàn cơ động 100 (22 tháng 3). Trung đoàn

96 phục kích ở Thượng An (Plây Cu) diệt một tiểu đoàn thuộc binh đoàn cơ động 11 (23 tháng 3); phục kích ở đèo Măng (gần An Khê); diệt vị trí An Hòa (Thừa Thiên) loại khỏi vòng chiến đấu hai đại đội địch... Tại đồng bằng Bắc Bộ, Đại đoàn 320 và lực lượng vũ trang Liên khu 3 diệt vị trí Nghĩa Lộ (15 tháng 3); đánh bại cuộc càn của địch ở Hạ Bằng, Sơn Tây (25 tháng 3); tập kích Lai Xá, Hà Nam (7 tháng 4) loại khỏi vòng chiến đấu 230 tên thuộc tiểu đoàn lê dương số 3 (3-5 REI); phục kích ở Đông Biên và Lạc Quân (Nam Định) diệt một tiểu đoàn khinh quân địch (18 tháng 4); phục kích trên đường số 5 đoạn Văn Lâm - Như Quỳnh (21 tháng 4) diệt tiểu đoàn lê dương số 2 (2-3 REI)...

Ngày 9-5

Quân ta tấn công tiêu diệt hoàn toàn vị trí Vạn Phúc cách thị xã Hà Đông chưa đầy 1 km về phía Bắc. Ta tiêu diệt 1 trung đội địch, phá hủy 6 xe cơ giới, đốt cháy 1 kho 4.500 lít xăng, một kho súng, đạn và phá hai nhà máy điện của địch.

Ngày 15-5

Mỹ bố trí cố vấn vào các đơn vị quân nguy, thay thế Pháp huấn luyện đội quân nguy. Được Mỹ giúp sức, đến cuối tháng 5, quân đội nguy phát triển lên 249.517 quân, trong đó có 200.000 là quân chính quy, còn lại là quân phụ lực.

Ngày 16-6

Sau khi rút toàn bộ lực lượng ở phân khu Chợ Bến, một vùng quan trọng trên đường số 21, trước sự uy hiếp mạnh mẽ của ta, giặc Pháp ở thị xã Việt Trì đã phải rút chạy.

Việt Trì là thị xã đầu tiên ở đồng bằng Bắc Bộ được giải phóng. Thị xã Việt Trì và phân khu Chợ Bến được giải phóng đã làm đứt phòng tuyến trung du và phòng tuyến sông Đáy của địch.

Ngày 24-6

Sau 5 tháng bao vây, uy hiếp, quân ta đã giải phóng An Khê (Liên khu 5). Quân địch vội vã bỏ chạy về Plây Cu. Quân ta mở cuộc tiến công mãnh liệt vào đoàn xe địch khi chúng đến Ca Tung (phía Tây An Khê), tiêu diệt trên 100 tên địch.

Đây là trận thắng lợi của bộ đội Liên khu 5, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, làm thất bại âm mưu của địch chiếm vùng tự do Liên khu 5 của ta, làm cho vùng tự do và căn cứ du kích của ta được mở rộng thêm, đồng thời phá được một phần thế địch uy hiếp ta từ Tây Nguyên xuống.

Ngày 30-6 - 3-7

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, trước sự uy hiếp mạnh của quân ta, lực lượng quân đội Pháp đã phải rút nhiều vị trí quan trọng ở phía Nam đồng bằng Bắc Bộ.

- Ngày 30-6 địch rút khỏi Phát Diệm, Bùi Chu, Ninh Bình, Thái Bình.
- Ngày 1-7 địch rút khỏi Nam Định.

- Ngày 3-7 địch rút khỏi Phủ Lý.

Ngày 21-7

Hội nghị Giơ-ne-ơ về Đông Dương kết thúc thắng lợi. Các bản Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào đã được ký kết. Các nước tham gia hội nghị thông qua Bản tuyên bố chung thừa nhận tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, quy định quân đội Pháp phải rút khỏi các nước Đông Dương và ở mỗi nước Đông Dương sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

Bản tuyên bố chung có ghi rõ ở Việt Nam: “Đường ranh giới về quân sự chỉ có tính chất tạm thời, không thể coi như là một biên giới chính trị hoặc lãnh thổ” và quy định thời hạn dứt khoát về việc tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam vào tháng 7-1956. Bản “Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam” bao gồm 6 chương, 47 điều, ngoài ra còn có phụ bản kèm theo nói rõ thêm về “giới tuyến quân sự tạm thời, khu phi quân sự và các khu đóng quân tạm thời”.

Hội nghị Giơ-ne-ơ thành công là thắng lợi to lớn của nhân dân Đông Dương, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, đồng thời là đòn giáng mạnh vào âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ.

Hội nghị Giơ-ne-ơ thắng lợi, hòa bình được lập lại ở Đông Dương, nhân dân miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, đó là một bước ngoặt quan trọng đối với cách mạng Việt Nam: miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Ngày 22-7

Vào lúc 0 giờ, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra lệnh ngừng bắn trên toàn chiến trường Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

NHỮNG CHIẾN DỊCH TIÊU BIỂU TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC - THU ĐÔNG 1947 (Phản công, từ ngày 7 tháng 10 đến ngày 20 tháng 12 năm 1947)

Việt Bắc là một liên khu nằm ở phía bắc của Bắc Bộ, bao gồm 17 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Quảng Yên, Hải Ninh, Tuyên Quang và châu Mai Đà). Địa hình chủ yếu là rừng núi, một phần trung du. Rừng núi Việt Bắc trùng điệp, địa hình hiểm trở. Đường bộ và đường thủy ít và độc đạo. Phía đông bắc có đường số 4 chạy dọc theo biên giới Việt - Trung từ Móng Cái đến Cao Bằng đường số 3 từ Hà Nội chạy lên giữa lòng Chiến khu Việt Bắc, đi Thái Nguyên, lên Bắc Cạn và tới Cao Bằng. Đường số 2 từ Hà Nội lên Việt Trì, Phú Thọ, tới Tuyên Quang, Hà Giang. Đường thủy dọc sông Hồng lên ngã ba Việt Trì, rẽ theo sông Lô lên Tuyên Quang, rẽ theo sông Gâm tới Chiêm Hoá. Khí hậu Việt Bắc khắc nghiệt, mùa đông lạnh giá, mùa hè nắng nóng mưa nhiều, khi mưa hàng trăm con suối và sông nước lũ cuộn cuộn, cản trở cho việc chuyển quân của cả hai bên. Dân cư Việt Bắc gồm nhiều dân tộc ít người, sống thưa thớt, canh tác tự cung tự cấp, nghèo, nhưng vốn có truyền thống yêu nước, được giác ngộ một lòng đi theo cách mạng, ủng hộ kháng chiến.

Do Việt Bắc có địa thế hiểm trở, hạn chế được địch cả về cơ động và tầm quan sát, cả khả năng triển khai lực lượng lớn và phương tiện chiến đấu hiện đại khi tiến công, tiến hành tác chiến lớn phải theo mùa ... nên ngay từ tháng 8 năm 1945, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao cho đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Nguyễn Lương Bằng ở lại Tân Trào một thời gian trực tiếp chỉ đạo củng cố khu căn cứ của Trung ương. Đến cuối tháng 10 năm 1946 (trước ngày toàn quốc kháng chiến), thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Lương Bằng từ Hà Nội trở lại Việt Bắc chuẩn bị căn cứ địa kháng chiến. Các huyện Chợ Đồn (Bắc Cạn), Chiêm Hoá, Sơn Dương (Tuyên Quang), Định Hoá, Đại Từ (Thái Nguyên), được chọn làm an toàn khu (ATK). Bắt đầu từ tháng 11 năm 1946, để bảo toàn lực lượng, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính Phủ, Mặt trận, Bộ Tổng chỉ huy lần lượt rời Hà Nội lên Việt Bắc để lãnh đạo, tổ chức kháng chiến lâu dài. Các binh công xưởng, xí nghiệp, nhà máy, gần 63 nghìn đồng bào miền xuôi và hàng vạn tấn máy móc, nguyên vật liệu được vận chuyển, sơ tán lên Việt Bắc để quân và dân ta vừa sản xuất vừa tiếp tục chiến đấu.

Về phía địch, đầu năm 1947, sau khi “Giải pháp chính trị” lập chính phủ bù nhìn bế tắc, thực dân Pháp đã quyết định dùng “đòn quân sự” để giải quyết chiến tranh Việt Nam và Đông Dương.

Nhận rõ vị trí chiến lược của Việt Bắc, tướng Va-luy (Valluy)- Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương đã giao cho tướng Xa-lăng (Salan) - Tư lệnh quân Pháp ở Bắc Đông Dương ráo riết chuẩn bị “*Kế hoạch tiến công Việt Bắc*”. Tháng 6 năm 1947, Va-luy bay về Pháp để thông qua “*Kế hoạch tiến công Việt Bắc*” trước nội các Ra-ma-di-ê (Ramadir) và xin tăng viện (đầu tháng 7, Chính phủ Pháp đã thông qua kế hoạch này). Ngay sau đó, 14 tiểu đoàn Âu-Phi trong lực lượng tăng viện đã đổ bộ lên miền Bắc Việt Nam. Một số đơn vị quân Pháp ở Nam Bộ cũng được điều gấp ra Bắc Bộ.

Lực lượng tham gia tiến công trên 10 nghìn quân, gồm: năm trung đoàn bộ binh¹, ba tiểu đoàn dù, hai tiểu đoàn pháo binh, hai tiểu đoàn công binh, ba đại đội cơ giới², hai phi đội với 40 máy bay, ba thủy đội xung kích với 40 tàu, xuồng.

Kế hoạch tiến công, địch dự kiến chia thành hai bước

Bước 1: Mang mật danh Lê-a (Léa)³. Mục tiêu đánh chiếm là khu tam giác Bắc Cạn - Chợ Đồn - chợ Mới. Cụ thể, ngày 7 tháng 10 năm 1947 quân dù sẽ đồng loạt đổ bộ đánh đồn vu hồi, tập hậu hiểm hóc vào hậu phương của ta một cách bất ngờ, sẽ chiếm Bắc Cạn, Chợ Mới. Ngày 8, nhảy dù tiếp, chiếm Chợ đồn và càn quét vùng xung quanh. Ngày 9, hai cánh quân dù này gặp nhau ở bản Pei (cách thị xã Bắc Cạn 20km về phía bắc) hòng “bắt gọn chính phủ kháng chiến”.

Cùng lúc này hình thành hai mũi như hai gọng kìm bao vây toàn bộ khu căn cứ địa Việt Bắc bao gồm năm tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Thái Nguyên. Hai mũi sẽ tiến công từ hai hướng.

Hướng đông (dài 420km), lực lượng “binh đoàn B” gồm cơ giới và bộ binh sẽ thọc một mũi nhọn theo quốc lộ số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng; vừa hành quân càn quét vừa triển khai chiếm đóng cứ điểm dọc trục lộ, thực hiện phong tỏa vùng biên giới này. Sau đó, từ Cao Bằng, một bộ phận sẽ tiến xuống Bắc Cạn phối hợp và hỗ trợ binh đoàn dù, hình thành gọng kìm thứ nhất kẹp chặt toàn bộ mặt phía đông của Việt Bắc.

Hướng tây, lực lượng “binh đoàn C” gồm quân thủy và bộ từ Hà Nội lên Việt Trì, phát triển lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa theo sông Hồng, sông Lô, sông Gâm và quốc lộ số 2, hình thành gọng kìm thứ hai (dài 250km).

Bộ chỉ huy Pháp dự kiến: Ngày 11 tháng 10 hoàn thành việc phòng thủ Chợ Mới, sau đó sẽ tiến hành càn quét và tuần tiễu trên đường số 3 và đường Chợ Mới - phố Bình Gia, ngày 12 cánh đông sẽ tiến xuống Bắc Cạn. Ngày 13 tháng 10, hai gọng kìm sẽ hội quân ở Đài Thị (đông bắc Chiêm Hóa 12km).

1 Gồm : Trung đoàn Ma-rốc số 6 (6e RTM), trung đoàn bộ binh thuộc địa Ma-rốc (RICM), trung đoàn bộ binh thuộc địa số 4 (4e - RIC), trung đoàn bộ binh Lê Dương số 3 (3e REI) và một trung đoàn do Coste (Coste) chỉ huy.

2 Ba đại đội này của trung đoàn bộ binh cơ giới Ma-rốc gồm 800 xe các loại

3 Léa (Lê-a) - Tên một ngọn đồi cao 1.362 mét, trên trục đường số 3 nằm giữa Nguyên Bình và Bắc Cạn.

Bước 2: Mang mật danh “Xanh-tuya” (Ceinture)¹, tức “siết chặt vành đai”. Quân địch sẽ tập trung càn quét khu tam giác: Bắc Cạn - Chợ Chu - Chợ Mới, lấy vùng Chợ Chu làm mục tiêu trọng điểm. Ngày 14 tháng 10, dùng nhiều hướng mũi: quân bộ từ Bắc Cạn xuống, từ Chợ Mới đánh sang, phối hợp với quân dù nhảy thẳng xuống Chợ Chu. Một đơn vị dù khác đổ bộ xuống phía nam huyện lỵ Định Hóa nhằm khoá, chặn đường giao thông huyết mạch của kháng chiến Chợ Chu - Thái Nguyên, đây là vùng “Thủ đô kháng chiến” của ta.

Như vậy, không gian của cuộc hành quân trải rộng trên địa bàn tám tỉnh, nhưng chúng sẽ tập trung quân càn quét vào khu tứ giác: Tuyên Quang - Đài Thị - Bắc Cạn - Thái Nguyên (khoảng 360km²), trọng điểm đánh phá, càn quét là tam giác Bắc Cạn - Chợ Chu - Chợ Mới². Cùng với lực lượng tham chiến chính thức kể trên, các tiểu đoàn dù do Phô-xây Phơ-răng-xoa (Fossey Francois) chỉ huy, tập kết ở sân bay Gia Lâm và Cát Bi, sẵn sàng đổ bộ xuống nơi phát hiện có cơ quan đầu não kháng chiến.

Pháp chủ trương tập trung sức mạnh tối đa, tiến hành tiến công chớp nhoáng với chiến thuật hợp đồng thủy - lục - không quân càn quét mạnh từng khu vực, lấn chiếm dần để dồn kẹp ta lại mà bao vây tiêu diệt; nhằm “4 mục tiêu chiến lược” của cuộc tiến công là: *“Diệt và bắt cơ quan đầu não của Việt Minh; tìm diệt chủ lực; phá tan căn cứ địa Việt Bắc; bịt kín, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc và loại trừ mọi chi viện từ bên ngoài vào. Truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ”*³.

Bộ chỉ huy Pháp dự kiến cho cuộc hành quân là ba tháng và xem đây là một kế hoạch hoàn hảo, có khả năng đi đến kết thúc chiến tranh. Tướng Va-luy khẳng định sẽ “chơi ván bài cuối cùng”. Tướng Xa-lăng, tác giả của “kế hoạch tiến công Việt bắc” thì cam đoan “Chỉ cần ba tuần lễ để đập tan đầu não của Việt Minh”⁴.

Về phía ta, trước khi Pháp mở cuộc tiến công, lực lượng quân đội ta trên toàn quốc có 105.990 người (Bắc Bộ có 45.802 người⁵; biên chế thành 20 trung đoàn, có hai trung đoàn 147 và 165 của Bộ và nhiều tiểu đoàn độc lập của khu và của Bộ. Trang bị bị thiếu thốn và không thống nhất, có gì dùng nấy. Một tiểu đoàn thường

1. “Kế hoạch tiến công Việt Bắc” do Xa-lăng soạn thảo gồm hai cuộc hành binh lớn mang mật danh Lê-a và Clo-clo. Nhưng khi tiến hành cuộc hành binh thứ nhất (bước 1) đã không thực hiện được đúng như kế hoạch, mà vừa chậm vừa bị nhiều tổn thất nên sang “bước 2”, Xa-lăng đã lờ đi, không dấn động gì đến mật danh Clo-clo nữa mà phải thay bằng Xanh-tuya - Tức “siết chặt vành đai”, dồn sức vào đánh phá khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Phủ Lạng Thương Việt Trì

2. Chợ Chu, chợ Mới thuộc huyện Định Hoá. Khi quân Pháp nhảy dù xuống đây, cơ quan Trung ương của ta ở cách đó 20km đường chim bay.

3,4. “Hồi ký Xa-lăng”. Nxb Presses de la Cité Pari, 1971 - T.2 - tr 58 và 74

5. Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ tư ngày 12 tháng 10 năm 1947 tổ chức tập trung lại thành bảy khu nằm trong ba liên khu: Liên khu 1 gồm khu 1 và 12; Liên khu 10 gồm khu 10 và 14; Liên khu 3 gồm khu 2, khu 3 và khu 11. Trong 20 trung đoàn, trừ hai trung đoàn chủ lực của Bộ, còn lại đều là trung đoàn địa phương các khu. Thời kỳ này trung đoàn là đơn vị tổ chức cao nhất. Bộ đang chuẩn bị thành lập “Đại đoàn chủ lực”, xảy ra việc địch tiến công Việt Bắc nên việc thành lập này hoãn lại.

có hai đại liên, một đến hai cối 60mm, tám trung liên, 140 đến 160 súng trường đủ các kiểu (Nhật, Nga, Pháp). Một số tiểu đoàn của Bộ có pháo 20mm, trọng liên 13,2mm, 12,7mm và cối 81mm. Bộ đội và cán bộ chỉ huy các cấp chưa được huấn luyện thành thục về kỹ thuật, chiến thuật. Trình độ và khả năng chiến đấu giữa các đơn vị không đồng đều. Trừ Trung đoàn Thủ đô và Trung đoàn Lạng Sơn đã được thử thách qua chiến đấu, phần lớn các đơn vị còn lại chưa hề qua chiến đấu, trình độ kỹ thuật chiến thuật của bộ đội, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ, tình hình trang bị của ta chưa cho phép tiến hành những trận đánh lớn để ngăn chặn địch. Các binh chủng pháo binh, công binh chưa được tổ chức thành đơn vị. Phương tiện thông tin liên lạc và vận tải thiếu nhiều, chủ yếu là liên lạc chạy bộ. Cung cấp, tiếp tế hậu cần có nhiều khó khăn, chủ yếu dựa vào chính quyền và nhân dân địa phương. Bộ đội nhiều người bị sốt rét đã ảnh hưởng đến sức chiến đấu. Thời kỳ này ta yếu hơn địch về mọi mặt, nhưng tinh thần chiến đấu, chịu đựng gian khổ hy sinh, dũng cảm của bộ đội ta thì được phát huy mạnh mẽ.

Riêng trên địa bàn chiến dịch, lực lượng ta có bảy trung đoàn bộ binh, tổng cộng 18 tiểu đoàn chủ lực (trong đó có hai tiểu đoàn của Bộ), 30 đại đội độc lập, 4.228 dân quân du kích tập trung¹; ngoài ra còn có lực lượng tự vệ của các thị xã, thị trấn, công xưởng trên toàn Quân khu Việt Bắc. Pháo binh có bốn khẩu (ba khẩu 75mm, một khẩu 70mm). Phòng không có hai pháo 20mm, hai khẩu 13,2mm và sáu khẩu 12,7mm.

Lực lượng dân quân du kích ở địa phương Việt Bắc đã được tổ chức, củng cố khá mạnh, tính đến tháng 12 năm 1947, riêng bốn tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Thái Nguyên đã có tới 3.319 du kích tập trung). Đến cuối tháng 9 năm 1947, cấp tỉnh có một đến hai trung đội hoặc một đại đội, huyện có một đến hai trung đội du kích tập trung; tinh thần vững, hăng hái chiến đấu nhưng huấn luyện còn ít, kinh nghiệm còn non.

Chiến dịch do Bộ Tổng chỉ huy trực tiếp chỉ huy, đồng chí Võ Nguyên Giáp làm chỉ huy trưởng Sở chỉ huy cơ bản ở Yên Thông, đến chiều 20 tháng 10 năm 1947, chuyển sang Tràng Xá (Thái Nguyên). Giai đoạn 2 chuyển về vùng Lục Rã, Quảng Nạp (cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1947)².

1. a. Hồ sơ M-VL/10-721 BTTM, Cục Nghiên cứu khoa học quân sự (bản đánh máy tháng 4 năm 1962) ghi: Có 10 trung đoàn gồm: Chủ lực của Bộ có hai trung đoàn 147 và 165 (thiếu 1d) và hai tiểu đoàn; Khu 1 có ba trung đoàn: 72, 74, 121 và hai tiểu đoàn: 19 và 43; Khu 12 có bốn trung đoàn 11, 36, 59, 98 và tiểu đoàn 517; Khu 10 có một trung đoàn". Nhưng trước khi chiến dịch Việt Bắc nổ ra, thực hiện chủ trương "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung", theo quyết định của Bộ, ba trung đoàn (36, 59 và 98) đã phân tán lực lượng thành các "Đại đội độc lập" xuống hoạt động và gây dựng phong trào du kích chiến tranh ở các vùng dân cư. Do đó thực chất tham gia Chiến dịch Việt Bắc chỉ có bảy trung đoàn.

b. Dân quân du kích của năm tỉnh (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên và Bắc Giang) mỗi tỉnh có hai trung đội, mỗi huyện có một trung đội dân quân du kích tập trung.

c. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp: Bộ Tổng tham mưu. Ban Tổng kết lịch sử xuất bản 1991. Tr 209. Lúc này sở chỉ huy chia thành hai khu. Khu A, nơi đặt chỉ huy chiến dịch ở Tràng Xá, khu B ở Núi Hồng (Thái Nguyên). Sở chỉ huy tiến phương đặt ở Bình Gia (Sđd - tr.211)

2. Sau ngày 13 tháng 10, khi ta có trong tay bản "Kế hoạch tiến công Việt Bắc" của địch, ta tổ chức, điều chỉnh lại lực lượng hình thành các mặt trận (nói ở phần sau), thì trên mỗi mặt trận lại có "Sở chỉ huy tiến phương" của mặt trận đó.

Tổ chức thông tin liên lạc, Bộ, Khu và trung đoàn dùng vô tuyến điện (VTĐ). Từ tiểu đoàn trở xuống liên lạc bằng thông tin vận động chạy chân và thông tin tín hiệu. Ta đã lợi dụng đường dây hữu tuyến điện (HTĐ) của bưu điện một số huyện (Chợ Đồn, Chợ Mới ...). Ngoài ra, một số đơn vị đã huấn luyện được chim bồ câu đưa thư, tiểu đoàn 160 chủ lực của Bộ đang huấn luyện ở thao trường, bồ câu đưa thư đến báo tin địch nhảy dù ở Bắc Cạn và đã nhận được lệnh của Bộ, thực hành ngay nhiệm vụ cơ động hành quân đổ bộ. Mặt khác ta đã tổ chức ra các mặt trận, trực tiếp chỉ huy chiến đấu, việc này đã khắc phục một phần khó khăn về thông tin liên lạc.

Về cung cấp tiếp tế, ta chưa tổ chức hậu phương cho chiến dịch. Công tác tiếp tế cho bộ đội chủ yếu dựa vào chính quyền, đoàn thể địa phương và sự giúp đỡ của nhân dân, bộ đội chỉ tự túc được một phần. Lúc này, Trung ương tổ chức cuộc vận động “Mùa đông binh sĩ”, quyên góp chăn và áo trấn thủ cho chiến sĩ. Khẩu hiệu: “Làng to một chăn, làng nhỏ hai áo trấn thủ” được cả nước hưởng ứng sôi nổi, bởi vậy trước và trong chiến dịch khâu chuẩn bị chăn và áo ấm cho bộ đội đã được giải quyết cơ bản.

Công tác phá hoại trước chiến dịch cũng được triển khai rộng khắp. Nhưng do tư tưởng chủ quan nên nhiều nơi việc phá cầu, phá đường không làm triệt để (chỉ đào lỗ trên đường mà không ngắt cây, rào đường), nên quân địch chỉ san lấp hai bên đường là có thể vận tải súng đạn bằng lừa, ngựa.

Công tác chính trị, ở chiến dịch đầu tiên này, ta chưa tổ chức cơ quan chính trị của chiến dịch. Chuẩn bị tư tưởng cho bộ đội sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của địch còn nhiều chủ quan, thiếu sót. Nhưng khi địch đã tiến công, Trung ương Đảng và Hồ Chủ Tịch có lời kêu gọi thì công tác chính trị trên toàn chiến trường Việt Bắc đã nhanh chóng triển khai rộng khắp, tích cực và thiết thực. Qua đó, bóc trần âm mưu, thủ đoạn chính trị thâm độc của địch khi tiến công Việt Bắc, đồng thời cũng đánh giá đúng đắn và khẳng định rõ quân địch không mạnh, ta có thể đánh lại và đánh bại chúng. Qua đó động viên được toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết thực hiện lời kêu gọi của Đảng, tập trung sức mạnh phá tan cuộc tiến công của địch; đồng thời đá phá thái độ hoảng hốt, sợ địch, dao động chạy dài, chống khuynh hướng tư tưởng đầu hàng, thỏa hiệp, chống tư tưởng chủ quan, coi thường địch. Song riêng công tác địch vận thì chưa làm được việc gì đáng kể.

Để đảm bảo cho chiến dịch đầu tiên thắng lợi, ngày 12 tháng 10 năm 1947, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ 4 đã định rõ phương châm chiến lược và chiến thuật đối phó với địch. Ngày 4 tháng 10, Bộ Tổng chỉ huy ra “Mệnh lệnh tác chiến”, trong đó nhận định tình hình mọi mặt địch, ta, thời tiết, địa hình ... để ra nhiệm vụ chung cho toàn quân, toàn quốc và “kế hoạch tác chiến”, với dự kiến hai trường hợp: Nếu địch càn quét vùng đồng bằng và nếu địch đánh lên Việt Bắc. Bản kế hoạch đã phân công cụ thể nhiệm vụ, địa bàn tác chiến cho các đơn vị trên chiến trường Việt Bắc và các chiến trường phối hợp¹.

Hạ tuần tháng 9, trên hướng nghi binh: Đại tá Léc-mit (Lermitte) chỉ huy quân nguy người Thái đánh vào Nghĩa Lộ (Yên Bái), Cam Đường (Lào Cai), giải

1. “Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh” Bộ Tổng tham mưu xb - Tập 1, tr 13-15

tỏa Than Uyên. Đầu tháng 10, tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn Ma-rốc số 6 (3/6e trung RTM) tiến lên Sơn Tây, Trung Hà, Hưng Hoá.

Sáng sớm ngày 7 tháng 10, cuộc tiến công của quân Pháp lên Việt Bắc mở màn, 8 giờ 15 phút, quân dù do đại tá Sô-va-nhắc (Sauvagnac) chỉ huy nhảy xuống thị xã Bắc Cạn (hai đợt, khoảng 800 dù) 14 giờ 30 phút, toán thứ hai (khoảng 200 quân Pháp) nhảy xuống chiếm thị trấn Chợ Mới. Cùng ngày, binh đoàn bộ binh thuộc địa do đại tá Bô-phrê (Beaufré) chỉ huy, xuất phát từ Lạng Sơn, theo trục đường 4 tiến lên Cao Bằng hòng bao vây phía đông Việt Bắc. Ngày 8, quân Pháp nhảy dù chiếm Chợ Đồn. Trên hướng thị xã Bắc Cạn, khi quân dù đổ bộ, tiểu đoàn 49 trung đoàn 72 chưa kịp chuẩn bị nên chỉ giao chiến qua loa rồi rút. Vì lực lượng ta bố trí quá mỏng, bộ đội ở sâu trong hậu cứ nên tư tưởng chủ quan, kho tàng, xưởng máy chưa kịp sơ tán, công việc tiêu thổ kháng chiến chưa làm được nhiều, nên ngày tiến công đầu tiên, quân địch, nhất là quân nhảy dù đã tạo được yếu tố bất ngờ. Chúng đã phá được một số cơ quan, kho tàng, công xưởng và bắt được một số cán bộ, bộ đội và đồng bào ta¹.

1. Hồ sơ M.VL 10.721 BTTM ghi rõ (trang 15/H): Tuy Trung ương và Bộ Tổng chỉ huy có chỉ thị chuẩn bị đối phó cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp ngay từ mùa Hè. Nhưng do sự phán đoán sai lệch hướng tiến công (lúc đầu ta phán đoán địch sẽ tiến công vùng Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ, nếu chúng phiêu lưu lắm thì mới dám đánh lên Việt Bắc), do đó sự chỉ đạo về các mặt không chặt chẽ, sự chuẩn bị cụ thể về tinh thần và vật chất sơ sài. Về phần bộ đội cũng nằm trong tình trạng chung ấy và lại đang ở thời kỳ chấn chỉnh về biên chế tổ chức, mới có một kế hoạch huấn luyện và bắt đầu học tập được vài ngày thì địch tiến công lên. Vì vậy trong những ngày đầu, khi địch nhảy dù tiến công lên Việt Bắc, nói chung quân dân ta có hoang mang, có chỗ chạy tán loạn như Bắc Cạn, Lào Cai. Các cơ quan, cơ xưởng, kho tàng chưa kịp phân tán nên bị địch cướp phá; một máy in của Tài chính ở Bản Thi, nhà máy Hoàng Văn Thụ ở Chợ Chu bị địch phá huỷ ... Báo cáo tổng kết của Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, của Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp và của Tổng Bí thư Trường Chinh cũng có nội dung tương tự.

Cuộc nhảy dù táo bạo này quả có gây cho ta sự bất ngờ. Nhưng Va-luy đã lầm lẫn lớn khi cho rằng thị xã nhỏ bé Bắc Cạn trở thành "Thủ đô mới" của Việt Minh. Va-luy không hề biết rằng, trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, không khi nào có cơ quan Trung ương của ta ở tại một thị xã, thị trấn. Mà tất cả đã chia thành những bộ phận nhỏ, thường xuyên di chuyển, hoà vào với nhân dân, được sự che chở của nhân dân, khiến địch rất khó phát hiện. Phân tán và cơ động nhưng các cơ quan Trung ương vẫn duy trì mọi hoạt động lãnh đạo và điều hành cuộc kháng chiến trên phạm vi cả nước.

Khi quân Pháp nhảy dù tập hậu, lực lượng quân đội ở thị xã Bắc Cạn chỉ có một bộ phận của tiểu đoàn 49, Trưởng Võ bị Trấn Quốc Tuấn lúc này cũng chỉ có một tiểu đoàn tân binh. Hai lực lượng (rất mỏng) này chủ yếu nổ súng để bảo vệ cho nhân dân và một số cơ quan đóng ở đây tản cư rút vào rừng núi an toàn. Tuy địch có phá được một số xưởng máy của ta (của xưởng in tiền và công binh xưởng); một số kho tàng và thu được 10 triệu bạc Việt Nam của Ty Ngân khố, nhưng còn quá xa so với mục tiêu "phá huỷ tiềm năng chiến tranh của Việt Nam" mà chúng để ra.

Trong "Hồi ký Xa-lăng" có đoạn nói rõ: Xa-lăng coi cuộc hành binh Lê-a ngày 7-10-1947 là một đòn quyết định "đánh thẳng vào tim kẻ thù". Ông ta ngồi trên máy bay trực tiếp thị sát cuộc nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn. Lúc 11 giờ 35 phút, Xô-va-nhắc từ mặt đất báo cáo qua vô tuyến điện: "Ông Hồ Chí Minh bị bắt đã yêu cầu chấm dứt chiến tranh". "Xa-lăng vội vã bay về Hà Nội báo tin mừng với Sài Gòn. Cao uỷ Bô-la (Bollaert) và quyền tổng chỉ huy Bát-tê (Battet) hấp tấp bay ra Hà Nội. Lúc đó Xa-lăng đã biết mình lầm, đành phải thú nhận. "Chúng ta đã bị đánh lừa". Hai vị cấp trên đã bỏ cơm chiều, quay về Sài Gòn sau khi đã tặng cho Xa-lăng những lời lẽ nặng nề ... Thực chất hôm ấy, bọn lính dù bắt được một cụ già chững chạc, nói tiếng Pháp, cụ yêu cầu chấm dứt chiến tranh xâm lược. Lúc biết không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng đã bắn chết khi ông già tìm cách chạy thoát. Đó là cụ Nguyễn Văn Tố. Trưởng ban Thường trực Quốc hội, một nhân sĩ yêu nước tâm huyết và uy tín.

Những ngày đầu chiến dịch, Bác Hồ và Trung ương ở Điểm Mọc, sau ngày 15 tháng 10 dời vào Khuổi Tát, đến 22 tháng 10 dời vào Bản Cốc huyện Định Hoá. Trong suốt thời gian diễn ra chiến dịch, Bác và cơ quan Trung ương đều chủ động, linh hoạt di chuyển vị trí bí mật, an toàn, sống và làm việc trong các bản làng đồng bào dân tộc của chiến khu Việt bắc.

Đêm 7 tháng 10, Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy Khu 1 nhanh chóng điều thêm lực lượng về Bắc Cạn cụ thể, tiểu đoàn 160 (Bộ), tiểu đoàn 72 (khu 1) lên vùng Chợ Mới. Trung đoàn 72 rút lên hoạt động từ Bắc Cạn tới Cao Bằng, lệnh cho các lực lượng của Bộ ở trung du chuyển lên hướng bắc; lệnh cho trưởng Võ bị Trần Quốc Tuấn bế giảng khóa huấn luyện và đưa ngay cán bộ về các đơn vị kịp thời tham gia chiến đấu. Các đơn vị bám sát mọi động tĩnh của địch để điều chỉnh kế hoạch tác chiến, giành lại thế chủ động. Trước mắt Bộ dồn sức đánh địch trên đường số 4, số 3, sẵn sàng trên hướng đường số 2 và sông Lô.

Từ ngày 8 tháng 10, các đại đội độc lập cùng quân dân du kích liên tiếp tập kích, quấy rối các vị trí: Chợ Đồn, Ngân Sơn, Chợ Rã, diệt hai trung đội địch. Đại đội bảo vệ 15 (đơn vị tiền thân của Bộ tư lệnh cảnh vệ - Bộ Nội vụ và Lữ đoàn cận vệ 144. Bộ Quốc phòng sau này) bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ và các cơ quan Trung ương khẩn trương sơ tán đến nơi an toàn.

Trên hướng đồng, do bị ta đào hào bằm nát lộ 4 nên binh đoàn Bô-phrê phải xé lực lượng thành năm đơn vị hỗn hợp, tiến quân theo kiểu sâu đo. Vừa đi vừa sửa đường vừa đề phòng ta chặn đánh. Cơ giới không phát huy được, Bô-phrê quyết định hành quân bộ và dùng lừa, ngựa vận chuyển hậu cần, tốc độ rất chậm so với kế hoạch; đến 10 tháng 10, cánh quân này mới tới Thất Khê. Ngày 9 tháng 10 Xa-lăng buộc phải ném 300 quân dù thuộc 1eBCP xuống một vị trí xung yếu phía đông nam thị xã Cao Bằng để yểm trợ và đón binh đoàn Bô-phrê. Quân dù chiếm thị xã, củng cố rồi cần quét ra xung quanh; nhưng bị bộ đội và dân quân chặn đánh, quấy rối. Mũi tiến công vào Nước Hai và Quảng Yên của chúng bị chặn đứng. Ngày 9 tháng 10, khẩu đội 12,7mm của đại đội 675 trung đoàn 74 bố trí ở đồi Thiên Văn, thị xã Cao Bằng bắn rơi chiếc máy bay vận tải Junker 52 Toucan (Ju52) chở sĩ quan tham mưu chiến dịch đi thị sát chiến trường 12 sĩ quan tham mưu, trong đó có Lăm-be (Lambert), đại tá, phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Đông Dương thiệt mạng. Ta thu được bản kế hoạch tiến công Việt Bắc của chúng.

Chiến sĩ liên lạc Nguyễn Danh Lộc của trung đoàn chạy bộ, vượt rừng, mang "bản kế hoạch tiến công Việt Bắc" của địch về cho Bộ Tổng chỉ huy (lúc này đang đóng ở Tràng Xá và ở núi Hồng - Thái Nguyên¹).

Trong tuần đầu, bộ đội thiên về đánh tập trung, vận động từ xa tới, chuẩn bị vội vã, đánh địch hiệu quả thấp. Pháo binh mấy lần bỏ lỡ cơ hội diệt tàu địch trên sông Lô.

Ngày 10 tháng 10, Bộ Tổng chỉ huy điện gấp cho Khu 10 tích cực đánh địch trên sông. Đồng thời điều tiểu đoàn 18, chủ lực Bộ do đồng chí Vũ Phương chỉ huy trưởng, đồng chí Hồng Cư chính trị viên cơ động gấp về Bình Ca, kiên quyết bảo vệ cửa ngõ phía Tây của Việt Bắc.

1. Trong cuốn Hồi ức "Chiến đấu trong vòng vây" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trang 176 ghi: "... Cơ quan chỉ huy chia thành hai bộ phận: Bộ phận nặng ở lại căn cứ, đi sâu vào núi, anh Văn Tiến Dũng phụ trách bộ phận này. Tôi phụ trách bộ phận nhẹ, chuyển ra ngoài khu vực bị uy hiếp ... và sau đó tôi sẽ đi mặt trận đường 4. Anh Thái đi mặt trận đường số 3, anh Trần Tử Bình và anh Lê Thiết Hùng đi mặt trận Sông Lô".

Ngày 13 tháng 10, Bộ Tổng chỉ huy có trong tay toàn bộ “*kế hoạch tiến công Việt Bắc*” của địch, ta khẩn trương điều chỉnh, tổ chức lại lực lượng. Các mặt trận lần lượt được hình thành do chỉ huy cấp chiến lược trực tiếp chỉ đạo. Lực lượng gồm các tiểu đoàn chủ lực của Bộ và khu. Cụ thể: *Mặt trận Sông Lô - Đường số 2* do các đồng chí Trần Tử Bình và Tạ Xuân Thu chỉ đạo. Nhiệm vụ đánh quân thủy, bộ, vận động, ngăn chặn tăng viện tiếp tế, tiến tới bẻ gãy gọng kìm phía tây. Mặt trận Bắc Cạn - Đường số 3 do đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách. Nhiệm vụ tiêu diệt địch cơ động trên đường Bắc Cạn - Cao Bằng và nong ra xung quanh thị xã Bắc Cạn; bảo vệ cơ quan Trung ương. *Mặt trận đường số 4* do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp theo dõi, chỉ đạo. Nhiệm vụ đánh địch cơ động trên đường Lạng Sơn - Cao Bằng, hạn chế sức mạnh cơ giới của địch, từng bước vô hiệu hóa gọng kìm phía đông của chúng. Bộ Tổng chỉ huy chỉ thị: hình thức tác chiến chủ yếu trên ba mặt trận là đánh phục kích với quy mô cấp đại đội bố trí độc lập, nhằm tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận nhỏ quân địch đang cơ động là chủ yếu. Các tiểu đoàn tập trung phải luôn đứng chân ở địa bàn, sẵn sàng cơ động đánh địch khi chúng xuất hiện.

Trên trục lộ 4, trung đoàn 74 Cao Bằng và trung đoàn 11 Lạng Sơn cùng dân quân du kích liên tiếp phục kích, đã tiêu hao và làm giảm bước tiến của địch.

Ngày 11 tháng 10 (sau năm ngày), chúng mới tới được Cao Bằng. Tới nơi Bô-phrê phải phái ngay trung đoàn bộ binh thuộc địa Ma-rốc (RICM) theo trục lộ 3 xuống cứu nguy cho quân Sô-va-nhắc đang bị cô lập ở Bắc Cạn, Chợ Đồn, Chợ Mới. Dọc đường, trung đoàn bộ binh thuộc địa Ma-rốc liên tiếp bị ta phục kích ở Nguyên Bình, Ngân Sơn, Phủ Thông. Quân đi cứu nguy lại bị lâm nguy, Sô-va-nhắc phải phái quân lên đón trung đoàn này, hai cánh quân diu nhau về Bắc Cạn. Ngày 16 tháng 10, chúng chiếm Phủ Thông và tiến về “*hợp điểm*”. Quân ta đánh nhiều trận ở Bắc Cạn, Chợ Rã và hồ Ba Bể. Ngày 20 tháng 10, toán quân này mới đến được Bản Thi, cách “*điểm hẹn*” với binh đoàn Com-muy-nan (Communal) 20km, chậm bảy ngày so với kế hoạch.

Trên hướng tây, ngày 9 tháng 10 binh đoàn Com-muy-nan mới xuất phát được từ Hà Nội ngược sông Hồng, đến Sơn Tây một bộ phận bị mắc cạn phải nằm lại. Sáng 11, tàu địch qua Phan Dư, vì thông tin chậm, ta bỏ lỡ cơ hội diệt địch. Sáng 12, chúng vướng kè Sóc Đăng phải ném bom phá hủy kè và dùng máy nổ cọc, mở luồng. Tại Doan Hùng và Bình Ca, pháo ta vừa phát hỏa thì hồng nòng, phải di chuyển để tránh địch cướp pháo. Ở Bình Ca, bộ đội tiểu đoàn 18 từ trên cao nhảy xuống dùng lê, mã tấu đánh giáp lá cà, địch chết nhiều, số còn lại vội rút xuống tàu. Từ đó địch tiến công dè dặt hơn. Pháo binh tổ chức lại hệ thống thông tin báo động, bố trí lại trận địa hiểm hóc, thực hiện “*đặt gàn bắn thẳng*”.

Ngày 13 tháng 10, quân Pháp ném bom, bắn pháo và tiến vào Tuyên Quang, đội hình dài hơn 100km. Ngày 17 chúng chia thành hai mũi theo đường số 2, đường hàng tỉnh và sông Gâm tiến sang Chiêm Hoá. Đến đâu chúng cũng chỉ thấy “*vườn không nhà trống*”. Quân ta phục kích và bắn trả.

Chiều ngày 14 tháng 10. Thường vụ Trung ương Đảng họp thông qua chỉ thị *"Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp"*. Hội nghị nhận định: Cuộc tiến công lần này của Pháp chứng tỏ địch không mạnh, mà vì yếu nên mạo hiểm. Địch sẽ gặp nhiều khó khăn to lớn, nếu ta biết lợi dụng khai thác những chỗ yếu của địch thì nhất định cuộc tiến công của chúng sẽ thất bại. Thường vụ nhất trí thực hiện ngay công thức *"Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung"*, nhất trí tổ chức ba mặt trận như báo cáo của Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp. Kết thúc cuộc họp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Tình hình cực kỳ rối ren về chính trị ở Pháp và phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa đã dẫn Pháp đến chỗ muốn sớm kết thúc chiến tranh Đông Dương. Chúng chỉ tiến công ồ ạt lúc đầu. Nếu ta thực hiện được đánh địch khắp nơi, buộc chúng dần mỏng lực lượng đối phó, chúng sẽ thất bại. Ta giữ gìn được chủ lực qua mùa đông này là coi như thắng lợi. Nếu chuyển này chúng không thắng nhanh để kết thúc chiến tranh thì cục diện sẽ đổi mới có lợi cho ta".

Ngày hôm sau, 15 tháng 10, sau khi Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị đánh bại cuộc tiến công mùa đông của địch, Bộ Tổng chỉ huy ra Huấn luyện (ĐB/101) cho các khu: *Phát động chiến tranh du kích trên toàn vùng, lấy đại đội làm đơn vị bố trí trên các chiến trường địa phương, làm nòng cốt cuối cùng các lực lượng địa phương tiêu diệt từng bộ phận quân địch và thực hiện phá hoại trên địa bàn. Các đại đội này vừa trực tiếp giúp đỡ dân quân du kích, vừa phối hợp với lực lượng cơ động (là các tiểu đoàn chủ lực tập trung của Bộ và của khu) đánh những trận vừa và lớn. Những nơi địch sẽ đi qua thực hiện tiêu thổ kháng chiến (làm vườn không nhà trống) để triệt nguồn hậu cần tại chỗ của địch, phá giao thông để ngăn chặn bước tiến của địch.*

Cũng trong ngày 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quân và dân Việt Bắc ra sức đánh bại cuộc hành binh của địch, quân dân cả nước tích cực đánh địch để phối hợp với Việt Bắc. Người chỉ rõ: *"Địch hội quân ở Bắc Cạn tạo thành cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi cụp ô xuống, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phá cho được cơ quan đầu não của kháng chiến... Chúng mạnh ở hai gọng kìm, gọng kìm mà gãy thì cái ô cụp xuống sẽ thành ô rách và cuộc tiến công thất bại"*.

Ngày 15 tháng 10, hai tiểu đoàn chủ lực của Bộ có một khẩu đội pháo phối hợp, tiến công vào 200 quân địch đóng tại Chợ Mới. Ngày 21, một tiểu đoàn của Trung đoàn Thủ đô tiến công một đại đội địch đóng trong Chợ Đồn. Cả hai nơi tuy ta chỉ thực hiện tiêu hao, không tiêu diệt được địch, nhưng cùng với 17 trận phục kích nhỏ trên đường Phủ Thông, Bắc Cạn, Chợ Mới - Bắc Cạn, đã làm cho quân địch nhụt chí, không dám sục sạo rộng ra ngoài vị trí đóng quân. Máy bay địch thả dù tiếp tế xuống thị xã Bắc Cạn.

Ở phía tây, tiểu đoàn chủ lực của trung đoàn Hà Tuyên do đồng chí Lê Thủy chỉ huy liên tục bám sát và tập kích cánh quân của Com-muy-nan, khiến chúng phải tiến quân dè dặt, ngày 20 mới tới được Đầm Hồng và phải dừng lại chờ thêm lực lượng. Cánh quân trên đường số 2 mới tới được Chiêm Hoá. Ngày 22, tự vệ thị xã Tuyên Quang dùng địa lôi đánh phục kích ở km số 7 trên quốc lộ 2,

diệt và làm bị thương gần 100 tên địch. Một tiểu đoàn quân Pháp đang tiến lên Chiêm Hóa buộc phải quay lại. Cuộc hành binh bị chậm nhiều so với kế hoạch. Cánh quân Com-muy-nan chậm bảy ngày mà không tới được đúng “điểm hẹn”. Như vậy, cả hai gọng kìm của đợt tiến công “Lê-a” đều bị bẻ gãy. Gọng kìm quy mô binh đoàn không khép được vào ngày 13, mà hợp điểm quy mô tiểu đoàn cũng không thực hiện được vào trung tuần tháng 10 như kế hoạch của chúng.

Nhận rõ chỗ yếu chí mạng của địch là vấn đề bảo đảm hậu cần, Bộ Tổng chỉ huy chủ trương “Đánh mạnh ở Mặt trận Sông Lô và đường 4, phá giao thông vận tải tiếp tế của địch, kết hợp chặt việc phát động nhân dân làm vườn không nhà trống, triệt nguồn tiếp tế tại chỗ của địch”. Cuối tháng 10, ta điều chỉnh lại đội hình chiến đấu, phân công rõ phạm vi, nhiệm vụ cho các đơn vị.

Trên mặt trận đường số 3: Trung đoàn 121, bố trí tiểu đoàn tập trung và bảy đại đội độc lập trên các địa bàn trọng điểm trên ba tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên và Phúc Yên¹.

Trung đoàn 72: Một tiểu đoàn và năm đại đội độc lập bố trí trên địa bàn tỉnh Bắc Cạn².

Trung đoàn 165 (thiếu một tiểu đoàn): Bố trí Chợ Rã, Chợ Đồn, thị xã Bắc Cạn.

Trên mặt trận đường 4: Trung đoàn 74, tiểu đoàn và các đại đội độc lập bố trí trên đoạn đường Cao bằng - Đông Khê³.

Trung đoàn 11, bố trí đoạn Lạng Sơn - Đông Khê, đường số 1 đoạn Thất Khê - Đồng Mô⁴.

Trên mặt trận sông Lô: Trung đoàn của khu 10 và một tiểu đoàn của bộ đánh địch trên sông Lô từ Việt Trì đến Tuyên Quang; trung đoàn 147 và hai tiểu đoàn của Bộ bố trí phía nam đường liên tỉnh Tuyên Quang - Thái Nguyên.

Lực lượng dân quân du kích và tự vệ cũng được củng cố và tăng cường trang bị. Thông tin liên lạc tổ chức lại, chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Pháo binh thực hiện nghi binh, cơ động linh hoạt, bố trí sát bờ sông, đã đánh hai trận phục kích xuất sắc vào trưa 24 tháng 10: một đoàn tàu địch năm chiếc từ Tuyên Quang xuống đến Đuan Hùng lọt vào trận địa phục kích của “Trung đội pháo binh Xuân Canh” (Trung đội Pháo đài Xuân Canh - Hà Nội 12-1946) và “Trung đội Lục tỉnh”, ta bắn chìm tại chỗ hai chiếc, toàn bộ quân địch chết đuối; bắn hỏng nặng hai chiếc khác. Chiếc còn lại quay đầu về Tuyên Quang. Sau trận

1. Bảy đại đội độc lập ở: Đông Anh, Đa Phúc, Kim Anh, Yên Lang, Phú Bình, Võ Nhai, Chợ Chu, Đại Từ, Đông Hỷ

2. Năm đại đội độc lập bố trí ở: Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Na Rì, Phú Thông

3. Đại đội độc lập bố trí ở: Nguyên Bình, Sóc Giang, Hoà An, Quảng Yên, Phục Hoà và Đông Khê

4. Sáu đại đội độc lập bố trí ở: Thất Khê, Na Sám, Đông Đăng, Diêm He, Lộc Bình, Đồng Mô

này, tuyến đường sông Lô của địch bị cắt 10 ngày, địch phải thả dù tiếp tế cho Tuyên Quang, và Chiêm Hoá. Báo chí Pháp gọi đây là “Thảm hoạ Đuan Hùng”.

Thực hiện huấn luyện 101, hai trung đoàn Lạng Sơn và Cao Bằng đã phân tán thành những tiểu đoàn tác chiến trên từng khu vực và đưa một số đại đội độc lập về các địa phương trọng yếu để phát động chiến tranh du kích. Ngay sau đó, ở Cao Bằng, công nhân xưởng quân giới Lê Tổ và dân quân các xã Hào Lịch, Hưng Đạo, Hùng Việt đánh lui một cuộc tiến công của Pháp, diệt gần 100 tên.

Ngày 27 tháng 10, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp có điện chỉ đạo:

- Mặt trận đường 4: Kiên quyết tổ chức một số trận phục kích đánh tiêu diệt.
- Mặt trận đường số 3: Bao vây, cắt tiếp tế, bức địch rút khỏi khu vực Chợ đôn, Chợ Rã.
- Mặt trận Sông Lô: Đưa pháo lên đánh địch trên sông Gâm, bức Chiêm Hoá, Đầm Hồng.

Bốn ngày sau, ngày 29 tháng 10, tiểu đoàn 374 trung đoàn 11 tổ chức trận địa phục kích đoạn đường Bản Sao - đèo Bông Lau, chiều 30, đánh một trận xuất sắc tiêu diệt đoàn xe địch 30 chiếc trên đèo Bông Lau, phá hủy 27 xe, diệt 104 tên địch, bắt 101 tên, thu toàn bộ vũ khí, 600 chiếc dù và nhiều quân trang, quân dụng.

Tiểu đoàn 374 sau thời gian phân tán đi xây dựng cơ sở ở tỉnh Lạng Sơn mới tập trung lại, với toàn bộ chiến sĩ là người dân tộc Tày, Nùng. Các chiến sĩ là người địa phương nên rất thông thuộc địa hình, thời tiết và quy luật vận chuyển của những đoàn xe địch. Trận địa phục kích đã được bố trí rất khéo. Trận đánh nổ ra lúc 5 giờ chiều, vào mùa đông, ở vùng cao thời gian này đã chập choạng tối. Đoàn xe 30 chiếc từ Đông Khê xuống, sau khi qua đỉnh đèo Bông Lau hiểm trở, yên trí đổ dốc về phía Thất Khê, nơi binh lính sẽ được nghỉ ngơi. Một trái bom 25kg bất thần nổ ở lưng chừng đèo, lật nhào chiếc xe thứ hai. Chiếc đi đầu chạy thoát. Chiếc thứ ba bị trúng đạn Badôka bốc cháy. Đoàn xe bị đánh bất ngờ ùn tắc lại. Tiểu đội công binh tiếp tục giật địa lôi. Xe địch chiếc lao xuống vực, chiếc quay đầu lao vào vách núi. Đại liên, trung liên, Badôka của đơn vị nhằm vào đoàn xe. Sau 10 phút nổ súng, ba đại đội xung kích của tiểu đoàn từ ven rừng Khau Phía đồng loạt xung phong. Già nửa quân địch là lính Âu - Phi chống cự yếu ớt. Cả đoàn xe, có cả xe bọc thép hộ tống, với khoảng 250 binh lính bị diệt và bị bắt (một số ít lính nguy bỏ chạy vào rừng sâu). Bộ đội thu chiến lợi phẩm rồi đốt xe. Ta chỉ hy sinh một chiến sĩ, bị thương năm người.

Sau trận này, đường số 4 bị cắt đứt nhiều ngày. Địch phải dùng máy bay thả dù tiếp tế cho Bắc Cạn, Cao Bằng, đóng thêm một số đồn bốt nhỏ dọc đường và huy động bảy đại đội càn sâu vào phía tây nam Đông Khê, Thất Khê từ 10 đến 12 ki-lô-mét. Tiểu đoàn 374 lại có dịp phối hợp với một đại đội độc lập và dân quân du kích tổ chức chặn địch, sau đó nhổ vị trí Văn Mịch. Ngày 8 tháng 11, tiểu đoàn 374 trung đoàn 11 và dân quân du kích chặn đánh quân địch ở Áng Mò, diệt 80 tên. Đường số 4 trở thành “Con đường chết” đối với địch.

Kinh nghiệm đánh hai trận Sông Lô và Bông Lau nhanh chóng được phổ biến trên toàn chiến trường Việt Bắc. Thắng lợi Bông Lau mở đầu cho hàng loạt trận phục kích lớn sau này. Bộ Tổng chỉ huy quyết định tặng danh hiệu “Tiểu đoàn Bông Lau” cho tiểu đoàn 374.

Quân Pháp đi đến đâu cũng bị đánh, tiếp tế khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, lính hao mòn, mỏi mệt. Tìm cơ quan đầu não ta thì không thấy, tìm diệt chủ lực ta thì không gặp, tổ chức chiếm đóng thì khó khăn, rút quân thì mục tiêu cơ bản chưa đạt. Dịch rời vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Chúng buộc phải rút lui cục bộ: ngày 28 tháng 10 rời bỏ Bản Thi, Yên Thịnh, 13 tháng 11 rút Chợ Đồn, 16 tháng 11 Chợ Rã, Ngân Sơn. Kế hoạch “Lê-a” phá sản, quân Pháp chuyển sang giai đoạn hai trong tình thế bị động. Ta phát huy thắng lợi, quyết đánh chúng bật ra khỏi Việt Bắc.

Đến đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp trở về sở chỉ huy cơ bản của Bộ ở Tràng Xá, đồng chí Đào Văn Trường ở lại làm phái viên đốc chiến trên mặt trận đường số 4.

Sang giai đoạn 2, cả hai bên đều bố trí lại lực lượng. Bộ chỉ huy Pháp buộc phải lui quân thu hẹp địa bàn, vừa phải dùng hai trung đoàn, bộ binh Ma-rốc số 5 (5^e RTM) và trung đoàn do trung tá Cô-xơ chỉ huy, cùng lực lượng còn lại trên Việt Bắc để tập trung càn quét vùng tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phủ Lạng Thương với tham vọng “Bắt cho kỳ được cơ quan đầu não của Việt Minh, phá nát căn cứ địa”.

Về phía ta, Bộ Tổng chỉ huy chỉ thị cho các mặt trận bố trí lại lực lượng và giao địa bàn, nhiệm vụ đánh địch cụ thể cho từng đơn vị.

Ngày 10 tháng 11, pháo binh Khu 10 phát huy cách đánh “Đặt gần bắn thẳng”, phối hợp chặt chẽ với bộ binh và dân quân du kích làm trận địa nghi binh, dùng nhiều quả bưởi sơn đen giả thủy lôi thả trên sông lửa địch, đánh một trận xuất sắc sông Gâm, đoạn từ Chiêm Hóa về Tuyên Quang, đánh đắm bốn trong số năm tàu địch, diệt 200 tên địch.

Ngày 15 tháng 11, binh đoàn do Cô-xơ (Coste) chỉ huy, từ Phả Lại theo đường bộ và sông Thương lên đánh chiếm Phủ Lạng Thương. Ba ngày sau, chúng càn quét vùng Nhã Nam, Yên Thế và Việt Yên (Bắc Giang). Tiểu đoàn 517 Khu 12 đánh được vài trận nhưng hiệu quả thấp vì thông tin kém, vận động chậm. Địch tìm chế được quân ta để yểm trợ cho cánh quân của Bô-phrê thực hành rút về hướng Thái Nguyên.

Ngày 19, công an và tự vệ thị xã Tuyên Quang đánh địa lôi, diệt gần 100 tên địch ở km số 6 đường Tuyên Quang - Hà Giang.

Những trận đánh liên tiếp trên sông Lô, sông Gâm và đường số 2, khiến các cơ quan thông tấn của Pháp gọi “Tuyên Quang là một nghĩa địa khổng lồ”. Tên quan tư Lơ-giốt (Lejsue) phải báo cáo về: “Vị trận đại bại của thủy binh, nên binh lính rất chán nản. Sĩ quan ra sức giữ vững tinh thần, nhưng không nên đưa họ

ra trận nữa vì tinh thần suy sụp rất mau... Những hạ sĩ quan và đội trưởng tốt nhất đều bị thương”.

Từ đầu tháng 11, quân Pháp buộc phải đóng thêm nhiều đồn bốt nhỏ bảo vệ các tuyến đường số 4 và số 3. Trước khi có đoàn xe qua, địch phải tung quân lùng sục hai bên đường, vẫn không tránh khỏi những trận phục kích bất ngờ của quân ta.

Ngày 20 tháng 11, đợt tiến công mới của địch mang tên Xanh - tuya bắt đầu.

Sau hai ngày nghỉ binh và chuẩn bị, 2 giờ sáng 22 tháng 11, cánh quân của Com-muy-nan bí mật rút khỏi thị xã Tuyên Quang. Ta không nắm được nên bỏ lỡ thời cơ diệt địch. Cùng ngày, trung đoàn Ma-rốc số 5 từ Hòa Bình ra càn quét Hưng Hoá, vượt sông Hồng đánh chiếm Việt Trì làm bàn đạp đón đồng bọn. Rút đến Bình Ca, cánh quân của Com-muy-nan chiếm đường liên tỉnh Tuyên Quang - Thái Nguyên hỗ trợ cho quân Bô-phrê từ Bắc Cạn về. Bộ Tổng chỉ huy phán đoán cuộc rút lui của địch bắt đầu. Trong khi rút có thể quân Pháp sẽ kết hợp lùng sục đánh phá các cơ quan đầu não của ta. Do đó đã lệnh cho các đơn vị chuẩn bị đánh địch trên đường rút lui và bố trí bảo vệ các cơ quan Trung ương. Quân ta đánh nhiều trận ở Sơn Dương, Bình Ca, diệt hàng trăm tên. Sáng 2 tháng 12, địch rút khỏi Sơn Dương, chia thành hai toán, một toán rút xuống Thiệp Kế (Vĩnh Yên), toán còn lại rút qua đèo Khế sang Văn Lãng bắt liên lạc với quân Bô-phrê. Tại đèo Khế, chúng đã bị nhử vào trận địa phục kích của ta. Tuy có máy bay và bộ binh hộ tống nhưng đoàn quân rút theo đường sông rất chậm. Tại La Hoàng, một tàu trúng thủy lôi bốc cháy, gần 100 tên thuộc cơ quan tham mưu Com-muy-nan tử trận. Tới Phan Lương lại bị phục kích, một chiếc LCT trọng thương, nhiều tên địch bị diệt.

Ngày 25 tháng 11, trên mặt trận đường số 3, quân Pháp từ Bắc Cạn xuống từ Chợ Mới theo quốc lộ 3 đến km 31 lên Quán Vuông và từ Chợ Mới một mũi tiến vào Chợ Chu. Ta đoán sai hướng địch rút nên bỏ lỡ cơ hội diệt địch. Ngày 26 tháng 11, địch rút khỏi Chợ Chu. Một tiểu đoàn quân dù nhảy xuống Thái Nguyên, Cù Vân, La Hiên, Trảng Xá yểm trợ cho quân Bô-phrê truy lùng cơ quan Trung ương ta, nhưng ta đã chủ động di chuyển từ trước. Quân ta di chuyển xuống phía Nam, vừa đánh quân rút chạy, phục kích quân ứng cứu, vừa bao vây uy hiếp những điểm chúng chiếm đóng. Ngày 28, ta diệt hàng trăm tên ở Kam Tra. Ngày 29, tiểu đoàn 102 diệt một đại đội ứng viện ở Lục Rã. Ngày 1 tháng 12, hai đại đội của trung đoàn 174 vừa hành quân từ Chợ Chu xuống gặp địch, đã diệt hơn 100 tên ở Quán Ông Già Thái Nguyên. Quân Pháp phải luôn rùng chạy về Quảng Nạp (Định Hoá), Phú Minh, Phục Linh (Đại Từ) nhưng vẫn bị ta đánh thiệt hại nặng. Thế trận càng nghiêng về phía quân ta.

Nhiều chiến trường trên cả nước đã có những hoạt động chiến đấu phối hợp với chiến trường Việt Bắc. Ở Hà Nội, biệt động hoạt động mạnh trong nội thành, diệt trừ Trương Đình Tri, thủ hiến Bắc phần Việt Nam. Du kích quấy rối ở Chèm, Cầu Giấy, Văn Điển, Vĩnh Tuy. Đại đội độc lập phối hợp với du kích tập kích địch ở Đan Phượng, Hoài Đức và Cần Kiệm (Thạch Thất). Cuộc tổng phá tề ở

ngoại thành Hà Nội đã bắt giữ gần 300 tên tề gian ác. Ở nam phần Bắc Ninh, toàn bộ tề bị phá. Quần chúng nổi dậy như thời kỳ Tổng khởi nghĩa.

Khu 14, bộ đội Tây tiến giải phóng Chiềng Sai. Công tác vận động quần chúng ở Sơn La đạt nhiều kết quả, nhiều lính ngụy Thái đào ngũ.

Khu 5 và Khu 6 đánh địch khá mạnh. Những trận tập kích ở Ninh Hòa, Trại Dầu, Cam Ranh gây cho địch nhiều thiệt hại. Trên đường 19, chiến sĩ Ngô Máy dùng bom diệt gọn một trung đội địch, anh dũng hy sinh.

Ở Nam Bộ, bộ đội Gia Định phục kích tại Gò Nổi. Nửa đêm 14 tháng 11 năm 1947, tất cả các vị trí địch ở ven Sài Gòn, Thị Nghè, Gia Định, Gò Vấp, Bến Cát, Bà Quẹo, Bà Điểm, Phú Lộc, Phú Thọ, Ngã Năm v.v... đều bị tập kích. Bộ đội Thủ Dầu Một đánh phục kích ở Phú Văn Hưng. Trận phục kích trên đường Thủ Dầu Một - Phú Riêng phá 10 xe, diệt 60 tên địch. Ở Biên Hòa, Lộc Ninh, Tây Ninh, Tân An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, nhiều vị trí địch bị tập kích, nhiều toán địch đi lẻ bị đánh; hàng trăm binh sĩ ngụy mang súng trở về với kháng chiến ...

Đêm 30 tháng 11, tiểu đoàn 160 cùng với một đại đội thuộc trung đoàn 72 và du kích thị xã Bắc Cạn tập kích đồn Phú Thông, diệt 50 tên. Đây là trận đầu tiên địch bị diệt trong sào huyệt có công sự kiên cố, trận tập kích của tiểu đoàn 160 đã làm rung chuyển hệ thống đồn bốt địch. Quân Pháp hốt hoảng rút lui càng vội vã. Ngày 6 tháng 12 chúng rút khỏi Định Hóa; 7 tháng 12, rút khỏi Võ Nhai. Nắm chắc thời cơ, ngày 15 tháng 12, bộ đội trung đoàn 165 đánh trận phục kích xuất sắc tại đèo Giàng, phá hủy 17 xe, diệt 60 tên, thu hai triệu tiền Đông Dương và nhiều vũ khí, quân dụng. Các cánh quân Pháp trên đường rút chạy đều bị đánh thiệt hại nặng, kế hoạch "vành đai" không thực hiện "siết chặt" được mà bị bằm nát. Ngày 19 tháng 12, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc. Cuộc hành quân hoàn toàn thất bại.

Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947 của ta đã hoàn thành thắng lợi. Quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 7.200 tên (địch chết 3.300 tên, bị thương 3.900 tên, ra hàng 270 tên và một số bị bắt). 18 máy bay địch bị bắn hạ; 16 tàu chiến và 38 ca nô bị đánh chìm, 255 xe các loại bị phá hủy. Ta thu hai pháo 105mm, bảy pháo 75mm, 16 khẩu 20mm, 337 súng máy các cỡ, 45 Badôca, 1.660 súng trường, hàng chục tấn quân trang, quân dụng.

Ta: Hy sinh 260 đồng chí, bị thương 168 đồng chí; hỏng một pháo 75mm, mất bốn trung liên và 40 súng trường¹.

Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947 đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra là "Phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp; bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến; bảo toàn và nâng cao sức chiến đấu của bộ đội chủ lực, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc". Ta đã bẻ gãy, đập tan cả bốn mục tiêu của thực dân Pháp; đập tan nát ý đồ chiến lược "Đánh nhanh thắng nhanh" buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài để đối phó với ta - rơi vào ý định chiến lược của Trung ương Đảng ta.

1. Hồ sơ VL-11-780, Trung tâm TT-KHQ

Đây là chiến dịch đầu tiên của quân đội ta trong kháng chiến chống Pháp. Bằng thắng lợi này, quân đội ta đã đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử nghệ thuật chiến dịch của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nét đặc sắc của nghệ thuật chiến dịch ở đây là, khi địch chủ động tiến công, ta không bị động chọn loại hình phòng ngự mà chọn loại hình phản công để đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của địch (phản công trở thành một trong những loại hình chiến dịch đầu tiên của quân đội ta). Ta đã phản công địch bằng tiến công, lấy tiến công làm hình thức tác chiến chủ yếu. Các lực lượng tham gia chiến dịch đã được sử dụng rất linh hoạt, chiến tranh du kích đã được phát huy mạnh mẽ, rộng khắp và liên tục, làm cho địch bị tiêu hao mòn mỏi và bị động đối phó. Trong đó, nét nổi bật là, ta đã chọn đúng thời cơ phản công (từ ngày 15 đến cuối tháng 10, ngay sau khi ta nắm được toàn bộ kế hoạch tiến công của chúng, ngay khi các cánh quân dù ở Bắc Cạn, quân đường thủy và quân đường bộ trên quốc lộ 3 gặp khó khăn); chọn đúng thời cơ “đồng loạt tiến công” khi địch bắt đầu rút quân; tổ chức và sử dụng lực lượng phản công hợp lý, đạt được hiệu suất chiến đấu và kết quả của chiến dịch. Ta đã nhận rõ chỗ yếu cơ bản ngay trên chỗ mạnh của “hai gọng kìm” của địch là: quân đông nhưng đường cơ động vừa độc đạo vừa hiểm trở nên đội hình kéo dài; từ đó ta kịp thời điều chỉnh lực lượng, kết hợp chặt chẽ giữa bộ đội và dân quân du kích tại chỗ với các tiểu đoàn chủ lực cơ động, hình thành thế trận vừa vững chắc, vừa hiểm yếu, thực hiện những trận đánh phục kích, tập kích và vận động phục kích, vừa thực hiện chia cắt đội hình địch vừa phá tan ý đồ “phân tuyến” của chúng, tạo thành thế trận có lợi cho ta. Do đó, địch muốn tiến công nhanh, nhưng trên từng hướng buộc chúng phải dừng lại đối phó. Bằng lối đánh này, không những ta đã tránh được chỗ mạnh của địch mà còn từng bước vô hiệu hoá, tiến tới bẻ gãy từng “gọng kìm” của chúng, trước hết là hướng tây, hướng sông Lô, đường số 2; sau là đường số 4. Quy mô tác chiến phổ biến là tiểu đoàn và đại đội. Kết hợp giữa bộ binh trên bộ với pháo binh, công binh đánh trên sông, nhằm vào các đơn vị nhỏ quân địch đang cơ động hoặc buộc tạm dừng là chủ yếu, tiêu diệt từng bộ phận quân địch, gây cho chúng những tổn thất nghiêm trọng, tiến tới giành thắng lợi quyết định trong chiến dịch.

Trong chiến dịch, ta đã phát huy chiến tranh du kích rộng khắp, thực hiện tiêu hao, tiêu diệt quân địch khắp mọi nơi, địch đi đến đâu cũng bị đánh và tiêu hao. Từ nét đặc sắc của nghệ thuật chiến dịch được phát huy tác dụng, ta đã chuyển nhanh từ thế bị động lúc đầu sang thế chủ động đánh địch theo cách đánh của ta, trên những hướng, những nơi đã chọn. Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947 là chiến dịch phản công đầu tiên của quân đội ta vận dụng thành công nghệ thuật chiến dịch “*Tiến công trong phản công địch trên địa hình rừng núi*”. Đây là sự lãnh đạo tài tình sáng tạo, sự chỉ huy, chỉ đạo độc đáo, sắc sảo của Đảng ta.

Song, ta còn bộc lộ những mặt yếu và khuyết điểm:

Một là, nắm địch không chắc; thông tin chậm dẫn đến chỉ huy phán đoán sai về địch kể cả khi chúng bắt đầu tiến công (nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn), cũng như khi địch rút chạy. Thiếu kinh nghiệm đánh truy kích nên ta bỏ lỡ nhiều cơ

hội diệt địch rút chạy như đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh nói khi tổng kết chiến dịch. “Phán đoán sai nên điều động quân sai và đánh hụt địch, bộ đội mệt mà không lập được công”. Bộ đội, vì không nắm chắc địch nên bỏ lỡ nhiều cơ hội diệt địch, hạn chế đến hiệu suất chiến đấu, nhất là khi đánh địch rút lui.

Hai là, ở hậu phương ta còn chủ quan, phòng thủ kém, sơ tán chậm nên khi địch nhây dù, ta bị bất ngờ và tổn thất.

Ba là, vũ khí trang bị và thông tin thiếu, cũ, chất lượng kém, đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chiến đấu của bộ đội, kết quả của chiến dịch.

CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI¹ (Tiến công, từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 14 tháng 10 năm 1950)

Đến giữa năm 1950, cuộc kháng chiến của ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng và có bước phát triển mạnh. Ta đã xây dựng lực lượng ba thứ quân, xây dựng được một đại đoàn và nhiều trung đoàn chủ lực để đẩy mạnh vận động chiến tiến tới trên chiến trường Bắc Bộ.

Cách mạng Trung Quốc thành công, thế lực bao vây bốn bề đối với Việt Nam bị phá vỡ một mảng lớn, nhân dân ta có điều kiện tiếp nhận sự viện trợ về vật chất của bạn bè, trang bị vũ khí của quân đội ta có bước tiến bộ đáng kể.

Tuy nhiên, việc Pháp mở rộng chiếm đóng ở Trung Du và đồng bằng Bắc Bộ, cướp mất kho người, kho của, tăng cường đánh phá ta về mọi mặt trên khắp các chiến trường đã ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng và phát triển lực lượng. Việt Bắc, hậu phương chính của kháng chiến lại nghèo và bị bao vây cô lập, nên không đủ khả năng đáp ứng những nhu cầu ngày một tăng của cuộc kháng chiến.

Trong bối cảnh đó, tháng 6 năm 1950. Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch trên hướng biên giới Đông Bắc thuộc hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn nhằm mục đích; tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; giải phóng một phần biên giới, mở đường giao thông với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn phía bắc tiếp với Trung Quốc, rừng núi chiếm chín mươi phần trăm diện tích đất đai. Quốc lộ số 4 là trục giao thông chính chạy dọc biên giới nối liền các thị trấn, thị xã Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn. Ven hai bên quốc lộ 4 là núi rừng trùng điệp, núi đá tai mèo lẫn núi đất, rừng cây xen lẫn đồi tranh. Nhiều đoạn đường địa thế rất hiểm trở, uốn lượn chữ chi, một bên là vách đứng, một bên là vực sâu. Từ đường 4 ra phía biên giới có ba con đường thông sang Trung Quốc: đường Cao Bằng - Pác Mường, đường Đông Khê - Thủy Khẩu, đường Đồng Đăng - Bằng Tường, bên trong đi vào nội địa là đường số 3 nối Cao Bằng với Bắc Cạn, đường Bình Gia - Bắc Sơn nối Thất Khê với Thái Nguyên.

1. Còn gọi là Chiến dịch Lê Hồng Phong 2

Sau cuộc tiến công lên Việt Bắc năm 1947, địch chiếm vùng Cao-Bắc-Lạng để “khóa chặt biên giới”, “bóp nghẹt lực lượng kháng chiến”. Trong kế hoạch Rơ-ve (Revers), địch đã coi việc tăng cường tuyến phòng thủ biên giới nhằm ngăn chặn quân Trung Quốc, ngăn cản sự tiếp xúc giữa Việt Nam và bên ngoài là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất. Nhưng do lực lượng có hạn, Rơ-ve chủ trương chỉ phòng thủ có trọng điểm ở một số vị trí trọng điểm. Từ cuối năm 1949, Cao Bằng, Đông Khê trở thành những “con nhím” cô lập trên tuyến biên giới và việc tiếp tế cho những nơi này bằng đường bộ trở lên quá phức tạp và nguy hiểm. Đầu tháng 9 năm 1950, phát hiện nguy cơ có thể bị tiến công, địch dự kiến sẽ rút khỏi Cao Bằng vào đầu tháng 10.

Trước ngày ta nổ súng mở màn chiến dịch, địch chia Liên khu Biên giới thành hai khu và hai phần khu Cao Bằng và Thất Khê, khu Lạng Sơn, khu An Châu, với tổng số binh lực vừa chiếm đóng và cơ động là 11 tiểu đoàn, chín đại đội bộ binh, bốn đại đội cơ giới, bốn đại đội công binh, 27 khẩu pháo các loại và tám máy bay. Lực lượng địch tại biên giới hầu hết là các đơn vị Âu-Phi tinh nhuệ, có “truyền thống” chiến đấu tại Châu Âu. Tại các vị trí chiếm đóng, chúng xây dựng các cụm cứ điểm với binh lực từ hai đại đội trở lên, có hỏa lực và binh chủng kỹ thuật tăng cường. Mỗi cụm cứ điểm gồm có đồn chính và các đồn tiền tiêu bảo vệ xung quanh để ngăn chặn ta từ xa. Chúng tăng cường cải tiến công sự ở các đồn, xây dựng hệ thống hào giao thông, hầm ngầm, lô cốt để tăng sức phòng thủ và xây dựng sân bay để đảm bảo tiếp vận đường không.

Về phía ta, thực hiện nhiệm vụ Trung ương giao, ngày 7 tháng 7 năm 1950, Bộ Tổng tư lệnh ra mệnh lệnh mở Chiến dịch biên giới Cao-Lạng, lấy mật danh là Chiến dịch Lê Hồng Phong 2. Ngày 27 tháng 7, Thường vụ Trung ương ra quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch. Đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy mặt trận và Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Các đảng ủy viên gồm các đồng chí Hoàng Văn Thái - Tham mưu trưởng chiến dịch, Trần Đăng Ninh - Chủ nhiệm cung cấp, Lê Liêm - Chủ nhiệm chính trị và đồng chí Bùi Quang Tạo. Ngay sau đó, các cơ quan chiến dịch cũng gấp rút được thành lập để giúp việc cho Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch.

Với ý định ban đầu đánh Cao Bằng trước, sau đó chuyển xuống đánh Đông Khê, Thất Khê, đầu tháng 8, Bộ chỉ huy chiến dịch tổ chức trinh sát thực địa Cao Bằng. Qua nghiên cứu thực tế, Bộ chỉ huy thấy Cao Bằng tuy là thị xã cô lập, đột xuất, nhưng đó là quần thể kiến trúc phức tạp, có hệ thống đồn trại, pháo đài kiên cố do hai tiểu đoàn đóng giữ, nếu đánh Cao Bằng, “ta chưa có thể nói chắc chắn bảo đảm thắng lợi”. Ngày 16 tháng 8, Đảng ủy chiến dịch cân nhắc thảo luận, sau đó đi đến quyết nghị một phương án tác chiến mới là đánh Đông Khê trước để mở màn chiến dịch, đồng thời tổ chức tiêu diệt quân ứng cứu cho Đông Khê, sau đó xuống đánh Thất Khê và chính đồn rồi tiếp tục đánh Cao Bằng.

Để đảm bảo chắc thắng, Bộ Tổng tư lệnh quyết định sử dụng nhiều đơn vị mạnh tham gia chiến dịch: Đại đoàn 308, trung đoàn 209, 174 (khoảng hai phần ba chủ lực Bộ); ba tiểu đoàn chủ lực (426, 428, 888) của Liên khu Việt Bắc và tỉnh

Lạng Sơn cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích của hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Về lực lượng binh chủng, Bộ Tổng tư lệnh đã tập trung số lớn pháo binh và công binh của Bộ cho chiến dịch, gồm bốn đại đội sơn pháo (20 khẩu 70 và 75mm), năm đại đội công binh. Tổng số lực lượng tham gia chiến dịch tương đương hai đại đoàn, được phân chia thành ba mặt trận:

Mặt trận Đông Khê đánh cụm cứ điểm Đông Khê và quân dù có thể nhảy xuống quanh Đông Khê gồm trung đoàn 174 (được tăng cường hai tiểu đoàn), trung đoàn 209, trung đoàn 36 Đại đoàn 308, tiểu đoàn pháo 75mm (thiếu).

Mặt trận đánh quân ứng chiến do Đại đoàn 308 đảm nhiệm, bố trí ở đoạn đường giữa Đông Khê - Thất Khê.

Mặt trận Na Sầm - Lạng Sơn gồm các tiểu đoàn 428 của Liên khu Việt Bắc, tiểu đoàn 888 Lạng Sơn có nhiệm vụ phá đường, tiêu hao, quấy rối, phục kích địch trên đoạn đường Thất Khê - Lạng Sơn.

Sở chỉ huy chiến dịch được tổ chức thành hai bộ phận: bộ phận nặng ở Tà Lùng và Thủy Khẩu, bộ phận nhẹ ở Nà Lan.

Ngày 24 tháng 8, Bộ chỉ huy chiến dịch mở hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên, để thảo luận và quán triệt quyết tâm mới. Sau hội nghị, đi đôi với việc hoàn chỉnh quyết tâm chiến dịch, nhiều mặt công tác chuẩn bị chiến đấu cũng được tiến hành rất khẩn trương.

Bảo đảm hậu cần là công việc đòi hỏi phải dốc nhiều công sức nhất. Với lực lượng tham gia chiến dịch gần ba vạn quân (25.000 thuộc các đơn vị chiến đấu, 4.500 thuộc Bộ chỉ huy chiến dịch và cơ quan), cùng hàng vạn dân công, lại chiến đấu hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, nên nhu cầu vật chất đảm bảo cho chiến dịch rất lớn, vượt xa các chiến dịch trước hàng chục lần. Trung ương đã cử đồng chí Trần Đăng Ninh - Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, trực tiếp phụ trách bộ máy hậu cần chiến dịch và điều động hơn 200 cán bộ của các cơ quan Trung ương và các liên khu tăng cường cho cơ quan cung cấp mặt trận. Trung ương còn giao cho Liên khu ủy Việt Bắc tổng động viên sức người, sức của toàn Liên khu vào việc chuẩn bị và phục vụ chiến dịch. Hàng chục vạn dân công đã được huy động phục vụ cho chiến dịch. Đội vận tải cơ giới của quân đội (gồm 60 xe) mới thành lập cũng nhanh chóng lên đường phục vụ chiến dịch. Đến trung tuần tháng 9, công tác chuẩn bị hậu cần đã căn bản hoàn thành¹. Gần 4000 tấn lương thực, súng đạn đã được vận chuyển đến những địa điểm thích hợp, phù hợp với ý định chiến dịch.

1. Phòng Cung cấp chiến dịch đã triển khai các cơ sở hậu cần thành hai tuyến: tuyến phía trước gồm các kho gạo, kho đạn, đội phẫu, ở gần khu vực tập kết của cả trung đoàn chiến đấu; tuyến sau là các tổng kho, các bệnh viện hậu phương chiến dịch, triển khai ở cuối tuyến đường ô tô, đầu tuyến vận tải bộ (Thủy Khẩu, Phục Hoà), cách trung tuyến từ một đến hai cung vận tải bộ.

Kết quả thực tế hậu cần chiến dịch đã tiếp tế cho bộ đội 1.886 tấn lương thực thực phẩm 41 tấn đạn, cứu chữa hơn 1.550 thương binh, huy động 121.700 lượt người đi dân công, phục vụ 1.716.000 ngày công.

Ngày 1 tháng 9 năm 1950, Tổng Tham mưu trưởng ra mệnh lệnh hành quân cho các đơn vị. Trước đó các đơn vị đã được củng cố, huấn luyện, kiện toàn tổ chức, trang bị lại vũ khí, quán triệt nhiệm vụ... nên bộ đội ra quân rất sung sức và đầy khí thế. Ngày 10 tháng 9, các đơn vị đã hành quân đến vị trí tập kết cuối cùng, hoàn chỉnh mọi công tác chuẩn bị.

Cũng thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh tự mình trèo đèo lội suối cùng bộ đội, dân công lên đường ra mặt trận để trực tiếp chỉ đạo và động viên các lực lượng tham gia chiến dịch.

Ngày 14 tháng 9 năm 1950, Bộ chỉ huy chiến dịch ra mệnh lệnh tác chiến số 3 cho Mặt trận Đông Khê. Ngày 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư thăm hỏi các đơn vị tham gia trận đánh Đông Khê. Đến đây mọi công tác chuẩn bị đã hoàn thành. Chiến dịch Biên Giới trên thực tế tiến hành theo ba đợt:

Đợt 1 (từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 9 năm 1950); *Ta tập trung lực lượng đánh trận then chốt tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê.*

Đông Khê là vị trí quan trọng của địch trên tuyến phòng thủ đường số 4, phía bắc cách thị xã Cao Bằng 45 ki-lô-mét. Sau trận tiến công của trung đoàn 174 vào tháng 5, địch củng cố Đông Khê thành một cụm cứ điểm mạnh, có công sự kiên cố, hầm ngầm, trận địa pháo và sân bay.

Nằm lọt trong thung lũng và chiếm gần toàn bộ thị trấn là khu trung tâm đề kháng của căn cứ với hai điểm tựa lớn, trong đó quan trọng và vững chắc nhất là đồn to. Xung quanh khu trung tâm, trên những mỏm đồi và núi đá là một vành đai gồm bảy cứ điểm ngoại vi. Lực lượng chiếm giữ Đông Khê gồm hai đại đội lê dương thiện chiến thuộc trung đoàn 3 lê dương, một trung đội ngự, hai khẩu pháo (105mm và 57mm, tất cả gồm 321 tên, do đại úy A-li-úc (Allioux) chỉ huy.

Để đảm bảo chắc thắng trận đầu, Ban chỉ huy mặt trận Đông Khê, do đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách, quyết định sử dụng một lực lượng ưu thế để đánh Đông Khê. Nhiệm vụ các đơn vị được phân công như sau:

Trung đoàn 174 được tăng cường tiểu đoàn 426 tiểu đoàn 11 Đại đoàn 308, sáu khẩu sơn pháo 75mm, bốn khẩu ĐKZ57mm có nhiệm vụ tiến công trên hướng chủ yếu từ hướng đông bắc và bắc.

Trung đoàn 209 được tăng cường bốn khẩu sơn pháo 75mm, hai khẩu ĐKZ, có nhiệm vụ tiến công trên hướng thứ yếu từ hướng tây nam và tây.

Tiểu đoàn pháo 75mm gồm ba khẩu bố trí ở đông cụm cứ điểm, chi viện trực tiếp cho trận đánh.

Trung đoàn 36 Đại đoàn 308 bố trí ở đông nam Đông Khê, có nhiệm vụ tiêu diệt quân nhảy dù và chặn đánh địch ở Đông Khê tháo chạy về phía nam, đồng thời làm lực lượng dự bị đánh Đông Khê khi cần thiết.

Đêm 15 tháng 9, các đơn vị đánh Đông Khê tiến vào chiếm lĩnh trận địa. Đúng 6 giờ sáng ngày 16 tháng 9, sau khi nghe trung đoàn trưởng trung đoàn

174 báo cáo đơn vị đã chiếm lĩnh trận địa xong, Chỉ huy trưởng mặt trận quyết định phát lệnh nổ súng. Pháo các cỡ bắn dồn dập vào các đồn. Trung đoàn 174 tổ chức mở cuộc tiến công các vị trí tiền tiêu, đến 9 giờ ta chiếm được đồn Yên Ngựa, 10 giờ 30 phút, chiếm đồn Thìa Khoá.

Hướng tây nam, trung đoàn 209 có một bộ phận hành quân lạc, triển khai trận địa chậm, nên đến 18 giờ mới nổ súng, 21 giờ diệt được Pò Đình, tiếp tục tiến công đồn Pò Hâu, nhưng đồn này địch chống trả quyết liệt, ta chưa giải quyết xong.

Cuộc chiến đấu trên cả hai hướng kéo dài suốt đêm 16, rạng sáng ngày 17. Đến 4 giờ sáng, trung đoàn 174 chiếm được Cam Phầy, trung đoàn 209 chiếm được Phủ Thiện, Nhà Cũ, khu trường học. Địch thu dần phạm vi cố thủ, nhưng vẫn ngoan cố dựa vào pháo đài đánh bật nhiều đợt tiến công của ta. Bộ đội ta giằng co với địch, bị thương vong khá lớn.

Cả ngày 17, ta quyết giữ các vị trí Cẩm Phầy, Pò Hâu và chuẩn bị cho trận tiến công dứt điểm vào đêm 17 tháng 9. Các trung đoàn củng cố, chấn chỉnh lại bộ đội, rút kinh nghiệm để khắc phục các thiếu sót. Đồng chí Chỉ huy trưởng mặt trận Đông Khê nhất trí để trung đoàn 174 chuyển hướng đột phá từ hướng bắc xuống hướng đông bắc và yêu cầu trung đoàn cần tập trung lực lượng diệt cho được pháo đài. Đồng chí cũng chỉ thị cho trung đoàn 209 đánh từ phía nam lên phải tổ chức một mũi đánh vào sau lưng pháo đài.

Đúng 18 giờ 30 ngày 17 tháng 9, ta đồng loạt nổ súng mở đợt tiến công mới. Sau đợt hỏa lực chuẩn bị, các mũi tiến công của ta bắt đầu đột phá. Tiểu đoàn 251 tiến công trên hướng đông pháo đài, đã chiếm được đầu cầu. Trên hướng bắc, tiểu đoàn 249 cũng chiếm được đồn Nhà Thương, phát triển vào bên trong, bắt liên lạc được với một bộ phận của trung đoàn 209 cùng phối hợp tổ chức mũi tiến công vào lưng pháo đài. Trận chiến đấu ác liệt kéo dài suốt đêm, nhiều gương chiến đấu dũng cảm xuất hiện: Đại đội trưởng Trần Cừ lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tiểu đội trưởng La Văn Cầu nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương để tiếp tục lao lên đánh bộc phá... 4 giờ 30 phút ngày 18, ta thọc sâu vào sở chỉ huy địch và đến 10 giờ ngày 18, tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên, kết thúc thắng lợi trận then chốt mở màn chiến dịch.

Hướng mặt trận Na Sầm - Lạng Sơn, trước khi đánh Đông Khê, bộ đội địa phương đã phá bốn cầu, nhiều ki-lô-mét đường trên đường 4 đoạn phía nam Thất Khê. Ngày 16 tháng 9, tiểu đoàn 428 phục kích ở đoạn Pắc Luông đánh tiểu đoàn 3 Ta-bo từ Lạng Sơn lên Na Sầm, phá bốn xe, diệt 60 địch. Ngày 17 tháng 9, tiểu đoàn 888 phục kích ở Tha Lai phá hai xe, diệt 120 tên, đến 18 tháng 9 phá cầu Tha Lai.

Đợt 2 (từ ngày 21 tháng 9 đến ngày 29 tháng 9): Tiến hành trận then chốt quyết định tiêu diệt hai binh đoàn Lơ Pa-giơ và Sác-tông.

Mất Đông Khê, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương là Các -păng-chi-ê lập tức quyết định rút quân khỏi Cao Bằng. Kế hoạch rút khỏi Cao Bằng gồm

hai cuộc hành quân: Cuộc hành quân Ti-nhít (Tizgnit), do trung tá Lơ Pa-giơ (Le Page) chỉ huy có nhiệm vụ đưa quân từ Thất Khê chiếm lại Đông Khê, làm bàn đạp đón cánh quân từ Cao Bằng về; Cuộc hành quân O-ra-giơ (Orange: Bão táp), do trung tá Sác - tông (Charton) chỉ huy, rút quân khỏi Cao Bằng về Đông Khê rồi cùng Lơ Pa-giơ về Thất Khê. Phối hợp với kế hoạch rút Cao Bằng, địch còn mở cuộc hành quân lớn đánh chiếm Thái Nguyên hòng thu hút lực lượng ta, đỡ đòn cho hướng Biên giới.

Ngày 21 tháng 9, sau khi nắm được tin địch đã tăng cường cho Thất Khê bốn tiểu đoàn, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định địch có thể chiếm lại Đông Khê đồng thời thọc sâu vào các cơ sở hậu phương ta ở xung quanh Thất Khê, nên quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch (khoảng hai tiểu đoàn) từ Thất Khê lên chiếm lại Đông Khê, khu vực quyết chiến điểm là đoạn từ Đông Khê đến Lũng Phầy.

Đại đoàn 308, được bố trí ở khu vực tam giác Lũng Chà - Bản Xiên - Nà Pá có nhiệm vụ tiêu diệt quân viện đi theo đường bộ. Trung đoàn 174 bố trí ở bắc đông bắc Đông Khê sẵn sàng đánh quân nhảy dù. Trung đoàn 209 bố trí ở Bó Trạch làm lực lượng dự bị chiến dịch. Bộ chỉ huy chiến dịch trực tiếp chỉ huy các đơn vị trên.

Chờ đánh viện đến ngày 25 tháng 9, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận được tin địch tăng cường cho Cao Bằng một tiểu đoàn Ta-bo (chúng đưa lên từ 20 tháng 9) nên cho rằng trước mắt địch chưa có ý định chiếm lại Đông Khê. Vì vậy, trong khi kiên trì chờ đánh viện, ta cần đẩy mạnh hoạt động ở nam Thất Khê, tạo thời cơ, và khi có điều kiện thì đánh Thất Khê. Trung đoàn 174 được lệnh cơ động xuống nam Thất Khê, hoạt động trên đoạn Na Sầm - Thất Khê. Đại đoàn 308 và trung đoàn 209 cử cán bộ đi chuẩn bị chiến trường ở Thất Khê, các đơn vị dành một phần ba quân số đi Thủy Khẩu lấy gạo. Nhìn chung mặc dù Bộ chỉ huy chiến dịch vẫn kiên trì chờ đánh viện, nhưng ở đơn vị thì xuất hiện tư tưởng chuẩn bị đánh Thất Khê.

Đêm 30 tháng 9, dự đoán lực lượng của ta đã chuyển xuống hoạt động ở phía nam, binh đoàn Lơ Pa-giơ, gồm bốn tiểu đoàn bí mật tiến quân theo kiểu sâu đo theo đường số 4, địch bất ngờ đánh chiếm lại Đông Khê. Do thiếu cảnh giới chu đáo, bộ đội ta đã không phát hiện được cuộc hành quân của địch, bỏ lỡ cơ hội diệt địch bằng một trận phục kích đã chuẩn bị trước.

Ngày 1 tháng 10, hồi 8 giờ, trinh sát tiểu đoàn 426 chạm địch ở Bông Lau 11 giờ, trinh sát trung đoàn 209 chạm địch ở Nà Pá. Đến 11 giờ 30, địch tới cửa ngõ Đông Khê và lập tức cho tiểu đoàn dù lê dương số 1 đi đầu tổ chức tiến công. Lực lượng này bị một bộ phận của trung đoàn 209 chặn đánh phải dừng lại ở Pò Hầu.

Mưu toan bất ngờ chiếm Đông Khê không thành, Lơ Pa-giơ cho quân dừng lại chờ pháo nặng từ Na Sầm lên để tổ chức tiến công Đông Khê.

Về phía ta, chiều 1 tháng 10, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định "tập trung lực lượng tiêu diệt toàn bộ quân địch..., trọng điểm tiêu diệt từ Đông Khê đến Keo

Ái". Các đơn vị được giao nhiệm vụ như sau: Trung đoàn 209 chiếm lĩnh các điểm cao trong thị trấn và bắc thị trấn không cho địch chiếm lại Đông Khê; trung đoàn 88 chiếm lĩnh Keo Ái chặn không cho địch rút về cũng như không cho chúng tăng quân từ Thất Khê lên; Trung đoàn 36 chiếm lại Khâu Luông, sẵn sàng đánh quân dù trong phạm vi từ Nà Pá đến Pò Hầu; trung đoàn 102 làm lực lượng dự bị.

Sáng ngày 2 tháng 10, Lơ Pa-giơ dàn quân chuẩn bị đánh Đông Khê. Tiểu đoàn 1/8 Ma-rốc chiếm Nà Pá - Hạ Pha; tiểu đoàn dù 1 ở Khâu Luông; tiểu đoàn 1 Ta-bo ở Khâu Áng; tiểu đoàn 11 Ta-bo ở điểm cao tây nam Khâu Luông. Đến 14 giờ, Lơ Pa-giơ nhận được lệnh: để lại một bộ phận kiểm chế Đông Khê, còn đại bộ phận nhanh chóng lên Quang Liệt - Nậm Nàng đón binh đoàn Sác-tông từ Cao Bằng về. Biết quanh Đông Khê ta có lực lượng mạnh, Lơ Pa-giơ chủ trương dùng hai tiểu đoàn giữ Khâu Luông - Nà Pá để ngăn chặn, thu hút lực lượng ta, còn hai tiểu đoàn do y trực tiếp chỉ huy, tiến lên đón Sác-tông.

Chiều ngày 2 tháng 10, ta mới bắt đầu nổ súng đánh binh đoàn Lơ Pa-giơ. Tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 đánh địch ở Khâu Áng. Trung đoàn 36 đánh Khâu Luông không thành công, 17 giờ, tiểu đoàn 18 trung đoàn 102 và tiểu đoàn 29 trung đoàn 88 tiến công địch ở Chốc Ngà 20 giờ, tiểu đoàn 322 trung đoàn 88 diệt một đại đội của tiểu đoàn 1/8 Ma-rốc ở Nà Mực. Mờ sáng ngày 3 tháng 10, tiểu đoàn 88 và 84 trung đoàn 36 tiếp tục tập kích vào Khâu Luông, chiếm được một trong bốn mỏm, ta và địch tranh chấp khu vực này suốt buổi sáng.

Bị ta bám đánh, Lơ Pa-giơ lúng túng cử binh đoàn đi đón Sác-tông, ngày 3 tháng 10 vẫn còn quanh quẩn ở khu vực Khâu Áng - Nà Kéo, tiểu đoàn 1 Ta-bo giữ Khâu Áng bị ta tiến công, bỏ chạy sang khu vực điểm cao Xuân Hòa, phía tây Đông Khê.

Trong khi cánh quân La-pa-giơ đang bị bám đánh, 0 giờ ngày 3 tháng 10, Sác-tông bắt đầu cho quân rút khỏi Cao Bằng, lực lượng gồm: tiểu đoàn 3 trung đoàn 3 lê dương, tiểu đoàn 3 Ta-bo (3^e Tabor), một tiểu đoàn ngụy, một khẩu pháo 105mm, 15 xe vận tải và khoảng 500 thương dân di theo. Tối ngày 3, gần tới Nậm Nàng (điểm quy định hội quân), Sác-tông nhận được lệnh bỏ đường 4 đi vòng theo đường mòn Quang Liệt, Cốc Xá để về Thất Khê.

Ở phía Đông Khê binh đoàn Lơ Pa-giơ bị cắt làm đôi. Hai tiểu đoàn ở khu vực Khâu Luông - Nà Pá, hai tiểu đoàn cùng sở chỉ huy của Lơ Pa-giơ ở khu vực điểm cao Xuân Hòa. Bộ chỉ huy chiến dịch của ta chủ trương diệt từng bộ phận của binh đoàn này.

Đêm 3 rạng sáng 4, trung đoàn 36 được tăng cường tiểu đoàn 11, tiến công Khâu Luông. Địch không chống cự nổi phải bỏ chạy, ta tổ chức truy đuổi đến Nà Kéo, bắt một số tù binh, thu bốn khẩu pháo. Trung đoàn 209 vận động tiếp cận địch ở khu vực Xuân Hòa, địch dùng không quân ngăn chặn và di chuyển về điểm cao 649 (hang Cốc Xá). Trung đoàn 88 (thiếu tiểu đoàn 29) được lệnh đưa tiểu đoàn 322 chốt ở Cốc Tôn, ngăn chặn địch ở phía nam tiếp viện lên. Lực lượng

còn lại được phối thuộc tiểu đoàn 18 trung đoàn 102 chiếm điểm cao 533, tạo thế bao vây địch ở phía nam Cốc Xá.

Trong thời gian này, ở phía nam Thất Khê, trung đoàn 174 diệt đồn Nà Lặng đêm 3 tháng 10, đồn Nà Cạn đêm 4 tháng 10. Bộ đội địa phương, dân quân du kích tiếp tục hoạt động quấy phá địch.

Sau mấy ngày bị ta bám đánh liên tục, quân Lơ Pa-giơ bị mệt nhọc và thương vong nhiều. Lơ Pa-giơ bỏ ý định lên Nậm Nàng mà rút toàn bộ lực lượng về Cốc Xá chờ hội quân với Sác-tông. Chiều 5 tháng 10, phần lớn quân Lơ Pa-giơ đã về đến Cốc Xá, tiểu đoàn 1 dù chiếm giữ phía tây, tiểu đoàn 1/8 Ma-rốc phía nam và đông nam, tiểu đoàn 1 Ta-bo phía đông. Còn Sác-tông, mãi 10 giờ ngày 4 tháng 10 mới về tới Nậm Nàng. Hàng mấy nghìn binh lính bỏ xe pháo tìm đường tắt xuyên rừng về Quang Liệt.

Trưa ngày 4 tháng 10, Bộ chỉ huy chiến dịch mới nhận được tin địch rút khỏi Cao Bằng. Ngày 5 tháng 10, Bộ chỉ huy họp và nhận định: phía Cốc Xá, binh đoàn Lơ Pa-giơ đang bị vây, song vẫn có ý định phát triển lên chiếm khu vực điểm cao 477 để đón Sác-tông, còn phía Sác-tông cũng đang cố gắng tiến về để bắt liên lạc với Lơ Pa-giơ. Quyết tâm của ta là tranh thủ tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa-giơ trước khi binh đoàn Sác-tông về đến nơi, đồng thời tích cực ngăn chặn tiêu hao binh đoàn Sác-tông, tạo điều kiện để sau khi tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa-giơ thì chuyển sang tiêu diệt binh đoàn Sác-tông. Đại đoàn 308 được tăng cường tiểu đoàn 154 trung đoàn 209, có nhiệm vụ tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa-giơ ... trung đoàn 209 bám sát, ngăn chặn, chia cắt, tiêu hao binh đoàn Sác-tông, không để chúng liên lạc với binh đoàn Lơ Pa-giơ. Trung đoàn 174 cơ động chiếm khu vực Cốc Tồn, Khâu Pia để tiêu diệt địch rút chạy.

Chiều ngày 5 tháng 10, các đơn vị được phân công tiêu diệt địch ở Cốc Xá gồm bốn tiểu đoàn do trung đoàn trưởng trung đoàn 36 chỉ huy chung đã hình thành thế bao vây Cốc Xá. Tiểu đoàn 89 trung đoàn 36 tiến công trên hướng chủ yếu vào sườn quân địch từ hướng đông. Tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 đánh từ hướng bắc, tiểu đoàn 11 Đại đoàn 308 đánh từ hướng nam; tiểu đoàn 80 trung đoàn 36 bố trí ở đồi tranh đông nam Cốc Xá ngăn chặn không cho địch từ Cốc Xá sang 477.

Lực lượng bao vây ngăn chặn vòng ngoài gồm: tiểu đoàn 18 trung đoàn 102 chiếm điểm cao 533 nam Cốc Xá hai ki-lô-mét, trung đoàn 88 chiếm các điểm cao khu vực 477, tiểu đoàn 84 trung đoàn 36 đón lõng ở Bản Ca.

Đúng 17 giờ ngày 5 tháng 10, ta bắt đầu nổ súng tiến công Cốc Xá. Cốc Xá là khu vực địa hình hiểm trở, có thung lũng lòng chảo với núi đá vôi dốc đứng bao quanh. Dựa vào các mỏm cao, hẻm núi, hang sâu, bốn tiểu đoàn địch bố trí binh hỏa lực nhiều tầng ngoan cố chống cự các đợt tiến công của ta. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt ngày mùng 6 vẫn chưa giải quyết được. Đêm 6 tháng 10, ta sử dụng đại đội 395 tiểu đoàn 89 bí mật lườn sâu chiếm được điểm cao phía đông. Sáng ngày mùng 7, các đơn vị đồng loạt công kích, đại đội 395 bất ngờ xuất hiện

từ trên cao đánh xuống, quân địch nhanh chóng rối loạn. Bộ đội ta tràn vào thung lũng, vừa đánh vừa gọi hàng, làm chủ hoàn toàn khu vực Cốc Xá. Lơ Pa-giơ cùng ban tham mưu và một bộ phận tàn quân thoát ra ngoài chạy xuống phía nam, chiều hôm sau (8 tháng 10), bị bắt gọn ở Nà Cao. Như vậy, sau bảy ngày đêm chiến đấu liên tục, ta đã tiêu diệt gọn binh đoàn Lơ Pa-giơ, loại khỏi vòng chiến đấu 1.200 tên.

Trên hướng binh đoàn Sác-tông, trung đoàn 209 vận động lên phía Nậm Nàng, nhưng địch đã chuyển hướng vào đường Quang Liệt. Bộ chỉ huy chiến dịch điều thêm trung đoàn 102 (thiếu tiểu đoàn 18) tiến về phía Nà Pô với nhiệm vụ gặp địch đâu đánh đấy.

Sáng ngày 6 tháng 10, quân của Sác-tông về tới điểm cao 590 (Bản Bẹ). Trung đoàn 209 (hai tiểu đoàn) đánh từ hướng bắc và tây, tiểu đoàn 29 trung đoàn 88 đánh từ hướng đông. Trận này ta đánh tan một tiểu đoàn ngụy và đại đội Ta-bo, bắt trên 200 tên. Tối ngày 6 tháng 10, binh đoàn Sác-tông chạy về tới Lán Hai và điểm cao 477.

Cũng chiều ngày 6 tháng 10, nhận thấy binh đoàn Lơ Pa-giơ đã căn bản bị tiêu diệt, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định "tập trung lực lượng tiêu diệt binh đoàn Sác-tông ở khu vực điểm cao 477 - một khu núi đất gồm năm mỏm cách Cốc Xá ba ki-lô-mét về phía tây.

Lực lượng tiến công địch ở 477 gồm tiểu đoàn 23 trung đoàn 88 đánh trên hướng chủ yếu từ phía tây nam; tiểu đoàn 18 trung đoàn 102 đánh trên hướng đông nam; tiểu đoàn 29 trung đoàn 88 đánh trên hướng đông bắc; trung đoàn 209 đánh trên hướng tây bắc. 7 giờ sáng ngày 7 tháng 10, ta bắt đầu nổ súng tiến công. 9 giờ, ta chiếm được các điểm cao phía tây nam và đông nam. 12 giờ, vòng vây của ta khép chặt. Cũng khoảng 12 giờ, hòng tìm cách thoát vây, Sác-tông cho một bộ phận ra sức phản kích để nghi binh thu hút ta, còn đại bộ phận bí mật xuống núi men theo suối tìm đường chạy về phía nam. Lực lượng này về đến Bản Ca bị tiểu đoàn 84 trung đoàn 36 và một đại đội của tiểu đoàn 18 trung đoàn 102 chặn đánh. Đến 17 giờ ngày 7 tháng 10, toàn bộ binh đoàn Sác-tông đã bị tiêu diệt, phần lớn bị bắt làm tù binh, trong đó có cả trung tá Sác-tông và các sĩ quan tham mưu của y.

Cũng chiều ngày 7 tháng 10, trong lúc cả hai binh đoàn Lơ Pa-giơ và Sác-tông đang bị ta bao vây tiêu diệt, thì bộ chỉ huy ở Liên khu Biên giới của địch thu gom một lực lượng khoảng bốn đại đội Âu - Phi, do tên đại tá Đờ la Buôm (De la Beaume) chỉ huy, từ Thất Khê lên Lũng Phầy để đón lực lượng từ phía bắc rút về. Đêm 7, chúng tới các khu vực điểm cao 703, 608. Sáng ngày 8 tháng 10, chúng cho quân phát triển tiếp thì bị tiểu đoàn 322 trung đoàn 88, tiểu đoàn 88 trung đoàn 66 chặn đánh, buộc phải quay về Thất Khê. Đến đây cả hai binh đoàn (bảy tiểu đoàn) địch bị xóa sổ. Đợt 2 chiến dịch kết thúc.

Đợt 3 (từ ngày 9 đến ngày 14 tháng 10 năm 1950): Địch ở Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn rút chạy, ta truy kích địch giải phóng Thất Khê, Na Sầm.

Trên vùng biên giới, sau khi bị mất hai binh đoàn Lơ Pa-giơ và Sác-tông, địch tăng thêm tiểu đoàn dù 3 cho Thất Khê, đưa số quân ở đây lên ba tiểu đoàn.

Về phía ta ngày 10 tháng 10, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm bao vây tiêu diệt Thất Khê. Trong khi Đại đoàn 308 và hai trung đoàn 209, 174 đang cơ động về Thất Khê, thì 21 giờ ngày 10 tháng 10, địch bắt đầu rút khỏi Thất Khê. Bộ đội ta cơ động quá chậm, nên mặc dù địch ùn tắc ở cầu Bản Trại (do cầu bị ta phá đêm 9) sáu tiếng đồng hồ nhưng ta cũng không có đơn vị nào đến kịp. Các tiểu đoàn 426 và 428 bố trí ngăn chặn địch ở đoạn Hắt Con, Đèo Khách vì cho rằng địch không dám rút ban đêm nên mất cảnh giác, đã để các tiểu đoàn đi trước của chúng thoát hết, chỉ chặn được tiểu đoàn dù 3 thuộc địa. Tiểu đoàn này bị chặn, phải đi vào đường rừng về Na Sầm, tới gần Na Sầm thì bị trung đoàn 174 tiêu diệt.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho bộ đội tiếp tục truy kích địch, thừa thắng vận động tới bao vây và tiêu diệt Na Sầm. Ngày 14 tháng 10, ta chưa kịp tới thì địch ở Na Sầm rút chạy, sau đó tiếp tục rút ra các vị trí lẻ trên đường Na Sầm - Đồng Đăng. Đến lúc này, tình hình địch ở biên giới chuyển biến quá nhanh, Bộ chỉ huy chiến dịch không lường hết khả năng địch sẽ còn tiếp tục rút nên không có kế hoạch phát triển tiến công mà chỉ lệnh cho tiểu đoàn 426, 428 xuống hoạt động trên đường Lạng Sơn - Đồng Đăng, trung đoàn 98 về hoạt động dọc đường Lạng Sơn - Tiên Yên. Tuy các đơn vị còn tiếp tục truy lùng diệt tàn binh địch, nhưng về cơ bản, chiến dịch kết thúc vào ngày 14 tháng 10 năm 1950. Trong khi đó địch rút bỏ Đồng Đăng (17.10); Lạng Sơn, Lạng Giang (18.10), Lộc Bình, Đình Lập (20.10), An Châu (20.10)... trong quá trình địch rút, các tiểu đoàn 426, 428, 888 phối hợp với dân quân du kích diệt thêm một số ngụy binh, riêng trung đoàn 98 thì không về kịp.

Sau 29 ngày chiến đấu ta đã đánh và tiêu diệt gần 10 tiểu đoàn địch (trong số này bảy tiểu đoàn Âu Phi và một tiểu đoàn ngụy bị diệt gọn), loại khỏi vòng chiến đấu 8.296 tên (bắt sống 3.576 có 3.000 là lính Âu - Phi), bắt được toàn bộ ban chỉ huy binh đoàn Lơ Pa-giơ, Sác-tông và đồn Đông Khê. Ta thu trên 3.000 tấn vũ khí, phương tiện (trong đó có 58 khẩu pháo, cối các loại). Số vũ khí này đủ trang bị cho hai trung đoàn chủ lực của ta. Ta giải phóng hoàn toàn khu vực biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Sau bốn năm kháng chiến, đây là lần đầu tiên ta mở một chiến dịch tiến công lớn, đánh vào tuyến phòng thủ mạnh của địch, nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược quan trọng. Ta không chỉ tiêu diệt một khối sinh lực tinh nhuệ của địch mà còn giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, nối liền hậu phương của ta với Trung Quốc, khơi thông nguồn giao lưu nhiều mặt của ta với phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Thế bị bao vây cả trong lẫn ngoài của ta được phá vỡ.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới mở ra một bước ngoặt chuyển cuộc kháng chiến của ta từ hình thái chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn.

Chiến dịch Biên giới đã làm phá sản kế hoạch quân sự, chính trị của Pháp. Vòng vây biên giới bị đập tan, hành lang đông - tây bị chọc thủng, kế hoạch Rơ-ve cơ bản bị sụp đổ. Thất bại ở Biên giới đã gây đảo lộn lớn đối với chiến lược, chiến thuật của Pháp, làm quân Pháp choáng váng, hốt hoảng bố trí lại lực lượng, thay đổi chiến thuật, thay đổi chỉ huy... Thất bại ở Biên giới là thất bại chưa từng có trong lịch sử chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp.

Chiến thắng Biên giới cũng đánh dấu một bước tiến nhảy vọt của quân đội ta về nghệ thuật chiến dịch. Lần đầu tiên, từ những đợt hoạt động, những chiến dịch nhỏ, ta tiến lên mở một chiến dịch quy mô lớn, đánh tập trung chính quy, hiệp đồng binh chủng với lực lượng gần ba vạn cán bộ, chiến sĩ, hiệp đồng hàng vạn dân công, tiến công vào một hệ thống phòng ngự mạnh của địch trên tuyến dài gần 100 ki-lô-mét, đánh liên tục hàng tháng.

Trong Chiến dịch Biên giới ta đã chọn đúng khu vực tác chiến chủ yếu. Đó là khu vực Cao Bằng - Thất Khê, nơi các vị trí phòng ngự của địch (Cao Bằng, Thất Khê, Đông Khê) cách nhau từ 25-45 ki-lô-mét, lại ở nút đường 4 nên khả năng tự vệ của từng vị trí đã kém, khả năng ứng cứu tăng viện lại khó khăn và tốn kém. Đây là khu vực phòng ngự sơ hở của địch, song lại gần hậu phương kháng chiến của ta, có nhiều đường nối liền với Trung Quốc, tiện việc chỉ đạo và huy động nhân lực, vật lực.

Việc chọn Đông Khê là mục tiêu mở màn chiến dịch là sự lựa chọn thận trọng, đảm bảo chắc thắng trận đầu. Đây cũng là sự lựa chọn phù hợp với phương châm chiến dịch là đánh điểm diệt viện, lấy đánh địch ngoài công sự là chính.

Sự phát triển của nghệ thuật chiến dịch trong Chiến dịch Biên giới còn thể hiện ở chỗ: ta đã biết tập trung ưu thế binh hỏa lực trong các trận then chốt để đánh chắc thắng¹; vận dụng tốt phương châm "đánh điểm diệt viện"; tạo thế liên tục trong quá trình chiến dịch, chuyển hóa thế trận tốt, xử trí tình huống tập trung, chia cắt diệt từng bộ phận dẫn tới diệt toàn bộ địch; giữ vững phát huy quyền chủ động trong suốt quá trình chiến dịch và có sự chuẩn bị trước cho bộ đội chiến đấu dài ngày.

CHIẾN DỊCH TÂY BẮC (Tiến công, từ ngày 14 tháng 10 đến ngày 10 tháng 12 năm 1952)

Quân địch ở Tây Bắc được tổ chức thành khu tự trị Tây Bắc, gọi tắt là ZAN0, gồm tám tiểu đoàn, trong đó có năm tiểu đoàn ngự Thái và ba tiểu đoàn cơ động người Phi. Ngoài ra, có 40 đại đội ngự Thái làm nhiệm vụ chiếm đóng, 11 khẩu

¹ Trận Đông Khê về binh lực ta gấp chín lần địch, về hỏa lực ta sử dụng 13 khẩu sơn pháo và ĐKZ. Ngày 2 tháng 10, khi quân ta bắt đầu đánh binh đoàn Lơ Pa-giơ tỷ lệ giữa ta và địch là : ta 3,25, địch 1. Ngày hôm sau, khi binh đoàn Sác-tông xuất hiện tỷ lệ tụt xuống còn: ta 2,28, địch 1.

pháo. Dịch bố trí thành bốn phân khu: phân khu Nghĩa Lộ; phân khu Sông Đà; phân khu Sơn La và phân khu Lai Châu. Ngoài ra còn có các tiểu khu Tuần Giáo, Thuận Châu, Phù Yên. Dịch đóng 400 cứ điểm, phần lớn là trung đội, có 40 cứ điểm đại đội. Riêng một vị trí Nghĩa Lộ, Mộc Châu, mỗi nơi có một tiểu đoàn.

Năm 1952, khu Tây Bắc do trung tá Tư-răng-ca (Tranca) chỉ huy, chúng ra sức củng cố vùng chiến lược quan trọng này, nhằm uy hiếp khống chế bên sườn, sau lưng và cắt liên lạc của ta giữa căn cứ Việt Bắc với Khu 3, che chở cho chúng ở Thượng Lào.

Toàn khu dịch bố trí lực lượng như sau: phân khu Nghĩa Lộ: 1 tiểu đoàn Thái (1^e BAT), tám đại đội độc lập, hai khẩu pháo; phân khu Lai Châu: một tiểu đoàn Thái khố xanh (BGT), 14 đại đội độc lập, năm khẩu pháo; phân khu Sông Đà; một tiểu đoàn Thái (2^e BAT), bảy đại đội độc lập, một khẩu pháo; phân khu Sơn La: một tiểu đoàn Thái (3^e BAT), 14 đại đội độc lập, ba khẩu pháo; tiểu khu độc lập Tuần Giáo (ĐA ZANO); một tiểu đoàn ngụy. Ngoài ra còn có ba tiểu đoàn cơ động, gồm toàn lính Âu - Phi đóng ở Lai Châu (2/2RTA, 5^e và 17^e Tabor).

Công sự ở Nghĩa Lộ - Gia Hội, Cửa Nhì, Phong Thổ đã được cải tiến, có hầm ngầm, lô cốt xi măng cốt thép. Còn các vị trí khác đều xây dựng theo kiểu cũ. Phần lớn, các vị trí đều đóng trên điểm cao, tiếp tế bằng máy bay, hàng ngày dịch phải xuống chân núi lấy nước, vì vậy dễ bị bao vây khống chế. Việc tiếp tế và tiếp viện cho toàn khu và phân khu chủ yếu dựa vào không quân với khả năng tối đa 48 tấn một ngày và một tiểu đoàn dù. Việc tiếp tế giữa phân khu và cứ điểm chủ yếu bằng sức người và ngựa thồ.

Về phía ta, từ cuối chiến dịch Hòa Bình (tháng 2 năm 1952), Bộ Chính trị đã có ý định mở chiến dịch trên hướng Tây Bắc. Ngày 17 tháng 7 năm 1952, Trung ương Đảng ta quyết định thành lập khu Tây Bắc, gồm bốn tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, rộng 44.300km², dân số 440.000 người. Tây Bắc là một vùng rừng núi trùng điệp, nhiều dãy núi cao hơn 1000m. Đây là một vị trí chiến lược quan trọng đối với cách mạng ở Đông Dương.

Tháng 9 năm 1952, dựa vào so sánh thế, lực giữa ta và địch trên chiến trường, căn cứ vào đề nghị của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Tây Bắc nhằm mục đích: "Tiêu diệt sinh lực địch - Tranh thủ nhân dân vùng Tây Bắc - giải phóng một bộ phận đất đai ở Tây Bắc"; và cử đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Tư lệnh chiến dịch, đồng chí Hoàng Văn Thái làm Tham mưu trưởng, đồng chí Nguyễn Chí Thanh làm Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Trần Đăng Ninh làm Chủ nhiệm cung cấp.

Để đảm bảo việc tổ chức và thực hành chiến dịch Tây Bắc giành thắng lợi, từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 9 năm 1952, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị tham gia Chiến dịch Tây Bắc. Bảy trung đoàn chủ lực thuộc các đại đoàn 308, 312, 316 cùng với binh chủng phối

1. Báo cáo kế hoạch tác chiến chiến dịch và tổng kết kinh nghiệm của các chiến dịch lớn, Bộ Tổng tham mưu Xb, 1963 tr 2, tr 140.

thuộc có nhiệm vụ tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ, mở màn chiến dịch. Tiểu đoàn 910 của Tây Bắc luồn sâu vào vùng địch hậu ở Quỳnh Nhai, có nhiệm vụ củng cố và mở rộng cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Trung đoàn 176 Đại đoàn 316 ở lại Phú Thọ phòng ngừa quân địch đánh ra. Trung đoàn bộ binh 148, trung đoàn công binh 151, sáu đại đội pháo binh 75mm và ba đại đội súng cối sẵn sàng chiến đấu. Một tiểu đoàn và 10 đại đội địa phương của các tỉnh; Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai cùng dân quân du kích khu Tây Bắc được huy động ở mức cao nhất phối hợp chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tổng quân số của hai hướng lên tới 36.000 người.

Ngày 19 tháng 9 năm 1952, Tổng cục Chính trị ra chỉ thị "Về công tác chính trị Chiến dịch Thu Đông 1952", nêu rõ những công việc cụ thể để thực hiện nhiệm vụ công tác chính trị trong Chiến dịch Tây Bắc như sau:

A. Động viên sâu rộng, nhiều lần và kế tiếp để làm cho thấm nhuần quyết tâm từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, làm cho ai nấy đều hăng hái, phấn khởi, tích cực hoàn thành nhiệm vụ của mình.

B. Bảo đảm cung cấp kịp thời, tìm đủ mọi cách tăng cường công tác cung cấp, hết sức giúp đỡ động viên ngành cung cấp, làm cho bộ đội luôn luôn được khoẻ mạnh để củng cố sức chiến đấu...

C. Bảo đảm chiến thuật được hoàn thành, kết hợp với kỹ thuật

D. Bảo đảm chấp hành chính sách dân tộc thiểu số của Trung ương và kiên quyết thi hành tám điều mệnh lệnh của Hồ Chủ tịch (tức là giữ vững kỷ luật quân chủng)...

E. Hoàn thành công tác ngụy vận, làm đúng chính sách tù, hàng binh để mở đường tốt đẹp cho công việc tranh thủ nhân dân...

F. Tăng cường công tác chính sách đối với dân công...

G. Nâng cao tinh thần thương yêu nhau ngoài mặt trận, giải quyết chu đáo công tác thương binh...¹.

Phương châm hoạt động của ta "về chiến dịch là đánh dài ngày, đánh liên tục, tiến từng bước chắc, đồng thời sẵn sàng nắm thời cơ thuận lợi để phát triển nhanh chóng. Về chiến thuật là vây điểm, diệt viện; diệt viện, phá điểm"².

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh đã đề ra hai phương án tác chiến làm cơ sở cho việc chuẩn bị chiến dịch.

Phương án một, lấy phân khu Nghĩa Lộ làm hướng tiến công chủ yếu, tập trung binh lực tiêu diệt địch ở Nghĩa Lộ trước, đồng thời cho một bộ phận lực lượng chiến dịch vào hoạt động ở Phù Yên, Quỳnh Nhai, phát động nhân dân đấu tranh. Sau đó đưa Đại đoàn 308 về bảo vệ hậu phương. Đại đoàn 312, Đại đoàn 316, trung đoàn 148 tiếp tục tiến công giải phóng Sơn La.

1. Lịch sử công tác Đảng - công tác chính trị chiến dịch (1945 - 1975), Nxb QĐND, H.1998, tr.136

2. Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch, tr 4, tr 240.

Phương án hai, tập trung Đại đoàn 312, Đại đoàn 308, trung đoàn 148, tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ; Đại đoàn 316 tiêu diệt tiểu khu Phú Yên, đồng thời cho một tiểu đoàn của trung đoàn 176, một tiểu đoàn của trung đoàn 148 vào Yên Châu, Mai Sơn, Mường La phát động quần chúng đấu tranh, quấy rối hậu phương địch, chuẩn bị cho tiến công Sơn La; Giải phóng xong Nghĩa Lộ, Đại đoàn 308 về bảo vệ hậu phương, các lực lượng còn lại tiếp tục tiến đánh Sơn La.

Sau một thời gian chuẩn bị, để bảo đảm chắc thắng, Bộ chỉ huy chiến dịch xác định quyết tâm cuối cùng như sau: Tập trung binh lực tiêu diệt địch ở phân khu Nghĩa Lộ, đồng thời tiêu diệt tiểu khu Phù Yên, giải phóng hai nơi trên, phát triển thắng lợi, quét sạch địch tới sát bờ sông Đà, tạo điều kiện để tiến công Sơn La, sau đó nhanh chóng tiến quân vào Sơn La.

Công tác đảm bảo hậu cần, gạo ở hướng chính trong đợt 1 là 1.195 tấn cho bộ đội và 142 tấn cho dân công. Hưởng phụ là 104 tấn cho bộ đội và 43 tấn cho dân công¹. Dân công đi theo bộ đội là 4.300 người; dân công vận chuyển khác là 27.750 người². Đợt 2 và 3 là 3.400 tấn (không kể số gạo dân công ăn trên dọc đường). Hai tỉnh Phú Thọ, Yên Bái huy động 450 chiếc thuyền, phà đưa 30.000 bộ đội, dân công cùng với binh khí kỹ thuật qua sông.

Về kế hoạch chiến dịch, ta dự kiến chia làm ba đợt. Đợt 1, tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phù Yên, đồng thời cho một bộ phận chủ lực thâm nhập vùng Quỳnh Nhai, phối hợp với bộ đội địa phương kiểm chế địch. Đợt 2, nhanh chóng đánh Sơn La, kết hợp với việc cắt đường số 41 và hoạt động ở vùng sau lưng địch để cô lập Sơn La. Đợt 3, tiến công Sơn La.

Sở chỉ huy chiến dịch khi bộ đội tập kết và triển khai lực lượng đặt tại Mậu A, khi nổ súng, đặt tại Khe Lông trên đường 13, gần Ca Vịnh.

Ngày 14 tháng 10 năm 1952, Chiến dịch Tây Bắc mở màn. Trên hướng chủ yếu, trung đoàn 174 tiến công Ca Vịnh, nhưng do vây không chặt, địch đã chạy hết. Trung đoàn 141 đánh Sài Lương, do nắm địch không chắc, khi đánh vào mới biết địch đã đi nơi khác. Cùng ngày, ở phía sau, trung đoàn 98 tiêu diệt vị trí Gia Phù.

Ngày 15 tháng 10, Đờ Li-na-rét (DeLinaris), tư lệnh quân Pháp ở Bắc bộ điều tiểu đoàn Lê Dương lên Nà Sản để bảo vệ Sơn La. Trong ngày Ti-ri-ông chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ đưa đại đội Ta-bo về phía Khâu Vác thăm dò lực lượng ta. Một đơn vị của Đại đoàn 312 đã tiêu diệt gọn đại đội này ở Năm Mười.

Ngày 16 tháng 10, quân địch ở các vị trí Thượng Bằng La, Ba Khe và một loạt vị trí nhỏ xung quanh những cứ điểm bị diệt tự động bỏ đồn rút chạy. Địch vội ném tiểu đoàn dù 6 (6^e BPC) xuống Tú Lệ. Ngày 17, hai trung đoàn của Đại

1. Tổng kết Chiến dịch Tây Bắc, ta huy động 11.750 tấn gạo tiêu thụ hết 9.890 tấn gạo, 164 tấn muối, 328 tấn thịt, 82 tấn thực phẩm khác).

2. Tổng kết Chiến dịch Tây Bắc, ta huy động 200.000 dân công bằng bảy triệu ngày công. Lượng vật chất bảo đảm cho chiến dịch khoảng 9.000 tấn lương thực thực phẩm, 120 tấn vũ khí, đạn dược và dụng cụ thuốc men cần thiết để cứu chữa cho khoảng 5.000 thương binh.

đoàn 308, lợi dụng sương mù, từ 9 giờ sáng, đã có mặt trên những quả đồi đối diện với Pú Chạng. Trung đoàn 88 chờ trời tối tiến vào vị trí Nghĩa Lộ Phố, ở cuối thị trấn do 400 tên địch chiếm giữ. Trung đoàn 36 đã bao vây đồn Cửa Nhì. 14 giờ 30 phút, súng cối 120mm của ta bắn vào trận địa pháo 105mm ở Nghĩa Lộ Phố, tạo điều kiện cho các mũi xung kích của tiểu đoàn 102 tiếp cận cứ điểm Pú Chạng. Máy bay địch đến bắn phá, yểm trợ. Các chiến sĩ phòng không của ta bắn rơi hai máy bay. Xung kích ta mở cửa đột phá, đại đội chủ công 267 lọt vào đồn, thọc sâu chia cắt quân địch. Sau ba giờ chiến đấu, quân ta làm chủ cứ điểm Pú Chạng, bắt 177 tên địch trong đó có viên quan tư chỉ huy phân khu.

Do chiếm lĩnh chậm, 3 giờ 5 phút ngày 18 tháng 10, trung đoàn 88 mới tiến công Nghĩa Lộ Phố. Sau 2 giờ 20 phút chiến đấu, ta đã chiếm được cứ điểm, loại khỏi vòng chiến đấu 280 tên (diệt 45 tên, bắt 235 tên). Trận Pú Chạng - Nghĩa Lộ, ta đã diệt gọn tiểu đoàn Thái số 1, đập tan phòng tuyến vòng ngoài của địch.

Trước áp lực của Đại đoàn 312 ở hướng tây bắc, quân địch ở Gia Hội bỏ đồn rút về Tú Lệ, cùng với tiểu đoàn dù 6 tháo chạy về phía sông Đà. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy chiến dịch điều trung đoàn 165 tiến công Tú Lệ và truy kích địch đến đèo Cao Phạ, diệt và bắt gần 400 tên.

Trên hướng thứ yếu, đêm 14 tháng 10, trung đoàn 98 tiến công tiêu diệt cứ điểm Nha Phù và đêm 17 tháng 10, tiêu diệt sở chỉ huy tiểu khu Phù Yên ở Bản Mo. Địch ở Vạn Yên rút chạy sang hữu ngạn sông Đà.

Ở hướng phối hợp, phía nam Lai Châu, ngày 14 tháng 10, tiểu đoàn 919 trung đoàn 148 đánh đại đội 5 của tiểu đoàn Thái, chúng phải rút chạy khỏi Quỳnh Nhai. Ngày 23, tiểu đoàn 542 trung đoàn 165 diệt một đại đội của tiểu đoàn Ta-bo 17 của địch ở Pắc Ná, số còn lại chạy sang bên kia sông Đà.

Sau 10 ngày chiến đấu, ta đã diệt 500 tên, bắt trên 1.000 tên, giải phóng một vùng đất quan trọng từ hữu ngạn sông Hồng đến tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai, rộng 10.000km². Ngày 23 tháng 10, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc đợt I và di chuyển sở chỉ huy từ Khe Lông về Gia Phù, gần Tạ Khoa, trên vùng đất vừa giải phóng.

Sau đợt I, địch vội vã tăng cường thêm cho Tây Bắc tám tiểu đoàn mới là hai tiểu đoàn dù (6^e BPC, 1^e BEP), hai tiểu đoàn Lê Dương (3/1 REI và 3/5 REI), hai tiểu đoàn Phi (31 RTM và 27 BMTS), hai tiểu đoàn ngụy (55^e BVN 58 BCL). Cộng với tám tiểu đoàn còn lại, đưa quân số địch ở Tây Bắc lên 16 tiểu đoàn và 32 đại đội.

Ngày 5 tháng 11, Đờ-Li-na-rét mở cuộc hành quân Lo-ren (Lorraine), đánh lên Phú Thọ nhằm phá hậu phương ta, kéo chủ lực ta về hướng này. Địch đã huy động 13 tiểu đoàn bộ binh của các binh đoàn cơ động số 1, 2, 3, 4, 5 và ba tiểu đoàn dù, hai hải đoàn xung kích; bốn tiểu đoàn pháo binh, hai tiểu đoàn cơ giới, bảy đại đội công binh.

Ta đã bố trí ở Phú Thọ trung đoàn 176, tiểu đoàn của trung đoàn 246 cùng với bộ đội địa phương có nhiệm vụ ngăn chặn quân địch. Bộ chỉ huy quyết định điều thêm trung đoàn 36 về Phú Thọ đánh địch. Mục tiêu và kế hoạch đợt 2 chiến dịch vẫn không thay đổi.

Ngày 7 tháng 11, trung đoàn 165 ở hướng thọc sâu nổ súng đánh Quỳnh Nhai. Địch tưởng đây là hướng chính, lập tức điều lên Lai Châu hai tiểu đoàn, đồng thời tăng viện cho Nà Sản hai tiểu đoàn.

Trên hướng chủ yếu (nam Sơn La), đêm 17 tháng 11, trung đoàn 209 tiêu diệt vị trí Bản Hoa. Đêm 18, trung đoàn 141 tiêu diệt vị trí Ba Lay. Với hai trận đánh, Đại đoàn 312 đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn 3 Ma-rốc và một đại đội ngụy. Đêm 19 tháng 11, hai trung đoàn 174 và 198 phối hợp đánh Mộc Châu. Giờ đầu, các mũi tiến công ở hướng chủ yếu đột phá không thành công. Nhưng mũi thứ yếu chiếm được hai vị trí tiền tiêu, phát huy hỏa lực yểm hộ cho các hướng phát triển. Sau 2 giờ 15 phút chiến đấu, quân địch đầu hàng, tên tiểu đoàn trưởng Vành-xăng (Vineent) bị bắt sống, Mộc Châu bị diệt. Địch ở các vị trí Chiềng Pan, Sông Con, Tạ Say, Sa Phiệt, Ta Khoa vội vã rút chạy, đường 6 được khai thông.

Ngày 18 tháng 11, địch rút khỏi Sơn La, trung đoàn 165 tiếp quản Sơn La, truy quét bắt gần 500 tên tàn binh địch và trên 100 nhân viên ngụy quyền.

Trên hướng phối hợp, Ban chỉ huy mặt trận Y13¹, điều tiểu đoàn 910 và 542 bất ngờ tập kích. Điện Biên Phủ. Địch chạy tán vào rừng, ta tổ chức lùng sục kết hợp với địch vận, bắt 726 tên, hầu hết thuộc tiểu đoàn Lào (58 BCL) thu 600 súng các loại.

Tại mặt trận Trung Du, ngày 17 tháng 11 năm 1952, một đoàn xe của GM4 về tới Chân Mộng trên đường số 2 lọt vào trận địa phục kích của ta, bị trung đoàn 36 tiêu diệt và bắt trên 400 tên địch, phá hủy 44 xe cơ giới. Trong những ngày tiếp sau, các trung đoàn 36, 74 cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh mạnh, địch tổn thất lớn và phải rút khỏi Việt Trì, kết thúc cuộc hành quân Loren. Trong gần một tháng quân dân Phú Thọ đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.884 tên địch, trong đó bắt 173 tên, có 100 lính Âu - Phi, phá hủy 60 xe cơ giới, thu nhiều vũ khí.

Ngày 25 tháng 11, đợt 2 chiến dịch kết thúc, sở chỉ huy chiến dịch chuyển về phía tây Tạ Khoa, trên đường đi Cò Nồi. Trong đợt 2 chiến dịch, ta đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, diệt và bắt trên 3.000 địch, trong đó có ba tiểu đoàn bị diệt gọn (3/1 RTM, 55^e BVN, 58 BLC), giải phóng tỉnh Sơn la (trừ Nà Sản), với diện tích tổng cộng là 17.700km².

Cuối tháng 11 năm 1952, tại Tây Bắc, toàn bộ quân địch đã dồn về Nà Sản và thị xã Lai Châu. Tổng số quân địch ở Nà Sản có tám tiểu đoàn bộ binh và dù, một tiểu đoàn pháo, tám đại đội độc lập, một đại đội công binh. trong số này có

1. Mặt trận Y13 thành lập ngày 24 tháng 10 năm 1952, do Bằng Giang làm Tư lệnh. Mệnh lệnh số 33 (20 tháng 10). Tài liệu chỉ đạo chiến dịch t.4, tr 342.

bốn tiểu đoàn Lê Dương (1^e, 2^e BEP, 3/3 REI, 3/5 REI), hai tiểu đoàn Bắc Phi (2/1 RTA, 2/6 RTM của GM1) và hai tiểu đoàn ngự mới được khôi phục (2^e và 3^e BGT). Chúng tổ chức thành một tập đoàn cứ điểm gồm 24 điểm tựa đại đội và bốn điểm tựa trung đội trên các điểm cao, ở giữa có sân bay, trận địa pháo và sở chỉ huy. Nà Sản đã trở thành cụm phòng ngự tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch lúc này ở Tây Bắc.

Về phía ta, lực lượng lúc này còn 36 đại đội, tương đương với lực lượng địch. Trên cơ sở đó, Bộ chỉ huy quyết định triển khai đợt 3 chiến dịch. Mục tiêu là tập trung toàn bộ lực lượng tiến công quân địch ở Nà Sản. Phương châm tác chiến là: Đánh chỗ yếu trước, chỗ mạnh sau, bao vây toàn diện, công kích có trọng điểm, đánh ngoại vi trước, tranh thủ mở một mặt rồi đánh vào tung thâm.

Đêm 30 tháng 11, trung đoàn 102 cùng trung đoàn 88 của Đại đoàn 308 tiến công Pú Hồng (điểm cao 753). Sau 1 giờ 45 phút chiến đấu, ta diệt bốn trung đội của GMI đóng tại đây, bắt sống viên quan ba chỉ huy. Cùng đêm, tiểu đoàn 115 của trung đoàn 165 Đại đoàn 312 tiến công vị trí Bản Hời. Sau hơn một giờ chiến đấu, ta diệt một đại đội địch. Nhưng hôm sau, dưới sự yểm trợ của máy bay và đại bác, địch mở nhiều đợt xung phong đánh chiếm lại vị trí này. Đêm 1 tháng 12, trung đoàn 174, cùng một bộ phận của trung đoàn 88 đánh Nà Sì không thành công. Trung đoàn 209 đánh Bản Vây cũng không kết quả. Trời sáng địch dùng máy bay oanh tạc và bắn trên 5.000 quả đạn pháo để cứu nguy cho các cứ điểm.

Ngày 2 tháng 12, địch thả dù tăng cường thêm cho Nà Sản hai tiểu đoàn, quyết giữ tập đoàn cứ điểm này. Qua bốn trận đánh trên, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy ta chưa đủ khả năng tiêu diệt cụm cứ điểm Nà Sản. Đây là những cứ điểm nằm trong hệ thống cấu trúc chặt chẽ của một tập đoàn cứ điểm. Ta cần có thời gian nghiên cứu kỹ về kiểu phòng ngự mới của địch, nên ngày 10 tháng 12 năm 1952, Bộ chỉ huy đã quyết định kết thúc chiến dịch.

Kết quả toàn chiến dịch, tuy đánh tập đoàn cứ điểm Nà Sản không thành công, nhưng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 6.029 tên địch (diệt 1.005 tên), diệt gọn bốn tiểu đoàn và 28 đại đội địch. Giải phóng một vùng rộng lớn ở địa bàn chiến lược quan trọng (khoảng 30.000km² với 250.000 dân). Ta thương vong gần 6.000 người. Hội nghị sơ kết chiến dịch được tổ chức ngay tại sở chỉ huy tiền phương gần Tạ Khoa đã nhận định: “chiến dịch Thu Đông 1952 đã thành công ngoài mức dự kiến”.

Về ý nghĩa Chiến dịch Tây Bắc, ngày 10 tháng 12 năm 1952, trong hội nghị cán bộ các đơn vị dự chiến dịch, thay mặt Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh kiêm chỉ huy trưởng chiến dịch đánh giá: Thu đông 1952 là thu đông chiến thắng Tây Bắc. Nếu nhìn rộng ra toàn chiến trường Bắc bộ thì đó là thắng lợi lớn của ta trên con đường tiếp tục giành thế chủ động... Thắng lợi đó đã rèn luyện nhiều cho bộ đội ta về kỹ thuật, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tăng cường lực lượng kháng chiến của nhân dân, nâng cao lòng tin tưởng của toàn

Đảng, toàn quân, toàn dân đối với Đảng và Hồ Chủ tịch...”¹. Chiến dịch Tây Bắc đã mở ra một thế chiến lược mới rất thuận lợi cho ta. Vùng giải phóng đã nối liền Tây Bắc với Việt Bắc và với Thượng Lào.

Về nghệ thuật chiến dịch, trong Chiến dịch Tây Bắc, ta đã vận dụng cách đánh khác với cách đánh của Chiến dịch Biên giới và chiến dịch Hòa Bình. Ta đã tập trung lực lượng tổ chức tiến công liên tục, đột phá tiêu diệt từng khu vực phòng ngự gồm nhiều cứ điểm, tiểu đoàn, đại đội của địch có công sự vững chắc như ở Nghĩa Lộ, Quan Huy, Mộc Châu, đồng thời dành một lực lượng khác làm nhiệm vụ ngăn chặn, đón lõng để tiêu diệt quân địch chi viện hoặc rút lui. Ta đã kết hợp cả hai mặt đánh đồn và diệt viện, làm địch bị động đối phó. Chiến dịch đã phát triển nhanh chóng vào Tuần Giáo, Sơn La, Điện Biên Phủ và chỉ trong một thời gian ngắn, đại bộ phận hệ thống phòng ngự của địch ở Tây Bắc đã bị đập vỡ.

Nét phát triển nổi bật của nghệ thuật Chiến dịch Tây Bắc là sự chỉ đạo hình thành hoàn chỉnh hai hướng chủ yếu và thứ yếu của chiến dịch. Đó là sự phối hợp giữa hướng tiến công phía trước (nổi bật là hai trận đánh lớn Nghĩa Lộ và Mộc Châu), phá vỡ hệ thống phòng ngự chiều sâu của địch từ hữu ngạn sông thao đến Hữu ngạn sông Đà. Với những cách đánh hiểm, vu hồi, luôn sâu, chia cắt nghi binh chiến dịch, ta đã giải phóng một vùng rộng lớn phía nam Lai Châu.

Trong chiến dịch, bộ đội ta đã thực hiện tốt phương châm “đánh điểm diệt viện” đối với quân chiếm đóng của địch trên chiến trường rừng núi. Ta đã diệt được cứ điểm do một tiểu đoàn tăng cường của địch chiếm giữ; đánh vận động diệt một tiểu đoàn địch rút chạy. Đây là bước trưởng thành mới của bộ đội ta.

Về cách đánh công kiên, ta đã tập trung tuyệt đối ưu thế binh lực hỏa lực. Ở điểm, ta tập trung từ hai phần ba đến ba phần tư lực lượng. Ở diện, cũng tập trung ưu thế hơn địch. Các vấn đề khác như bao vây, chiếm lĩnh trận địa, đột phá tiền duyên, chiến đấu tung thâm, củng cố giữ vững trận địa, rút lui, hợp đồng giữa bộ binh và pháo binh, cũng như kiểm chế pháo binh địch... cũng được vận dụng hợp lý.

Tuy còn những hạn chế, nhưng chiến dịch này vẫn giành được thắng lợi to lớn. Vì vậy, ngày 29 tháng 1 năm 1953, trong hội nghị tổng kết Chiến dịch Tây Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi: “Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác bằng lòng các chú, lần này chưa phải hoàn toàn, nhưng hơn mọi lần trước”².

CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH (Tiến công, từ ngày 10 tháng 12 năm 1951 đến ngày 25 tháng 2 năm 1952)

Tháng 11 năm 1951, thực dân Pháp tập trung lực lượng lớn đánh chiếm Hòa Bình, nhằm mục đích mở rộng khu chiếm đóng, tăng cường phòng ngự phía tây nam đồng bằng Bắc Bộ, ngăn chặn đường liên lạc vận chuyển của ta giữa Việt

1. Báo cáo kế hoạch tác chiến chiến dịch và tổng kết kinh nghiệm của các chiến dịch lớn, Bộ Tổng tham mưu, Xb 1963, t2, tr 217.

2. Hồ sơ 579, trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng

Bắc với Liên khu 3. Địch đã chọn một chiến trường mà chúng có chỉ định trước, buộc ta phải tham chiến sớm để tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực, phá sự chuẩn bị tiến công thu đông của ta. Chúng cố giành lấy một thắng lợi về chính trị, quân sự để ổn định tinh thần nguy quân, nguy quyền, xây dựng “xứ Mường tự trị”, làm yên lòng chính phủ Pháp.

Do tính chất quan trọng của chiến trường Hòa Bình, nên Pháp đã cử tướng Xa-lăng, phó tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân này.

Ngày 10 tháng 11 năm 1951, 12 tiểu đoàn bộ binh và năm cụm pháo binh của Pháp bất ngờ chiếm Chợ Bến, cắt đường di chuyển của bộ đội ta từ Việt Bắc xuống đồng bằng. Ngày 14 tháng 11, với binh lực 20 tiểu đoàn bộ binh (của các GM1, 2,3, 4, 7), bảy tiểu đoàn pháo binh, một tiểu đoàn thiết giáp và hai đại đội xe tăng. Địch tiến quân theo bốn cánh, hình thành hai gọng kìm từ phía Sơn Tây - Trung Hà xuống và từ Xuân Mai lên thị xã Hòa Bình. Cánh thứ nhất do trung tá Béckinhi (Beraui ny) chỉ huy, có ba tiểu đoàn dù, sáng 14 tháng 11, chúng nhảy dù chiếm thị xã Hòa Bình. Cánh thứ hai do thiếu tướng Lobolăng (Leblane) chỉ huy, có hai binh đoàn cơ động số 4 và 7, ba tiểu đoàn pháo binh 105mm, một đại đội xe tăng, từ khu vực thị xã Sơn Tây chia làm hai mũi tiến theo đường số 87 và đường số 89, đánh chiếm Đan Thê, Đá - Chông, Chẹ. Cánh thứ ba do đại tá Cólêmăng (Clément) chỉ huy, có binh đoàn cơ động số 2 và một tiểu đoàn pháo binh 105mm từ thị xã Sơn Tây đánh chiếm núi Ba Vì. Cánh thứ tư do đại tá Đôđơliê (Dodelier) chỉ huy, có hai trung đoàn cơ động số 1 và 3, một đại đội xe tăng và hai tiểu đoàn pháo binh 105mm, từ Xuân Mai đánh chiếm đường số 6 và thị xã Hòa Bình, lực lượng dự bị gồm một tiểu đoàn dù, một tiểu đoàn pháo binh 105mm, một đại đội xe tăng tập kết ở Hà Nội. Trong hai ngày 14 và 15 tháng 11, địch đã chiếm được Hòa Bình, đường số 6, sông Đà và Ba Vì. Sau khi chiếm được các mục tiêu trên, địch tổ chức phòng ngự thành hai phân khu (ngoài phân khu Chợ Bến), với ý đồ chiếm đóng lâu dài. Phân khu sông Đà và Ba Vì (khu bắc), do đại tá Đôđơliê chỉ huy, sở chỉ huy đặt tại Đan Thê. Phân khu Hòa Bình và đường số 6 (khu nam), do đại tá Cólêmăng chỉ huy, sở chỉ huy đặt tại thị xã Hòa Bình.

Tổ chức phòng ngự của địch gồm 28 cứ điểm lớn, nhỏ, kiến trúc theo kiểu dã chiến. Mỗi cứ điểm có từ một đến hai đại đội bộ binh chiếm giữ, những nơi quan trọng như Pheo, Đồng Bến, Ao Trạch, Chẹ, Đá Chông thường có ba đại đội bộ binh, được tăng cường một trung đội xe tăng và một đại đội pháo.

Ngày 15 tháng 11, Tổng Quân ủy họp, Bộ Tổng tham mưu đề nghị mở chiến dịch Hòa bình vì địch mới đánh ra, chưa kịp củng cố phòng ngự. Hòa Bình là vùng rừng núi, dễ bao vây, chia cắt địch, cơ động lực lượng thuận lợi, bí mật.

Ngày 18 tháng 11 năm 1951, Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy nhận định “Đó là một cơ hội hiếm có cho ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đánh ra Hòa Bình địch phải phân tán lực lượng cơ động, lực lượng tinh nhuệ trên một mặt trận

rộng lớn, núi rừng hiểm trở, địa hình đột xuất, công sự chưa vững chắc. Mặt khác vì phải tập trung phần lớn quân cơ động ra Hòa Bình nên lực lượng địch ở đồng bằng bị dàn mỏng, các vùng từ hữu ngạn, tả ngạn Liên khu 3 đến Trung Du đều tương đối sơ hở hơn trước¹. Căn cứ vào nhận định trên, Trung ương chủ trương mở một cuộc tiến công lớn đánh địch trên cả hai mặt trận: tập trung chủ lực ở hướng chính là Hòa Bình và mạnh bạo đưa một bộ phận chủ lực vào hoạt động trong địch hậu đồng bằng Bắc Bộ nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực, tiến tới phá tan kế hoạch chiếm đóng Hòa Bình của chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích trọng tâm là đồng bằng Bắc Bộ. Bộ Chính trị quyết định, tổ chức Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Võ Nguyễn Giáp làm Tư lệnh, đồng chí Nguyễn Chí Thanh làm Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Hoàng Văn Thái làm Tham mưu trưởng và thành lập Đảng ủy chiến dịch do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách bí thư, đồng chí Nguyễn Chí Thanh phó bí thư.

Ngày 20 tháng 11, Bộ Tổng tư lệnh ra mệnh lệnh tác chiến cho các đại đoàn: Đại đoàn 320 đánh địch từ thị xã Hòa Bình đến Trung Hà và hai bên tả, hữu sông Đà, Đại đoàn 316 được phối thuộc trung đoàn 246, phối hợp với bộ đội địa phương hoạt động ở Bắc Giang, Bắc Ninh. Trung đoàn 98 thâm nhập vào vùng địch hậu Bắc Ninh. Trung đoàn 174 đánh từ một đến hai vị trí ở tuyến ngoài. Trung đoàn 176 bố trí giữ mặt Lạng Sơn. Đại đoàn 308 sẵn sàng chiến đấu. Sau khi có chỉ thị của Trung ương, Bộ Tổng tham mưu cụ thể hóa thêm nhiệm vụ tác chiến của một số đại đoàn. Đại đoàn 304 đánh địch ở phía nam Hòa Bình, tiêu diệt một số điểm cao, cắt đường vận chuyển của địch trên đường số 6 để phối hợp với các đại đoàn 308, 312 hoạt động trên tuyến sông Đà và vùng thị xã Hòa Bình. Đại đoàn 320 đưa đại bộ phận vào vùng địch hậu ở đồng bằng.

Ngày 30 tháng 11, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới sở chỉ huy tiền phương ở Đồng Lương, thuộc huyện Cẩm Khê, bên bờ sông Thao để chỉ huy chiến dịch.

Ngày 2 tháng 12 năm 1951, Tổng Quân ủy - Bộ Tổng tư lệnh tổ chức hội nghị cán bộ phổ biến nhiệm vụ và kế hoạch tác chiến. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thay mặt Tổng quân ủy - Bộ Tổng tư lệnh, Đảng ủy và Bộ chỉ huy Chiến dịch đã báo cáo trước hội nghị Chủ trương tác chiến trên mặt trận sông Đà.

Về chủ trương và phương châm tác chiến nêu rõ: “Tập trung lực lượng tiêu diệt Tu Vũ và Núi Chẹ, đồng thời tranh thủ đánh viện trên sông, trên bộ và bên hữu ngạn, Núi Chẹ và hữu ngạn thì địch có thể bất ngờ, ít nhất cũng giúp cho việc tiêu diệt Tu Vũ được thuận lợi hơn...”.

“Về công tác chính trị trong chiến dịch: Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy - Bộ Tổng tư lệnh, ngay từ 19 tháng 11 năm 1951, cơ quan chính trị chiến dịch đã ra chỉ thị gửi toàn mặt trận “Tuyên truyền về cuộc hành binh của địch ở Hòa Bình” và triển khai hoạt động mọi mặt công tác chính

1. Hồ sơ 514, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng

trị trong chiến dịch về chuẩn bị bộ đội, chuẩn bị dân công, phối hợp tác chiến với dân vận, địch vận"...¹.

Địa bàn chiến dịch diễn ra trên khu vực từ Xuân Mai đến thị xã Hòa Bình, dài 50 ki-lô-mét và từ Trung Hà đến thị xã Hòa Bình, dài khoảng 60 ki-lô-mét. Đây là khu vực địa hình rừng núi sát với đồng bằng, có hai dãy núi cao, dãy Ba Vì 1.287m và dãy Viên Nam cao 1.029m. Phía đông Ba Vì có nhiều đồi núi trống trải, phía tây Ba Vì là rừng núi kín đáo. Có ba trục đường lớn, cơ giới hoạt động được là đường số 89, đường số 87 và đường số 6 là đường giao thông chính ven đường có nhiều núi rừng xen kẽ đồi gianh. Sông Đà rộng và sâu nước chảy mạnh (rộng 400-500m, sâu 5 - 8m), các tàu nhỏ của địch đi lại được, nhưng dễ bị ta phục kích.

Ý định của Bộ chỉ huy chiến dịch là kiên quyết tập trung binh lực hỏa lực đột phá khu phòng ngự sông Đà, đánh một trận mở màn quyết định, tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, mở đường giao thông vận chuyển chiến dịch, đồng thời tạo thế phát triển thuận lợi cho chiến dịch. Đợt đầu tiên nhằm đánh tiêu diệt cụm cứ điểm Tu Vũ, Núi Chẹ, nằm trong tuyến phòng thủ phân khu sông Đà của địch và là hướng chủ yếu của chiến dịch.

Quân ta thực hiện phương châm đánh điểm diệt viện, kết hợp chặt chẽ đánh công kiên với đánh phục kích giao thông, tiêu diệt quân viện trên sông, trên bộ, vận dụng linh hoạt chiến thuật đánh vận động, tiêu diệt từng bộ phận quân địch đi càn quét sục sạo, buộc chúng phải co vào các vị trí dã chiến đánh tiêu diệt quân nhảy dù hoặc quân ứng cứu giải tỏa.

Tư tưởng chỉ đạo tác chiến chiến dịch là tích cực, chủ động, tạo thời cơ, nắm thời cơ, tranh thủ thời gian, lợi dụng sơ hở của địch, đánh địch trên những khu vực đã chuẩn bị sẵn, buộc địch phải tác chiến theo ý định của ta. Đánh hiệp đồng binh chủng, lấy đánh tập trung từng tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh trở lên được tăng cường binh khí kỹ thuật và một số binh chủng chuyên môn khá làm chính, kết hợp với những trận đánh nhỏ có hiệu suất cao, thực hiện tiêu diệt gọn quân địch, bắt tù binh, thu nhiều vũ khí. Đánh liên tục ngày đêm, đánh giữa các đợt, đánh quân địch đang triển khai đội hình, đánh địch đang vận động, đánh địch co cụm trong cứ điểm. Kiên quyết chia cắt địch ra từng bộ phận mà diệt, kết hợp chặt chẽ đánh giao thông trên bộ, trên sông, diệt xe cơ giới, diệt quân nhảy dù, diệt pháo binh và máy bay một cách rộng rãi.

Thời gian tác chiến chiến dịch có thể kéo dài từ hai đến ba tháng, chia thành nhiều đợt chiến đấu, trên nhiều khu vực với những yêu cầu cụ thể khác nhau. Các đợt tác chiến sau tùy kết quả của đợt trước mà triển khai đánh tiếp. Phải kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ tác chiến đợt 1, mở thông cửa cho hướng phát triển đợt sau của chiến dịch.

1. Báo cáo kế hoạch tác chiến chiến dịch và tổng kết kinh nghiệm của các chiến dịch lớn, Bộ Tổng tham mưu Xb, 1963, tr 2, tr 27.

Theo kế hoạch tác chiến chiến dịch, Bộ chỉ huy chiến dịch sử dụng Đại đoàn 308 và Đại đoàn 312 đánh địch trên hướng chủ yếu của chiến dịch, tiêu diệt sinh lực địch và phá vỡ tuyến phòng ngự sông Đà.

Nhiệm vụ cụ thể như sau: Đại đoàn 308 (thiếu trung đoàn 102) ở bên tả ngạn sông Đà có nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Tu Vũ, đánh quân viện trên sông Đà từ Tu Vũ đến thị xã Hòa Bình; Đại đoàn 312 ở bên hữu ngạn sông Đà, có nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Chẹ, đánh viện trên đường bộ từ Sơn Tây đi Đá Chông và từ Đá Chông đến Chẹ. Đại đoàn 304 ở hướng chủ yếu của chiến dịch làm nhiệm vụ kiểm chế mọi hoạt động của địch ở thị xã Hòa Bình và đánh địch trên đường số 6. Trung đoàn 102 của Đại đoàn 308 làm dự bị chiến dịch được bố trí ở khu vực Cổ Tuyết, nam thị xã Phú Thọ, có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ cùng lực lượng vũ trang địa phương Phú Thọ sẵn sàng đánh địch càn quét ra các vùng tự do Hạc Trì, Lâm thao, Hưng Hoá, đường số 2.

Về đảm bảo hậu cần¹, để nhanh chóng huy động được nhân lực, vật lực, bảo đảm cho tác chiến trên các hướng theo quyết tâm chiến dịch, Tổng Quân ủy quyết định thành lập hai Ban cung cấp tiền phương ở bắc và nam Hòa Bình. Ban cung cấp tiền phương mặt trận bắc Hòa Bình có nhiệm vụ bảo đảm cho Đại đoàn 308, Đại đoàn 312 và Đại đoàn công pháo 351 cùng các lực lượng vũ trang địa phương. Ban cung cấp tiền phương mặt trận nam Hòa Bình có nhiệm vụ bảo đảm cho Đại đoàn 304, Đại đoàn 320. Thời kỳ đầu ở mặt trận Hòa Bình, ta đã chuẩn bị được 820 tấn gạo² và có 20 nghìn dân công phục vụ chiến dịch. Công tác quân y, đã chuẩn bị đủ thuốc cứu chữa cho 4.000 thương binh.

Trong quá trình tổ chức chuẩn bị, các đơn vị đã chú ý như động viên giáo dục chính trị, quán triệt phương châm chiến dịch, thảo luận kế hoạch tác chiến... để bộ đội được chuẩn bị kỹ càng về mọi mặt trước khi bước vào chiến đấu.

Ngày 10 tháng 12 năm 1951, đợt 1 chiến dịch Hòa Bình bắt đầu. Trên hướng chủ yếu, trung đoàn 209 Đại đoàn 312 vận động đến Ninh Mít, phối hợp với hai tiểu đoàn địa phương chặn đánh tiểu đoàn dù (GM4) càn quét ở làng Chúc phía nam Ba Vì, diệt hai đại đội địch, số còn lại bỏ chạy về Chẹ. Sáng 11 tháng 12, tiểu đoàn địch càn vào khu vực Góc Bộp, điểm cao 306, bị quân ta chặn đánh diệt hai đại đội, bộ phận phía sau lùi lại Yên Lệ. Trên đường số 87, hai tiểu đoàn địa phương đánh vận động phục kích diệt hai đại đội bộ binh và một trung đội cơ giới địch ở Trung Thượng - Hạm Giá.

Cùng ngày 10 tháng 12, trung đoàn 88. Đại đoàn 308 được tăng cường một tiểu đoàn của trung đoàn 36 và tám khẩu sơn pháo 75mm, cùng một đại đội súng phòng không 12,7mm tiến công cứ điểm Tu Vũ, một cứ điểm phòng ngự then chốt của phân khu sông Đà. Cứ điểm này do tiểu đoàn Ma-rốc số 1 và một đại đội thuộc tiểu đoàn ngự Mường số 6 với xe tăng, xe thiết giáp chốt giữ. Cứ điểm

1. Kết quả trong 78 ngày đêm bảo đảm cho chiến dịch các Ban cung cấp mặt trận đã tiếp tế cho bộ đội 6.475 tấn lương thực, thực phẩm, 280 tấn đạn, cứu chữa 6.390 thương binh.

2. Số lượng gạo thực tiêu thụ sau này là 3.244 tấn

được cấu trúc kiên cố, chia làm ba khu, xung quanh được phát quang rộng 100 mét và những lớp rào, bãi mìn rộng 24 mét. Khu C tách khỏi khu A và B bằng ngòi Lát, do một đại đội địch chiếm giữ, có một lô cốt lớn và bảy ụ chiến đấu. Khu A có một đại đội bộ binh, sáu ụ chiến đấu bao quanh một lô cốt lớn, được trang bị hỏa lực mạnh (trọng liên 12,7mm, ĐKZmm, cối 81mm). Khu B có sở chỉ huy tiểu đoàn và hai đại đội bộ binh được trang bị ĐKZ 57mm, pháo 37mm, có một lô cốt lớn và nhiều ụ chiến đấu. Tu Vũ còn được sự yểm trợ của 19 khẩu pháo từ Đá Chông, Chẹ, Thủ Pháp.

8 giờ tối ngày 10, toàn trung đoàn từ dãy Yên Lãng chia làm ba mũi tiến xuống chiếm lĩnh trận địa tiến công. Tiểu đoàn 29 (có sở chỉ huy trung đoàn đi cùng) triển khai chiếm lĩnh phía đông khu B

. Tiểu đoàn 23 chiếm lĩnh phía bắc khu A, tiểu đoàn 322 chiếm lĩnh đông nam khu C. Trong quá trình bộ đội tiến vào chiếm lĩnh thì bị địch phát hiện. Các loại hỏa lực trong cứ điểm bắn ra ngăn chặn, pháo từ các vị trí Chẹ, Đá Chông, Thủ Pháp tạo thành một vành đai lửa bao quanh cứ điểm. Mặc cho pháo địch bắn dữ dội, các cánh quân của ta vẫn tìm mọi cách tiếp cận cứ điểm. Đại đội chủ công Tô Văn, lợi dụng khoảng ngừng giữa những loạt pháo, nhanh chóng tiếp cận hàng rào khu A. Các đơn vị khác đều bị pháo địch chặn lại. Riêng tiểu đoàn 322 trung đoàn 88 kịp nổ súng đúng giờ quy định chiếm được khu C. 2 giờ sáng 11, ba khẩu pháo của ta cùng phát hỏa bắn sập ba lô cốt. Tất cả các loại súng bộ binh tập trung bắn vào khu A, xung kích nối tiếp nhau xông lên dùng bộc phá đánh tan hàng rào dây thép gai, bãi mìn và xung phong. Tại khu B, đại đội 23, tiểu đoàn 23 đã dùng kìm kéo bí mật cắt rào, tiến vào đồn địch diệt sáu ụ súng. Quân địch hoàn toàn bất ngờ, chúng cho rằng trong năm giờ qua, 29 khẩu pháo với 5.000 quả pháo yểm trợ Tu Vũ, đã nghiền nát những đơn vị xung kích. Nhưng quân ta vẫn xuất hiện giữa cứ điểm chiếm sở chỉ huy, số địch sống sót bỏ chạy ra phía bờ sông, 5 giờ sáng quân ta hoàn toàn làm chủ Tu Vũ¹. Trận Tu Vũ là một trong những trận đánh xuất sắc của chiến dịch Hòa Bình, làm rung chuyển tuyến phòng thủ sông Đà của địch.

Sáng 11 tháng 12, địch cố mở thông tuyến sông Đà. Một đoàn ca nô từ phía Trung Hà tiến lên, bị tiểu đoàn 84 trung đoàn 36 phục ở Đoan Hạ, bắn chìm một chiếc, bắn bị thương hai chiếc, số còn lại chạy về Trung Hà. Chiều 11 tháng 12, một đoàn ca nô khác từ thị xã Hòa Bình xuống, bị tiểu đoàn 6, trung đoàn 141 phục ở Lạc Song, bắn chìm một chiếc, bắt 15 tù binh. Tuyến cơ động trên sông Đà của địch bị cắt đứt.

Ngày 13 tháng 12, tại phía bắc thị xã Hòa Bình, địch đi sục sạo đến xóm Mới, gặp tiểu đoàn 16 trung đoàn 141 chặn đánh diệt một trung đội, địch phải

1. Kết quả trận này ta diệt 158 tên, bắt sống 12 tên, phá huỷ một xe tăng, hai xe thiết giáp, năm khẩu pháo, thu một baddôca, một ĐKZ, tám đại liên, cùng nhiều vũ khí đạn dược. Ta hy sinh 152 đồng chí, bị thương 490 đồng chí, (chủ yếu do pháo địch).

rút về thị xã. Ngày 14 tháng 12, địch rút binh đoàn cơ động số 4 về Trung Hà, kết thúc cuộc càn quét vùng Ba Vì.

Trên hướng đường số 6, đầu tháng 12, Đại đoàn 304 đã tới nam đường 6. Ngày 12, trung đoàn 66 của đại đoàn phục kích trên quãng đường từ Cầu Dụ đến Hang Đá, cách Hòa Bình 15 ki-lô-mét về phía đông bắc. Khu vực này địch đã phát quang hai bên đường, vì vậy bộ đội phải giấu quân cách đường 500 mét chỉ có các bộ phận cảnh giới, chặn đầu, khóa đuôi là bố trí tương đối gần đường, 11 giờ 45 phút, 30 xe địch phủ bạt kín từ Xuân Mai lên, cùng lúc bốn xe chở đầy lính từ Hòa Bình xuống đón. Chờ cho đoàn xe lọt vào trận địa, bộ đội ta nổ súng tiêu diệt bọn đi đầu và cuối đoàn xe. Toàn bộ đoàn xe bị chặn lại ở khu vực Cầu Dụ. Dưới sự chi viện của hỏa lực, bộ đội ta vận động đánh thẳng vào đoàn xe. Sau 20 phút chiến đấu, 34 chiếc xe và toàn bộ quân địch trên xe bị tiêu diệt.

Ngày 13 tháng 12, tiểu đoàn 352 trung đoàn được một trung đội địa phương Hòa Bình phối hợp chiến đấu thực hiện trận phục kích ở làng Giang Mô, đoạn từ Hòa Bình đi chợ Bờ, cách thị xã Hòa Bình khoảng 10 ki-lô-mét. Tiểu đoàn bố trí trận địa phục kích trong phạm vi hơn một ki-lô-mét. 10 giờ 30 phút, đoàn xe chở một đại đội Âu - Phi lọt vào trận địa. Ta dùng ĐKZ và đại liên bắn mạnh vào đoàn xe tạo điều kiện cho các đại đội xung phong. Sau 30 phút chiến đấu, năm xe GMC và xe tăng bị phá hủy, hơn một đại đội Âu - Phi bị diệt và bị bắt. Trong trận này, tiểu đội trưởng Cù Chính Lan đã dũng cảm mưu trí, tiếp cận dùng lựu đạn diệt xe tăng địch, mở đầu cách đánh xe tăng bằng lựu đạn của bộ đội ta.

Ngày 15 tháng 12, địch đưa hai đại đội vào xóm Bãi Bể (Cao Phong) sục sạo, phá kho tàng. Chờ khi địch rút về, tiểu đoàn Đinh Công Niết chặn đánh tại xóm Mán - điểm cao 585, diệt và bắt trên 100 tên.

Đợt 1 chiến dịch kết thúc ngày 26 tháng 12. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 23 đại đội chủ lực địch, phần lớn là lính Âu - Phi, bắn chìm bảy ca nô, tàu, xuống bắn bị thương hai chiếc khác trên sông Đà, uy hiếp mạnh đường số 6, cắt đứt tuyến sông Đà.

Phối hợp với Hòa Bình, ở mặt trận địch hậu, Đại đoàn 320, Đại đoàn 316 đã phối hợp cùng các lực lượng vũ trang địa phương tiến công địch rộng khắp, giành thắng lợi lớn, nhất là ở Bắc Ninh và Phát Diệm. Địch phải điều quân ở Hòa Bình về đối phó. Khi bị quân ta uy hiếp mạnh ở Hòa Bình, địch buộc phải bỏ dở cuộc càn ở Bắc Ninh, lại điều quân về ứng cứu cho khu vực sông Đà, Ba Vì.

Sau đợt 1, sở chỉ huy chiến dịch chuyển từ Đông Lương về xóm Giốn, Tân Lập, tây Tu Vũ 7 ki-lô-mét. Mở đầu đợt 2, đêm 29 tháng 12, trung đoàn 141, Đại đoàn 312 bí mật tập kích địch ở các điểm cao 600, 165 và 400 (Ba Vì), diệt gần 100 địch, bắt 96 tên (có 35 lính lê dương). Quân ta hy sinh 16 người, bị thương 60 người. Ngày hôm sau (30 tháng 12), địch điều các binh đoàn cơ động số 1 và số 3 cùng một tiểu đoàn dù lên chiếm lại điểm cao 600. Chúng còn đưa binh đoàn cơ động số 4 từ Đá Chông càn vào điểm cao 149; đưa binh đoàn cơ động số 7 càn

vào phía bắc Ba Vì. Do tình hình địch thay đổi, ta lại bố trí lực lượng quá xa đường nên không đánh được địch.

Trên đường số 6, đường 30 tháng 12, trung đoàn 9 Đại đoàn 304 tiến công vị trí Hàm Vai, tiểu đoàn 418 diệt được hai phân ba lực lượng địch trong đồn. Ta bị thương vong trên 100 đồng chí do tổ chức kiểm chế pháo địch chưa tốt. Cũng trong thời gian này mặt trận sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ hoạt động mạnh, rộng khắp, thu được thắng lợi to lớn, tiêu diệt, bức rút nhiều đồn bốt, phát triển, mở rộng nhiều khu căn cứ liên hoàn. Cùng đêm 30, trên đường 21, trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tiêu diệt vị trí Đồi Mồi. Đến đây, Bộ Tổng tư lệnh quyết định kết thúc đợt 2 chiến dịch.

Bước vào đợt 3, đêm 7 tháng 1 năm 1952, trung đoàn 102, Đại đoàn 308 tiến công cứ điểm Pheo. Địch có một tiểu đoàn bộ binh, một đại đội pháo, một trung đội xe tăng, tổ chức cứ điểm thành ba vị trí trên ba mỏm đồi gần nhau. Đúng giờ nổ súng, pháo ta bắn theo kế hoạch, trong lúc đó bộ binh chưa chiếm xong các mục tiêu. Các mũi đột phá đều gặp khó khăn. Sau khi mở cửa xong đều bị pháo và xe tăng địch bắn ngăn chặn, ta không phát triển được. Trận đánh không thành công. Cùng đêm, trung đoàn 66 Đại đoàn 304 tiến công vị trí Đầm Hướng. Vì đánh giá địch không đúng, nên khi đột phá không có hỏa lực mạnh để yểm hộ, mở cửa xong bị pháo và xe tăng địch ngăn chặn, không phát triển được vào tung thâm, quân ta bị thương và hy sinh hàng trăm người.

Trong khi hai trung đoàn 102 và 66 đánh các vị trí Pheo, Đầm Hướng, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định sử dụng trung đoàn 36 Đại đoàn 308 hoạt động trên hướng phối hợp tại thị xã Hòa Bình. Tối ngày 7, đại đội 41 của tiểu đoàn 84 bí mật tiếp cận trận địa pháo địch ở khu Kiểm Lâm nằm sâu trong thị xã. Cùng thời gian này, các đại đội 61, 62 của tiểu đoàn 80 đã áp sát hai vị trí Đồi Cháy và Đồi Dè, các đại đội 42 và 43 của tiểu đoàn 84 cũng áp sát vị trí Khuỷu và Rậm nằm dọc con đường rút ra của những chiến sĩ tập kích pháo, 12 giờ 30 phút, sau tiếng bộc phá mở rào, các chiến sĩ của đại đội 41 nhanh chóng nhét thủ pháo vào nòng pháo, phá hoàn toàn bốn khẩu 105mm nằm trong trận địa. Nghe tiếng nổ phát ra từ trận địa pháo, tất cả các đơn vị xung kích đồng loạt nổ súng. Sau gần một giờ chiến đấu, hai tiểu đoàn của trung đoàn 36 đã tiêu diệt gọn bốn vị trí: Đồi Cháy, Đồi Dè, Khuỷu, Rậm và một trận địa pháo địch.

Bị ta đánh mạnh trên đường số 6 và thị xã Hòa Bình, ngày 8 và 9 tháng 1, Xa-lăng gấp rút đưa toàn bộ lực lượng trên tuyến sông Đà về thị xã Hòa Bình và đường số 6 để chuẩn bị cho cuộc rút lui. Quân ta tiếp tục bao vây thị xã và các vị trí địch trên đường số 6.

Ngày 27 tháng 1, Tổng Quân ủy họp, nhận định: “theo thể chung thì muốn hay không muốn, địch cũng phải rút khỏi Hòa Bình”. Căn cứ vào ý định của Tổng Quân ủy, Bộ Tổng Tham mưu xây dựng kế hoạch đánh địch rút chạy, Đại đoàn 308 (thiếu trung đoàn 102) được phối thuộc trung đoàn 209 Đại đoàn 312 phụ trách khu vực từ thị xã Hòa Bình tới Ao Trạch. Đại đoàn 312 được phối thuộc

trung đoàn 102, phụ trách đoàn từ Pheo tới Ao Trạch. Đại đoàn 304 phụ trách đoạn từ Ao Trạch tới Xuân Mai và đưa một trung đoàn vào chuẩn bị hoạt động ở vùng Chợ Cháy, Xuân Mai, Mai Lĩnh.

Đêm 16 tháng 2, trung đoàn 141 Đại đoàn 312 tiến công đồi Chung Minh, do hai đại đội địch chiếm đóng. Các mũi nhanh chóng mở cửa mở phát triển đánh chiếm được nửa đồi. Nhưng do không nắm chắc địch, quân ta bị thương vong nhiều, phải rút ra ngoài, không hoàn thành nhiệm vụ, tiêu diệt vị trí này.

17 giờ ngày 22 tháng 2, năm tiểu đoàn địch ở thị xã Hòa Bình tổ chức vượt sông Đà. Trung đoàn 36 ở bắc thị xã được lệnh đánh địch, nhưng do pháo địch bắn chặn, mãi tới sáng mới đến thị xã. Đại bộ phận quân địch đã qua sông, chỉ còn tiểu đoàn 2 dù (2^e BEP) và tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lê dương thứ 13 (3/13^e DBLE) đang được máy bay và đại bác bảo vệ chặt chẽ, tiếp tục qua sông. Trung đoàn 36 kiên quyết tiến công, pháo ta ở bến Ngọc đồng loạt bắn vào đội hình địch ở cả hai bên bờ sông Đà. Một chiếc ca nô bị bắn chìm, một số xe cơ giới bị phá hủy, nhưng tới trưa quân Pháp vẫn qua sông, Buổi chiều, trung đoàn 209 tiến công vị trí Pheo, khi GM1 đang rút khỏi đây. Máy bay địch nối nhau trút bom và bắn vào quân ta, bảo vệ cho binh lính tháo chạy về phía đoàn xe trên đường 6. Trận địa phòng không 12,7mm của ta bắn rơi tại chỗ một chiếc máy bay Hen-cát.

Ngày 24 tháng 2, địch ở Ao Trạch tiếp tục rút về Đồng Bải. Trên quãng đường này, trung đoàn 9 Đại đoàn 304 xuất kích kịp thời, chặn đánh một bộ phận, diệt gần hai đại đội địch. Trung đoàn 57 Đại đoàn 304, dùng hỏa lực bắn đuổi theo diệt thêm hàng chục tên.

Ngày 25 tháng 2, quân địch tiếp tục rút khỏi Đồng Bải về Xuân Mai. Nhìn chung, địch tổ chức rút quân chặt chẽ, dùng tới 30 nghìn viên đạn pháo để yểm trợ cho cuộc rút quân. Trong ba ngày đánh địch rút lui, ta tiêu diệt sáu đại đội địch, phá hủy 23 xe quân sự, thu trên 100 tấn đạn dược và quân trang, quân dụng. Ngày 25 tháng 2, Tổng Quân ủy quyết định kết thúc chiến dịch.

Qua hai tháng rưỡi chiến đấu liên tục, ta đã phá kế hoạch chiếm đóng Hòa Bình của địch, giải phóng khu vực Hòa Bình, sông Đà với diện tích trên 1.000km² và 20 nghìn dân. Tại mặt trận Hòa Bình, ta diệt 6.012 tên địch, thu 24 khẩu pháo các loại, 788 súng, 98 máy vô tuyến điện, phá hủy 12 khẩu pháo, bắn rơi chín máy bay, bắn chìm và bắn cháy 17 ca nô, tàu, xuồng, phá hủy 246 xe quân sự.

Mặt trận địch hậu (Trung Du, Liên khu 3), ta loại khỏi vòng chiến đấu 15.237 tên địch, thu 6.126 súng các loại, giải phóng 4.000km² với hơn một triệu dân. Tổn thất chung của địch là 21.249 tên (14.030 tên chết).

Chiến dịch Hòa Bình kết thúc thắng lợi. Cuộc chiến đấu của quân dân ta trên chiến trường Trung Du, Liên khu 3, mặt trận phối hợp quan trọng của chiến dịch Hòa bình, đã đạt được hiệu quả to lớn. “thắng lợi to lớn của ta ở mặt sau lưng

địch làm thay đổi tình thế đồng bằng Bắc Bộ, đã có ý nghĩa quyết định thắng lợi của toàn bộ Chiến dịch Hòa Bình”¹.

Tổn thất của chủ lực ta ở hướng chính và hướng phụ là 11.193 người (có 2.692 đồng chí hy sinh)².

Ta đã đánh bại âm mưu đánh chiếm vùng tự do của địch, phá ý đồ giành lại quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ và phá tan âm mưu thâm độc chia rẽ đồng bào Mường của chúng.

Với thất bại ở chiến dịch Hòa Bình, chính phía Pháp cũng phải công nhận rằng: “Chúng ta đã bị thiệt hại nặng nề về chiến lược, không thu được một kết quả quyết định nào. Chiến dịch Hòa Bình đã giam chân các binh đoàn chủ lực cơ động tinh nhuệ của ta ở xa đồng bằng trong một thời gian dài. Do đó đã tạo thế lợi cho đối phương đưa các binh đoàn chủ lực lọt vào đồng bằng hoạt động. Đối phương đã giành được thắng lợi quan trọng”³.

Về ý nghĩa chiến thắng Hòa Bình, Nhận lệnh của Đại tướng Tổng tư lệnh nêu rõ: “Chiến dịch này là chiến dịch lớn nhất từ trước tới nay, ta đã phối hợp nội ngoại tuyến hết sức chặt chẽ. Ta phối hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích trên một quy mô rộng lớn... Thắng lợi của Chiến dịch Hòa Bình là thắng lợi quân sự, chính trị và kinh tế. Nó đánh bại âm mưu cố gắng giành lại quyền chủ động của Đờ Lát, Đờ Tát-xi-nhi”.

Trong chiến dịch Hòa Bình, nghệ thuật chiến dịch đã giải quyết thành công nhiều vấn đề mới và rất phức tạp, chủ yếu là giải quyết sự hiệp đồng giữa các lực lượng và các hình thức hoạt động, nhằm tạo nên thế mạnh tổng hợp của chiến dịch, hình thành thế bao vây chia cắt để tiêu diệt địch và đánh bại hoàn toàn âm mưu của chúng. Đây là bước phát triển mới rất quan trọng về nghệ thuật chiến dịch của ta. Sự phát triển ấy rất sinh động, sáng tạo và độc đáo. Sự thành công của nghệ thuật trong chiến dịch Hòa Bình là ở chỗ nhận định đánh giá tình hình địch, ta đúng; xây dựng quyết tâm vững chắc, kết hợp mọi hoạt động của các lực lượng giữa hai mặt trận Hòa Bình và mặt trận vùng sau lưng địch một cách chặt chẽ; bố trí sử dụng lực lượng chính xác, chỉ huy xử lý tình huống tài tình.

Bước phát triển mới về nghệ thuật chiến dịch trong Đông Xuân 1951- 1952 là ta đã nhảy bén với diễn biến thực tế chiến trường, kiên quyết chuyển ngay loại hình chiến dịch từ phản công sang tiến công; đồng thời tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa chiến dịch tiến công Hòa Bình (chính diện) với mặt trận sau lưng địch (hậu địch) ở Trung Du và đồng bằng Bắc bộ, làm cho hệ thống kìm kẹp của địch tan vỡ từng mảng lớn.

Ta đã có chủ trương đúng và vận dụng tốt hai phương châm tác chiến chiến dịch: “đánh điểm diệt viện” và “liên tục chiến đấu”. Đó là hai điểm đặc sắc của

1. Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb QĐND, H, 1974, t 1, tr 459.

2. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) Nxb QĐND H.1991, tr 556

3. Theo “Đông Dương hấp hối” hồi ký của Na-va

cách đánh chiến dịch, nghệ thuật chiến dịch và cũng là một trong những nguyên nhân rất quan trọng trực tiếp quyết định thắng lợi của Chiến dịch Hòa Bình.

Ngày 25 tháng 2 năm 1952, nhân dịp giải phóng tỉnh Hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi Bộ chỉ huy chiến dịch và các chiến sĩ mặt trận Hòa bình, dân công phục vụ và đồng bào địa phương. Bức thư có đoạn: so với những thắng lợi trước, thắng lợi lần này là khá to. Thắng lợi lần này đã đánh dấu một bước tiến bộ mới của bộ đội ta, và đã làm cho địch phải thất bại nhục nhã trong âm mưu củng cố phòng ngự chuyển lên tiến công, nhưng bộ đội phải luôn luôn cố gắng thi đua giết giặc lập công và ra sức học tập chính huấn, đồng bào phải ra sức thi đua tăng gia sản xuất hơn nữa để tranh lấy thắng lợi to hơn nữa¹.

Ngày 12 tháng 4 năm 1952, hội nghị tổng kết Chiến dịch Hòa Bình được tiến hành. Hội nghị khẳng định: về vận dụng chiến thuật, ta đã thực hiện đúng nguyên tắc tập trung ưu thế về binh lực, thực hiện bao vây, chia cắt tiêu diệt địch. Tập trung binh lực ở một điểm để đánh ngã địch đồng thời bố trí lực lượng hai đến ba mặt để bao vây tiêu diệt địch.

Đánh gần để hạn chế chỗ mạnh của địch về hỏa lực pháo binh và máy bay và lợi dụng chỗ yếu của địch về tinh thần. Do đó, trong đánh công kiên phải chiếm lĩnh trận địa và đột phá, tiền duyên bí mật nhanh chóng để có thời gian và đủ lực lượng đánh tung thâm.

Ta đã có sáng tạo trong chiến thuật, như ở hướng chính, ngoài đánh công kiên và vận động như các chiến dịch trước đây, lần này ta phát triển nhiều cách đánh mới như: đánh địch vận chuyển trên sông, dùng lực lượng ít nhưng tinh nhuệ, tập kích, tiêu diệt các điểm cao và trận địa pháo binh. Ở hướng phối hợp, đã phát triển đánh điểm diệt viện, tiến công và nổi dậy của quần chúng. Đặc biệt nổi lên cách đánh tập kích sâu vào lòng địch như trận Phát Diệm (Ninh Bình).

Chiến dịch Hòa Bình là một biểu hiện tập trung của nghệ thuật chiến tranh toàn dân trong kháng chiến chống Pháp. Bằng ba thứ quân đồng loạt tiến công liên tục chiến đấu trong chiến dịch dài ngày trên một chiến trường rộng lớn đã chứng tỏ khả năng phối hợp nhịp nhàng, lối đánh muôn màu, muôn vẻ của chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã làm thất bại đòn tiến công chiến lược của địch.

CHIẾN DỊCH THƯỢNG LÃO 1954 (Tiến công, từ ngày 29 tháng 1 đến ngày 13 tháng 2 năm 1954).

Trưa ngày 26 tháng 1 năm 1954, trước tình hình địch đã tăng cường phòng ngự ở Điện Biên Phủ, Đảng ủy chiến dịch Điện Biên Phủ quyết định tạm thời đình chỉ cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tiếp tục chuẩn bị thêm để đánh với phương châm "Đánh chắc, tiến chắc". Đồng thời, Đảng ủy chiến dịch quyết định đưa Đại đoàn 308 tiến công sang hướng Thượng Lào, nhằm cô lập địch

1. Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, t 5, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, tr 186.

ở Điện Biên Phủ hơn nữa, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giúp bạn Lào mở rộng vùng giải phóng, không cho địch đánh vào sau lưng ta, vừa nghi binh thu hút sự chú ý của chúng, bảo đảm cho bộ đội ở Điện Biên Phủ rút ra khu tập kết an toàn.

Về địch, sau khi tướng Na-va quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để giao chiến với chủ lực ta, thì ở Thượng Lào từ đầu tháng 12, địch cũng bắt đầu xây dựng "Phòng tuyến sông Nậm Hu". Phòng tuyến này gồm một loạt cứ điểm dọc sông Nậm Hu từ Pắc U lên Mường Ngòi, Mường Khoa, với tổng số binh lực khoảng 20 đại đội (sáu tiểu đoàn). Nhiệm vụ của "phòng tuyến sông Nậm Hu" là bảo vệ Thượng Lào, bảo vệ cho Điện Biên Phủ khỏi bị cô lập, và tạo thành hành lang bảo đảm việc lui quân từ Điện Biên Phủ về Luông Pha Băng (Lào) khi cần thiết.

Về phía ta, 14 giờ ngày 26 tháng 1, Đại đoàn 308 chính thức nhận lệnh hành quân sang Lào kết hợp với Bạn tiến công phòng tuyến sông Nậm Hu. Mặc dù trong mệnh lệnh, Đại tướng võ Nguyên Giáp cho phép "lực lượng sử dụng bao nhiêu tùy thuộc vào khả năng cung cấp của đại đoàn... làm sao bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ... giữ vững lực lượng có lệnh trở về ngay"¹, nhưng Đảng ủy đại đoàn đã họp và quyết định đưa toàn bộ đại đoàn sang Lào để thực hiện nhiệm vụ.

Vào thời điểm này, biên chế của Đại đoàn 308 gồm các trung đoàn bộ binh 102, 88, 36, tiểu đoàn phòng không, cối 102 mm và một số đơn vị trực thuộc. Toàn bộ đại đoàn ở khu vực Hồng Lĩnh phía tây cánh đồng Điện Biên Phủ.

18 giờ 30 ngày 26 tháng 1 (chỉ sau khi nhận lệnh bốn giờ), các đơn vị của đại đoàn lần lượt rút khỏi Điện Biên Phủ lên đường sang Thượng Lào. Chỉ huy đại đoàn sang Thượng Lào là đồng chí Vương Thừa Vũ - Tư lệnh kiêm bí thư Đảng ủy đại đoàn.

Vì thời gian gấp nên đại đoàn vừa hành quân vừa tổ chức nắm địch, nghiên cứu địa hình, tổ chức bảo đảm hậu cần tại chỗ. Khó khăn lớn nhất trong đảm bảo cho chiến dịch là vấn đề thuốc quân y và lương thực. Mỗi ngày đại đoàn cần năm tấn gạo, nhưng khi lên đường các chiến sĩ của đại đoàn chỉ mang theo mỗi người một ngày lương khô và một ngày gạo. Đại đoàn để ra phương châm "tự lực và gấp rút", nhanh chóng tổ chức lực lượng cán bộ đi bắt liên lạc với cán bộ chiến lược Bạn huy động lương thực trong nhân dân. Bộ phận tiền phương của Tổng cục Cung cấp một mặt cử đoàn vận tải hỗ trợ tiếp tế cho đại đoàn, một mặt cử đại diện sang Lào liên hệ với Bạn giải quyết vấn đề cung cấp tại chỗ cho bộ đội (ta dựa vào Bạn dùng tiền Đông Dương để mua lương thực thực phẩm). Bộ Tổng tham mưu cũng cử một đại đội trinh sát của Bộ đi trước nắm địch ở Mường Khoa, để đảm bảo cho đại đoàn tiến quân thuận lợi.

Ngày 29 tháng 1, sau khi vượt 80 ki-lô-mét đường rừng, phần lớn lực lượng đại đoàn đã tới Sốp Nạo, riêng bộ phận đi trước đã tới sát bờ sông Nậm Hu. 20

1. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Nxb QĐND, H, 1991, tr. 752.

giờ ngày 29 tháng 1, đại đoàn nhận được điện của Bộ tổng tư lệnh tiền phương: “Địch đã phát hiện Đại đoàn 308 rời khỏi Điện Biên Phủ sang Lào, chúng đã ra lệnh rút khỏi Mường Khoa và các đồn lân cận về Nậm Bạc”.

Nhận được điện Bộ chỉ huy đại đoàn quyết định: chia làm hai cánh, nhanh chóng truy kích địch: Cánh thứ nhất, trung đoàn 102 truy kích theo hướng Mường Khoa - Mường Sài; cánh thứ hai, trung đoàn 88 và 36 truy kích theo hướng Nậm Bạc - Luông Pha Băng.

Sáng ngày 30 tháng 1, cánh quân thứ nhất tổ chức vượt sông Nậm Hu tiến về phía Mường Khoa - Mường Sài. Đi cùng cánh quân này có sở chỉ huy nhẹ của đại đoàn, do Đại đoàn phó Cao Văn Khánh phụ trách. Nửa đêm 30, trung đoàn 102 vừa được lệnh dừng lại nghỉ đêm thì nhận được tin của quân báo đại đoàn phát hiện địch đang trên đường chạy về Mường Sài, ở cách đơn vị khoảng 10 ki-lô-mét. Cả đơn vị lập tức gấp rút đuổi theo. Bộ phận quân báo của đại đoàn nhanh chóng tìm đường vượt lên trước, đến rạng sáng ngày 31, bộ phận này đã kết hợp được với một đơn vị địa phương tạo được một “cái nút” trước đường hành quân của địch.

Quân địch đang nhốn nháo do bị chặn ở phía trước, thì phía sau, đại đội 261 tiếp đó là cả tiểu đoàn 18 của trung đoàn 102 đã kịp thời ập tới, tổ chức nhiều mũi đánh thẳng vào đội hình địch. Một đại đội Pa-thét Lào thuộc tiểu đoàn 920 đang trên đường đi Mường Sài để phối hợp với ta, nghe tiếng súng nổ đã chủ động đến cùng tiểu đoàn 18 đánh địch.

Bị tiến công bất ngờ, đội hình địch bị chia cắt làm đôi. Cụm thứ nhất gồm tiểu đoàn Ta-bo số 5 và ba đại đội ngụy do thiếu tá Vôđơrây chỉ huy; cụm thứ hai có ba đại đội thuộc tiểu đoàn lê dương số 2 và một đại đội ngụy do thiếu tá Cabari chỉ huy. Các cụm quân này chiếm giữ các điểm cao, vừa ngoan cố chống cự vừa tìm đường rút chạy. Địch đông, địa hình rừng núi phức tạp nên trận đánh kéo dài, ta diệt và bắt sống một số, nhưng không đủ khả năng dứt điểm.

Chiều ngày 31 tháng 1, đại bộ phận lực lượng của trung đoàn 102 mới tới khu vực đánh địch. Trung đoàn trưởng lệnh cho các tiểu đoàn 79 và 54 tổ chức tiến công địch ngay. Lúc này lợi dụng trời bắt đầu tối và địa hình rừng núi, địch bí mật rút về Mường Sài. Tiểu đoàn 18 thấy cụm quân của Vôđơrây xuống núi, lập tức chiếm lĩnh địa thế có lợi từ trên đánh xuống diệt hàng trăm tên, bắt sống 54 tên.

Ở phía sau, tiểu đoàn 79 và 54 tổ chức tiến công chậm. Lợi dụng trời tối, bốn đại đội do Cabari chỉ huy đã rút chạy trước khi ta tiến công. Trung đoàn tổ chức lùng sục, truy đuổi địch ngay trong đêm.

Sáng ngày 1 tháng 2, tiểu đoàn 79 phát hiện được địch ở khu rừng rậm trước mặt. Đây chính là đại đội địch ở cụm 2. Tiểu đoàn nhanh chóng tổ chức một mũi vòng xuống phía nam chốt chặn, còn đại bộ phận tổ chức nhiều mũi đồng loạt tiến công bọn địch đang tạm dừng. Địch chống cự yếu ớt, nhanh chóng tan rã, lẩn trốn vào rừng tìm đường về Mường Sài. Trong các ngày 1 và 2 tháng 2, trung

đoàn 102 tiếp tục tổ chức lực lượng đuổi địch và truy tìm những tên còn lẩn trốn trong rừng. Cả hai tiểu đoàn địch chạy từ Mường Khoa cơ bản bị trung đoàn 102 loại khỏi vòng chiến đấu. Trung đoàn đã diệt và bắt sống hàng trăm tên, trong đó có tên thiếu tá Cabari và tên đại úy Lămbe. Đêm 2 tháng 2, trung đoàn dừng lại ở sát Mường Sài củng cố chờ nhận nhiệm vụ mới.

Trên hướng Nậm Bạc - Luông Pha Bông, trung đoàn 36 đi đầu cũng khẩn trương xuyên rừng tiến về hướng Nậm Bạc. Chiều 30 tháng 1, trung đoàn đến sát Mường Ngòi, địch ở đây đã rút chạy. Sáng ngày 1 tháng 2, trung đoàn tổ chức vượt sông Nậm Hu. Nhân dân địa phương huy động thuyền độc mộc giúp đơn vị chở vũ khí nặng và các chiến sĩ đau yếu, còn lại toàn đơn vị kết bè mảng, dùng mọi thứ làm phao diu nhau vượt qua sông rộng.

Tiểu đoàn 89 vượt sông đầu tiên, phát hiện một tiểu đoàn địch đang tạm dừng trên các quả đồi trước mặt tổ chức tiến công ngay và nhanh chóng đánh tan đội hình địch. Suốt trong ngày 1 tháng 2, tiểu đoàn đã truy đuổi, đánh 10 trận đạt hiệu suất cao và xóa sổ cả tiểu đoàn địch, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Ngày 2 tháng 2, trung đoàn 36 tiến vào thung lũng Nậm Bạc. Trong thung lũng có một đồn địch. Quân địch trong đồn đang nhón nháo chuẩn bị rút chạy. Chớp thời cơ đại đội 396, bộ phận đi đầu của tiểu đoàn 89, nhanh chóng đánh thẳng vào đồn. Địch hốt hoảng bỏ chạy, ta làm chủ cả vùng thung lũng Nậm Bạc.

Nậm Bạc là một khu vực ngã ba, một đường đi về phía Mường Sài, nơi trung đoàn 102 đang đánh tới, một đường qua Nậm Ngà rồi thẳng xuống Luông Pha Bông, nơi có sở chỉ huy Pháp ở Thượng Lào.

Sau khi chiếm được Nậm Bạc, trung đoàn 36 xốc lại đội hình, ngày 3 tháng 2, tiếp tục tiến thẳng về phía Nậm Ngà. Phía sau trung đoàn 36, trung đoàn 88 cũng đã tiến vào các khu vực mới giải phóng truy quét tàn binh địch, cùng bạn xây dựng cơ sở cách mạng. Ngày 5 tháng 2 trung đoàn 36 tiến đến sát Nậm Ngà. Đi đầu đội hình vẫn là tiểu đoàn 89, gồm đại đội 399 dẫn đầu, tiếp sau là các đại đội 395 và 397.

Lúc này, tiểu đoàn nguy Thái số 1 cũng từ Mường Sài tới tăng viện cho Nậm Ngà. Đại đội đi đầu của chúng đã vào đồn, còn hai đại đội đang tới khu vực ngã ba Nậm Bạc - Nậm Ngà - Mường Sài.

Hai đại đội (395, 397) đi sau của tiểu đoàn 89, gặp địch ở khu vực ngã ba, nhanh chóng tổ chức thế bao vây hai đại đội của địch ở khu vực này. Đại đội 399 đi đầu tiếp tục tiến về phía đồn Nậm Ngà, tổ chức bao vây địch ở trong đồn. Ở khu vực ngã ba, trận tao ngộ chiến diễn ra khá ác liệt. Ta và địch đều cố chiếm những điểm cao có lợi, dùng hỏa lực kiểm chế nhau. Lực lượng của ta dưới sự chỉ huy của tiểu đoàn phó và chính trị viên tiểu đoàn, nhanh chóng chia thành nhiều mũi hình thành thế bao vây đồng thời sử dụng cối 82mm và súng máy chi viện cho bộ binh tiến công phía chính diện. Ở phía sau, chính trị viên của đại đội 395 dẫn một tiểu đội vòng theo đường núi đánh thọc sườn cụm hỏa lực của địch. Bị

bất ngờ, cụm hỏa lực địch không kịp trở tay nhanh chóng bị tiêu diệt. Mất hỏa lực, lại bị phân tán và uy hiếp bởi nhiều mũi tiến công của ta, hai đại đội địch tan rã và bị tiêu diệt gần hết.

Thừa thắng, tiểu đoàn 89 dồn toàn bộ lực lượng tiến công đồn Nậm Ngà. Địch ở đây chống cự yếu ớt và chịu thất bại hoàn toàn. Như vậy chỉ sau vài giờ chiến đấu, tiểu đoàn 89 đã giành được thắng lợi giòn giã, loại khỏi vòng chiến đấu gọn một tiểu đoàn địch, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng.

Chiều ngày 7 tháng 2, trung đoàn 36 tiến xuống tới Bắc Sương. Ở đây, trung đoàn bắt liên lạc được với tiểu đoàn địa phương 970 của Bạn và biết năm đại đội địch đã bỏ đồn chạy về Luông Pha Băng. Trung đoàn tiếp tục tiến vào hướng Luông Pha Băng. Ngày 11 tháng 2, trung đoàn vượt sông Nậm Hu (quãng ngã ba sông Nậm Hu gặp sông Mê Công). Ngay chiều hôm đó, tiểu đoàn 80 - bộ phận đi đầu của trung đoàn 36 đã tổ chức tiến công đồn Bản Na cách Luông Pa Băng 10 ki-lô-mét. Địch hoang mang, tan vỡ nhanh chóng, ta diệt một trung đội lê dương, một trung đội dù nguy, bắt sống hàng chục tên, trong đó có quan hai Pháp.

Trên hướng Mường Sài, từ ngày 4 tháng 2, trung đoàn 102 cũng áp sát các vị trí tiền tiêu, dùng cối bắn vào các khu vực của địch. Trước sức ép của ta, địch phải lập cầu hàng không tăng cường lực lượng cho Mường Sài và Luông Pa Băng, xây dựng hai tập đoàn cứ điểm ở đây. Lực lượng cơ động chiến lược của Pháp lại thêm một lần nữa bị phân tán. Ngày 13 tháng 2 năm 1954, Đại đoàn 308 được lệnh của Bộ kết thúc chiến dịch và bí mật quay trở về Điện Biên Phủ. Đơn vị trinh sát của Bộ ở lại làm nhiệm vụ phao tin ta chuẩn bị đánh Luông Pa Băng để đại đoàn rút quân an toàn.

Như vậy, trong hơn mười ngày tiến công, truy kích địch trên chặng đường dài hơn 200km, Đại đoàn 308 đã đánh nhiều trận đạt hiệu quả cao. Ta và Bạn đã tiêu diệt gọn một tiểu đoàn lê dương (2/2 REI), ba đại đội nguy, đánh tan hai tiểu đoàn nguy, tiêu hao một bộ phận của tiểu đoàn Ta-bo số 5 (tổng số 15 đại đội). Loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 2.000 tên, bắt sống 354 tên (trong đó có một quan tư, hai quan ba, sáu quan hai, một quan một), thu hàng chục tấn vũ khí, quân trang, quân dụng. Toàn bộ phòng tuyến sông Nậm Hu của địch bị phá vỡ. Một vùng rộng lớn lưu vực sông Nậm Hu được giải phóng, đẩy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ vào thế hoàn toàn bị cô lập.

Đòn tiến công sang Thượng Lào của Đại đoàn 308 thực sự bất ngờ đối với Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Thất bại ở Thượng Lào lần này chứng tỏ ý định của Na-va chiếm đóng Điện Biên Phủ để bảo vệ Thượng Lào, bảo vệ Luông Pa Băng đã bị phá sản. Địch buộc phải tăng quân cho Mường Sài và Luông Pha Băng, lực lượng cơ động của chúng lại một lần nữa bị phân tán. Chiến dịch Thượng Lào đã đạt được mục đích đề ra là tiêu hao sinh lực địch, đánh lạc hướng chú ý của địch với Điện Biên Phủ, tạo điều kiện để các lực lượng chuẩn bị tốt hơn cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến thắng Thượng Lào còn tạo điều kiện cho trung đoàn 148 cùng bộ đội Pa-thét Lào giải phóng Bun Tây, Bun Nứa, khu

vực tình lý và một vùng rộng lớn tỉnh Phong Xa Lỳ. Có thể nói Chiến dịch Thượng Lào đã đạt trọn vẹn mục tiêu của cả chiến lược và chiến dịch.

Nghệ thuật chiến dịch trong chiến dịch Thượng Lào trước hết thể hiện trong việc sử dụng lực lượng. Mặc dù được Bộ Tổng tư lệnh cho phép tự quyết định quy mô lực lượng ra quân (ít nhất là một tiểu đoàn), nhưng Bộ tư lệnh chiến dịch đã quyết tâm khắc phục khó khăn về bảo đảm hậu cần, sử dụng toàn bộ lực lượng của đại đoàn, tạo sức mạnh áp đảo trên cả hai hướng chiến dịch. Trước sức mạnh áp đảo của ta, địch buộc phải rút chạy, tạo điều kiện cho ta truy kích đánh địch ngoài công sự.

Việc tổ chức điều hành chiến dịch cũng là một thành công của chiến dịch Thượng Lào. Chỉ sau khi nhận lệnh bốn giờ, đại đoàn đã hoàn thành cơ bản mọi công tác tổ chức chuẩn bị, từ chuẩn bị bộ đội, tổ chức dẫn đường nắm địch, tổ chức tiền trạm, tổ chức thông tin đảm bảo liên lạc đến việc đảm bảo hậu cần trong điều kiện chiến trường rừng núi xa, rộng và chia cắt. Điều này chứng tỏ trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ Đại đoàn 308 đã có bước trưởng thành đáng kể.

Trong thực hành chiến dịch, một ưu điểm nổi bật của cán bộ chiến sĩ đại đoàn là tính chủ động trong truy kích địch. Ở địa hình rừng núi, trên từng cánh, việc chỉ huy toàn bộ lực lượng của một trung đoàn hay cả đại đoàn là rất khó khăn. Mà việc truy kích địch thì thời gian, thời cơ lại là nhân tố hết sức quyết định. Trong chiến dịch, cán bộ các cấp của đại đoàn đã nêu cao tinh thần chủ động, không chờ đợi cấp trên, không chờ đủ lực lượng đơn vị nào gặp địch là chủ động triển khai đánh địch, đơn vị đến sau hiệp đồng theo tiếng súng, hỗ trợ cho đơn vị đến trước, nhanh chóng khoét sâu điểm yếu tinh thần của quân địch rút chạy để tiến công giành thắng lợi. Trong truy kích, ta còn tổ chức được các bộ phận gọn nhẹ vượt lên trước ngăn chặn địch, tạo điều kiện cho các đơn vị phía sau đuổi kịp triển khai tiến công.

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (Tiến công từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954)

Thực hiện kế hoạch tác chiến trong Đông Xuân 1953 - 1954, ngày 15 tháng 11 năm 1953, Đại đoàn 316 hành quân lên Tây Bắc, mở cuộc tiến công giải phóng Lai Châu. Phát hiện sự di chuyển của chủ lực ta lên hướng Tây Bắc, ngày 20 tháng 11, Nava vội vã mở cuộc hành binh Ca-xto, đổ sáu tiểu đoàn Âu - Phi tinh nhuệ đánh chiếm Điện Biên Phủ, một địa bàn chiến lược quan trọng để giữ vững Lai Châu và bảo vệ Thượng Lào.

“Vô luận rồi đây địch sẽ luận thế nào, địch nháy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản là có lợi cho ta”. Ta kiên trì kế hoạch tiến công giải phóng Lai Châu, đồng thời tăng cường Đại đoàn 306 lên vây địch ở Điện Biên Phủ.

1. Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn. Bộ Tổng tham mưu, xb, 1963, tr.16

Ngày 3 tháng 12 năm 1953, Na-va quyết định bỏ Lai Châu, cơ lực lượng về Điện Biên Phủ, đồng thời gấp rút tăng cường lực lượng, phương tiện chiến tranh xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh, gọi là “Bình đoàn tác chiến Tây Bắc”. Đến ngày 15 tháng 12 năm 1953, quân địch ở Điện Biên Phủ đã lên đến 12 tiểu đoàn. Chúng hy vọng Điện Biên Phủ vừa là một cái chốt, vừa là một cái bẫy sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương.

Khi Na-va chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ và quyết giữ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào, thì phương án tiến công Điện Biên Phủ của ta cũng cơ bản được dự thảo xong. Đầu tháng 1 năm 1954, Bộ Chính trị họp tại bản Tỉn Keo, xã Diêm Mạc, huyện Định Hoá, Thái Nguyên nghe Tổng Quân ủy báo cáo chính thức hạ quyết tâm: “Tập trung đại bộ phận chủ lực thiện chiến của ta lên mặt trận Điện Biên Phủ mở chiến dịch tiến công tiêu diệt những lực lượng tinh nhuệ nhất của địch trong tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của chúng trên chiến trường Đông Dương này”. Tại cuộc họp, Bộ Chính trị đã cử Bộ chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ gồm: Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận; Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng; Lê Liêm, Chủ nhiệm chính trị; Đặng Kim Giang, Chủ nhiệm cung cấp. Ngày 5 tháng 1 năm 1954, đồng chí Võ Nguyên Giáp lên đường đi Điện Biên Phủ.

Điện Biên Phủ thuộc tỉnh Lai Châu, là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây vùng rừng núi Tây Bắc, cách Hà Nội khoảng 300 ki-lô-mét đường chim bay, cách Luông Pha Băng 190ki-lô-mét. Thung lũng Điện Biên (cánh đồng Mường Thanh) có chiều rộng từ sáu đến tám ki-lô-mét, chiều dài gần 20ki-lô-mét, nằm gần biên giới Việt - Lào, trên một ngã ba của nhiều tuyến đường quan trọng, Xung quanh thung lũng là một vùng rừng núi điệp trùng bao bọc. Núi có độ cao trung bình 500m, có mỏm đột xuất cao tới 1461m. Thung lũng Điện Biên là cánh đồng bằng phẳng, đồng ruộng khô ráo, thỉnh thoảng nổi lên những đồi cao hơn mặt ruộng tám đến 20 mét, cá biệt có điểm cao tới 250m. Trong thung lũng có sông Nậm Rốm chảy theo hướng Bắc Nam đổ xuống sông Nậm Hu và có sân bay Mường Thanh được xây dựng từ 1889.

Thời tiết Điện Biên Phủ chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9. Vào mùa khô sương mù dày đặc từ 15 giờ ngày hôm trước đến tận 9 giờ ngày hôm sau. Mùa mưa, mưa kéo dài, nhiều lũ, độ ẩm lớn lên việc cơ động trong rừng vô cùng khó khăn.

Dân số Điện Biên Phủ có hơn hai vạn người, gồm 11 dân tộc khác nhau, đời sống nhân dân trong vùng còn rất khó khăn.

Về địch, đến khi ta nổ súng tiến công, chúng đã có gần bốn tháng để xây dựng và củng cố hệ thống phòng ngự ở Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương lúc bấy giờ. Lực lượng phòng ngự ở đây có 12 tiểu đoàn và bảy đại đội bộ binh, hai tiểu đoàn lựu pháo 105mm (24 khẩu), hai tiểu đoàn súng cối 120mm (20 khẩu), một đại đội pháo 155mm (4 khẩu), một tiểu đoàn công binh, một đại đội xe tăng (10 chiếc), một đại đội xe vận tải (khoảng

200 xe ô tô) và một phi đội máy bay thường trực (14 chiếc). Tổng số quân lúc đầu lên tới 11.800 tên, chủ yếu là lính dù và Âu - Phi tinh nhuệ, đặt dưới quyền chỉ huy của đại tá Đờ Cátxtơri.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có 49 cứ điểm, mỗi cứ điểm đều có hệ thống công sự, hàng rào vật cản, hỏa lực để độc lập chiến đấu, đồng thời những cứ điểm gần nhau lại được tổ chức lại thành cụm cứ điểm (trung tâm đề kháng). Tập đoàn cứ điểm có trung tâm đề kháng (mỗi trung tâm mang tên một thiếu nữ Pháp) và được chia thành ba phân khu:

Phân khu trung tâm (trận địa trung tâm) là phân khu quan trọng nhất, nằm ở ngay giữa Mường Thanh, có năm tiểu đoàn chiếm đóng, ba tiểu đoàn cơ động (tức gần 2 phần 3 lực lượng của địch ở Điện Biên Phủ). Phân khu trung tâm được tổ chức thành năm trung tâm đề kháng bao bọc lấy cơ quan chỉ huy của tập đoàn. Các trung tâm đề kháng đó là: Trung tâm đề kháng đồi D (Đô-mi-ních), phòng ngự ở hướng đông bắc, gồm các cứ điểm D1, D2, D3, 203, 204, 507, 508 do tiểu đoàn 3 Angiêri (3/3 RTA) chiếm giữ; trung tâm đề kháng đồi A (E-li-an), phòng ngự hướng đông và đông nam, là khu vực phòng ngự then chốt của trận địa trung tâm, gồm các cứ điểm C1, C2, A1, A3, 512, 506, 511 do tiểu đoàn 1 Ma-rốc (1/4RTM0 và tiểu đoàn 2 ngụy Thái (2^e BAT) chiếm giữ; trung tâm đề kháng nam sân bay Mường Thanh (Clôdin), phòng ngự hướng tây nam, gồm các cứ điểm 309, 310, 311B, 305, 322, 603, 604, 607 do tiểu đoàn 1 lê dương (1/13DBLE) chiếm giữ; trung tâm đề kháng tây sân bay (Huy-ghét) trực tiếp bảo vệ sân bay, gồm các cứ điểm 311, 311A, 206, 209, 307, do tiểu đoàn 1 lê dương (1/2 REI) chiếm giữ. Trung tâm đề kháng Him Lam (Bêatorixơ) là vị trí phòng ngự đột xuất ở đông bắc cách Mường Thanh 2.500mét, gồm các cứ điểm 101A, 101B, 102 do tiểu đoàn 3 lê dương (3/13DBLE) chiếm giữ. Khu vực phía đông của phân khu trung tâm có các điểm cao có giá trị, địch đã xây dựng thành các cứ điểm rất lợi hại, đặc biệt là các ngọn đồi A1, C1, D1, E1...

Phân khu Bắc gồm hai trung tâm đề kháng: Trung tâm đồi Độc Lập (Babrien) do tiểu đoàn 5 Angiêri (5/7 RTA) chiếm đóng, trung tâm Bản Kéo - Căng Na (Annomari) phòng ngự - ở hướng bắc, gồm các cứ điểm 104A, 104B, 105, 106 do tiểu đoàn ngụy Thái số 3 (3^e BAT) chiếm giữ.

Phân khu nam còn có tên gọi là Hồng Cúm (Tdaben) có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta tiến công từ phía nam lên. Phân khu này do binh đoàn cơ động số 6 chiếm giữ. Lực lượng cụ thể gồm tiểu đoàn lê dương số 3 (3/13 REI), tiểu đoàn Angiêri số 2 (2/1 RTA) một đại đội pháo 105mm và một trung đội xe tăng có ba chiếc.

Trung tâm đề kháng Him Lam (Bêatorixơ) tuy thuộc phân khu trung tâm, nhưng cùng với các trung tâm đề kháng đồi Độc Lập và Bản Kéo của phân khu bắc tạo thành trận địa phòng ngự tiền duyên án ngữ phía bắc, ngăn chặn sự tiến công của ta từ hướng bắc và đông bắc.

Pháo binh của tập đoàn cứ điểm được chia thành hai căn cứ: căn cứ Mường Thanh có một đại đội pháo 155mm (bốn khẩu), một tiểu đoàn pháo 105mm (12

khẩu) và hai đại đội cối 102mm (16 khẩu); căn cứ Hồng Cúm có một tiểu đoàn pháo 105mm.

Đại đội xe tăng có 10 xe hạng nhẹ: bảy chiếc ở trận địa trung tâm, ba chiếc ở phân khu nam.

Với lực lượng đông, hỏa lực mạnh, hệ thống công sự vật cản được xây dựng vững chắc, hoàn chỉnh và tận dụng được thế lợi của địa hình, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thực sự là một hệ thống phòng ngự mạnh chưa từng có ở Đông Dương lúc bấy giờ. Bộ chỉ huy Pháp coi Điện Biên Phủ là một “pháo đài không thể công phá” và tin chắc “sẽ gây cho Việt Minh một thất bại nghiêm trọng” ở đây.

Về phía ta, lực lượng tham gia chiến dịch lúc đầu gồm các đại đoàn bộ binh, Đại đoàn 308 (có trung đoàn 102, 88, 36), Đại đoàn 312 (có trung đoàn 141, 209, 165), Đại đoàn 316 (có trung đoàn 174, 98, một tiểu đoàn của trung đoàn 176); và trung đoàn 57 thuộc Đại đoàn 304. Hỏa lực có đại đoàn công pháo 151 gồm: Trung đoàn pháo binh 45 (có hai tiểu đoàn pháo 105mm: 24 khẩu); trung đoàn sơn pháo 657 (có năm đại đội sơn pháo 75mm: 15 khẩu); trung đoàn pháo cao xạ 367 có hai tiểu đoàn cao xạ 37mm (24 khẩu) và hai đại đội súng máy cao xạ 12,7mm (24 khẩu). Tổng số quân chủ lực của ta khoảng hơn 40 nghìn, nếu tính cả tuyến hai thì số quân lên tới 55 nghìn.

Lực lượng phục vụ chiến dịch cũng rất lớn: 628 ô tô vận tải, 21.000 xe đạp thồ, 261.500 dân công cùng nhiều tàu thuyền, lừa, ngựa...

Sau khi Chiến dịch Điện Biên Phủ được Bộ chính trị phê chuẩn mang mật danh Chiến dịch Trần Đình, ngày 14 tháng 1 năm 1954, tại Thẩm Phúa, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch mở hội nghị cán bộ phổ biến kế hoạch tiêu diệt tập đoàn Điện Biên Phủ theo phương châm “Đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

Ý định ban đầu của ta là “Tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực đột phá chủ yếu từ phía tây đánh thẳng vào trung tâm Mường Thanh, đồng thời từ phía đông giáp công...”, dự kiến ngày 20 tháng 1 năm 1954 sẽ nổ súng.

Trong quá trình chuẩn bị chiến dịch, ta thấy địch đã ráo riết xây dựng trận địa phòng ngự vững chắc hơn, đồng thời hàng ngày sử dụng từ 50 đến 60 chuyến máy bay chở từ 150 đến 200 tấn hàng tăng cường cho việc phòng thủ Điện Biên Phủ. Mặt khác, việc làm đường và đưa pháo vào trận địa của ta gặp rất nhiều khó khăn, ta chỉ dự kiến kéo pháo trong ba đêm song thực tế phải dùng một đại đoàn bộ binh kéo pháo trong bảy đêm liền mà pháo vẫn chưa vào hết vị trí. Bộ chỉ huy chiến dịch phải lùi thời hạn nổ súng vào 16 giờ ngày 25 tháng 1 năm 1954.

Trước sự tăng cường phòng ngự của địch và những khó khăn của ta về kéo pháo, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy nếu đánh theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh” thì không đảm bảo chắc thắng. Đúng 15 giờ 45 phút ngày 25 tháng 1 năm 1954 (trước thời hạn nổ súng 15 phút), Bộ chỉ huy quyết định hạ lệnh đình chỉ cuộc tiến công, kéo pháo ra, rút bộ đội, dân công về vị trí tập kết, và tiến hành mọi công tác chuẩn bị theo phương châm “Đánh chắc, tiến chắc”.

Đại đoàn 308 được lệnh tiến công sang Thượng Lào nhằm giúp Bạt mở rộng vùng giải phóng và nghi binh thu hút địch, tạo điều kiện cho các đơn vị ở Điện Biên Phủ rút ra chuẩn bị tiếp.

Theo kế hoạch mới, việc chuẩn bị và thực hành chiến dịch chia làm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, chủ yếu là làm đường vận chuyển, xây dựng các trận địa pháo binh thật kiên cố, bí mật, triển khai đội hình bao vây khống chế sân bay.

Giai đoạn 2: tiến hành đánh bao vây nhằm tiêu diệt các trung tâm đề kháng ngoại vi, hình thành và thắt chặt trận địa bao vây tiến công địch, thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng, tiêu hao lực lượng, khống chế sân bay.

Giai đoạn 3: tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Về tác chiến, giai đoạn thực hành chiến dịch dự định chia làm hai đợt.

Đợt 1: Tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt các trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập và Bản Kéo, phá vỡ thế trận phòng ngự ở phía bắc và đông bắc của tập đoàn cứ điểm, chiếm địa hình có lợi, siết chặt trận địa bao vây tiến công.

Đợt 2: Mở các trận tiến công tiêu diệt các cụm cứ điểm trên dãy điểm cao phía đông, đồng thời ở phía bắc tiến vào chiếm lĩnh sân bay, hình thành vòng vây lửa xung quanh tập đoàn cứ điểm, thu hẹp không phận và sự tiếp viện của địch, tạo thời cơ chuyển sang tổng công kích. Sở chỉ huy chiến dịch đặt tại Mường Phăng. Thời gian nổ súng dự định vào ngày 13 tháng 3 năm 1954.

Việc chuẩn bị cho chiến dịch theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc” được tập trung triển khai từ sau Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 7 tháng 2 năm 1954. Công việc nặng nề nhất là chuẩn bị đường cơ động và xây dựng trận địa kiên cố cho pháo. Lần này ta chủ trương bố trí pháo phân tán trên các điểm cao thành một đường vòng cung bao lấy tập đoàn cứ điểm để có thể ngắm bắn trực tiếp các mục tiêu dưới lòng chảo.

Qua nghiên cứu thực địa, ta tìm được sáu trận địa cho các đại đội lựu pháo 105mm. Cự ly từ các trận địa pháo đến trung tâm Mường Thanh khoảng từ sáu đến tám ki-lô-mét (tức nằm gọn trong tầm bắn có hiệu quả của pháo binh hạng nặng của ta). Pháo và đạn được đặt trong hầm khoét sâu vào triền núi và được ngụy trang kín đáo. Để đưa pháo lớn vào các trận địa đã lựa chọn, ta phải mở năm tuyến đường cơ động với tổng chiều dài 63 ki-lô-mét. Đường phải đủ rộng cho xe pháo đi lại được dễ dàng và phải giữ được bí mật nghiêm ngặt. Các con đường mới đều qua các sườn núi ngọn đèo và nằm trong tầm hoạt động của phi pháo địch nên công việc hết sức khó khăn. Nhiệm vụ làm đường do trung đoàn công binh 151, Đại đoàn 312 và 316 đảm nhiệm.

Cùng với việc xây dựng trận địa pháo, các đại đoàn bộ binh còn tổ chức xây dựng một hệ thống công sự trận địa tiến công quy mô lớn. Các sở chỉ huy, hầm thương binh, hầm nghỉ đều được cấu trúc kiên cố.

Công tác đảm bảo hậu cần cho chiến dịch¹ được Trung ương Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm².

Theo tính toán, khối lượng vật chất đảm bảo cho chiến dịch đánh theo phương châm, đánh chắc, tiến chắc tăng vọt lên gấp hai, ba lần. Riêng về lương thực, tổng số gạo cần huy động không phải là trên bảy nghìn tấn như trước mà là trên 20 nghìn tấn. Trung ương Đảng và Chính phủ đã động viên toàn Đảng, toàn dân tập trung toàn lực chi viện cho tiền tuyến, đảm bảo cho chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Hệ thống đường vận chuyển cơ giới, đường thủy và đường bộ được tổ chức chặt chẽ để đảm bảo cho chiến dịch.

Tổng cục Cung cấp tiền phương được tăng cường thêm lực lượng (tổng quân số gồm: 3.168 cán bộ chiến sĩ và hơn ba mươi nghìn dân công) để tổ chức lại một bộ máy hậu cần chiến dịch gồm sở chỉ huy hậu phương, các kho, các tuyến vận tải, các đội điều trị... Ta đã tổ chức ba tuyến hậu cần chiến dịch³, mỗi tuyến đều có một ban chỉ huy riêng, không những chỉ đảm nhiệm công tác vận tải quân sự mà còn làm cả nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, thống nhất chỉ huy các ngành hậu cần trên toàn tuyến.

Vào cuối thượng tuần tháng 3, sau một thời gian cố gắng liên tục, công tác chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã hoàn thành, thế trận chiến dịch đã triển khai xong, các đơn vị đã sẵn sàng nổ súng vào đúng ngày quy định. Trong thực tế, chiến dịch được tiến hành theo ba đợt:

Đợt 1 (Từ 13 đến 17 tháng 3 năm 1954): Tiêu diệt hai cụm cứ điểm Him Lam, Độc Lập, bức hàng cụm cứ điểm Bản Kéo.

Nhiệm vụ của đợt tiến công thứ nhất là tiêu diệt cả ba trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập và Bản Kéo, phá vỡ thế trận phòng ngự từ tây bắc sang đông bắc tập đoàn cứ điểm, đánh chiếm các vị trí vành ngoài, tạo điều kiện để ta thắt chặt vòng vây và tiến công vào khu trung tâm.

Nhiệm vụ cụ thể các đơn vị được phân công như sau: Đại đoàn 312 và trung đoàn 88 Đại đoàn 308 tiến công trung tâm đề kháng Độc Lập; trung đoàn 36 Đại đoàn 308 tiến công trung tâm đề kháng Bản Kéo; Đại đoàn 316 (thiếu trung đoàn 176) tổ chức nghi binh và bí mật xây dựng trận địa tiến công ở phía đông phân khu trung tâm; trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tổ chức hỏa lực kiểm chế pháo binh

1,2. Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch lớn nhất trong kháng chiến chống Pháp. Lực lượng huy động cho chiến dịch lên tới 53.830 người, cộng với 33.000 thanh niên xung phong và dân công thường xuyên phục vụ. Hậu cần chiến dịch đã đảm bảo cho bộ đội 1.200 tấn đạn, 1.783 tấn xăng dầu, 14.950 tấn gạo, 268 tấn muối, 577 tấn thịt, 565 tấn thực phẩm và 177 tấn vật chất khác; đã cứu chữa 10.130 thương binh, 4.429 bệnh binh. Để có lượng lương thực, thực phẩm trên cung cấp cho chiến dịch, Hội đồng cung cấp Mặt trận đã huy động 25.056 tấn gạo và 1.824 tấn thực phẩm. Vé nhân lực đã huy động 261.453 lượt người, phục vụ gần 12 triệu ngày công, 20.991 xe đạp thồ, 736 xe thồ sơ khác.

3,4. Ba tuyến hậu cần chiến dịch là: Tuyến Sơn La - Tuần Giáo gồm các lực lượng vận tải, kho tàng, đội điều trị 6 (sau chuyển thành bệnh viện Mặt trận Sơn La); tuyến Tuần Giáo - Km 62 đường vào Điện Biên Phủ cũng gồm các lực lượng vận tải, kho tàng, đội điều trị 7 (sau chuyển thành bệnh viện Mặt trận); tuyến Hậu cần hoá tuyến ngoài lực lượng vận tải, kho tàng còn hai đội điều trị 1 và 4.

địch phân khu Hồng Cúm; Đại đoàn công pháo 351 bắn, phá hoại công sự địch trong các trung tâm đề kháng chi viện cho bộ binh tiến công, kiểm chế pháo binh địch, tập kích hỏa lực vào sân bay, sở chỉ huy, kho tàng của chúng.

Lúc đầu, ta định đồng thời đánh cả Him Lam, Độc Lập và bao vây Bản Kéo. Nhưng khi trinh sát lần cuối, phát hiện địch bố trí nhiều hỏa điểm tiền duyên ở Him Lam và Độc Lập, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tập trung pháo ngắm bắn trực tiếp đánh Him Lam trước, rồi nhanh chóng cơ động pháo sang đánh Độc Lập sau.

Trung tâm đề kháng Him Lam có năm điểm cao được tổ chức thành ba cứ điểm vững chắc do tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 (3/13 DBLE) phòng giữ. Cứ điểm 1 (102) ở phía tây, gồm hai cao điểm 515 và 507, là điểm tựa chủ yếu có sở chỉ huy tiểu đoàn. Cứ điểm 2 (101A) ở đông bắc gồm hai cao điểm 517,5 và 505. Cứ điểm 3 (101B) ở phía nam, là đôi trọc, thấp hơn hẳn cứ điểm 1 và 2. Ở từng cứ điểm trận địa phòng ngự được xây dựng vững chắc, có nhiều lô cốt và chiến hào, vòng ngoài có bốn đến sáu hàng rào dây thép gai và nhiều bãi mìn rộng từ 100 đến 200m.

Xác định đây là trận then chốt mở màn chiến dịch, Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ đánh Him Lam cho Đại đoàn 312 và tăng cường cho đại đoàn hai đại đội sơn pháo 75mm (6k), hai đại đội cối 120mm (8k), hai đại đội cối 82 (8k). Trong quá trình chiến đấu, đại đoàn còn được hai đại đội lựu pháo 105mm chi viện trực tiếp.

Theo kế hoạch, 16 giờ pháo binh sẽ bắn chuẩn bị 15 phút, sau đó chi viện trực tiếp cho Đại đoàn 312 tiến công. Phát hiện ta xây dựng trận địa tiến công, khoảng 12 giờ ngày 13, địch cho một đại đội bộ binh cùng hai xe tăng từ Mường Thanh ra đánh phá. Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho đại đội 806 (lựu pháo 105mm) bắn 20 quả vào trung tâm đề kháng Him Lam. 18 quả đạn của ta bắn trúng mục tiêu, tên thiếu tá Pê-giô tiểu đoàn trưởng cùng ba sĩ quan khác bị chết trong loạt đạn này, bọn địch đi lúng sục hoảng sợ bỏ chạy về Mường Thanh.

Đúng 17 giờ, pháo 105mm bắn cấp tập, mãnh liệt vào các trận địa pháo của địch ở 307A, 307B, chân đồi A và D, sau đó chuyển sang bắn phá hoại sân bay và cứ điểm 1, cứ điểm 3. Tranh thủ thời cơ địch bị chế áp, hỏa lực các cỡ của Đại đoàn 312 vào chiếm lĩnh trận địa, tham gia bắn phá hoại, chi viện trực tiếp cho bộ binh chiếm lĩnh trận địa xuất phát xung phong. Kết quả hỏa lực bắn chuẩn bị rất tốt, đã làm tê liệt các trận địa pháo, sân bay, phá hủy nhiều mục tiêu, công sự, trận địa hỏa lực của địch, chi viện có hiệu quả cho các tiểu đoàn bộ binh hoàn thành việc chiếm lĩnh trận địa tiến công.

Từ 18 giờ 30, bộ binh ta bắt đầu mở cửa trung đoàn 141 (ba tiểu đoàn) sử dụng tiểu đoàn 11 làm nhiệm vụ chủ công, tiến công trên hướng bắc tiêu diệt cứ điểm 102; tiểu đoàn 428 làm nhiệm vụ trợ công, tiến công trên hướng đông bắc tiêu diệt cứ điểm 101A. Trung đoàn 209 sử dụng tiểu đoàn 130 tiến công trên hướng đông nam tiêu diệt cứ điểm 101B.

Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt, nhất là trên hướng chủ yếu khi tiến công cứ điểm 102. Đây là cứ điểm rắn nhất của trung tâm Him Lam, đại đoàn phải tung lực lượng dự bị (tiểu đoàn 166 thuộc trung đoàn 209) vào tham gia chiến đấu, đồng thời có một mũi của tiểu đoàn 128 đánh từ 101A sang phối hợp mới chiếm được cứ điểm cuối cùng này.

Khoảng 23 giờ 30 phút, trận đánh kết thúc, trung tâm đề kháng Him Lam hoàn toàn bị tiêu diệt. Hơn 200 tên bị chết, 270 tên bị bắt sống, tiểu đoàn lê dương số 3 bị loại khỏi vòng chiến đấu.

Mất Him Lam, Bộ chỉ huy Pháp bàng hoàng và liên tục thúc dục Đờ Cát tung quân ra phản kích chiếm lại. Nhưng trong suốt ngày 14, Đờ Cát không có cơ hội làm điều đó vì phải lo chỉ huy cấp dưới củng cố lại trận địa và đối phó với các cuộc tập kích hỏa lực chính xác của pháo binh ta. Đặc biệt, khu vực sân bay Mường Thanh đã bị pháo binh ta khống chế chặt chẽ. Chiều ngày 14 tháng 3, địch cho tiểu đoàn dù nguy số 5 (5^e BPV) nhảy dù xuống tăng viện cho Điện Biên Phủ.

Đêm 14 tháng 3, ta mở cuộc tiến công vào trung tâm đề kháng đồi Độc Lập, một cụm cứ điểm có chiều dài khoảng 500m, rộng 200m cách trung tâm Mường Thanh bốn ki-lô-mét về phía bắc. Đây được coi là cụm cứ điểm phòng ngự kiên cố nhất của Điện Biên Phủ, trận địa phòng ngự được xây dựng vững chắc, có hệ thống công sự phụ khá mạnh, xung quanh có nhiều lớp hàng rào vật cản nhất là ở phía bắc và phía nam. Trung tâm do tiểu đoàn 5 thuộc trung đoàn Angiêri thứ 7 (5/7 RTA) và một đại đội nguy Thái chiếm giữ.

Nhiệm vụ tiến công đồi Độc Lập được giao cho trung đoàn 165 Đại đoàn 312 và trung đoàn 88 Đại đoàn 308, được tăng cường hai đại đội sơn pháo 75mm cùng hai đại đội cối 120mm vừa đánh Him Lam xong. Chỉ huy trận đánh là đồng chí Vương Thừa Vũ - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308.

Trung đoàn 165 đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu đột phá từ hướng đông nam vào, trung đoàn 88 đảm nhiệm hướng tiến công thứ yếu đột phá từ hướng đông bắc vào. Trận đánh dự định vào 16 giờ 45 phút ngày 14, nhưng do trời mưa, sơn pháo 75mm và cối 120mm từ Him Lam chưa sang kịp, đồng chí Chỉ huy trưởng trận đánh quyết định để lựu pháo 105mm bắn chuẩn bị vào 17 giờ theo kế hoạch, còn bộ binh chờ pháo ở Him Lam tới, chuẩn bị thật chu đáo mới nổ súng. 2 giờ sáng ngày 15, sơn pháo 75mm và cối 120mm có mặt đầy đủ và nhanh chóng bắt tay vào xây dựng trận địa bắn. Đúng 13 giờ 30 phút, đồng chí chỉ huy trưởng hạ lệnh nổ súng tiến công đồi Độc Lập. Trên hướng chủ yếu, trung đoàn 165 đột phá thuận lợi. Một mũi thọc sâu đã tạo điều kiện cho trung đoàn nhanh chóng đánh sâu vào cứ điểm, diệt khu thông tin, trận địa cối, uy hiếp sở chỉ huy. Trên hướng thứ yếu, trung đoàn 88 lúc đầu mở cửa chưa đúng hướng, phải định hướng lại do đó vào chiến đấu bên trong chậm hơn. Cuộc chiến đấu bên trong khá quyết liệt, song do tinh thần chiến đấu dũng cảm và sức tiến công áp đảo, 6 giờ 30 phút ngày 15 ta hoàn toàn làm chủ trung tâm đề kháng đồi Độc Lập, diệt 483 tên, bắt 200 tên, trong đó có hai tên tiểu đoàn trưởng.

Trong lúc trận đánh đang diễn ra trên đồi Độc Lập, địch đã điều một tiểu đoàn bộ binh cùng năm xe tăng ra tăng viện. Lực lượng này bị pháo binh của ta bắn chặn, cháy một xe tăng, thương vong một số tên, chúng phải chạy về Bản Kéo.

Hai trung tâm đề kháng Him Lam và Độc Lập thất thủ, tinh thần binh lính địch ở trung tâm đề kháng Bản Kéo suy sụp. Theo kế hoạch, trung đoàn 36 Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ triển khai tiến công tiêu diệt Bản Kéo. 15 giờ ngày 17 tháng 3, sau khi ta bắn 20 quả lựu đạn pháo 105mm uy hiếp và tiến hành binh vận gọi hàng, mặc dù bị bọn chỉ huy khống chế, binh lính tiểu đoàn nguy Thái số 3 (3^e BTA) đóng ở Bản Kéo đã kéo cờ trắng, chạy vào rừng đầu hàng quân ta. Trung đoàn 36 chưa cần nổ súng đã chiếm được cụm cứ điểm Bản Kéo, tiếp nhận 232 hàng binh.

Đến đây, ta kết thúc đợt 1 chiến dịch. Trong năm ngày với hai trận chiến đấu hiệp đồng binh chủng lớn ta đã đập tan hệ thống phòng ngự tiền tiêu của địch trên hướng bắc và đông bắc, mở thông cửa xuống vùng lòng chảo, tạo điều kiện thuận lợi để các lực lượng chiến dịch áp sát khu trung tâm. Đây là thắng lợi mở đầu rất quan trọng không chỉ về quân sự mà còn đánh mạnh vào tinh thần, tâm lý của địch, làm cho chúng vô cùng hoảng sợ, đối phó lúng túng.

Đợt 2 (từ 30 tháng 3 đến 30 tháng 4 năm 1954): Đánh chiếm các ngọn đồi phía đông và sân bay Mường Thanh, siết chặt vòng vây, tạo thế trận cho tổng công kích.

Sau khi ta chiếm được các cụm cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, cánh cửa phía bắc xuống lòng chảo đã mở thông. Nhưng phân khu trung tâm của địch vẫn còn bốn trung tâm đề kháng gồm trên 30 cứ điểm liên kết chặt chẽ với nhau nằm giữa cánh đồng bằng phẳng trên hai bờ sông Nậm Rốm. Địch ở đây tập trung khoảng một vạn quân, có sở chỉ huy, các căn cứ hỏa lực, các đơn vị xe tăng và sân bay. Ngày 16 tháng 3, địch lại tăng viện cho Điện Biên Phủ tiểu đoàn 6 dù thuộc địa (6^e BPC) cùng một khối lượng khá lớn vũ khí phương tiện chiến tranh và ra sức củng cố trận địa phòng ngự ở phân khu trung tâm. Những vị trí có giá trị đặc biệt về chiến thuật ở phân khu trung tâm là các cứ điểm, các điểm cao phía đông (A1, C1, D1 và E). Đây là khu vực phòng ngự then chốt, hiểm yếu của địch, nếu chiếm được ta sẽ có lợi thế tràn xuống Mường Thanh tiến công vào trung tâm chỉ huy của tập đoàn cứ điểm.

Nhiệm vụ chủ yếu nhất của ta trong đợt 2 chiến dịch là đánh chiếm khu vực phòng ngự then chốt trên các điểm cao phía đông, mở cửa thọc sâu vào tập đoàn cứ điểm.

Để có thể tiếp cận mục tiêu, đánh theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc” từ sau Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 17 tháng 3, ta đã dồn sức xây dựng một hệ thống trận địa tiến công và bao vây quanh tập đoàn cứ điểm. Hệ thống này gồm các đường hào trục, đường hào nhánh để vận chuyển và cơ động lực lượng, hệ thống trận địa tiến công và xuất phát xung phong của các trung đoàn cùng rất nhiều hầm trú ẩn, hầm chỉ huy.

Sau 10 ngày vừa lao động cật lực, vừa phải đối phó với bom đạn và đánh trả các đợt phản kích của địch, bộ đội ta đã đào được trên một trăm km giao thông hào, hàng vạn công sự, ụ súng, hình thành một hệ thống trận địa tiến công và bao vây liên hoàn từ đại đoàn xuống các đơn vị.

Ngày 27 tháng 3, Bộ chỉ huy chiến dịch tập trung cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên để giao nhiệm vụ. Chủ trương chung của ta trong đợt 2 là: Tập trung tuyệt đối ưu thế binh hỏa lực, tiêu diệt cùng một lúc các vị trí phía đông Điện Biên Phủ, chiếm các điểm cao uy hiếp Mường Thanh, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích. Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị như sau:

Đại đoàn 312, được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75mm, hai đại đội cối 120mm, một đại đội cối 82mm, có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt các cứ điểm đồi E (102), D1 (200), D2 (201A) thuộc trung tâm đê kháng Đominích, vị trí pháo binh địch ở 210 và quân cơ động thuộc tiểu đoàn dù nguy số 5 hoặc bộ phận của tiểu đoàn dù nguy số 6.

Đại đoàn 316 (thiếu trung đoàn 167), được sự phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75mm, hai đại đội súng cối 120mm, có nhiệm vụ tiến công các cứ điểm A1 (310), C1(302), C2(304) thuộc trung tâm đê kháng Elian và phối hợp với Đại đoàn 308 tiêu diệt tiểu đoàn 6 dù thuộc địa.

Đại đoàn 308, có nhiệm vụ tiêu diệt khu trung tâm phía tây gồm tiểu đoàn nguy Thái số 2 (2^e BAT), trận địa pháo binh ở phía đông trung tâm và phối hợp Đại đoàn 316 tiêu diệt tiểu đoàn 6 dù thuộc địa, dùng hỏa lực kiểm chế địch ở Mường Thanh và chặn viện từ Hồng Cúm lên.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304, được phối thuộc tiểu đoàn 888 Đại đoàn 316, một đại đội lựu pháo 105mm, một số đơn vị hỏa lực khác có nhiệm vụ chặn viện từ Hồng Cúm lên và đánh quân nhảy dù xung quanh Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 sử dụng trung đoàn lựu pháo 105mm chi viện trực tiếp cho bộ binh tiến công các cứ điểm E1, D1, D2, C1, C2, A1 đồng thời kiểm chế pháo binh địch ở Mường Thanh, Hồng Cúm. Riêng trung đoàn pháo cao xạ 367 được tăng cường phải giáng cho địch những đòn bất ngờ, yểm hộ cho pháo binh, bộ binh chiến đấu cả ngày lẫn đêm

Thời gian bắt đầu tiến công đợt 2 vào chiều ngày 30 tháng 3 năm 1954. Ngày 30, sau mấy ngày mưa, trời đã tạnh nhưng mây đen vẫn bao phủ bầu trời, máy bay địch ít hoạt động, bộ đội ta chiếm lĩnh trận địa tiến công từ sớm. 17 giờ 30 phút, pháo binh chiến dịch bắn chuẩn bị, cuộc tiến công lớn vào các cứ điểm phía đông bắt đầu.

Trên hướng đông bắc, trung đoàn 141 sử dụng tiểu đoàn 16 và 428 tiến công cứ điểm đồi E. Sau 1 giờ 30 phút chiến đấu, trung đoàn đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn Angiêri số 3, chiếm lĩnh đồi E. Cùng thời gian, Trung đoàn 209 cũng sử dụng hai tiểu đoàn 166 và 154 tiêu diệt gọn một tiểu đoàn địch và chiếm lĩnh cứ điểm đồi D1. Như vậy, Đại đoàn 312 đã hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm đồi E, D1. Đại

đoàn tiếp tục điều tiểu đoàn 130 tiến công sang D2, các đơn vị vừa chiếm được đồi E phát triển vào các ngọn đồi ở phía trong. Cuộc chiến đấu của đại đoàn kéo dài cho đến khi trời sáng.

Trên hướng đông, trung đoàn 98 Đại đoàn 316 tiến công cứ điểm C1, sau 45 phút, trung đoàn làm chủ cứ điểm, diệt và bắt sống 140 tên. Thừa thắng, trung đoàn điều tiểu đoàn 215 tiến công sang C2 nhưng không thành công. Cùng thời gian trên, tiểu đoàn 54 trung đoàn 102 luồn vào giữa D3 và C1 để tiêu diệt tiểu đoàn ngự Thái số 2, nhưng do chuẩn bị không tốt, địch chống trả mạnh, bộ đội không mở được cửa, đội hình ùn tắc C1.

Trung đoàn 174 tiến công cứ điểm A1, một cứ điểm quan trọng nhất trong cụm điểm cao phía đông. Do đường dây điện thoại bị đứt, đại đoàn vào chiến đấu chậm hơn quy định 35 phút. Trung đoàn tổ chức đột phá hai mũi, 21 giờ 30 phút các mũi mở cửa xong, bộ binh xung phong đánh vào cứ điểm. Địch dựa vào hầm ngầm trên đỉnh đồi chống trả rất quyết liệt, cuộc chiến đấu của trung đoàn 174 hết sức ác liệt. Trung đoàn đã tung hết lực lượng dự bị, nhưng đến sáng 31 cũng chỉ chiếm được một phần A1

Buổi chiều và đêm 30 tháng 3, ngoài lực lượng tiến công vào các ngọn đồi ở phía đông, Bộ chỉ huy chiến dịch còn sử dụng các tiểu đoàn 11 trung đoàn 141, tiểu đoàn 115 trung đoàn 165, tiểu đoàn 54 làm nhiệm vụ thọc sâu, diệt trận địa pháo địch ở cứ điểm 210 và tiểu đoàn dù ngự số 5 đóng ở vòng trong. Các tiểu đoàn 115 và 54 đã vượt qua được khoảng trống tiếp giáp giữa các vị trí C1 và D2, E và D1 tiến vào bên trong nhưng không mở được cửa mở qua hệ thống vật cản bên trong nên không thực hiện được nhiệm vụ. Riêng mũi của tiểu đoàn 11 đánh vào được một số vị trí, gây cho địch nhiều thiệt hại. Đội dũng sĩ 243 phát triển ra bờ sông Nậm Rốm và gan góc trụ lại trong lòng địch suốt ngày hôm sau.

Ngày 31 tháng 3, địch tung lực lượng ra phản kích cố chiếm lại các vị trí đã mất. Ở khu vực đồi D1, đồi E địch phản kích thất bại, buổi chiều chúng rút khỏi cả 210 và D2. Riêng ở cứ điểm A1, địch cho nhiều đại đội bộ binh có xe tăng, pháo binh, không quân yểm hộ, tìm mọi cách thu hẹp khu vực chiếm lĩnh của trung đoàn 174. Về phía ta, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm tăng cường trung đoàn 102 từ hướng tây chuyển sang hướng đông tiếp tục tiến công A1, đồng thời lệnh cho Đại đoàn 308 đẩy mạnh hoạt động ở phía tây và bắc Mường Thanh, buộc địch phải phân tán đối phó.

Đêm 31 tháng 3, trung đoàn 102 và một bộ phận của trung đoàn 174 tiến công A1 lần thứ hai. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sáng ngày 1 tháng 4, ta chiếm được 2 phần 3 vị trí. Ban ngày địch tổ chức phản kích chiếm lại phần lớn trận địa. Đêm 1 tháng 4, ta tổ chức tiến công lần ba cũng không thành công. Trận đánh ở khu vực này kéo dài đến ngày 4 tháng 4, ta chỉ chiếm được 1 phần 3 đồi A1, Bộ chỉ huy chiến dịch cho trung đoàn 102 rút về củng cố và giao cho trung đoàn 174 phòng ngự giữ phần đồi đã chiếm được.

Ở hướng tây bắc sân bay, đêm 1 tháng 4, trung đoàn 36 tiến công tiêu diệt gọn cứ điểm 106, tiến vào uy hiếp sân bay. Đêm 2 tháng 4, trung đoàn lại bao vây uy hiếp cứ điểm 311. Khoảng 120 tên thuộc tiểu đoàn ngự Thái số 3 ra hàng, ta làm chủ cứ điểm này. Cũng đêm 2 tháng 4, hai đội dũng sĩ của hai đại đoàn 308 và 312 đột nhập vào sân bay, diệt một số địch, bắt sống 10 tù binh.

Đêm 3 tháng 4, ở phía bắc sân bay, trung đoàn 165 tiến công cứ điểm 105. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sáng 4 tháng 4, ta chiếm được 2 phần 3 cứ điểm trời sáng địch tổ chức phản kích chiếm lại toàn bộ.

Ngày 4 tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tạm ngừng cuộc tiến công để củng cố lực lượng, giữ vững trận địa và tiếp tục chuẩn bị cho đợt tiến công mới.

Sau năm ngày chiến đấu trong đợt 2 của chiến dịch, ta đã thu được những kết quả quan trọng. Ở phía đông, ta chiếm được bốn ngọn đồi hiểm yếu (E, D1, D2, CD, riêng điểm cao A1 địch vẫn chiếm giữ. Ở phía tây, ta chiếm thêm được điểm cao 106 và 311. Phạm vi chiếm đóng của địch bị thu hẹp, lực lượng bị tổn thất lớn, ba tiểu đoàn thiện chiến của chúng bị tiêu diệt.

Ngày 8 tháng 4, địch tăng viện cho Điện Biên Phủ tiểu đoàn dù thứ tư. Ngày 9 tháng 4, chúng tổ chức phản kích hòng chiếm lại C1. Lực lượng phòng ngự của trung đoàn 98 bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch, nhưng do địch đông và có các cứ điểm lân cận hỗ trợ nên đến trưa ngày 10, chúng chiếm được một nửa đồi phía tây, ta chỉ giữ được một nửa đồi phía đông.

Sau khi tạm ngừng đợt tiến công, Bộ chỉ huy chiến dịch tổ chức rút kinh nghiệm, đồng thời hạ quyết tâm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đề ra cho đợt 2, tiêu diệt thêm một bộ phận sinh lực, chiếm thêm một số vị trí có lợi, đưa trận địa tiến công và bao vây vào gần địch hơn nữa, thắt chặt thêm vòng vây, đánh chiếm sân bay, quyết tâm triệt hẳn tiếp tế và tăng viện của địch, uy hiếp chúng mạnh hơn nữa.

Thực hiện chủ trương đó, ngày 10 tháng 4, Bộ chỉ huy giao nhiệm vụ cho các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308, bố trí ở phía tây, từ sông Nậm Rốm đến Bản Kéo, có nhiệm vụ làm trận địa tiến công các cứ điểm 206, 311A, 311B, 310, bố trí lực lượng chặn viện giữa các cứ điểm 105, 206, 208, phối hợp với Đại đoàn 312 đào giao thông hào cắt ngang sân bay ở đoạn nam cứ điểm 206.

Đại đoàn 312 bố trí ở phía Bắc, từ Bản Kéo đến đoạn đông sân bay Mường Thanh, có nhiệm vụ củng cố trận địa phòng ngự ở các cứ điểm 201, 202; xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm 105, 203 và khu tiểu đoàn ngự Thái số 2; phối hợp với Đại đoàn 308 đào giao thông hào cắt ngang sân bay.

Đại đoàn 316 làm trận địa tiến công ở đông Mường Thanh, bên trái tiếp giáp với Đại đoàn 312, bên phải tiếp giáp với Đại đoàn 308, xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm A1, C2; củng cố trận địa phòng ngự ở đồi C1, A1.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tiếp tục hoạt động bao vây, chặn viện ở phân khu Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 xây dựng thêm trận địa pháo ở tây bắc Mường Thanh đưa pháo sát vùng lòng chảo; tổ chức phòng không, hiệp đồng chặt chẽ các loại pháo chi viện cho bộ binh và kiểm chế pháo binh địch.

Từ cuối thượng tuần tháng 4 năm 1954, các đơn vị bắt tay vào xây dựng trận địa tiến công. Các khu vực đã chiếm được như đồi E, D1 đã trở thành các cứ điểm phòng ngự vững chắc của ta. Ngày 16, chiến hào của Đại đoàn 312 và Đại đoàn 308 nối liền với nhau, cắt đôi sân bay Mường Thanh. Đêm 18 tháng 4, sau nhiều ngày vây lấn, trung đoàn 165 tiến công dứt điểm cứ điểm 105. Sáng 19, địch cho quân ra phản kích bị Đại đoàn 308 chặn đánh phải quay lại. Cứ điểm 105 bảo vệ phía bắc sân bay bị xóa sổ. Đêm 22, trung đoàn 36 sau ba ngày vây lấn cũng đã tiến công chiếm gọn cứ điểm 206. Ngày 24, địch tung tiểu đoàn dù lê dương số 2 cùng năm xe tăng, có pháo binh, không quân yểm hộ mở đợt phản kích quyết liệt hòng đánh bật ta ra khỏi 206 và khu vực sân bay. Được pháo binh chi viện đắc lực, bộ đội ta đã đánh bại nhiều đợt xung phong của địch, thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ cắt đôi sân bay Mường Thanh, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch.

Tại khu vực đồi A1, ngoài việc trung đoàn 174 kiên cường trụ vững tại trận địa đã chiếm được, ta còn tổ chức đào một đường hầm xuyên sâu vào lòng đồi A1, dưới hầm ngầm của địch để đặt khối thuốc nổ lớn chuẩn bị tiến công A1.

Từ trung tuần tháng 4, kết hợp với vây hãm, đánh lấn, các đơn vị còn tích cực tham gia bắn tỉa, tổ chức các đội dũng sĩ luồn sâu, các tổ đoạt dù... gây cho địch nhiều tổn thất về sinh lực, phương tiện, căng thẳng về tinh thần.

Cùng với hoạt động vây ép của bộ binh, pháo cao xạ và súng máy phòng không của các đại đoàn tiến sâu vào thung lũng, tạo một lưới lửa phòng không khổng lồ không cho địch dùng máy bay tiếp tế cho quân địch bị vây trong lòng chảo Điện Biên Phủ. Đến giữa tháng 4 ta đã hạ 50 máy bay địch, buộc chúng phải thả dù ở độ cao trên ba ki-lô-mét, do đó trên một phần ba số dù tiếp tế rơi vào trận địa của ta.

Đợt 2 chiến dịch đã kéo dài gần một tháng, các đơn vị của ta đều bị thương vong khá lớn, thời tiết lúc này bắt đầu vào mùa mưa, bộ đội ta sống dưới chiến hào gặp rất nhiều khó khăn, tư tưởng bộ đội đã xuất hiện các biểu hiện ngại hy sinh gian khổ, chấp hành mệnh lệnh không nghiêm. Trước tình hình này, Tổng Quân ủy đã mở hội nghị các bí thư đại đoàn ủy để kiểm điểm và mở đợt giáo dục chính trị tư tưởng, tập trung đẩy mạnh công tác bảo đảm hậu cần cải thiện một phần sinh hoạt cho bộ đội, nhằm củng cố thêm ý chí quyết chiến, quyết thắng cho cán bộ chiến sĩ các cấp.

Đợt 3 (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954): Đánh những điểm cao cuối cùng ở phía đông, thực hành tổng công kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Cho đến cuối tháng 4 năm 1954, vòng vây của ta đã siết chặt, phạm vi chiếm đóng của địch mỗi bề còn lại chỉ từ 1,3 đến 1,7 ki-lô-mét, lực lượng không vượt quá 37 đại đội. Việc thả tù dù tiếp tế cho Điện Biên Phủ hết sức khó khăn, lương thực, thực phẩm khan hiếm, binh lính địch thực sự lâm vào tình trạng bị “bóp nghẹt”.

Trong lúc bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp và quan thầy Mỹ của chúng đang lúng túng chưa tìm được lối thoát cho Điện Biên Phủ, thì ta quyết định tiến hành đợt tiến công thứ ba vào đầu tháng 5 năm 1954. Nhiệm vụ các đại đoàn được giao như sau:

Đại đoàn 316 tiêu diệt C1 và giữ vững trận địa ở đó; đồng thời đánh lấn sang C2 để phối hợp với trận đánh ở A1. Nếu điều kiện thuận lợi thì phát triển tiêu diệt toàn bộ C2; tổ chức đánh chiếm những lô cốt quan trọng ở A1.

Đại đoàn 312 tiêu diệt các cứ điểm 505 và 505A, dùng một bộ phận lực lượng bộ binh và hỏa lực chặn viện khi Đại đoàn 316 tiến công C1. Ngày 5 tháng 5, phải tiêu diệt cứ điểm 204.

Đại đoàn 308 có nhiệm vụ diệt các cứ điểm 310, 311A, 311B.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 có nhiệm vụ kiểm chế pháo binh địch và đánh lấn vào phân khu Hồng Cúm, chuẩn bị một tiểu đoàn vận động tác chiến ở hướng Thượng Lào khi có lệnh.

Ngày 1 tháng 5 năm 1954, đợt tiến công thứ 3 bắt đầu. Ngay từ trưa, pháo các cỡ của ta bắt đầu bắn mãnh liệt khu vực trận địa địch. Trong đợt bắn phá này, hỏa tiễn 122 của ta lần đầu tiên xuất hiện làm cho binh lính địch càng thêm hoảng sợ. Cụm pháo địch ở Hồng Cúm bị tê liệt hoàn toàn, một kho đạn pháo với trên ba nghìn viên đạn bị nổ tung, một kho lương thực, thực phẩm bốc cháy. Sau đợt pháo kích kéo dài, bộ đội ta đồng loạt tổ chức tiến đánh nhiều vị trí.

Trên dãy đồi phía đông, trung đoàn 98 Đại đoàn 316 diệt gọn C1, thừa thắng, đẩy mạnh vây lấn và chuẩn bị tiêu diệt C2. Trên bờ phía đông sông Nậm Rốm, trung đoàn 209 Đại đoàn 312 tiến công các cứ điểm 505 và 505A. Đến 4 giờ sáng ngày 2 tháng 5, trung đoàn hoàn toàn làm chủ hai cứ điểm này. Ở phía tây, trung đoàn 88 cũng diệt gọn cứ điểm 311A trong vòng 30 phút. Ở phân khu Hồng Cúm, trung đoàn 57 tăng cường vây ép, tiến công diệt nhiều sinh lực địch. Cũng ngày 2 tháng 5, trung đoàn 36 tiến công tiêu diệt gọn tiếp cứ điểm 311B.

Thấy nguy cơ Điện Biên Phủ bị tiêu diệt, ngày 3 tháng 5, Cô-nhi - Tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ, cho phép Đờ-cát rút chạy về Thượng Lào.

Nhưng kế hoạch rút chạy chưa kịp triển khai thì ngày 6 tháng 5, quân ta lại tiếp tục tiến công.

Ở hướng đông nam, trung đoàn 174 sau thời gian đánh lấn để phối hợp, đúng 17 giờ ngày 6 tháng 5, cho nổ khối bộc phá gần 1.000kg đặt dưới đường hầm đào sâu vào cứ điểm địch, đồng thời bộ đội từ ba hướng đồng loạt xung phong. Trận chiến đấu diễn ra rất ác liệt, đến 4 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5, ta làm chủ hoàn toàn A1.

Cùng thời gian này, trung đoàn 98 tiến công C2, trung đoàn 165 tiến công cứ điểm 506. Ở phía tây, trung đoàn 102 tiến công cứ điểm 310.

Đến 9 giờ ngày 7 tháng 5, các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ được giao và sẵn sàng chuyển sang tổng công kích.

Khoảng từ 10 giờ ngày 7 tháng 5, trong khi các đại đoàn đang xúc tiến việc chuẩn bị bảo đảm cho tổng công kích thì cơ quan quân báo phát hiện địch có dấu hiệu rối loạn và có khả năng đầu hàng. Hồi 15 giờ ngày 7 tháng 5, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh tổng công kích trước giờ quy định: "Phải đánh thẳng vào sở chỉ huy, phải đánh mạnh, bao vây chặt không cho Đờ Cát hoặc bất cứ tên địch nào chạy thoát".

Chấp hành mệnh lệnh, từ hướng đông trung đoàn 209 tiến thẳng vào Mường Thanh. Tiếp sau là các trung đoàn 98 và 174. Bên phía tây, trung đoàn 36 tiến thẳng vào cứ điểm cuối cùng che chở cho sở chỉ huy của Đờ Cát. Trung đoàn 88 cũng mở đường qua sân bay tiến vào sào huyệt cuối cùng của địch. Bộ đội ta tiến tới đầu quân địch đầu hàng tới đó. 17 giờ 15, một cánh quân của Đại đoàn 312 tiến sát sở chỉ huy địch, tại cửa hầm của Đờ Cát xuất hiện cờ trắng xin hàng. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật cùng hai chiến sĩ Vinh và Nhỏ tiến vào hầm bắt sống tướng Đờ Cát cùng toàn bộ bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. 17 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

Trên hướng Hồng Cúm, lúc này địch vẫn chống cự. Đêm 7 tháng 5, lợi dụng đêm tối địch ở đây rút chạy về hướng Thượng Lào. Bộ chỉ huy chiến dịch đã ra lệnh cho Đại đoàn 304 phải tích cực truy lùng đồng thời lệnh cho trung đoàn 102 đi gấp sang Tây Trang chặn đường rút của địch. Hồi 22 giờ ngày 7 tháng 5, Đại đoàn 304 đã bao vây và bắt gọn toàn bộ quân địch ở Hồng Cúm thoát ra.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tổng số quân địch bị diệt và bị bắt sống là 16.200 tên, gồm 17 tiểu đoàn bộ binh và lính dù, ba tiểu đoàn pháo binh, 10 đại đội ngự vừa bổ xung và các đơn vị công binh, vận tải, xe tăng... Tổng số sĩ quan và hạ sĩ quan bị diệt và bị bắt là 1.706 tên, gồm một thiếu tướng, 16 đại tá và trung tá, 353 sĩ quan từ thiếu úy đến thiếu tá. Số máy bay bị bắn rơi tại mặt trận là 57 chiếc. Ta đã thu toàn bộ vũ khí kho tàng của địch ở Điện Biên Phủ, trong đó có 28 khẩu pháo lớn, 5.915 súng các loại, 20.000 lít xăng dầu cùng rất nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng khác.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã loại khỏi vòng chiến đấu một số lực lượng sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng vùng đất đai có ý nghĩa chiến lược. Chiến thắng Điện Biên Phủ giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao của ta đi tới kết thúc thắng lợi. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành niềm tự hào của dân tộc của nhân dân ta và phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới lúc bấy giờ.

Chiến dịch Điện Biên Phủ là đòn quyết chiến chiến lược, là chiến dịch tiến công trận địa có quy mô lớn nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp. Lần đầu tiên ta tập trung một lực lượng lớn chủ lực tiêu diệt chủ lực địch phòng ngự trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất lúc bấy giờ.

Nghệ thuật chiến dịch trong Chiến dịch Điện Biên Phủ được biểu hiện cụ thể trong các nội dung sau:

Sớm hình thành thế bao vây, xây dựng trận địa tiến công và bao vây, ngày càng siết chặt từng cụm cứ điểm và tập đoàn cứ điểm, chia cắt thế liên hoàn của chúng. Quá trình chuẩn bị chiến dịch theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh” lúc đầu, là quá trình quân ta hình thành thế bao vây quân địch. Đại đoàn 308 ở phía bắc và tây bắc; Đại đoàn 312 ở phía đông bắc, hai trung đoàn của Đại đoàn 316 ở phía đông; trung đoàn 57 ở phía nam. Đặc biệt là từ hạ tuần tháng 1, khi ta đổi sang phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, cho đến ngày quân ta giành toàn thắng, hệ thống chiến hào hàng trăm ki-lô-mét ngày càng ken dày và siết chặt từng phân khu, từng cụm cứ điểm. Bằng hệ thống trận địa tiến công và bao vây, quân ta đã “trói chặt”, chia cắt thế liên hoàn của địch để lần lượt tiêu diệt từng bộ phận và đập tan mọi kế hoạch tháo chạy của chúng.

Tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực, đánh chắc thắng, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, từng bước uy hiếp tiến tới tiêu diệt khu vực trọng yếu nhất của địch giành thắng lợi quyết định.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm 49 cứ điểm trải trên một diện tích khoảng 40km². Trên các điểm cao từ tây bắc sang đông bắc và đông hình thành những cụm cứ điểm ngoại vi bảo vệ cho phân khu trung tâm. Khu vực giao chiến rộng, so sánh trang bị kỹ thuật chênh lệch, kinh nghiệm đánh công kiên của ta còn hạn chế, không cho phép ta tổ chức nhiều hướng tiến công đồng thời vào phân khu trung tâm của địch. Ta đã chọn cách “đánh chắc, tiến chắc”, tập trung ưu thế binh hỏa lực¹ đánh từng trận hay một số trận gối đầu liên tiếp, diệt từng cứ điểm, cụm cứ điểm ngoại vi, trước hết là trên các điểm cao khống chế phía bắc rồi phía đông, “bóc vỏ” từ ngoài vào, mở đường tiến xuống cánh đồng Mường Thanh, tiếp cận và từng bước uy hiếp tiến tới tiêu diệt phân khu trung tâm, trọng điểm là sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm.

Chọn cách đánh hiểm, phát huy uy lực mọi thứ vũ khí của ta, hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch.

Sau thắng lợi bước đầu của ta ở đợt 2 địch vẫn còn trên một vạn quân chiếm giữ trên các điểm cao khống chế và hỏa lực phi pháo còn rất mạnh. Trước tình hình đó, ta chủ trương dùng lực lượng nhỏ, hoạt động rộng rãi dưới các hình thức

1. Trong đợt 1, ta đã tập trung ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt ba cứ điểm ngoại vi phía bắc. Tỷ lệ binh lực trong trận Him Lam: địch 1/ta 3; trận đối Độc Lập: địch 1/ta 4,5; trận Bản Kéo (theo kế hoạch) địch 1/ta 3. Trong trận then chốt mở đầu chiến dịch (Him Lam), so sánh pháo cối trực tiếp chi viện đánh vào mục tiêu, ta hơn địch gấp 10 lần. Nếu cả nhiệm vụ chế áp các mục tiêu khác, ta cũng hơn địch 2,6 lần.

đánh lấn, phá hủy từng ụ đê kháng, tiêu diệt thêm một số vị trí địch; bắn tĩa tiêu hao địch rộng rãi làm cho binh lính địch luôn ở trong trạng thái căng thẳng; đánh chiếm sân bay, thắt chặt vòng vây, thu hẹp không phận, khống chế máy bay, đoạt dù tiếp tế, hạn chế tiến tới triệt hẳn nguồn tiếp tế và tăng viện của địch.

Trên thực tế, từ trung tuần tháng 4, quân ta đã từng bước làm thay đổi cục diện chiến trường. Sân bay địch đã bị chiến hào ta cắt đôi, hai vị trí sát sân bay là 105 và 206 bị các đơn vị của ta vây lấn rồi tiêu diệt. Máy bay địch không thể lên xuống hoặc thả dù tiếp tế xuống khu vực sân bay. Hai trận địa pháo địch ở 307A và 307B bị lựu pháo của ta loại khỏi vòng chiến đấu. Các tổ bắn tĩa được tổ chức rộng khắp và hoạt động thường xuyên đã gây nên nỗi kinh hoàng đối với binh lính địch. Pháo cao xạ của ta tiến sâu xuống cánh đồng Mường Thanh, khống chế không phận, trong khi hỏa lực pháo cối thu hẹp phạm vi thả dù, buộc máy bay địch phải thả dù ở độ cao lớn. Gần một nửa số dù của địch rơi sang phía trận địa ta hoặc rơi vào khoảng trống, giữa ta và địch. Đến cuối tháng 4, quân số của địch ở Điện Biên Phủ tuy còn khoảng một vạn, nhưng chỉ có 42 phần trăm quân số đủ sức chiến đấu, tinh thần binh lính suy sụp, nguồn tiếp tế bị bóp nghẹt, vũ khí trang bị thiếu thốn nghiêm trọng.

Chọn cách đánh thích hợp, ta đã làm cho địch quân còn đông mà hóa ít, trang bị còn nhiều mà hóa yếu, tinh thần, vật chất và thế trận hoàn toàn rơi vào thế bất lợi. Chính bằng cách đánh hiểm và sáng tạo, đến cuối tháng 4, mặc dù quân ta chưa hoàn toàn làm chủ các dãy điểm cao phía đông, nhưng đã uy hiếp mạnh phân khu trung tâm và chuẩn bị đầy đủ điều kiện chắc thắng để chuyển sang đợt tiến công cuối cùng.

Chiến dịch Điện Biên Phủ thực sự là một điển hình xuất sắc, là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh ngoại giao, thực hiện đánh và đàm đi đến ký kết Hiệp định Giơnevơ, giải phóng một nửa nước.

Đảng ta nhận định: trong quá trình kháng chiến có thể “có những cuộc đàm phán mới xen vào”. “Đấy chính là một trong những đặc điểm của nó”.

Khi tiếng súng kháng chiến lan ra toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nêu cao thiện chí mong muốn hòa bình của Nhà nước và nhân dân ta. Từ tháng 1 đến tháng 5-1947, có tới hàng chục lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, điện cho Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp tỏ rõ ý muốn mở các cuộc thương lượng “nhằm hòa bình giải quyết cuộc xung đột này”, nhưng không được phía Pháp chấp nhận. Trái lại, họ còn nêu ra những điều kiện ngang ngược không thể chấp nhận được. Nghĩa là: chúng đòi toàn thể đồng bào ta và con cháu ta đời đời phải quỳ gối cúi đầu làm nô lệ cho chúng.

1,2. Trường Chinh : *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, t.2, tr,78

Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã làm nghiêng cán cân lực lượng về phía cách mạng, hòa bình. Ngày 2-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc. Ngày 3-2-1950, Người đi thăm Liên Xô. Cả hai nước lớn Liên Xô và Trung Quốc đều nhất trí ủng hộ và giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Ngày 27-7-1953, Hiệp định Bàn Môn Điếm được ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh “Triều Tiên bằng một giải pháp quân sự, đình chỉ chiến sự mà không có giải pháp chính trị. Cuộc đình chiến ở Triều Tiên tác động mạnh mẽ đến nước Pháp. Phong trào đòi chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương càng rộ lên, nhất là trong các nghị sĩ phản chiến. Giới chủ chiến Pháp vẫn ngoan cố vì họ hy vọng Mỹ sẽ tăng cường viện trợ, có thể giúp Pháp giành thắng lợi. Mặc dù vậy, ngày 12-11-1953, Thủ tướng Pháp Lanien cũng phải tuyên bố: “Nếu một giải pháp danh dự xuất hiện trong khung cảnh địa phương hoặc trong khung cảnh quốc tế, nước Pháp sẽ vui lòng chấp nhận một giải pháp ngoại giao cho cuộc xung đột”.

Trung Quốc cũng chủ trương sớm giải quyết hòa bình xung đột ở Đông Dương để ngăn chặn đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh, bảo đảm hòa bình và an ninh cho Trung Quốc ở phía Đông Nam.

Riêng Mỹ vẫn tiếp tục rút viện trợ cho Pháp ở Đông Dương. Trong chuyến thăm Nam Việt Nam (23-11-1953) Phó Tổng thống Hoa Kỳ Níchxơn đã tuyên bố: trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể đàm phán với Việt Minh.

Trong bối cảnh trên, Đảng ta nhận định: “Trong lịch sử có nhiều cuộc chiến tranh do thương lượng hòa bình mà đi đến đình chiến. Chiến tranh ở Triều Tiên là một thí dụ. Hơn nữa, hiện nay đường lối chung của phe ta trên thế giới là dùng mọi cách để gây lại và tăng cường hòa hoãn quốc tế, giữ gìn và củng cố hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc”.

Đảng và Chính phủ ta đã chủ trương mở cuộc tiến công trên mặt trận ngoại giao, để phối hợp với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Ngày 26-11-1953, trả lời phỏng vấn của báo Thụy Điển Expressen về vấn đề chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ quan điểm của nhân dân ta: “Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”, “... việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa với Chính phủ Pháp”².

Tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gây tiếng vang lớn tại Pháp và trên thế giới. Sức ép của dư luận đã buộc Chính phủ Pháp phải tuyên bố muốn biết lập trường của phía bên kia (tức Việt Nam dân chủ cộng hòa) bằng còn đường chính thức và tỏ ý sẵn sàng xem xét việc lập lại hòa bình, bảo đảm độc lập cho các quốc gia liên kết.

1. Điện ngày 27-12-1954 của Ban Bí thư Trung ương Đảng gửi Xứ ủy miền Nam

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr 168 - 169

Ngày 7-5-1954, quân đội Pháp bị đánh bại ở Điện Biên Phủ. Ngày 8-5, Hội nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương khai mạc. Trải qua tám phiên họp toàn thể và 23 phiên họp rất căng thẳng và phức tạp, nhưng với thiện chí và cố gắng của phái đoàn ta, ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ để đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết. Các nước tham gia Hội nghị tuyên bố tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, Lào, Việt Nam.

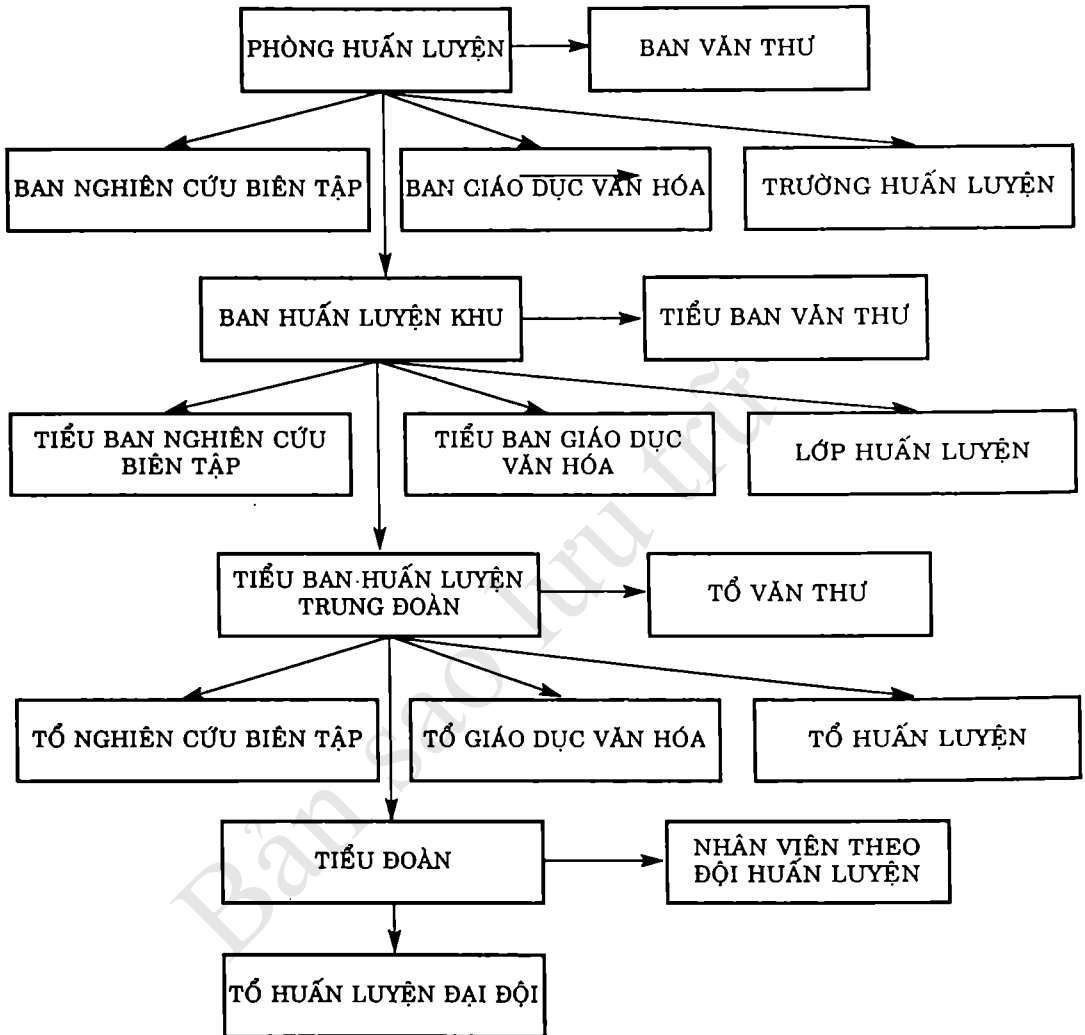
Cuộc kháng chiến oanh liệt của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược bắt đầu từ ngày 23-9-1945 kết thúc ngày 20-7-1954. “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”¹.

Thắng lợi trên do nhiều nhân tố tạo nên. Nhân tố cơ bản quyết định nhất là do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh có đường lối đúng đắn, sáng tạo, độc lập tự chủ, tạo lập, phát huy được sức mạnh của dân tộc quyết một lòng hy sinh chiến đấu vì tự do và độc lập, kết hợp sức mạnh dân tộc và quốc tế.

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi. Hòa bình được lập lại. Miền Bắc được giải phóng hoàn toàn. Song mục tiêu thống nhất, độc lập chưa được thực hiện trọn vẹn trên cả nước. Nhân dân ta còn phải tiếp tục đấu tranh để đạt cho kỳ được mục tiêu đó trong những điều kiện mới, đối mặt với kẻ thù mới là đế quốc Mỹ.

1. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, sdd, t.10, tr.12

HỆ THỐNG TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN TOÀN QUÂN (1947)



Chú thích:

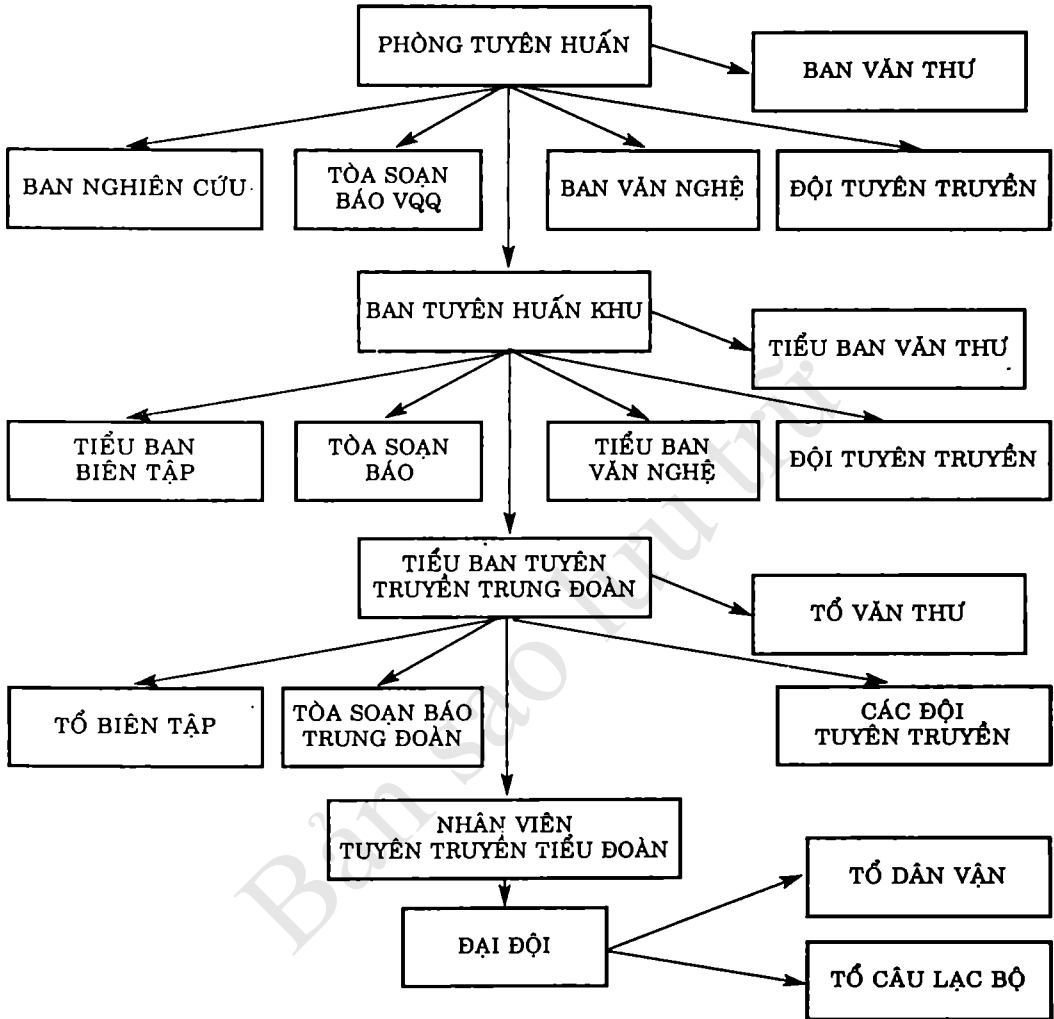
- Ban Nghiên cứu, biên tập của Phòng Huấn luyện có nhiệm vụ theo dõi công tác huấn luyện các Khu, tổng kết và giáo dục kinh nghiệm, soạn chương trình huấn luyện chính trị từ cấp đại đội trở lên, kiểm điểm và phê bình tài liệu các Khu.

- Trường huấn luyện bổ túc chính trị từ cấp đại đội trở lên. Lớp huấn luyện Khu bổ túc chính trị từ cấp trung đội, các trung đoàn cho cán bộ tiểu đội và đội viên.

- Ban giáo dục văn hóa soạn tài liệu văn hóa cho cấp đại đội trở lên và đào tạo giáo viên văn hóa.

- Tổ huấn luyện đại đội gồm chính trị viên phụ trách huấn luyện chính trị và một người phụ trách giáo dục văn hóa.

HỆ THỐNG TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN TOÀN QUÂN (1947)



Chú thích:

- Ban Nghiên cứu, biên tập của Phòng Tuyên truyền có nhiệm vụ:

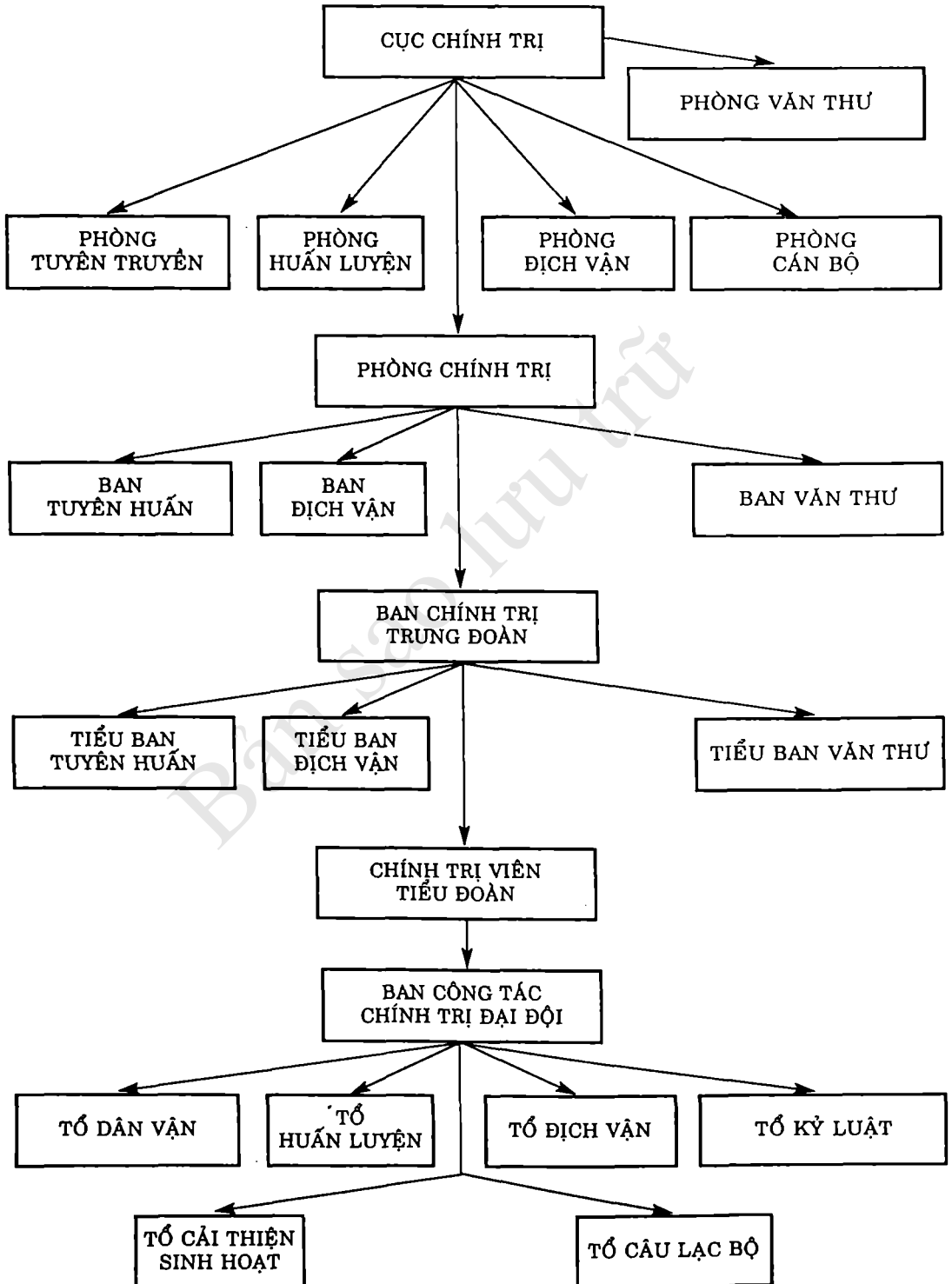
- a. Theo dõi công tác tuyên truyền của ta và của địch.
- b. Tổng kết và giáo dục kinh nghiệm.
- c. Thu phát tin.
- d. Kiểm tra và phê bình tài liệu dưới.

- Ban Văn nghệ và các tiểu ban có nhiệm vụ:

- a. Sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn nghệ.
- b. Phê bình, khuyến khích các tác phẩm của cấp dưới.

- Các đội tuyên truyền: Đi tuyên truyền bằng các hình thức nghệ thuật và triển lãm các chiến lợi phẩm.

TỔ CHỨC CƠ QUAN CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ NĂM 1948



Sơ đồ tổ chức Cục Chính trị những năm đầu kháng chiến chống Pháp xâm lược (1946 - 1949)

1946 Cục Chính trị có 8 nhân viên

Tháng 1 Công cụ chính trị: Cục trưởng: Văn Tiến Dũng

- 1947
- Phòng Văn thư; Trưởng phòng Trần Quang Khánh
 - Phòng Tuyên truyền: Trưởng phòng Lê Tất Đắc.
 - + Ban Dân vận.
 - + Đoàn Nhạc binh, Trưởng đoàn Đinh Ngọc Liên.
 - + Đoàn kịch; Trưởng đoàn Đỗ Nhuận.

Tháng 3 Cục Chính trị:

- 1947
- Phòng Văn thư: Trưởng phòng Trần Quang Khánh
 - Phòng Tuyên truyền; Trưởng phòng Lê Tất Đắc
 - + Ban Văn thư
 - + Báo Vệ quốc quân
 - + Đội nhạc binh
 - + Cơ quan ấn loát
 - Phòng Dịch vận Trưởng phòng Lưu Văn Lợi
 - Phòng Thương binh Trưởng phòng Phạm Gia Thụy
 - Phòng Cán bộ Trưởng phòng Trần Tử Bình
 - Phòng Dân quân Trưởng phòng Khuất Duy Tiến

Tháng 4

- 1947
- Cục Chính trị:
 - Phòng Văn thư.
 - Phòng Tuyên truyền.
 - Phòng Cán bộ.
 - Phòng Dân quân.
 - Phòng Thương binh.

Tháng 6

- 1947
- Cục Chính trị
 - Phòng Văn thư
 - Phòng Tuyên truyền, Trưởng phòng Lê Tất Đắc
 - Phòng Dịch vận
 - Phòng Thương Binh

Tháng 8

- 1947
- Cục Chính trị
 - Phòng Văn thư Trưởng phòng Trần Quang Khánh
 - Phòng Tuyên truyền Trưởng phòng Trần Độ
 - Phòng Dịch vận Trưởng phòng Lưu Văn Lợi
 - Phòng Thương Binh Trưởng phòng Phạm Gia Thụy
 - Phòng Huấn luyện Trưởng phòng Lê Tất Đắc.

Tháng 9

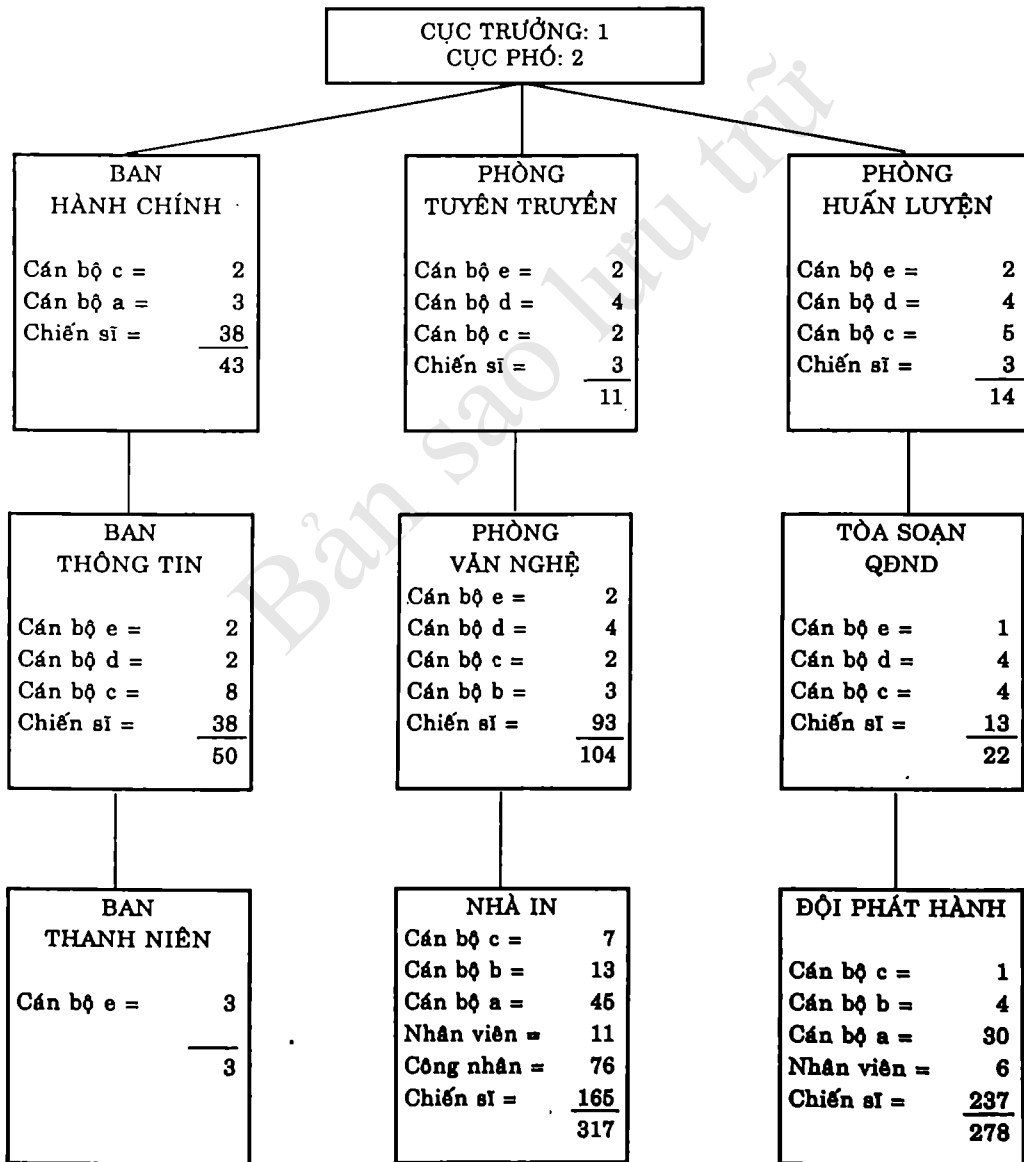
- 1947
- Cục Chính trị
 - Phòng Văn thư
 - Phòng Tuyên truyền Trưởng phòng Trần Độ
 - Phòng Dịch vận
 - Phòng Huấn luyện Trưởng phòng Lê Tất Đắc.

<i>Tháng 6 1948</i>	Cục Chính trị:	352 người
	- Phòng Văn thư	95 người
	- Phòng Dịch vận	42 người
	- Phòng Tuyên truyền	194 người
	+ Ban Văn thư	
	+ Ban Văn nghệ	
	+ Ban nghiên cứu biên tập	
	+ Toà soạn Vệ quốc quân	
	+ Đội Nhạc binh	
	- Phòng Huấn luyện	21 người
+ Ban Văn thư		
+ Ban nghiên cứu, biên tập		
<i>Tháng 8 1948</i>	Cục Chính trị	
	- Phòng Văn thư	Trưởng phòng Hà Minh Tuân Phó phòng Trần Quang Khánh
	- Phòng Tuyên huấn	Trưởng phòng Phan Phúc Tường Phó phòng Trần Độ
	- Phòng Dịch vận	Trưởng phòng Lưu Văn Lợi Phó phòng Lê Văn Lai
	- Phòng Cán bộ	Trưởng phòng Nguyễn Trọng Vinh
<i>Tháng 7 1949</i>	Cục Chính trị	
	- Phòng Tuyên truyền	
	+ Ban Văn thư	
	+ Ban nghiên cứu	
	+ Ban Văn nghệ	
	+ Ban Dân vận	
	- Phòng Huấn luyện	
	+ Ban Văn thư	
	+ Ban nghiên cứu	
	+ Ban Giáo dục chính trị	
	+ Ban Giáo dục Văn hóa	
	- Phòng Cán bộ	
	- Phòng Dịch vận	
	- Phòng Âu - Phi	
	- Nhà xuất bản Vệ quốc quân	
- Phòng Hành chính		
<i>Tháng 3 1950</i>	Cục Chính trị	
	- Phòng Điều chỉnh	
	- Phòng Dịch vận	
	- Phòng cán bộ	
	- Phòng Quản trị	
	- Phòng Huấn luyện	
+ Ban Nghiên cứu		

- + Ban Giáo dục
- + Ban Hành chính
- Phòng Tuyên truyền.
- + Ban Nghiên cứu
- + Ban Văn nghệ Đoàn kịch chiến thắng,
Đoàn nhạc biểu diễn,
Tòa soạn Vệ quốc quân Bộ phận nhiếp ảnh.

Hồ sơ PQ 140

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỤC TUYÊN HUẤN 1951



Bộ phận tiền phương (đi các chiến dịch).

- Cục phó	1
- Hành chính	}
- Thông tin	
- Huấn luyện	
- Báo chí	
- Văn nghệ	37
- Ban phát hành	74
- Nhà in	30

Hồ sơ PQ-140

Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp “tuần lễ vàng”*Cùng toàn quốc đồng bào,*

Ban tổ chức “Tuần lễ Vàng” ở Hà Nội có mời tôi đến dự cuộc khai mai Tuần lễ Vàng. Vì bận việc, tôi không đến được, nhưng tôi có bức thư này ngỏ cùng toàn quốc đồng bào:

Nhờ sức hy sinh phấn đấu của toàn quốc đồng bào ngót 80 năm nay, nhất là trong 5 năm nay, chúng ta đã xây đắp được nền tự do độc lập của chúng ta. Ngày nay chúng ta cần củng cố nền tự do độc lập ấy để chống lại với sự dã tâm xâm lăng của bọn đế quốc Pháp.

Muốn củng cố nền tự do độc lập ấy, chúng ta cần sức hy sinh phấn đấu của toàn quốc đồng bào; nhưng chúng ta cũng rất cần sức quyền giúp của nhân dân, nhất là những nhà giàu có.

Ý nghĩa “Tuần lễ Vàng” là ở đó.

Tuần lễ Vàng sẽ thu góp số vàng trong nhân dân và nhất là của các nhà giàu có để cúng vào việc cần cấp và quan trọng nhất của chúng ta lúc này là việc quốc phòng.

Tuần lễ Vàng sẽ tỏ cho toàn quốc đồng bào và cho toàn thế giới biết rằng trong lúc chiến sĩ Việt Minh trên các mặt trận quyết hy sinh giọt máu cuối cùng để giữ vững nền tự do độc lập của nước nhà, thì đồng bào ở hậu phương, nhất là những nhà giàu có, cũng có thể hy sinh được chút vàng để phụng sự Tổ quốc.

Như thế Tuần lễ Vàng không những có ý nghĩa giúp vào nền tài chính quốc phòng, nó còn có một ý nghĩa chính trị quan trọng.

Vì vậy tôi mong rằng toàn quốc đồng bào, nhất là các nhà giàu có, hết ỨC vì nước hy sinh.

Tôi tin rằng, toàn quốc đồng bào, nhất là các nhà giàu có, trong sự quyền giúp này, sẽ xứng đáng với sức hy sinh phấn đấu của các chiến sĩ ái quốc trên các mặt trận.

Mong toàn quốc đồng bào làm tròn nghĩa vụ.

Việt Nam độc lập muôn năm!

HỒ CHÍ MINH

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

Lời căn dặn các đơn vị bộ đội vào thành¹

Suốt tám năm kháng chiến, các chú đã làm kiểu mẫu anh dũng, do đó mà chúng ta đã thắng lợi. Nay chúng ta về thành thị, các chú cũng phải làm kiểu mẫu đúng đắn, để tranh lấy thắng lợi trong hòa bình.

Ở thành thị tình hình phức tạp, có nhiều sự quyến rũ làm cho người ta mê muội, hủ hóa, trụy lạc. Để tránh những cạm bẫy nguy hiểm ấy, để làm tròn nhiệm vụ cao quý của quân đội nhân dân, toàn thể cán bộ và chiến sĩ phải ghi nhớ và làm đúng những lời Bác dặn như sau:

- Chớ tự kiêu, tự mãn.
- Chớ rượu chè, cờ bạc, trai gái, hút thuốc phiện.

1. Ngày 10-10-1954, bộ đội ta tiến vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội theo đúng quy định của Hiệp định Giơnevơ. Trước khi vào tiếp quản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lời căn dặn này

- Chớ để lộ bí mật.
- Chớ xa xỉ tham ô lãng phí.
- Phải kính trọng nhân dân, giúp đỡ nhân dân, đoàn kết với nhân dân.
- Phải khiêm tốn, nghiêm chỉnh.
- Phải giữ gìn tính chất trong sạch, chất phác của người chiến sĩ cách mạng.
- Phải thực hiện cần kiệm, liêm, chính.
- Phải làm đúng 10 điều luật.
- Phải luôn luôn cảnh giác, và phải thực hiện tự phê bình và phê bình để tiến bộ không ngừng.

Bác mong các chú tiến bộ và các chú mạnh khỏe.

Lệnh động viên toàn thể cán bộ và chiến sĩ, toàn thể các đơn vị, toàn thể các binh chủng, mở cuộc đại tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ!

Chiến dịch Điện Biên Phủ sắp bắt đầu

Đây là chiến dịch công kiên quy mô lớn nhất trong lịch sử quân đội ta từ trước đến nay.

Trong ba tháng nay, kể từ khi quân địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, quân ta đã vây hãm và giam giữ chủ lực của chúng ở đó, tạo điều kiện để liên tiếp đánh bại chúng trên khắp các chiến trường toàn quốc.

Ngày nay Lai Châu đã giải phóng, phòng tuyến sông Nậm Hu của giặc đã tan vỡ, Phong Sa Lý cũng không còn bóng giặc; Điện Biên Phủ đã trở nên một tập đoàn cứ điểm hoàn toàn cô lập chơ vơ ở giữa hậu phương rộng lớn của ta.

Ngày nay, đã đến lúc chủ lực ta mở cuộc tiến công vào Điện Biên Phủ.

Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ tiêu diệt được một bộ phận sinh lực rất quan trọng của giặc, giải phóng toàn bộ lãnh thổ Tây Bắc, mở rộng và củng cố hậu phương rộng lớn của cuộc kháng chiến, góp phần bảo đảm cho cuộc cải cách ruộng đất thành công.

Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, quân đội nhân dân anh dũng của chúng ta sẽ tiến bộ một bước dài, cuộc kháng chiến của ta sẽ thu được một thắng lợi rất quan trọng.

Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ phá tan kế hoạch Nava hiện đã bị thất bại nặng, sẽ giáng một đòn chí tử vào âm mưu mở rộng chiến tranh của bọn đế quốc Pháp - Mỹ. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi sẽ có một ảnh hưởng vang dội trong nước và ngoài nước, sẽ là một cống hiến xứng đáng vào phong trào hòa bình thế giới đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt - Miên - Lào, nhất là trong lúc Chính phủ Pháp bị thất bại liên tiếp đã bắt đầu phải nói đến việc điều đình để hòa bình giải quyết vấn đề chiến tranh ở Đông Dương.

Theo lệnh của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch,

Trong khi trên các chiến trường toàn quốc, bộ đội ta đang ra sức giết giặc để phối hợp với chúng ta.

Tôi kêu gọi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, toàn thể các đơn vị, toàn thể các binh chủng trên mặt trận Điện Biên Phủ:

Phải nhận rõ vinh dự được tham gia vào chiến dịch lịch sử này,

Phải có một quyết tâm giết giặc rất cao,

Phải nắm vững phương châm “*Đánh chắc, tiến chắc*”,

Phải vượt qua mọi gian khổ,

Khắc phục mọi khó khăn,

Hiệp đồng chặt chẽ,

Chiến đấu liên tục,

Tiêu diệt toàn bộ quân địch tại Điện Biên Phủ, giành đại thắng cho chiến dịch.

Giờ ra trận đã đến!

Tất cả các cán bộ và chiến sĩ, tất cả các đơn vị, tất cả các binh chủng hãy dũng cảm tiến lên, thi đua lập công, giật lá cờ “*Quyết chiến quyết thắng*” của Hồ Chủ tịch.

Tháng 3 năm 1954.

Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam
Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

Thứ sáu ngày 20 tháng 11

Điện mật mã của Navarre gửi Paris

Mật. Nơi gửi: Trung tướng Tổng tư lệnh. Vì đại đoàn 316 chuyển quân lên Tây Bắc uy hiếp **Lai Châu** nghiêm trọng và có nghĩa là các khu du kích của ta trên vùng cao sẽ bị diệt vong trong thời gian ngắn, tôi quyết định một hoạt động nhằm vào **Điện Biên Phủ**, là căn cứ hành quân dự kiến của 316; tái chiếm **Điện Biên Phủ** còn có ý nghĩa bảo đảm an toàn cho Luông Phabăng; nếu không, trong vòng vài tuần nữa, Luông Phabăng sẽ gặp nguy cơ trầm trọng. Cuộc hành quân đã bắt đầu sáng nay với việc thả dù đợt đầu gồm 2 tiểu đoàn dù, vào 10 giờ 30 phút. Đợt hai gồm 1 tiểu đoàn được tăng cường bằng một bộ phận của 1 đội DKZ 75 đã nhảy dù hồi 15 giờ. Một cuộc đụng độ được ghi nhận vào buổi trưa tại trung tâm thị trấn đã kết thúc có lợi cho ta. Cuộc đổ quân bằng đường không sẽ được tiếp tục ngày mai để lập lại liên lạc đường bộ giữa **Luông Phabăng** và **Điện Biên Phủ**. Khi liên lạc được tái lập, **Điện Biên Phủ** sẽ được giữ bằng một lực lượng biệt phái hỗn hợp gồm các lực lượng của Bắc Việt Nam và Lào.

Trân trọng
NAVARRE

Thứ bảy ngày 23 tháng 1

“Trích”

Chỉ thị riêng và mật của tướng cogny gửi chỉ huy trưởng g.o.n.o.

I. Trong những ngày sắp tới, cuộc chiến đấu có thể bước vào giai đoạn tích cực, địch có vẻ đã hoàn tất công việc chuẩn bị và có thể chuyển sang tấn công với nhiều phương tiện hùng mạnh.

Phải chấp nhận hoạt động địch sẽ diễn ra dưới hình thức những cuộc tấn công mạnh mẽ. Có lẽ sẽ tiến hành vào ban đêm thừa bóng tối và tái diễn cả ngày lẫn đêm. Mặc dù sẽ có những hoạt động đều khắp để nghi binh, địch sẽ nỗ lực thực hiện ý đồ phá huỷ ngay từ đầu các cơ quan chỉ huy và các cứ điểm chủ yếu và vô hiệu hóa sự yểm trợ của không quân.

II. Nhiệm vụ của đại tá chỉ huy trưởng G.O.N.O là bảo đảm giữ vững trung tâm đề kháng Điện Biên Phủ; và, tối thiểu là giữ bằng mọi giá hệ thống phòng thủ hạn chế gồm các cụm cứ điểm khu chỉ huy, khu đồi C, khu đồi D, sân bay Mường Thanh, Bản Kéo.

III. Nhằm mục đích ấy, ông có quyền sử dụng:

- Một ban tham mưu
- 3 Ban tham mưu binh đoàn
- 12 tiểu đoàn
- 1 chi đội xe M.24 có 3 tổ
- 2 đội pháo 105mm
- 1 dàn pháo 155mm
- 2 đại đội súng cối 120mm
- 2 đại đội công binh
- Các đơn vị dân quân.

IV. Đại tá chỉ huy trưởng G.O.N.O sẽ điều hành hoạt động phòng thủ như thế nào để phát hiện và cản trở địch chuẩn bị tấn công, làm chậm lại việc địch tiếp cận trung tâm đề kháng và đặc biệt là hệ thống phòng thủ hạn chế nêu trên bằng cách cố gắng gây bất ngờ cho địch và phá huỷ lực lượng, phương tiện tấn công của địch.

Trong trường hợp địch chiếm đóng được các vị trí của ta, sẽ phải tổ chức phản công để lấy lại các cứ điểm đã mất.

Thứ năm ngày 28 tháng 1

Điện của tướng Cogny gửi tướng Navarre (riêng):

Đại đoàn 308 bắt đầu chuyển quân. Hướng Tây Nam. Bộ phận tiên tiêu của đơn vị lớn này sẽ tiếp xúc với cán bộ hậu cần của Bắc Lào và Mường Khau

Ký tên: COGNY

Thứ 5 ngày 15 tháng 4

16 giờ 20 phút

(Tóm tắt cô đọng)

Chỉ thị đặc biệt của tổng tư lệnh về việc sử dụng không quân trong trận Điện Biên Phủ

Thứ nhất: Bởi vì địch gặp khó khăn về hậu cần và do mùa mưa đến, ta cần trả đũa, tìm cách bóp nghẹt khối chủ lực Việt Minh bằng hoạt động của không quân với phương tiện tối đa.

Thứ hai: Do đó, ưu tiên về không quân như sau: **Hỏa lực.**

Trường hợp thứ nhất. Địch không tấn công tập đoàn cứ điểm.

- *Ưu tiên 1* là bảo vệ tuyến bay vận tải chống phòng không. Tấn công có hệ thống các đường giao thông, phương tiện vận tải và kho tàng.

- *Ưu tiên 2:* Chống các trận địa pháo.

- *Ưu tiên 3:* Yểm trợ trực tiếp, hạn chế, dành cho những trận phản công đặc biệt có hiệu quả, nhằm những mục tiêu do G.O.N.O chỉ định

Trường hợp thứ hai. Địch tấn công tập đoàn cứ điểm hoặc G.O.N.O tấn công.

- *Ưu tiên 1:* Yểm trợ trực tiếp với phương tiện tối đa.

- *Ưu tiên 2:* Bảo vệ tuyến bay vận tải.

Thứ ba: Nguyên tắc sử dụng

Tuyệt đối cần tìm cách hoạt động ô ạt. Hoạt động được tổ chức và tiến hành ở cấp Gatac Bắc. Do đó, chuyển nhiệm vụ các chuyến bay do Torri Rouge đặc biệt, trừ khi yểm trợ trực tiếp cho G. O. N. O trong trường hợp địch tấn công tập đoàn cứ điểm hoặc chính G. O. N. O. tấn công

Thứ tư: Phối hợp hỏa lực

G. O. N. O. Cần sử dụng hỏa lực mặt đất để vô hiệu hóa phòng không địch. Đặc biệt lưu ý chỉ huy trưởng G. O. N. O về việc cần hạn chế sử dụng đạn hàng ngày ở hoạt động ngăn chặn các cuộc tấn công của địch. Yểm trợ hoạt động tấn công của ta. Chống phòng không. Cogny.

Thứ sáu ngày 16 tháng 4.

9 giờ 45 phút

Tổng hợp chỉ thị của gatac bắc v/v tiếp tế cho Điện Biên Phủ

Tiếp tế cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là nhiệm vụ của không quân.

Tự vệ chống phòng không là điều chủ yếu và bắt buộc. Đã có biện pháp.

Thứ nhất: Ưu tiên dùng máy bay ném bom các vị trí phòng không đã xác định hay khả nghi.

Thứ hai: Bảo vệ trên không máy bay tiêm kích trong quỹ đạo từ 6.000 đến 8.000 bộ. Nếu tình hình khí tượng không thuận lợi, dùng B26 thay vì tiêm kích.

Thứ ba: G.O.N.O phải tham gia tối đa bằng pháo và súng cối vào việc diệt hỏa lực phòng không. Đặc biệt dùng bom khói khi bay (để nguy trang - ND), nhưng với điều kiện khí tượng.

Thứ ba ngày 4 tháng 5.

Điện của Cogny gửi castries nghiên cứu việc rút bỏ (Điện Biên Phủ)

Tổng tư lệnh ra lệnh nghiên cứu và chuẩn bị cuộc hành quân rút bỏ G. O. N. O có thể xảy ra, được đặt tên Albatros.

Thứ nhất: Tướng Cogny sẽ xác định xem có cần và có tốt không nếu ta rút bỏ. Để cho chỉ huy trưởng G. O. N. O chủ động về phương thức và chọn thời điểm từ ngày mà ta quy định cho ông ấy.

Thứ hai: Bố trí ngăn chặn từ xa của địch có vẻ yếu hơn trong vùng Nam Đông Nam. Do đó, hướng rút chung sẽ là hướng nam theo sông Nậm Nưa cho đến Mường Nhạ, tiếp theo là thung lũng sông Nậm Hiếp và Nậm Nu; cũng có thể theo hướng Mường Sơn và Cánh Đồng Chum.

Thứ ba: Vừa cầm chân lực lượng tối đa của Việt Minh trong vùng Sốp Nao, chỉ huy trưởng lực lượng Lào với phương tiện được chỉ viện, đồng thời có nhiệm vụ giải tỏa tối đa một hành lang an toàn trong thung lũng sông Nậm Hiếp kể từ Mường Ngòi và Bản Tà Khan. Ngoài ra chỉ huy trưởng lực lượng Lào cần hình thành vùng đón quân với những phương tiện của một binh đoàn cơ động can thiệp trong vùng Mường Sơn. Chỉ huy trưởng G. O. N. O. sẽ được thông báo về lịch hành quân của lực lượng trên bộ ở Lào (F. T. L). Việc vận chuyển quân và bố trí lực lượng này không thể hoàn tất trước 20 tháng 5.

Thứ tư: Trong trường hợp thực hiện cuộc hành quân này, chỉ huy trưởng g. O. N. O. cần tính trước mọi biện pháp để bảo vệ tinh thần binh sĩ và chăm sóc thương binh để lại tại chỗ, đặc biệt là bằng cách giữ lại bên họ một vị chỉ huy quân sự bác sĩ trưởng và tất cả nhân viên y tế cần thiết. Sẽ để lại phương tiện truyền tin cho bác sĩ trưởng để liên lạc với Cơ quan y tế tại Hà Nội.

Thứ năm: Ngoài ra, tối thiểu cần huỷ chiến xa, đại bác, tài liệu mật và mật mã, thiết bị vô tuyến.

Thứ sáu: Yêu cầu chỉ huy trưởng G. O. N. O. Cho biết kế hoạch hành quân dự kiến để vượt qua vòng vây và tiếp tục rút quân cũng như nhu cầu mọi mặt của ông ta. Về phương diện này, cần hình thành tại Điện Biên Phủ lực lượng dự trữ lương thực và thuốc men dùng đủ trong ba ngày cho nhân viên và thương

binh để lại tại chỗ. Ngoài ra, số quân rút đi cần được cấp cho mỗi người ba ngày lương thực với khẩu phần tối thiểu.

Thứ bảy: Tất nhiên là cho đến khi có lệnh mới, chỉ huy trưởng G. O. N. O vẫn có nhiệm vụ đề kháng tại chỗ mà không có tinh thần rút lui. Ngoài ra, thiếu tướng chỉ huy trưởng G. O. N. O. cần lưu ý tinh chất rất mật của chỉ thị này, cần được chuẩn bị một cách hết sức kín đáo. COGNY.

THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU TỔNG HỢP TRONG
KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Tiêu diệt, bắt sống	561.900 tên địch (có 142.900 lính Âu Phi)
Bắn rơi, phá hủy	435 máy bay
Bắn chìm, bắn cháy	603 tàu chiến, canô
Phá hủy	344 khẩu pháo, 9.283 xe quân sự
Thu	255 khẩu pháo, 504 xe quân sự, 130.145 súng

LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ VÀ CHI PHÍ CHIẾN TRANH CỦA THỰC DÂN
PHÁP TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Năm	Số quân xâm lược	Chi phí chiến tranh (tỷ Frãng)	Riêng viện trợ Mỹ
1945	32.000	3,2	
1946	90.000	27,0	
1947	128.000	53,3	
1948	160.000	89,7	
1949	210.000	138,2	
1950	239.000	266,5	52,000
1951	338.000	384,8	62,000
1952	378.000	565,0	200,0
1953	465.000	650,0	285,0
1954	444.000	751,0	550,0

SỐ QUÂN VÀ CHI PHÍ CHIẾN TRANH CỦA PHÁP TRÊN CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG

Nguồn: *Hậu phương chiến tranh nhân dân (1945 - 1975)*, Nxb, Quân đội nhân dân, Hà Nội 1997.

Năm	Tổng số quân địch			Tổng số chi phí (tỷ Frãng)	
		Trong đó		Tổng số	Trong đó viện trợ của Mỹ
		Âu - Phi	Linh Ngụy		
1945	32.000	27.000	5.000	3,2	
1946	90.000	65.000	25.000	27,0	
1947	128.000	85.000	43.000	53,3	
1948	160.000	85.000	75.000	89,0	
1949	210.000	114.000	96.000	138,2	
1950	239.000	117.000	122.000	266,5	52,0
1951	338.000	128.000	210.000	384,8	62,0
1952	378.000	130.000	248.000	565,0	200,0
1953	465.000	146.000	319.000	650,0	285,0
1954	444.000	124.000	320.300	751,0	555,0
Cộng				2.928,7	1.154,0

SO SÁNH LỰC LƯỢNG VŨ TRANG GIỮA TA VÀ ĐỊCH

Thời gian	Quân số		Pháo binh (khẩu)		Xe tăng thiết giáp		Máy bay (chiếc)		Tàu chiến	
	Địch	Ta	Địch	Ta	Địch	Ta	Địch	Ta	Địch	Ta
12 - 1946	90.000	82.000	108	12	32	0	98	0	70	0
12 - 1950	239.000	235.000	216	25	62	0	198	0	169	0
3 - 1954	444.900	238.000	594	80	10e + 6d + 10c	0	580	0	391	0
			trong đó có 300 khẩu 105 mm							

PHẦN THỨ BA

HỒ SƠ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1955 - 1975)

AK át vía AR15; cuộc chiến với đế quốc Mỹ

- * Bối cảnh chính trị: thời kỳ đụng đầu lớn giữa tư bản và cộng sản. Chiến tranh lạnh
- * Chiến lược ngoại giao và những bước đi chính trị vô tiền khoáng hậu
 - * Những trận đánh kinh hoàng thất đảm
 - * Toàn thắng

NĂM 1954

Từ 15 - 18-7

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 chủ trương chuyển hướng công tác ở miền Nam.

Hội nghị xác định đế quốc Mỹ là đối tượng trực tiếp của cách mạng Việt Nam. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của toàn dân ta là: “Tranh thủ và củng cố hòa bình, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ và hiếu chiến Pháp, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh...”.

Ngày 5-9

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị chống âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ráo riết dụ dỗ và cưỡng ép đồng bào ta di cư vào Nam.

Ngày 8-9

Mỹ lôi kéo các nước đồng minh thành lập tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (gọi tắt là SEATO). Đây là tổ chức liên minh quân sự gồm Mỹ, Anh, Pháp, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Thái Lan, Pa-kít-xtan, Phi-lip-pin nhằm chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, chủ yếu làm chỗ dựa cho Mỹ xâm lược Việt Nam.

NĂM 1955

Ngày 16-5

* Những tên lính cuối cùng của quân đội Pháp rút khỏi đảo Cát Bà. Từ vĩ tuyến 17 trở ra, miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng. Quân và dân miền Bắc đẩy mạnh củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, phát huy vai trò của hậu phương lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

* Cuộc chuyển quân tập kết sắp xếp lực lượng của ta ở miền Nam đã hoàn thành thắng lợi. 120.000 bộ đội, cán bộ các ngành cùng 500 tấn súng đạn, 600 tấn máy móc, khí tài và 236 xe ô tô các loại được chuyển từ miền Nam tập kết ra Bắc.

Ngày 1-7

Mặt trận Liên Việt Nam Bộ kêu gọi đồng bào miền Nam và ngoại kiều đấu tranh đòi nhà đương cục có thẩm quyền ở miền Nam:

1. Phải thành lập ở miền Nam Việt Nam một chính phủ tôn trọng Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, tán thành hòa bình thống nhất.

2. Phải đảm bảo tính mệnh, tài sản, an ninh trật tự của nhân dân miền Nam, chấm dứt cuộc cốt nhục tương tàn.

3. Phải cải thiện dân sinh, thi hành các quyền tự do dân chủ, chấm dứt cuộc khủng bố phong trào cứu giúp nạn nhân Sài Gòn - Chợ Lớn của nhân dân miền Nam.

4. Phải nhận lời đề nghị của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đặt lại quan hệ bình thường giữa miền Nam và miền Bắc.

5. Phải cùng với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa mở cuộc hội nghị hiệp thương chính trị ngày 20-7-1955 bàn về việc tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước nhà đúng thời hạn.

Ngày 3-7

Mở đầu phong trào đấu tranh rầm rộ đòi hiệp thương, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Liên Việt Nam Bộ, ngày 3-7, công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn tổ chức hai cuộc biểu tình lớn đòi trả lại tự do cho những người trong "ủy ban cứu trợ nạn nhân chiến tranh", kết hợp đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất Tổ quốc. Bảy ngày sau, ngày 10-7, các cuộc tổng bãi công, bãi thị phản đối Mỹ - Diệm khủng bố nhân dân, đòi hòa bình thống nhất nước nhà liên tiếp nổ ra. Chính quyền Diệm đã huy động nhiều lực lượng quân sự, cảnh sát để chống biểu tình. Bất chấp mọi sự ngăn cản, đàn áp của kẻ thù, ở khắp các nơi trên miền Nam có từ 60 đến 90% đồng bào tham gia bãi công, bãi thị. Ở Sài Gòn cuộc tổng bãi công, bãi thị bao gồm 80% nhân dân, làm tê liệt hoạt động của thành phố trong 10 giờ.

Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, hòa bình thống nhất Tổ quốc từ đầu tháng 7 kéo dài nhiều tháng, và lan rộng từ Sài Gòn ra các tỉnh khác: Sa Đéc, Châu Đốc, Vĩnh Long, Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết, Quảng Nam, Quảng Trị...

Ngày 10-9

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập.

Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc họp từ 5-9 đến 10-9 tại Thủ đô Hà Nội quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tiếp tục sự nghiệp đoàn kết toàn dân của Mặt trận Liên Việt.

Cương lĩnh tóm tắt của Mặt trận Tổ quốc gồm 10 điểm:

1. Hoàn thành độc lập dân tộc.
2. Thực hiện thống nhất nước nhà.
3. Xây dựng chế độ dân chủ.

4. Phát triển kinh tế, nâng cao sản xuất.
5. Cải cách ruộng đất.
6. Thi hành chính sách xã hội hợp lý.
7. Phát triển văn hóa giáo dục.
8. Củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.
9. Thi hành chính sách ngoại giao hòa bình độc lập.
10. Nhân dân toàn quốc đoàn kết.

Quan hệ giữa các tổ chức trong mặt trận dựa trên nguyên tắc thương lượng dân chủ đi đến thống nhất hành động, thân ái hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, tôn trọng tính chất độc lập của mỗi tổ chức.

Đại hội bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch danh dự của mặt trận, Cụ Tôn Đức Thắng là Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương và 98 ủy viên trong Ủy ban Trung ương Mặt trận đại diện cho tất cả các đoàn thể thuộc nhiều xu hướng chính trị, tôn giáo, thành phần giai cấp khác nhau.

NĂM 1956

Ngày 4-3

Mỹ - Diệm tổ chức tuyển cử riêng rẽ, lập ra quốc hội bù nhìn, âm mưu biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt. Công nhân nhiều xí nghiệp và nhân dân miền Nam đấu tranh chống trở ngại "bầu cử quốc hội" bằng nhiều hình thức: xé khẩu hiệu, biểu ngữ, trốn tránh không đi bầu.

Tháng 8

Đồng chí Lê Duẩn soạn thảo "*Đề cương cách mạng miền Nam*" đề ra nhiệm vụ của nhân dân miền Nam là: Trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm tay sai Mỹ, giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách đế quốc phong kiến, thiết lập ở miền Nam một chính quyền liên hiệp có tính dân tộc, dân chủ, để cùng với miền Bắc thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất.

Ngày 18-8

Bộ Chính trị chỉ thị cho Xứ ủy Nam Bộ: "... Cần tổ chức ra những đội tự vệ ở các thôn, xã, nhà máy, đường phố, trường học. Nhiệm vụ của những đội tự vệ này là giữ gìn trật tự và bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng; thông tin, báo hiệu, canh gác các hội nghị của cán bộ và giải thoát cán bộ khi cần thiết... Các đội viên phải là thanh niên lao động hoặc đảng viên, tổ chức thành từng tổ và đội, có đội trưởng, đội phó".

Cuối năm 1956

Toàn quân căn bản hoàn thành chấn chỉnh tổ chức biên chế và trang bị. Từ chỗ đơn thuần là bộ binh, hoạt động phân tán trên các chiến trường, quân đội

ta đã tập trung xây dựng thành 14 sư đoàn (308, 312, 316, 320, 325, 350, 304, 305, 330, 328, 332, 324, 335, 338), 5 trung đoàn bộ binh độc lập, 4 sư đoàn pháo binh và các trung đoàn, tiểu đoàn công binh, thông tin, vận tải với biên chế và trang bị tương đối thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ huy và sẵn sàng chiến đấu.

NĂM 1957

Ngày 10-8

Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam tiến công thị trấn Minh Thạch ở Thủ Dầu Một, diệt bọn cảnh sát và quân ngụy, làm chủ thị trấn và trung tâm kinh tế, thu nhiều vũ khí, 10 xe GMC và khá nhiều chiến lợi phẩm, lương thực, tiền bạc.

Ngày 18-9

Lực lượng vũ trang cách mạng tiến công trại Be - Biên Hòa, một cơ sở khai thác gỗ rộng lớn của Trần Lệ Xuân, một vị trí quân sự quan trọng án ngữ vùng phía Nam. Bị đánh bất ngờ, địch bỏ chạy tán loạn, quân ta làm chủ trại, chiếm hơn 80 xe cơ giới, nhiều vũ khí có thể trang bị cho hơn một trung đội.

NĂM 1958

Tháng 5

Liên khu ủy Khu 5 ra nghị quyết về *xây dựng căn cứ địa cách mạng* và bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang: "Củng cố lực lượng vũ trang và nửa vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ địa làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Tổ chức tự vệ trong quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết".

Thực hiện nghị quyết của Liên khu ủy, trên địa bàn Khu 5 bắt đầu hình thành các tổ chức lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ hỗ trợ đấu tranh chính trị và vũ trang tự vệ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 24-5

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về kế hoạch học tập lý luận Mác - Lê-nin cho mọi cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao trình độ lý luận đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhân dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Tháng 6

Xứ ủy Nam Bộ quyết định *thành lập Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ* (sau đổi là Ban Quân sự Miền). Lực lượng trực thuộc: 3 đại đội bộ binh (250, 9, 59) và Đại

đội đặc công 60. Riêng tỉnh Tây Ninh (là căn cứ của Xứ ủy) tổ chức một liên đội phiên hiệu C100. Về xây dựng căn cứ địa, Xứ ủy quyết định xây dựng một căn cứ ở Tây Bắc Sài Gòn (khu B) thuộc huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; một căn cứ ở Đông Bắc Sài Gòn (khu A); từ Mã Đà đến Bù Cháp, tỉnh Thủ Dầu Một.

Ngày 11-10

Hai đại đội bộ binh (80, 90) và Đại đội đặc công 50, do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên - Trưởng ban Quân sự Miền chỉ huy, tiến công hai tiểu đoàn thuộc sư đoàn bộ binh 3 ngự ở quận lỵ Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một). Sau 30 phút chiến đấu, bộ đội ta làm chủ trận địa, diệt gần 200 tên, bắt 30 tên, thu hơn 200 súng các loại; tiếp đó đánh bại 1 tiểu đoàn ứng cứu. Quân địch đóng ở 20 đồn bốt xung quanh Dầu Tiếng hoảng sợ rút chạy. Đây là một trong những trận đánh lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang ta ở miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Ngày 25-10

Tiến công trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG).

Được sự giúp đỡ của nhân dân và được cơ quan địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi, một đơn vị vũ trang cách mạng đã đột nhập gọn vào trụ sở của phái bộ MAAG ở Biên Hòa. Bị đánh bất ngờ trong lúc đang tập hợp xem phim, 13 tên sĩ quan Mỹ đã chết tại chỗ, 6 tên khác bị thương nặng.

Ngày 1-12

* Mỹ - Diêm gây ra vụ đầu độc ở nhà lao Phú Lợi, giết hại hơn 1.000 đồng bào yêu nước. Một cao trào quần chúng đấu tranh chống địch tàn sát đã nổ ra khắp Sài Gòn, nhất là trong giới công nhân lao động, kéo dài tới tháng 3-1959.

NĂM 1959

Từ 7-1 đến cuối năm

Cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đêm 30 rạng ngày mồng 1 Tết âm lịch (7-2-1959) theo kế hoạch do chi bộ bí mật trong khu tập trung bố trí, tất cả đồng bào nổi dậy phá bỏ khu đồn ở Bờ Râu trở về làng cũ. Tiếp theo đến đầu tháng 4 - 1959, đồng bào bị dồn ở khu tập trung Tầm Ngân cũng bỏ về. Bị thất bại nặng nề, địch chuyển sang dùng những biện pháp tàn bạo để thực hiện kỳ được âm mưu dồn dân thâm độc của chúng. Nhân dân Bác Ái đã tiến hành cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên quyết bằng cả đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ bằng vũ khí thô sơ trong suốt hai năm 1959-1960. Được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang, phong trào nổi dậy giành chính quyền và giữ vững quyền làm chủ càng phát triển mạnh mẽ. Căn cứ Bác Ái được mở rộng cùng với căn cứ địa của các tỉnh tiếp giáp tạo thành một thể liên hoàn.

Cuối tháng 2

* Sư đoàn 338 bộ đội miền Nam tập kết và một số trung đoàn bộ binh trên miền Bắc chuyển thành các đoàn huấn luyện, chuẩn bị đưa bộ đội vào chiến trường miền Nam.

* Một số sư đoàn, lữ đoàn bộ binh của Bộ và trực thuộc Quân khu 4, Quân khu Tây Bắc chuyển sang biên chế thời chiến, sẵn sàng cơ động chiến đấu.

Ngày 5-5

Quân ủy Trung ương ra nghị quyết chính thức xây dựng con đường vận chuyển chi viện cho miền Nam “*đường mòn Hồ Chí Minh*”, gọi tắt là đường 559.

Ngày 7-5

Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ thị cho Xứ ủy Nam Bộ: “Cần sử dụng một cách linh hoạt vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị; trong những trường hợp cần thiết, để phục vụ cho phong trào đấu tranh chính trị, lực lượng vũ trang tuyên truyền có thể tiêu diệt từng bộ phận gian ác nhất của địch”.

Ngày 19-5

Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đoàn 559 - tổ chức hoạt động chi viện miền Nam, lúc đầu lấy tên là “*Đoàn Công tác quân sự đặc biệt*”, có nhiệm vụ mở đường, vận chuyển hàng quân sự, tổ chức đón bộ đội, cán bộ vào Nam và từ Nam ra Bắc. Thượng tá Võ Bẩm làm Đoàn trưởng kiêm Chính ủy.

Ngày 12 tháng 9 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra Quyết định (số 446-QĐ) hợp thức việc thành lập “*Đoàn Công tác quân sự đặc biệt*” lấy tên là Đoàn 559 (tên gọi thời điểm thành lập) và quy định lại nhiệm vụ của đoàn: Tổ chức mở đường giao thông quân sự vào miền Nam dọc theo dãy Trường Sơn; vận chuyển hàng quân sự cho miền Nam; đưa đón cán bộ, bộ đội hành quân vào chiến trường.

Ngày 7-7

Tổ biệt động gồm 6 chiến sĩ của Đại đội 250 cùng một tổ tự vệ của Ba Lẽ do Năm Hoa chỉ huy được cơ sở quần chúng hỗ trợ bí mật tập kích vào câu lạc bộ sĩ quan Mỹ ở Nhà Xanh (Biên Hòa). Với cách đánh nhanh, các chiến sĩ biệt động diệt và làm bị thương một số cố vấn Mỹ.

Ngày 28-8

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi).

Ngày 13-3-1959, 400 đồng bào 2 xã Trà Giang, Trà Thủy kéo xuống quận lỵ, biểu tình phản đối trò bầu cử “quốc hội” của Mỹ - Diệm. Địch đàn áp, giải tán cuộc biểu tình và mấy ngày sau đưa lính đến đàn áp, khủng bố. Trước tình hình đó, thường vụ cơ quan lãnh đạo tỉnh và Ban cán sự miền Tây đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy đấu tranh. Ngày 25-8-1959, Ban cán sự miền Tây chỉ thị cho phép lãnh đạo nhân dân chuẩn bị nổi dậy đánh trả lại địch; sử dụng đơn vị 339 đưa về các địa phương để hỗ trợ cho nhân dân và các lực lượng bán vũ trang đánh địch.

Sáng ngày 28-8-1959, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra thắng lợi ở vùng cao Trà Bồng. Các ủy ban tự quản của nhân dân lần lượt được thành lập. Ngày 3-9-1959, nhân dân xã Trà Phong mở Đại hội bầu ra Ủy ban nhân dân tự quản. Sau đó, lần lượt 16 xã vùng cao đã bầu ra Ủy ban nhân dân tự quản.

Liên tục 8 ngày đêm vùng dậy đấu tranh, nhân dân Trà Bồng đã đập tan bộ máy ngụy quyền trong thị xã, quét sạch các đồn bốt, giết chết 161 tên địch và làm bị thương hàng trăm tên khác.

Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan ra các huyện miền núi khác, theo đúng chủ trương của tỉnh. Từ cuối tháng 8 và tháng 9-1959, từ vùng cao đến vùng thấp các huyện miền Tây Quảng Ngãi bao gồm 4 dân tộc Core, Hrê, Cà Dong, Kinh, đồng bào đã vùng lên khởi nghĩa, đập tan bộ máy ngụy quyền và thiết lập chính quyền cách mạng.

Ngày 26-9

Tiểu đoàn 502 tỉnh Kiến Phong (gồm 100 cán bộ, chiến sĩ) phục kích trung đoàn 42 ngụy ở Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung (xã Tân Hội Cơ, huyện Hồng Ngự) đánh thiệt hại 1 tiểu đoàn, bắt 105 tên (có ban chỉ huy), thu 48 tàu xuồng, 11 máy vô tuyến điện, 365 súng các loại và 30.000 viên đạn. Vũ khí chiến lợi phẩm được trang bị cho 23 đội vũ trang công tác ở các huyện Hồng Ngự, Cao Lãnh (Kiến Tường).

Tháng 10

Tại miền Đông Nam Bộ, nông dân các huyện Châu Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu, thuộc tỉnh Tây Ninh, trong 3 năm liên tiếp, đã nổi dậy vũ trang diệt đại bộ phận các tổ chức kìm kẹp của địch ở trong xã. Các cuộc nổi dậy lan ra từ miền Tây, miền Đông sang miền Trung Nam Bộ.

NĂM 1960

Ngày 17-1

Cuộc đồng khởi của đồng bào tỉnh Bến Tre.

Đêm 2-1-1960, tại xã Tân Trung, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Bến Tre họp bàn về chủ trương đồng khởi. Hội nghị nhất trí: phát động một tuần lễ toàn dân đồng thời, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông dân, làm chủ ruộng vườn. Hội nghị quyết định khởi nghĩa thống nhất từ ngày 17-1-1960 đến ngày 25-1-1960, lấy Cù Lao Minh¹, cụ thể gồm 3 huyện Minh Tân, Mỏ Cày, Thạnh Phú làm điểm đột xuất mà điểm chính là Mỏ Cày.

Kế hoạch tiến hành được giữ bí mật tuyệt đối. Đúng 8 giờ sáng ngày 17-1-1960, tại xã Định Thủy (cách thị xã Mỏ Cày 3km), các đồng chí lãnh đạo đã chớp

1. Bến Tre gồm hai cù lao: Cù Lao Minh và Cù Lao Bảo.

thời cơ nổ súng. Định Thủy làm sớm. Còn Thạnh Phú, Minh Tân, Mỏ Cày đồng thời nhất loạt đêm 17-1-1960.

Qua một đêm đồng khởi, bộ máy kìm kẹp của địch ở một số xã bị tan rã hẳn. Sau 2 ngày mất bớt Định Thủy, bớt Bình Khánh, Phước Hiệp địch bỏ chạy luôn. Ta giải phóng hoàn toàn 3 xã: Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh.

Trước thắng lợi của cách mạng, địch điên cuồng phản kích lại. Ngày 22-2-1960, chúng cho một đại đội từ Mỏ Cày vào Phước Hiệp. Ngày 24-2-1960, địch huy động 3 ngàn quân đánh vào Phước Hiệp, Bình Khánh, Định Thủy hòng tiêu diệt cách mạng, nhưng chúng thất bại. Súng “ngựa trời” của nông dân miền Nam anh hùng lần đầu tiên xuất hiện trong trận này. Cuộc đồng khởi của đồng bào tỉnh Bến Tre đã kết thúc thắng lợi. Từ đây, làn sóng đồng khởi như nước vỡ bờ lan ra khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

Ngày 15-3

Xuất hiện đội quân tóc dài.

Trong cao trào “đồng khởi” của Bến Tre, lần đầu tiên, hơn 5.000 phụ nữ gồm đủ các thành phần; bà già, trẻ em của các xã Phước Hiệp, Bình Khánh, Định Thủy, Đa Phước Hội, An Định, Thành Thới hợp thành một đoàn người đội khăn tang, mặc áo rách, bông con, kéo vào quận Mỏ Cày, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi bồi thường tính mạng, đòi trừng trị bọn ác ôn ở Phước Hiệp.

Bè lũ Mỹ - Diệm rất sợ lực lượng hùng hậu này và chúng đã phải gọi là “đội quân tóc dài”.

Ngày 4-7

Bộ Chính trị ra Quyết nghị (số 118/QN-TW) về thành phần *Hội đồng Quốc phòng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*: Chủ tịch: Đồng chí Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch: đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Võ Nguyên Giáp; các Ủy viên: Văn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Trân và Chu Văn Tấn.

Cuối tháng 7

Khu ủy Khu 5 chủ trương mở đợt hoạt động vũ trang trong toàn khu nhằm củng cố và mở rộng căn cứ Tây Nguyên và miền tây các tỉnh, giành quyền làm chủ ở vùng giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi.

Mở đầu đợt hoạt động, lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận tiến công Bắc Ruộng, quận Hoài Đức (31-7-1960), diệt và bắt 300 tên địch. Tiếp đó lực lượng vũ trang Ninh Thuận diệt các đồn Tà Lú, Ma Ty, bao vây đồn Suối Đầu huyện Bắc Ái (8-1960).

Ngày 20-10

*** Cuộc nổi dậy đồng loạt của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên.**

Từ tháng 9-1960 ở đồng bằng Khu 5, lực lượng vũ trang tập trung của ta đã đánh một số trận ở Duy Xuyên, Đại Lộc (Quảng Nam), Tuy Hòa (Phú Yên). Cùng với tiến công quân sự, các cuộc nổi dậy của quần chúng cũng phát triển mạnh mẽ. Ở Tây Nguyên, bắt đầu từ cuộc tiến công và nổi dậy ở Đắc Tả, đã dấy lên thành một cao trào cách mạng của quần chúng đều khắp cả ba tỉnh ở Tây Nguyên.

Ngày 20-10-1960, quân và dân Công Tum đã đồng loạt tiến công vào các đồn Đắc Lay, Đắc Tả, Đắc Bun... Cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân Công Tum, đặc biệt là cuộc tiến công và nổi dậy ở Đắc Tả (nằm trên đường chiến lược 14, ở phía bắc Kon Tum) có ảnh hưởng rất lớn đối với phong trào miền núi. Lực lượng vũ trang và nhân dân ở Gia Lai, Đắc Lắc cũng lần lượt tiến công và nổi dậy đánh địch, giành quyền làm chủ. Tính chung, đến cuối năm 1960, ta đã làm chủ 3.200 trong tổng số 5.721 thôn với 530.000 trong tổng số gần 1 triệu đồng bào ở Tây Nguyên.

Ngày 20-12

Thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam.

Trong cao trào cách mạng, hồi 8 giờ tối ngày 19 tháng 12 năm 1960, tại một vùng giải phóng của miền Đông Nam Bộ, đại biểu các giai cấp, các đảng phái, các tôn giáo, các dân tộc toàn miền Nam đã họp Đại hội để thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Một giờ sáng ngày 20-12, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam long trọng tuyên bố thành lập. Mặt trận công bố Chương trình hành động gồm 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, nhằm xây dựng một miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, thống nhất nước nhà.

NĂM 1961

Tháng 1

Tổng Quân ủy ra chỉ thị thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam - *"Một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng sáng lập và xây dựng, giáo dục và lãnh đạo... Kế tục truyền thống quật khởi và đoàn kết chiến đấu của nhân dân miền Nam anh hùng, kế tục truyền thống vẻ vang phục vụ nhân dân của Quân đội nhân dân Việt Nam, mục tiêu chiến đấu của quân đội đó là kiên quyết thực hiện chương trình, cương lĩnh, đường lối của Đảng, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, tiến lên xã hội chủ nghĩa. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vừa là một đội quân chiến đấu vừa là một đội quân công tác và sản xuất. Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, Quân giải phóng miền Nam sẽ xây dựng ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích".*

Cuối tháng 1

Thành lập Trung ương Cục miền Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) được cử làm Bí thư Trung ương Cục. Các đồng chí Trần Lương (Trần Nam Trung), Phan Văn Đáng (Hai Văn), Nguyễn Văn Xô, Võ Chí Công, Võ Văn Kiệt, Phạm Thái Bường (Ba Hường), Trần Văn Quang làm ủy viên.

Ngày 15-2

Thống nhất các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng thành “Giải phóng quân miền Nam Việt Nam”.

Các đội vũ trang tự vệ được thành lập từ những năm 1957-1958 để chống tàn sát khủng bố, bảo vệ cơ sở, bảo vệ lực lượng cách mạng, tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền, diệt tề, trừ gian. Đến năm 1959, 1960 cùng với sự phát triển của cách mạng miền Nam, lực lượng vũ trang địa phương cũng phát triển nhanh chóng.

Trước tình hình đó, ngày 15-2-1961 tại chiến khu Đ, một hội nghị quân sự quan trọng được tổ chức để thống nhất các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng ở miền Nam (lúc này đã có đủ ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích). Hội nghị quyết định: Thống nhất tất cả các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam thành “Giải phóng quân miền Nam” và đặt dưới một sự chỉ huy chung là Bộ tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại biểu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã trao cho quân đội và các binh chủng thuộc Giải phóng quân các lá Quân kỳ có hàng chữ: “*Giải phóng quân anh dũng chiến thắng*”.

Ngày 11-5

* Mỹ đưa thêm 400 binh sĩ thuộc lực lượng đặc biệt Mỹ và 100 cố vấn Mỹ sang miền Nam Việt Nam; phát triển quân ngụy lên 20 vạn quân chính quy, 6,8 vạn quân bảo an, xây dựng và mở rộng lực lượng quân sự địa phương.

Tháng 5

Tổng thống Mỹ, Ken-nơ-di quyết định thi hành chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” ở miền Nam Việt Nam (1961-1965). Thực hiện “*chiến tranh đặc biệt*” ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tiến hành một loại chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, một là dùng quân đội Sài Gòn làm lực lượng chiến lược chủ yếu, do Mỹ cung cấp trang bị, vũ khí, tài chính và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự và dân sự từ trung ương đến các tỉnh và đặc khu, các sư đoàn và tiểu đoàn; hai là sử dụng kết hợp ba biện pháp chiến lược cơ bản: tìm diệt bộ đội chủ lực và hạ tầng cơ sở cách mạng; bình định để nắm dân; phong tỏa biên giới và vùng biển để ngăn chặn chi viện từ miền Bắc, kết hợp với phá hoại miền Bắc bằng biệt kích. Đế quốc Mỹ coi bình định là mục tiêu chủ yếu và biện pháp trung tâm trong suốt cuộc chiến tranh, tìm diệt là biện pháp hỗ trợ cho bình định đạt hiệu quả.

Ngày 1-6

Đoàn cán bộ quân sự thứ hai tăng cường cho chiến trường miền Nam gồm 400 người, do đồng chí Nguyễn Hoàng Lâm (Nguyễn Văn Búa) và đồng chí Lê Quốc Sản dẫn đầu hành quân từ miền Bắc vào chiến trường.

Tháng 8

Thường vụ Khu ủy 5 phát động đợt hoạt động vũ trang trong toàn khu.

Thường vụ Khu ủy chủ trương "tiếp tục tiến lên làm chủ mạnh hơn nữa ở miền núi, mạnh dạn tiến lên giành lại từng phần đến toàn bộ nông thôn đồng bằng". Để thực hiện chủ trương này, Thường vụ Khu ủy quyết định phát động một đợt hoạt động vũ trang tập trung, mạnh mẽ, liên tục trong 5 tháng cuối năm 1961.

Ngày 30-8 - 2-9

Tiểu đoàn bộ binh 90, đội đặc công 406, phân đội học viên Trường Quân chính Quân khu 5 và lực lượng vũ trang địa phương tiến công quận lỵ Đắc Hà (Tu Mơ Rông) nằm trên đường 14 (bắc thị xã Kon Tum). Đêm 30 tháng 8, bộ đội ta tập kích quận lỵ Đắc Hà, diệt gọn đại đội bảo an. Ngày 2 tháng 9, ta phục kích địch từ Đắc Tô đến ứng cứu Đắc Hà, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, bắt gần 100 tên địch, thu nhiều vũ khí. Phối hợp với tiến công quân sự, nhân dân 28 ấp dọc đường số 5 liên tỉnh (gồm Đắc Hà, Măng Dku, Giá Vụt) nổi dậy, phá tan hàng chục ấp chiến lược và khu dinh điền của địch, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng.

Đêm 17 rạng 18-9

Chiến thắng Phước Thành.

Phước Vĩnh, tỉnh lỵ Phước Thành là một trung tâm hành chính và quân sự của địch, nằm sát vùng căn cứ của ta, một hậu cứ của các cuộc hành quân càn quét vào chiến khu Đông Bắc. Lực lượng địch ở đây, ngoài các đơn vị bảo vệ cơ quan, công an, biệt kích và nhiều đơn vị dân vệ, còn có một tiểu đoàn bảo an và một tiểu đoàn biệt động.

Dựa vào ưu thế tinh thần, phát huy chiến thuật bộ binh kết hợp đặc công, đêm 17 rạng 18-9-1961, các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Phước Thành đã đột kích mạnh và nhanh vào thị xã Phước Thành, cách Sài Gòn gần 50km. Ngay trong 30 phút đầu, ta đã tiêu diệt hết tiểu đoàn biệt động, giết và làm bị thương gần 200 tên trong đó có 3 thiếu tá, 2 đại úy, bắt 100 tên, thu 400 súng, giải phóng 600 đồng bào.

NĂM 1962**Ngày 9-2**

Thành lập Trung đoàn bộ binh 1 (Q.761 còn gọi là C56) chủ lực Miền tại Trảng Dài (Tây Ninh). Trung đoàn trưởng: Tăng Thiên Kim (tức Hoàng Đình Chương); Chính ủy: Lê Văn Nhỏ (tức Hai Lâm).

Đây là trung đoàn chủ lực cơ động đầu tiên trên chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 18-2

Chống chiến dịch U Minh¹.

Địch mở chiến dịch lớn đánh vào vùng U Minh Hạ (Cà Mau) nhằm dồn 60 ngàn dân U Minh vào “ấp chiến lược”. Lực lượng địch tập trung trong chiến dịch này gồm 9 tiểu đoàn.

Quân dân U Minh đã dùng đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để chống lại. Hàng ngày có từ 300-500 người kéo đến trụ sở tế quận, đồn bốt, tố cáo tội ác của địch, đi đôi với đấu tranh chính trị, lực lượng vũ trang bám sát địch, đánh địch, đồng thời tấn công, tiêu diệt những nơi địch sơ hở: Đầm Dơi, Cái Nước, bứt rút 4 căn cứ khác. Tính chung, suốt thời gian chiến dịch, địch bị đánh 725 trận, chết 572 tên, bị thương 558 tên.

Tháng 2 - tháng 5

Bộ đội chủ lực Khu 5 phối hợp với bộ đội địa phương và du kích *tiến công quận lỵ Trà My* (Quảng Nam), Trà Bồng (Quảng Ngãi); các căn cứ Định Quang, Hương Nhơn (Bình Định), An Lĩnh, Núi Miếu, Hòn Ngang (Phú Yên), các bốt bảo an, dân vệ Hữu Đức, Từ Lâm (Ninh Thuận), Đồng Kho (Bình Thuận); phục kích diệt bốn đoàn tàu quân sự địch trên đoạn đường Ma Lâm - Long Thạnh, Ma Lâm - Mường Mán (Bình Thuận).

Ngày 24-5

* Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam kêu gọi đồng bào miền Nam, binh sĩ trong quân đội nguy hiểm vùng lên đấu tranh phá “ấp chiến lược”. Mặt trận chỉ rõ: “Cuộc đấu tranh này sẽ diễn ra ác liệt, khó khăn, nhưng địch nhất định sẽ thất bại thảm hại, ta sẽ giành được những thắng lợi có tính chất quyết định”.

Ngày 10-8

Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức công bố đường lối trung lập của Mặt trận.

Đường lối hòa bình trung lập đã được nói đến từ ngày phát hành cương lĩnh mặt trận. Phát triển chủ trương đó, Mặt trận đề ra thành 14 điểm cụ thể. Mặt trận khẳng định rằng: Chủ trương trung lập của Mặt trận là chủ trương đấu tranh chống đế quốc Mỹ chứ không phải là bất cứ chủ trương trung lập nào.

Ngày 15 - 30-8

* *Chống chiến dịch “Bình Tây”.*

1. Trong năm 1962, địch mở 20 chiến dịch lớn và hàng vạn cuộc càn quét.

Mỹ - Diệm chuẩn bị chiến dịch này trong nhiều tháng. Mục đích của chiến dịch này là tiêu diệt du kích, kiểm soát lại một phần đất đã mất và tiến hành dồn dân một cách quy mô vào “ấp chiến lược”.

Chiến dịch này tiến hành theo hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ 15 đến 18-8-1962 nhằm đánh vào các vùng Cái Nước, sông Ông Đốc, U Minh Hạ. Giai đoạn thứ hai từ 21-8 đến 30-8-1962 đánh vào quận Gia Rai, vùng duyên hải Sóc Trăng và quận Long Mỹ. Nhưng kết cục, Mỹ - Diệm đều thất bại thảm hại trước chiến thuật của quân giải phóng miền Nam: “Địch tiến, ta tránh; địch lui, ta đánh”.

Bộ đội địa phương tỉnh Bình Thuận tiến công quận lỵ Hàm Tân, đánh địch tiếp viện, diệt gọn một đại đội và 150 tên khác. Tiểu đoàn 90 bộ đội địa phương Quảng Ngãi đánh bại cuộc tiến công bằng chiến thuật “trục thẳng vận” của một tiểu đoàn biệt kích dù ngụy vào khu căn cứ Nà Niu, huyện Trà Bồng, bắn rơi 13 máy bay lên thẳng.

Ngày 5-12

Nhằm tiêu diệt sở chỉ huy tiền phương sư đoàn bộ binh 23 ngụy, đại đội đặc công 121 phối hợp với đại đội bộ binh 25 và một bộ phận hỏa lực của Quân khu 6 tiến công căn cứ Đầm Ròn (Tuyên Đức). Đêm 4 rạng 5 tháng 12, ta bí mật tiếp cận, bất ngờ nổ súng, đánh thiệt hại nặng sở chỉ huy sư đoàn 23, phá hủy 2 pháo 105mm, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 300 tên địch. Chiến thắng Đầm Ròn góp phần hỗ trợ nhân dân địa phương nổi dậy phá ấp chiến lược, diệt chi khu Đơn Dương. Đây là trận thắng lớn nhất của lực lượng vũ trang ta trên địa bàn Quân khu 6 kể từ sau năm 1960.

NĂM 1963

Ngày 2-1

** Chiến thắng vang dội Ấp Bắc.*

Ngày 2-1, địch huy động 200 quân, gồm đủ các binh chủng cùng với 1 đại đội đại bác 105mm, 1 đại đội xe lội nước M.113, 13 tàu chiến, 21 máy bay các loại dưới sự chỉ huy của tên thiếu tướng Mỹ R.Yok, tư lệnh dã chiến của cơ quan nghiên cứu và phát triển của bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam, mở cuộc càn quét lớn vào Ấp Bắc, một ấp nhỏ chưa đầy 600 dân thuộc xã Tân Phú, quận Cai Lậy, cách thị xã Mỹ Tho 15km.

Trận đánh diễn ra từ 6 giờ sáng cho đến gần tối. Địch đã cho máy bay trút hàng chục tấn bom đạn xuống cái xóm nhỏ này. Tính từ sáng đến tối, đã có hơn 1.000 quả đại bác đã rơi vào Ấp Bắc. Nhưng kết cục địch đã thất bại thảm hại. Tại đây, lần đầu tiên, với số quân ít hơn địch 10 lần, quân dân miền Nam đã đánh thắng lớn: tiêu diệt 450 tên địch, trong đó có 13 sĩ quan Mỹ gồm 1 thiếu

tá; bắn rơi 6 máy bay, bắn bị thương 15 chiếc khác, bắn cháy 3 xe lội nước M.113, bắn chìm 1 tàu chiến, thu một số súng.

** Chiến thắng Plây Mơ Rông.*

Hơn 2 tiểu đoàn quân Mỹ - Diệm đóng ở đây bị Quân giải phóng đánh tan, hàng trăm thanh niên người Thượng được trở về làng, mang theo súng đạn, 250 tên địch bị giết và bị thương, 140 tên bị bắt. Chiều 3-1, máy bay lên thẳng của Mỹ - Diệm chở quân, đến càn quét quanh Plây Mơ Rông, nhưng không gặp Quân giải phóng mà chỉ gặp hầm chông do những học sinh quân sự người Thượng cắm.

Ngày 13 - 17-3

Đánh bại chiến dịch "Đức Thắng".

Ngày 13-3, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Đức Thắng, càn quét vào một vùng diện tích 1.000km² phía đông Đồng Tháp Mười. Dịch huy động vào chiến dịch này một lực lượng gồm 9.000 quân do tướng Huỳnh Văn Cao chỉ huy. Tham gia chiến dịch có 20 máy bay lên thẳng, 20 máy bay khu trục và trinh sát, nhiều xe thiết giáp M.113. Sau 4 ngày càn quét, 300 tên địch bị giết và bị thương, 2 xe M.113 bị phá hủy, 1 giang đình bị đắm.

Ngày 21-4

Chiến thắng Biện Nhị.

Đêm 21-4-1963, Quân giải phóng miền Nam tấn công Biện Nhị, một cứ điểm của địch trên bờ sông Trẹm, Cà Mau, do một đơn vị chủ lực đóng giữ. Sau 2 đêm tấn công (đêm 21 và đêm 22-4-1963), Quân giải phóng đã hạ tất cả 4 đồn thuộc cứ điểm Biện Nhị, diệt toàn bộ 340 tên địch, thu 173 súng. Sáng 23-4, khi máy bay địch đổ quân xuống ứng cứu, thì quân giải phóng đã rút đi, cả đồng bào bị cưỡng ép tập trung quanh cứ điểm cũ đã dọn nhà đi nơi khác.

Từ 12 đến 19-6

Đánh thắng cuộc càn quét ở chiến khu Đ.

Ngày 12-6-1963, Mỹ - Diệm đưa 1.000 quân, 35 chiến thuyền trên sông đi lên Dầu Tiếng, hỗ trợ cho bộ binh càn quét vùng bắc Bến Cát. Đến ngày 19-6, chúng lại đưa một trung đoàn bộ binh, 100 chiếc M.113 và 20 ca nô, nhiều máy bay đến càn quét vùng nam Bến Cát.

Quân giải phóng miền Nam đã đập tan cả 2 cuộc càn quét này, giết và làm bị thương 574 tên địch, bắn rơi, bắn hỏng 14 máy bay, diệt nhiều đồn, buộc địch phải rút khỏi 16 đồn và 19 tháp canh, đặc biệt buộc địch phải rút bỏ căn cứ hành quân Ràng mà chúng đã cắm sâu vào lòng chiến khu Đ từ đầu năm 1963.

Ngày 5-7

Trận chống càn Giồng Trôm (Bến Tre).

Địch huy động hơn một trung đoàn quân chủ lực, một tiểu đoàn biệt động quân, một đại đội xe lội nước M.113, hai đại đội bảo an, 21 máy bay các loại càn

quét vùng Thạnh Phú, Giồng Trôm. Sau một ngày chiến đấu, quân dân Giồng Trôm đã diệt 350 tên địch, trong đó có 1 thiếu tá Mỹ bị thương và 4 tên Mỹ chết, bắn rơi và bắn hỏng 3 máy bay.

Ngày 20-7

Trận chống càn Quơn Long - Chợ Gạo (Mỹ Tho).

Địch huy động 2.000 quân, gồm 4 tiểu đoàn chủ lực của sư đoàn 7, một tiểu đoàn biệt động quân, các đại đội bảo an địa phương, trên 40 máy bay, trên 40 xe lội nước M.113, 27 tàu chiến do tên thiếu tướng Huỳnh Văn Cao chỉ huy, càn quét vùng Quơn Long - Chợ Gạo (Mỹ Tho). Trong trận chống càn ở thị xã này, quân dân Mỹ Tho đã tiêu diệt 450 tên địch, trong đó có 2 sĩ quan Mỹ, bắn hỏng 3 xe lội nước M.113.

Ngày 10-8

Hai tiểu đoàn bộ đội chủ lực Quân khu 9 và tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh Cà Mau, dưới sự chỉ huy của đồng chí Phạm Thái Bường - Trưởng ban Quân sự khu tiến công 2 chi khu quân sự Cái Nước - Đầm Dơi. Đêm 9 rạng ngày 10, bộ đội ta tiến công cả 2 chi khu quân sự, tiếp đó phục kích đánh tan 1 tiểu đoàn quân cứu viện địch, diệt và làm bị thương 558 tên, bắn rơi và bắn hỏng 10 máy bay trực thăng, thu 200 súng, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá hơn 100 ấp chiến lược ở Cái Nước - Đầm Dơi, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng.

Đêm 8 rạng 9-9

Trận tấn công hai chi khu quân sự Đầm Dơi, Cái Nước.

Quân dân Cà Mau tiêu diệt chi khu Cái Nước, gồm 1 chỉ huy sở và 10 cứ điểm trong non nửa giờ, tiêu diệt và làm tan rã 260 tên địch, bắn cháy và bắn rơi 2 khu trục, bắn hỏng 6 chiếc khác, thu toàn bộ vũ khí, làm chủ chi khu Cái Nước trong 17 giờ. Cùng với trận tấn công vào Cái Nước, quân dân Cà Mau còn đánh chi khu Đầm Dơi, tiêu diệt 325 tên địch, bắn rơi 3 máy bay, làm chủ chi khu Đầm Dơi cho tới chiều 11-9.

Đêm 9 rạng 10-9

Trận đánh sân bay Sóc Trăng.

Để phối hợp hành động với các trận tấn công vào hai chi khu quân sự Cái Nước, Đầm Dơi, đúng 23 giờ 50 phút ngày 9-9, Quân giải phóng nổ súng vào sân bay Sóc Trăng. Sau 15 phút chiến đấu, Quân giải phóng đã phá hủy và làm hư 50 chiếc máy bay, diệt trên 100 tên địch.

Ngày 18 - 19-10

Chiến thắng Lộc Ninh (Bạc Liêu), trận Ấp Bắc thứ hai.

Tiểu đoàn T80 bộ đội địa phương và du kích các xã Vĩnh Lộc, Vĩnh Hòa tiến công địch ở xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân (Bạc Liêu). Đêm 18, tiểu đoàn 180 cùng du kích tập kích địch ở Bến Luông. Ngày 19, địch dùng máy bay trực thăng

đổ bộ 4 đợt quân xuống các khu vực Ngân Bình, Ba Ai, Bà Hội, Tà Hồng hùng cứu nguy cho lực lượng ở Lộc Ninh. Dựa vào làng xã chiến đấu, bộ đội và du kích chiến đấu quyết liệt, bẻ gãy các đợt tiến công của địch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 600 tên (có 22 cố vấn Mỹ), bắn rơi 6 máy bay trực thăng. Trận Lộc Ninh đánh bại chiến thuật “trục thăng vận” của Mỹ, mở ra khả năng đánh điểm, diệt viện trên chiến trường miền Tây Nam Bộ.

Tháng 10

* *Thành lập Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền.* Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục làm Bí thư Quân ủy Trung ương; Trần Văn Trà - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh.

Ngày 1-11

Các tướng trong quân đội Việt Nam cộng hòa (quân đội ngụy) gồm: Trần Văn Đôn - tổng trưởng quốc phòng cùng Dương Văn Minh, Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính..., lập hội đồng quân nhân, tổ chức đảo chính lật đổ Diệm. Kế hoạch này được tòa Đại sứ Mỹ đứng đầu là Ca-bốt-lốt ủng hộ.

Lực lượng tham gia đảo chính gồm: Tiểu đoàn 1 và 4 thủy quân lục chiến, tiểu đoàn 6 nhảy dù, chiến đoàn thiết giáp 24 (thuộc thiết đoàn Vạn Kiếp), sư đoàn bộ binh 5, trung đoàn 10 và thiết đoàn 2 của sư đoàn 7 bộ binh và 1 đại đội truyền tin.

Cuộc đảo chính bắt đầu từ 13 giờ ngày 1 tháng 11 và kết thúc lúc 6 giờ 30 phút ngày 2 tháng 11 năm 1963. Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu bị bắn chết, Dương Văn Minh lên làm tổng thống ngụy quyền.

Đêm 22 rạng 23-11

Trận tấn công cứ điểm Hiệp Hòa.

Được sự phối hợp của một số binh sĩ yêu nước trong quân đội Diệm, hồi 2 giờ 45 phút ngày 23-11, Quân giải phóng tấn công trại huấn luyện quân sự đặc biệt Hiệp Hòa ở sát thị xã Hiệp Hòa, tỉnh Chợ Lớn, cách Sài Gòn 40km. Cứ điểm này vào loại kiên cố nhất trong vùng: rộng mỗi bề 1km có nhiều hàng rào dây thép gai, đồn bốt bao bọc.

Trận đánh diễn ra 40 phút. Lần đầu tiên một trại huấn luyện đặc biệt của Mỹ bị chiếm chỉ sau hơn nửa giờ. Quân giải phóng tiêu diệt 255 tên địch, thu trên 400 súng các loại.

Đêm 23 rạng 24-11

“Tấn công cứ điểm Chà Là”¹.

Một giờ sáng ngày 24-11, sau hai tiếng đồng hồ bị tấn công, toàn bộ cứ điểm Chà Là, gồm 3 đồn chính, nằm trên tả ngạn và hữu ngạn sông Bảy Háp (Cà Mau), nằm gọn trong tay Quân giải phóng. Quân giải phóng đã tiêu diệt 100 tên

1. Vị trí quân sự Chà Là thuộc xã Tân Hưng Đông, quận Cái Nước, cách thị xã Cà Mau 20km về phía nam.

địch, bắt sống 60 tên, thu 100 súng. Suốt ngày 24-11, địch huy động 65 máy bay, lần lượt đổ xuống 5 tiểu đoàn tiếp cứu cho cứ điểm Chà Là. Quân giải phóng đã tiêu diệt trên 240 tên địch, bắt sống 60 tên, bắn rơi 18 máy bay, bắn hỏng nhiều chiếc khác.

Ngày 31-12

Trung đoàn bộ binh 2 (thiếu) chủ lực Miền gồm 2 tiểu đoàn và 1 đại đội bộ binh đánh tiểu đoàn biệt động quân 32 “Cọp đen” thuộc sư đoàn 5 ngụy do cố vấn Mỹ chỉ huy tại ấp Đường Long, huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một).

Mặc dù địch dùng máy bay ném bom bắn phá dữ dội, bộ đội ta giữ thế chủ động tiến công địch, kết hợp truy kích, bao vây chặn đánh dồn dập, diệt và làm bị thương 250 tên (gồm cả ban chỉ huy tiểu đoàn), bắt 58 tên địch và 1 cố vấn Mỹ, bắn rơi 3 máy bay trực thăng, thu 110 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự.

Đây là lần đầu tiên một trung đoàn (thiếu) quân chủ lực Miền tiêu diệt một tiểu đoàn quân chính quy ngụy, góp phần đánh bại cuộc càn “Đại phong 35” vào Thủ Dầu Một, Tây Ninh của địch.

NĂM 1964

Ngày 3-1

* Bộ Quốc phòng Quyết định (số 01/QĐ), thành lập Bộ tư lệnh Hải quân, trên cơ sở Cục Hải quân. Tư lệnh kiêm Chính ủy: Thiếu tướng Tạ Xuân Thu; Phó tư lệnh: đại tá Nguyễn Bá Phát.

Ngày 2-2

Tập kích tiêu diệt 100 “cố vấn” Mỹ ngay giữa thị xã Kon Tum.

Ở thị xã Công Tum có trên 200 quân nhân Mỹ, vừa để chỉ huy sư đoàn 22 ngụy, vừa để xây dựng “lực lượng đặc biệt” riêng của Mỹ. Số lớn “cố vấn” Mỹ tại thị xã ở trong một trại riêng, thường xuyên có 136 sĩ quan cấp tá trở xuống...

Sau một thời gian chuẩn bị, điều tra tỉ mỉ về các mặt của địch, ngày 2-2-1964, Quân giải phóng tấn công trại này, diệt 100 tên “cố vấn” Mỹ.

Ngày 17-3

Tổng thống Mỹ thông qua kế hoạch Mác Na-ma-ra. Nội dung gồm: tăng cố vấn là nhân viên quân sự lên 25.000, lập bộ chỉ huy liên hợp Việt - Mỹ, tăng quân đội Sài Gòn lên 550.000, đẩy mạnh bình định có trọng điểm, tiêu diệt các tổ chức quân sự, chính trị của cách mạng, kiểm soát toàn bộ lãnh thổ miền Nam; đồng thời tăng cường phá hoại miền Bắc và Lào nhất là các tuyến vận tải chiến lược dọc biên giới Việt - Lào, Việt Nam - Cam-pu-chia, nhằm gây sức ép buộc miền Bắc phải ngừng chi viện miền Nam.

Ngày 27 - 28-3

Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt nhằm tăng cường đoàn kết, quyết tâm chiến đấu trước tình hình đế quốc Mỹ đẩy mạnh “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, chuẩn bị chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Ngày 11 - 14-4**Chiến thắng Vĩnh Thuận (Rạch Giá).**

Được sự giúp đỡ của đồng bào địa phương, đêm 11-4, Quân giải phóng tấn công và tiêu diệt đoàn bộ chi khu quân sự Vĩnh Thuận sau không đầy 30 phút. Sáng 12-4, địch dùng máy bay lên thẳng đổ tiểu đoàn xuống, hình thành thế gọng kìm bao vây và cố tiêu diệt Quân giải phóng. Nhưng số quân này bị chặn đánh ngay từ đầu. Để gỡ nguy, địch lại ném thêm 4 đại đội vào trận đánh. Sáng 13-4 địch lại đem thêm 2 tiểu đoàn nữa là 6 tiểu đoàn để hòng vây chặt Quân giải phóng. Quân giải phóng chằng những ra khỏi vòng vây, mà còn bao vây bọn bao vây. Địch hoang mang, chụm lại vào công sự để ẩn nấp, nhưng lại bị Quân giải phóng pháo kích suốt đêm.

Kết quả, sau 3 ngày chiến đấu, quân và dân Hậu Giang đã giết, làm bị thương và bắt trên 1.000 địch, tiêu diệt toàn bộ ban chỉ huy quân sự và bọn tề điệp ở đó, san bằng 5 đồn, 3 lô cốt, phá hủy 1 khẩu đại bác 105mm, bắn rơi 2 máy bay, thu hơn 100 súng.

Trận Vĩnh Thuận là trận lớn nhất từ đầu năm 1964.

Ngày 1-5

Thành lập Mặt trận Tây Nguyên (B3) đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ huy trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh; đồng thời chịu sự lãnh đạo của Khu ủy 5 và quan hệ mật thiết với Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân khu 5.

Tư lệnh: Đại tá Nguyễn Chánh; Chính ủy: Đại tá Đoàn Khuê.

Ngày 2-5

* Hai chiến sĩ Lâm Sơn Náo và Nguyễn Phú Hùng (đội biệt động 65) đưa khối thuốc nổ 80kg xuống thuyền theo sông Sài Gòn đánh chìm tàu Card của Mỹ trọng tải 15.000 tấn, chở 21 máy bay lên thẳng HU-1A, 2 máy bay trinh sát L-19, 1 máy bay khu trục AD-26, 55 tên Mỹ chết và bị thương. Đây là một trong những chiến công xuất sắc của biệt động Sài Gòn trong những năm đánh Mỹ.

* Chiến sĩ biệt động Nguyễn Văn Trỗi gài mìn ở cầu Công Lý (Sài Gòn), nhằm giết bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mác Na-ma-ra khi sang miền Nam chỉ đạo mở rộng chiến tranh xâm lược. Kế hoạch bị lộ, Nguyễn Văn Trỗi bị bắt.

Ngày 5-8

Tổng thống Giôn-xơn, sau khi dựng lên cái gọi là “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” đã trực tiếp ra lệnh cho máy bay Mỹ tiến công bắn phá nhiều đợt xuống vùng phụ cận Vinh - Bến Thủy, vùng phụ cận thị xã Hòn Gai, cửa Lạch Trường (Thanh Hóa) và cửa sông Gianh (Quảng Bình). Bộ đội phòng không, các đơn vị hải quân

của ta và nhân dân các địa phương đã giáng cho bọn xâm lược Mỹ một đòn nảy lửa: bắn rơi 8 máy bay Mỹ, bắn bị thương 3 chiếc khác.

Quân và dân Nghệ An đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ đầu tiên trên miền Bắc và lập công đầu tiên của tỉnh nhà.

Quân và dân Quảng Bình lập chiến công đầu của địa phương: hạ 3 máy bay Mỹ.

Từ đó, ngày 5 tháng 8 trở thành ngày truyền thống của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Tháng 9

Trên chiến trường Tây Nguyên, vào giữa năm 1964, chiến tranh du kích được mở rộng, yêu cầu phải từng bước phát triển lên chiến tranh chính quy.

Trước yêu cầu đó, tháng 9 năm 1964, Bộ Chính trị quyết định thành lập Mặt trận Tây Nguyên (đổi phân khu miền Tây của Quân khu 5 thành lập Mặt trận Tây Nguyên (B3)).

Tháng 10

Bộ Chính trị cử Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó bí thư Quân ủy Trung ương vào chiến trường làm Chính ủy Miền. Cùng vào chiến trường đợt này có Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Thiếu tướng Trần Độ, đại tá Hoàng Cầm và nhiều cán bộ cao cấp, trung cấp có kinh nghiệm xây dựng bộ đội chủ lực và chỉ huy đánh lớn.

Ngày 18-11

Tại Cha Lo (miền Tây Quảng Bình), đại đội 3 tiểu đoàn 14 pháo cao xạ 37mm (Sư đoàn bộ binh 325) do đại đội trưởng Lê Hữu Mai và chính trị viên Nguyễn Viết Xuân chỉ huy, bắn rơi 1 máy bay RF-101 và 2 chiếc T-28. Giữa trận chiến đấu ác liệt, đồng chí Nguyễn Viết Xuân bị thương, nhưng quyết không rời vị trí, tiếp tục động viên đơn vị chiến đấu. Lời hô "*Nhằm thẳng quân thù, bắn!*" của chính trị viên Nguyễn Viết Xuân trong trận đánh trở thành khẩu lệnh chiến đấu của bộ đội phòng không - không quân và các lực lượng vũ trang nhân dân miền Bắc trong suốt những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngày 2-12 - 3-1-1965

Chiến dịch Bình Giã.

Lực lượng ta tham gia: 2 trung đoàn bộ binh (761, 762), Đoàn 80 pháo binh chủ lực Miền, 2 tiểu đoàn bộ binh (800, 500) của Quân khu 7, Tiểu đoàn pháo binh 186 của Quân khu 6; Đại đội 445 tỉnh Bà Rịa và lực lượng dân quân du kích trên địa bàn chiến dịch.

Ban chỉ huy chiến dịch có các đồng chí: Trần Đình Xu - chỉ huy trưởng, Lê Văn Tưởng - chính ủy, Nguyễn Hòa - phó chỉ huy trưởng kiêm tham mưu trưởng, Nguyễn Văn Bứa - phó chỉ huy trưởng, Lê Xuân Lựu - chủ nhiệm chính trị.

Diễn biến chiến dịch chia làm 2 đợt (2 -17 tháng 12 năm 1964, 27 tháng 12 năm 1964 - 3 tháng 1 năm 1965). Các đơn vị đánh 5 trận cấp trung đoàn, 2 trận cấp tiểu đoàn và một số trận khác. Kết thúc chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.700 tên (có hàng chục cố vấn Mỹ), bắt gần 300 tên địch, diệt gọn 2 tiểu đoàn chủ lực ngụy (tiểu đoàn thủy quân lục chiến số 4, tiểu đoàn biệt động quân 33) và 1 chi đoàn xe cơ giới M.113 (thuộc thiết đoàn 1), đánh thiệt hại 3 tiểu đoàn khác và nhiều đại đội; bắn rơi, phá hủy máy bay, phá hủy 45 xe quân sự, thu hơn một nghìn súng các loại và gần 100 máy thông tin.

Chiến dịch Bình Giả đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận” “thiết xa vận” làm tan rã hầu hết lực lượng dân vệ trên đường số 2 và huyện Hoài Đức, phá vỡ nhiều ấp chiến lược, giải phóng Phò Trì ven biển Hàm Tân, bảo đảm căn cứ tiếp nhận vũ khí của miền Bắc bằng đường biển, mở rộng căn cứ tỉnh Bình Thuận.

Đây là chiến dịch đầu tiên của bộ đội chủ lực trên chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ; một chiến dịch có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu sự thất bại của Mỹ - ngụy trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Đêm 6 rạng 7-12

Chiến thắng An Lão (Bình Định).

Quân giải phóng tấn công chi khu quân sự An Lão - một quận trong số 11 quận của tỉnh Bình Định và 3 cứ điểm Hội Long, Vạn Khánh, Đồi 193. Sau hai ngày liên tục và dũng cảm tấn công Quân giải phóng đã tiêu diệt địch trên một tuyến dài 22km, làm chết và bị thương 681 tên địch, trong đó có 5 tên xâm lược Mỹ, giải phóng 150.000 đồng bào, bắn cháy và phá hủy 6 xe lội nước bọc sắt M.113, thu trên 300 súng các loại trong đó có 2 đại bác 105mm, bắn rơi 1 máy bay.

NĂM 1965

Ngày 29-1

Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam đột nhập chỉ huy sở của phái đoàn “Viện trợ” quân sự MAAG, tiêu diệt toàn bộ 55 sĩ quan Mỹ, gồm 2 tên cấp tướng, 15 tên cấp tá và 38 hạ sĩ quan.

Ngày 1-2

Đại đội 13 pháo binh Vĩnh Linh bắn chìm chiếc tàu biệt kích đầu tiên của Mỹ - ngụy, mở đầu bằng vàng lập công, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng hải quân của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng.

Ngày 7-2

** Trận tập kích Plây Cu¹.*

1. Trong tháng 2-1965, quân dân miền Nam đã đánh 1.600 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 18.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy 111 máy bay, phá 114 xe quân sự.

Sau khi lệnh ngừng bắn trong ngày Tết của Mặt trận dân tộc giải phóng vừa chấm dứt, đêm 6 rạng 7-2, Quân giải phóng được sự giúp đỡ của một số binh sĩ yêu nước đã cùng một lúc tiến công vào sở chỉ huy quân đội Mỹ và sở chỉ huy quân đoàn 2 nguy ở thị xã Plây Cu và vào sân bay Plây Cu. Quân giải phóng vượt qua vành đai trắng và các đồn, đưa hỏa lực tới sát mục tiêu, diệt 357 tên xâm lược Mỹ, hầu hết là sĩ quan, chuyên viên, cố vấn các loại; diệt gọn trung đội bảo vệ sân bay, phá hủy 42 máy bay, đánh sập 52 nhà. Quân giải phóng còn đánh một đoàn xe quân sự địch từ Plây-cơ-rông đi Plây Cu, phá hủy 6 xe, diệt 25 tên.

** Chiến thắng Phù Mỹ (Bình Định).*

Sáng 7-2, Quân giải phóng tấn công cứ điểm Dương Liễu ở phía bắc thị trấn Phù Mỹ (Bình Định) 14km, do 1 đại đội chủ lực và 3 trung đội dân vệ đóng giữ, diệt toàn bộ quân địch, san bằng cứ điểm này, thu 169 súng. Sáng 8-2 địch cho 4 tiểu đoàn cùng 1 chi đoàn xe lội nước M.113, 1 đại đội pháo binh đến cứu viện. Quân giải phóng phục kích ở Đèo Nhông, phía bắc thị trấn Phù Mỹ 7km diệt hoàn toàn 2 tiểu đoàn địch, 2 chi đội xe lội nước M.113, đánh tan 1 chi đội xe lội nước còn lại. Tính chung trong trận diệt đồn Dương Liễu và đánh viện ở Đèo Nhông, Quân giải phóng đã diệt 858 địch, phá 10 xe lội nước M.113, thu 391 súng.

Ngày 7 - 8-2

Đế quốc Mỹ bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân có tính chất liên tục. Trong hai ngày, máy bay phản lực Mỹ từ hạm đội 7 và từ miền Nam Việt Nam đã đến ném bom bắn phá thị xã Đông Hới, đảo Côn Cỏ, Vĩnh Linh. Trong hai ngày 7 và 8 tháng 2, 13 máy bay địch đã bị bắn rơi và nhiều chiếc khác bị thương.

Ngày 8 tháng 2, quân và dân Vĩnh Linh đã lập chiến công đầu vẻ vang: hạ 6 máy bay giặc Mỹ.

Cùng với hành động phá hoại bằng không quân trong tháng 2 năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng hải quân. Chúng cho các tàu chiến, tàu biệt kích xâm phạm vùng biển và bắn phá một số nơi trên ven biển thuộc Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nghệ An. Chúng đã bị quân và dân ta trừng trị đích đáng, 3 tàu chiến bị bắn chìm và nhiều chiếc khác bị thương.

Ngày 11-2

Tiếp tục chính sách “leo thang” phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ cho máy bay đến ném bom bắn phá thị xã Đông Hới, sông Gianh, Quảng Bình, Vĩnh Linh, Nghệ An. Quân và dân các địa phương trên đánh trả quyết liệt: bắn rơi 9 máy bay và bắn bị thương nhiều chiếc khác.

Ngày 8-3

* Mỹ đưa hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ (1 và 3) thuộc lữ đoàn hải quân viễn chinh số 9 từ Ô-ki-na-oa (Nhật Bản), đổ bộ lên Đà Nẵng. Đây là đơn vị tác

chiến trên bộ đầu tiên của hải quân Mỹ được triển khai, mở đầu việc đưa hàng loạt quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Ngày 15-3

Dân quân xã Diên Hùng (Diễn Châu, Nghệ An), do Tô Đức Hùng chỉ huy dùng súng trường bắn rơi 1 máy bay phản lực A-4, mở đầu phong trào thi đua bắn rơi máy bay phản lực hiện đại của Mỹ bằng súng bộ binh trong dân quân tự vệ toàn miền Bắc.

Ngày 22-3

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tuyên bố lập trường 5 điểm. Tiếp đó, ngày 8 tháng 4, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa nêu lập trường 4 điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam, khẳng định: Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam thì phải rút hết quân Mỹ, quân các nước phụ thuộc Mỹ về nước; ngừng ném bom miền Bắc không điều kiện; phải tôn trọng Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954; công việc của miền Nam do nhân dân Việt Nam tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Từ 25 - 27-3

Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 (đặc biệt) về tình hình và nhiệm vụ cấp bách.

Hội nghị nhận định: "Tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền; trong cuộc chiến tranh cách mạng yêu nước của nhân dân cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam... Hướng tích cực nhất để làm thất bại âm mưu của địch là tập trung lực lượng của cả nước để đánh bại hoàn toàn địch ở miền Nam...".

Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách ở miền Bắc là phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.

Ngày 30-3

Trận đánh bom vào tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn.

Vào khoảng 11 giờ ngày 30-3-1965, một chiến sĩ giải phóng quân lái một chiếc xe hơi Citroen tới vùng ngã ba đường Võ Di Nguy và Nguyễn Công Trứ, dừng lại; cùng lúc đó, một chiến sĩ khác, lái chiếc xe Lambretta đến, người chiến sĩ thứ nhất nhảy từ xe Citroen sang chiếc xe này rồi phóng đi. Cảnh sát ngụy bắn theo nhưng không kịp. 35 giây sau đó, một tiếng nổ phát ra từ chiếc Citroen, một đám khói bốc lên cao hơn 9m, chất nổ phá nát tầng dưới của ngôi nhà sứ quán Mỹ, làm chết 168 tên Mỹ (có 1 tướng), và 49 tên Mỹ khác bị thương

(trong đó có phó đại sứ Mỹ A-lếch-dít Giôn-xơn). Khoảng 20 xe dân dụng và quân sự đậu quanh đại sứ quán bị phá hủy.

Ngày 3 - 4-4

Ngày 3-4-1965, biên đội không quân Phạm Ngọc Lan lập chiến công đầu của Quân chủng Không quân: bắn rơi 2 máy bay phản lực hiện đại F.8 trên vùng trời Hàm Rồng (Thanh Hóa). Tiếp đó, ngày 4-4-1965, biên đội không quân Trần Hạnh đã bắn rơi 2 máy bay phản lực hiện đại F.105 của Mỹ trên vùng trời Hàm Rồng (Thanh Hóa). Hãng thông tấn Mỹ AP nhận xét một cách chua chát: “Ngày 4-4-1965 là ngày đen tối nhất trong lịch sử không quân Mỹ”... “Ngày 4-4-1965 đánh dấu một sự kiện bi thảm: những máy bay phản lực siêu âm. Thần Sấm F.105 mạnh nhất, nhanh nhất, tốt nhất của không lực Hoa Kỳ đã bị máy bay MIG.15 của Bắc Việt chọc tiết”.

Ngày này trở thành ngày truyền thống của Không quân nhân dân Việt Nam trẻ tuổi anh hùng.

Ngày 6-4

Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đưa ra 11 biện pháp trong đó có 4 biện pháp cụ thể hóa quyết định của tổng thống Giôn-xơn về chiến tranh Việt Nam:

Quyết định trên đánh dấu một sự thay đổi về chiến lược của Mỹ từ cố vấn hậu thuẫn chuyển sang tham chiến trực tiếp, đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam.

Ngày 1-5

Tướng Oét-mo-len trình lên Nhà trắng kế hoạch chiến lược ba giai đoạn gọi là “Chương trình hợp tác” gồm ba nội dung: tảo thanh, bảo đảm an ninh, tìm và diệt.

Bộ Quốc phòng Mỹ đánh giá kế hoạch chiến lược ba giai đoạn của Oét-mo-len là “đưa cuộc chiến tranh đến tận xứ sở của địch... và giáng cho kẻ địch những đòn thật nặng nề...”¹.

Ngày 10-5 - 22-7

Chiến dịch Đồng Xoài.

Chỉ huy chiến dịch: Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Phó tư lệnh Miền - Chỉ huy trưởng. Thiếu tướng Trần Độ - Phó chính ủy Miền - Chính ủy. Đại tá Hoàng Cầm - Tham mưu trưởng.

Sau 3 đợt chiến đấu (10-31 tháng 5, 9-20 tháng 6, 24 tháng 6 đến 22 tháng 7), bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu 4.459 tên (có 73 tên Mỹ). Bốn tiểu đoàn chủ lực nguy, trong đó có tiểu đoàn dù thuộc lực lượng dự bị chiến lược và hàng chục đại đội bảo an bị đánh thiệt hại nặng. Ta thu 1.652 khẩu súng các loại, phá

1. Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Việt Nam thông tấn xã phát hành, Hà Nội 1971, t. 2, tr. 136.

hủy 28 xe bọc thép, 5 xe tăng, bắn rơi 34 máy bay, phá hủy 6 đầu máy và 12 toa xe lửa.

Chiến dịch Đồng Xoài góp phần cùng với chiến dịch Bình Giã, Ba Gia đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, đánh dấu bước trưởng thành mới về tổ chức chỉ huy và trình độ tác chiến hiệp đồng bộ binh với pháo binh và đặc công đánh địch trong công sự vững chắc, giành thắng lợi lớn của bộ đội ta trên chiến trường miền Nam.

Ngày 26-5

Chiến thắng Núi Thành.

Đại đội 2 (Tiểu đoàn 70 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Nam) được tăng cường tổ đặc công Quân khu 5 (gồm 8 chiến sĩ) tiến công một đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ ở Núi Thành thuộc xã Kỳ Liên, huyện Tam Kỳ (nay là xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành (Quảng Nam)). Khoảng 0 giờ 30 phút, bộ đội ta tiến công đánh chiếm công sự vòng ngoài rồi phát triển vào bên trong. Sau một lúc bị đánh bất ngờ, hoảng sợ, địch chống trả quyết liệt; ta đưa lực lượng dự bị vào tập trung tiến công, đánh thiệt hại đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ. Đây là trận đầu thắng Mỹ trên chiến trường Khu 5, ngay khi Mỹ bắt đầu thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

Ngày 28-5 - 20-7

Chiến dịch Ba Gia.

Thiếu tướng Chu Huy Mân - Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 5 trực tiếp làm Tư lệnh chiến dịch. Sau 3 đợt chiến đấu (28/5-7/6, 10-25/6, 4-20/7), bộ đội ta diệt và làm bị thương 2.054 tên, thu 973 súng các loại, phá hủy 15 xe quân sự, bắn rơi 18 máy bay, hỗ trợ nhân dân 29 xã thuộc 6 huyện nổi dậy giành quyền làm chủ.

Ngày 16-6

Quân giải phóng miền Nam tập kích sân bay Tân Sơn Nhất, diệt 173 tên địch, phần lớn là sĩ quan lái máy bay, phá hủy 67 máy bay, đốt cháy 15 triệu lít xăng.

Ngày 18-6

Mỹ dùng 27 lần chiếc máy bay B-52 ném bom rải thảm vùng Bến Cát (Đông Nam Bộ). Đây là lần đầu tiên Mỹ sử dụng loại vũ khí chiến lược có tính chất hủy diệt trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Ngày 19-6

Chính quyền Sài Gòn thành lập nội các chiến tranh gồm ủy ban lãnh đạo quốc gia do Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu, ủy ban hành pháp trung ương (chính phủ) do Nguyễn Cao Kỳ làm chủ tịch.

Ngày 21-6

* Bộ đội phòng không của ta đã bắn rơi tại Thanh Hóa chiếc máy bay không người lái đầu tiên của giặc Mỹ.

Ngày 22-6

* Bộ Quốc phòng ra Quyết định (số 101/QĐ-QP) thành lập Bộ tư lệnh Thiết giáp. Nhiệm vụ: "Lãnh đạo, chỉ huy xây dựng và quản lý đơn vị xe tăng, thiết giáp dự bị của Bộ và làm tham mưu cho Bộ về Bình chủng Thiết giáp". Tư lệnh: Đào Huy Vũ; Chính ủy: Lê Ngọc Quang.

Ngày 25-6

* Lần đầu tiên, đế quốc Mỹ cho nhiều máy bay phản lực Mỹ mon men xâm phạm vùng trời Hà Nội. Chưa kịp bắn phá, chúng đã bị quân và dân Hà Nội đánh rất mãnh liệt. Bộ đội phòng không bảo vệ Thủ đô lập chiến công đầu tiên của Hà Nội: hạ một máy bay phản lực Mỹ.

* Dân quân xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình bắn rơi 1 chiếc F.105 Mỹ bằng 12 phát đạn súng trường.

Ngày 27 - 30-6

Mỹ huy động lữ đoàn dù 173 phối hợp với một tiểu đoàn quân Ốt-xtrây-li-a mở cuộc càn quét vào vùng phía tây bắc Sài Gòn. Đây là hành động trên bộ đầu tiên của quân Mỹ ở miền Đông Nam Bộ.

Ngày 28-6

Bộ Quốc phòng ra Quyết định (số 102/QĐ-QP) thành lập Bộ Tư lệnh Công binh.

Tư lệnh: Phạm Hoàng; Chính ủy: Chu Thanh Hương.

Tháng 6

Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập *Đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước* (tổ chức thành các trung đội, đại đội, tổng đội), gồm những đội viên hầu hết quê ở các tỉnh miền Bắc, làm nhiệm vụ chủ yếu trên tuyến vận tải quân sự chiến lược 559 (đường Hồ Chí Minh), điều chỉnh và bảo đảm giao thông ở các trọng điểm địch đánh phá và trên những tuyến đường chiến lược từ Quân khu 4 vào Nam.

Ngày 29-6 - 3-7**Chiến thắng Thuận Mẫn (Đắc Lắc).**

Đêm 29-6, quân giải phóng bao vây và tấn công quận lỵ Thuận Mẫn, cách Cheo Reo khoảng 15km về phía đông nam, địch vội cho 1 chiến đoàn gồm 3 tiểu đoàn đến Cheo Reo rồi từ đó đến giải vây cho Thuận Mẫn. Địch ra khỏi Cheo Reo 10km thì bị Quân giải phóng chặn đánh; cuộc chiến đấu kéo dài từ 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều 30-6. Tối 30-6, Quân giải phóng bắn dữ dội vào chi khu quân sự Thuận Mẫn. Sáng 1-7 địch đưa 1 chiến đoàn nữa, gồm 2 tiểu đoàn lên Cheo Reo. Tối 1-7 Quân giải phóng lại pháo kích thị xã Cheo Reo. Sáng 2-7, Quân giải phóng vừa đánh quân địch tháo chạy, vừa xiết chặt vòng vây quanh Thuận Mẫn. Kết quả, Quân giải phóng tiêu diệt hoàn toàn 1 tiểu đoàn lính dù cùng với ban chỉ huy chiến đoàn, diệt 1 đại đội pháo binh 105mm, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn khác.

Phối hợp với chiến thắng Thuận Mẫn, ngày 4-7, Quân giải phóng Quảng Ngãi tiến công lần thứ hai cứ điểm Ba Gia, tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn địch.

Ngày 1-7

Đêm 30 rạng 1-7, quân giải phóng tiến đánh sân bay Đà Nẵng (gác sân bay Đà Nẵng không phải là quân ngụy mà là quân Mỹ gồm 9.000 người), diệt 165 tên xâm lược Mỹ (có 4 thiếu tá), phá hủy 47 máy bay, trong đó có nhiều chiếc F.105.

(Tính từ trận đánh sân bay Biên Hòa ngày 31-10-1964 đến trận đánh sân bay Đà Nẵng 1-7-1965, có 18 trận).

Ngày 24-7

* Quân và dân tỉnh Phú Thọ bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 400 trên miền Bắc.

* Hai tiểu đoàn (63 và 64) Trung đoàn tên lửa phòng không 236 bắn hạ máy bay F.4 ở độ cao 7.000m và lực lượng pháo phòng không (57, 37mm) phối hợp với dân quân địa phương tổ chức bắn máy bay địch ở Suối Hai, huyện Bất Bạt, tỉnh Hà Tây. Với chiến công đầu này, ngày 24 tháng 7 trở thành ngày truyền thống của bộ đội tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 30-7

Trước việc đế quốc Mỹ đưa quân viễn chinh ồ ạt vào miền Nam Việt Nam, tiến hành cuộc “chiến tranh cục bộ” chống lại nhân dân ta, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tuyên bố, xác định quyết tâm chống Mỹ: “Quân và dân miền Nam quyết đánh thắng giặc Mỹ trong bất kỳ tình thế nào, quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ bất kỳ chúng mở rộng cuộc chiến tranh ấy đến mức nào”.

Ngày 18-8

* *Chiến thắng Vạn Tường.* Trung đoàn 1 (Sư đoàn 2) chủ lực Khu 5, đại đội 21 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Ngãi và dân quân du kích địa phương chống cuộc hành quân “ánh sao sáng” của Mỹ - ngụy tại thôn Vạn Tường, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Lực lượng địch gồm 6.000 quân Mỹ, 2.000 quân ngụy có nhiều máy bay, xe tăng, xe bọc thép, tàu chiến hỗ trợ. Dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân, sau một ngày chiến đấu, bộ đội và du kích loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên Mỹ, phá hủy 22 xe tăng và xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay. Đây là trận đọ sức quyết liệt đầu tiên giữa quân chủ lực với quân viễn chinh Mỹ. Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Cuối tháng 9

Bộ Quốc phòng chỉ thị cho Quân chủng Hải quân chuẩn bị phương án vận chuyển vũ khí vào miền Nam theo đường hàng hải quốc tế. Chấp hành chỉ thị của Bộ, đêm 15 tháng 10, tàu vận tải số 42 chuyển 61 tấn vũ khí do thuyền trưởng Nguyễn Văn Cứng và chính trị viên Trần Ngọc Ân chỉ huy ra khơi thực hiện chuyến vận chuyển thành công vào rạch Kiến Vàng - Tây Nam Bộ, mở

thông lại con đường chi viện trên biển từ miền Bắc vào miền Nam sau một thời gian bị gián đoạn.

Ngày 19-10 - 26-11

Chiến dịch Plây Me (Tây Nguyên). Chiến dịch nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực Sài Gòn, kéo Mỹ ra ứng cứu; nếu quân Mỹ ra thì cố gắng tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ, tìm hiểu khả năng tác chiến của chúng, xây dựng cách đánh Mỹ cho bộ đội ta, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng vùng giải phóng, Mặt trận Tây Nguyên mở chiến dịch tiến công trên địa bàn Bầu Cạn, Plây Me, Đức Cơ (nam thị xã Plây Cu 30km).

Chỉ huy chiến dịch gồm: Chu Huy Mân (Tư lệnh), Nam Hà (Chính ủy).

Trong hơn một tháng chiến đấu, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.700 tên Mỹ, 1.270 tên ngụy, diệt tiểu đoàn 1, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 2 (sư đoàn kỵ binh bay Mỹ), bắn rơi 59 máy bay lên thẳng, phá hủy 89 xe quân sự và nhiều súng các loại. Sư đoàn kỵ binh bay số 1 Mỹ cơ động bằng máy bay lên thẳng (lần đầu tiên xuất hiện trong chiến tranh) bị quân đội ta đánh bại trên chiến trường.

Chiến thắng Plây Me là thực tế chứng minh quân đội ta có khả năng tiêu diệt từng đơn vị Mỹ, phá chiến thuật cơ động bằng máy bay lên thẳng; đánh bại những đơn vị tinh nhuệ, trang bị hiện đại nhất của Mỹ trong “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

Ngày 27-10

* Tiểu đoàn đặc công 484 Khu 5 sử dụng 30 chiến sĩ tập kích sân bay Nước Mặn (Đà Nẵng, Quảng Nam), phá hủy và phá hỏng 106 máy bay trực thăng, 2 kho đạn, diệt và làm bị thương một số phi công và nhân viên kỹ thuật Mỹ.

* Tiểu đoàn đặc công 409 Khu 5 sử dụng 22 chiến sĩ tập kích sân bay Chu Lai (Quảng Nam); phá hủy, phá hỏng 45 máy bay phản lực và nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Ngày 8-11

Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 1 (Sư đoàn 9 chủ lực Miền) dưới sự chỉ huy của phó trung đoàn trưởng Bùi Thanh Vân tập kích lữ đoàn 173 không vận Mỹ ở Đất Cước, cách thị xã Biên Hòa 30km về phía bắc. Sau một ngày chiến đấu, bộ đội ta đánh lui 13 đợt phản kích của địch, diệt và làm bị thương gần 300 tên, bắn rơi 4 máy bay, thu nhiều vũ khí. Đây là trận đánh thiệt hại nặng nề tiểu đoàn Mỹ đầu tiên trên chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Ngày 9 - 10-11

Ngày mở đầu cho cuộc chiến tranh thống nhất với quy mô lớn chưa từng có ở các tỉnh Trung Trung Bộ. Chỉ trong hai ngày đã có trên 10 vạn đồng bào nông thôn đã liên tiếp kéo vào Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tam Kỳ, Hội An và hàng chục thị trấn, quận lỵ, tổ cáo tội ác của Mỹ và tay sai. Riêng tại Bình Định, sáng 10-11 đã có tới 5 vạn người xuống đường đấu tranh, kéo vào thị xã Quy Nhơn, các thị trấn, đồn bốt địch, hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Mỹ và tay sai”.

Ngày 12 - 27-11**Chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng.**

Nhằm đánh tiêu diệt quân Mỹ, hỗ trợ phong trào đấu tranh ở đô thị, Bộ tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công vào lữ đoàn 3 (sư đoàn bộ binh 1 Mỹ) và trung đoàn bộ binh 7 (sư đoàn 5), chiến đoàn thiết giáp 3, tiểu đoàn bảo an 1, 6 tiểu đoàn pháo binh ngụy ở khu vực Bàu Bàng, Dầu Tiếng (tỉnh Bình Dương).

Trong 15 ngày, bộ đội ta đánh 6 trận, trong đó có 2 trận đánh quy mô trung đoàn tăng cường đến sư đoàn: Trận Bàu Bàng (12-11) và trận Dầu Tiếng (27-11) gây thiệt hại nặng cho lữ đoàn 3 sư đoàn 1 Mỹ và chiến đoàn 7 ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu 4.250 tên, phá hủy 300 xe quân sự (có 80 xe tăng và xe M.113), 10 khẩu pháo 105mm, bắn rơi 2 máy bay.

Chiến thắng Bàu Bàng - Dầu Tiếng củng cố niềm tin đánh thắng quân Mỹ mở ra phong trào: “Tìm Mỹ mà diệt”, “nắm thắt lưng Mỹ mà đánh” trong các lực lượng vũ trang miền Nam.

Ngày 20-11

Bộ chỉ huy Miền phát động phong trào thi đua giành danh hiệu “*Dũng sĩ diệt Mỹ*” và “*Đơn vị anh dũng diệt Mỹ*” trong các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam.

Cuối năm 1965

* Lực lượng bộ đội chủ lực ta phát triển về quân số và trang bị. Bộ đội chủ lực ở miền Bắc tăng từ 195.000 lên 400.000 quân, các quân binh chủng tăng gấp ba lần so với năm 1964, riêng Quân chủng Phòng không - Không quân phát triển vượt bậc, không chỉ có pháo phòng không mà còn có các binh chủng tên lửa đất đối không, ra-đa cảnh giới, không quân tiêm kích.

* Bộ đội chủ lực miền Nam phát triển lên 5 sư đoàn (1, 2, 3, 5, 9) và 11 trung đoàn bộ binh, nhiều trung đoàn, tiểu đoàn binh chủng kỹ thuật tương đối hiện đại hình thành.

* Mỹ tăng cường đưa quân chiến đấu Mỹ và chư hầu vào miền Nam. Tổng số quân chiến đấu Mỹ ở miền Nam Việt Nam có 184.314 tên. Quân đội Sài Gòn có 520.000 tên. Ngoài ra còn có lực lượng thuộc hạm đội 7 cùng hàng vạn lính Mỹ đóng ở Thái Lan, Phi-líp-pin, đảo Ô-ki-na-oa, đảo Gu-am... sẵn sàng tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

NĂM 1966**Tháng 1 - tháng 4**

Quân và dân miền Nam đánh thắng cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của Mỹ - ngụy. Nhằm tìm diệt chủ lực ta, phá căn cứ chiến tranh du kích, giành lại quyền chủ động chiến trường, ngày 8 tháng 1 đế quốc Mỹ huy động 72 vạn

quân (có 18 vạn: quân Mỹ) gồm 14 sư đoàn, 9 lữ đoàn và trung đoàn bộ binh Mỹ - ngụy và các nước phụ thuộc Mỹ; hơn 1.000 khẩu đại bác, 1.342 xe tăng, xe bọc thép, 2.288 máy bay các loại, 541 tàu, xuống chiến đấu mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất (mùa khô 1965 - 1966). Địch tập trung đánh ra năm hướng trên hai chiến trường trọng điểm: Miền Đông Nam Bộ và Khu 5.

Trong hơn 3 tháng, quân và dân miền Nam đánh bại gần 450 cuộc hành quân càn quét, trong đó có 20 cuộc hành quân lớn của 20 vạn quân Mỹ, chư hầu và 50 vạn quân ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu gần 7 vạn tên địch (có 3 vạn tên Mỹ), bắn rơi và phá hủy 940 máy bay, bắn cháy và phá hủy 6.000 xe quân sự (có 300 xe tăng, xe bọc thép). Thắng lợi này tạo cơ sở và niềm tin cho quân dân miền Nam đánh thắng Mỹ - ngụy những năm tiếp theo.

Ngày 8-1 - 5-2

Chiến thắng Củ Chi.

- Từ 8 - 19 tháng giêng, quân và dân vùng bắc quận Củ Chi (Gia Định) chống địch càn quét và đánh địch hơn 200 trận lớn nhỏ, diệt 1.644 tên (gồm 1.438 tên Mỹ và lính các nước chư hầu bị thương), phá hủy và phá hỏng 77 xe quân sự (trong đó có 56 xe bọc thép M.113), bắn rơi và bắn hỏng 84 máy bay các loại (trong đó có 79 máy bay HU.1A), phá hủy 2 đại bác 105mm.

- Từ 23 tháng giêng - 5 tháng hai, quân và dân nam quận Củ Chi kiên quyết chiến đấu chống càn diệt 983 tên (có 933 tên Mỹ) bắn rơi và bắn hỏng 6 máy bay.

Trong chiến thắng này, quân dân quận Củ Chi không những phá tan cuộc càn quét lớn của 8.000 quân Mỹ và chư hầu, tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của chúng mà còn làm thất bại âm mưu của Mỹ nhằm đẩy lùi vành đai bao vây của lực lượng vũ trang giải phóng đang ngày càng thắt chặt chung quanh Sài Gòn.

Ngày 17-2 - 3-3

Đập tan cuộc càn quét "Lam Sơn 234".

Quân và dân tỉnh Thừa Thiên liên tục chiến đấu đánh bại cuộc càn quét lớn của địch mang tên "Lam Sơn 234" do 6 tiểu đoàn và 2 chi đoàn xe bọc thép của địch tiến hành, diệt 1.090 tên địch (có 112 tên Mỹ) (chưa kể số địch bị diệt trong trận tập kích vào Phú Bài), bắn rơi 4 máy bay, trong đó có 2 máy bay phản lực B.57.

Ngày 8 - 23-3

Chiến thắng Sông Bé.

Quân và dân Biên Hòa bẻ gãy cuộc càn quét lớn của địch vào vùng giải phóng thuộc khu vực nam và bắc Sông Bé (chiến khu Đ) tỉnh Biên Hòa. Địch đã sử dụng vào cuộc càn quét hơn một vạn quân Mỹ thuộc sư đoàn bộ binh số 1, lữ đoàn dù số 173 và lính đánh thuê Ôt-xtrây-li-a. Ngoài ra còn 67 tiểu đoàn lính ngụy, hơn 100 xe quân sự, 20 khẩu đại bác và hàng trăm máy bay các loại. Chúng đã huy

động 6 lần máy bay B-52, đến trút hàng nghìn tấn bom xuống 2 khu vực nam và bắc Sông Bé.

Quân giải phóng và quân du kích Biên Hòa bám sát đánh liên tục ngay từ lúc chúng mới đổ quân xuống khu vực Sông Bé, phá tan cuộc càn quét của chúng, diệt hơn 1.700 tên Mỹ và một số lính ngụy, bắn rơi 6 máy bay (có 1 máy bay F.105), đánh tan xác 3 xe tăng 18 tấn và 1 xe M.113, thu rất nhiều súng đạn.

Ngày 10-3

Lực lượng vũ trang giải phóng Thừa Thiên tiêu diệt đồn A Sầu cách thành phố Huế khoảng 45km về phía tây nam, diệt gần hết 400 tên xâm lược Mỹ và tay sai.

Tháng 3

* *Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ tư* đề ra nhiệm vụ: “Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, phát động du kích chiến tranh rộng khắp, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực Mỹ - ngụy, quyết tâm đánh bại địch trong mùa mưa sắp tới... tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên các mặt chỉ đạo tác chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị hậu cần đối với lực lượng vũ trang...”.

* *Cục Quân giới nghiên cứu thiết kế chế tạo thành công lựu đạn phóng ghép mảnh và sản xuất hàng loạt.* Đến cuối năm 1967, ta sản xuất được 34.000 quả loại vỏ tôn và 3.500 quả loại vỏ giấy, kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu của các chiến trường.

Ngày 1-4

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng khu Sài Gòn - Gia Định *tiến công ngôi nhà 10 tầng “Vich-to-ri-a” của Mỹ.* Hơn 200 tên sĩ quan hải, lục, không quân Mỹ và nhiều tên nhân viên bộ quốc phòng Mỹ chết và bị thương, ngôi nhà bị phá hỏng nhiều tầng.

Ngày 16-4

* Tại bang Uy-lít Lây, Chính phủ Mỹ tổ chức cuộc họp với 47 nhà khoa học ưu tú nhất nước Mỹ trong lĩnh vực kỹ thuật để nghiên cứu khai thác những khả năng kỹ thuật có liên quan đến hoạt động quân sự của Mỹ ở Việt Nam. Cuộc họp kéo dài khoảng 3 tháng dưới sự bảo trợ của phân viện Giắc-sơn thuộc Viện Phân tích quốc phòng và sự chỉ đạo trực tiếp của Mác Na-ma-ra, bộ trưởng quốc phòng.

Ngày 29-4

Quân và dân tỉnh Bắc Thái bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 trên miền Bắc nước ta.

Ngày 16-5 - 4-6

Chiến thắng Bà Rịa.

Thực hiện âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng, lập căn cứ cho bọn lính đánh thuê ở Ôt-xtrây-li-a vùng Sông Cầu, Núi Đất (dọc đường số 2), địch đã huy động lữ đoàn dù Mỹ số 173 phối hợp với bọn lính đánh thuê Ôt-xtrây-li-a và một tiểu đoàn pháo binh Niu Dilân cùng với hàng trăm máy bay, xe cơ giới yểm hộ, mở đầu cuộc càn quét lớn vào thị xã Long Phước.

Quân và dân Bà Rịa phối hợp chặt chẽ các hoạt động vũ trang và đấu tranh chính trị, tiến công địch liên tục, tiêu diệt 1.020 tên, trong đó có 955 tên Mỹ, bắn rơi và phá huỷ 15 máy bay, phá huỷ 6 xe quân sự (có 4 xe bọc thép M.113).

Ngày 16-5 - 26-6

Chiến dịch Bắc Phú Yên. Chiến dịch diễn ra trên địa bàn các huyện Đồng Xuân, Sông Cầu, Tuy An, Tuy Hoà, Sơn An.

Tư lệnh chiến dịch: đồng chí Lư Giang - Phân khu trưởng Phân khu 5.

Sau hơn một tháng chiến đấu, ta tiêu diệt 1.675 tên địch (có 1.448 tên Mỹ và 11 lính Nam Triều Tiên), diệt gọn 4 đại đội, 4 trung đội Mỹ, 1 đại đội bảo an, 4 trung đội biệt kích, đánh tan 6 đại đội bảo an biệt kích; bắn rơi 39 máy bay, thu và phá huỷ 52 súng các loại.

Ngày 3 - 10-6

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng tỉnh Kon Tum diệt gọn 4 đại đội và 7 trung đội địch, trong đó có 2 đại đội và 5 trung đội Mỹ, tiêu hao nặng 2 đại đội nguy khác, bắn rơi 5 máy bay, thu gần 300 súng các loại.

Ngày 8-6

Chiến thắng Cần Đâm. Quân giải phóng tiến công một đoàn xe quân sự của Mỹ tại khu vực Cần Đâm (Thủ Dầu Một), phá huỷ 57 xe quân sự của địch (có 48 xe M.113, M.41), diệt toàn bộ bọn Mỹ đi trên xe và 2 đại đội lính nguy, bắn rơi 6 máy bay (có 4 máy bay F.105).

Đây là trận đánh giao thông lớn nhất, diệt nhiều cơ giới Mỹ nhất trên chiến trường miền Đông Nam Bộ (chỉ kể đến tháng 6-1966).

Tháng 6

* Quân uỷ Trung ương quyết định mở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (B5) nhằm tạo nên một hướng tiến công mới vào nơi hiểm yếu của địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng lên vùng rừng núi để ta thực hiện tiêu diệt quân cơ động Mỹ - nguy, kìm giữ một bộ phận địch, tạo điều kiện cho các chiến trường khác mà trực tiếp là đồng bằng Trị - Thiên hoạt động, ngăn chặn âm mưu mở rộng chiến tranh trên bộ của địch ra nam Quân khu 4.

Tư lệnh: Đại tá Vũ Nam Long; Chính ủy: Thiếu tướng Nguyễn Xuân Hoàng.

Trong ba tháng (từ tháng 6 đến tháng 9) lực lượng vũ trang ta ở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị đã loại khỏi vòng chiến đấu 8.700 tên địch (hơn 3.000 tên Mỹ), giải phóng 400 thôn xã (gần 40 vạn dân), đánh bại nhiều cuộc hành

quân càn quét của địch, lớn nhất là cuộc hành quân Ha-xinh vào Cam Lộ của 10.000 quân Mỹ-ngụy (15 - 26-7-1966) và 7 cuộc hành quân Po-ri-ri vào tây Do Linh của 7 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ.

Việc mở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị thắng lợi làm đảo lộn thế chiến lược của địch trên chiến trường miền Nam, ngăn chặn âm mưu mở rộng chiến tranh trên bộ ra miền Bắc của đế quốc Mỹ.

Ngày 23-7

* Du kích Nhà Bè (Gia Định) anh dũng chiến đấu bẻ gãy hoàn toàn cuộc càn của địch nhằm lập vành đai trắng ven sông Nhà Bè để bảo vệ sào huyệt của Mỹ-ngụy ở Sài Gòn. Quân dân Nhà Bè đã giết tại trận 140 tên, làm bị thương 80 tên khác.

* Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng tiến công dữ dội sân bay Nước Mặn (Đà Nẵng), giết và làm bị thương 150 tên giặc lái máy bay và nhân viên kỹ thuật Mỹ, phá hủy 70 máy bay. Đây là lần thứ ba sân bay này bị tiến công.

Ngày 24-7 - 2-8

Quân giải phóng Gia Lai tập kích, phục kích, chủ động tiến công địch ở khắp nơi, đặc biệt là Chư Pông và Đức Cơ, tiêu diệt 252 tên xâm lược Mỹ, phá hủy và đánh hỏng 7 xe quân sự.

Ngày 26-7

* Quân giải phóng Gia Định pháo kích mạnh vào vị trí Đồng Dù, diệt 623 tên Mỹ, 60 xe tăng và xe bọc thép bị phá hủy và phá hỏng, 4 máy bay bị phá hủy, 177 nhà dù bị thiêu hủy, 432 nhà dù khác bị sập.

* Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Sóc Trăng tập kích mãnh liệt căn cứ máy bay lên thẳng của giặc Mỹ và nã súng cối dữ dội vào khu huấn luyện lính dù ngụy ở quận Mỹ Xuyên (Sóc Trăng).

Ở sân bay Sóc Trăng, quân giải phóng phá hủy 11 máy bay lên thẳng HU.1A, 1 kho súng, giết và làm bị thương 150 tên địch.

Ngày 17-8

* Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Sài Gòn, Gia Định bắn phá dữ dội căn cứ hậu cần quan trọng của địch tại ngã tư Bảy Hiền, cạnh sân bay Tân Sơn Nhất, bắn trúng nơi để xe quân sự của chúng, phá hủy 100 chiếc, giết và làm bị thương 167 tên Mỹ, nhân viên kỹ thuật Niu Dilân và lính ngụy.

* *Chiến thắng tại Đà Nẵng.* Lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Nam tiến công trung đoàn cơ giới Mỹ ở Đà Nẵng, tiêu diệt hơn 500 tên xâm lược Mỹ, phá hủy 110 xe quân sự, trong đó hơn 50 xe bọc thép M.113, M.118, M.41, làm nổ một kho xăng bốn triệu lít.

Ngày 23-8

Bộ đội đặc công Đoàn 10 nhận nhiệm vụ "Chặn cổ sông Lòng Tàu", cùng đơn vị bạn làm hạn chế tàu xuống vận chuyển hàng hóa quân sự chuẩn bị cho mùa

khô 1966 - 1967 của địch. Đội đã dùng 2 quả "thủy lôi sừng chạm K5" đánh chìm tàu Ba-tôn Ru-giơ Vích-to-ri-a trọng tải 10.000 tấn tại ngã ba Vàm Cống, diệt 45 tên địch, phá hủy hàng chục xe M.113 và nhiều phương tiện chiến tranh.

Ngày 15 - 20-9

Lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Trị, chặn đánh liên tục 7 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ tại vùng Do Linh, tiêu diệt hơn 500 tên địch, phần lớn là bọn lính thủy đánh bộ Mỹ.

Ngày 21-9

Lực lượng vũ trang giải phóng tỉnh Quảng Nam bắn phá dữ dội sân bay của địch ở Chu Lai, phá hủy và phá hỏng 30 máy bay phản lực chiến đấu, tiêu diệt 250 tên giặc Mỹ.

Ngày 14-10

* Quân và dân tỉnh Nghệ An bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.500 trên miền Bắc.

* Bộ trưởng quốc phòng Mác Na-ma-ra gửi Tổng thống Giôn-xơn "Bị vong lục", trong đó kiến nghị 5 điểm:

1. Ổn định quân số Mỹ ở Nam Việt Nam là 47 vạn.
2. Thiết lập một hàng rào điện tử với chi phí khoảng 1 tỷ đô la. Hàng rào điện tử này nằm gần vĩ tuyến 17, chạy ngang từ biển qua phần "cổ chai" Nam Việt Nam (cắt ngang những con đường xâm nhập mới đi qua khu phi quân sự) và qua các đường mòn ở Lào nhằm ngăn chặn sự xâm nhập từ miền Bắc vào miền Nam.
3. Ổn định chương trình "Sấm Rền" đánh phá miền Bắc.
4. Theo đuổi một chương trình bình định mạnh mẽ.
5. Gây sức ép đòi thương lượng.

Ngày 18-10 - 6-12

Chiến dịch Sa Thầy 1. Diễn ra ở các tỉnh Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum nhằm tiêu diệt một bộ phận quân địch, phát triển phong trào chiến tranh du kích.

Tổ chức và chỉ huy chiến dịch: Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên.

Sau hơn 2 tháng chiến đấu, ta đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn, 8 đại đội Mỹ, 5 đại đội ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu 2.410 tên (có hơn 2.000 tên Mỹ), bắn rơi 20 máy bay, phá hủy 25 khẩu pháo, 12 xe quân sự, thu 71 súng các loại.

Ngày 28-10

Chiến thắng Long Bình (Biên Hòa). Quân giải phóng bắn phá căn cứ hậu cần quan trọng của địch ở Long Bình (cách Sài Gòn 20km về phía đông bắc), phá hủy hoàn toàn 3 nhà kho rất lớn chứa hơn 125.000 quả bom, đạn đại bác 203 và 105mm và đạn rốc két, nhà cửa và trại lính ở gần ba nhà kho bị sụp đổ, làm chết và bị thương nhiều tên Mỹ.

- Tiếp đó đêm 16 và 17 tháng 11 năm 1966 Quân giải phóng lại tiến công lần thứ hai vào kho đạn Long Bình: một dãy nhà kho chứa đạn đã bốc cháy, phá hủy 154.000 đạn đại bác.

- Đêm 9-12-1966 Quân giải phóng lại tiến công mãnh liệt lần thứ ba căn cứ hậu cần Long Bình, phá hủy 2 nhà kho chứa hơn 74.600 đạn đại bác, diệt một trung đội lính Mỹ gác kho.

Ngày 28-10 - 25-11

Chiến thắng lớn ở Tây Ninh.

Nhằm tiêu diệt một phần lực lượng của Quân giải phóng ở Tây Ninh, đánh phá vùng giải phóng, mở rộng vùng chúng kiểm soát, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân "Át-tơn-bo-rơ" vào khu vực phía đông và đông bắc tỉnh Tây Ninh. Chúng tập trung một lực lượng lớn gồm 30.000 quân, huy động lữ đoàn bộ binh nhẹ số 196, sư đoàn bộ binh số 1, sư đoàn bộ binh số 25, lữ đoàn số 173 của quân Mỹ, 6 tiểu đoàn xe bọc thép gồm 300 chiếc M.113 và xe tăng, 100 khẩu đại bác cùng rất nhiều máy bay để yểm hộ cho cuộc hành quân.

Quân và dân Tây Ninh đã chiến đấu vô cùng oanh liệt, bẻ gãy cuộc hành quân của địch, tiêu diệt hơn 3.200 tên (hầu hết là quân Mỹ), diệt gọn 1 tiểu đoàn, 3 đại đội Mỹ và 6 đại đội ngụy, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn Mỹ và nhiều đại đội Mỹ - ngụy khác. Lữ đoàn bộ binh Mỹ số 196 bị tê liệt sức chiến đấu. 52 máy bay Mỹ bị bắn rơi và phá hủy, 55 xe quân sự các loại bị diệt.

Tháng 10-1966 - 4-1967

Quân và dân miền Nam đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của Mỹ (mùa khô 1966 - 1967).

Với ý định tiêu diệt một bộ phận chủ lực và cơ quan chỉ đạo kháng chiến của ta, thiết lập hệ thống an ninh liên hoàn nối liền các căn cứ, hệ thống giao thông ở vùng đồng bằng miền Nam, đế quốc Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai. Lực lượng địch sử dụng gồm 19 sư đoàn, 9 trung đoàn và 20 tiểu đoàn (6 sư đoàn, 3 trung đoàn Mỹ; 2 sư đoàn, 3 trung đoàn quân đồng minh). Tổng số hơn một triệu quân Mỹ - ngụy (có hơn 40 vạn quân Mỹ và chư hầu) có nhiều máy bay, xe tăng, thiết giáp và pháo các loại hỗ trợ. Từ tháng 10 năm 1966 đến tháng 4 năm 1967, địch mở 2.732 cuộc hành quân, hướng trọng điểm là miền Đông Nam Bộ.

Trong hơn sáu tháng, các lực lượng vũ trang miền Nam đánh trả 895 cuộc hành quân lớn, nhỏ của địch, làm thất bại các cuộc hành quân Át-tơn-bo-rơ và Xê-đa-phôn vào Củ Chi - Bến Cát - Bến Súc, đặc biệt là cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty của 45.000 quân Mỹ - ngụy vào chiến khu Dương Minh Châu (tháng 2 đến tháng 4 năm 1967).

Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 tên địch (có hàng nghìn tên Mỹ và chư hầu), tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 49 tiểu đoàn và đơn vị tương đương, bắn rơi và phá hủy 1.800 máy bay các loại, phá hủy 1.786 xe quân sự, 340 khẩu pháo, bắn chìm và bắn cháy 100 tàu xuồng, đánh sập và phá hỏng 270 cầu lớn, nhỏ.

Quân và dân miền Nam bẻ gãy cả hai gọng kìm “tiêu diệt” và “bình định” của địch; cuộc phản công chiến lược lần thứ hai thất bại, đánh dấu bước phá sản của chiến lược “chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ - ngụy phải lui vào phòng ngự chiến lược trên chiến trường miền Nam.

Ngày 9-12

Lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Ngãi tập kích dữ dội nơi đóng quân của bọn lính đánh thuê ở đồi Ông Rau (quận Sơn Tịnh) diệt 400 tên, phá hủy 14 hầm, lô cốt, đốt cháy 42 lều, trại.

Ngày 13 - 14-12

Lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Nam liên tiếp tiến công san bằng nhiều vị trí địch ở quận Tam Kỳ, diệt 452 tên địch (có 93 tên Mỹ và lính đánh thuê), đốt cháy 1 kho xăng 1.500.000 lít, phá hủy 2 kho đạn, phá hỏng 26 xe quân sự.

NĂM 1967

Ngày 2 - 26-1

Mỹ sử dụng sư đoàn bộ binh số 1, lữ đoàn 3 sư đoàn bộ binh số 4, lữ đoàn 2 sư đoàn bộ binh số 25, lữ đoàn bộ binh nhẹ số 196, lữ đoàn 173, trung đoàn thiết giáp số 11 Mỹ và một bộ phận sư đoàn 5 chủ lực quân ngụy cùng một số lính đánh thuê Niu Dilân với hơn 400 xe tăng, xe bọc thép, 800 tàu xuồng chiến đấu trên sông, hơn 100 khẩu pháo các loại và nhiều máy bay, kể cả B-52 chi viện mở cuộc hành quân Xê-đa-phôn đánh ra khu vực Bến Cát (hướng chính), An Tây, Bàu Khai.

Sư đoàn 9 và lực lượng vũ trang địa phương đã đánh trả quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên Mỹ và 54 lính Niu Dilân, 200 tên ngụy; bắn cháy, phá hỏng 149 xe quân sự, bắn rơi 28 máy bay. Đây là đòn nặng thứ hai đánh vào kế hoạch phản công mùa khô 1966 - 1967 của Mỹ trên chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Ngày 6 - 15-1

Đập tan cuộc hành quân “Đếch-hao 5”.

Địch huy động 4.000 quân Mỹ, mở cuộc hành quân “Đếch-hao 5” vào vùng ven biển quận Thạnh Phú. Chúng tập trung hỏa lực, kể cả đại bác trên các tàu chiến thuộc hạm đội 7 và máy bay B-52 ném bom, bắn phá bừa bãi xuống làng mạc đông dân để mở đường cho hàng trăm xe bọc thép dẫn đường cho lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ vào xã Thạnh Phong.

Quân và dân Bến Tre đã đánh phủ đầu bọn xâm lược Mỹ lần đầu tiên dẫn xác đến đồng bằng Bến Tre, diệt 1.400 tên Mỹ - ngụy, bắn cháy một tàu chiến thuộc hạm đội 7 Mỹ, phá hủy 2 xe quân sự.

Ngày 7-1**Chiến thắng Plây Cu.**

Đêm 6 rạng ngày 7 tháng 1, Quân giải phóng mở trận tấn công bão táp vào toàn bộ cứ điểm quân sự Mỹ ở Plây Cu, phá hủy 92 máy bay, đốt cháy 5 triệu lít xăng, đánh nổ tung 1.000 tấn đạn, diệt 280 tên Mỹ, san bằng nhiều lô cốt trong tuyến phòng thủ của địch.

Ngày 8-1 - 28-3**Chiến dịch Bắc Trung, Quảng Ngãi.**

Nhằm tiêu diệt một bộ phận cơ động của quân Mỹ và lũ đoàn "Rồng xanh" Nam Triều Tiên, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận của sư đoàn 22 ngụy, phá âm mưu bình định gom dân của địch, Bộ tư lệnh Quân khu 5 quyết định mở chiến dịch Đông Xuân ở khu vực các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tân Nghĩa, Sơn Hà.

Chiến dịch chia làm 3 đợt: Đợt 1 (từ 8 tháng 1 đến 14 tháng 2), ta tập kích tiêu diệt cứ điểm Châu Sa, đánh địch ở An Điền, Đèo Báo, khu vực điểm cao 105 (Bình Lãnh); Đợt 2 (từ 15 tháng 2 đến 6 tháng 3), ta tiến công tiêu diệt địch ở đồi Quang Thạnh, An Mỹ, Phước Hòa, Tân Phước, Hòn Bò, Yên Sơn. Đợt 3 (từ 7 tháng 3 đến 28 tháng 3), ta đánh địch ở khu vực Yên Sơn, Kim Thành, bắc thị xã Quảng Ngãi.

Kết thúc chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.304 tên địch (có 600 quân chư hầu, 30 lính Mỹ), bắt 99 tên ngụy, bắn rơi 17 máy bay, phá hủy 20 khẩu pháo, 2 xe M.113, thu 168 súng các loại.

Chiến dịch đã làm thất bại kế hoạch bình định gom dân của địch ở Quảng Ngãi, làm suy sụp tinh thần chiến đấu của lính đánh thuê, phá âm mưu của địch hợp vây tiêu diệt chủ lực ta.

Ngày 14-2 - 3-4

Chiến dịch Sa Thầy 2. Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên sử dụng Sư đoàn bộ binh 10 gồm 3 trung đoàn (66, 320, 88), trung đoàn pháo 40, các trung đoàn bộ binh 95, 24, 33 và lực lượng vũ trang địa phương mở chiến dịch tiến công địch ở khu vực đông - tây sông Sa Thầy (hướng chủ yếu), khu vực đường 19- bắc Plây Me (hướng phối hợp), Kon Tum, Buôn Ma Thuột (hướng nghi binh) nhằm tiêu diệt sinh lực địch góp phần cùng các chiến trường đánh bại kế hoạch tìm diệt trong cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của địch.

Diễn biến chiến dịch chia làm 3 đợt: Đợt 1 (từ 14-2 đến 10-3): Ta đánh địch ở điểm cao 346, 300, đông bắc công trường Đất Đỏ, Quỳnh Xom, Tân Lạc...; Đợt 2 (từ 11 đến 28-3): Đánh địch ở Mít Dép, Chư Ba, Đất Đỏ, pháo kích vào các vị trí Đắc Tô, Buôn Hồ, Sùng Thiện, Đức Cơ, Pa Ka...; Đợt 3 (từ 29-3 đến 30-4), ta vây ép địch ở Thăng Đức, diệt địch ở Đức Cơ, bắc Plây Me, Buôn Cang.

Kết thúc chiến dịch, ta tiêu diệt 10 đại đội và 1 trung đội Mỹ; tiểu đoàn 3 đại đội, 3 trung đội nguy, tiêu hao 1 tiểu đoàn, 14 đại đội Mỹ; 4 đại đội và 1 trung đội nguy; loại khỏi vòng chiến đấu 3.397 tên Mỹ, 1.541 tên nguy, bắn rơi và phá hủy 61 máy bay, 20 khẩu pháo, 180 xe quân sự, thu 129 súng, 17 máy vô tuyến.

Chiến dịch Sa Thầy 2 thắng lợi, đã đạt được mục tiêu đề ra là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giam chân một số đơn vị lớn của địch ở chiến trường Tây Nguyên để phối hợp chiến đấu với các chiến trường khác.

Ngày 15-2 - 14-3

Đập tan cuộc hành quân "Sam Hao Xton".

Địch mở cuộc hành quân "Sam Hao Xton" vào vùng Sa Thầy (Kon Tum) hòng tiêu diệt một bộ phận chủ lực giải phóng và đánh phá kho tàng.

Các lực lượng vũ trang giải phóng và đồng bào các dân tộc ở Công Tum, Gia Lai đã tập kích mãnh liệt vào vị trí đóng quân của Mỹ ở phía tây sông Sa Thầy và vùng nam đường số 19, diệt hơn 4.000 tên địch, trong đó có 2.900 tên Mỹ, phá hủy 54 máy bay.

Ngày 18-2

Được sự giúp đỡ của đồng bào, các lực lượng vũ trang giải phóng Bến Tre tiến công mãnh liệt một loạt vị trí địch ở thị xã Bến Tre và giành được thắng lợi lớn: tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn và ba trung đội địch, giết, làm bị thương và bắt 600 tên, đánh hỏng nặng sân bay Tân Thành, sở chỉ huy tiểu khu Bến Tre và nhiều cơ sở quân sự khác của địch, phá hủy 4 máy bay và 7 xe quân sự.

Ngày 22-2 - 15-4

Chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Gian-xon Xi-ty của quân Mỹ và quân nguy vào chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh). Chỉ huy chiến dịch: Thiếu tướng Lê Trọng Tấn (Tư lệnh), Thiếu tướng Trần Độ (Chính ủy), Đại tá Hoàng Cầm - Sư đoàn trưởng Sư đoàn 2 (Tham mưu trưởng). Diễn biến chiến dịch chia làm 2 đợt. Đợt 1 (22-2 đến 15-3), ta chặn đánh quân địch ở Tà Dạt, Khe Đôi, Bàu Cơ, Đồng Pan, Sóc Rì, Cà Tum, Suối Mây, Suối Đá, Trảng A Lầu. Lực lượng cơ động phục kích, tập kích ở Bến Ra, Lê Via, Đồng Pan... Đợt 2 (16-3 đến 15-4), địch rút các cụm chốt dọc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, tập trung lực lượng tiến công từ hướng đông vào căn cứ. Ta chặn đánh trên đường 4, Đồng Rùm, Tàu Keo. Lực lượng cơ động tập kích ở Bàu Bàng, Bàu Trí và tập trung hai trung đoàn (1 và 3) tiến công Đồng Rùm, sau đó tập kích diệt một tiểu đoàn, hai đại đội Mỹ ở Trảng Ba Vung...

Kết quả, ta tiêu diệt 2 tiểu đoàn và 11 đại đội bộ binh địch, 9 chi đoàn thiết giáp, bắn rơi 160 máy bay, phá hỏng 112 khẩu pháo; đánh bại cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trên chiến trường miền Nam.

Ngày 26-2 - 11-3

Lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Trị mở một loạt cuộc tấn công mãnh liệt vào các vị trí đại bác tầm xa, các đơn vị Mỹ và sân bay của chúng ở phía bắc đường số 9, diệt 2.730 tên địch, hầu hết là Mỹ, phá hủy 20 xe bọc thép.

Ngày 28-2

Tiểu đội Bùi Ngọc Đủ (Trung đoàn 84B Sư đoàn 325) gồm 10 người đánh lui 15 đợt tiến công của 200 lính thủy đánh bộ Mỹ ở tây Quảng Trị, lập chiến công “1 thắng 20”.

Ngày 6-3

Quân giải phóng tấn công bằng súng lớn trận địa đại bác Mỹ ở điểm cao 241 (Quảng Trị) loại khỏi vòng chiến đấu 1.450 tên Mỹ, phá hủy 21 khẩu đại bác 105 và 175mm.

Ngày 19-3

* *Thành lập Binh chủng Đặc công.* Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ: “Đặc công tức là công tác đặc biệt, là vinh dự đặc biệt. Cần phải cố gắng đặc biệt”.

*** Chiến thắng Bàu Bàng (Thủ Dầu Một).**

Sau một giờ tấn công quyết liệt vào chiến đoàn Mỹ đóng ở phía bắc Bàu Bàng trên đường số 13, quân giải phóng đã tiêu diệt cả chiến đoàn này, gồm 3 tiểu đoàn bộ binh và cơ giới, phá hủy hơn 100 xe quân sự.

Ngày 20-3

* Hai trung đoàn 2 và 16 (Sư đoàn 9) tiến công cụm quân Mỹ ở Đồng Rùm, diệt và làm bị thương 1.270 tên, phá hủy 87 xe tăng và xe bọc thép, bắn rơi 12 máy bay.

* Lần đầu tiên bộ đội pháo binh Vĩnh Linh bắn súng lớn trừng trị giặc Mỹ ở căn cứ Cồn Tiên (phía nam vĩ tuyến 17) để trừng trị hành động chúng bắn phá bằng đại bác sang vùng Vĩnh Linh. Pháo binh ta đã tiêu diệt 1.070 tên địch, phá hủy 17 khẩu đại bác, 57 xe quân sự, 5 máy bay lên thẳng và một kho xăng.

Ngày 2-4

Lực lượng vũ trang giải phóng Biên Hòa tấn công căn cứ trung đoàn xe bọc thép số 11 của Mỹ, diệt 1.000 tên Mỹ, phá hủy 200 xe quân sự, 30 đại bác, 34 máy bay.

Ngày 21-4 - 5-6

Trận diệt nhiều lính thủy đánh bộ Mỹ nhất trong hè - thu 1967; đánh bại cuộc hành quân của địch ở Quế Sơn - Thăng Bình (bắc Quảng Nam). Lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng bẻ gãy cuộc hành quân “Liên kết” của 2 trung đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ cùng với hai trung đoàn 5 và 6; 3 tiểu đoàn biệt động ngụy, có hàng trăm máy bay, xe tăng, xe bọc thép, hàng chục tàu chiến của hạm đội 7 tại vùng Quế Sơn, tây Thăng Bình, bắc Tam Kỳ và đông bắc Tiên Phước, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 7.500 tên địch, trong đó có 5.300 tên Mỹ, bắn rơi và phá hủy 95 máy bay, 108 xe quân sự, thu 255 súng.

Ngày 23-4 - 6-6

Chiến dịch Tây Quảng Nam. Diễn ra trên địa bàn 4 huyện: Thăng Bình, Quế Sơn, Tiên Phước, Tam Kỳ. Chỉ huy chiến dịch: Nguyễn Năng (Việt) - Tư lệnh; Nguyễn Minh Đức - Chính ủy.

Chiến dịch diễn ra làm 2 đợt:

- Đợt 1 (từ 23-4 đến 25-5): Ta chặn địch ở Hiền Lộc, Hà Lam, Quế Sơn, Lạc Sơn, Gia Hội, An Lý, Bình An, Sơn Hà - Cẩm, Thăng Bình, Trà Kiện, Dương Mông, Nghi Trung, Sơn Trung...

- Đợt 2 (từ 26-5 đến 6-6): Ta đánh địch ở Châu Sơn, Phước Chỉ, Phú Sơn, An Xá Đông, Diên An, Xuân Thái, Đồng Dương.

Kết thúc chiến dịch, ta tiêu diệt 3 tiểu đoàn, 3 đại đội, 1 trung đội Mỹ; 1 tiểu đoàn, 3 đại đội, 3 đoàn bình định nguy (loại khỏi vòng chiến đấu tổng số 7.433 tên địch, trong đó có 4.759 tên Mỹ), bắt 14 tù binh nguy, bắn rơi 60 máy bay, phá hủy 89 xe cơ giới, 23 khẩu pháo, thu 159 súng các loại.

Ngày 24-4 - 7-5

Tiến công địch ở vùng Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Đông Hà, điểm cao 241.

Từ 24-4 đến 5-5 riêng ở vùng Khe Sanh, quân giải phóng đã diệt 1.800 tên địch (có 1.500 tên Mỹ), làm bị thương hàng trăm tên khác. Đêm 7-5, cùng một lúc, Quân giải phóng tấn công 40 vị trí địch ở Cồn Tiên, Đông Hà, Dốc Miếu và điểm cao 241, diệt gần 1.000 tên địch (có hơn 600 tên Mỹ). Như vậy trong hơn 10 ngày, nếu tính cả những trận tấn công vị trí địch ở Đông Hà, Phú Bài (đêm 27-4), các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Quảng Trị - Thừa Thiên đã diệt 3.500 tên địch, phần lớn là Mỹ, phá hủy hơn 120 máy bay.

Ngày 2-5

Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ lệnh cho tập đoàn không quân số 7 mở tiếp các đợt đánh phá mới. Âm mưu của Mỹ là cắt đứt mạch máu giao thông Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - các tỉnh phía bắc sông Hồng và với Trung Quốc; đồng thời triệt nguồn năng lượng chủ yếu của Hà Nội và các tỉnh lân cận, nhằm làm ngừng trệ sản xuất và gây khó khăn cho sinh hoạt của nhân dân ta.

Ngày 8-5

Quân giải phóng tấn công sân bay Trà Nóc (Cần Thơ) phá hủy 75 máy bay, phá sập một nhà ga, diệt 150 tên Mỹ (tính từ 19-2-1966 đến 8-5-1967, tại sân bay này, Quân giải phóng đã diệt 850 tên Mỹ, phá hủy 249 máy bay).

Ngày 12-5

Quân giải phóng tấn công sân bay Biên Hòa và căn cứ Phước Vĩnh phá hủy 150 máy bay, 25 xe quân sự, 1 kho vũ khí, 1 nhà máy điện, 1 xưởng sửa chữa máy, diệt hơn 1.000 tên địch, trong đó có 800 tên Mỹ.

Ngày 18-5 - 12-7

Chiến dịch Chư Ba tây - tây nam Đức Cơ. Diễn ra trên địa bàn phía nam huyện Sa Thầy và một phần phía bắc huyện Chư Ba (từ sông Sa Thầy đến đường 15 và từ Sùng Thiện đến suối Ia Klung, trong khoảng 500km²).

Bộ Chỉ huy chiến dịch do đồng chí Nguyễn Chánh làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân - Chính ủy.

Chiến dịch diễn ra 3 đợt:

- Đợt 1 (từ 18 đến 30-5): Ta tổ chức các trận tập kích, phục kích tiêu diệt địch ở Chư Am, Pi Ku, điểm cao 300 tây Thăng Đức, đông bắc Chư Ba, Buôn Đu, Kon Tay mới.

- Đợt 2 (từ 1 đến 30-6): Ta tiêu diệt quân địch ở ấp chiến lược Đak Sio, Langlo Kramr tập kích hỏa lực căn cứ 42 (Tân Cảnh), tiểu khu Kon Tum, ngã ba Tân Cảnh, thị xã Plây Cu; phá các ấp chiến lược Lệ Chi, An Na, Quang Nhã...

- Đợt 3 (từ 1 đến 12-7): Đánh địch ở Nam Đắc Siêng, Đắc Pét, Đắc Siêng, Đắc Vang Rông, Đức Vinh.

Kết quả toàn chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.763 lính Mỹ, 1.650 lính ngụy, bắn rơi và phá hủy 27 máy bay, phá hủy 22 khẩu pháo, 75 xe quân sự và nhiều đồ dùng quân sự.

Thắng lợi của chiến dịch đã phá tan kế hoạch bao vây đông - tây sông Sa Thầy, Sùng Thiện, Sùng Lễ của Mỹ - ngụy. Ta tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch, thu hút giam chân quân cơ động Mỹ ở Tây Nguyên, tạo điều kiện cho vùng đồng bằng ven biển Khu 5 đấu tranh phá âm mưu bình định của địch.

Đêm 28-5

12 giờ đêm ngày 28-5, lực lượng vũ trang thành phố Huế đã cùng một lúc tấn công dữ dội nhiều vị trí kiên cố của giặc Mỹ ở giữa thành phố Huế, diệt hơn 800 tên địch, phần lớn là sĩ quan và nhân viên kỹ thuật.

Ngày 5-6

Quân và dân tỉnh Thanh Hóa bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 2.000 trên miền Bắc.

Ngày 18 - 21-6

Chiến thắng Long Đức - Hiệp Phước (Gia Định - Chợ Lớn), diệt 600 tên địch, bắn rơi 5 máy bay, bắn chìm 4 tàu chiến, làm phá sản cái gọi là: "chiến thuật đánh trên sông bằng tàu có vỏ bọc thép của Mỹ".

Ngày 2 - 6-7

Chiến thắng Gio An (Quảng Trị).

Trong 5 ngày, từ 2 - 6-7, Quân giải phóng đã tiến hành một loạt trận đánh ở vùng Gio An, diệt hơn 1.300 lính thủy đánh bộ Mỹ và bắn cháy 16 xe tăng.

Ngày 6-7

* Đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam,

Đại tướng, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ trần sau một cơn đau tim nặng, thọ 53 tuổi.

Cuối tháng 7 - đầu tháng 10

Chiến thắng lớn trên đường số 4.

Hồng nổi lại mạch máu giao thông của chúng, từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 10-1967, giặc Mỹ đã bị động mở ba cuộc hành quân lớn về phía nam và bắc đường số 4 ở Mỹ Tho. Nhưng chúng đều bị thất bại thảm hại. Đập tan cuộc hành quân thứ nhất của 20 tiểu đoàn Mỹ - ngụy từ ngày 26-7 đến 4-8, quân dân Mỹ Tho đã tiêu diệt 900 tên địch (có 600 tên Mỹ), 12 máy bay, 6 tàu chiến. Đập tan cuộc hành quân mở đường lần thứ hai của địch trong vòng 4 ngày (từ 13 - 16-9), quân dân Mỹ Tho đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.200 tên địch (có hơn 1.000 tên Mỹ), bắn chìm và bắn cháy 28 tàu chiến, bắn rơi 8 máy bay, phá hủy 16 xe bọc thép. Đập tan cuộc hành quân thứ ba của 12 tiểu đoàn Mỹ - ngụy trong 4 ngày (từ 3 - 6/10), quân dân Mỹ Tho lại diệt 1.063 tên địch, bắn rơi 8 máy bay.

Ngày 4 - 6-9

Quân giải phóng tấn công bọn lính thủy đánh bộ Mỹ ở Quế Sơn (Quảng Nam), diệt 7 đại đội và 1 tiểu đoàn bộ binh Mỹ.

Ngày 13 - 16-9

Bằng những cuộc phản công dồn dập, quân và dân Mỹ Tho đã đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân hỗn hợp lớn của hải - lục - không quân Mỹ gồm 15.000 tên, tiêu diệt hơn 1.000 tên Mỹ, bắn chìm và bắn cháy 16 tàu chiến, bắn rơi 16 máy bay, phá hủy 16 xe bọc thép.

Ngày 23-10 - 8-11

Chiến thắng Lộc Ninh, Phước Bình.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng quyết trừng trị giặc Mỹ ném bom giết hại đồng bào Hà Nội, quân dân Thủ Dầu Một và bắc Biên Hòa đã lập công lớn ở Lộc Ninh và vùng phụ cận, loại ra ngoài vòng chiến đấu hơn 3.500 tên địch (có hơn 2.000 tên Mỹ), diệt 5 tiểu đoàn và 13 đại đội Mỹ - ngụy, 45 xe tăng và xe bọc thép, 13 máy bay, 36 đại bác.

Ngày 27-10 - 5-12

Chiến dịch Lộc Ninh. Nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, phối hợp với chiến trường toàn Miền tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương trực tiếp thực hiện công tác chuẩn bị; đồng thời thực tập, rút kinh nghiệm đánh vào thành phố, Bộ tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công ở Lộc Ninh - Bù Đốp (tỉnh Phước Long).

Bộ tư lệnh chiến dịch do đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh.

Trong hơn một tháng, chiến dịch đánh 55 trận, trong đó có 2 trận quy mô sư đoàn, 7 trận trung đoàn, 17 trận tiểu đoàn: áp dụng nhiều hình thức chiến thuật: Tập kích (14 trận), phục kích (16 trận), đánh công sự vững chắc (4 trận). Trận Bù Đốp là trận then chốt quyết định.

Kết quả: Ta đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn và 2 đại đội bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh và 1 đại đội cơ giới Mỹ, 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn và 1 đại đội pháo binh, 2 chi đội tăng - thiết giáp quân đội Sài Gòn; diệt 5.400 tên, bắt 617 tên; phá 103 xe quân sự, 63 khẩu pháo cối, 4 kho xăng, đạn, thu 172 súng các loại. Ta tạo được bàn đạp tiến công ở phía bắc Sài Gòn.

Ngày 30-10

* Chính phủ ta ra tuyên bố về việc máy bay đế quốc Mỹ liên tiếp đánh phá Thủ đô Hà Nội.

* Tấn công sân bay An Hòa (Quảng Nam).

Trong 5 phút, diệt 50 máy bay và hơn 300 tên Mỹ.

Ngày 3 - 22-11

Chiến dịch Đắc Tô 1. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và phối hợp với chiến trường đồng bằng Khu 5, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên mở chiến dịch tiến công địch ở khu vực Đắc Tô - Tân Cảnh (bắc Kon Tum).

Bộ Tư lệnh chiến dịch do đồng chí Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, đồng chí Trần Thế Môn - Chính ủy.

Sau 20 ngày đêm chiến đấu, ta đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, loại khỏi vòng chiến đấu 4.090 tên địch, phá hủy 32 xe quân sự và 38 máy bay các loại.

Đêm 7 rạng 8-11

Trận Bầu Ốc (Bình Thuận).

Quân dân cực Nam miền Nam Trung Bộ đánh một trận tập kích rất giỏi, đánh nhanh, diệt gọn, bắt tù binh, thu vũ khí, diệt 700 tên địch.

Ngày 17-11

Trận tập kích Hậu Nghĩa, Cái Bè (Mỹ Tho).

Đây là một trận đầu tiên ở đồng bằng sông Cửu Long trong đông - xuân 1967-1968, diệt 1 tiểu đoàn Mỹ thuộc lữ đoàn bộ binh số 9, tiêu hao 1 tiểu đoàn Mỹ khác.

Ngày 6-12

Thành lập Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận Đường 9. Tư lệnh: Trần Quý Hai; Chính ủy: Lê Quang Đạo.

Ngày 8-12-1967- 1-1968

Sư đoàn bộ binh 9 (chủ lực Miền) phối hợp với lực lượng vũ trang Tây Ninh đánh bại cuộc hành quân "Hòn đá vàng" của sư đoàn 25 Mỹ và một số tiểu đoàn ngụy vào chiến khu Dương Minh Châu. Sau gần một tháng chiến đấu, ta diệt và

làm bị thương 2.500 tên (có 2.000 tên Mỹ); phá hủy 194 xe quân sự, 28 đại bác; bắn rơi và bắn cháy 60 máy bay.

Tháng 12

Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Trên cơ sở phân tích khách quan, khoa học tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam, Bộ Chính trị kết luận: “Diễn biến cơ bản của tình hình là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Tình hình chung cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng ta sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định”. Từ nhận định này, Bộ Chính trị chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên toàn miền Nam.

Nghị quyết trên của Bộ Chính trị đã được Hội nghị lần thứ 14 (tháng 1-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua.

Ngày 26 - 27-12

Chiến thắng Thảm Khê, Mỹ Thủy.

7 giờ sáng 26-12, 2 tiểu đoàn và 1 chi đoàn xe bọc thép M.113 quân ngụy chia thành nhiều mũi tiến vào thôn Mỹ Thủy. Cả 3 mũi hành quân của bọn này đều bị Quân giải phóng đánh cho tơi tả, 200 tên địch bị bỏ xác tại chỗ, 2 chiếc xe M.113 và 2 máy bay bị bắn cháy và bắn rơi.

Sáng 27-12, hoảng hốt trước thất bại nặng nề, bọn địch lại ném tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn 1 sư đoàn 1 lính thủy đánh bộ Mỹ từ Quảng Nam ra tiếp viện, tiến vào làng Thảm Khê, cách Mỹ Thủy khoảng 1km về phía đông nam (Thảm Khê, Mỹ Thủy là 2 thôn vùng ven biển, cách quận lỵ Hải Lăng (Quảng Trị) 9km về phía đông). Phát huy chiến thắng ngày 26-12, quân giải phóng Quảng Trị đánh địch tới tấp, lập công xuất sắc, diệt thêm 200 tên địch.

Chiến thắng Thảm Khê, Mỹ Thủy là sự biểu hiện rực rỡ tư tưởng tiến công địch và đánh giáp lá cà dũng mãnh của Quân giải phóng. Đây là lần đầu tiên Quân giải phóng tiêu diệt một lúc 400 tên Mỹ - ngụy ngay giữa đồng bằng ven biển.

Ngày 29-12

Tiêu diệt căn cứ hạm đội Mỹ.

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bến Tre đã tập kích căn cứ hải quân Mỹ trên sông Hàm Luông, nhận chìm 15 tàu chiến và hơn 500 tên Mỹ.

NĂM 1968

Ngày 2-1

Chiến thắng Bà Chiêm (Tây Ninh).

Sáng 2-1, Quân giải phóng Tây Ninh tập kích vào cụm đóng quân của địch ở Bà Chiêm, diệt hơn 1.300 tên Mỹ, trong đó có 1 tiểu đoàn pháo binh, gồm 18 đại bác 105mm và 6 súng cối 106,7mm, 1 tiểu đoàn bộ binh cơ giới gồm 65 xe tăng M.41 và xe bọc thép M.113, 2 đại đội bộ binh, 1 đại đội công binh Mỹ; bắn rơi 10 máy bay.

Ngày 3-1

Quân giải phóng miền Nam tiến công sân bay chiến lược Mỹ ở Đà Nẵng, phá hủy 67 máy bay, phần lớn là máy bay chiến đấu phản lực, đốt cháy 2 kho đạn, diệt 150 tên Mỹ hầu hết là giặc lái và nhân viên kỹ thuật.

Ngày 4 - 5-1

Chiến thắng Hóc Môn (Gia Định).

Đây là trận thắng lớn đầu tiên của quân dân Hóc Môn, một đòn trừng trị đích đáng bọn sư đoàn dù số 101 Mỹ vừa mới đến Việt Nam hồi tháng 2-1967, diệt 420 tên Mỹ, bắn cháy 3 xe tăng, bắn rơi 3 máy bay lên thẳng.

Ngày 7-1

Chiến thắng Phú Lộc (Thừa Thiên), chọc thủng tuyến phòng thủ của địch ở phía bắc đèo Hải Vân, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 700 tên địch, trong đó có gần 500 quân Mỹ.

Cùng thời gian này, quân giải phóng Tân An, Chợ Lớn mở đợt tiến công như vũ bão vào chi khu quân sự Cần Giuộc và các vị trí của địch ở Phước Hậu, Long Thượng, Rạch Kiến, Bình Tịnh, diệt hơn 1.000 địch, phá tan chi khu quân sự Cần Giuộc, phá hủy phá hỏng 22 đại bác.

Đêm 7 rạng 8-1

Tiến công và làm chủ thị xã Hậu Nghĩa.

Sau hơn 1 giờ chiến đấu anh dũng, lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Tân An, Chợ Lớn đã tiêu diệt hầu hết bọn địch ở tiểu khu quân sự Hậu Nghĩa (cách Sài Gòn 34 km về phía tây bắc), san bằng trụ sở hành chính ngục quyền tỉnh và 21 cơ quan đầu não quân sự và hành chính của địch, tiêu diệt, làm bị thương và bắt gần 1.100 địch, phá hủy 3 đại bác 105mm, 8 súng cối, 28 đại liên, phá hủy 200 khẩu súng các loại, 2 kho đạn, 1 kho xăng, 41 xe quân sự, thu hơn 600 súng, phá tan nhà lao, giải phóng 80 đồng bào bị địch giam giữ.

Ngày 10-1

Quân giải phóng Gia Định tập kích tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 2 sư đoàn bộ binh Mỹ, số 25 ở Bầu Trâu (quận Củ Chi). Sau 1 giờ rưỡi chiến đấu vô cùng anh dũng, Quân giải phóng loại khỏi vòng chiến đấu 600 tên Mỹ.

Cùng ngày này, Quân giải phóng tiến công sân bay Công Tum, phá hủy 30 máy bay lên thẳng, 104 xe quân sự, đánh sập 50 trại lính và khu sửa chữa máy bay.

Ngày 12 - 27-1

Chiến dịch Nậm Bạc. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, liên quân Việt - Lào mở chiến dịch tiến công ở Nậm Bạc (Bắc Lào).

Bộ chỉ huy chiến dịch về phía Việt Nam có các đồng chí Vũ Lập: Tư lệnh, Huỳnh Đắc Hương: Chính ủy.

Sau 16 ngày đêm chiến đấu, liên quân Việt - Lào tiêu diệt 973 tên địch, bắt hơn 2.000 tên, phá hủy 12 máy bay (bắn rơi 2 chiếc), 11 pháo; giải phóng vùng Nậm Bạc, Khăm Đeng (trên 1 vạn dân).

Thắng lợi của chiến dịch đánh dấu bước phát triển thế chủ động tiến công của các lực lượng cách mạng trên chiến trường Lào; phối hợp nhịp nhàng có hiệu quả với quân và dân miền Nam Việt Nam trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

Tháng 1

* Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14, thông qua nghị quyết Bộ Chính trị (12-1967) về “chuyển cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam sang thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định”. Về nhiệm vụ của quân và dân ta trong năm 1968, Trung ương Đảng nêu rõ: “Thực hiện cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa, quyết tiêu diệt giặc Mỹ, tay sai bán nước, giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”.

* Thành lập Nhà máy U131 (trên cơ sở Công trường 6503) thuộc Cục Quân giới. Nhiệm vụ: Chế tạo đạn chống tăng (6505), sản xuất một số lựu, mìn (như lựu ghép mảnh, lựu phóng 509B).

Ngày 20-1 - 15-7

Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh. Nhằm thu hút quân cơ động Mỹ, tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và giam chân địch, tạo điều kiện cho các chiến trường khác trực tiếp là Trị - Thiên - Huế hoàn thành nhiệm vụ tiến công và nổi dậy, Bộ Quốc phòng quyết định mở chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đánh vào tuyến phòng ngự vững chắc của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn trên đường số 9 (từ Cửa Việt đến biên giới Việt Nam - Lào), trong đó có khu vực Khe Sanh là hướng chính.

Bộ chỉ huy chiến dịch: Trần Quý Hai: Tư lệnh. Lê Quang Đạo: Chính ủy; Cao Văn Khánh: Tham mưu trưởng.

Diễn biến chiến dịch chia thành 4 đợt. Đợt 1 (20-1 đến 7-2), ta tiêu diệt các cứ điểm phía tây (trong đó có Làng Vây), mở thông đường 9, đưa lực lượng vây hãm Tà Cơn. Đợt 2 (10-2 đến 31-3), ta tiến công vây hãm Tà Cơn. Đợt 3 (1-4 đến 7-5) đánh quân địch ứng cứu giải tỏa, nới rộng vòng vây, thay quân. Đợt 4 (8-5 đến 15-7) vây lại Tà Cơn, đánh quân địch rút chạy.

Sau 177 ngày đêm tiến công, vây hãm và đánh địch giải tỏa, bộ đội ta tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của quân Mỹ (loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 tên, trong đó có 13.000 tên Mỹ, bắn rơi và phá hủy 480 máy bay, 120 xe quân sự, 65 đại bác), buộc quân Mỹ phải rút bỏ một căn cứ lớn quan trọng, phá vỡ một mảng tuyến phòng thủ phía tây đường số 9 của địch. Ta đã giam chân một bộ phận quan trọng lực lượng cơ động quân Mỹ ở Đường 9 - Khe Sanh, thu hút sự chú ý của địch ở vùng giới tuyến, góp phần tạo ra yếu tố

bất ngờ và điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta ở các chiến trường trên toàn miền Nam tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Ngày 30-1 - 31-3

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân ở nhiều thành phố, thị xã, thị trấn miền Nam. Ta làm chủ thành phố Huế 25 ngày, thành lập chính quyền cách mạng ở Sài Gòn - Gia Định; đặc công, biệt động tiến công đồng loạt các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy: tòa đại sứ Mỹ, dinh tổng thống, bộ tổng tham mưu, tổng nha cảnh sát, đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất... Các lực lượng vũ trang trên toàn Miền đồng loạt tiến công nhiều sở chỉ huy quân đoàn, sư đoàn, tiểu khu, chi khu quân sự ngụy, 45 sân bay, nhiều tổng kho, bến tàu, căn cứ hải quân... Nhân dân nhiều vùng nông thôn và đô thị nổi dậy diệt ác, trừ gian, giải tán dân vệ, phá vỡ hàng loạt "ấp chiến lược", giành quyền làm chủ.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Chỉ trong một thời gian ngắn, ta đã diệt và làm tan rã 147.000 tên địch (có 43.000 tên Mỹ), phá hủy 34% vật tư dự trữ chiến tranh của Mỹ ở miền Nam, phá hủy 4.200 (trong số 5.400) "ấp chiến lược", giải phóng thêm 1,4 triệu dân.

Ngày 6 - 7-2

Trận Làng Vây. Trung đoàn bộ binh 24 (Sư đoàn 304) được tăng cường Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 101 (Sư đoàn 325), Tiểu đoàn 2 pháo lựu (Trung đoàn 675), 2 tiểu đoàn công binh (Trung đoàn 7), 2 đại đội 3 và 6 (Tiểu đoàn thiết giáp 198) và một số đơn vị binh chủng tiến công cứ điểm Làng Vây trên tuyến phòng thủ đường 9 - Khe Sanh của Mỹ - ngụy. Lần đầu tiên trên chiến trường miền Nam, bộ đội ta đánh hiệp đồng binh chủng (có xe tăng tham gia) diệt 1 tiểu đoàn địch trong công sự vững chắc.

Đầu tháng 3

Ngọn trào tiến công và nổi dậy lại tràn vào gần 30 thành phố và thị xã khắp miền Nam. Từng tiểu đoàn Mỹ - ngụy bị tiêu diệt ngay ở cửa ngõ Sài Gòn. 20 sân bay bị tiến công, trong đó có những sân bay bị đánh đi đánh lại nhiều lần như sân bay Tân Sơn Nhất. Tính đến 15-3, hơn 15 vạn tên địch bị tiêu diệt, phá hủy 2.200 máy bay, 3.500 xe quân sự, trong đó có hơn 1.750 xe bọc thép, phá hủy một nửa lực lượng hậu cần dự trữ của địch.

Ngày 11-3 - 11-4

Đánh bại cuộc hành quân "Quyết thắng" của Mỹ - ngụy.

Trước sức tiến công và nổi dậy mãnh liệt của quân và dân Sài Gòn - Gia Định và vùng chung quanh, với lực lượng hơn 5 vạn quân Mỹ, ngụy do Oét-mo-len trực tiếp chỉ huy, chúng mở cuộc hành quân "Quyết thắng" vào những vùng chung quanh Sài Gòn - Gia Định.

Chỉ trong 10 ngày đầu của cuộc hành quân “Quyết thắng” của Mỹ - nguy không kể các trận đánh đang tiếp diễn ở Tây Ninh, bộ đội địa phương và quân du kích chung quanh Sài Gòn - Gia Định đã tiêu diệt 2.055 tên địch (hơn 1/2 là quân Mỹ) phá hủy và phá hỏng 118 xe tăng, xe bọc thép.

Ngày 16-3

* Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi điện công nhận nước Cộng hòa Mô-ri-xơ nhân dịp nước này tuyên bố độc lập.

** Đế quốc Mỹ gây ra vụ thảm sát lớn ở Sơn Mỹ.*

Tại xã Sơn Mỹ (huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi), ngày 16-3-1968, bọn lính Mỹ thuộc lữ đoàn 82 mở cuộc hành quân “giết sạch, đốt sạch, phá sạch”, giết hại 502 người hầu hết là người già, phụ nữ và trẻ em.

Ngày 28-3

Quân dân tỉnh Hà Tĩnh ngay loạt đạn đầu bắn tan xác một máy bay F-111 đầu tiên của Mỹ trên miền Bắc. Đây là loại máy bay cánh cụp cánh xòe hiện đại nhất của giặc Mỹ.

Ngày 31-3

Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố: Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra. Trước sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ buộc phải cử đại diện đàm phán với đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Pa-ri (Pháp).

Ngày 3-4

Chính phủ ta ra tuyên bố về việc đế quốc Mỹ ném bom hạn chế miền Bắc từ ngày 31 tháng 3. Việc Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở lên, đồng thời Giôn-xơn tuyên bố không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ 2 và cử người đàm phán với đại diện chính phủ ta tại Pa-ri. Như vậy Mỹ đã chính thức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ”, thừa nhận chúng phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn thương lượng với ta và buộc phải thay đổi chiến lược.

Ngày 19-4 - 15-5

Chiến thắng A So.

Với một lực lượng hơn 1 vạn quân “tinh nhuệ” gồm 2 lữ đoàn “kỵ binh bay”, 1 lữ đoàn dù Mỹ, 1 chiến đoàn dù và 1 trung đoàn nguy cùng 4, 5 tiểu đoàn công binh, pháo binh và hàng chục khẩu pháo các loại, đế quốc Mỹ đã mở cuộc hành quân vào vùng A So, A Lưới (miền tây Thừa Thiên). Chúng tập trung một số lớn máy bay lên thẳng và dùng máy bay B52 bắn phá liên tục hàng tuần để mở đường. Nhưng trước sức phản công mạnh mẽ của quân, dân Thừa Thiên, giặc Mỹ đã thất bại thảm hại. Quân giải phóng đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.200 tên địch (hầu hết là Mỹ), bắn rơi và phá hủy gần 200 máy bay, phần lớn là máy bay lên thẳng, phá hủy hơn 100 xe quân sự.

Ngày 24-4

Bộ Chính trị họp nhận định đợt hoạt động Tết Mậu Thân, ra nghị quyết về phương hướng nỗ lực mới, nhằm đi tới giành thắng lợi quyết định: “Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy khí thế chiến thắng, tiếp tục phát triển tiến công toàn diện, giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa, nhanh chóng mở rộng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của cách mạng, càng đánh càng mạnh, đẩy kẻ địch vào thế thất bại liên tiếp, ngày càng suy yếu, tan rã...”.

Ngày 4-5

* Bắt đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam (đợt 2). Ta đánh vào 30 thành phố, thị xã, 70 thị trấn quận lỵ, chỉ khu quân sự, 27 bộ tư lệnh quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn ngụy, 40 sân bay, kho tàng quan trọng..., mạnh nhất là ở Sài Gòn - Gia Định. Cuộc tấn công đợt 2 đã gây cho địch một số thiệt hại; nhưng ta cũng bị tổn thất không đạt được các yêu cầu đề ra về chính trị, quân sự.

* Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Sài Gòn - Gia Định kêu gọi nhân dân đồng loạt nổi dậy vũ trang khởi nghĩa.

Đêm 4 - 6-5

Chiến thắng Tân Ốc - Tây Dương Liễu.

Từ đêm 4 đến sáng 6-5, quân giải phóng Bình Định đã đánh thắng 7 trận liền trên một khu vực rất hẹp tại Tân Ốc, Tây Dương Liễu (Bình Định), diệt 7 đại đội địch (có 4 đại đội bộ binh và cơ giới Mỹ) phá hủy và chiếm 35 xe bọc thép.

Ngày 5 - 24-5

Đánh bại cuộc hành quân của địch ở ven sông Thu Bồn.

Địch mở cuộc hành quân lớn vào vùng ven sông Thu Bồn, quận Điện Bàn, Duy Xuyên (Quảng Nam). Quân giải phóng đã đánh trả quyết liệt, giết, làm bị thương và bắt hơn 1.400 địch (có hơn 1.100 tên Mỹ); đánh tan xác 19 xe tăng, xe bọc thép; bắn rơi 3 máy bay.

Ngày 13-5

* Phiên họp đầu tiên của cuộc nói chuyện chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Chính phủ Mỹ ở Pa-ri.

Đêm 20 rạng 21-5

Quân giải phóng Thừa Thiên - Huế đã tiến công một loạt căn cứ của sư đoàn “kỵ binh bay” Mỹ ở Đồng Lâm, phá hủy 150 máy bay, hàng trăm tên lính “kỵ binh bay” Mỹ bỏ mạng.

Đêm 21 rạng 22-5

Tiến công căn cứ Trảng Lớn (phía bắc thị xã Tây Ninh 5 km).

Địch đóng ở đây chừng 6.000 tên, gồm 4.000 lính bộ binh, 25 khẩu đại bác hạng nặng, 1 tiểu đoàn bộ binh cơ giới (90 chiếc xe bọc thép), 1 đại đội máy bay lên thẳng, 8 đại đội công binh Mỹ, 1.500 lính chư hầu Phi-líp-pin.

Trong đêm 21 rạng 22-5, sau một trận tiến công, Quân giải phóng đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.200 Mỹ, phá hủy 8 đại bác, bắn tan xác 21 xe quân sự, đánh sập 10 lô cốt, 7 dãy nhà ở, nhà kho, 2 nhà ra-đa...

Ngày 26 - 27-5

Trận đánh tiêu diệt xuất sắc trên sông Giồng Trôm.

Trong 15 phút chiến đấu, Quân giải phóng đã bắn chìm và bắn cháy 38 tàu chiến Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.500 tên Mỹ.

Ngày 4-6

Trận đánh địch ngay giữa thành phố Sài Gòn, tiêu diệt 3 đại đội lính thủy đánh bộ và lính biệt động cùng 200 quân cảnh sát ngụy, bắn rơi 17 máy bay lên thẳng và phá hủy 17 xe bọc thép.

Đêm 16 rạng 17-6

Tiến công địch ở thị xã Mỹ Tho, diệt và bắt hơn 1.500 tên địch.

(Tính chung từ 2-1968 đến giữa 7-1968, lực lượng vũ trang giải phóng đã 5 lần tấn công địch ở thị xã Mỹ Tho, loại khỏi vòng chiến đấu gần 16.000 địch, (có hơn 2.400 Mỹ).

Ngày 20 - 22-6

Trận đánh địch xuất sắc ở La Ngà (Biên Hòa), diệt gọn 1 tiểu đoàn và 1 đại đội; đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn ngụy và 1 trận địa pháo.

Tháng 7

Cục Quân giới (Tổng cục Hậu cần) nghiên cứu thiết kế chế tạo súng chống tăng B40. Sau hơn một tháng nghiên cứu, thiết kế, chế thử, ngày 11 tháng 9 năm 1968, khẩu súng B40 đầu tiên được chế tạo thử nghiệm thành công tại phân xưởng A3 Nhà máy V111. Đến ngày 31 tháng 12 năm 1968, Nhà máy đã sản xuất được 1.111 khẩu B40 gửi vào chiến trường miền Nam phục vụ kịp thời bộ đội chiến đấu.

Ngày 23 - 25-7

Chiến thắng Giồng Trôm (Bến Tre).

Quân, dân Bến Tre đập tan cuộc phản kích của 1 lữ đoàn Mỹ và 1 trung đoàn ngụy vào các xã Nhơn Thạnh, Mỹ Thạnh, Lương Phú, Thuận Điền, Tân Hòa, Phước Long, Long Mỹ, Thạnh Phú Đông, Hiệp Hưng và Long Hòa (quận Giồng Trôm, Bến Tre), loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 địch, bắn chìm và bắn cháy 25 tàu, bắn rơi và bắn bị thương 14 máy bay.

Ngày 17-8 - 28-9

Chiến dịch Tây Ninh - Bình Long. Nhằm tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ và quân ngụy, tạo thuận lợi cho các hoạt động diệt ác, phá kìm ở nội đô - vùng ven Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch tiến công địch ở hai tỉnh Tây Ninh, Bình Long.

Diễn biến chiến dịch chia làm 2 đợt. Đợt 1 (từ 17 đến 31-8): bộ đội ta tập kích cụm quân Mỹ ở Trà Phú (đêm 17), diệt hơn 400 tên, tiếp đó tập kích phá hủy khu truyền tin ở núi Bà Đen; tiến công nhiều mục tiêu khác ở nam tòa Thánh Tây Ninh, tạo thế uy hiếp thị xã. Đợt 2 (từ 1 đến 28-9): ta liên tục phục kích, tập kích, đánh bồi, đánh nhồi vào các cụm quân địch ở Bến Củi, Trà Phú, Chà Là...

Kết thúc chiến dịch, ta đánh 315 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 17.200 tên, đánh thiệt hại nặng 7 tiểu đoàn địch, phá hủy hơn 1.500 xe quân sự, 107 khẩu pháo cối, bắn rơi 122 máy bay; góp phần làm thất bại âm mưu đẩy chiến trường ra gần biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia của Mỹ - ngụy.

Ngày 17-8 - 30-9

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt 3.

Thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị (8-1968) từ đêm 17-8 đến 30-9 quân và dân ta lại mở đợt tiến công và nổi dậy lần thứ ba trong năm 1968, đồng loạt đánh vào 27 thành phố, hơn 100 thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, 17 sân bay, 3 kho và 6 bộ tư lệnh sư đoàn của địch.

Đêm 17 - 31-8

Chiến thắng lớn ở Tây Ninh: đánh quy 1 lữ đoàn tăng cường của sư đoàn 25 "Tia chớp nhiệt đới" của Mỹ, diệt hơn 6.500 địch, trong đó có hơn 5.200 Mỹ, đánh tan xác hơn 90 xe quân sự, phá hủy 51 khẩu đại bác, bắn rơi 26 máy bay.

Đêm 21 rạng 22-8

Chọc thủng tuyến phòng thủ Chà Là (Tây Ninh) diệt 600 tên Mỹ, phá hủy 140 xe tăng, xe bọc thép, 18 khẩu pháo.

Cách 5 ngày sau, đêm 26 rạng 27-8, Quân giải phóng Tây Ninh lại tiêu diệt căn cứ địch ở Chà Là, diệt gọn 1 tiểu đoàn hỗn hợp thuộc sư đoàn bộ binh 25 Mỹ gồm 500 tên, phá hủy hơn 160 xe, trong đó có 80 xe tăng và xe bọc thép.

Đêm 22 rạng 23-8

* Tiến công chi khu quân sự Đức Lập, phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở tây nam Buôn Mê Thuột, diệt gọn 7 đại đội, 7 trung đội và đánh thiệt hại nặng nhiều đại đội khác, bắn rơi 16 máy bay, phá hủy 30 xe quân sự, 1 kho xăng.

* Quân, dân Quảng Nam - Đà Nẵng tiến công và nổi dậy ở Đà Nẵng và vòng đai phòng thủ của địch chung quanh thành phố, tiến công hàng loạt vị trí trong tỉnh, lập chiến công xuất sắc. Chỉ tính từ 22-8 đến 5-9, Quân giải phóng đã tiến

công địch hơn 150 trận, diệt và bắt 6.050 tên địch (có 2.500 Mỹ), bắn rơi, phá hủy 42 máy bay, 125 xe quân sự, 8 khẩu đại bác, hàng chục kho xăng, súng đạn, san bằng 10 vị trí, đánh sập 26 cầu cống, 20 khu tập trung, giải phóng hơn 1 vạn đồng bào.

Cũng thời gian trên, Quân giải phóng đã tiến công và nổi dậy ở thị trấn Vĩnh Điện (Đà Nẵng), diệt hơn 700 địch.

* Ngày 24 tháng 8 Bộ Quốc phòng ra quyết định (số 95/QĐ-QP) *thành lập Cục Xăng dầu*, thuộc Tổng cục Hậu cần.

Ngày 23 - 25-8

Chiến thắng ở cầu Cẩm Lệ (cách Đà Nẵng 3 km về phía nam), đánh tan 4 tiểu đoàn ngụy và 3 tiểu đoàn Mỹ trên một địa hình trống trải ngay giữa sào huyệt của địch; bẻ gãy các cuộc phản kích của địch, diệt 1.233 tên (có 427 Mỹ), bắn cháy 20 xe tăng, xe bọc thép và xe phun lửa, bắn rơi 1 máy bay.

Đêm 29-8

Chiến thắng Dương Hòa, một trận đánh tiêu diệt xuất sắc.

Nửa đêm 29-8, Quân giải phóng Huế bắt ngờ thọc sâu vào tận sở chỉ huy của ban chỉ huy cuộc hành quân Mỹ ở Dương Hòa (một làng nằm trên tả ngạn sông Hương, cách Huế từ 12 đến 14 km). Trong một trận chiến đấu chớp nhoáng thần tốc (35 phút), Quân giải phóng đã diệt gọn 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 đại đội bộ binh, 1 ban chỉ huy hành quân Mỹ, phá hủy 12 khẩu đại bác 105 và 175 mm, 1 máy bay lên thẳng.

Ngày 11 - 14-9

Chiến thắng đồn đập ở Lộc Ninh.

Chỉ trong 4 ngày từ 11 đến 14-9, các lực lượng nhân dân giải phóng Bình Long đã tiêu diệt 2 tiểu đoàn, 6 đại đội Mỹ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội biệt kích ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.600 địch, phần lớn là Mỹ, bắn cháy 55 xe tăng và xe bọc thép, bắn rơi 8 máy bay và bắt một số tù binh. Tên trung tướng U-oe, tư lệnh sư đoàn 1 bộ binh Mỹ chỉ huy trận Lộc Ninh cũng bị diệt trong trận này.

Ngày 21 - 24-9

Quân giải phóng Trung Trung Bộ đồng loạt tiến công hơn 120 vị trí địch, diệt hàng ngàn tên địch, đánh thiệt hại nặng 7 vị trí của sư đoàn Mỹ A-mê-ri-cơ.

Ngày 10-10

Quân giải phóng Sài Gòn - Gia Định tập kích cảng Nhà Bè (cách trung tâm Sài Gòn 10 km về phía đông nam) đánh chìm 1 tàu trọng tải 13.000 tấn chứa khoảng 15 triệu lít xăng. Tính chung trong 4 ngày: 4, 5, 9, 10 Quân giải phóng Gia Định đã bắn hỏng tất cả 6 tàu Mỹ.

Ngày 1-11

* Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

* Cùng ngày 1-11, Quân giải phóng Bến Tre đã tiến công căn cứ nổi của Mỹ trên sông Tiền Giang, đánh chìm 16 tàu, phá hủy 1 trận địa pháo, diệt 600 tên Mỹ.

Ngày 2-11

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố khẳng định: “Để đi đến một giải pháp chính trị đúng đắn về Việt Nam thì Chính phủ Mỹ phải từ bỏ mọi âm mưu can thiệp và xâm lược dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Chừng nào Mỹ còn xâm lược Việt Nam thì nhân dân Việt Nam còn chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn”.

Đêm 13 rạng 14-11

Diệt sở chỉ huy căn cứ hỗn hợp Mỹ, ngụ tại Sóc Con Trăng (Tây Ninh), loại khỏi vòng chiến đấu 7 đại đội địch, phá hủy 24 xe bọc thép, bắn rơi, phá hủy 18 máy bay.

Ngày 16-11

Chiến thắng Thiện Ngôn (Tây Ninh).

Sau 50 phút chiến đấu dũng mãnh và mưu trí, lực lượng vũ trang giải phóng Tây Ninh đã diệt hơn 1 tiểu đoàn “ky binh bay” Mỹ số 1.

Đêm 16 rạng 17-11

* Quân, dân Đà Nẵng tiến công 24 mục tiêu, trong đó có đài phát thanh cơ quan quân vụ thị trấn, các đồn cảnh sát Hoàng Hoa Thám, Hoàng Diệu, Chợ Đồn, Hòa Thuận và ty cảnh sát Gia Long, các cơ quan ngục quyền, khu phố và hàng chục cốt địch...

* *Chọc thủng hệ thống căn cứ phòng ngự liên hợp rắn nhất của địch ở đồng bằng Trung Trung Bộ.*

Cuối tháng 10 và đầu tháng 11, bộ chỉ huy Mỹ đã huy động hơn 2 vạn quân Mỹ, ngụ và chư hầu liên tục mở 2 cuộc hành quân mang tên đôi “Hen-đơ-xơn” và “Vũng Ga-ra” để phá thế uy hiếp, giải tỏa cho vùng Đà Nẵng. Nhưng chúng đã thất bại.

Chỉ sau 1 ngày cuộc hành quân “Vũng Ga-ra” của Mỹ kết thúc thì đêm 16 rạng 17-11, quân dân đồng bằng Trung Trung Bộ đã chọc thủng hệ thống căn cứ phòng ngự liên hợp rắn nhất của địch ở đồng bằng Trung Trung Bộ, đồng loạt tiến công và bắn phá mãnh liệt các sào huyệt quan trọng của Mỹ – ngụ ngay giữa thành phố Đà Nẵng, Quy Nhơn và các thị xã Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi cùng nhiều vị trí địch ở các vùng xung yếu...

Ngày 16-11 - 9-12

Bê gẫy cuộc hành quân "bình định cấp tốc" lớn nhất của địch ở Điện Bàn (Quảng Nam).

Địch ném vào cuộc hành quân này hơn 7.000 quân gồm 1 trung đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, 1 tiểu đoàn lính đánh thuê, chủ lực có nhiều xe tăng, máy bay và đại bác yểm trợ để càn đi, quét lại một vùng nhỏ nhằm dồn dân, lập vành đai trắng. Nhưng chúng đã thất bại. Chỉ trong 10 ngày đầu (16 - 25-11), quân, dân Điện Bàn đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 địch, bắn rơi 18 máy bay, đánh bại cuộc hành quân "bình định cấp tốc" của địch ở vùng Điện Bàn.

Đêm 25 rạng 26-11

Chiến thắng Sông Mao.

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Thuận đánh chiếm hoàn toàn căn cứ Sông Mao, diệt hơn 1.000 tên địch, gồm chỉ huy trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 1 đại đội bộ binh, 1 chi đoàn và 1 chi đội xe bọc thép nguy, 1 đại đội "ky binh bay" Mỹ.

Ngày 1-12

Chiến thắng Rạch Kiến (Thủ Dầu Một), chiến công nổi bật của bộ đội địa phương.

Sau một loạt trận tiến công của Quân giải phóng ở vùng Lộc Ninh trong những ngày 27, 28, 29-11, tiêu diệt và tiêu hao nặng 3 tiểu đoàn, 5 đại đội Mỹ - nguy, ngày 1-12, bộ đội địa phương Thủ Dầu Một lại tập kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 3, sư đoàn bộ binh số 1 Mỹ ở Rạch Kiến (gần thị xã Bến Cát).

Ngày 28-12

Quân giải phóng Đắc Lắc đồng loạt tiến công vào nhiều vị trí của quận lỵ và chi khu quân sự Buôn Hồ.

Sau 45 phút chiến đấu, Quân giải phóng đã tiêu diệt hơn 600 tên địch (có 10 tên cố vấn Mỹ), phá hủy 12 đại bác và súng cối, đánh sập 58 lô cốt, thiêu hủy 39 kho xăng.

Ngày 28-12-1968 - 6-1-1969

Đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân Mỹ - nguy vào vùng U Minh (Rạch Giá, Cà Mau), loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 địch (có 200 Mỹ), bắn chìm, bắn cháy 32 tàu chiến, bắn rơi 7 máy bay.

NĂM 1969**Ngày 10-1 - 4-2**

Bộ đội chủ lực Tây Nguyên phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương đánh bại các cuộc hành quân, bình định cấp tốc "Bình Tây 48", "Bình Tây 49", "Bình

Tây 50" của quân ngụy có Mỹ yểm trợ vào vùng Chư Pa (Gia Lai). Ta đánh thiệt hại nặng 6 tiểu đoàn (có 1 tiểu đoàn Mỹ), bắn rơi và bắn cháy 15 máy bay lên thẳng, phá hủy 9 đại bác và súng cối.

Ngày 18-1

Phiên họp đầu tiên của hội nghị Pa-ri về Việt Nam khai mạc tại phòng họp trung tâm của hội nghị quốc tế ở Pa-ri. Bốn đoàn đại biểu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã bàn về việc chuẩn bị cho phiên họp toàn thể lần thứ nhất.

Ngày 31-1

Trận tập kích cụm quân địch ở Thị Tính (thuộc quận Bến Cát, Thủ Dầu Một).

Quyết đập tan kế hoạch "bình định cấp tốc" của Mỹ - ngụy, Quân giải phóng Thủ Dầu Một đã tiến công cụm quân địch ở Thị Tính (trên đường số 30, cách Dầu Tiếng 14 km về phía đông bắc). Sau 80 phút chiến đấu vô cùng anh dũng Quân giải phóng đã tiêu diệt hoàn toàn cụm quân địch ở Thị Tính, kể cả sở chỉ huy cụm quân này, giết và làm bị thương 1.450 tên Mỹ, trong đó có 1 tiểu đoàn bộ binh, 2 đại đội pháo binh Mỹ, phá hủy 8 khẩu đại bác và súng cối.

Ngày 22 - 28-2

Bộ binh và pháo binh Quân giải phóng Biên Hòa liên tục tiến công bắn phá các cụm quân Mỹ ở khu hậu cần Long Bình sân bay Biên Hòa, diệt gần 2.000 tên địch. Riêng tại căn cứ Biên Hòa, Quân giải phóng phá hủy 190 máy bay, diệt gần 200 giặc lái và nhân viên Mỹ - ngụy.

Ngày 22-2 - 8-3

Quân và dân bắc Gia Định tiến công 30 căn cứ, vị trí địch như căn cứ lữ đoàn 2 thuộc sư đoàn bộ binh Mỹ số 25 ở Đồng Dù, căn cứ lữ đoàn 3 ở Dầu Tiếng, căn cứ lữ đoàn 1 thuộc sư đoàn bộ binh số 1 tại Lai Khê, nhiều cụm quân Mỹ và nhiều đồn bốt ở nhiều thị trấn, loại khỏi vòng chiến đấu 6.240 tên địch (có 5.750 tên Mỹ), phá hủy 355 xe quân sự, có 192 xe tăng, xe bọc thép, 279 máy bay, đốt cháy 4 kho đạn, 3 kho xăng, 2 nhà máy điện, phá hủy 117 đồn bốt, 200 căn nhà lính và 29 hầm ngầm.

Ngày 22-2 - 10-3

Quân và dân vùng ven đông nam thành phố Sài Gòn tiến công địch liên tục, đánh vào nhiều cơ quan chỉ huy của địch tại các quận 1 và 9 ở Thủ Đức, Long Thành, kho xăng Nhà Bè, cứ điểm quân sự Cầu Nước Trong, Vũng Tàu, v.v... diệt và bắt 1.558 tên Mỹ - ngụy và chư hầu (có 268 tên Mỹ), bắn rơi và phá hủy 9 máy bay, bắn chìm và bắn cháy 28 tàu, đánh sập 3 phòng thông tin quận và nhiều cơ quan ngụy quân, ngụy quyền.

Ngày 22-2 - 22-3

Quân và dân Bình Định liên tiếp tấn công các khu hậu cần của Mỹ - ngụy ở Đèo Sơn, Miếu Lở, Phú Hòa, phá hủy 85 kho bom đạn gồm 3 vạn tấn, 2 kho hóa

chất và thuốc nổ, 3 kho xăng gồm hơn 100 triệu lít, 2.000 mét ống dẫn dầu và 25 máy bay địch.

Ngày 22-2 - 30-3

Quân và dân miền Nam mở đợt tiến công Xuân 1969 vào hơn 400 mục tiêu của địch ở 36 thành phố, thị xã; hơn 100 quận lỵ, thị trấn, 35 sở chỉ huy, 38 sân bay, 17 khu hậu cần lớn, loại khỏi vòng chiến đấu 140.000 tên, bắn rơi và phá hủy 1.600 máy bay các loại, bắn cháy 2.900 xe quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Ngày 22-2 - cuối tháng 3

Quân và dân Quảng Ngãi liên tục tiến công hầu hết các sào huyệt địch trong thị xã Quảng Ngãi, các huyện lỵ, chi khu quân sự như Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng... sân bay Quảng Ngãi, loại khỏi vòng chiến đấu gần 8.800 tên địch, có hơn 2.500 tên Mỹ, 1 chi đội xe bọc thép, 9 đoàn "binh định" ác ôn, bắn rơi 26 máy bay, phá hủy 181 xe quân sự, 200 nhà lính.

Ngày 23-2

Quân giải phóng Thủ Dầu Một bắn phá dữ dội căn cứ sư đoàn bộ binh Mỹ số 1 tại Lai Khê, phá hủy 30 máy bay, diệt 300 tên Mỹ.

Đêm 25 rạng 26-2

Tiểu đoàn 3 đặc công Miền và Tiểu đoàn 28 đặc công (Sư đoàn 7) được tăng cường 1 tiểu đoàn pháo hỗn hợp do Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Cự - Phó chỉ huy bộ đội đặc công Miền chỉ huy tập kích căn cứ sư đoàn 25 bộ binh cơ giới Mỹ ở Đồng Dù (Củ Chi), căn cứ có sở chỉ huy sư đoàn và lữ đoàn 2 (1.600 quân), sân bay, trận địa pháo, bãi xe cơ giới, 7 lớp rào thép gai, 320 lô cốt và ụ súng; bên ngoài có 5 đại đội thám báo bảo vệ. Sau hơn một giờ chiến đấu, ta làm thương vong hơn 1.000 tên địch, phá hủy 50 máy bay các loại, 176 xe quân sự, 12 khẩu pháo. Ta hy sinh 18, bị thương 14 đồng chí. Đây là trận đánh lớn đầu tiên của bộ đội Đặc công miền Đông Nam Bộ, đạt hiệu suất cao.

Ngày 17 - 27-3

Dầu Tiếng đánh bại cuộc hành quân "Cái nôm Át-lát". Để ngăn chặn các cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng ở khu vực Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), giặc Mỹ và tay sai mở cuộc hành quân lớn mang tên "Cái nôm Át-lát" vào vùng này. Chúng huy động hơn 1 vạn tên, với những đơn vị sừng sỏ nhất của Mỹ như sư đoàn "Anh cả đỏ", sư đoàn "Tia chớp nhiệt đới", sư đoàn "Ngựa bay", trung đoàn xe bọc thép số 11, v.v... Tham gia cuộc hành quân này còn có tiểu đoàn 2, trung đoàn 9 thuộc sư đoàn ngự số 25.

Ngoài hàng trăm xe bọc thép, giặc Mỹ còn huy động nhiều máy bay B-52 yểm trợ, ném hơn 1.500 tấn bom xuống các làng mạc ở khu vực Dầu Tiếng. Với quyết tâm tiêu diệt địch, quân và dân Dầu Tiếng đã liên tiếp giáng cho chúng những

đồn đầu. Bị thiệt hại nặng, địch đã phải vội vàng kết thúc cuộc hành quân. Quân dân Thủ Dầu Một đã đánh tan cuộc hành quân, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.000 tên địch (hầu hết là Mỹ), diệt 8 đại đội Mỹ - nguy, tiêu hao nặng một đại đội Mỹ khác, bắn tan xác 210 xe quân sự (phần lớn là xe tăng, xe bọc thép), bắn rơi 12 máy bay.

Ngày 5 - 14-5

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Long và Tây Ninh đồng loạt tiến công sư đoàn "Lính ngựa bay" Mỹ số 1, đánh 25 trận vào 16 căn cứ, vị trí của sư đoàn này ở Phước Vĩnh, Tách Ních, Lai Khê, Minh Thạnh, Cần Lê, Trảng Lớn, Bàu Cỏ, Trà Ôn, Lô Via, Núi Ông, v.v... loại khỏi vòng chiến đấu 3.000 tên Mỹ, diệt gọn 17 đại đội, đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn, bắn rơi và phá hủy gần 100 máy bay, đánh tan xác 150 xe quân sự, phá hủy 50 súng lớn, đốt cháy nhiều kho xăng và đạn.

Ngày 5 - 17-5

Chiến dịch Đắc Tô. Nhằm góp phần đánh bại biện pháp chiến lược "quét và giữ" của quân Mỹ và quân nguy ở vùng Tây Nguyên, hỗ trợ cho đồng bằng Khu 5, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên mở chiến dịch tiến công địch ở khu vực Đắc Tô (bắc Kon Tum).

Sau hơn một tháng chiến đấu, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu 13.000 tên địch (diệt 4 tiểu đoàn, bắt 164 tên); phá hỏng 1.151 xe quân sự, 74 khẩu pháo, bắn rơi, phá hỏng 260 máy bay và nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Trong chiến dịch này, ta bước đầu vận dụng thành công nghệ thuật vận động, bao vây tiến công liên tục và phối hợp ba thứ quân để đánh bại chiến thuật di tản, co cụm, đóng chốt điểm cao của Mỹ - nguy.

Ngày 5-5 - 20-6

Chiến dịch Long Khánh (Đông Nam Bộ). Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá kế hoạch của chúng, Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công địch ở khu vực Túc Trưng, Định Quán, Gia Rai, thị xã Long Khánh, tỉnh Long Khánh.

Kết thúc chiến dịch, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 tên địch, phá hỏng 47 khẩu pháo, 216 xe quân sự (có 32 xe bọc thép), 79 máy bay, thu 113 súng các loại.

Ngày 12-5

* Tiểu đoàn đặc công 5 (Trung đoàn 429) và đại đội 48 đặc công cơ giới do đồng chí Nguyễn Hòa chỉ huy tiến công căn cứ lữ đoàn 12 (sư đoàn bộ binh 1) và căn cứ lữ đoàn 3 (sư đoàn kỵ binh bay) Mỹ ở Tách-ních (Bình Long) diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch.

* *Chiến thắng Động Tranh* (Động Tranh là một vị trí rất kiên cố và là điểm chốt trên đường số 12 (cách Huế khoảng 20 km về phía tây nam) của giặc Mỹ hòng ngăn chặn quân dân Thừa Thiên tiến công vào phía tây nam Huế).

Ngày 12-5, lực lượng vũ trang giải phóng tiến công cứ điểm Động Tranh. Sau 7 phút chiến đấu dũng mãnh, Quân giải phóng hoàn toàn làm chủ trận địa, tiêu diệt hơn 400 tên lính dù Mỹ, phá hủy 16 xe tăng, 30 xe vận tải, một máy bay lên thẳng, 16 khẩu pháo lớn, làm nổ 2 kho bom đạn.

Ngày 12 - 16-5

Quân và dân Quảng Nam, Quảng Ngãi tiến công 10 căn cứ của sư đoàn A-mê-ri-cơn như: sở chỉ huy sư đoàn của chúng ở Kỳ Hà, các sân bay Chu Lai, Trung An, lữ đoàn 196, 198, căn cứ tiểu đoàn Mỹ ở Nước Mặn (phía nam Chu Lai), tiểu đoàn Mỹ ở Gò Gai (Quảng Nam), v.v...

Sư đoàn A-mê-ri-cơn Mỹ bị loại khỏi vòng chiến đấu gần 2.000 tên, 1 tiểu đoàn hỗn hợp, 3 sở chỉ huy tiểu đoàn, 7 đại đội và 5 trung đội bộ binh, pháo binh bị tiêu diệt, 1 tiểu đoàn, 1 sở chỉ huy lữ đoàn, 1 đại đội xe bọc thép bị đánh thiệt hại nặng, 64 máy bay bị bắn tan xác, 41 xe quân sự bị phá hủy, 12 kho đạn bị đốt cháy nổ tung.

Ngày 6 - 24-6

Chiến thắng Plây Cản (Công Tum). Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Công Tum mở đợt tiến công, bao vây, uy hiếp mạnh bọn địch ở trại lực lượng đặc biệt Plây Cản (Bến Hét) và chặn đánh bọn địch đến ứng cứu, loại khỏi vòng chiến đấu 1.600 (có 44 "cố vấn" và nhân viên kỹ thuật Mỹ), bắn rơi và phá hủy 41 máy bay, phá hủy 183 xe quân sự (có 133 xe tăng, xe bọc thép), đốt cháy 11 kho xăng, đạn, đồ dùng quân sự.

Ngày 18 - 20-6

Quân giải phóng Bình Long phục kích nhiều đoàn xe quân sự Mỹ gồm xe tăng M41 và xe bọc thép M113 từ Hớn Quản về Chơn Thành, trên đường số 13, và đánh bọn đến ứng cứu, phá hủy 206 xe quân sự (có 161 xe tăng và xe bọc thép), loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 tên Mỹ, bắn rơi 26 máy bay.

Ngày 2-9

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Sau một thời gian lâm bệnh, hồi 9 giờ 47 phút sáng ngày 2 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại vô cùng kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, của toàn thể dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào Cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, qua đời.

Ngày 16-9

Tổng thống Mỹ Ních-xơn công bố rút đợt 2 (35.000) quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam (đợt 1, Ních-xơn tuyên bố rút 25.000 quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam vào cuối tháng 8 năm 1969).

Ngày 20-10 - 1-12

Chiến dịch Bu Prông - Đức Lập.

Chỉ huy chiến dịch: Hoàng Minh Thảo (Tư lệnh), Trần Thế Môn (Chính ủy).

Chiến dịch diễn ra thành 3 đợt: Đợt 1 (28-10 đến 7-11): ta vây điểm diệt viện ở 2 khu vực Bu Prăng, Đức Lập và đánh vào hậu cứ phía sau địch. Đợt 2 (8 đến 17-11) bộ đội ta đánh địch ở Bu Prăng, buộc địch ra ứng cứu giải tỏa để tiêu diệt. Đợt 3 (18-11 đến 1-12): ta vây ép và tiêu diệt căn cứ Bu Prăng, đánh bại chiến đoàn 53 địch ra giải tỏa.

Kết thúc chiến dịch: Ta loại khỏi vòng chiến đấu 4.323 tên địch (có 315 Mỹ); bắt 35 tên (có 3 Mỹ) bắn rơi và phá hủy 103 máy bay, phá hủy 87 xe quân sự, 29 pháo, 35 kho (có 4 kho đạn pháo, 5 kho xăng) thu nhiều súng đạn, quân trang quân dụng.

Ngày 25-10-1969 - 25-4-1970

Chiến dịch Toàn Thắng (chiến dịch 139). Nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Vàng Pao và quân Thái Lan, khôi phục vùng giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng bị địch lấn chiếm trong cuộc hành quân Cù Kiệt (tháng 8 năm 1969), Quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội Pa-thét Lào mở chiến dịch phản công ở khu vực Cánh Đồng Chum. Tham gia Bộ chỉ huy chiến dịch, về phía quân tình nguyện Việt Nam có các đồng chí Vũ Lập: Tư lệnh, Huỳnh Đắc Hương: Chính ủy.

Sau 3 đợt chiến đấu (25-10-1969 đến 10-1-1970, 11 đến 25-2, 26-2 đến 25-4-1970), liên quân Việt - Lào đánh thiệt hại nặng một bộ phận "Lực lượng đặc biệt" của Vàng Pao gồm 13 tiểu đoàn (khoảng 7.800 tên), phá hỏng và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng, mở rộng vùng giải phóng Lào từ Bản Na đến Nậm Ngàn gồm 22.000 dân.

Chiến thắng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng đánh dấu bước tiến bộ mới về trình độ tổ chức chỉ huy chiến dịch và tác chiến trên địa bàn rừng núi của chủ lực ta.

Ngày 3 - 8-11

Quân giải phóng Phước Long liên tục tiến công ở trong và ngoài chi khu quân sự Bù Đốp, giết và làm bị thương hơn 500 tên Mỹ - ngụy, bắn rơi và phá hủy 12 máy bay, phá hủy 10 đại bác, 24 xe quân sự, đốt cháy 3 kho đạn và xăng.

Ngày 3-11 - 10-12

Chiến dịch Phước Bình - Bù Đốp. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá ách kìm kẹp, bảo vệ tuyến hành lang và kho tàng của ta ở biên giới Việt Nam - Campuchia, Bộ tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công trên địa bàn Bù Đốp - Phước Bình và Bồ Túc - Lộc Ninh thuộc 2 tỉnh Phước Long và Bình Phước.

Sau 37 ngày đêm chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu 4.000 tên địch, phá hỏng và bắn rơi 112 máy bay lên thẳng, bắn cháy 103 xe quân sự (có 96 xe tăng M41, M48 và M113), phá hỏng 29 khẩu pháo, 14 kho (có 4 kho đạn), 1 sân bay, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự.

Thắng lợi của chiến dịch Phước Bình - Bù Đốp góp phần làm thất bại chiến lược phòng ngự của địch; tạo chuyển biến có lợi cho ta trên tuyến vành đai bắc - đông bắc Sài Gòn.

Ngày 17 - 20-11

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Mỹ Tho tiến công chi khu quân sự Cai Lậy, Cái Bè, liên tục đánh địch trên đường số 4 và Ba Dừa, diệt và bắt 670 tên Mỹ - ngụy; phá hủy 27 xe quân sự, 4 súng lớn.

Ngày 2-12

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam tiến công hơn 60 căn cứ, vị trí tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc Sài Gòn, phía nam Tây Nguyên, Quảng Nam, Đà Nẵng. 58 căn cứ, vị trí của địch bị trúng đạn súng lớn của Quân giải phóng.

Ngày 4-12

Khu ủy Trị - Thiên - Huế chỉ thị cho Phân khu III động viên mọi lực lượng ra sức xây dựng miền núi thành căn cứ cách mạng vững chắc, góp phần tích cực làm chuyển biến lớn trên chiến trường.

Ngày 8 - 20-12

Mỹ Tho bẻ gãy cuộc hành quân của địch ở Cái Bè, Cai Lậy.

Để thực hiện kế hoạch "bình định" 2 huyện Cái Bè và Cai Lậy, địch huy động toàn bộ sư đoàn ngụy số 9, một chiến đoàn quân biệt động mở cuộc hành quân lớn với số quân là hơn 20 tiểu đoàn, có nhiều máy bay, đại bác yểm hộ, đánh vào 2 huyện kể trên.

Quân và dân Mỹ Tho dũng mãnh tiến công địch, đánh tan cuộc hành quân của chúng, tiêu diệt 1.032 tên (có 1 tên thiếu tá, 5 tên sĩ quan cấp úy ngụy) và làm tan rã hơn 100 tên khác, phá hủy và phá hỏng 18 xe quân sự, bắn rơi 3 máy bay lên thẳng.

Ngày 15-12

Tổng thống Mỹ, Ních-xơn công bố rút quân đợt 3 (50.000 quân) khỏi miền Nam Việt Nam. Đợt rút quân này dự định hoàn thành vào tháng 4 năm 1970.

NĂM 1970

Ngày 5-1

Chiến thắng Cẩm Dơi.

Quân giải phóng Quảng Nam tiến công mãnh liệt một tiểu đoàn thuộc trung đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ số 7 ở Cẩm Dơi (huyện Quế Sơn).

Quân giải phóng đã giết và làm bị thương 400 tên Mỹ, diệt 1 sở chỉ huy tiểu đoàn, 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội pháo binh, phá hủy toàn bộ khu ra-đa, sở chỉ huy, 9 xe quân sự (có 5 xe tăng), gần 100 nhà lính, hầm ngầm.

Ngày 20-1

Các chiến sĩ tự vệ vũ trang thành phố Sài Gòn tiến công nhà ở của bọn sĩ quan Mỹ tại đường Trần Hưng Đạo, đánh sập 1 nhà 2 tầng, phá hủy 1 kho vật liệu quân sự, 1 kho đạn, diệt 50 tên Mỹ (hầu hết là sĩ quan).

Ngày 21-1

Trận đánh giao thông ở ngã ba Lộc Ninh. Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Long đánh một trận giao thông xuất sắc giáng một đòn mạnh vào trung đoàn xe bọc thép Mỹ số 11, ở khu vực ngã ba Lộc Ninh (cách thị trấn Lộc Ninh khoảng 5 km về phía đông bắc, phá hủy 61 xe tăng và xe bọc thép, bắn rơi 15 máy bay, diệt 330 tên xâm lược Mỹ.

Ngày 22-1

Rạch Giá tiến công lữ đoàn A lính thủy đánh bộ ngụy.

Quân và dân Rạch Giá tập kích mãnh liệt 2 tiểu đoàn số 1 và số 2 thuộc lữ đoàn A lính thủy đánh bộ ngụy ở xã Vĩnh Hòa (huyện Vĩnh Thuận) và một số vị trí khác, tiêu diệt tiểu đoàn 1 và sở chỉ huy nhẹ của lữ đoàn A lính thủy đánh bộ ngụy, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 2 của lữ đoàn này, giết và làm bị thương hơn 700 tên.

Ngày 8 - 17-3

Lực lượng vũ trang giải phóng Cà Mau, Rạch Giá bẻ gãy cuộc hành quân "bình định" của tiểu đoàn địch ở rừng U Minh, diệt gọn 1 tiểu đoàn và 4 đại đội, đánh thiệt hại 1 trung đoàn và 1 lữ đoàn, tiêu diệt và làm bị thương hơn 1.000 tên, bắn rơi 4 máy bay, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự.

Ngày 28-3 - 5-4

Miền Nam tiến công và nổi dậy.

Quân và dân miền Nam tiến công và nổi dậy trên khắp các chiến trường, đánh vào hơn 500 mục tiêu quân sự, trong đó có những căn cứ ở 26 thành phố, thị xã, hơn 20 sở chỉ huy từ cấp trung đoàn đến quân đoàn, 4 trung tâm huấn luyện quân sự và chiến tranh tâm lý, hơn 40 sân bay, bến tàu quân sự, kho tàng, căn cứ pháo binh và bãi để xe quân sự cỡ lớn của Mỹ - ngụy. Quân và dân miền Nam tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 10 sở chỉ huy từ tiểu đoàn đến sư đoàn, 11 tiểu đoàn và hàng chục vị trí, căn cứ kho tàng, trung tâm huấn luyện, chi khu quân sự của địch. Hàng chục vạn lượt đồng bào nổi dậy mạnh mẽ, phối hợp với các lực lượng vũ trang tiến công mạnh vào lực lượng kim kẹp của địch ở nhiều nơi, củng cố và giành quyền làm chủ nhiều vùng quan trọng.

Ngày 30-3 - 15-4

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng bắc Quảng Trị liên tiếp tiến công bẻ gãy cuộc hành quân của lữ đoàn 1 thuộc sư đoàn bộ binh cơ giới Mỹ số 5, ở khu vực cách huyện lỵ Cam Lộ 8 km về phía tây bắc, bắn súng lớn vào nhiều căn cứ, vị trí địch ở Đông Hà, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.300 tên địch (có 630 tên Mỹ), phá hủy và phá hỏng 77 xe quân sự (có 70 xe tăng và xe bọc thép), bắn rơi 23 máy bay.

Ngày 31-3

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Biên Hòa bắn súng lớn mãnh liệt vào căn cứ Nước Trong, các sân bay của địch, căn cứ của bộ tư lệnh sư đoàn bộ binh Mỹ số 1, diệt 900 tên Mỹ và lính Thái Lan, phá hủy nhiều máy bay, xe quân sự và kho tàng.

Ngày 31-3 - 1-4

Chiến thắng Sông Mao. Quân và dân Bình Thuận tiến công hơn 30 căn cứ vị trí địch, trong đó có căn cứ Sông Mao - một căn cứ quan trọng của địch, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 1 sở chỉ huy nhẹ sư đoàn, 1 sở chỉ huy trung đoàn, 2 tiểu đoàn và 6 đại đội ngụy, 1 ban chỉ huy chi đoàn và 1 đại đội Mỹ, diệt và bắt hơn 1.000 tên địch (có hơn 200 tên Mỹ), phá hủy 70 xe quân sự, đốt cháy 6 kho súng đạn, chất độc hóa học, nhiều bể xăng dầu.

Ngày 31-3 - 3-4

Quân và dân Mỹ Tho liên tục tập kích và bắn phá hơn 20 vị trí địch trong thành phố, loại khỏi vòng chiến đấu gần 800 tên, phá hủy 12 xe bọc thép, 2 kho đạn.

Ngày 31-3 - 5-4

Quân và dân Bến Tre tiến công hàng loạt vị trí địch ở thị xã và 6 huyện lỵ, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 tên địch, san bằng 5 đồn, phá hủy 4 xe quân sự, bắn rơi 3 máy bay.

Ngày 31-3 - 7-4

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Kon Tum tiến công địch trên một tuyến dài 25 km suốt từ Đắc Siêng đến Tân Cảnh, diệt hơn 1.200 tên địch, bắn rơi và phá hủy 29 máy bay, đốt cháy 6 kho xăng.

Ngày 1-4

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam tiến công bằng bộ binh và pháo binh vào 242 căn cứ, vị trí, sở chỉ huy, kho tàng, sân bay, bến tàu quân sự của Mỹ - ngụy ở hơn 20 thành phố, thị xã, thị trấn, huyện lỵ, diệt 600 tên Mỹ, ngụy.

Ngày 13 - 17-4

Tiến công trung đoàn xe bọc thép Mỹ số 11.

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Tây Ninh tiến công trung đoàn xe bọc thép Mỹ số 11, tại Ôn Đắc (cách thị xã Tây Ninh 40 km về phía đông bắc), ở ngã ba Bà Chiêm, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 700 tên Mỹ, phá hủy 120 xe tăng và xe bọc thép.

Ngày 30-4 - 25-5

Chiến thắng Hiệp Đức.

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Quảng Nam tiến công mãnh liệt vào các sào huyệt của bọn ngụy ở chi khu quân sự Hiệp Đức và chặn đánh bọn địch đến giải tỏa, loại khỏi vòng chiến đấu gần 3.000 tên địch (có gần 1.000 tên Mỹ thuộc lữ đoàn 196), phá hủy 58 xe tăng, xe bọc thép, 16 đại bác, bắn rơi hơn 100 máy bay, thu hàng trăm súng các loại; chi khu quân sự Hiệp Đức bị đánh thiệt hại nặng.

Ngày 1 - 4-5

Giặc Mỹ cho hàng loạt máy bay liên tục đánh phá hàng chục lần xuống nhiều vùng thuộc các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Vĩnh Linh. Quân dân các tỉnh trên cảnh giác, dũng cảm kịp thời bắn rơi 13 chiếc máy bay Mỹ.

Ngày 1 - 26-5.

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Cà Mau đánh địch nhiều trận ở các tuyến Sông Trẹm, Sông Đốc, Cái Tàu và xã Biện Bạch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.700 tên địch, phá hủy 8 đại bác, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn và 18 đại đội.

Ngày 3-5

* Quân và dân An Giang cùng một lúc tiến công 19 vị trí, đồn bốt, căn cứ quân sự địch thuộc 2 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, diệt hơn 500 tên địch, diệt gọn và đánh thiệt hại nặng 1 ban chỉ huy tiểu đoàn hỗn hợp, 4 đại đội ngụy, bắn rơi máy bay, phá hủy 4 súng lớn, đốt cháy 1 kho xăng lớn và nhiều trại lính.

* *Tập kích trại sĩ quan Mỹ E-xê-pích.*

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Thuận tập kích mãnh liệt căn cứ sĩ quan Mỹ ở trại E-xê-pích, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 250 tên Mỹ (có nhiều tên giặc lái và nhân viên kỹ thuật), phá hủy 23 máy bay, 13 xe bọc thép, đốt cháy một số kho xăng và vũ khí.

Ngày 3 và 6-5

Quân giải phóng Gia Lai tập kích xe quân sự địch ở Tân Tạo (An Khê) và phục kích một đoàn xe quân sự địch trên đường số 19, phá hủy hơn 90 xe quân sự, diệt hàng trăm tên địch, phá hủy nhiều súng đạn và đồ dùng quân sự.

Ngày 3 - 12-5

Quân và dân Mỹ Tho mở hàng loạt trận tiến công mới vào các huyện lỵ, chi khu quân sự ở Cai Lậy, Cái Bè, An Hữu, Vĩnh Kim và hàng chục đồn bốt khác, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.000 tên địch, tiêu diệt hoàn toàn 3 đại đội, 1 tiểu

đoàn “binh định”, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội khác, san bằng và phá hỏng 15 đồn bốt.

Cũng trong thời gian này, hơn 7.000 lượt đồng bào xuống đường đấu tranh trực tiếp với nguy quyền các cấp, chống đàn áp khủng bố.

Ngày 25-5

Quân giải phóng Cà Mau tiến công mãnh liệt chi khu quân sự Giá Ngựa, san bằng căn cứ này, diệt và bắt toàn bộ quân địch gồm 250 tên (có 9 tên “cố vấn” Mỹ).

Ngày 4 - 9-6

Quân và dân Mỹ Tho liên tục tiến công căn cứ sư đoàn nguy số 7 ở Bình Đức, trung tâm huấn luyện Tân Hiệp, các chi khu quân sự An Hữu, Vĩnh Kim, Hồng Thới và chặn đánh các tiểu đoàn thuộc sư đoàn nguy số 7 hành quân ở dọc tuyến Bà Rài (Cai Lậy).

Các lực lượng vũ trang giải phóng Mỹ Tho diệt và bắt gần 1.100 tên địch, diệt gọn 1 đại đội, 2 trung đội, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, đốt cháy 4 kho xăng, đạn, phá hủy 17 xe quân sự.

Ngày 19-6

Bộ Chính trị ra nghị quyết về “Tình hình mới ở bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta”.

Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ cho cách mạng cả nước là: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả hai miền Nam – Bắc nước ta, tăng cường khối đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương trở thành một khối thống nhất, có một chiến lược chung, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến cứu nước của nhân dân ba nước chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai”.

Trên cơ sở nhiệm vụ đó, Bộ Chính trị đã nêu cụ thể nhiệm vụ của quân và dân ta đối với từng chiến trường ở Đông Dương.

Ngày 1 - 23-7

Chiến thắng ở điểm cao 935.

Quân và dân Thừa Thiên liên tiếp vây đánh quân Mỹ thuộc sư đoàn dù số 101 ở điểm cao 935 (điểm cao 935 thuộc vùng rừng núi huyện Phong Điền cách thành phố Huế 40 km về phía tây).

Trải qua 23 ngày đêm liên tục tiến công, quân và dân Thừa Thiên đã lập chiến công xuất sắc: loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.700 tên Mỹ, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 11 đại đội, bắn rơi và phá hủy 97 máy bay, phá hủy 13 khẩu đại bác hạng nặng; bọn Mỹ còn sống sót buộc phải tháo chạy khỏi khu vực điểm cao 935.

Ngày 6-8 - 6-10

Chiến thắng lớn Cốc Bai.

Cốc Bai là một căn cứ của quân ngụy nằm giữa tuyến phòng thủ của địch ở vùng núi Trị Thiên, cách thành phố Huế 42 km về phía tây bắc. Trên quả đồi cao 565m, bọn địch san bằng một khu đất rộng, xây dựng căn cứ phòng thủ rất kiên cố với nhiều hệ thống hầm ngầm, lô cốt, nhiều hàng rào dây thép gai, nhiều bãi mìn. Tiểu đoàn bộ binh số 1 - địch thường tăng bổc là tiểu đoàn "hạng nhất", "thiện chiến nhất" - đóng giữ ở căn cứ này.

Mặc dù giặc Mỹ cho hàng trăm lượt chiếc máy bay B.52, B.57 và các máy bay phản lực chiến đấu khác đến ném bom bắn phá ác liệt chung quanh căn cứ Cốc Bai, Quân giải phóng Trị-Thiên-Huế vẫn dũng cảm, liên tiếp tiến công địch. Quân giải phóng giết và làm bị thương 1.800 tên ngụy, đánh thiệt hại nặng tất cả 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn ngụy số 1, tiêu diệt 6 đại đội bộ binh, 1 đại đội pháo, diệt 15 tên sĩ quan chỉ huy (trong đó có tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn ngụy số 1). Bị thua đau, ngày 7-10, bọn địch sống sót phải tháo chạy khỏi căn cứ Cốc Bai.

Chiến thắng trên các điểm cao Cốc Bai (6-10) và ở Đá Bàn (15-10-1970), v.v... làm cho tuyến phòng thủ rừng núi của địch ở Trị-Thiên-Huế rạn nứt nghiêm trọng, chiến thuật đóng chốt trên điểm cao của chúng bị phá sản.

Ngày 29 - 30-8

Quân giải phóng Khánh Hòa tiến công khu hậu cần của địch ở phía tây bắc sân bay Mỹ Ca, trên bán đảo Cam Ranh và tập kích bãi xe địch ở gần đó, phá hủy 7 bồn xăng lớn, đốt cháy hơn 5 triệu lít xăng, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Ngày 30-8 - 15-10

Quảng Ngãi liên tiếp tiến công lực lượng "binh định đặc biệt" của địch.

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Quảng Ngãi liên tiếp tiến công lực lượng "binh định đặc biệt" của địch, đánh vào các căn cứ chỉ huy, các sào huyệt của bọn ác ôn trực tiếp chỉ huy bộ máy kìm kẹp của địch ở các huyện lỵ, chi khu quân sự Trà Bồng, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Sông Vệ, Đức Phổ, sở chỉ trung đoàn ngụy số 4 và 19, vị trí bọn bảo an, các khu tập trung.

Qua 45 ngày đêm chiến đấu, quân và dân Quảng Ngãi thu được thắng lợi lớn: loại khỏi vòng chiến đấu hơn 3.400 tên (có hơn 1.000 tên Mỹ, 2.250 tên bảo an, dân vệ và 179 tên ác ôn ngoan cố), bắn rơi 43 máy bay, phá hủy 95 xe quân sự (có 51 xe tăng và xe bọc thép), đốt cháy, san bằng 160 lô cốt, hầm ngầm, nhà lính. Cùng với tiến công quân sự, 36.000 đồng bào Quảng Ngãi nổi dậy, phá hàng chục khu tập trung, thoát khỏi ách kìm kẹp của địch.

Ngày 30-8 - 28-9

Cà Mau bẻ gãy 3 cuộc hành quân của địch ở vùng Sông Đốc, Cái Nước và Năm Căn.

Để ngăn chặn các cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Cà Mau, địch huy động 2 trung đoàn chủ lực số 32, 23, 1 tiểu đoàn lính

thủy đánh bộ, 1 tiểu đoàn quân biệt động nguy có nhiều pháo binh và máy bay Mỹ yểm trợ, liên tiếp mở 3 cuộc hành quân vào các vùng Sông Đốc, huyện Cái Nước, huyện Năm Căn và một số xã thuộc huyện Đầm Dơi.

Bọn địch đã bị quân và dân Cà Mau chặn đánh quyết liệt. Quân và dân Cà Mau bẻ gãy 3 cuộc hành quân trên, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.200 tên, diệt và đánh thiệt hại nặng 6 đại đội bảo an, bắn rơi và bắn hỏng 34 máy bay, phá hủy 10 đại bác.

Ngày 30-8 - 15-10

Bình Định thắng lớn.

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Định liên tục tiến công, đánh vào căn cứ chỉ huy của lữ đoàn lính dù số 173 ở Đệ Đức, sở chỉ huy sư đoàn bộ binh Mỹ số 4 ở An Khê, căn cứ hành quân của sư đoàn này ở Diêm Tiêu (Phú Mỹ), 2 căn cứ Mỹ ở Đèo Nhông, v.v... loại khỏi vòng chiến đấu hơn 3.860 tên (có 1.625 tên Mỹ và lính đánh thuê), diệt 2 đại đội bảo an, 1 chi đội xe bọc thép Mỹ, 24 trung đội, 1 tiểu đội, đánh thiệt hại nặng một số đại đội Mỹ - nguy; bắn rơi và phá hủy 49 máy bay, phá hủy 137 xe quân sự, san bằng 200 lô cốt, hầm ngầm.

Quân và dân huyện Quế Sơn, Thăng Bình, Trà My (Quảng Nam) liên tục tiến công bọn địch hành quân yểm trợ "bình định" và bọn đi "bình định đặc biệt", giết, làm bị thương và bắt hơn 1.140 tên, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 3 đại đội, 8 trung đội bảo an, dân vệ và đoàn "bình định".

Ngày 7-9

Chiến thắng Trà Bồng.

Quân và dân Quảng Ngãi tiến công mạnh mẽ toàn bộ hệ thống cụm cứ điểm của địch gồm 13 mục tiêu ở huyện lỵ Trà Bồng, tiêu diệt 1 chi khu quân sự, 1 trại lực lượng đặc biệt, diệt gọn 1 tiểu đoàn, 1 đại đội, 7 trung đội, diệt và bắt hơn 600 tên Mỹ - nguy, trong đó có tên quận trưởng và toàn bộ nguy quyền, cảnh sát ác ôn huyện Trà Bồng.

Ngày 4-10

Tiêu diệt cứ điểm Hòn Ngang.

Bộ đội địa phương và du kích Phú Yên đồng loạt tiến công cứ điểm Hòn Ngang (huyện lỵ Cùmp Sơn). Sau 20 phút chiến đấu kiên cường, dũng cảm quân và dân Phú Yên phá hủy hầu hết lô cốt, hầm ngầm, trại lính, kho tàng, diệt gọn 1 ban chỉ huy liên đội bảo an, diệt gọn 2 đại đội bảo an số 994, 995, trung đội pháo binh và trung đội thám báo, tiêu diệt và làm bị thương hơn 250 tên địch, có nhiều sĩ quan nguy, phá hủy nhiều vũ khí.

Ngày 4 - 12-10

Lực lượng vũ trang giải phóng Gia Lai liên tiếp đánh nhiều trận trên đường số 19, ở phía đông và tây đèo Mang Giang, đánh trận địa pháo của giặc Mỹ ở Hà Tâm (cách đèo Mang Giang 10 km về phía đông nam), phá hủy 56 xe quân sự (có

6 xe bọc thép), đánh thiệt hại nặng một trận địa pháo, loại khỏi vòng chiến đấu 150 tên (có 34 tên Mỹ).

Ngày 20-10

Quân và dân Cà Mau tiến công mãnh liệt căn cứ nổi của địch trên vàm sông Ông Đốc phá hủy hoàn toàn căn cứ này, đồng thời bắn chìm và bắn cháy 1 đoàn tàu quân sự gồm 17 chiếc đậu tại căn cứ; diệt 300 tên Mỹ - ngụy, phá hủy 2 kho đạn, 1 kho xăng.

Ngày 3-11

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết (số 1204/NQ-TW) tổ chức biên chế Quân ủy Trung ương; chỉ định các đồng chí: Lê Duẩn, Lê Đức Thọ; Võ Nguyên Giáp, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Hiến Mai, Lê Quang Đạo, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai, Đinh Đức Thiện tham gia vào Quân ủy Trung ương; trong đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp giữ chức Bí thư, các đồng chí Văn Tiến Dũng, Song Hào giữ chức Phó bí thư Quân ủy Trung ương.

Tháng 11

* Ních-xơn phê chuẩn đề nghị của Bân-cơ và A-bram, đại sứ Mỹ và tư lệnh quân Mỹ ở miền Nam, đánh sang đường 9 - Nam Lào, chọn khu vực đường 9 - Nam Lào mở cuộc tiến công trong mùa khô 1970 - 1971.

Ngày 1 - 14-12

Giáng đòn đau vào "Chiến dịch U Minh" của Mỹ - ngụy.

Để thực hiện kế hoạch "bình định đặc biệt", giặc Mỹ và tay sai cho một lực lượng lớn gồm sư đoàn chủ lực ngụy số 21, nhiều tiểu đoàn quân biệt động, trung đoàn xe bọc thép ngụy số 9, nhiều đơn vị bảo an, có nhiều máy bay, kể cả máy bay B.52, tàu chiến và pháo binh yểm trợ, mở cuộc hành quân lớn mang tên "Chiến dịch U Minh" cướp phá các huyện An Biên, Vĩnh Thuận, Gò Quao (Rạch Giá), Sông Đốc, Thới Bình (Cà Mau) thuộc vùng U Minh.

Quyết đánh thẳng âm mưu "bình định" của giặc, quân và dân Rạch Giá, Cà Mau chủ động bao vây, bám sát và tiến công địch khắp nơi, giáng cho chúng nhiều đòn đau: tiêu diệt, làm bị thương và bắt hơn 1.700 tên địch; tiêu diệt 1 căn cứ hỗn hợp Mỹ - ngụy, 1 sở chỉ huy hải đoàn Mỹ, 1 sở chỉ huy trung đoàn ngụy, 1 sở chỉ huy liên đoàn bảo an, 1 sở chỉ huy tiểu đoàn, 1 tiểu đoàn, 1 giang đoàn, 6 đại đội, 1 đoàn "bình định", 1 đoàn "phượng hoàng", 1 ban tế xã, bắn chìm và bắn cháy 31 tàu chiến, bắn rơi và bắn hỏng 8 máy bay.

Ngày 4-12

Chiến thắng Xẻo Rô.

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Rạch Giá tiến công quyết liệt căn cứ hải đoàn Mỹ - ngụy (mang tên căn cứ hành quân "Trần Hưng Đạo") ở vàm kênh xáng Xẻo Rô, tiến công căn cứ hành quân của bọn ngụy ở gần kênh xáng Xẻo Rô, chặn đánh quyết liệt trung đoàn 33 thuộc sư đoàn ngụy số 21 đến phản kích trên

đoạn kênh xăng từ Thứ Mười đến Chủ Vàng, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 430 tên Mỹ - nguy, tiêu diệt hoàn toàn căn cứ hải đoàn Mỹ, căn cứ hành quân nguy ở vàm kênh xăng Xẻo Rô, 1 sở chỉ huy liên đoàn bảo an và 3 đại đội bảo an của liên đoàn này, bắn chìm và bắn cháy 6 tàu chiến, bắn rơi 4 máy bay lên thẳng.

NĂM 1971

Ngày 7-1

Chiến thắng Đèo Sơn.

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Định tập kích khu hậu cần chiến lược của Mỹ ở Đèo Sơn (phía tây thị xã Quy Nhơn; đây là khu hậu cần lớn nhất cung cấp súng đạn cho toàn bộ quân địch trên các chiến trường Bình Định, Phú Yên, Gia Lai và Kon Tum), đánh sập 13 nhà kho, 10 nhà lính, phá hủy 30.000 tấn đạn các loại, 30 xe quân sự, diệt hơn 100 tên Mỹ - nguy.

Ngày 10 - 11-1

Các chiến sĩ giải phóng Tây Ninh thắng lớn trên đường 22, phá hủy 62 xe quân sự, bắn rơi 8 máy bay, diệt hàng trăm địch, thu nhiều súng.

Ngày 30-1 - 23-3

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào. Nhằm đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mỹ - nguy, tiêu diệt lớn quân địch, giữ vững tuyến vận chuyển chiến lược Bắc - Nam, Bộ Quốc phòng mở chiến dịch phản công ở khu vực Đường 9 - Nam Lào.

Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó bí thư Quân ủy Trung ương, Tổng tham mưu trưởng là đại diện của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh tại mặt trận. Bộ chỉ huy chiến dịch (mặt danh là Mặt trận 702) do Thiếu tướng Lê Trọng Tấn - Phó tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính ủy.

Chiến dịch diễn ra trong 3 đợt: Đợt 1 (30-1 đến 7-2), địch triển khai lực lượng vừa nghi binh vừa chuẩn bị tiến công; ta cơ động lực lượng tạo thế đánh địch ở khu vực Đường 9 - Nam Lào. Đợt 2 (8-2 đến 11-3), địch tiến công đánh chiếm Bản Đông, phát triển lên Sê Pôn; ta ngăn chặn địch từng bước, tập trung lực lượng bẻ gãy cánh quân phía bắc, đánh thiệt hại cánh quân phía nam, chặn đánh không cho địch đến Sê Pôn, chuẩn bị tiến công mục tiêu chủ yếu Bản Đông. Đợt 3 (12 đến 23-3), địch dừng lại bí mật rút chạy, ta tiến công đánh địch rút chạy.

Sau 52 ngày đêm chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu 20.858 tên, bắt 1.142 tên, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 6 trung đoàn, lữ đoàn, 13 tiểu đoàn bộ binh, pháo binh; phá hủy và bắn rơi 550 máy bay, thu và phá hủy 1.138 xe cơ giới (528 xe tăng, thiết giáp), 112 khẩu pháo và cối lớn, 25 kho (2 triệu lít xăng và 1.000 tấn đạn dược).

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào thắng lợi đã giáng một đòn nặng vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, tạo bước ngoặt có lợi cho ta trên chiến trường; đồng thời đánh dấu bước phát triển mới của nghệ thuật chiến dịch phản công đánh tiêu diệt quân chủ lực nguy được quân Mỹ chi viện hỏa lực và cơ động trên chiến trường miền Nam.

Ngày 1 - 2-2

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Mỹ Tho tiến công địch ở chi khu quân sự và thị trấn Cai Lậy, diệt 440 tên, phá hủy 15 xe quân sự, 7 súng lớn, 2 kho đạn, hàng chục trại lính và nhiều thiết bị trong khu quân sự.

Ngày 3-2

Hơn 400 đồng bào và người nhà binh sĩ ở các xã Mỹ Long, Tam Bình, Long Điền, Nhị Quý (Mỹ Tho) kéo vào thị trấn Cai Lậy cùng với hàng ngàn đồng bào thị trấn đấu tranh chống địch khủng bố, đòi gặp mặt chồng con.

Ngày 4-2 - 24-6

Chiến dịch phản công bắc Cam-pu-chia. Nhằm phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1-71” của quân đội Sài Gòn trên địa bàn đông bắc Cam-pu-chia, bảo vệ kho tàng, hành lang vận chuyển, hỗ trợ cho đồng bằng sông Cửu Long và vùng xung quanh Sài Gòn đánh phá bình định, Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch phản công ở vùng đông bắc Cam-pu-chia (khu vực Kra Tịch, đường số 7, Đầm Be, Suông Chúp thuộc Công Pông Chàm).

Bộ tư lệnh chiến dịch do đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh. Diễn biến chiến dịch chia làm ba đợt (4.2 - 4.3, 5.3 - 16.4, 17.4 - 24.6). Sau hơn 3 tháng chiến đấu, ta tiêu diệt chiến đoàn bộ binh 8, trung đoàn xe tăng 1, 18 tiểu đoàn bộ binh, đánh thiệt hại nặng 6 chiến đoàn bộ binh, 1 trung đoàn thiết giáp (khoảng hơn 2 vạn tên địch); bắn rơi và phá hủy 238 máy bay, phá hủy 1.509 xe quân sự (có 639 xe tăng, xe bọc thép), 167 khẩu pháo, 74 kho đạn, xăng dầu, thu 34 xe quân sự, 1.957 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự.

Thắng lợi của chiến dịch giáng một đòn nặng vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Khơ-me hóa chiến tranh” của Mỹ.

Ngày 19 - 20-2

Chiến thắng trên điểm cao 500 Khe Sanh, một chiến công xuất sắc về bao vây chặt, diệt gọn.

Sau 2 ngày chiến đấu liên tục, Quân giải phóng bắc Quảng Trị đã diệt gọn một tiểu đoàn biệt động nguy trên điểm cao 500 Khe Sanh, phá hủy 14 xe quân sự trên đường Cà Lu đi Đầu Mầu.

Ngày 21-2

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Cà Mau và Rạch Giá tiến công sở chỉ huy trung đoàn 33 thuộc sư đoàn nguy số 21, giết và làm bị thương 320 tên địch, phá hủy 4 đại bác, 1 kho hậu cần, bắn chìm và bắn cháy 2 tàu chiến, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng.

Ngày 23-2

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Tây Ninh bắn rơi máy bay lên thẳng của địch tại vùng Trảng Lớn, diệt tên trung ương Đỗ Cao Trí và một số sĩ quan cao cấp Mỹ - ngụy.

Ngày 27-3

Tiểu đoàn đặc công 409 Quân khu 5 tập kích trung đoàn 46 (lữ đoàn 198, sư đoàn A-mê-ri-cơn) ở xã Ông Đốc (Trà My, Quảng Nam) diệt và làm bị thương 350 tên Mỹ.

Đêm 27 rạng 28-3

Phá tan căn cứ Xa Đốc (Quảng Nam).

Quân giải phóng Quảng Nam tiến công mãnh liệt vị trí Xa Đốc, vị trí then chốt trong hệ thống cứ điểm Mỹ - ngụy ở phía tây hai huyện Tam Kỳ và Tiên Phước, do tiểu đoàn 1/46 thuộc lữ đoàn Mỹ số 196 gồm sở chỉ huy tiểu đoàn, 2 đại đội bộ binh, 1 đại đội pháo binh đóng giữ.

Sau 35 phút chiến đấu, các chiến sĩ giải phóng tiêu diệt tiểu đoàn 1/46 thuộc lữ đoàn Mỹ số 196, giết và làm bị thương gần 350 tên, phá hủy 4 đại bác 105mm, thu nhiều súng, phá hủy nhiều nhà lính và công sự.

Đêm 28 rạng 29-3

Quân giải phóng Quảng Đà tiến công và làm chủ chi khu quân sự Đức Dục, tiêu diệt và bắt gần 500 tên địch, phá 200 nhà lính, 2 kho đạn súng lớn, hàng ngàn đồng bào nổi dậy phá ách kìm kẹp và xóa bỏ ngụy quyền.

Sau đó, Quân giải phóng liên tục đánh địch giải vây cứu đồng bọn; bao vây, tiến công nhiều lần bọn địch trong một số "ấp chiến lược" và khu tập trung, truy lùng bọn tề điệp. Tính chung từ đêm 28-3 đến 8-4, tại khu vực quân sự Đức Dục, Quân giải phóng Quảng Đà tiêu diệt, loại khỏi vòng chiến đấu 1.047 tên Mỹ - ngụy. Hơn 16.000 đồng bào nổi dậy đấu tranh với địch, 9.000 đồng bào giành lại quyền làm chủ.

Ngày 31-3 - 13-4

Chiến thắng Ngọc Rinh Rua (Kon Tum, Tây Nguyên), phát huy thắng lợi đường 9, Tây Nguyên là mặt trận điển hình: liên tục đẩy mạnh chiến đấu, liên tục giành thắng lợi lớn.

Ngày 13-4-1972, quân dân Tây Nguyên đã chặn đánh mãnh liệt 3 chiến đoàn gồm 8 tiểu đoàn quân chủ lực ngụy đến cứu đồng bọn bị bao vây ở điểm cao 1001, diệt gọn 1 tiểu đoàn gồm cả bọn chỉ huy Mỹ - ngụy, bắt tại trận hàng trăm tên.

Tính chung từ 31-3 đến 13-4, quân giải phóng Tây Nguyên liên tục bao vây tấn công, bẻ gãy 3 cuộc hành quân giải vây của địch ở điểm cao 1001, vùng Ngọc Rinh Rua, diệt gọn và đánh thiệt hại 6 tiểu đoàn ngụy, diệt và bắt gần 1.600 tên địch, bắn rơi 34 máy bay, thu gần 300 súng.

Ngày 5-5 - 15-6

Đánh bại cuộc hành quân "Quyết thắng 206".

Từ đầu tháng 5-1971, địch huy động 10 tiểu đoàn thuộc sư đoàn ngự số 2 cùng bốn biệt kích, thám báo, có máy bay và đại bác Mỹ yểm trợ, mở cuộc hành quân "Quyết thắng 206" vào vùng giải phóng thuộc miền tây hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Quân du kích và bộ đội địa phương miền tây hai tỉnh nói trên đã lập công xuất sắc, diệt gần 1.200 tên địch, bắn rơi 10 máy bay, phá hủy 7 đại bác, 15 xe quân sự.

Ngày 31-5

Chiến thắng Cô Pung (Thừa Thiên).

Quân và dân tỉnh Thừa Thiên đánh sập hoàn toàn cụm quân ngự ở Cô Pung, tiêu diệt sở chỉ huy hành quân trung đoàn số 54, 2 đại đội bộ binh, 2 đại đội pháo binh, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội khác, phá hủy 11 đại bác.

Chiến thắng này là một đòn trừng trị đích đáng âm mưu "ngăn chặn từ xa" của Mỹ - ngự trong cái gọi là cuộc hành quân "Lam Sơn 720".

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Bình Long chặn đánh quyết liệt bọn ngự từ cây số 6 trên đường 13 (Cam-pu-chia) tháo chạy về biên giới Nam Việt Nam, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn thuộc trung đoàn số 9, bắn rơi 2 máy bay.

Ngày 31-5 - 4-6

Quân ủy Trung ương họp nghiên cứu tình hình và xác định quyết tâm chiến lược 1971 - 1972: "Tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị trên cả ba vùng, ở miền Nam Việt Nam là chiến trường chính và khắp cả chiến trường Đông Dương". Quân ủy Trung ương dự kiến ba hướng tiến công chiến lược năm 1972: "Hướng chủ yếu số 1 là chiến trường Cam-pu-chia và miền Đông Nam Bộ; hướng chủ yếu số 2 là chiến trường Tây Nguyên, hướng phối hợp quan trọng là miền núi tây Trị - Thiên, tuy là hướng phối hợp quan trọng nhưng lại gần miền Bắc, có điều kiện bảo đảm hậu cần vì vậy phải gấp rút chuẩn bị để có thể đánh lớn khi có lợi và cần thiết".

Ngày 3 - 6-6

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Quảng Trị bao vây chặt, áp sát, liên tục tiến công căn cứ hành quân của địch ở Đông Ché, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ ngự, diệt và bắt hơn 570 tên, thu gần 100 súng, bắn rơi 11 máy bay, đập tan cuộc hành quân "thần tốc Lam Sơn" của lữ đoàn số 369 lính thủy đánh bộ ngự.

Cùng với cuộc tiến công này, các chiến sĩ giải phóng bắc Quảng Trị còn đánh thẳng vào cứ điểm biệt kích kiên cố của địch ở Động Tri, đập nát cứ điểm này, diệt gần 100 tên Mỹ.

Tháng 6

* Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược trong năm 1972 trên toàn miền Nam.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời chuẩn bị và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài.

* Tiểu đoàn đặc công 405 Quân khu 5 tập kích kho đạn Đèo Sơn (Bình Định) trong các ngày 22, 28 và 29, phá hủy 42 dãy kho gồm 41.200 tấn bom, đạn, thuốc nổ, 4 tấn xăng, 61 xe quân sự, diệt 1 đại đội ngụy bảo vệ.

Đêm 19-6

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Thủ Dầu Một tiến công sở chỉ huy trung đoàn 49 thuộc sư đoàn ngụy số 25 ở Dầu Tiếng.

Sau 35 phút chiến đấu anh dũng, mưu trí, Quân giải phóng làm chủ khu vực nói trên, diệt và bắt 400 tên địch.

Đêm 20 rạng 21-6

Quân giải phóng Thủ Dầu Một tiến công sân bay Phú Lợi (cách Sài Gòn 35 km về phía bắc); giết và làm bị thương 150 Mỹ - ngụy, đánh sập 15 lô cốt, tháp canh và nhà lính, phá hủy 1 trung tâm thông tin, 1 kho đạn, đốt cháy 2 kho xăng.

Ngày 21 - 25-6

Tiến công khu vực điểm cao 544.

Quân giải phóng bắc Quảng Trị liên tục tiến công địch ở khu vực điểm cao 544 (phía bắc đường số 9), loại khỏi vòng chiến đấu 767 tên địch, trong đó có 145 tên Mỹ, bắn rơi 39 máy bay, phá hủy 39 xe quân sự, 13 khẩu pháo, 3 đài ra-đa, đốt cháy 1 kho xăng, 2 kho đạn. Riêng ở vị trí 544, Quân giải phóng tiêu diệt 350 tên địch.

Ngày 1-7

Tại phiên họp toàn thể lần thứ 119 Hội nghị Pa-ri về Việt Nam ngày 1-7-1971, Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra *sáng kiến mới gồm 7 điểm*, nhằm giải quyết hòa bình vấn đề miền Nam Việt Nam:

1. Về thời hạn rút hết quân Mỹ.
2. Vấn đề chính quyền ở miền Nam Việt Nam.
3. Vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam.
4. Vấn đề hòa bình thống nhất nước Việt Nam và quan hệ giữa hai miền Nam Bắc.
5. Chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập của miền Nam Việt Nam.
6. Về những thiệt hại do Mỹ gây ra cho nhân dân Việt Nam ở hai miền.

7. Vấn đề tôn trọng và bảo đảm quốc tế các hiệp định sẽ ký kết.

Sáng kiến hòa bình 7 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được nhân dân trong nước và thế giới hoan nghênh, ủng hộ.

Ngày 25-8

Tiến công khu căn cứ liên hiệp quân sự Mỹ ở Cam Ranh.

Được đồng bào hết lòng giúp sức, các chiến sĩ giải phóng Khánh Hòa vượt qua các phòng tuyến bố phòng của địch, tiến công mãnh liệt căn cứ liên hợp của hải, lục, không quân Mỹ ở Cam Ranh, phá hủy hơn 5 vạn tấn bom đạn và tên lửa, diệt 55 tên Mỹ.

Ngày 14 - 20-9

Chiến thắng oanh liệt ở vùng U Minh.

Lợi dụng mực nước dâng cao, từ ngày 14-9, Mỹ – ngụy tập trung cả sư đoàn chủ lực ngụy số 24 mở cuộc hành quân mới, điên cuồng phản kích quân và dân U Minh trong cái gọi là “một cố gắng lớn cuối cùng để giành lại vùng này”. Nhưng chúng đã thất bại thảm hại. Tính chung trong 7 ngày (14 đến 20-9), quân và dân vùng U Minh liên tục đánh địch “bình định”, lấn chiếm, giết và làm bị thương hơn 2.000 tên, bắn rơi 27 máy bay, phá hủy 5 xe bọc thép M113, 19 đại bác 105ly và 155ly...

Rạng sáng 20-9

Quân giải phóng Tây Ninh tiến công căn cứ địch tại Trảng Lớn, một vị trí quan trọng của địch trong phòng tuyến phòng thủ tây bắc Sài Gòn, một bàn đạp chủ yếu của địch để tung ra hoạt động ở vùng biên giới và sang xâm lược Cam-pu-chia.

Sau ít phút chiến đấu, các chiến sĩ giải phóng Tây Ninh đã giết và làm bị thương 600 tên địch, phá hủy hàng trăm xe quân sự, đốt cháy 9 kho xăng, đạn, phá sập 200 lô cốt, hầm ngầm, nhà lính.

Đêm 20 ngày 21-9

Quân giải phóng Mỹ Tho đồng loạt tiến công vào 30 vị trí và đồn bốt địch. Phối hợp với mũi tiến công quân sự, hơn một vạn đồng bào ở các thị trấn, khu phố, khu tập trung và “ấp chiến lược” dọc các đường giao thông số 4 và 28... đã nổi dậy diệt bọn ác ôn, phá ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ.

Ngày 26-9 - 9-10

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Tây Ninh dồn dập tiến công địch trên đường số 22 (sở chỉ huy chiến đoàn quân ngụy số 50, tiểu đoàn quân biệt động biên phòng số 73 và các cụm đóng quân, trận địa pháo, khu vực kho tàng của địch ở Xa Mát, Thiện Ngôn, Cần Đăng), diệt và làm bị thương hơn 1.000 tên; phá hủy 32 xe quân sự, 15 khẩu đại bác 105 và 155mm; bắn rơi 30 máy bay.

Ngày 26-9 - 20-10

Chiến dịch Đường 22. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đánh bại tuyến phòng thủ biên giới của chúng, phối hợp với các chiến trường, Bộ tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ địch trên tuyến đường 22 (Cần Đăng - Xa Mát).

Bộ tư lệnh chiến dịch: Tư lệnh Đàm Văn Ngụy.

Chiến dịch chia làm 3 đợt. Đợt 1 (26 đến 29-9), ta tiến công tiêu diệt sở chỉ huy chiến đoàn 50, tiểu đoàn biên phòng 73 và các căn cứ địch trên đường 22. Đợt 2 (30-9 đến 15-10), bộ đội ta đánh địch tăng viện giải tỏa ở khu vực Cần Đăng, Thiện Ngôn đi Mát Riêng, diệt phần lớn lữ đoàn dù 2. Đợt 3 (16 đến 20-10) ta đánh nhỏ, tạo thời cơ kết thúc chiến dịch.

Kết quả: ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.800 địch, bắt 44, đánh thiệt hại nặng chiến đoàn 50, lữ dù 2, tiểu đoàn biên phòng 73, pháo đội 252, chi đoàn xe tăng 10, phá hủy 50 xe quân sự các loại, bắn rơi 35 máy bay trực thăng, thu 10 xe ô tô và 163 súng các loại.

Ngày 27-10 - 4-12

Chiến dịch đường số 6. Nhằm đánh bại cuộc hành quân Chen-la 2 của quân đội Lon Non do Mỹ chỉ huy, Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch phản công ở khu vực đường số 6, đoạn Xcun, Son Túc, tỉnh Công Pông Thom (Cam-pu-chia).

Chiến dịch diễn ra thành 2 đợt (27-10 đến 13-11, 28-11 đến 4-12). Kết quả: ta loại khỏi vòng chiến đấu trên 12.000 quân địch (bắt 1.994), thu 4.750 súng (có 5 pháo 105 mm) và nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Thắng lợi của chiến dịch đánh dấu sự phá sản của chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở Cam-pu-chia.

Đêm 10-11

Bộ đội địa phương và du kích huyện Mỹ An (Kiến Phong) tập kích tiểu đoàn biệt động khét tiếng gian ác số 75 đóng dã ngoại ở Kênh Một, xã Thạnh Mỹ, diệt toàn bộ ban chỉ huy tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội.

Ngày 12-11

Tổng thống Ních-xơn công bố rút thêm 45.000 quân, giảm tổng số các lực lượng Mỹ ở Nam Việt Nam xuống còn khoảng 139.000 quân.

Ngày 20-11

* *Đánh bại cuộc hành quân "bình định" quy mô lớn nhất của Mỹ - ngụy ở vùng U Minh.*

Cuộc hành quân của Mỹ - ngụy nhằm "bình định" vùng U Minh là điển hình về quy mô tổ chức và cách tiến hành, lớn nhất từ trước đến nay ở Tây Nam Bộ nhằm diệt và đẩy xa lực lượng vũ trang cách mạng, phá vỡ căn cứ và cơ sở cách mạng; lấn chiếm, dồn dân ở toàn bộ vùng U Minh, vơ vét sức người, sức của, tạo

bước ngoặt quyết định đối với toàn bộ kế hoạch “bình định” ở đồng bằng sông Cửu Long.

Địch đổ vào cuộc hành quân lấn chiếm này một lực lượng khá mạnh: sư đoàn 21, liên đoàn quân biệt động, một bộ phận sư đoàn 9 và nhiều binh chủng khác. Cuộc hành quân kéo dài 12 tháng (từ 1-12-1970 đến 20-11-1971) với những thủ đoạn đánh phá vô cùng tàn bạo. Nhưng cuối cùng Mỹ - ngụy cũng vẫn không thực hiện được các mục tiêu nói trên và phải chịu những thất bại thảm hại.

Từ 1-12-1970 đến 20-11-1971, quân dân U Minh đã loại ra khỏi vòng chiến đấu hơn 16.000 tên địch (có 400 tên sĩ quan ngụy cấp úy và cấp tá, 600 tên Mỹ); diệt và đánh thiệt hại nặng 15 sở chỉ huy chiến đoàn, trung đoàn, liên đoàn, tiểu đoàn, 12 tiểu đoàn, 60 đại đội, 6 giang đoàn, hải đoàn, hàng chục đoàn “bình định” và ban tề; tiêu diệt một căn cứ hải quân, một căn cứ trung đoàn, 1 chi khu và 26 đồn bốt; lô cốt, phá hủy 5 kho vật liệu quân sự; đánh thiệt hại nặng hàng chục căn cứ hành quân; 3 chi khu quân sự và 30 đồn bốt khác; bắn rơi, bắn hỏng 160 máy bay; bắn chìm, bắn cháy 180 tàu xuồng chiến đấu; phá hủy 55 xe bọc thép, 80 khẩu đại bác 105 và 155ly, thu hơn 400 súng các loại; phá rã, phá hỏng 60 “ấp chiến lược”, khu tập trung, giành lại quyền làm chủ vùng rộng lớn.

* Phi công Vũ Đình Rạng, Trung đoàn không quân 921 lái MIG.21 cất cánh từ sân bay Anh Sơn (Nghệ An), bắn bị thương một máy bay B.52 Mỹ.

Ngày 13-12

Lực lượng du kích xã T. huyện Duyên Hải chặn đánh đoàn tàu địch tại Vàm Cỏ, tức trên tuyến sông Thủ Tam Giang, bắn chìm 1 chiến hạm dài 120 mét, diệt toàn bộ 220 tên địch trên tàu, phần lớn là chuyên viên kỹ thuật, phá hủy 2 đại bác 105ly...

Ngày 28-12

Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra mệnh lệnh cho cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang trước sự tăng cường hành động chiến tranh bằng không quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc nước ta.

Ngày 18-12-1971 - 6-4-1972

Chiến dịch Cánh Đồng Chum - Mường Sủi. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ tuyến phòng thủ của chúng, giúp bạn mở rộng vùng giải phóng, Bộ Quốc phòng nước ta và bạn Lào mở chiến dịch tiến công khu vực Cánh Đồng Chum - Mường Sủi.

Đồng chí Lê Trọng Tấn là đại diện Bộ Quốc phòng và Quân ủy Trung ương bên cạnh Bộ Tư lệnh chiến dịch (Tư lệnh: Vũ Lập, Chính ủy: Huỳnh Đắc Hương).

Diễn biến chiến dịch chia làm 2 đợt (18 đến 22-12-1971, 23-12-1971 đến 6-4-1972). Kết quả: Liên quân Việt - Lào tiêu diệt 11 tiểu đoàn (1 tiểu đoàn pháo binh Thái Lan), đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn, bắn rơi và phá hủy 134 máy bay, thu 23 khẩu pháo, 19 cối 106,7 mm, 87 cối 81 mm, giải phóng hoàn toàn

Cánh Đồng Chum - Mường Sủi - Sa La Phu Khun, đánh bại âm mưu của Mỹ dùng lực lượng Vàng Pao và Thái Lan lấn chiếm vùng giải phóng Lào.

Cuối năm 1971

Lực lượng vũ trang miền Nam được củng cố và phát triển, có 7 sư đoàn và 19 trung đoàn chủ lực cơ động, 95 tiểu đoàn, 350 đại đội, 185 trung đội bộ đội địa phương và hàng chục vạn du kích. Hơn 5 vạn thanh niên miền Bắc nhập ngũ bổ sung cho miền Nam, tuyến hành lang chiến lược thông suốt từ Bắc vào Nam bảo đảm vận chuyển 46.591 tấn vật chất, trang bị kỹ thuật tới chiến trường.

NĂM 1972

Ngày 11-3

* Thường vụ Quân ủy Trung ương ra quyết định tiến hành cuộc tiến công chiến lược năm 1972, hướng chủ yếu là chiến trường Trị - Thiên, "Nhằm tiêu diệt lớn quân địch và mở rộng vùng giải phóng, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, thay đổi cục diện chiến tranh ở miền Nam, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới".

Ngày 16 - 18-3

Bộ đội địa phương và quân du kích Thừa Thiên - Huế tiến công địch ở phía nam đường số 12, đoạn Động Tranh - Cù Mông - điểm cao 620, tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn 2, diệt gọn 2 đại đội thuộc tiểu đoàn 1, đánh thiệt hại tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn 3, sư đoàn bộ binh ngụy số 1.

Ngày 30-3 - 14-4

Quân giải phóng Công Tum đánh vào toàn bộ các sở chỉ huy tiểu đoàn, nơi đóng quân, trận địa pháo, khu hậu cần của địch, diệt và bắt hơn 1.300 tên ngụy, phá hủy 20 đại bác, bắn rơi 34 máy bay các loại.

Ngày 30-3 - 5-6

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng phần lớn tỉnh Kon Tum, phối hợp với hướng tiến công chủ yếu ở Trị - Thiên trong các cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Bộ tư lệnh chiến dịch: Tư lệnh - Thiếu tướng Hoàng Minh Thảo. Chính ủy - Trương Chí Cương - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Chiến dịch chia làm hai đợt: Đợt 1 (30-3 đến 24-4), ta tiến công vòng ngoài tuyến phòng thủ Kon Tum, tạo thế bao vây và thực hành tiến công tiêu diệt một bộ phận sư đoàn 22, chiếm Đắc Tô, Tân Cảnh, buộc địch co về giữ thị xã Kon Tum. Đợt 2 (25-4 đến 5-6-1972) ta tiến công vào cụm phòng thủ thị xã Kon Tum, giải phóng phần lớn tỉnh Kon Tum.

Kết thúc chiến dịch ta loại khỏi vòng chiến đấu 7.464 tên địch, bắn rơi 207 máy bay các loại, thu 4.434 súng (có 15 pháo 155 mm và 105 mm), 71 xe quân sự (có 13 xe tăng), 4 máy bay lên thẳng, 318 máy vô tuyến điện, đập tan tuyến phòng thủ kiên cố của địch ở Đắc Tô - Tân Cảnh.

Ngày 30-3 - 27-6

Chiến dịch Trị - Thiên. Nhằm tiêu diệt bộ phận lớn quân địch ở hướng chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược năm 1972, Bộ Quốc phòng mở chiến dịch tiến công ở hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên.

Bộ tư lệnh chiến dịch: Tư lệnh - Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Chính ủy - Thiếu tướng Lê Quang Đạo. Chiến dịch diễn ra thành 3 đợt. Đợt 1 (30-3 đến 9-4), ta đồng loạt tiến công vào hầu hết các căn cứ địch, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài, giải phóng hai huyện Gio Linh, Cam Lộ; địch co cụm về Đông Hà, Ái Tử, La Vang. Đợt 2 (24-4 đến 2-5), ta tiếp tục tấn công đánh chiếm cụm cứ điểm Đông Hà - Ái Tử - La Vang, giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Đợt 3 (20 đến 27-6), ta tiếp tục tiến công tuyến phòng thủ nam sông Mỹ Chánh, nhưng địch tăng cường đối phó, nên ta chuyển sang đánh địch phản kích bảo vệ vùng giải phóng.

Sau gần 3 tháng chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 27.000 tên địch, phá hủy 636 xe tăng thiết giáp (thu 56 xe), 419 khẩu pháo (thu 194 khẩu), thu gần 3.000 súng bộ binh, 310 máy vô tuyến điện, phá hủy phá hỏng 1.870 xe quân sự; bắn chìm, bắn cháy 19 tàu chiến, bắn rơi và phá hủy 340 máy bay, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị.

Ngày 31-3-1972 - 28-1-1973

Chiến dịch Nguyễn Huệ. Nhằm mở rộng vùng giải phóng và phối hợp với chiến trường toàn Miền, Bộ tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công địch ở tỉnh Bình Long, Phước Long, Tây Ninh, Bình Dương.

Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm: Tư lệnh - Trung tướng Trần Văn Trà, Chính ủy - Thiếu tướng Trần Độ.

Chiến dịch diễn ra ba đợt: Đợt 1 (31-3 đến 15-5-1972), trên hai hướng Tây Ninh, Bình Long, ta lần lượt tiến công và giải phóng Xa Mát, Bàu Dưng, Lộc Ninh. Ngày 13 tháng 4, ta đánh thị xã Bình Long (nam Lộc Ninh 25 km). Sau nhiều ngày chiến đấu, lại bị thương vong, ngày 15 tháng 5 ta phải tạm dừng tiến công để củng cố lực lượng. Đợt 2 (20-5 đến 1-9-1972), ta tổ chức bao vây thị xã Bình Long và đánh cắt giao thông trên đường 13 (đoạn Chơn Thành - Bình Long) nhằm tiêu hao, thu hút lực lượng địch, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy phá ách kìm kẹp của địch. Đợt 3 (1-10-1972 đến 28-1-1973), ta chuyển trọng tâm chiến dịch vào đánh phá bình định ở bắc Bình Dương. Để chống việc ta đánh phá bình định đồng thời lấn chiếm vùng giải phóng Long Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 1972, sư đoàn 5 quân đội Sài Gòn mở cuộc hành quân ra đường 14 (đoạn Rạch Bắp đi Dầu Tiếng). Ta đẩy lùi cuộc hành quân của địch giữ vững vùng giải phóng. Sau gần 10 tháng chiến đấu, ta diệt 3 chiến đoàn, đánh

thiệt hại 12 chiến đoàn và lữ đoàn bộ binh, bắt hơn 5.000 tên, thu và phá hủy 60 khẩu pháo, 882 xe quân sự (có hơn 400 xe tăng), 201 tàu xuồng, hơn 5.000 súng bộ binh, bắn rơi và phá hủy 400 máy bay, thu nhiều quân trang quân dụng.

Ngày 1 - 8-4

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Tây Ninh tiêu diệt chiến đoàn số 49, tiểu đoàn quân biệt động biên phòng số 73, trung đoàn xe bọc thép số 10 và đánh thiệt hại nặng chi đoàn 1 trung đoàn xe bọc thép số 18, chiếm và phá hơn 60 xe quân sự (có 30 xe tăng), chiếm hoàn toàn căn cứ biên phòng kiên cố Thiện Ngôn và căn cứ cầu Cần Đăng.

Ngày 5 - 7-4

Chiến thắng Bình Long.

Quân dân Bình Long tiến công dồn dập các căn cứ vị trí quan trọng của Mỹ - ngụy trên tuyến phòng thủ phía bắc Sài Gòn, dọc đường số 13 dài gần 100 km, giành nhiều thắng lợi lớn:

- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.500 tên địch (bắt gần 1.000 tên), phá hủy và thu hơn 400 xe quân sự (có gần 50 xe tăng, xe bọc thép), phá hủy và thu 24 đại bác hạng nặng. Toàn bộ lực lượng quân sự của địch ở Lộc Ninh, chiến đoàn số 52 và căn cứ Quán Lợi bị tiêu diệt.

Mười “ấp chiến lược” chung quanh thị xã Bình Long trên khu vực rộng 1.600km² với 30.000 đồng bào được giải phóng.

Huyện Lộc Ninh gồm 28.000 dân được hoàn toàn giải phóng.

Ngày 7-4 - 17-7

100 ngày tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long.

Để đeo đuổi việc thực hiện cái gọi là trọng điểm công trình “bình định” của Mỹ - ngụy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, hòng chiếm đóng vùng đông dân nhiều của nhất miền Nam, địch tập trung một lực lượng lớn quân Mỹ và quân ngụy đánh phá, khủng bố vùng này.

Từ đầu tháng 4 năm 1972, hòa nhịp với cao trào tiến công và nổi dậy của quân và dân toàn miền Nam, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long tiến công phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở vùng biên giới từ kênh Vĩnh Tế (Hà Tiên) đến vùng Mỏ Vẹt (Kiến Tường), đánh bật tuyến ngăn chặn của chúng trong nội địa ở vùng U Minh dài hơn 100 km, đồng thời chọc thủng tuyến phòng thủ nhiều tầng, nhiều lớp ở vùng Đồng Tháp Mười. Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đánh mạnh ở Cà Mau, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, v.v... lập nhiều chiến công vang dội.

Qua 100 ngày chiến đấu anh dũng, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long diệt, bắt và làm tan rã gần 57.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy 130 máy bay, phá hủy 150 xe quân sự, bắn cháy 145 tàu xuồng chiến đấu, bức hàng và bức rút 600 đôn bốt, giải phóng thêm 1.100 xã, ấp.

Ngày 8-4 - 2-6

Chiến dịch Bắc Bình Định. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực, đánh bại công trình bình định nông thôn của địch, mở rộng vùng giải phóng ở hai huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, phối hợp với các chiến dịch tiến công lớn ở Trị - Thiên, bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 mở chiến dịch tiến công tổng hợp ở Bắc Bình Định.

Tư lệnh: Thiếu tướng Chu Huy Mân, Chính ủy: Võ Chí Công.

Sau trận mở đầu diệt cứ điểm Gò Lôi (8-4), ta tiếp tục tấn công địch ở Hòn Bô, ngã ba Tân Thạnh (16-4), bao vây, uy hiếp quận lỵ Hoài Ân, đánh lui quân địch đến phản kích, vây đánh quân địch ở Hoài Ân rút chạy, giải phóng quận lỵ. Từ ngày 20 đến 28 tháng 4, ta chuyển hướng tiến công về phía bắc huyện Phù Mỹ, tiêu diệt các cứ điểm Dương Liễu, Mồ Côi, cắt giao thông ở nam Quảng Ngãi, nam Bình Định. Từ 28 tháng 4 đến 1 tháng 5, ta tiến công giải phóng Bồng Sơn, Tam Quan; bao vây tiến công Bình Dương, Đệ Đức, bức rút hơn 100 đồn bốt, bảo an dân vệ. Sau đó ta tiếp tục tiến công địch nhưng không đạt được mục đích nên kết thúc chiến dịch.

Sau gần hai tháng chiến đấu, ta tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 12 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 22 quân đội Sài Gòn, 7 liên đội bảo an, 43 đoàn bình định phá 20 ấp chiến lược, giải phóng hai huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, một phần huyện Phú Mỹ, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Ngày 16-4

* Từ đêm thứ bảy, ngày 15 tháng 4, tổng thống Ních-xơn ra lệnh cho tàu chiến và máy bay Mỹ ồ ạt đánh phá miền Bắc nước ta một cách dã man chưa từng có: tàu chiến Mỹ bắn phá suốt dọc bờ biển từ Nghệ An đến Đồ Sơn, lúc 2 giờ 15 phút hàng trăm máy bay (có hàng chục máy bay B.52) đánh phá bữa bãi thành phố cảng Hải Phòng. Đến 9 giờ 30 phút nhiều máy bay Mỹ đánh phá nội thành Hà Nội và đánh phá trở lại cảng Hải Phòng. Quân dân Hà Nội - Hải Phòng cảnh giác cao, đánh giỏi thắng lớn, bắn tan xác 15 máy bay Mỹ, trong đó Thủ đô Hà Nội bắn rơi 5 chiếc, thành phố cảng Hải Phòng bắn rơi 10 chiếc, trong đó có một chiếc B.52.

* *Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước.* Lời kêu gọi vạch rõ: “Những hành động chiến tranh ấy cùng với thái độ ngoan cố phá hoại hội nghị Pa-ri chứng tỏ tập đoàn hiếu chiến Ních-xơn vẫn theo đuổi chính sách chiến tranh hồng thực hiện ý đồ xâm lược nước ta, chúng muốn cứu vãn chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” khỏi nguy cơ thất bại hoàn toàn. Chúng muốn tạo ra thế mạnh trong cái chúng đang thua to và khốn quẫn trên chiến trường để ép ta “đàm phán” theo điều kiện của chúng, hồng thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu Mỹ ở miền Nam nước ta”. Lời kêu gọi viết tiếp:

“Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, triệu người như một hãy nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên quyết chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc cứu nước!

Mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mỹ, cứu nước!

Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã, cơ quan, trường học, đường phố phải là một chiến hào sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mỹ và tay sai!”.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Đảng và Chính phủ, cả nước một lòng bừng bừng khí thế thi đua quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ngày 20-4

Quân dân tỉnh Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 3.500 trên miền Bắc.

Ngày 24-4

Quân giải phóng Tây Nguyên mở đợt tiến công mãnh liệt vào toàn bộ quân địch trên tuyến phòng thủ Đắc Tô, Tân Cảnh, tiêu diệt sở chỉ huy tiền phương sư đoàn ngự số 22, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ 2 trung đoàn số 42 và 47, tiểu đoàn 9 thuộc lữ đoàn nhảy dù số 3, tiêu diệt ban chỉ huy trung đoàn thiết giáp số 14, tiểu đoàn 9 thuộc 3 tiểu đoàn xe tăng, xe bọc thép, ban chỉ huy trung đoàn thiết giáp số 14, tiêu diệt tiểu đoàn 223 pháo binh.

Hơn 15.000 đồng bào ở thị trấn Tân Cảnh và các ấp chung quanh huyện lỵ Đắc Tô nổi dậy giành quyền làm chủ.

Ngày 28-4 - 1-5

Trung đoàn 24 (Sư đoàn bộ binh 304) và tiểu đoàn bộ binh 1 (Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B) tiến công căn cứ Ái Tử (Quảng Trị), do sư đoàn bộ binh 3 (thiếu) và các lữ đoàn 147, 258 địch đóng giữ. Ngày 28, ta tiến công bắn cháy 6 xe M48, buộc địch phải cố thủ. Tiếp đó, Trung đoàn 24 đột phá nhiều lần và chiếm sân bay Ái Tử (29-4), Trung đoàn 9 (Sư đoàn 304) đánh chiếm An Đôn, Nhan Biểu và đoạn đường số 1 phía nam Ái Tử. Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 48) đánh từ hướng bắc xuống sân bay, nơi lữ đoàn 147 địch co cụm. Ngày 30 tháng 4, bộ đội ta tiến công trên ba hướng, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, thu hàng nghìn súng, nhiều quân trang, quân dụng. Thắng lợi của trận Ái Tử phá vỡ một mảng thế phòng ngự của địch, tạo điều kiện cho chiến dịch Trị - Thiên phát triển (30-3 đến 27-6-1972).

Ngày 9-5

Đế quốc Mỹ thả thủy lôi phong tỏa các cảng, vùng ven biển và các luồng sông nội địa miền Bắc. Các khu vực bị phong tỏa nặng nhất là Hải Phòng, Cửa Hội,

Hòn La. Quân và dân các địa phương đã tìm mở luồng mới và tìm nhiều phương thức tháo gỡ, phá hủy hàng nghìn quả thủy lôi, mìn từ trường, giữ vững mạch máu giao thông vận tải đường bộ và đường thủy trên miền Bắc, duy trì việc tiếp nhận hàng viện trợ và đưa khối lượng hàng vào chiến trường miền Nam.

Ngày 21-5 - 15-11

Chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Nhằm đánh bại liên quân phái hữu Lào - Thái, bảo vệ địa bàn chiến lược của bạn, liên quân Việt - Lào tổ chức phòng ngự ở khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, khu trung tâm là Cánh Đồng Chum.

Tham gia Bộ tư lệnh chiến dịch về phía Việt Nam có đại tá Vũ Lập (Tư lệnh), đại tá Lê Linh (Chính ủy).

Chiến dịch chia làm 4 đợt:

- Đợt 1 (21-5 đến 10-8), phái hữu dùng 3 GM và 11 tiểu đoàn tiến công khu trung gian, chiếm được một số điểm cao. Ta chặn đánh từ 28-5 đến 3-7, đẩy lùi quân địch về hướng Tôm Tiếng, đánh bật khỏi Hin Đăm, Thẩm Lũng.

- Đợt 2 (11-8 đến 10-9), phái hữu dùng 40 tiểu đoàn kết hợp với đồ bộ đường không đánh thẳng vào trung tâm theo ba hướng, bộ đội Việt - Lào phản kích khôi phục lại các trận địa.

- Đợt 3 (11 đến 30-9), phái hữu dùng 6 GM, 3 tiểu đoàn chuyển hướng tiến công chủ yếu từ nam sang tây, chiếm một số điểm cao ở vòng ngoài. Ngày 26 tháng 9, liên quân Việt - Lào phản kích khôi phục lại các trận địa.

- Đợt 4 (1-10 đến 15-11), phái hữu dùng 4 GM là 2 tiểu đoàn tiến công nhằm chiếm phía nam Cánh Đồng Chum, tạo áp lực cho đàm phán chính trị (15-10). Sau nhiều trận đánh phản kích nhỏ, gây cho đối phương thiệt hại, ngày 26 tháng 10, liên quân Việt - Lào mở trận phản kích quyết định làm chủ hoàn toàn cánh đồng Cang Xêng, buộc liên quân phái hữu Lào - Thái phải rút toàn bộ khỏi nam Cánh Đồng Chum.

Với 204 trận đánh (23 trận cấp tiểu đoàn, sư đoàn), bộ đội Việt - Lào đã loại khỏi vòng chiến đấu 5.607 tên địch, thu trên 800 súng các loại, bắn rơi 40 máy bay, đánh bại hoàn toàn các cuộc tiến công lấn chiếm của địch, giữ vững địa bàn chiến lược Cánh Đồng Chum.

Ngày 25 - 26-5

Quân giải phóng Mặt trận Trị - Thiên tiến công các cụm quân địch ở phía nam sông Mỹ Chánh và phía tây đường số 12, giết và làm bị thương hơn 1.000 tên địch, trong đó tiêu diệt 7 đại đội, các sư đoàn lính thủy đánh bộ, sư đoàn bộ binh số 1 và liên đoàn quân biệt động số 1 nguy, bắn rơi 9 máy bay, phá hủy 6 xe tăng.

Ngày 10-6 - 10-9

Chiến dịch đồng bằng sông Cửu Long. Nhằm tiêu diệt sinh lực, phá âm mưu bình định của địch và mở rộng vùng giải phóng, giành dân, Bộ tư lệnh Miền mở

chiến dịch tiến công tổng hợp ở nam - bắc đường số 4 gồm các tỉnh Mỹ Tho, Kiến Phong, Kiến Tường, Bến Tre, Gò Công.

Bộ tư lệnh chiến dịch: Tư lệnh kiêm chính ủy - Hoàng Văn Thái; Đồng Văn Cống (Chín Hồng) - Phó tư lệnh; Lê Văn Tưởng - Phó chính ủy.

Chiến dịch diễn ra thành 3 đợt:

- Đợt 1 (10 đến 29-6), quân chủ lực ta đột phá tuyến phòng thủ biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, đồng thời đánh định ở nam - bắc đường số 4, hỗ trợ nhân dân toàn vùng nổi dậy giành quyền làm chủ ở xã, ấp.

- Đợt 2 (3 đến 31-7), ta đánh địch phản kích, tiếp tục hỗ trợ nhân dân phá bình định, mở mương, mở vùng.

- Đợt 3 (6-8 đến 10-9), địch tổ chức phản đột kích lớn quy mô quân đoàn (thiếu), ta đánh địch làm cho lực lượng chúng suy yếu, bộ máy kim kẹp tan rã dần. Kết thúc chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 34.500 tên địch, bắn rơi 60 máy bay; phá hủy 126 xe M113, 179 xe quân sự, 73 tàu xuồng, thu 3.222 súng các loại; diệt, bức hàng, bức rút 356 đồn bốt; giải phóng 27 xã, 22 ấp, với 240.000 dân. Chiến dịch đã thể nghiệm thành công phương thức cơ bản để đánh phá bình định, giành dân, giành quyền làm chủ của quân và dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 14-7

Các chiến sĩ tự vệ vũ trang thành phố Mỹ Tho tiến công khu kho đạn lớn ở "quân đoàn 4" gần trung tâm huấn luyện quân sự Hùng Vương, cách thị xã Mỹ Tho 2km, phá hủy hoàn toàn 10 vạn tấn bom đạn của địch.

Tháng 7

Bộ Tổng tham mưu chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân nghiên cứu biên soạn tài liệu, tiến hành tập huấn bộ đội đánh B-52 trong các tình huống phức tạp và triển khai kế hoạch đánh B-52.

Ngày 27-7 - 12-8

Quảng Trị thắng lớn.

Quân giải phóng Quảng Trị chặn đánh bọn lính thủy đánh bộ ngụy ở Tri Bư, Thạnh Hân và bắc Trầm Lý, loại khỏi vòng chiến đấu gần 3.900 tên, trong đó có 2.990 tên lính đánh thủy đánh bộ Mỹ khi chúng đến thay bọn lính nhảy dù ngụy ở địa điểm trên, bắn rơi 34 máy bay Mỹ (có 20 chiếc F4), phá hủy 34 đại bác và súng cối hạng nặng, 24 xe quân sự, thiêu hủy 14 kho bom đạn của địch.

Ngày 1-8

Tiểu đoàn pháo 174 (Trung đoàn đặc công 113) tập kích sân bay Biên Hòa (bắn 202 quả đạn ĐKB và 45 quả H12 vào 25 mục tiêu), phá hủy và hỏng 74 máy bay; làm thương vong nhiều phi công, nhân viên kỹ thuật của địch.

Ngày 3-8

* Quân giải phóng Quảng Đà tập kích căn cứ quân sự địch ở Hòa Mỹ, tiêu diệt 1 tiểu đoàn công binh nguy, phá hủy 100 xe, san bằng 70 nhà lính, lô cốt. Quân giải phóng còn bắn phá sân bay Đà Nẵng, phá hủy nhiều máy bay, diệt nhiều giặc lái và nhân viên kỹ thuật Mỹ.

Ngày 6-8 - 11-9

Bộ đội chủ lực Miền phản công, đánh bại cuộc hành quân Sô-sy-a/2. Từ ngày 8 đến 24-8, ta tiến công giải phóng đoạn đường số 1 bị địch tái chiếm. Từ ngày 25-8 đến 11-9 ta tiến công giải phóng khu vực Tà Péc, đánh bại cuộc hành quân A ng-ko-chay của quân nguy Lon Non.

Ngày 13-8

Hai tiểu đoàn đặc công (9, 12) và đại đội 53 thuộc Trung đoàn đặc công 113 do đồng chí Đỗ Văn Ninh chỉ huy tập kích khu kho 53 (tổng kho Long Bình); phá hủy 15.000 tấn bom, 200 tấn thuốc nổ, diệt và làm bị thương 300 tên địch.

Ngày 25-8

Hoàn thành xây dựng công trình đường ống dẫn dầu T72 dài 368 km gồm 4 tuyến đường ống song song. Ngày 31 tháng 12 công trình T72B - tuyến đường ống xăng dầu từ biên giới Việt - Trung vào đến miền Đông Nam Bộ (2.000 km) được hoàn thành, góp phần quan trọng bảo đảm nhiên liệu cho công cuộc xây dựng và chiến đấu quy mô ngày càng lớn trên hai miền Nam - Bắc, đánh bại cuộc phong tỏa và ngăn chặn của địch.

Ngày 31-8

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng tiến công sân bay Biên Hòa, phá hủy 12 máy bay, 1 kho bom, diệt hơn 50 tên giặc lái, nhân viên kỹ thuật và cố vấn Mỹ.

Ngày 10-9

Quân giải phóng tiến công sân bay Biên Hòa, phá hủy và phá hỏng gần 200 máy bay Mỹ, làm nổ tung 4 kho chứa bom (gồm 1.000 quả bom), phá hủy 2 nhà sửa chữa máy bay và nhiều thiết bị khác trong sân bay, diệt hàng trăm tên giặc lái, sĩ quan và nhân viên kỹ thuật cao cấp Mỹ - nguy.

Ngày 18-9**Chiến thắng Cẩm Dơi - Quế Sơn.**

Sư đoàn 711 (thiếu) được một phân đội pháo 130mm của Quân khu 5 chi viện hỏa lực đánh địch ở khu vực Cẩm Dơi - Quế Sơn (Quảng Nam). Đây là trận đánh then chốt trong chiến dịch tiến công tổng hợp trên địa bàn tỉnh Quảng Đà, Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Ngày 20-9

Thành lập Sư đoàn bộ binh 10 thuộc Mặt trận Tây Nguyên. Sư đoàn trưởng - Nguyễn Mạnh Quân, Chính ủy - Đặng Vũ Hiệp.

Ngày 1 - 10-10

Quân và dân Mỹ Tho tiến công địch ở khu vực Mỹ Lương, Mỹ Tây, Mỹ Thiện, Hội Cư (huyện Cái Bè), Nhị Mỹ (huyện Cai Lậy bắc), Bình Phú (Cai Lậy nam), Long Định, Tam Hiệp (Châu Thành bắc), Nhị Bình, Dương Diêm (Châu Thành nam) và nhiều vị trí, kho tàng của địch ở trong và ngoài thành phố, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.700 tên, trong đó diệt và bắt 1.343 tên (có nhiều tên sĩ quan cấp úy, cấp tá và trưởng đồn, phó đồn ác ôn), tiêu diệt 1 ban chỉ huy trung đoàn thiết giáp, 1 tiểu đoàn thông tin, 5 đại đội chủ lực và bảo an, phá hủy 40 xe quân sự (có 13 xe bọc thép M.113), đánh chìm và bắn cháy 8 tàu, bắn rơi 3 máy bay, thu nhiều vũ khí.

Hàng vạn đồng bào ở 31 xã dọc đường số 4, ở trong và ngoài thành phố Mỹ Tho, các thị trấn, khu phố nổi dậy cùng quân du kích diệt ác ôn, phá kìm kẹp, giành và mở rộng quyền làm chủ.

Ngày 17-10

Quân dân tỉnh Vĩnh Phú bắn rơi chiếc máy bay thứ 4.000 trên miền Bắc. Đây là chiếc máy bay F.111 cánh cụp cánh xòe của không quân Mỹ bị quân Vĩnh Phú bắn rơi ban đêm.

Ngày 28-10

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về việc đế quốc Mỹ lật lọng không chịu ký bản Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được hoàn thành ngày 22-10-1972 và sẽ ký vào ngày 31-10-1972 đã có sự thỏa thuận giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ.

Ngày 31-10

Sau 45 ngày bao vây liên tục, Quân giải phóng Quảng Ngãi đã tiêu diệt hoàn toàn căn cứ biệt kích Đá Bàn (cách quận lỵ Ba Tư khoảng 1 km về phía nam), diệt tiểu đoàn 69 quân biệt động biên phòng ngụy. Hơn 5.000 đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ.

Ngày 2 - 5-11**Gia Lai thắng lớn.**

Quân và dân Gia Lai liên tục mở nhiều trận tiến công tiêu diệt căn cứ Đức Cơ và đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân của 3 chiến đoàn và liên đoàn quân biệt động ngụy định chiếm lại căn cứ quan trọng này, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.100 tên địch, trong đó diệt 1 ban chỉ huy chiến đoàn số 22, tiêu diệt, đánh thiệt hại nặng 8 tiểu đoàn, bắn rơi 9 máy bay, thu 8 xe quân sự, 41 máy vô tuyến điện và gần 300 súng. Hàng vạn đồng bào ở khu vực Đức Cơ nổi dậy giành lại quyền làm chủ.

Ngày 21-11

Sư đoàn 320A được lực lượng vũ trang nhân dân địa phương phối hợp tiến công đánh chiếm Đức Cơ (Gia Lai) căn cứ cuối cùng của địch trên đường số 19. Tiếp đó bộ đội ta đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn địch lên ứng cứu, loại khỏi vòng chiến đấu hơn hai nghìn tên.

Ngày 26 - 27-11

Các chiến sĩ giải phóng Thừa Thiên tập kích khu hậu cần địch ở Đồng Lâm, đốt cháy 12 kho chứa 13.000 quả đại bác và 550 hòm đạn, diệt nhiều tên địch.

Ngày 6-12

Quân giải phóng bắn phá căn cứ không quân Mỹ - nguy ở Tân Sơn Nhất, diệt hơn 200 tên sĩ quan, giặc lái và nhân viên kỹ thuật Mỹ - nguy, hơn 50 chiếc máy bay bị phá hủy (trong đó có 27 phản lực, 3 chiếc C130), đốt cháy 2 kho xăng lớn và nhiều phương tiện chiến tranh khác trong sân bay.

Ngày 18 - 29-12

Chiến dịch phòng không Hà Nội - Hải Phòng, do các lực lượng phòng không và không quân Việt Nam tiến hành đánh trả cuộc tập kích đường không chiến lược, chủ yếu bằng máy bay B-52 của Mỹ vào Hà Nội - Hải Phòng (từ ngày 18 đến 29 tháng 12, Mỹ mở chiến dịch Lai-nơ Béch-cơ II huy động số lượng lớn máy bay chiến lược B-52 và máy bay chiến thuật hiện đại nhất (F-111) cùng nhiều khí tài điện tử gây nhiễu hiện đại, đánh phá tập trung ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng).

Chiến dịch gồm 2 đợt:

- Đợt 1 (18 đến 24-12), đêm 18 tháng 12 Mỹ sử dụng 129 lần chiếc máy bay B-52 và trên 160 lần chiếc máy bay chiến thuật đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Các lực lượng phòng không, không quân ta đánh trả quyết liệt, bắn rơi 3 máy bay B-52, các ngày sau bắn rơi thêm nhiều máy bay B-52 và các loại khác.

- Đợt 2 (26 đến 29-12), đêm 26 Mỹ dùng 120 lần chiếc máy bay B-52 đánh vào các khu đông dân cư ở Hà Nội, bị ta bắn rơi 8 chiếc, những ngày sau đó ta bắn rơi thêm nhiều chiếc khác.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, ta bắn rơi 81 máy bay (có 34 chiếc B-52 và 5 chiếc F-111), bắt giặc lái, đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược, buộc Chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom từ bắc vĩ tuyến 20 trở ra và nối lại cuộc đàm phán ở Pa-ri. Dư luận trên thế giới gọi đây là trận "Điện Biên Phủ trên không".

Qua chiến dịch phòng không Hà Nội - Hải Phòng, các lực lượng Phòng không - Không quân nhân dân ta đã có bước trưởng thành rõ rệt, tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến đấu - nhất là kinh nghiệm đánh máy bay B-52, góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật chiến dịch tác chiến phòng không Việt Nam.

Đêm 18-12

Quân dân Thủ đô Hà Nội, thành phố cảng Hải Phòng cùng các tỉnh khác nâng cao cảnh giác, anh dũng và mưu trí đánh thắng giòn giã trận đầu đợt tập kích chiến lược bằng siêu pháo đài bay B-52 của đế quốc Mỹ. Bắn rơi 7 máy bay Mỹ, trong đó có 3 chiếc B-52 và 1 chiếc F-111.

Đêm 20-12

Quân dân miền Bắc bắn rơi 13 máy bay giặc Mỹ, trong đó có Thủ đô Hà Nội lập công lớn bắn rơi 5 chiếc B-52, có chiếc máy bay Mỹ thứ 4.100 bị bắn rơi trên miền Bắc, tỉnh Hà Tây bắn rơi 1 chiếc B-52 và 1 chiếc F-111, tỉnh Vĩnh Phú bắn rơi 1 chiếc B-52. Bất sống nhiều giặc lái. Ngày 20, các tỉnh Nghệ An, Hòa Bình còn bắn rơi thêm 2 máy bay Mỹ.

Đêm 26-12

Quân dân Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Thái chiến thắng lớn, bắn rơi 8 chiếc máy bay B-52, bắt giặc lái, trong đó Thủ đô Hà Nội bắn rơi 5 chiếc, thành phố cảng Hải Phòng bắn rơi 2 chiếc, tỉnh Bắc Thái bắn rơi 1 chiếc. Tại Thủ đô Hà Nội máy bay B-52 của Mỹ đã ném bom hủy diệt phố Khâm Thiên - một phố đông dân, lâu đời nằm giữa Thủ đô Hà Nội - làm 473 người chết và bị thương, phá hủy và làm hỏng nặng gần 2.000 ngôi nhà.

Đêm 27-12

Quân dân Thủ đô Hà Nội và không quân nhân dân bắn rơi 5 chiếc máy bay B-52. Bất sống nhiều giặc lái. Lần đầu tiên chiến sĩ lái máy bay Phạm Tuấn bắn rơi "siêu pháo đài bay" B-52 của giặc Mỹ. Cùng ngày 27, quân dân các tỉnh trên miền Bắc còn bắn rơi thêm 7 máy bay giặc Mỹ.

Đêm 29-12

Trận đánh thắng cuối cùng đợt tập kích chiến lược bằng máy bay B-52 của giặc Mỹ vào Thủ đô Hà Nội, thành phố cảng Hải Phòng. Quân dân Thủ đô Hà Nội bắn rơi một chiếc máy bay B-52 của giặc Mỹ.

Ngày 30-12

Chính phủ Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ bắc vĩ tuyến 20 trở ra và đề nghị ta nối lại cuộc đàm phán ở Pa-ri, bàn việc ký hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

NĂM 1973***Ngày 2-1***

Các chiến sĩ Quân giải phóng ở Biên Hòa tiến công mãnh liệt khu kho hậu cần của Mỹ - ngụ tại Long Bình, đốt cháy 86.000 phuy chứa hơn 17 triệu lít xăng.

Ngày 13 - 28-1

* Sư đoàn 10 bẻ gãy cuộc hành quân của sư đoàn 23 ngụy vào vùng Võ Định (bắc Kon Tum), diệt 2 tiểu đoàn, bắt 200 tên, bắn rơi 8 máy bay, phá hủy 11 xe. Sư đoàn 320 đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của 1 sư đoàn ngụy (thiếu) ra vùng Đức Cơ, Thanh Giáo, gây cho địch một số thiệt hại.

* Sư đoàn 7 (thiếu) phối hợp với Trung đoàn 205 (Miền) đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của sư đoàn 5 ngụy và 2 chi đoàn thiết giáp vào vùng Dầu Tiếng, diệt 1.800 tên, bắt 60 tên.

* Bộ đội chủ lực Quân khu 9 và lực lượng địa phương đánh bại cuộc hành quân của sư đoàn 21 ngụy và 1 thiết đoàn xe tăng vào vùng giải phóng Long Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 1.800 tên.

Đến 8 giờ ngày 28 tháng 11 năm 1973, trên toàn miền Nam ta đã giành thêm và làm chủ 586 ấp, 24 xã, 280 nghìn dân, diệt và bức rút 106 đồn địch.

Ngày 15-1

Hoa Kỳ phải tuyên bố chấm dứt toàn bộ việc ném bom, bắn phá, thả mìn miền Bắc nước ta.

Ngày 17-1

Dân quân huyện Lệ Thủy (Quảng Bình) bắn rơi một máy bay do thám - chiếc máy bay Mỹ cuối cùng bị bắn rơi trên miền Bắc.

Từ ngày 5 tháng 8 năm 1964 đến ngày 17 tháng 1 năm 1973 số máy bay Mỹ bị bắn rơi trên vùng trời các tỉnh, thành phố như sau:

Quảng Bình: 704 (có 3 B.52, 3 F.111); Ninh Bình: 90

Nghệ An: 553 (có 12 B.52, 1 F.111); Lạng Sơn: 85

Thanh Hóa: 376 (có 3 B.52); Hải Hưng (cũ): 85

Hà Nội: 358 (có 23 B.52, 2 F.111); Hà Tây: 83 (có 1 B.52, 2 F.111).

Hải Phòng: 317 (có 5 B.52, 1 F.111); Bắc Thái (cũ): 69 (có 2 B.52)

Vĩnh Linh: 283 (có 15 B.52); Sơn La: 68

Hà Tĩnh: 267 (có 1 B.52, 1 F.111); Hòa Bình: 47 (có 1 B.52)

Quảng Ninh: 199; Thái Bình: 44

Hà Bắc cũ: 162 (có 1 F.111); Tuyên Quang: 21

Nam Hà: 120; Nghĩa Lộ: 16

Vĩnh Phú cũ: 120 (có 2 B.52, 1 F.111); Lai Châu: 14

Yên Bái: 98 (có 1 F.111); Lào Cai: 2

Tổng số máy bay bị bắn rơi: 4.181 chiếc (có 68 chiếc B.52 và 13 chiếc F.111).

Ngày 23-1

Ký tắt Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Pa-ri giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, đại diện cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và tiến sĩ Hen-ri Kít-xinh-giơ, đại diện cho Hoa Kỳ.

Ngày 27-1

* *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được chính thức ký kết tại Trung tâm các hội nghị quốc tế ở Pa-ri giữa bốn bên tham gia hội nghị Pa-ri về Việt Nam. Lúc 11 giờ 30 (giờ Pa-ri) các Bộ trưởng ngoại giao thay mặt cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đã chính thức ký vào các bản tiếng Việt và tiếng Anh của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam và ba nghị định thư kèm theo: 1) Nghị định thư ngừng bắn tại miền Nam Việt Nam và các Ban liên hợp quân sự; 2) Nghị định thư về Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát; 3) Nghị định thư về trao trả nhân viên quân sự bị bắt, dân thường nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ. Lúc 3 giờ 45 phút chiều cùng ngày cũng tại địa điểm trên, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với sự thỏa thuận của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Mỹ với sự thỏa thuận của chính quyền Sài Gòn lại chính thức ký bản "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam" và 4 nghị định thư kèm theo, trong đó ngoài ba nghị định thư nói trên, còn có nghị định thư về việc phía Hoa Kỳ nhận tháo gỡ mìn, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá hủy mìn ở vùng biển, các cảng, sông ngòi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.*

* *Mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam nhân dịp ký Hiệp định Pa-ri và Hiệp định có hiệu lực từ 7 giờ sáng 28 tháng giêng. Sau khi nêu lên ý nghĩa của thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bản mệnh lệnh viết: "Hòa bình đã được lập lại trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta, nhưng hòa bình chưa được củng cố. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta còn rất nặng nề. Nhân dân ta cần phải ra sức phấn đấu để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện bằng được mục tiêu cao cả: xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".*

Ngày 31-1

Sư đoàn 320B, Trung đoàn 101 (Sư đoàn 325), Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 271, Trung đoàn 24 (Sư đoàn 304), Tiểu đoàn 38 bộ đội địa phương, K5 hải quân hiệp đồng với một số phân đội xe tăng, được pháo binh chi viện thực hành trận phản đột kích đánh bại cuộc hành quân Tăng-gô-xi-ty lấn chiếm khu vực cảng Cửa Việt (Quảng Trị) của địch.

Từ 26 đến 31 tháng 1, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.232 tên địch, bắt 170 tù binh, phá hủy 113 xe tăng, thiết giáp, thu 13 xe, bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 1 tàu chiến, phá hủy 10 khẩu pháo, thu hơn 300 súng các loại.

Trận phản đột kích Cửa Việt là một trận then chốt đánh bại cuộc hành quân Tăng-gô-xi-ty lấn chiếm Cửa Việt của địch. Thắng lợi của trận đánh trong thời điểm Hiệp định Pa-ri vừa thực hiện, có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, quân sự, góp phần tích cực đấu tranh buộc địch thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

Ngày 10 - 13-2

Tiến sĩ Kít-xinh-giơ - phụ tá tổng thống Hoa Kỳ đến Hà Nội để thảo luận với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về quan hệ sau chiến tranh giữa hai nước và các vấn đề khác mà hai bên cùng quan tâm.

Cuối tháng 2

Bộ Tổng tham mưu và các quân khu, quân đoàn ngụy soạn thảo và hoàn chỉnh kế hoạch quân sự: "Lý Thường Kiệt - 1973". Đây là kế hoạch quân sự toàn diện nhằm mục đích chiếm đất, giành dân, bình định, chiêu hồi, xây dựng lực lượng tình báo, xây dựng quân ngụy, phong tỏa kinh tế của ta và bảo vệ kinh tế của chúng. Bộ quốc phòng ngụy dự tính trong năm 1973 vẫn duy trì 1,1 triệu quân chủ lực, quân địa phương và hiện đại hóa lực lượng này.

Ngày 19-3

Phiên họp đầu tiên của Hội nghị Hiệp thương giữa hai bên miền Nam Việt Nam. Hội nghị khai mạc tại lâu đài La-xen Xanh Clu, gần Thủ đô Pa-ri. Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam do giáo sư Nguyễn Văn Hiếu, Bộ trưởng, làm trưởng đoàn.

Ngày 29-3

* *Thành lập Sư đoàn phòng không 673 tại Trị - Thiên.* Tư lệnh: thượng tá Bùi Đăng Tự. Chính ủy: thượng tá Lê Văn Hối.

* Bộ chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam làm lễ cuốn cờ. Tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam (tướng Uây-en) cùng 2.501 tên lính viễn chinh Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam dưới sự kiểm soát của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban liên hiệp quân sự bốn bên.

Lần đầu tiên sau 115 năm, đội quân xâm lược của đế quốc đã bị quét sạch trên toàn bộ lãnh thổ nước ta.

Ngày 3 - 4-4

Tổng thống Mỹ Ních-xơn gặp Nguyễn Văn Thiệu (tổng thống Việt Nam cộng hòa) tại San-clê-man-tê. Ních-xơn tuyên bố tiếp tục ủng hộ quân sự cho chính quyền Sài Gòn. Hành động đầu tiên sau cuộc gặp này là, nối lại chuyến bay do thám trên miền Bắc Việt Nam, đình chỉ các hội nghị về việc giúp xây dựng lại miền Bắc của Ủy ban kinh tế hỗn hợp, kéo dài việc rà phá mìn trên các vùng biển miền Bắc.

Ngày 11-5

Đề nghị nãm điểm về chấm dứt xung đột. Trong phiên họp thường lệ của Ban liên hiệp quân sự hai bên trung ương, Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, Phó trưởng

đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam đã đề nghị năm điểm về chấm dứt xung đột:

1. Hai bên hãy nhanh chóng thỏa thuận về lời kêu gọi của Bộ chỉ huy hai bên ra lệnh ngừng bắn cho tất cả các lực lượng vũ trang...

2. Tổ chức các tổ liên hợp quân sự hai bên đi kiểm tra việc phổ biến quán triệt và thực hiện lời kêu gọi chung.

3. Hai bên thỏa thuận chọn một khu vực làm thí điểm để chỉ đạo riêng việc thực hiện chấm dứt xung đột và thực hiện cho bằng được việc ngừng bắn lâu dài và vững chắc.

4. Việc hai bên nhanh chóng cử các tổ liên hợp quân sự đến nơi xảy ra vi phạm để xác định rõ sự việc.

5. Việc triển khai công việc của Ban liên hợp quân sự hai bên ở các khu vực.

Ngày 19-6

Hội nghị Trung ương lần thứ 21 khai mạc.

Hội nghị được tiến hành làm 2 đợt. Đợt 1 từ ngày 19 tháng 6 đến 6 tháng 7; đợt 2 từ ngày 1 tháng 10 đến 4 tháng 10. Hội nghị đã ra nghị quyết (ngày 13 tháng 10) về “Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới”. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm 18 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phân tích tình hình địch và khả năng của ta kể từ sau Hiệp định Pa-ri, nghị quyết đề ra nhiệm vụ cơ bản, phương châm, phương thức hoạt động của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, trong đó phương châm cơ bản là “kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã làm chuyển biến cục diện chiến trường có lợi cho ta và động viên được sức mạnh cả nước hướng ra tiền tuyến.

Ngày 25-6

Quân ủy Trung ương ra nghị quyết (số 90-QUTU) về tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Nghị quyết nêu rõ: “Các lực lượng vũ trang ở miền Nam cần nắm vững chiến lược tiến công, đánh bại mọi hành động bình định lấn chiếm của địch, giành dân và giữ dân, giữ vững vùng giải phóng và chính quyền cách mạng. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt, nếu địch mở rộng chiến tranh, gây lại chiến tranh quy mô lớn thì kiên quyết tiêu diệt chúng”.

Ngày 18-7

* Hoa Kỳ ra thông báo “hoàn thành” việc tháo gỡ và làm mất hiệu lực bom mìn đã thả xuống các vùng biển, sông của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; rút hết phương tiện và lực lượng ra khỏi vùng biển nước ta.

* *Dự thảo “Những quy định cơ bản bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam”.*

Văn kiện này do Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị hiệp thương hai bên miền Nam đưa ra đề nghị dùng nó làm cơ sở để hai bên thảo luận và đi đến thỏa thuận về những quy định cơ bản bảo đảm các quyền tự do dân chủ.

Ngày 16 - 29-10

Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Mỹ Tho đánh đuổi quân Sài Gòn đóng đồn chốt trái phép trong vùng giải phóng và đi cướp lúa gạo của đồng bào ở ven các đường số 4, số 12, số 20 dọc các tuyến kênh Nguyễn Văn Tiếp, sông Ba Thầy. Lực lượng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.780 tên, phá hủy 8 xe quân sự, bắn chìm 11 tàu và xuồng chiến đấu.

Ngày 3-12

Tám chiến sĩ Đội 5 (Đoàn 10 đặc công Rừng Sát) do Hà Quang Vóc chỉ huy tập kích kho xăng Nhà Bè (Sài Gòn) - kho dự trữ xăng dầu lớn nhất của quân đội Sài Gòn, thiêu hủy 14 triệu lít xăng dầu, phát hủy 1 tàu chở dầu 12.000 tấn và hệ thống lọc dầu. Đội 5 và hai đồng chí Hà Quang Vóc, Nguyễn Hồng Thế được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

NĂM 1974

Tháng 1

* Bộ đội chủ lực miền Đông Nam Bộ đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch vào các khu vực ven chiến khu Đ, Đường 16, Đông Trảng Bàng, Gò Dầu, Bù Bông, Tuy Đức, diệt 1 tiểu đoàn, 5 đại đội, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, 4 đại đội, loại khỏi vòng chiến đấu 2.100 tên địch.

* Tổng cục Hậu cần tổ chức hội nghị hậu cần các chiến trường, bàn việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng, tích lũy vật chất, phương tiện kỹ thuật, tăng cường bảo đảm hậu cần tại chỗ.

* Cục Quân giới giao nhiệm vụ cho Viện thiết kế Quân giới thiết kế chế tạo súng và đạn cối 160 mm...

Ngày 12 - 24-2

Lực lượng vũ trang Khu 8 đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của 3 trung đoàn (thuộc sư đoàn 7 và sư đoàn 9 quân ngụy Sài Gòn) vào vùng 4 Kiến Tường, diệt 1 đại đội, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn, giữ vững ngã tư Bằng Lăng và căn cứ Đồng Tháp Mười.

Ngày 16 - 17-3

Trung đoàn 28 (Sư đoàn 10) đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch vào khu vực Com Rẫy, diệt tiểu đoàn 95 biệt động quân và 2 đại đội của tiểu đoàn

62, bắt 250 tên, trong đó có 2 thiếu tá tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó, mở thông đường số 22.

Ngày 15 - 20-4

Quân giải phóng Gia Lai tiến công tiểu đoàn 82 biệt động biên phòng quân đội Sài Gòn đóng trái phép ở Làng Siu (cách thị xã Plây Cu 32 km về phía tây nam), giành lại căn cứ này và sau đó đập tan 2 cuộc phản kích của chúng, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn biệt động biên phòng, diệt gọn một chi đoàn thiết giáp gồm 15 chiếc M.113 và xe tăng.

Tháng 4

* Bộ Tổng tham mưu và các chiến trường tích cực chuẩn bị kế hoạch tác chiến chiến lược 2 năm 1974-1975.

* Lực lượng vũ trang Quân khu 9 đánh bại cuộc hành quân giải tỏa của địch ở khu vực sông Cái Lớn, diệt 1 giang đoàn, 1 chi đoàn xe bọc thép M.113 (11 chiếc) ở gần Xẻo Rô, đánh thiệt hại một số đơn vị bộ binh, buộc địch phải bỏ dở cuộc hành quân.

* *Hội nghị cán bộ cao cấp toàn quân* nghiên cứu nghị quyết hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7-1973) và nghị quyết Quân ủy Trung ương (3-1974).

Ngày 15-5

* Trung đoàn 66 (Sư đoàn 10) và Trung đoàn 3 (Sư đoàn 324) tiến công căn cứ Đắc Pét (cách thị xã Kon Tum 80 km về phía tây bắc), loại khỏi vòng chiến đấu một tiểu đoàn quân biệt động và lực lượng bảo an, dân vệ, xóa bỏ điểm chốt cuối cùng của địch trên đường số 14.

* *Tuyên bố ngừng các cuộc đàm phán giữa hai bên miền Nam Việt Nam.*

Bộ Ngoại giao Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố lên án chính quyền Sài Gòn được Hoa Kỳ khuyến khích và ủng hộ, tăng cường chiến tranh, phá hoại các cuộc đàm phán giữa hai bên miền Nam Việt Nam.

Bản tuyên bố nêu rõ trước tình hình chính quyền Sài Gòn ngoan cố không chịu bàn bạc và giải quyết bất cứ công việc gì, các đoàn đại biểu của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị hiệp thương ở Pa-ri và tại Ban liên hợp quân sự hai bên trung ương buộc phải đình chỉ việc tham dự các phiên họp tại cả hai diễn đàn.

Ngày 16-5 - 30-9.

Sư đoàn 9 mở chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ vùng trung tuyến (khu vực đường số 7 ngang tây Bến Cát, cách Sài Gòn 30 km) của địch, thu hút một bộ phận lực lượng của quân đoàn 3 nguy, đẩy lùi kế hoạch bình định lấn chiếm của chúng, tạo thế trận tiến công mới trên hướng tây bắc Sài Gòn. Qua 135 ngày đêm chiến đấu, Sư đoàn đã đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 3.500 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

Ngày 24-6

Quân giải phóng Thừa Thiên đánh vào khu kho của quân đội Sài Gòn ở đông nam thành phố Huế 12 km; 40 nhà kho chứa hàng vạn tấn đạn của địch đã bị nổ suốt 7 giờ liền.

Ngày 27 - 28-6

Quân và dân Thủ Dầu Một lập chiến công mới tại khu vực Ri-nét, tây nam Bến Cát, bẻ gãy hàng chục đợt tiến công của địch, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 500 tên ngụy Sài Gòn, phá hủy hơn 40 xe tăng và xe thiết giáp.

Ngày 17-7 - 25-8

Chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức. Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của quân đội Sài Gòn ở khu vực Nông Sơn - Thượng Đức (tỉnh Quảng Đà), tạo bàn đạp và thế chiến lược mới cho tác chiến năm 1975, Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 mở chiến dịch tiến công ở khu vực Nông Sơn - Thượng Đức, tỉnh Quảng Đà.

Bộ Tư lệnh Quân khu 5 trực tiếp chỉ huy chiến dịch.

Chiến dịch chia làm 3 đợt. Đợt 1 (17 đến 19-7), ta tiến công tiêu diệt Nông Sơn, Tiên Phước. Đợt 2 (19-7 đến 8-8), ta đánh viện binh ở nam An Hòa, tây Núi Lở, giải phóng Thượng Đức. Đợt 3 (9 đến 25-8) ta phát triển tiến công ra các vùng kế cận Thượng Đức, nam An Hòa và Quảng Nam. Kết thúc chiến dịch, ta tiêu diệt 2 cứ điểm chi khu quân sự, quận lỵ, bức hàng 151 cứ điểm khác, phá 78 ấp và khu đồn dân của địch, giải phóng Tiên Phước, Thượng Đức, loại khỏi vòng chiến đấu 10.000 tên địch (bắt 2.338), tiêu diệt 4 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 9 tiểu đoàn, thu 2.106 súng, 24 xe quân sự... Chiến thắng Nông Sơn - Thượng Đức tạo thế uy hiếp Đà Nẵng từ phía tây, chứng minh thực tế trên chiến trường sức mạnh chiến đấu của bộ đội chủ lực cơ động ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động địch.

Ngày 9-8

Tổng thống Mỹ, Ních-xơn buộc phải từ chức do vụ bê bối Oa-tơ-ghét. Phó tổng thống Mỹ, Giê-rôn Pho thay Ních-xơn làm tổng thống, cam kết tiếp tục ủng hộ chính quyền Sài Gòn, nhưng thực tế khả năng viện trợ Mỹ đã giảm gần 50% trong khi nền kinh tế của chính quyền ngụy phụ thuộc 90% vào viện trợ Mỹ.

Ngày 28-8 - 28-9

Chiến dịch tiến công La Sơn - Mỏ Tàu. Nhằm chia cắt đường giao thông chiến lược của địch, tạo bàn đạp phối hợp với chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức, Bộ Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 mở chiến dịch tiến công địch ở La Sơn - Mỏ Tàu (tây nam Huế).

Sau hơn một tháng chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên địch (bắt 587 tên), bắn rơi 5 máy bay, thu và phá hủy 2.734 súng các loại và nhiều phương

tiện chiến tranh, phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở tây nam Huế, giải phóng một khu vực rộng gần 300 km², uy hiếp địch trên đường số 1 nối Huế với Đà Nẵng.

Ngày 19 - 29-9

Diệt cụm cứ điểm Giá Vụt (Quảng Ngãi). Cụm cứ điểm Giá Vụt nằm trên đoạn đường từ Ba Tơ đi Công Tum, cách huyện lỵ Ba Tơ 20 km về phía tây nam, một cụm cứ điểm lớn (gồm 15 vị trí chung quanh và đồn lớn ở trung tâm, 3 trận địa pháo, nhiều hầm ngầm, công sự kiên cố) của quân đội ngụy Sài Gòn, nơi xuất phát các cuộc hành quân lấn chiếm và tung các toán biệt kích, phản động gây tội ác đối với đồng bào ở huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi).

Kiên quyết trừng trị tội ác của địch, lực lượng giải phóng Quảng Ngãi tiến công mãnh liệt cụm cứ điểm này, lần lượt đánh chiếm khu trung tâm và đánh chiếm các cứ điểm của địch ở vòng ngoài, tiêu diệt và chiếm lĩnh hoàn toàn khu vực cụm cứ điểm Giá Vụt, loại khỏi vòng chiến đấu tiểu đoàn 70 quân biệt động, một trung đội pháo binh, một trung đội thám báo, một trung đội dân vệ cùng bọn cảnh sát. Bộ máy ngụy quyền ở khu vực Giá Vụt bị đập tan.

Ngày 30-9 - 8-10

** Hội nghị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương phê duyệt kế hoạch tác chiến chiến lược năm 1975.*

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với kế hoạch chiến lược 2 năm do Bộ Tổng tham mưu vạch ra, nội dung gồm 2 bước:

Bước 1: (thực hiện trong năm 1975) tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng và phương tiện tiến công lớn và rộng khắp để tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng thêm nhiều vùng đất đai. Cụ thể chia làm 3 đợt:

- Từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975, thực hiện những đòn tiến công có mức độ, chủ yếu là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ.

- Từ tháng 3 đến 6 năm 1975, thực hiện đợt hoạt động chủ yếu, tập trung lực lượng mở chiến dịch tiến công quy mô lớn trên chiến trường Tây Nguyên và một số chiến dịch phối hợp tại chiến trường miền Đông Nam Bộ, Khu 5 và Trị Thiên. Riêng với đồng bằng sông Cửu Long, tiếp tục tiến công và nổi dậy chống địch bình định, mở rộng vùng giải phóng.

- Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1975, mở đợt hoạt động nhằm phát huy thắng lợi đã giành được và sẵn sàng thực hiện phương án thời cơ.

Bước 2: (thực hiện trong năm 1976) thực hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Bộ Chính trị xác định chiến trường Tây Nguyên là hướng chủ yếu trong cuộc Tổng tiến công 1975 và chỉ thị cho Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tham mưu theo dõi và có kết luận về phản ứng của Mỹ qua hoạt động tiến công của ta trong mùa khô 1974 - 1975; đồng thời khẩn trương chuẩn bị cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng triệt để trong thời gian 2 năm

1975 - 1976. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

* Đoàn đại biểu kinh tế Chính phủ An-ba-ni sang thăm hữu nghị và ký kết Hiệp định viện trợ kinh tế cho Việt Nam và trao đổi hàng hóa năm 1975 với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 28-10

Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976, trình lên Bộ Chính trị.

Ngày 5-12-1974 - 15-1-1975

Chiến dịch Hưng Long. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 mở chiến dịch Hưng Long, nhằm giải phóng chi khu Hưng Long, phân chi khu Ba Hồ, Vĩnh Tuy, Vĩnh Chèo (Hậu Giang), khôi phục và mở rộng địa bàn kháng chiến ở U Minh, Chương Thiện (tây bắc Cần Thơ) tạo điều kiện cho vùng nông thôn đồng bằng nổi dậy giành quyền làm chủ. Chiến dịch chia làm 2 đợt: Đợt 1 (5-7-12) bao vây diệt chi khu Hưng Long, phân khu Ba Hồ đánh lui các đợt phản kích của địch theo kênh Cái Địa, đánh thiệt hại nặng trung đoàn 31. Đợt 2 (19-12-1974 đến 15-1-1975) ta bao vây phân chi khu Vĩnh Chèo, đánh địch giải tỏa tuyến Bà Lớn, lộ Lục Phi... đẩy địch về chi khu Long Mỹ, uy hiếp thị xã Vị Thanh, đập tan mưu đồ chiếm lại Hưng Long, Ba Hồ, nối thông địa bàn U Minh - Chương Thiện. Sau 40 ngày đêm chiến đấu, ta đánh 160 trận, tiêu diệt 15 vị trí (có 1 chi khu, 5 phân chi khu), bức hàng, bức rút 5 vị trí khác, tiêu diệt 1 ban chỉ huy quận, 5 tiểu đoàn, 6 đại đội, đánh thiệt hại nặng 1 trung đoàn; bắn chìm, bắn cháy 6 tàu xuồng, phá hủy và thu nhiều phương tiện chiến tranh, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.800 tên địch; giải phóng 6 xã, hơn 1 vạn dân. Thắng lợi của chiến dịch mở ra một hành lang rộng lớn thông suốt từ U Minh đến Ô Môn, tạo thuận lợi cho ta giải phóng Cần Thơ và miền Tây Nam Bộ Xuân 1975.

Ngày 13-12-1974 - 6-1975

Chiến dịch Phước Long. Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, nối thông hành lang chiến lược từ Tây Nguyên vào Đông Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công ở khu vực Đồng Xoài, Bù Đốp, Phước Bình, Phước Long.

Bộ Tư lệnh chiến dịch: Tư lệnh - Hoàng Cầm, Chính ủy - Hoàng Thế Thiện.

Chiến dịch chia làm 3 đợt: Đợt 1 (13 - 17-12-1974), ta đánh chiếm căn cứ Vĩnh Thiện, các chốt trên đường 14 (đoạn Bù Na - Bù Đốp). Đợt 2 (23 - 28-12-1974), ta đánh chiếm Đồng Xoài, Bù Đốp, cô lập Phước Long. Đợt 3 (31-12-1974 - 6-1-1975) được tăng cường Trung đoàn bộ binh 16, 1 tiểu đoàn xe tăng, 2 tiểu đoàn pháo 130mm, ta đánh chiếm Phước Bình, điểm cao Bà Rá, thị xã Phước Long.

Kết thúc chiến dịch: Ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (hơn 500.000 dân), diệt 1.160 tên địch, bắt 2.146 tên, phá hủy 15 máy bay, 3 xe bọc thép; thu 3.125 súng các loại, 10.000 viên đạn pháo. Chiến thắng Phước Long có tác dụng

trình sát chiến lược cho thấy khả năng đối phó hạn chế của Mỹ - ngụy, củng cố vững chắc quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị mở các cuộc tiến công quy mô lớn mùa Xuân 1975.

Ngày 18 - 22-12

Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Mỹ Tho tiến công bọn địch đóng trái phép, tiêu diệt 13 đồn, loại khỏi vòng chiến đấu 387 tên ngụy đi cướp lúa ngay tại hang ổ của chúng. Riêng ở huyện Cai Lậy, quân du kích và bộ đội địa phương chặn đánh 1 tiểu đoàn bảo an, 2 tiểu đoàn chủ lực ngụy đi cứu đồng bọn, loại khỏi vòng chiến đấu gần 200 tên.

Ngày 31-12

Chiến thắng Phước Bình. Lực lượng vũ trang giải phóng Phước Long tiến công địch ở chi khu quân sự, quận lỵ và thị trấn Phước Bình, nơi xuất phát các cuộc hành quân lấn chiếm của chúng, tiêu diệt toàn bộ hệ thống đồn địch và làm chủ chi khu quân sự, quận lỵ, thị trấn và sân bay Phước Bình, loại khỏi vòng chiến đấu tiểu đoàn 1, trung đoàn 7 thuộc sư đoàn bộ binh số 5 ngụy, đánh thiệt hại nặng hai đại đội khác, bắn rơi hai máy bay, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự.

NĂM 1975

Ngày 5-2

* Đại tướng Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam được Bộ Chính trị cử vào chiến trường Tây Nguyên làm đại diện của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh bên cạnh Bộ chỉ huy chiến dịch để trực tiếp chỉ đạo chiến dịch.

* *Thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên.* Trung tướng Hoàng Minh Thảo: Tư lệnh; đại tá Đặng Vũ Hiệp: Chính ủy; Thiếu tướng Vũ Lăng, đại tá Phan Hàm, đại tá Nguyễn Năng, đại tá Nguyễn Lang: Phó tư lệnh; đại tá Phí Triệu Hàm: Phó chính ủy. Thường vụ Khu ủy Khu 5 cử đồng chí Bùi San - Ủy viên Thường vụ khu ủy cùng một số cán bộ đại diện các ngành bên cạnh Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch để trực tiếp chỉ đạo 3 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc huy động mọi khả năng hiện có của địa phương phục vụ mặt trận.

Ngày 4-3 - 3-4

Chiến dịch Tây Nguyên. Nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng các tỉnh nam Tây Nguyên tạo thế chia cắt chiến lược thực hiện chiến lược giải phóng miền Nam (1975 - 1976), Bộ Quốc phòng mở chiến dịch tiến công khu vực Nam Tây Nguyên gồm các tỉnh Phú Bổn, Đắc Lắc, Quảng Đức.

Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm: Tư lệnh Hoàng Minh Thảo, Chính ủy Đặng Vũ Hiệp. Sau một số trận đánh tạo thế và nghi binh thu hút địch lên hướng Plây

Cu, từ ngày 4 tháng 3 ta bước vào tạo thế cắt đường 19, 21 (chia cắt chiến lược Tây Nguyên với đồng bằng); cắt đường 14 (chia cắt chiến dịch bắc với nam Tây Nguyên), tập kích bằng đặc công và hoả lực pháo binh vào Kon Tum. Ngày 8 tháng 3, ta đánh quận lỵ Thuận Mãn; ngày 10 và 11 tháng 3 diệt vị trí Đức Lập, cô lập triệt để Buôn Ma Thuột; ngày 10 và 11 tháng 3, Sư đoàn 361, Trung đoàn đặc công 198 tiêu diệt Buôn Ma Thuột (mục tiêu then chốt chủ yếu). Địch phải đổ bộ bằng đường không xuống Phước An để phản kích; bị Sư đoàn 10, Trung đoàn 25 đánh từ ngày 4 đến 18 tháng 3, sư đoàn 23 (thiếu) và liên đoàn biệt động quân 21 bị diệt. Để bảo toàn lực lượng còn lại của quân đoàn 2, địch phải bỏ bắc Tây Nguyên rút chạy về đồng bằng theo đường số 7 liên tỉnh. Sư đoàn 320 truy kích từ ngày 17 đến 23 tháng 3, đánh thiệt hại nặng 1 trung đoàn bộ binh, 6 liên đoàn biệt động, 4 thiết đoàn... giải phóng Cheo Reo, Củng Sơn. Đồng thời từ ngày 18 đến 24 tháng 3 Sư đoàn 968, Trung đoàn 95A và Trung đoàn 271 giải phóng thị xã Kon Tum, Plây Cu, Gia Nghĩa. Từ ngày 2 tháng 3 đến 3 tháng 4 các đơn vị của ta tiếp tục phát triển xuống duyên hải Trung Bộ diệt lữ đoàn dù 3, trung đoàn bộ binh 40, liên đoàn biệt động quân 24 cùng lực lượng tại chỗ giải phóng Bình Khê, Phú Yên, Nha Trang, Cam Ranh. Kết thúc chiến dịch, ta tiêu diệt và làm tan rã quân đoàn 2, quân khu 2 và một bộ phận lực lượng cơ động chiến lược của địch, giải phóng Tây Nguyên và các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Chiến dịch Tây Nguyên thể hiện nghệ thuật cao về chọn hướng (mục tiêu), nghi binh, tạo thế (cắt, vây), tập trung lực lượng giành và giữ quyền chủ động phát triển và tiến công, mở ra một bước ngoặt đưa cuộc chiến tranh từ tiến công có ý nghĩa chiến lược đến tổng tiến công có ý nghĩa chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Ngày 12-3 - 2-4

Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang Nam Bộ - cực Nam Trung Bộ đẩy mạnh hoạt động phối hợp với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, tạo bàn đạp và mở đường tiến công Sài Gòn trên các hướng bắc, đông-bắc và tây, tây-nam. Sư đoàn 9 và một bộ phận Sư đoàn 341 đánh chiếm các chi khu quân sự, quận lỵ Dầu Tiếng (12-3), Chơn Thành và toàn tỉnh Bình Long, mở thông đường số 13, 14 (2-4). Sư đoàn 4 và Sư đoàn 5 (Đoàn 232) diệt chi khu quân sự Bến Cầu, Đức Huệ, cắt đường số 4. Sư đoàn 7 đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán (20-3), giải phóng đường số 20 và tỉnh Lâm Đồng (31-3).

Ngày 25-3

* Bộ Chính trị họp, nhận định: “Thời cơ chiến lược lớn đã tới. Trong suốt 20 năm chống Mỹ, cứu nước chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này”; do đó cần “Nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay”. Bộ Chính trị quyết định: “Quyết tâm hoàn thành giải phóng Sài Gòn và miền Nam trước mùa mưa (tháng 5 năm 1975)”.

* Bộ Chính trị ra nghị quyết (số 241/NQTV) thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam ở Trung ương. Chủ tịch: Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; Phó chủ tịch: Lê Thanh Nghị - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ, Phan Trọng Tuệ - Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

* Bộ Tổng tham mưu quyết định điều động một bộ phận lớn Quân đoàn 1 vào tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Sư đoàn 308 làm nhiệm vụ dự bị chiến lược của Bộ và bảo vệ miền Bắc.

Ngày 26 - 29-3

* *Chiến dịch Đà Nẵng.* Nhằm tiêu diệt sư đoàn thủy quân lục chiến và lực lượng còn lại của quân khu 1 nguy, giải phóng thành phố Đà Nẵng, Bộ Quốc phòng quyết định mở chiến dịch Đà Nẵng. Lực lượng địch phòng ngự trên địa bàn chiến dịch có sư đoàn 1 thủy quân lục chiến, sư đoàn 3, hai chiến đoàn 11 và 20, 7 tiểu đoàn pháo, sư đoàn 1 không quân và tàn quân từ phía bắc rút về.

Lực lượng ta tham gia chiến dịch có Quân đoàn 2 và các lực lượng vũ trang Quân khu 5. Trong 2 ngày (24 đến 25 tháng 3), các lực lượng vũ trang Quân khu 5 tiến công giải phóng thị xã Tam Kỳ (Quảng Nam) và toàn bộ tỉnh Quảng Ngãi. Từ ngày 27 tháng 3, Quân đoàn 2 và các lực lượng vũ trang Quân khu 5 mở cuộc tiến công trên 5 hướng (bắc, tây bắc, tây nam, nam và đông nam) và Đà Nẵng. Ngày 29 tháng 3, quân ta chiếm toàn bộ căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà và thị xã Hội An, tiêu diệt và làm tan rã một lực lượng lớn quân địch, thu và phá hủy toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất của chúng, làm thay đổi cục diện và so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch quyết chiến chiến lược giải phóng thành phố Sài Gòn.

Ngày 31-3

Bộ Chính trị nhận định: Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ chiến lược để tiến hành tổng tiến công vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc. Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm. Phải gấp rút tăng lực lượng vào hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hẳn đường số 4, áp sát Sài Gòn; đồng thời nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây, cô lập Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu. Tổ chức sẵn sàng những đơn vị binh chủng hợp thành mạnh để khi thời cơ xuất hiện thì tức khắc đánh chiếm các mục tiêu quan trọng nhất ở trung tâm thành phố.

Tư tưởng chỉ đạo: *Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.*

Ngày 8-4

* Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp phiên đặc biệt để nghe báo cáo về cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam Việt Nam từ đầu tháng 3 năm

1975. Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệt liệt chào mừng thắng lợi cực kỳ to lớn của quân và dân ta ở miền Nam; hoàn toàn ủng hộ tuyên bố ngày 21 tháng 3 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam; nghiêm khắc lên án đế quốc Mỹ tiếp tục dính líu và can thiệp vào tình hình miền Nam, cương bức hàng vạn đồng bào miền Nam di cư và cưỡng hàng nghìn trẻ em miền Nam đưa sang Mỹ. Ủy ban Thường vụ Quốc hội kêu gọi đồng bào miền Bắc hãy hết sức chi viện cho đồng bào miền Nam anh hùng.

* *Thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định.* Tư lệnh: Đại tướng Văn Tiến Dũng, Chính ủy: Phạm Hùng; Phó tư lệnh: Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Lê Đức Anh, Trung tướng Đinh Đức Thiện (ngày 22 tháng 4 bổ sung Trung tướng Lê Trọng Tấn: Phó tư lệnh, Trung tướng Lê Quang Hoà: Phó chính ủy).

* *Hồi 8 giờ 25 phút (giờ Sài Gòn) ngày 8-4-1975,* Nguyễn Thành Trung, trung úy lái máy bay của không quân ngụy và hai sĩ quan khác cùng nhận lệnh của bọn chỉ huy lái máy bay từ sân bay Biên Hoà đi ném bom vùng mới giải phóng. Nhưng lấy cơ máy bay bị trục trặc, Nguyễn Thành Trung tách ra và vòng về Sài Gòn *trút bom xuống "đình" của Thiệu.* Sau đó, Nguyễn Thành Trung được Bộ Quốc phòng Cộng hoà miền Nam Việt Nam thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì.

* *Trung ương Cục, Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2 họp hội nghị để nghe phổ biến nghị quyết của Bộ Chính trị.*

Ngày 9 - 21-4

Chiến dịch Xuân Lộc. Nhằm tiêu diệt lực lượng địch phòng ngự ở phía đông Sài Gòn, tạo thuận lợi cho chiến dịch Hồ Chí Minh, Bộ tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công thị xã Xuân Lộc, khu vực phòng thủ trọng yếu trong tuyến phòng thủ cơ bản (Biên Hoà - Xuân Lộc - Bà Rịa - Vũng Tàu). Chiến dịch do Bộ tư lệnh Quân đoàn 4, Khu ủy Khu 7 trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy.

Mở màn chiến dịch (9-4), ta đồng loạt đột phá Xuân Lộc và tiểu khu Long Khánh nhưng không thành công. Ở ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 tập kích chiếm 5 chốt của địch và làm chủ một đoạn đường 1A (Hưng Nghĩa - đèo Mẹ Bông Con). Sáng 10 tháng 4, ta tiếp tục đột phá Xuân Lộc, chiếm sân bay, đánh thiệt hại nặng trung đoàn 43 (sư đoàn 18) đánh lữ đoàn dù 1 vừa đổ xuống Tấn Phong. Địch phải điều thêm 1 liên đoàn biệt động quân (trung đoàn 8, sư đoàn bộ binh 5) tăng viện cho Xuân Lộc. Ta thay đổi cách đánh: bao vây Xuân Lộc, đánh viện. Sáng 15 tháng 4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95 tập kích diệt trung đoàn 52 (sư đoàn 18 ngụy) ở ngã ba Dầu Giây. Ngày 16 và ngày 17 ta phản kích đẩy lùi trung đoàn thiết giáp 3 và trung đoàn 8 từ phía Biên Hoà đến. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, ngày 18 tháng 4 sư đoàn 18 rút chạy, ngày 20 tháng 4 ta giải phóng thị xã Xuân Lộc. Kết thúc chiến dịch, ta đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, loại khỏi vòng chiến đấu trung đoàn 52 (sư đoàn 18), uy hiếp tuyến phòng thủ của địch ở Biên Hoà - Hồ Nai.

Ngày 14 - 29-4

Giải phóng các đảo do quân ngụy Sài Gòn chiếm đóng thuộc quần đảo Trường Sa.

Ngày 14 tháng 4, bộ đội ta giải phóng đảo Song Tử Tây. Từ ngày 25 đến 29 tháng 4, ta giải phóng các đảo Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa...

Ngày 16-4

Quân đoàn 2 (thiếu Sư đoàn 324), Sư đoàn 3 Quân khu 5, Trung đoàn 25 bộ binh cùng các lực lượng xe tăng, pháo binh tăng cường tiến công tiêu diệt quân đoàn 3 nguy, đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang, bắt 2 tướng nguy là Nguyễn Vĩnh Nghi và Phạm Ngọc Sang, giải phóng thị xã và toàn tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 18-4

Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản người Mỹ ra khỏi Sài Gòn.

Ngày 20 - 25-4

Bộ tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho các quân đoàn và lực lượng vũ trang địa phương.

- Hướng tây bắc Sài Gòn: Quân đoàn 3, do Thiếu tướng Vũ Lăng (Tư lệnh), đại tá Đặng Vũ Hiệp (Chính ủy) chỉ huy cùng 2 trung đoàn 1 và 2 Gia Định, các đội đặc công - biệt động của Thành đội Sài Gòn được pháo binh và lực lượng phòng không chiến dịch chi viện hỏa lực đánh chiếm căn cứ Đồng Dù, tiêu diệt sư đoàn 25 nguy, chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, cùng với Quân đoàn 1 đánh chiếm bộ tổng tham mưu nguy.

- Hướng bắc Sài Gòn: Quân đoàn 1, do Thiếu tướng Nguyễn Hoà (Tư lệnh), Thiếu tướng Hoàng Minh Thi (Chính ủy) chỉ huy, được tăng cường Trung đoàn 95 (Sư đoàn 325 Quân đoàn 2) và một trung đoàn phòng không đánh chiếm bộ tổng tham mưu nguy và căn cứ bộ tư lệnh các binh chủng của địch ở Gò Vấp.

- Hướng đông bắc Sài Gòn: Quân đoàn 4, do Thiếu tướng Hoàng Cẩm (Tư lệnh), Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện (Chính ủy) chỉ huy, được tăng cường Lữ đoàn bộ binh 52 (Quân khu 5) và một số tiểu đoàn binh chủng tiêu diệt sở chỉ huy bộ tư lệnh quân đoàn 3 và sư đoàn 18 nguy ở Biên Hòa, sau đó thọc sâu vào nội thành đánh chiếm dinh Độc Lập.

- Hướng đông: Quân đoàn 2, do Thiếu tướng Nguyễn Hữu An (Tư lệnh), Thiếu tướng Lê Linh (Chính ủy) chỉ huy đánh chiếm Bà Rịa, các căn cứ Nước Trong, Long Bình, chặn đường rút chạy của địch trên sông Lòng Tàu, sau đó tiến vào nội thành, cùng Quân đoàn 4 chiếm dinh Độc Lập.

- Hướng tây và tây nam Sài Gòn: Đoàn 232, do Tư lệnh Nguyễn Minh Châu và Chính ủy Lê Văn Tường chỉ huy cùng lực lượng vũ trang Quân khu 8 có nhiệm vụ cắt đường số 4, đánh chiếm biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát nguy.

Các đơn vị đặc công biệt động và lực lượng vũ trang thành phố Sài Gòn có nhiệm vụ đánh địch, giữ các cầu vào thành phố, dẫn đường cho các binh đoàn thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công quân sự.

Ngày 21-4

* Ta giải phóng tỉnh Long Khánh, mở toang “cánh cửa thép” phía đông tiến vào Sài Gòn.

* Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống chính quyền Sài Gòn, Trần Văn Hương lên thay.

Ngày 26 - 30-4

Chiến dịch Hồ Chí Minh. Chiến dịch chiến lược tiến công lớn nhất của quân và dân Việt Nam đánh vào đầu não và lực lượng quan trọng nhất của chính quyền và quân đội nguy ở Sài Gòn - Gia Định và các vùng phụ cận, kết thúc thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Bộ tư lệnh chiến dịch gồm: Tư lệnh - Đại tướng Văn Tiến Dũng, Chính ủy - Phạm Hùng.

Cách đánh của ta là: Chia cắt chiến lược, bao vây chặn diệt chủ lực địch ở tuyến ngoài, tổ chức binh đoàn binh chủng hợp thành thọc sâu vào nội đô đánh chiếm các mục tiêu chiến lược then chốt nhất là Bộ Tổng tham mưu nguy, sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tư lệnh biệt khu thủ đô, Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia, dinh Độc Lập), trong đó Dinh Độc Lập là hợp điểm chiến dịch, kết hợp với nổi dậy của nhân dân giành chính quyền ở cơ sở. Hướng chủ yếu: bắc và tây bắc, tây bắc là chủ yếu nhất. Hướng hiểm yếu và quan trọng: đông và tây nam.

Sau các chiến dịch và đợt chiến đấu tạo thế (bắt đầu từ ngày 9 tháng 4) đến 26 tháng 4, ta bao vây áp sát Sài Gòn trên 5 hướng: hướng bắc là Quân đoàn 1, tây bắc - Quân đoàn 3, đông bắc - Quân đoàn 4, hướng đông - Quân đoàn 2, tây nam - Đoàn 232 và chủ lực Quân khu 8; một số đơn vị đặc công và biệt động đã đứng được ở ven đô bảo vệ các cầu trên các trục giao thông cho quân ta tiến vào. 17 giờ ngày 26 tháng 4, chiến dịch bắt đầu.

Ở hướng đông và đông nam, từ ngày 26 đến 28, ta chọc thủng tuyến phòng thủ vòng ngoài, đập tan sự chống cự của các sư đoàn địch. Trên hướng khác ta tiêu diệt các lực lượng địch ngăn chặn, chiếm lĩnh các bàn đạp quan trọng. Chiều ngày 28, bộ tổng tham mưu quân đội Sài Gòn mất hiệu lực chỉ huy, địch rối loạn về chiến lược. Ngày 29, ta tổng công kích trên toàn mặt trận, tiêu diệt các lực lượng địch; ngăn chặn chiến tuyến ven đô. Sáng ngày 30, ta thọc sâu vào nội đô, đánh chiếm các mục tiêu theo kế hoạch. 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4, Quân giải phóng chiếm và cắm cờ trên dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Cùng với đòn tiến công quân sự, nhân dân nội ngoại thành Sài Gòn nổi dậy giành quyền làm chủ ở 107 điểm. Năm thời cơ chiến lược, ngày 1 tháng 5, ở đồng bằng sông Cửu Long, Quân khu 8 và Quân khu 9 đồng loạt tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng còn lại cuối cùng của quân đội Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Kết quả: Ta tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng chủ lực, địa phương, cảnh sát thuộc quân khu 3 của địch, lực lượng dự bị chiến dịch còn lại là tàn quân

của quân đoàn 1 và 2 của địch chạy về; thu 500 khẩu pháo, hơn 400 xe tăng, xe thiết giáp, trên 800 máy bay, 600 tàu chiến, 270.000 khẩu súng các loại, trên 3.000 xe quân sự và toàn bộ kho tàng. Đập tan hệ thống chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến cơ sở, giải phóng hoàn toàn Sài Gòn - Gia Định, các tỉnh Tân An, Gò Công, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hoà, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu... tạo điều kiện cho các Quân khu 8 và 9 tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân đoàn 4 - quân khu 4 địch, giải phóng đồng bằng sông Cửu Long và các đảo ở vùng biển tây nam Tổ quốc, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh thể hiện và đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đây là chiến dịch có quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to nhất, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đầu tháng 5

Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chỉ đạo toàn quân chuyển từ thời chiến sang thời bình, tiếp tục tham gia thực hiện nhiệm vụ tiếp quản và quân quản vùng mới giải phóng ở miền Nam.

Ở các tỉnh, thành, ủy ban quân quản các cấp đã được thành lập. Tại Sài Gòn - Gia Định, ngày 7 tháng 5, Ủy ban Quân quản thành phố do Thượng tướng Trần Văn Trà làm Chủ tịch và Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Phó chủ tịch ra mắt nhân dân.

NHỮNG CHIẾN DỊCH TIÊU BIỂU CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG MỸ

CHIẾN DỊCH AN LÃO (Tiến công, từ ngày 29 tháng 11 đến ngày 8 tháng 12 năm 1964)

Huyện An Lão nằm ở tây bắc tỉnh Bình Định, phía bắc giáp huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi), phía nam giáp huyện Hoài Ân, phía đông giáp huyện Hoài Nhơn. Quân địch đã xây dựng nơi đây thành khu vực phòng thủ bao gồm: quận lỵ là nơi đặt bộ máy cai trị, 3 cứ điểm, 8 ấp chiến lược, do 2 đại đội, 2 trung đội bảo an, 14 trung đội dân vệ, biệt kích có trang bị súng và pháo cối chiếm giữ, tổng quân số 884 tên.

Tháng 10 năm 1964, sau một trận lụt lớn, địch huy động lực lượng mở cuộc càn quét hòng tiêu diệt các cơ sở, các đơn vị du kích của ta đang bị nước bao vây.

Trong bối cảnh đó, tháng 11 năm 1964, Bộ tư lệnh Quân khu 5 quyết định mở chiến dịch An Lão, tiến công quân địch trong khu vực phòng thủ, đánh vào nơi xuất phát các cuộc hành quân càn quét của chúng. Chiến dịch này do đồng chí Giáp Văn Cương làm tư lệnh, đồng chí Đặng Hoà làm Chính uỷ.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm có trung đoàn 2 (chủ lực), tiểu đoàn 409 đặc công Quân khu 5, 1 đại đội và 2 trung đội địa phương tỉnh Bình Định, 6 trung đội huyện, tổng số 1.769 người.

Nhiệm vụ của chiến dịch là tấn công tiêu diệt hệ thống cứ điểm, diệt một số sinh lực địch ở An Lão, đẩy mạnh công tác binh vận làm tan rã hàng ngũ địch. Phá hệ thống ấp chiến lược, tiêu diệt bọn tề điệp; giải phóng nhân dân, mở rộng căn cứ địa và phát triển du kích chiến tranh, tạo điều kiện cho đơn vị đánh tập trung hiệp định đồng binh chủng trong khu vực đồng bằng.

Sau khi nắm được chủ trương của Quân khu 5, Bộ tư lệnh chiến dịch bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị. Một số đồng chí ở cơ quan chiến dịch nắm lại các đơn vị, làm kế hoạch bổ sung vũ khí trang bị, giải quyết vấn đề hậu cần, hiệp đồng với cơ sở địa phương, Chuẩn bị tư tưởng cho bộ đội. Một số cán bộ chủ chốt cùng Tư lệnh chiến dịch nghiên cứu tình hình, xác định kế hoạch quyết tâm chiến đấu.

Qua nghiên cứu, Bộ tư lệnh đề ra phương châm tác chiến là đánh điểm diệt viện, đánh địch ngoài công sự là chủ yếu. Tư tưởng chỉ đạo là đánh tiêu diệt, lấy hình thức tập kích, phục kích để tiêu diệt địch là chính. Về chỉ tiêu, Bộ tư lệnh xác định diệt 3 cứ điểm (núi Một, đồi Mít và Hội Long), diệt 8 chốt trung đội ở 8 ấp chiến lược; bao vây quận lỵ An Lão, buộc địch ở đây phải bỏ chạy hoặc ra hàng, nếu có điều kiện thì tiêu diệt. Đánh viện từ 1 đến 2 tiểu đoàn và 1 chi đoàn xe thiết giáp.

Về cách đánh, đồng loạt tiến công tiêu diệt các cứ điểm và chốt trung đội dân vệ. Ưu tiên cho trận đánh vào mục tiêu chủ yếu (núi Một) nổ súng trước mở màn chiến dịch. Sau đó bao vây quận lỵ An Lão buộc địch phải ứng cứu đường bộ hoặc đường không tạo cho ta thời cơ đánh địch ngoài công sự.

Tổ chức lực lượng và nhiệm vụ các đơn vị như sau: tiểu đoàn 409 đặc công được tăng cường 2 đại đội và 1 trung đội bộ binh, 3 khẩu ĐKZ 57mm; 2 khẩu 12,7 mm có nhiệm vụ tiêu diệt quân địch ở núi Một, đồi Mít, Hội Long. Tiểu đoàn 93 (thiếu) của trung đoàn 2, được tăng cường đại đội 8 địa phương tỉnh, 2 trung đội địa phương huyện Hoài Nhơn và Hoài Ân có nhiệm vụ tiêu diệt 5 trung đội ở 5 ấp chiến lược (Hưng Nhơn, Xóm Vườn, Thanh Sơn, Hưng Long, Xuân Phong), diệt bọn tề điệp, phát động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ. Lực lượng còn lại của tiểu đoàn bao vây quận lỵ An Lão. Tiểu đoàn 95 thiếu 1 đại đội có nhiệm vụ đánh 3 chốt dân vệ ở Hội Long, Hội Trung, Phước Bình, sau đó sẵn sàng đánh viện ở khu vực Miếu Ông (nam ấp Hội Long) Phước Bình. Dự kiến quân địch đi từ Phước Bình lên lực lượng khoảng 1 đến 2 tiểu đoàn cùng 1 chi đoàn thiết giáp. Lực lượng đánh địch đổ bộ đường không do tiểu đoàn 93 đảm nhiệm. Du kích ở các xã làm nhiệm vụ nghi binh, tham gia bắn máy bay trực thăng đồng thời đón lõng bọn địch bỏ chạy.

Ngày 29 tháng 11, Quân khu 5 thông qua quyết tâm và Bộ tư lệnh dự kiến chia chiến dịch ra làm 2 bước. Bước 1; diệt 3 cứ điểm và 8 chốt dân vệ, bảo vệ quân lỵ để kéo viện thời gian 1 ngày. Bước 2: đánh quân ứng cứu đường không và đường bộ, thời gian từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 7 của chiến dịch. Để đảm bảo chỉ đạo xử lý kịp thời các tình huống, sở chỉ huy phía trước của chiến dịch bố trí ở Kim Sơn và Hoài Ân.

Từ ngày 30 tháng 11 đến ngày 6 tháng 12, trung đoàn 2 mở đầu chiến dịch bằng những trận đánh nhỏ nhằm nghi binh, giữ bí mật cho hướng chính.

1 giờ ngày 7 tháng 12, tiểu đoàn đặc công 409 nổ súng tiến công quân địch ở núi Mọt. Sau 5 phút, mũi 1 mở được cửa đưa bộ đội vào bên trong phát triển chiến đấu. Ở mũi 2 bộc phá không nổ, bộ đội phải dùng biện pháp chống hàng rào để chui vào bên trong. Trong khi quân địch đang mải đối phó, ngăn chặn ở mũi 1 thì mũi 2 bất ngờ đánh vào bên sườn sau. Chỉ sau 15 phút chiến đấu, quân ta hoàn toàn làm chủ núi Mọt. Toàn bộ quân địch ở đây bị diệt và bị bắt làm tù binh. Tiếp đó, các vị trí đồi Mít, Hội Long và quân địch ở 8 ấp chiến lược ta bị tiêu diệt, chi khu quận lỵ An Lão bị bao vây. Như vậy chỉ trong 30 phút chiến đấu ta đã phá tan 3 cứ điểm, 8 ấp chiến lược. Chiến thuật phòng ngự cứ điểm kết hợp với ấp chiến lược của địch ở An Lão bị phá vỡ.

Bình luận về trận An Lão, hãng tin AFP của Pháp ngày 9 tháng 12 năm 1964 đã viết: “Cả hệ thống phòng ngự chi khu An Lão đã bị tiêu diệt nhanh như trở bàn tay, bắt buộc các nhà quân sự ở Sài Gòn phải xem xét lại cả hệ thống phòng thủ trên các chi khu các xem có đủ sức đứng vững không khi Việt Cộng đã quyết tâm mở cuộc tiến công vào đó”.

Sau khi hoàn thành bước 1, Bộ tư lệnh chiến dịch cho các lực lượng triển khai phương án đánh địch bước 2. Dự kiến địch có thể giải toả bằng đường bộ và đường không; Tư lệnh chiến dịch quyết định chốt giữ điểm cao 193, vị trí khống chế toàn bộ khu vực và duy trì sức ép ở khu vực quận lỵ đồng thời triển khai lực lượng đánh viện.

8 giờ sáng ngày 7 tháng 12, máy bay địch liên tục đánh bom xuống điểm cao 193. Sau khi dọn bãi, địch dùng trực thăng định đổ quân chiếm lại cao điểm này. Lực lượng chốt giữ của ta đã anh dũng đánh trả buộc chúng phải quay về nơi xuất phát. Không chiếm được điểm cao 193, địch đổ quân xuống núi Giồng Tranh. Tại đây, địch bị lực lượng chốt giữ của ta đánh chặn quyết liệt, buộc chúng phải bỏ chạy.

Trong lúc lực lượng đổ bộ đường không của địch đang bị lực lượng chốt giữ của ta đánh bại thì cánh quân đường bộ của chúng do một tiểu đoàn của trung đoàn 41 có 6 xe M113 dẫn đầu từ Bông Sơn tiến lên An Lão. Do sợ bị ta phục kích nên đội hình hành quân của địch chia thành 3 tốp mỗi tốp cách nhau 1.000 mét. Chúng vừa đi vừa thăm dò nên tốc độ chậm. Lúc 8 giờ 30 phút ngày 7 tháng 12, tốp xe đi đầu của địch đến Hội Long, bộ phận chặn đầu của ta bắn cháy 2 chiếc M113, hai chiếc khác bị thương, hai chiếc còn lại vội quay đầu chạy nhưng một chiếc bị sa xuống suối. Mặc dù bị chỉ huy thúc ép nhưng quân địch ở phía sau cũng không dám tiến lên, chúng dùng hoả lực bắn về trận địa ta.

Tối ngày 8 tháng 12, sau khi xem xét thấy các yếu tố đánh viện không thuận lợi, nếu tiếp tục để bộ đội phục ở đây thì sợ bị không quân, pháo binh địch sát thương, Bộ tư lệnh quyết định kết thúc chiến dịch.

Kết quả ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch, phá hỏng 5 chiếc xe thiết giáp, mở rộng vùng giải phóng ở tây bắc Bình Định, với 11.000 dân.

Chiến thắng An Lão là một nỗ lực lớn của Quân khu 5 nói riêng và cả nước nói chung, quân và dân ta đã vượt qua bão lụt đánh thắng cuộc càn quét khốc

liệt của địch. Thắng lợi của chiến dịch có ý nghĩa rất lớn, tạo nên một khí thế cách mạng mới cho quân, dân Quân khu 5 và làm cho quân địch ở vùng này hoang mang lo sợ.

An Lão là chiến dịch đầu tiên ở Quân khu 5 ta đánh bại một biện pháp chiến lược của địch là phòng ngự bằng cụm cứ điểm kết hợp với hệ thống áp chiến lược đánh bại thủ đoạn đổ bộ bằng trực thăng, vu hồi của địch. Chiến dịch này đã thực hiện được phương châm là đánh tiêu diệt và ta đã vận dụng thành công phương thức tác chiến; chủ lực kết hợp với bộ đội địa phương, dân quân du kích trong quy mô chiến dịch. Chiến dịch An Lão đã thành công về nghệ thuật chọn địa bàn, nơi địch sơ hở, lại chọn đúng đối tượng tác chiến, phù hợp với khả năng, lực lượng ta, do đó đã giành thắng lợi. Trong tác chiến ta đã liên kết chặt chẽ các hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, đánh địch trên toàn bộ địa bàn chiến dịch làm cho quân địch lúng túng khó xử trí. Là chiến dịch có nhiều lực lượng tham gia nhưng Bộ chỉ huy đã luôn nắm chắc và xử lý đúng các tình huống làm cho bộ đội luôn ở thế chủ động từ mở đầu đến kết thúc chiến dịch.

CHIẾN DỊCH PLÂY MÈ (Tiến công, từ ngày 19 tháng 10 đến ngày 26 tháng 11 năm 1965)

Tháng 9 năm 1965 Bộ chỉ huy quân Mỹ đã điều sư đoàn kỵ binh không vận số 1 lên án ngữ ở An Khê (Gia Lai), ngăn chặn ta, cắt Tây Nguyên với vùng đồng bằng ven biển. Quân nguy thành lập biệt khu 24 gồm 2 tỉnh Kon Tum - Gia Lai và chuyển giao nhiệm vụ tác chiến chủ yếu ở Tây Nguyên cho quân Mỹ để thực hiện kế hoạch "tìm và diệt" trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của chúng¹.

Ở khu vực Plây Me, Bầu Cạn, Đức Cơ (Tây nam thị xã Plây Ku 30 km), địch có lữ đoàn kỵ binh không vận số 3 Mỹ, 1 chiến đoàn dù, 1 chiến đoàn thiết giáp quân đội Sài Gòn và trung đoàn quân đội Nam Triều Tiên, có pháo binh, máy bay (cả máy bay B52) yểm trợ, để tìm diệt chủ lực ta, hỗ trợ cho quân nguy bình định.

Trong bối cảnh đó, Bộ tư lệnh chiến trường Tây Nguyên quyết định thay đổi chủ trương giải phóng bắc Tây Nguyên và hạ quyết tâm mở chiến dịch Plây Me nhằm mục đích phối hợp với chiến trường toàn miền Nam tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ để mở rộng và củng cố vùng giải phóng, xây dựng căn cứ, rèn luyện bộ đội và cơ quan chiến dịch. Qua chiến đấu, từng bước tìm hiểu quân Mỹ, đồng thời xây dựng lòng tin đánh Mỹ và thắng Mỹ. Thiếu tướng Chu Huy Mân được chỉ định làm Tư lệnh kiêm Chính uỷ chiến dịch, đại tá Nguyễn Chánh và thượng tá Nguyễn Hữu An làm Phó tư lệnh. Đồng chí Huỳnh Đắc Hương giữ chức Phó Chính uỷ, thượng tá Nam Hà là Tham mưu trưởng, thượng tá Đặng Vũ Hiệp làm Phó chủ nhiệm chính trị.

1. Ngày 17 tháng 7 năm 1965, Tổng thống Mỹ L.Giôn-sơn chuẩn y về đề nghị tăng quân lên 44 tiểu đoàn và kế hoạch "Tìm và diệt" của tướng Oét-mo-len. Từ tháng 7 đến cuối năm 1965, các sư đoàn bộ binh (Anh cả đò). Sư đoàn kỵ binh không vận số 1, lữ đoàn 1 thuộc sư đoàn kỵ binh không vận 101 (Thiên thần mũ đỏ), lữ đoàn 3 thuộc sư đoàn bộ binh 25 (Tia chớp nhiệt đới) trung đoàn kỵ binh thiết giáp 11... Tính đến tháng 12 năm 1965, tổng số quân Mỹ lên đến 184.314 tên vào trực tiếp tham gia chiến đấu ở miền Nam.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 3 trung đoàn bộ binh (320, 33, 66), 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn súng máy phòng không 12,7mm; cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh phá giao thông và hậu cứ địch.

Đầu tháng 10 năm 1965, căn cứ vào kết quả nắm địch và tình hình chuẩn bị của ta, Bộ tư lệnh chiến dịch đã xác định quyết tâm và giao nhiệm vụ cho các đơn vị như sau: mục tiêu và khu vực diệt địch là diệt đồn Chư Ho, vây lấn đồn Plây Me. Phục kích diệt viện trên đường 21 (từ điểm cao 538 đến đồi Blu). Khu vực đánh Mỹ là thung lũng Ia D'răng. Mục tiêu nghi binh là đồn Đức Cơ và Tân Lạc, Mục tiêu của bộ đội đặc công là đồn Bầu Cạn. Hướng phối hợp ở đông đường 14 và Công Tum. Tư tưởng chỉ đạo là vây điểm diệt viện; lấy tiêu diệt địch ngoài công sự làm chính.

Về cách đánh: vây điểm để kéo quân nguy ứng viện bằng đường bộ, tạo điều kiện diệt cơ chiến đoàn hoặc trung đoàn chủ lực nguy. Buộc quân Mỹ phản kích để lần lượt tiêu diệt từng đại đội Mỹ khi chúng đang vận động. Kết hợp đánh đồn tập trung chủ lực với hoạt động nhỏ lẻ của lực lượng khác, tạo thế liên tục tiến công, phân tán sức đối phó của địch.

Về sử dụng lực lượng: Vây đồn Plây Me do trung đoàn 3 (thiếu tiểu đoàn 2), được tăng cường 1 đại đội súng máy phòng không 12,7mm. Bộ phận đánh quân viện trên đường 21 là trung đoàn 320. Trung đoàn 66 và tiểu đoàn 2 đảm nhiệm đánh địch phản kích. Nghi binh ở Đức Cơ do tiểu đoàn pháo 200. Nghi binh ở Tân Lạc là đại đội địa phương. Hoạt động ở hướng phối hợp là tiểu đoàn 15 Gia Rai.

Về kế hoạch, dự kiến chiến dịch chia làm 3 đợt: Đợt 1, vây đồn Plây Me, diệt quân nguy đi ứng viện; đợt 2. Tiếp tục vây đồn PLây Me buộc quân Mỹ vào tham chiến; đợt 3, tập trung lực lượng nhằm vào một cánh quân Mỹ để tiêu diệt và kết thúc chiến dịch.

19 giờ ngày 19 tháng 10, mở màn chiến dịch, tiểu đoàn pháo 200 và đại đội bộ đội địa phương tiến công đồn Tân Lạc và Đức Cơ nhằm thu hút sự chú ý của địch. 22 giờ 54 phút cùng ngày, trung đoàn 33 nổ súng diệt đồn tiền tiêu Chư Ho, đưa lực lượng vào bao vây đồn PLây Me.

Ngày 20 địch dùng không quân đánh phá dữ dội vào đội hình của trung đoàn 33. Thông tin giữa đại đội và tiểu đoàn luôn luôn bị gián đoạn. Trên trục đường 21, địch cho một đại đội thám báo phân tán thành nhiều tốp nhỏ đi qua trận địa phục kích của trung đoàn 320. Ngày hôm sau (21-10), địch đổ tiểu đoàn biệt kích xuống làng Khốp cách Plây Me 5 km về phía bắc. Chiến đoàn 3 và tiểu đoàn 21 biệt động quân lên tập trung ở Phú Mỹ.

Ngày 23 tháng 10 (12 giờ), chiến đoàn 3 thiết giáp từ Phú Mỹ hành quân lên Plây Me, ý định đến Plây Me vào buổi chiều. Đội hình hành quân gồm 3 chi đoàn M113 và xe tăng; tiểu đoàn 21 biệt động quân, tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 42 và hai khẩu pháo 105mm. Địch đi chậm vì sợ bị phục kích. Lúc 16 giờ 30 phút, đầu đội hình địch đến giữa trận địa phục kích của ta. 16 giờ 48 phút, địch bắt nờ ném bom vào điểm cao 538 nơi ta triển khai lực lượng chặn đầu. Sau đó

chúng dùng 5 xe tăng dàn hàng ngang đánh chiếm mục tiêu này. Tại đây bộ đội ta bắn cháy 2 xe, giữ vững trận địa. Các tiểu đoàn 634 và 635 của ta xung phong tiêu diệt địch trên dọc đường 21. Một bộ phận quân địch co cụm ở đồi Độc Lập, quân ta tổ chức xung phong nhiều lần nhưng không chiếm được đồi. Kết quả, ta diệt 59 xe tăng, xe bọc thép và 800 tên địch, thu 2 pháo 105mm và 6 xe đạn, 40 súng các loại, bắn rơi hai máy bay.

Trước thất bại của quân ngụy, Tướng Oét-mo-len, tư lệnh quân viễn chinh Mỹ lên Tây Nguyên; lệnh cho trung tướng Ha-rin-kin-na, tư lệnh sư đoàn kỵ binh bay số 1: “phải tìm địch và cướp lấy quyền chủ động về tay mình”. Nhận lệnh đó sư đoàn kỵ binh bay số 1 vào tham chiến trên địa bàn chiến dịch. Lúc 7 giờ ngày 24 tháng 10, địch dùng 93 trực thăng đổ tiểu đoàn Mỹ đầu tiên xuống tây nam Phú Mỹ 2km. 15 giờ cùng ngày, Mỹ tiếp tục dùng 60 trực thăng đổ tiểu đoàn Mỹ thứ hai cùng pháo 105mm và cối 106, 7mm xuống Plây Đô Đoát đông bắc đồn Plây Me 10km.

Được sự hỗ trợ của quân Mỹ, số địch còn lại của chiến đoàn 3 và lực lượng mới bổ sung (tiểu đoàn 22 biệt động quân và tiểu đoàn 91 biệt kích) tiếp tục tiến về Plây Me, nhưng chúng bị ta chặn đánh quyết liệt.

Ngày 26 tháng 10, sở chỉ huy chiến đoàn Mỹ đến Bàu Cạn. Vĩnh Hồ, tư lệnh quân đoàn 2 ngụy cũng có mặt trên trực thăng để chỉ huy quân Ngụy giải toả cho Plây Me.

Quân Mỹ vào tham chiến đã làm cho cường độ hoả lực địch tăng lên đột ngột. Chúng tập trung đánh phá vào đội hình của trung đoàn 33, để chi viện cho các mũi phản kích của quân ngụy. Trước tình hình đó, Bộ tư lệnh chiến dịch nhận định ta đã diệt được một bộ phận quan trọng quân cơ động của ngụy buộc quân Mỹ phải vào tham chiến. Nhiệm vụ bao vây của Plây Me đã hoàn thành. Chủ trương của ta mở vây, điều chỉnh lại đội hình. Sử dụng 2 trung đoàn 320 và 33 sẵn sàng đánh bại các đợt phản kích tiếp theo của địch. Ngày 29 tháng 10, ta chủ động kết thúc đợt 1 chiến dịch.

Những ngày cuối tháng 10, địch biết được hậu phương của hai trung đoàn 33 và 66 của ta. Ngày 31 tháng 10, địch cho trực thăng đổ quân Mỹ xuống làng Mũi tập kích huyệt tổ trình sát của ta, sau đó rút ngay. Một đại đội khác của địch đổ xuống Plây Ia Briêng tập kích vào bộ phận thông tin. Ngày 2 tháng 11, 1 tiểu đoàn Mỹ tiến vào khu doanh điền Đức Nghiệp và ở lại đó một ngày. Ngày 3, một đại đội Mỹ đổ xuống Plây Thê, lực lượng này đã giao chiến với một đại đội của trung đoàn 33. Ngày 4, một đại đội Mỹ cùng quân ngụy tập kích vào nơi ở cũ của tiểu đoàn 2, tiểu đoàn 3 của ta ở gần đó đã vận động đánh vào bên sườn diệt một trung đội địch. Ngày 6, một đại đội Mỹ tập kích vào một đại đội của tiểu đoàn 1. Tiểu đoàn 2 đã chủ động phối hợp với tiểu đoàn 1 diệt gần 1 đại đội của địch. Ngày 10 tháng 11, quân Mỹ quyết định thay lữ đoàn 1 bằng lữ đoàn 3. Trong đợt này Mỹ ra quân có tính chất thăm dò lực lượng ta. Ta đánh thiệt hại từng bộ phận quân Mỹ và điều chỉnh lực lượng tạo thế cho trận then chốt.

Ngày 11 tháng 11, một tiểu đoàn quân Mỹ tiếp tục đổ xuống Plây Ngo, cách Plây Me 12km về phía tây. Nhận được tin này, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định thực hiện phương án 2. Mở đầu cho đợt 3, đội đặc công của tiểu đoàn 952 dùng 4 súng cối tập kích hỏa lực vào sở chỉ huy lữ đoàn 3 của Mỹ ở Bầu Cạn. Phối hợp với chiến trường Plây Me và miền Đông Nam Bộ, bộ đội đặc công đã tập kích vào sở chỉ huy sư đoàn 1 ở An Khê.

Sau khi trinh sát xác định được vị trí đóng quân của tiểu đoàn 9 trung đoàn 66 ở đông bắc Chư Pông 3 km (địch đặt tên khu vực này là bãi tia X), 10 giờ ngày 17 tháng 11, lữ đoàn 3 đổ 2 đại đội lựu pháo xuống phía đông bãi tia X khoảng 11km. Sau khi hoàn thành trận địa, địch tập trung pháo binh và máy bay trực thăng bắn phá khu vực bãi tia X. 10 giờ 48 phút, quân Mỹ dùng 8 trực thăng đổ bộ phận 'đi đầu' của tiểu đoàn 1 (109 tên trong đó có tiểu đoàn trưởng trung tá Hê-rôn Mo và đại úy Giôn-hê-Rê) xuống bãi tia X. 35 phút sau, địch tiếp tục đổ đại đội A quân số có 106 tên do đại úy Na-đan chỉ huy. Sau khi nắm được đại đội A, tiểu đoàn trưởng Mo cho quân chia làm hai mũi tiến công vào tiểu đoàn 9 của ta. Trong lúc địch tiến công vào tiểu đoàn 9; tiểu đoàn trưởng đang đi nhận lệnh ở trung đoàn chưa về, đồng chí trợ lý tác chiến đã chỉ huy bộ đội ở cơ quan tiểu đoàn đánh địch và yêu cầu đại đội 13 tiếp ứng. Tuy bị bất ngờ nhưng bộ đội ta chiến đấu rất dũng cảm. Các đại đội 13, 11 và 12 nghe tiếng súng đã chủ động cơ động bộ đội đánh vào bên sườn địch. Đại đội B của địch bị đánh mạnh ở hai bên sườn. Trung đội 2 do trung úy He-ich chỉ huy bị cắt rời khỏi đội hình và bị bao vây. Tiểu đoàn trưởng Mo gọi đại đội A đến cứu nhưng đại đội này cũng bị ta tiến công. Chiều hôm đó tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó tiểu đoàn 9 nhận lệnh về, nhưng không về vị trí chỉ huy nên không nắm được đại đội 11. Do vậy các đơn vị của tiểu đoàn 9 đã tự động rời vị trí: đại đội 12 và 15 lùi về suối Ea Kốc, đại đội 13 di chuyển về hướng tiểu đoàn 7. Trên đường lui quân, đại đội 13 gặp chính uỷ trung đoàn 66, chính uỷ lệnh cho đại đội này đưa trung đội 9 quay lại nắm địch, số còn lại chuẩn bị chiến đấu.

Đêm 14 tháng 11, nhận được báo cáo của trinh sát, Bộ tư lệnh tiền phương lệnh cho chính uỷ trung đoàn 66 đi cùng tiểu đoàn 7 tập kích lực lượng còn lại của tiểu đoàn 1 Mỹ ở bãi tia X. Tiểu đoàn 7 (thiếu đại đội 3) ở đông nam Chư Pông cách địch 5km, được trung đội 9 đại đội 13 tiểu đoàn 9 dẫn đường, xuất phát lúc 22 giờ 50 phút nhưng không gặp địch vì chúng đã di chuyển.

Đến 5 giờ sáng ngày 15 tháng 11, ta mới bám được địch, tiểu đoàn triển khai đội hình, dùng cối 82mm bắn chế áp ngắn, rồi xung phong. Ta và địch đánh giáp lá cà, địch bị bất ngờ chống đỡ yếu ớt, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 200 tên (có 80 tên Mỹ), số còn lại co cụm cầu cứu đại đội khác. Nhưng các đơn vị này của chúng cũng đang bị quân ta tiến công, nên không chi viện được cho nhau.

Trước sức ép của ta, địch đổ 2 đại đội pháo 105 mm (12 khẩu) xuống phía đông bãi tia X 4,5km để phối hợp với trận địa pháo ở Phan Cơn và cùng không quân

1. Bộ phận này thuộc đại đội Bra-vô gọi tắt là đại đội B

chi viện cho tiểu đoàn 1. Do hoảng hốt và đội hình ta - địch gần nhau nên không quân Mỹ đánh cả bom napan vào vị trí chỉ huy của tiểu đoàn 1 (Mo). Tư lệnh lữ đoàn 3 vội vã điều tiểu đoàn 2 do trung tá Ro-bớc-tun-li chỉ huy xuống khu vực Vích To (tên do địch đặt) cách bãi tía X hai dặm để cứu nguy cho tiểu đoàn 1.

Trong những ngày qua, địch đã tập trung hoá lực ở mật độ cao: 2 cụm pháo 105 mm (48 khẩu) đã bắn 6.000 viên/ngày; xuất kích 130 đến 140 lần chiếc máy bay chiến thuật mỗi ngày để yểm trợ cho quân Mỹ. Cũng trong đợt này (ngày 15 tháng 11), lần đầu tiên Mỹ dùng 24 chiếc máy bay B52 làm nhiệm vụ chiến thuật đánh xuống vùng Chư Pông hàng trăm tấn bom.

Sáng 17 tháng 11, Mỹ liên tục cho máy bay B52 đánh phá khu vực núi Chư Pông, sau đó đổ 2 tiểu đoàn; tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn kỵ binh bay số 5 và tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn kỵ binh bay số 7 xuống khu vực Ia Đrăng nhằm ngăn chặn ta rút quân. Tại đây, hai tiểu đoàn (1 và 8 của trung đoàn 33) đã hình thành mũi tiến công đánh vào bên sườn quân địch. Bị đánh bất ngờ địch co cụm chống đỡ. Trong quá trình chiến đấu, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 8 hy sinh, chính trị viên cũng bị thương nặng, tiểu đoàn phó tiểu đoàn 1 chỉ huy cả hai tiểu đoàn chiến đấu quyết liệt và anh dũng hy sinh. Trong tình huống đó, bộ đội ta vẫn giữ vững trận địa, chiến đấu ở Ia Đrăng suốt 8 giờ liền, ta diệt gần hết một tiểu đoàn Mỹ và đánh thiệt hại một tiểu đoàn khác của chúng. Đây là trận then chốt quyết định của chiến dịch Plây Me.

Ngày 17 tháng 11, địch đổ chiến đoàn dù xuống Đức Cơ và Plây Chê nhằm chia cắt phía trước với phía sau của ta. Trung đoàn 320 chỉ còn tiểu đoàn 334 ở địa bàn tác chiến nên không tổ chức đánh được địch. Ngày 26 tháng 11 năm 1965, chiến dịch kết thúc.

Kết quả toàn chiến dịch, ta tiêu diệt 1 chiến đoàn bộ binh cơ giới hỗn hợp quân đội Sài Gòn; tiêu diệt tiểu đoàn 2, đánh thiệt hại tiểu đoàn 1 của sư đoàn kỵ binh bay Mỹ số 1, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.974 tên địch (có 1.700 Mỹ), phá huỷ 89 xe quân sự, bắn rơi 59 máy bay¹.

Plây Me là chiến dịch đánh Mỹ đầu tiên của mặt trận Tây Nguyên trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Chiến dịch đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao, tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ ngay trong trận đầu. Thắng lợi của chiến dịch có ý nghĩa to lớn cả về chính trị và quân sự, động viên quân và dân Quân khu 5 nói riêng và cả nước nói chung, góp phần củng cố lòng tin tưởng của quần dân vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp chống Mỹ, giành độc lập dân tộc. Thung lũng Ia Đrăng đã đi vào lịch sử, đánh dấu sự thất bại đầu tiên của Mỹ trên chiến trường miền Nam Việt Nam.

Thắng lợi của chiến dịch Plây Me không chỉ dừng lại ở số lượng quân nguy, quân Mỹ bị tiêu diệt mà còn để lại nhiều bài học có giá trị về nghệ thuật quân sự:

1. Báo cáo của Mặt trận Tây Nguyên, HS 958, 501, lưu trữ Cục Tác chiến BQP.

- Trước hết là nghệ thuật dự báo đúng đối tượng tác chiến. Khi quân Mỹ và miền Nam, việc phải tác chiến trực tiếp là điều không thể tránh khỏi. Tuy vậy đến thời điểm này (10-1965), những hiểu biết của ta về Mỹ còn rất hạn chế, biên chế tổ chức, nghệ thuật tác chiến, khả năng của quân Mỹ là một câu hỏi chưa có lời giải. Để kiểm chứng điều này, nhân lúc quân Mỹ mới có mặt ở Tây Nguyên, ta mở chiến dịch tiến công Plây Me. Chủ trương của ta là vừa đánh vừa tìm hiểu để bổ sung cho những nhận định ban đầu. Thực tế đã cho thấy những dự đoán của ta là đúng.

Lựa chọn cách đánh và đánh thắng địch ngay trận đầu là một nét độc đáo của nghệ thuật chỉ huy chiến dịch. Quân Mỹ mới vào miền Nam tuy có chiếm ưu thế về hỏa lực, sức cơ động nhưng chúng rất chủ quan, không đánh giá đúng mình và coi thường đối phương. Đó chính là sơ hở để ta lợi dụng đưa quân Mỹ vào thế trận đã cài sẵn. Vì vậy yêu cầu của chiến lược với chiến dịch này là dù phải hy sinh ác liệt tới đâu cũng quyết đánh thắng trận đầu. Dựa vào cơ sở trên, Bộ tư lệnh chiến dịch đã quyết định dùng cách đánh vây điểm để diệt viện. Tận dụng những sai lầm của địch để đề ra kế hoạch tác chiến cụ thể, cho từng giai đoạn. Ta đã chuẩn bị chiến dịch đầy đủ, cụ thể có quyết tâm đúng ở từng tình huống. Mặt khác ta không coi thường địch mà đã chuẩn bị tốt tư tưởng tâm lý cho cán bộ chiến sĩ sẵn sàng chấp nhận hy sinh để giành thắng lợi. Sự sắc sảo của nghệ thuật chỉ huy chính là biết khoét sâu chỗ yếu, chỗ sơ hở của địch để lựa chọn địa hình, lựa chọn cách đánh đúng, giành thắng lợi trong từng trận chiến đấu.

Trong chiến dịch này mưu hay của ta là lừa địch, kế giỏi của ta là dụ quân Mỹ vào đúng điểm quyết chiến ta đã chọn; phát huy sở trường đánh gần của ta để hạn chế điểm mạnh về hỏa lực, cơ động của Mỹ. Thắng lợi của chiến dịch đã khẳng định ta có khả năng đánh tiêu diệt từng tiểu đoàn quân Mỹ.

CHIẾN DỊCH ĐƯỜNG 9 - NAM LÀO (Phản công, từ ngày 30 tháng 1 đến ngày 23 tháng 3 năm 1971)

Sau khi trúng cử tổng thống nước Mỹ, với bản chất hiếu chiến, Ních xơn tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chiến lược mới: "Việt Nam hóa chiến tranh". Đầu năm 1971, thực hiện biện pháp chiến lược "chiến tranh bóp nghẹt", đế quốc Mỹ và tay sai bắt đầu thực hiện kết hợp đánh ra vòng ngoài bằng các cuộc tiến công trên chiến trường Lào, Campuchia nhằm triệt phá hành lang vận chuyển và hậu phương chiến lược trực tiếp của ta. Địch đã huy động 88 trong tổng số 214 tiểu đoàn bộ binh, 15 thiết đoàn mở cuộc tiến công quy mô lớn trên ba hướng: cuộc tiến công mang tên "Hành quân Lam Sơn 719" đánh vào khu vực Đường 9 - Nam Lào; cuộc tiến công mang tên "Hành quân Toàn Thắng 1.71NB" đánh lên vùng Kông Pông Chàm, Cro Chê (đông bắc Campuchia); và cuộc tiến công từ bắc Kon Tum đánh ra hướng ngã ba biên giới, thuộc Atôpơ, Nam Lào. Ngoài ra, ở đông bắc Campuchia, địch còn mở cuộc "Hành quân Chen la 2" cắt đường số 6 từ Kông Pông Chàm lên Kông Pông Thơm.

Trong ba cuộc tiến công nói trên, cuộc “Hành quân Lam Sơn 719” là lớn nhất. Mục đích của cuộc hành quân này nhằm cắt đường vận chuyển chiến lược của ta từ gốc, triệt phá cơ sở kho tàng, hậu cần chiến lược làm cho quân chủ lực ta không thể đánh lớn trong năm 1971, 1972, mà chỉ có thể hoạt động nhỏ lẻ, chiến tranh du kích; thử thách quyết tâm và khả năng quân sự của miền Bắc; thực hiện vai trò rèn luyện khả năng quân sự miền Nam để làm nòng cốt cho các quân đội tay sai ở Đông Dương khi Mỹ rút quân dần theo kế hoạch.

Để thực hiện mục đích trên, Mỹ - ngụy đã huy động vào cuộc hành quân một lực lượng lớn, bao gồm tất cả các lực lượng dự bị chiến lược cùng lực lượng cơ động của vùng chiến thuật 1, các lực lượng tiếp vận trung ương của quân ngụy, với sự chi viện hỏa lực của không quân Mỹ, một bộ phận lực lượng bộ binh và thiết giáp Mỹ phối hợp tác chiến yểm trợ phía sau¹. Có thể nói đây là cuộc hành quân lớn nhất và điển hình theo công thức “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Thủ đoạn của địch trong cuộc hành quân là thực hiện đánh nhanh, tiến nhanh theo chính diện bằng nhiều cánh quân từ hướng đông theo trục đường 9 là chủ yếu, phối hợp với quân ngụy Lào tiến công từ phía sau (hướng tây) vào khu vực mục tiêu. Cơ động lực lượng tiến công bằng máy bay trực thăng chở quân kết hợp với hành quân bộ, trong đó cơ động bằng máy bay là chính.

Trước khi mở cuộc hành quân, địch dùng chiến tranh tâm lý úp mở tung tin chuẩn bị vượt sông Bến Hải đổ bộ tiến công ra miền Bắc (nam Khu 4), đồng thời liêu lĩnh dùng máy bay trực thăng tập kích hồng cứu tù binh Mỹ ở trại giam Sơn Tây để nghi binh phân tán sự đối phó của ta.

Về phía ta, sau khi Mỹ tổ chức lật đổ chính phủ Xi-han-úc, thành lập chính quyền tay sai ở Campuchia, Bộ Chính trị và Trung ương Đảng đã nhận định về khả năng địch có thể tiến công tuyến hành lang vận chuyển chiến lược của ta ở Trung - Nam Lào, đông bắc Campuchia. Đồng thời, ta cũng chuẩn bị phương án đối phó khi chúng liêu lĩnh tiến công ra nam Khu 4. Từ mùa hè năm 1970, Bộ Tổng tham mưu bắt đầu vạch kế hoạch tác chiến, điều động lực lượng và chỉ đạo việc chuẩn bị và thiết bị chiến trường ở khu vực Đường 9 - Nam Lào. Từ tháng 10 năm 1970, ta bắt đầu điều động 3 sư đoàn 304, 324 và 320 để thành lập Binh đoàn 70 (đồng chí Cao Văn Khánh tư lệnh, đồng chí Hoàng Phương chính ủy) sẵn sàng đối phó đánh địch trong khu vực.

Khi địch bắt đầu mở cuộc hành quân đánh ra Đường 9 - Nam Lào, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch phản công tiêu diệt lớn quân địch ở khu vực Đường 9 - Nam Lào. Ngày 4 tháng 2, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 51/QĐ-QP thành lập Mặt trận Đường 9 - Nam Lào (gọi tắt là BTL 702) do đồng

¹ Lực lượng lúc đầu gồm 3 sư đoàn (sư đoàn bộ binh số 1, sư đoàn dù, sư đoàn thủy quân lục chiến), 1 liên đoàn biệt động quân, 2 lữ đoàn thiết giáp, 16 tiểu đoàn pháo binh, 700 máy bay các loại (có cả máy bay ném bom chiến lược B52). Sau đó đưa thêm 1 lữ đoàn (369 thủy quân lục chiến), 1 trung đoàn bộ binh (trung đoàn 4, sư đoàn bộ binh 2) và một số đơn vị hỏa lực. Tổng quân số 55.000 tên, 578 xe tăng, xe thiết giáp, 318 khẩu pháo từ 105mm trở lên. Ngoài ra còn có 2 binh đoàn quân ngụy Lào (GM30, GM33) cùng tham gia phối hợp.

chỉ Lê Trọng Tấn, Tổng tham mưu phó làm tư lệnh; đồng chí Lê Quang Đạo, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính ủy. Ngày 8 tháng 2 năm 1971, Quân ủy Trung ương chính thức ra quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận 702 gồm 8 đồng chí. Trước đó Bộ Tổng tham mưu trực tiếp chỉ đạo mặt trận B4, B5, Binh đoàn 70 chuẩn bị mọi mặt đảm bảo đánh được địch tiến công từ đầu tháng 2. Toàn bộ lực lượng tham gia chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào gồm 5 sư đoàn bộ binh (308, 304, 320, 324, 2); 4 tiểu đoàn xe tăng, xe thiết giáp (177, 297, 397, 198); 4 trung đoàn pháo binh (368, 38, 45, 84); 4 trung đoàn phòng không (230, 237, 241, 491); 3 trung đoàn công binh (7, 83, 219), một số tiểu đoàn đặc công của Bộ. Ngoài ra còn một số lực lượng chiến đấu tại chỗ của Đoàn 559, Mặt trận B4, B5.

Chiến dịch diễn ra trên khu vực dọc theo Đường 9 từ Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Việt Nam) đến Sê Pôn, tỉnh Savanakhê (Lào) dài khoảng 90km, rộng từ Mường Trê đến Mường Noọng khoảng 60km. Đây là địa bàn rừng núi, thưa dân, nhiều khe suối phức tạp. Riêng khu vực Bản Đông, Sê Pôn núi không cao lắm, địa hình khá trống trải. Đường số 9 là con đường độc đạo từ Đông Hà - Bản Đông - Sê Pôn, đường 16 qua làng Ho xuống Bản Đông nối với đường 22 đi Mường Noọng, đường 18 qua Thà Khống đến Mường Noọng là những đường hành lang vận tải chiến lược Hồ Chí Minh ở khu vực này. Sông Sê Pôn chảy từ đông sang tây song song với đường 9 rộng 150 đến 200 mét. Thời tiết lúc này đang là mùa khô, ngày nóng, đêm se lạnh có sương mù.

Về tổ chức và chuẩn bị chiến dịch, trên cơ sở nhiệm vụ của Quân ủy giao là tiêu diệt lớn, làm tan rã nhiều lực lượng chủ lực cơ động của quân nguy, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng, tiêu hao một bộ phận quân Mỹ; giữ vững tuyến vận chuyển chiến lược, bảo vệ tốt kho tàng của ta; phối hợp với các chiến trường và tạo điều kiện để các chiến trường khác đẩy mạnh tiến công địch, đánh phá bình định của chúng, Bộ tư lệnh chiến dịch xác định diệt khoảng 12.000 tên, bắt tù binh khoảng 1.000 tên, diệt gọn từ 2 đến 3 lữ đoàn, trung đoàn bộ binh, 1 đến 2 thiết đoàn, bắn rơi phá hủy khoảng 300 máy bay.

Bộ tư lệnh chiến dịch cũng xác định phương châm chỉ đạo tác chiến: Chủ động tạo và nắm thời cơ đánh quân địch đang vận động, tích cực đánh địch khi chúng co cụm dừng lại chưa kịp củng cố. Lấy tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng cấp tiểu đoàn, trung đoàn trở lên là chủ yếu, kết hợp với đánh nhỏ của các lực lượng binh chủng tinh nhuệ để tiêu diệt địch.

Chiến dịch xác định khu vực tác chiến tập trung diệt địch chủ yếu từ Bản Đông đến Lao Bảo. Khu vực ngăn chặn địch ở tây bắc Bản Đông - Cha Ky. Khu vực đánh phá giao thông, hậu cứ tiêu hao lực lượng địch ở đông Lao Bảo, Sa Mù, Đông Hà, Cửa Việt. Hướng phản công chủ yếu từ hướng bắc vào điểm cao 316, 553, 543, Bản Đông, Lao Bảo. Hướng phản công thứ yếu từ hướng nam vào điểm cao 550, 334. Hướng phản công phối hợp từ hướng tây vào Sê Pôn, 748.

Chiến dịch dự kiến đánh địch theo 3 bước: Bước 1, chặn đứng địch tại Bản Đông để ta có điều kiện cơ động lực lượng tập trung diệt lực lượng chủ yếu của

địch, bước 2, tùy kết quả của bước 1, tiến hành tập trung lực lượng tiêu diệt lực lượng hành quân chủ yếu của địch; bước 3, phát triển tiến công theo hướng tây Quảng Trị truy kích địch rút chạy.

Bộ tư lệnh tổ chức đội hình thành các bộ phận: *Bộ phận tác chiến ngăn chặn*, tạo thế, sử dụng trung đoàn 24 thuộc sư đoàn 304, lực lượng tại chỗ của Đoàn 559 và một bộ phận pháo binh, phòng không: *bộ phận phản công trên hướng chủ yếu* sử dụng sư đoàn 308, trung đoàn 64 sư đoàn 320, trung đoàn 66 sư đoàn 304 và phần lớn lực lượng xe tăng, pháo binh, phòng không chiến dịch; *bộ phận phản công trên hướng thứ yếu* sử dụng sư đoàn 324 (thiếu), sư đoàn 2 (thiếu) và một bộ phận xe tăng, pháo binh chiến dịch; *bộ phận đánh địch phía sau* sử dụng lực lượng tại chỗ của B5, trung đoàn 27, 246 (B4), trung đoàn 2 sư đoàn 324, một số tiểu đoàn đặc công của Bộ, trung đoàn pháo binh 84; *bộ phận đánh địch trên hướng phối hợp* sử dụng trung đoàn 48 sư đoàn 320. Bộ phận dự bị chiến dịch là sư đoàn 304 (thiếu).

Công tác chuẩn bị chiến trường: Ngay từ tháng 6 năm 1970, Bộ đã tăng cường tổ chức cán bộ vào cùng các đơn vị tại chỗ nghiên cứu địa hình chuẩn bị kế hoạch tác chiến ở chiến trường Nam Lào, đồng thời hướng dẫn các đơn vị diễn tập phương án tác chiến đã được dự kiến, lực lượng thanh niên xung phong, công binh mở thêm một số tuyến đường để bảo đảm vận chuyển vật chất, cơ động lực lượng. Đến đầu tháng 1 năm 1971, dự trữ vật chất trên các hướng chiến dịch đã lên tới 6.000 tấn, đủ đảm bảo cho 5 đến 6 vạn quân tác chiến trong 4 đến 5 tháng. Ngoài ra, trên các tuyến vận tải thuộc Đoàn 559 còn dự trữ hơn 3 vạn tấn. Hệ thống thông tin liên lạc chỉ huy được tổ chức chu đáo. Mạng lưới quân y chiến dịch hình thành trên cơ sở các bệnh viện, bệnh xá tại chỗ và của Cục Quân y tăng cường.

Trên thực tế chiến dịch diễn ra theo ba đợt: Đợt 1, *từ ngày 30 tháng 1 đến 7 tháng 2 năm 1971, địch điều động triển khai lực lượng. Ta triển khai thế trận, chuẩn bị đánh địch.*

Ngày 30 tháng 1, địch dùng một bộ phận của sư đoàn 9 quân Mỹ càn quét dọc theo đường 9, chiếm lại khu vực Khe Sanh làm bàn đạp triển khai lực lượng. Tiếp đó, từ 30 tháng 1 đến 7 tháng 2, chúng dùng máy bay và xe cơ giới cơ động 22 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh từ Sài Gòn, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thừa Thiên ra Quảng Trị. Vị trí triển khai của quân ngụy như sau: sư đoàn dù triển khai từ Làng Vây đến sát Lao Bảo; liên đoàn 1 biệt động quân triển khai từ Tà Púc đến A Hai. Trung đoàn 3 sư đoàn 1 ở Khe Sanh; lữ đoàn 1 kỵ binh triển khai chiếm Lao Bảo. Quân Mỹ triển khai ở phía sau để hỗ trợ trực tiếp cho cuộc hành quân; lữ đoàn 1 sư đoàn 5 bộ binh cơ giới ở Tân Lâm, đông Hướng Hóa, trung đoàn 1 và 2 sư đoàn 1 ở Gio Linh, Quảng Trị. Lữ 258 thủy quân lục chiến ở La Vang - Đông Hà. Các căn cứ hậu cần, kỹ thuật của địch được thiết lập ở Đông Hà, Tà Cơn, Sa Mư.

Quân ngụy Lào cũng nống ra Pha Lan, Pha Đô Tuya sẵn sàng phối hợp với cuộc hành quân từ hướng tây. Đồng thời, cũng trong thời gian này địch dùng lữ

đoàn 147 tập vượt sông ở Đông Hà, lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến dùng tàu thủy cơ động lên hướng bắc từ La Vang ra Thuận An, một số tàu thuyền hạm đội 7 tiến vào vùng biển nam Quảng Bình để nghi binh.

Lúc đầu, căn cứ vào âm mưu và triển khai lực lượng của địch, ta sẵn sàng đối phó với cả hai tình huống; địch tiến công ra Đường 9 - Nam Lào và tiến công ra nam Khu 4. Nhưng sau phát hiện địch chính thức mở cuộc tiến công ra Đường 9 - Nam Lào ta đã nhanh chóng hoàn thành công tác chuẩn bị, sơ tán kho tàng ra xa các trọng điểm, cơ động triển khai lực lượng, tổ chức các chốt ngăn chặn địch ở Cô Bốc, Cơ Rốc, điểm cao 660, 723. Từ 30 tháng 1, trung đoàn 24 sư đoàn bộ binh 304 tổ chức các chốt chiến dịch ở 351, khu vực cầu Cha Ky án ngữ trục đường 9. Từ ngày 5 đến 7 tháng 2, bộ đội đặc công của Mặt trận B5 dùng thủy lôi đánh chìm 9 tàu chở vũ khí của địch ở Xuân Khánh, Vinh Quang Thượng, Vinh Quang Hạ. Ngày 6 tháng 2, lực lượng vũ trang địa phương Mặt trận B5, phục kích đánh địch cơ động ở Bông Kho, Đầu Mầu; tập kích hỏa lực và lữ đoàn 1 thuộc sư đoàn 5 bộ binh cơ giới Mỹ ở Kế Sóc, Ba Lào làm chậm bước triển khai lực lượng tiến công của địch.

Đợt 2 từ 8 đến 11 tháng 3, địch đánh chiếm Bản Đông, phát triển lên Sê Pôn, ta chặn đánh địch từng bước và quyết tâm chặn đứng quân địch ở Bản Đông.

Từ ngày 8 tháng 2, địch dùng 6 trung đoàn quân ngụy tiến quân bằng 3 cánh vượt biên giới Việt - Lào. Cánh quân chủ yếu, dùng chiến đoàn đặc nhiệm gồm lữ đoàn 1 dù, 2 thiết đoàn 11 và 17 tiến theo đường 9 và dùng máy bay trực thăng đánh chiếm Bản Đông (ngày 10 tháng 2). Hai cánh khác đổ bộ bằng máy bay trực thăng chiếm một số điểm cao ở nam và bắc đường 9, lữ đoàn 3 dù và liên đoàn biệt động quân chiếm các điểm cao 500, 316, 655, 543, 456 lập các căn cứ hỏa lực và bảo vệ sườn phía bắc; sư đoàn 1 bộ binh (thiếu) chiếm khu vực Cô Bốc, các điểm cao 619, 537, 550, 532, 540 để bảo vệ sườn phía nam.

Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương: Tích cực ngăn chặn tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, làm chậm bước tiến công của chúng, tập trung lực lượng bẻ gãy cánh quân phía bắc của địch.

Lực lượng ta, trên toàn khu vực đã kịp thời đón đánh, ngăn chặn từng cánh quân địch. Lực lượng tại chỗ của ta chủ yếu là lực lượng phòng không 12,7mm bố trí ở các khu vực dự kiến sẽ đổ quân, bắn rơi nhiều máy bay trực thăng của địch.

Khu vực phía bắc đường 9 (cánh bắc cuộc hành quân của địch), từ ngày 12 tháng 2 đến đầu tháng 3 đã diễn ra nhiều trận đánh ác liệt giữa các đơn vị thuộc binh đoàn 70 với lữ đoàn dù 3 và liên đoàn 1 biệt động quân ngụy: ngày 11 và 12 tại khu vực cầu Cha Ky, ta đã bắn rơi 30 máy bay trực thăng; ngày 12 tháng 2, trung đoàn 88 sư đoàn 308 tập kích vào tiểu đoàn 21 biệt động quân ở điểm cao 316 diệt 140 địch, gây cho chúng thiệt hại nặng; ngày 13 tháng 2, trung đoàn 64 sư đoàn 320 vận động tiến công đánh tiểu đoàn 6 dù ở điểm cao 456, diệt gọn 2 đại đội, lực lượng địch còn lại phải chạy về phía sau củng cố. Từ 16 đến 20 tháng 2, trung đoàn 102 sư đoàn 308 bao vây địch ở điểm cao 500, diệt gọn tiểu đoàn 39

biệt động quân, trận đánh tiêu diệt gọn này có ý nghĩa rất quan trọng, buộc địch phải rút tiểu đoàn 21 biệt động quân ở điểm cao 316, làm thất bại ý đồ án ngữ hướng bắc của địch.

Ngày 17 tháng 2, Bộ tư lệnh chiến dịch tăng cường 1 đại đội xe tăng, pháo binh cho trung đoàn 64, và giao nhiệm vụ cho trung đoàn thực hành trận đánh then chốt diệt sở chỉ huy lữ đoàn 3 dù cùng tiểu đoàn 3 và 1 tiểu đoàn pháo ở *điểm cao 543*. Từ ngày 20 tháng 2, trung đoàn 64 bắt đầu thực hành vây lấn trên hai hướng: hướng đông là hướng chủ yếu, hướng tây bắc là hướng thứ yếu. Đến 11 giờ 30 ngày 25 tháng 2, nắm chắc thời cơ khi quân địch hoang mang dao động, Bộ tư lệnh chiến dịch ra lệnh tiến công dứt điểm, trung đoàn 64 chuyển hướng đột phá sang hướng đông nam. Quân địch bị hoàn toàn bất ngờ về thời gian, sức mạnh và hướng, mũi đột kích của ta nên nhanh chóng bị tiêu diệt. Trong trận này ta diệt 370 tên, bắt 137 tên, trong đó có tên đại tá Nguyễn Văn Thọ cùng toàn bộ ban tham mưu lữ đoàn 3 ngự. Sau trận đánh, sườn bắc lực lượng tiến công chủ yếu của địch trên trục đường 9 bị uy hiếp trực tiếp.

Ngày 26 tháng 2, địch vội vã đưa thiết đoàn 17 và tiểu đoàn 8 dù từ Bản Đông lên phản kích hòng chiếm lại điểm cao 543. Từ 26 tháng 2, trung đoàn 36, trung đoàn 64 cùng xe tăng, pháo binh liên tục bám đánh gây thiệt hại nặng cho quân địch. Đến ngày 3 tháng 3, cánh quân bảo vệ sườn bắc của địch hoàn toàn bị bẻ gãy.

Trong khi đó, tại khu vực phía nam, lực lượng tại chỗ của Đoàn 559 tổ chức thành các "chốt" điểm tựa ngăn chặn địch. Chỉ có một tiểu đội bộ binh và 6 khẩu 12,7 mm ở Cô Bốc cũng bắn rơi 6 máy bay trực thăng và diệt 1 đại đội bộ binh địch. Ngày 27, 28 tháng 2 sư đoàn 324 (thiếu) mặc dù vừa cơ động gấp từ hướng đường 12 ra cũng nhanh chóng triển khai lực lượng ngăn chặn, tiến công diệt gọn và đánh thiệt hại 2 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 1 bộ binh, tăng áp lực uy hiếp địch từ hướng nam, hạn chế chúng lũng tục phá hoại kho tàng trên tuyến hành lang vận chuyển của ta.

Ở khu vực chủ yếu trên trục đường 9, ngay từ những ngày đầu, trung đoàn 24 sư đoàn 304 đã tổ chức ngăn chặn bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch theo đường bộ lên hòng chiếm Bản Đông. Ngày 10 tháng 2, được sự chi viện tối đa hỏa lực, chiến đoàn đặc nhiệm cùng hơn 100 xe tăng, xe thiết giáp cơ động theo đường 9, phối hợp với tiểu đường 9 dù dùng máy bay trực thăng đổ bộ xuống Bản Đông.

Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương sử dụng lực lượng bao vây ngăn chặn địch tại Bản Đông, không cho chúng phát triển lên Sê Pôn, bảo vệ bằng được tuyến vận tải chiến lược; mặt khác tiếp tục đánh cắt đường 9 để cô lập địch ở Bản Đông. Ngày 11 tháng 2, trung đoàn 24 thực hành chốt chặn kết hợp với vận động tiến công ở khu vực 351 - cầu Cha Ky trên đường 9, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 1 dù, bắt sống một số địch, bắn cháy 22 xe các loại.

Ý định dùng sư đoàn dù nhanh chóng phát triển chiếm Sê Pôn không thực hiện được, buộc địch phải dừng lại tổ chức phòng ngự ở Bản Đông và giải tỏa

đường 9, đồng thời đưa thê đội 2 (lữ đoàn dù 2 và 2 thiết đoàn 4, 7) lên tăng cường giữ Bản Đông. Trên dọc đường 9, đến ngày 3 tháng 3, ta đã chặn được địch tại Bản Đông, không cho thê đội một địch tiến lên Sê Pôn, bảo vệ được đường vận chuyển chiến lược.

Như vậy toàn bộ đội hình tiến công của địch đều bị ta chặn đánh. Bị bất ngờ vì chủ lực ta xuất hiện sớm, đặc biệt là lực lượng phòng không của ta rất mạnh đã bắn hạ rất nhiều máy bay trực thăng của chúng, địch bắt đầu hoang mang lúng túng và buộc phải điều chỉnh kế hoạch hành quân, tổ chức lại lực lượng, chuyển hướng lấy cánh quân, phía nam làm hướng tiến công chủ yếu lên Sê Pôn. Từ ngày 3 đến 6 tháng 3, địch dùng máy bay trực thăng chở sư đoàn 1 bộ binh đổ bộ xuống dãy điểm cao 660, 723, 748 nam đường 9; sư đoàn thủy quân lục chiến lên thay thế cho sư đoàn 1 ở cao điểm 550, Cô Rốc. Sau đó, địch dùng máy bay trực thăng chở 2 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 2 sư đoàn 1 đổ bộ xuống đông bắc Sê Pôn 2km rồi bí mật luồn rừng vào Sê Pôn, đồng thời tổ chức một lực lượng từ Bản Đông tiến công theo đường 9 để cùng phối hợp chiếm Sê Pôn.

Trước thủ đoạn mới của địch, ta chủ trương một mặt kiên quyết ngăn chặn địch, không cho chúng đến Sê Pôn, mặt khác khẩn trương cơ động lực lượng tổ chức bao vây chia cắt tạo điều kiện thời cơ đánh trận quyết định tiêu diệt lớn quân địch. Thực hiện ý định trên, trung đoàn 1 sư đoàn 2 tổ chức các điểm tựa phòng ngự ở khu vực ngã ba đường 18, cầu chữ S, cây số 27 phía tây Bản Đông. Trung đoàn 64 cơ động về phối hợp cùng sư đoàn 2 giữ Sê Pôn. Trung đoàn 102 sư đoàn 308, trung đoàn 24 vận dụng các hình thức chốt chặn và vận động tiến công, chia cắt đội hình chiến dịch của địch từ Lao Bảo đến Bản Đông. Sư đoàn 2 cùng sư đoàn 324 (thiếu) và lực lượng địch tại chỗ vây ép sư đoàn 1, lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến ở tại các điểm cao 723, 550, 532, diệt 8 đại đội địch, bắn rơi 40 máy bay trực thăng. Trung đoàn 1 sư đoàn 2 liên tục bám đánh 2 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 1 bộ binh địch ở đông bắc Sê Pôn. Khi chúng luồn rừng vào định chiếm Sê Pôn, buộc chúng phải tháo chạy về cao điểm 748. Trung đoàn 36 cùng pháo binh, đặc công bao vây tiêu hao địch ở Bản Đông.

Kết quả, đến 11 tháng 3 ta đã chặn đứng được các mũi hướng tiến công của địch, hệ thống kho tàng, hành lang vận chuyển chiến lược vẫn giữ vững. Diễn biến chiến dịch đã tạo lợi thế có lợi để ta chủ động chuyển sang tiến công tiêu diệt lớn quân địch.

Đợt 3, từ ngày 12 đến 23 tháng 3, địch dừng lại và rút lui, ta chuyển sang tiến công địch và đánh địch rút chạy.

Tuy đã đưa thê đội hai và chiến đấu, nhưng đến lúc này địch vẫn không làm gì thêm, buộc phải chuyển dần sang phòng ngự ở khu vực Bản Đông và giải tỏa đường 9. Địch trên toàn tuyến bị đánh thiệt hại nặng, cô lập và rất hoang mang (trung đoàn 2 thuộc sư 1 phải bỏ cả pháo và súng cối ở điểm cao 748 vội vã tháo chạy về điểm cao 660, lữ đoàn 147 và 258 thủy quân lục chiến co lại nằm yên tại chỗ không dám tiến công).

Trước những động thái của địch, Bộ tư lệnh chiến dịch nhận định địch có khả năng rút lui, thời cơ phản công truy kích tiêu diệt lớn quân địch đã đến, nên hạ quyết tâm: không cho quân địch rút nhanh, rút có tổ chức; nhanh chóng chuyển sang tiến công, tập trung lực lượng đánh trận then chốt chiến dịch.

Ở phía nam, ngày 12 đến 16 tháng 3, sư đoàn 2 (thiếu) được tăng cường 1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 48 vây lấn tiến công trung đoàn 1 thuộc sư đoàn 1 ngự ở điểm cao 723, diệt 1.870, bắt 80 tên địch. Ngày 20 tháng 3, sư đoàn tiếp tục vây ép tiến công 2 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 2 sư đoàn 1 ở điểm cao 660 diệt 905 tên, bắt 365 tên. Ngày 22 tháng 3, sau một thời gian vây ép, sư đoàn 324 (thiếu) được tăng cường xe tăng, pháo binh tiến công đánh thiệt hại nặng lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến ở các điểm cao 550, 540, 532.

Ở hướng đường số 9, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định tập trung ba trung đoàn bộ binh (64, 36, 66) được tăng cường xe tăng, pháo binh, pháo phòng không tổ chức bao vây tiến công tập đoàn phòng ngự của địch ở Bản Đông do 2 lữ đoàn (1, 2) dù, 2 thiết đoàn (11, 7), 2 tiểu đoàn pháo binh ngự chiếm giữ.

Từ ngày 13 tháng 3, ba trung đoàn của ta bắt đầu vây ép từ ba hướng và dùng hỏa lực tập trung bắn vào Bản Đông. Các trung đoàn 24 sư đoàn 304, trung đoàn 102 sư đoàn 308 áp sát đường 9 ngăn chặn không cho địch tháo chạy hoặc tiếp tế đường bộ. Trước sức ép nặng nề và bị tiêu hao liên tiếp, ngày 18 tháng 3, địch phải bỏ cả xe pháo rút chạy khỏi Bản Đông. Đến ngày 20 tháng 3, ta hoàn toàn làm chủ Bản Đông, diệt 1.762 tên, bắt 107 tên, thu và phá hủy 113 xe, 24 khẩu pháo, bắn rơi 52 máy bay. Do ta vây không chặt, tốc độ tiến công chậm nên một bộ phận khá lớn địch đã luồn rừng chạy thoát.

Sau khi giải phóng Bản Đông và đánh địch rút chạy, ngày 23 tháng 3, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định kết thúc chiến dịch. Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào giành thắng lợi rực rỡ.

Kết quả ta tiêu diệt 2 lữ đoàn, 1 trung đoàn, 5 tiểu đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn pháo binh, 4 thiết đoàn xe tăng thiết giáp; đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn bộ binh, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 lữ đoàn và 3 tiểu đoàn khác. Số địch chết và bị thương 19.960 tên, bị bắt 1.142 tên. Ta bắn rơi và phá hủy 556 máy bay các loại, 1.138 xe cơ giới, 112 khẩu pháo cối, thu 2 máy bay trực thăng, 24 xe các loại, 57 khẩu pháo, 21 súng cối, 2.268 súng bộ binh, 274 máy thông tin vô tuyến điện.

Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào với quy mô sử dụng lực lượng, chiến đấu hiệp đồng binh chủng lớn nhất từ trước tới nay giành thắng lợi đã mang ý nghĩa to lớn, tác động mạnh mẽ đến cục diện chung chiến trường 3 nước Đông Dương, đánh đã một bước thất bại quan trọng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ ở Việt Nam. Thắng lợi của chiến dịch đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của bộ đội chủ lực ta và khẳng định trình độ tác chiến tập trung của ta hoàn toàn có khả năng đương đầu đánh bại quân chủ lực tinh nhuệ, lực lượng tổng dự bị chiến dịch của địch.

Về sự chỉ đạo chiến dịch, trên cơ sở đánh giá đúng âm mưu thủ đoạn, khả năng, hướng tiến công của địch, cấp chiến lược đã kịp thời chỉ đạo các chiến trường chuẩn bị hạ quyết tâm và cùng phối hợp tác chiến có hiệu quả. Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào đánh dấu bước phát triển cao của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam, đưa nghệ thuật tác chiến phản công lên một trình độ mới hoàn thiện. Đó là chiến dịch diễn ra không theo quy luật kế tiếp chiến dịch phòng ngự mà chỉ kết hợp phòng ngự chiến thuật (chốt ngăn chặn); nghệ thuật lập thế ta, phá thế địch bằng sự kết hợp ăn ý giữa tác chiến phía trước với phía sau, giữa quân đội hai nước Việt - Lào trong phạm vi chiến dịch; nghệ thuật điều hành tác chiến ngăn chặn, vây hãm các cánh quân địch, tập trung bẻ gãy từng cánh khi chúng còn đứng chân chưa vững, và tập trung lực lượng lớn đánh trận then chốt quyết định vào trung tâm chỉ huy, đề kháng của địch để đánh bại tiến công; và cuối cùng là nghệ thuật chủ động kết thúc chiến dịch đúng lúc.

Chỉ đạo chiến thuật trong chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào thể hiện phong phú sự kết hợp giữa chiến thuật phòng ngự với tiến công, bao vây đột phá, đánh địch đổ bộ đường không, đánh địch trên điểm cao và truy kích địch rút chạy. Sự thành công lớn nhất của chiến dịch đó là sự chỉ đạo vận dụng chiến thuật để đánh thắng thủ đoạn chiến thuật cơ động đổ bộ đường không bằng máy bay trực thăng của địch.

CHIẾN DỊCH NGUYỄN HUỆ (Tiến công, từ ngày 1 tháng 4 năm 1972 đến 19 tháng 1 năm 1973)¹

Chiến dịch Nguyễn Huệ là chiến dịch tiến công trên hướng phối hợp quan trọng của cuộc tiến công chiến lược năm 1972, với nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch trên hướng bắc Sài Gòn, giải phóng khu vực có ý nghĩa chiến lược ở miền Đông Nam bộ, tạo thế đứng chân, đưa chủ lực Miền từ ngoài biên giới về Nam Bộ, phối hợp với hướng tiến công chủ yếu ở Trị Thiên, thu hút, ghìm chân chủ lực ngụy, tạo điều kiện cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long nổi dậy đánh phá "bình định".

Tại miền Đông Nam Bộ lực lượng địch có 4 sư đoàn bộ binh (5, 18, 25, 21), lữ đoàn 3 dù, lữ đoàn 81 biệt kích². Đầu năm 1972, phán đoán ta sẽ tăng cường hoạt động quân sự trên dọc tuyến biên giới, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đích thân ra lệnh cho quân đoàn 3 ở miền Đông Nam bộ tăng cường phòng thủ từ xa, lấy đường 22 là hướng phòng ngự chủ yếu. Ở đây chúng bố trí 10 trung đoàn bộ binh, 4 thiết đoàn xe tăng thiết giáp và mở cuộc hành quân "Toàn thắng 72B" lên khu vực Xoài Riềng, Công Pông Trạch (Campuchia), Trà Vỡ, Trảng Bàng, Dầu Tiếng và biên giới phía Bắc Tây Ninh. Trên hướng đường 13, địch bố trí 2 trung

¹ Theo *Thống kê các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ*, tập 2, VLSQS chiến dịch Nguyễn Huệ diễn ra từ ngày 31 tháng 3 năm 1972 đến 28 tháng 1 năm 1973.

² Tổng số quân ở đây lên đến 68 tiểu đoàn chủ lực, 4 liên đoàn biệt động quân, 456 xe tăng, xe thiết giáp, 396 khẩu pháo. Lực lượng địa phương có 67 liên đội, 146 đại đội bảo an, 820 trung đội dân vệ, ngoài ra còn có 164.000 lính phòng vệ dân sự có vũ trang.

đoàn bộ binh 7 và 9 thuộc sư đoàn 5, 3 tiểu đoàn biệt động quân biên phòng (65, 53, 74) và thiết đoàn 1 xe tăng thiết giáp. Trên hướng quốc lộ 1 và 15, địch bố trí trung đoàn 48 thuộc sư đoàn 18 để bảo vệ Long Khánh - Bà Rịa. Ở Sài Gòn - Biên Hòa, địch bố trí lữ đoàn 1 dù làm lực lượng dự bị thay cho sư đoàn thủy quân lục chiến và sư đoàn dù đang bị giam chân ở Trị Thiên và Tây Nguyên.

Địa bàn chiến dịch diễn ra trong khu vực 4 tỉnh: Bình Long, Phước Long, Tây Ninh và Bình Dương phía bắc Sài Gòn. Chính diện chiến dịch từ Ta Pong Ro Bon (Tây Ninh) đến Bù Đốp (Phước Long) khoảng 140km; chiều sâu chiến dịch từ biên giới đến Thủ Dầu Một, khoảng 130km. Toàn bộ khu vực này nằm trên hướng phòng thủ chủ yếu của địch ở miền Đông Nam bộ, là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch trong suốt cuộc kháng chiến.

Lực lượng ta tham gia chiến dịch gồm 3 sư đoàn bộ binh (5, 7, 9), 3 trung đoàn độc lập (24, 71, 205), 3 trung đoàn bộ đội địa phương (14, 16, 33), trung đoàn đặc công 429 (7 tiểu đoàn), trung đoàn 42 và tiểu đoàn 28 thuộc đoàn 75 pháo binh (có 23 khẩu pháo, 28 khẩu súng cối), 2 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp, 4 tiểu đoàn cao xạ, ngoài ra còn có 20 tiểu đoàn và 63 đại đội bộ đội địa phương các tỉnh huyện trong địa bàn chiến dịch.

Trung ương Cục, Quân ủy Miền tổ chức Bộ tư lệnh chiến dịch, đồng chí Trung tướng Trần Văn Trà làm Tư lệnh. Thiếu tướng Trần Độ làm Chính ủy, Đại tá Lê Ngọc Hiến là Tham mưu trưởng, Đại tá Trần Văn Phác là phó chính ủy và Đại tá Bùi Phùng làm chủ nhiệm hậu cần.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Bộ tư lệnh chiến dịch hạ quyết tâm, mục tiêu đề ra: tiêu diệt từ 3 đến 4 chiến đoàn bộ binh, đánh thiệt hại nặng loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 2 sư đoàn, giải phóng hai tỉnh Bình Long, Phước Long và một phần phía bắc Tây Ninh.

Trong quyết tâm, Bộ tư lệnh chiến dịch chọn hướng tiến công chủ yếu là đường 13, hướng thứ yếu ở đường 22, hướng phối hợp ở đường 1, Biên Hòa ở khu vực bắc Sài Gòn. Trên hướng chủ yếu chọn cụm cứ điểm Lộc Ninh là trận then chốt mở đầu chiến dịch và khu vực từ ngã ba đường 17 xuống bắc Chơn Thành, trong đó có thị xã Bình Long là khu quyết chiến trung tâm.

Cách đánh của ta là dùng lực lượng nổ súng tiến công trước trên hướng thứ yếu (khu vực Sa Mát, Thiện Ngôn) để nghi binh thu hút, đánh lạc hướng địch; sau đó tập trung ưu thế bất ngờ tiến công cụm cứ điểm Lộc Ninh trên hướng chủ yếu; đánh viện và phát triển tiến công các thị xã phía nam, vừa diệt điểm, vừa đánh viện.

Bộ tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ cho các đơn vị: sư đoàn bộ binh 5 được tăng cường trung đoàn 3 sư đoàn 9, tiến công trên hướng chủ yếu của chiến dịch, giải phóng thị xã Lộc Ninh, đơn vị C30b¹ tiến công trên hướng thứ yếu (đường

¹ C30b là tổ chức lâm thời gồm các đơn vị của Bộ tăng cường cho chiến trường miền Đông Nam bộ có 2 trung đoàn bộ binh 24 và 201, 2 tiểu đoàn đặc công, đại đội thiết giáp 33, tiểu đoàn pháo cối, 1 tiểu đoàn (thiếu) súng máy phòng không 12,7mm.

22) có nhiệm vụ nổ súng trước nghi binh thu hút và kiểm chế địch, khi có thời cơ tiếp tục phát triển xuống phía nam; các sư đoàn bộ binh 7 làm nhiệm vụ luồn sâu hình thành thế bao vây chốt chặn chiến dịch theo đường 13 xuống bắc Chơn Thành tiêu diệt quân địch tháo chạy hoặc tăng viện; sư đoàn bộ binh 9 (thiếu trung đoàn 3) làm dự bị chiến dịch sẵn sàng tiến công thị xã Bình Long.

Để tạo thế chiến dịch, ngay từ tháng 7 năm 1971 ta đã tổ chức một phần lực lượng của sư đoàn 7 và sư đoàn 5 đánh địch trên tuyến đường số 7, biên giới, bắc đường 22 để lập bàn đạp triển khai lực lượng. Trung đoàn 1 sư đoàn 9 hành quân nghi binh từ Chúp theo đường 15 xuống phía tây đường 22. Lực lượng đặc công tập kích căn cứ Trảng Lớn tiểu đoàn 304 bảo an ở Phú Khương và phá cầu Bến Sỏi. Song song với tác chiến tạo thế, công tác chuẩn bị bộ đội, đường cơ động, vu khí, đạn dược, thuốc men cũng được tiến hành khẩn trương. Đến tháng 3 năm 1972, ta đã tập trung được một khối lượng lớn cơ sở vật chất gồm 47.500 tấn đạn, gạo, thuốc quân y đảm bảo tác chiến trong 3 tháng, riêng gạo đủ trong 6 tháng. Ta còn dự trữ ở tuyến sau 20.800 tấn, trong đó có 19.000 tấn gạo, bảo đảm cho tác chiến liên tục cả năm 1972. Từ ngày 25 đến 26 tháng 3, tại sở chỉ huy cơ bản ở Xnun, Bộ tư lệnh chiến dịch triệu tập cán bộ cấp sư đoàn, trung đoàn trực thuộc nghe báo cáo tình hình công tác chuẩn bị và bổ sung kế hoạch, quyết tâm chiến đấu. Đến đây công tác chuẩn bị đã cơ bản hoàn thành, các đơn vị trên các hướng đã vào khu vực tập kết sẵn sàng nổ súng.

Chiến dịch được tiến hành thành 3 đợt. Đợt 1, theo kế hoạch nghi binh thu hút địch, 4 giờ ngày 1 tháng 4 trên hướng thứ yếu C30b nổ súng tiến công chiến đoàn 49 thuộc sư đoàn 25 bộ binh, lữ đoàn 4 biệt động quân, thiết đoàn 6 ở Sa Mát, trục đường 12. Trận đánh diễn ra thuận lợi, ta tiêu diệt một bộ phận lực lượng lớn địch, buộc chiến đoàn 49 phải rút chạy, ta hoàn toàn làm chủ Sa Mát lúc 2 giờ ngày 2 tháng 4. Phất huy thắng lợi, ngày 2 tháng 4, C30b tiếp tục tiến công chiến đoàn 46 sư đoàn 25 ở bắc Thiện Ngôn, đập tan ý đồ chốt chặn tạo bàn đạp chiếm lại Sa Mát của địch.

Trong lúc C30b nổ súng tiến công ở hướng thứ yếu các đơn vị trên hướng chủ yếu đến cuối ngày 4 tháng 4, đã triển khai xong đội hình ở tuyến xuất phát tiến công. Sư đoàn 5 bao vây cụm cứ điểm Lộc Ninh, sư đoàn 9 triển khai ở bắc thị xã Bình Long, sư đoàn 7 triển khai chốt chặn ở khu vực Cần Lê, ngã ba đường 17 từ nam thị xã đến bắc Chơn Thành, hình thành thế bao vây chia cắt chiến dịch. Như vậy, sau 4 ngày mở đầu chiến dịch ta đã giành thắng lợi trên hướng thứ yếu, tiêu diệt cụm cứ điểm tiền tiêu Sa Mát, làm chủ từ bắc Thiện Ngôn đến biên giới Campuchia, đồng thời các đơn vị trên hướng chủ yếu đã vào triển khai đúng kế hoạch và hoàn toàn giữ bí mật.

Lúc này, trên chiến trường toàn Miền, ta đã nổ súng tiến công trên các hướng Trị Thiên, Tây Nguyên, bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy viện vã cơ đội hình sư đoàn 25 về phòng ngự Thiện Ngôn, Cầu Đàng, Vườn Điều, rút 3 liên đoàn biệt động quân (4, 5, 6) là lực lượng cơ động về giữ Sài Gòn. Trước tình hình đó Bộ tư lệnh

chiến dịch quyết định sử dụng sư đoàn 5¹ đánh trận then chốt tiêu diệt cụm cứ điểm, chi khu quân sự Lộc Ninh.

Cụm cứ điểm Lộc Ninh được xây dựng ở sát thị trấn Lộc Ninh nằm án ngữ trên đường 13 cách biên giới Việt Nam - Campuchia 20km về phía nam, cách thị xã Bình Long 25km về phía bắc. Trong cụm cứ điểm có chiến đoàn 9 thuộc sư đoàn 5 ngụy, 2 đại đội địa phương, cơ quan chi khu, sân bay và hệ thống kho tiếp liệu.

Để đánh Lộc Ninh, sư đoàn 5 sử dụng trung đoàn 2 tiến công trên hướng chủ yếu từ phía tây, trung đoàn 3 tiến công trên hướng thứ yếu từ phía đông, trung đoàn 1 chốt chặn phía nam đánh quân địch tháo chạy, trung đoàn 3 của sư đoàn 9 làm lực lượng dự bị, chốt chặn phía bắc Lộc Ninh sẵn sàng đánh địch từ Hoa Lư về ứng cứu.

Đúng 5 giờ 30 phút ngày 5 tháng 4 năm 1972, pháo binh ta bắt đầu bắn chuẩn bị vào cứ điểm Lộc Ninh, phá hủy một phần công sự, làm cho quân địch hoảng loạn. Sau 3 ngày vừa liên tục bắn phá vây hãm, tiến công, vừa tổ chức đánh địch ứng cứu, lúc 5 giờ 30 ngày 7 tháng 4, bộ binh và xe tăng từ các hướng thực hành đột phá. Khoảng 7 giờ, ta làm chủ cụm cứ điểm đến hết ngày thì hoàn toàn làm chủ chi khu quân sự Lộc Ninh, tiêu diệt và bắt toàn bộ quân địch, bắt sống tên đại tá Nguyễn Công Vinh. Lộc Ninh bị tiêu diệt, quân địch ở Bù Đốp,, Hồng Tâm hoảng sợ bỏ chạy về Bình Long. Các đơn vị của C30b tiếp tục tiến công buộc địch phải rút bỏ một loạt đồn bốt trên đường 22 từ biên giới đến trại Bí.

Bị mất thị trấn Lộc Ninh, ngày 12 tháng 4, địch điều sư đoàn 21 từ miền Tây lên triển khai ở Lai Khê, Bầu Bàng, lữ đoàn 1 dù từ Chơn Thành, theo đường 13 tổ chức phản kích chiếm lại Lộc Ninh. Tiếp đó, ngày 14 tháng 4, chúng dùng máy bay trực thăng cơ động chiến đoàn 8 từ Lai Khê về cùng với chiến đoàn 7, liên đoàn 3 biệt động quân, chiến đoàn 52 bảo vệ thị xã Bình Long; tổ chức cuộc hành quân "Toàn thắng 71c" càn quét vùng ngoại ô thị xã.

Trận then chốt tiêu diệt cụm cứ điểm Lộc Ninh giành thắng lợi đã tạo điều kiện cho chiến dịch phát triển. Ngay đêm ngày 6 tháng 4, khi trận đánh ở Lộc Ninh sắp kết thúc, Bộ tư lệnh Miền gồm đồng chí Phạm Hùng, Hoàng Văn Thái, Hoàng Cầm đã thống nhất ý định: tranh thủ thời cơ, tiếp tục tiến công giải phóng thị xã Bình Long, nơi có sở chỉ huy sư đoàn 5 ngụy, sở chỉ huy tiểu khu, 2 đại đội thám sát, 1 trung đội thám báo và lực lượng bảo an dân vệ cùng tàn quân của các chiến đoàn 9, chiến đoàn 52.

Đánh Bình Long, Bộ tư lệnh chiến dịch sử dụng sư đoàn 9 được tăng cường trung đoàn 1 sư đoàn 5, 1 trung đoàn pháo binh (thiếu), 1 tiểu đoàn xe tăng và toàn bộ pháo binh chiến dịch chi viện. Đồng thời sử dụng sư đoàn 7 chốt chặn trên đường 13, sư đoàn 5 (thiếu) làm dự bị sẵn sàng hỗ trợ cho sư đoàn 9.

¹ Sư đoàn bộ binh 5 được tăng cường trung đoàn 3 sư đoàn 9, 1 trung đoàn pháo cối, 2 đại đội xe tăng, 1 tiểu đoàn súng máy phòng không do thượng tá Bùi Thanh Vân (Út Liêm) chỉ huy.

Ngày 12 tháng 4, các đơn vị triển khai tiến công thành thế bao vây quanh thị xã, 5 giờ ngày 13 tháng 4, bắt đầu nổ súng tiến công, đến cuối ngày ta đã chiếm được một số vị trí ở ngoại ô: điểm cao 128, ấp Phú Lạc, ấp Sóc Bể, cầu Phú Hòa, ấp Sóc Gòn, ấp Hưng Chiến. Khi ta phát triển vào nội ô đến đường Hùng Vương, do hiệp đồng tác chiến không được chặt chẽ, bị hỏa lực địch ngăn chặn, lực lượng bị tổn thất phải dừng lại. Đêm 13 tháng 4, tranh thủ lúc ta tạm ngừng tiến công, tiểu đoàn 6 thuộc lữ đoàn 1 dù và tiểu đoàn 52 biệt động quân phản kích chiếm lại núi Gió, điểm cao 169 ở phía đông nam thị xã. Sáng ngày 5 tháng 4, sư đoàn 9 tiếp tục tiến công nhưng cũng chỉ chiếm được một phần phía bắc đường Trần Hưng Đạo, vườn hoa Tao Phùng.

Cũng thời gian này, trên đường 13, sư đoàn 7 đánh lui cuộc hành quân giải tỏa của sư đoàn 21 ngụy ở bắc Chợ Thành, làm tăng thêm áp lực uy hiếp địch ở thị xã Bình Long. Từ ngày 17 tháng 4, địch điều động tập trung 5 chiến đoàn, và tăng cường không quân chi viện hòng cố thủ thị xã Bình Long. Bộ tư lệnh Miền chủ trương không tiến công nữa mà chuyển sang bao vây cô lập thị xã, đưa một bộ phận lực lượng xuống phối hợp mở chiến dịch tiến công tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng Bộ tư lệnh chiến dịch lại nhận định trận đánh không thành công là do ta đánh không tốt, chứ không phải lực lượng phòng thủ của địch mạnh, do đó vẫn quyết tâm tiến công thị xã Bình Long lần thứ hai.

Trong trận đánh lần thứ hai vào thị xã Bình Long. Bộ tư lệnh sử dụng sư đoàn 9, trung đoàn 2 sư đoàn 5, 1 tiểu đoàn xe tăng 25 chiếc được cụm pháo binh chiến dịch trực tiếp chi viện, tiến công bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, thành nhiều mũi đột phá liên tục, lấy hướng tây là hướng tiến công chủ yếu, chọc thẳng vào tòa hành chính thị xã, đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn 5 bộ binh ngụy, chia cắt địch ra từng khu vực để tiêu diệt.

Đúng 3 giờ ngày 11 tháng 5, sư đoàn 9 bắt đầu nổ súng. Sau 4 ngày liên tục đột phá, các đơn vị chiếm được ty công chính, Ty cảnh sát, Nhà lao, Khu chợ cũ, Ty chiêu hồi và tòa nhà ở bắc đường Trần Hưng Đạo. Lần này hiệp đồng giữa các đơn vị bộ binh và xe tăng tốt hơn, nhưng vì địch tập trung hỏa lực cao nhất để ngăn chặn, gây cho ta tổn thất lớn, 18 xe tăng trong tổng số 25 xe của ta bị cháy, sức đột kích của các đơn vị giảm sút nhanh chóng, buộc phải dừng lại. Ngày 15 tháng 5, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định kết thúc đợt 1 chiến dịch. Trận tiến công tiêu diệt quân địch trong khu vực mục tiêu chủ yếu ở Bình Long không dứt điểm, "đã làm hạn chế thắng lợi và làm ảnh hưởng đến bước phát triển của chiến dịch".

Đợt 2, từ ngày 16 tháng 5, tuy quân địch vẫn giữ được phần lớn thị xã Bình Long nhưng tinh thần hoang mang bị động đối phó, lo sợ ta tiếp tục tiến công sâu và hậu phương, bộ tham mưu quân đoàn 3 ngụy chủ trương vẫn duy trì lực lượng chủ lực hiện có ở miền Đông, tiếp tục tăng cường trung đoàn 15 sư đoàn 9 từ đồng bằng sông Cửu Long lên mở cuộc hành quân phản công giải tỏa đường 13, hòng đẩy ta ra xa giảm sức ép cho thị xã Bình Long.

Về ta, không chiếm được thị xã Bình Long đã ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển chiến dịch theo quyết tâm. Lúc này theo chỉ thị của Bộ, sư đoàn 5 và 1 phần 3 lực lượng binh chủng phải cơ động xuống đồng bằng sông Cửu Long để tham gia chiến dịch tiến công tổng hợp trên chiến trường Khu 8. Quân ủy, Bộ tư lệnh Miền giao cho đồng chí Hoàng Cầm làm tư lệnh, đồng chí Trần Văn Phác chính ủy tiếp tục chỉ huy chiến dịch. Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương: tiếp tục vây lỏng thị xã Bình Long, kiên quyết chốt chặn kết hợp tiến công liên tục tiêu diệt sinh lực địch ngoài công sự để kìm chân thu hút địch trên đường 13, tạo điều kiện phối hợp với chiến dịch tiến công tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long. Quyết tâm của Bộ tư lệnh chiến dịch giao cho sư đoàn 7 chốt chặn đánh bại quân địch phản kích trên đường 13, khu vực tác chiến chủ yếu từ Tân Khai - Tàu Ô - Xóm Ruộng - Ngọc Lầu dài 12km.

Sau khi nhận nhiệm vụ, sư đoàn 7 bố trí trung nông dân 209 chốt chặn khu vực chủ yếu ở nam bắc Tàu Ô, trung đoàn 14 bao vây Tân Khai, trung đoàn 12 làm dự bị kết hợp với trung đoàn 1 sư đoàn 9, trung đoàn 205 cơ động đánh địch ở bắc Tân Khai. Sư đoàn 9 tiếp tục bao vây gây sức ép với địch ở thị xã Bình Long.

Ngày 19 tháng 5, địch ở Tân Khai chia làm hai cánh tiến lên thị xã Bình Long, cánh chủ yếu gồm trung đoàn 15 và thiết đoàn 9 (thiếu), cánh thứ yếu, trung đoàn 33 sư đoàn 21 tiến theo phía đông đường 13.

Từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 5, trung đoàn 12 sư đoàn 7 và trung đoàn 1 sư đoàn 9 liên tục chặn đánh địch ở Đức Vinh, Sa Cát, nam xã Thanh Bình diệt 300 tên. Ngày 24 tháng 5, trung đoàn 12 và trung đoàn 205 vận động phục kích diệt 2 chi đoàn xe thiết giáp của thiết đoàn 9 ngụy, trung đoàn 14 bao vây tiến công cụm địch ở Tân Khai diệt 1 trận địa pháo 105mm, bắn cháy 8 máy bay. Ngày 29 tháng 5, trung đoàn 33 của sư đoàn 21 ngụy phải rút chạy về Tân Khai. Ở phía nam lợi dụng ta sơ hở, từ ngày 21 tháng 5, trung đoàn 31 sư đoàn 21 và 2 tiểu đoàn biệt động quân 65, 73 đánh chiếm khu vực nam cống Ông Tề. Từ đó phát triển tiến công lên bắc cống Ông Tề. Trung đoàn 209 chiến đấu quyết liệt giành giật từng tấc đất, đoạn giao thông hào với địch, đồng thời trung đoàn 14 được lệnh cơ động phối hợp với trung đoàn 209 phản kích giành lại trận địa. Ngày 6 tháng 6 ta tiến công chiếm lại khu vực cống Ông Tề, đánh tan hai tiểu đoàn biệt động quân, đánh thiệt hại trung đoàn 31, buộc chúng phải rút chạy về Chơn Thành. Ngày 21 tháng 6, địch đưa trung đoàn 46 thuộc sư đoàn 25 và thiết đoàn 3 thay cho trung đoàn 31 kết hợp với trung đoàn 33 sư đoàn 21 và lữ đoàn 1 dù tiếp tục mở cuộc tiến công vào khu vực Tàu Ô, nhằm nhổ bật "chiếc đinh cái" trên đường số 13. Từ ngày 22 đến ngày 30 tháng 6, sư đoàn 7 vận dụng hình thức vận động tiến công kết hợp chốt chặn liên tục tiến công ngăn chặn địch, bắn cháy 6 xe tăng M41, bắt sống 1 chiếc làm cho trung đoàn 46 sư đoàn 25 ngụy thiệt hại nặng, quân địch buộc phải lui về xóm Ruộng, Ngọc Lầu.

Từ đầu tháng 7, địch điều trung đoàn 18, liên đoàn 5 biệt động quân lên Bình Long để đưa lữ đoàn 1 dù, liên đoàn 81 biệt động quân ra tăng cường cho Quảng Trị. Sư đoàn 25 sang thay cho sư đoàn 21 và trung đoàn 19 của sư đoàn 9, đưa

sư đoàn 21 về đối phó với chiến dịch tiến công tổng hợp của ta ở đồng bằng sông Cửu Long. Sau khi điều chỉnh lực lượng xong, ngày 14 tháng 7, địch tập trung ở sư đoàn 25 chia làm nhiều hướng mũi tiến công hòng đánh chiếm khu Tàu Ô. Đến ngày 26 tháng 7, địch chiếm được một số điểm chốt tạo nên sự xen kẽ địch ta trong khu vực này.

Trước tình hình đó, bước vào tháng 8, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương đẩy mạnh hoạt động phía sau địch, đánh vào Lai Khê, Chơn Thành nhằm thu hút hạn chế sức ép của địch ở khu vực Tàu Ô. Ngày 11 tháng 8, ta dùng đặc công, súng cối tiến công căn cứ Lai Khê buộc địch phải đưa liên đoàn 6 biệt động quân từ Biên Hòa lên ứng cứu. Từ ngày 21 đến 22 tháng 8, lực lượng cơ động của sư đoàn 7 và trung đoàn 205 phục kích trên đường Chơn Thành - Lai Khê, diệt 1 tiểu đoàn, bắn cháy 19 xe tăng, xe thiết giáp của địch, liên đoàn 6 biệt động quân phải lún rừng tháo chạy. Ngày 28 tháng 8, sư đoàn 25 nguy phải rút khỏi khu vực Tàu Ô vội vã về để bảo vệ Chơn Thành, Lai Khê. Ta tổ chức truy kích bám đánh liên tục, tiêu diệt 600 tên, bắt 84 tên, thu 170 súng các loại, làm cho sư đoàn 25 nguy thiệt hại nặng.

Phối hợp với các đơn vị đánh địch trên hướng đường 13, ở các hướng khác, từ ngày 1 tháng 7, bộ đội địa phương và đặc công tỉnh Phước Long tập kích sân bay Phước Bình, chi khu Bồ Đức, ngày 5 tháng 8, tập kích đài truyền tin trên núi Bà Đen. Ngày 31 tháng 8, ta pháo kích sân bay Biên Hòa, và ngày 10 tháng 9, dùng đặc công tập kích vào sân bay phá hủy 146 chiếc máy bay, 4 xe tăng, diệt 160 tên. Đến đây, đợt 2 chiến dịch kết thúc, các đơn vị tạm ngừng hoạt động để củng cố, tổ chức lại đội hình.

Đợt 3, từ tháng 10 năm 1972, địch tiếp tục bị động phải chuyển trọng tâm đối phó ở phía sau, điều chỉnh lực lượng phòng giữ bảo vệ Sài Gòn, tổ chức hành quân càn quét khu vực Lái Thiêu, trong khi vẫn phải giữ Bình Long và một số khu vực từ Chơn Thành đến Lai Khê.

Về phía ta, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương trên cơ sở tìm chân chủ lực địch trên đường 13, thị xã Bình Long, chuyển trọng tâm chiến dịch tập trung đánh phá bình định ở bắc Bình Dương, Củ Chi kết hợp bổ sung củng cố lực lượng. Bộ tư lệnh chiến dịch giao cho sư đoàn 9 tiếp tục tìm giữ địch trên đường 13; sư đoàn 7 được tăng cường trung đoàn 205, hai tiểu đoàn đặc công cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích đánh phá bình định, hướng chủ yếu ở Bình Dương, hướng thứ yếu ở Củ Chi.

Ngày 3 tháng 10 ta dùng pháo binh tập kích vào căn cứ Lai Khê để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chủ lực tiến sâu xuống Bình Dương từ ngày 5 đến 10 tháng 10, trung đoàn 205 và lực lượng đặc công tiến công theo trục đường 13, 14, 15 đến bắc Bình Dương làm chủ Thới Hòa, Chánh Lưu, An Lợi, Hòa Lợi, Phú Chánh. Từ ngày 21 tháng 10 đến 3 tháng 11, trung đoàn 14 và trung đoàn 205 liên tục đánh địch phản kích ở khu vực đường 14, đường 15, đông Phú Hòa và làm chủ 8 ấp ở Thới hòa, Bình Nhâm, An Sơn.

Trên hướng đường 13 ta tiếp tục chia cắt địch từ Lai Khê đi Bến Cát vây ép khu vực Minh Hòa, Minh Thạnh, buộc quân địch ở đây phải bỏ chạy. Sau 1 tháng chuyển hướng hoạt động ta diệt 6.000 tên bảo an dân vệ, bức rút 30 đồn bốt, làm chủ 28 xã với 50.000 dân, mở rộng và giữ vững vùng giải phóng.

Khi Mỹ lật lọng không chịu ký Hiệp định Pari hồng tìm kiếm một chiến thắng quân sự nhằm gây sức ép với ta, địch điều chỉnh bố trí lực lượng phòng giữ tuyến trung gian bảo vệ Sài Gòn, thực hiện kế hoạch phản kích lấn chiếm mở rộng vùng kiểm soát. Ta chủ trương giữ vững vùng giải phóng, củng cố lực lượng sẵn sàng đánh địch lấn chiếm. Từ ngày 5 đến 15 tháng 12, ta chủ động tiến công ngăn chặn địch ở khu vực Vĩnh Tường, Khánh Sơn, Phú Chánh đồng đường 1 và Phú Hòa Đông, nam bắc tỉnh lộ 8 buộc chúng phải lui về vị trí cũ. Ngày 6 tháng 12, ở vùng sau lưng địch, ta dùng pháo binh tập kích vào sân bay Tân Sơn Nhất phá hủy 85 máy bay, 2 kho nhiên liệu, diệt 200 tên.

Ngày 30 tháng 12, địch dùng sư đoàn 5 mở cuộc hành quân lấn chiếm ra khu vực Rạch Bắp - Dầu Tiếng, trên đường 14 và Long Nguyễn - Minh Hòa. Ngày 11 tháng 1 năm 1973, địch cụm lại ở khu vực sở cao su Dầu Tiếng, Bến Tranh. Từ 6 giờ 30 ngày 19 tháng 1, trung đoàn 14 và 209 tổ chức thành nhiều hướng mũi tiến công vào hai tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 8 ở Bến Tranh. Không chịu nổi sức tiến công của ta, 12 giờ địch ở đây tháo chạy, lực lượng ta đón lõng tiêu diệt toàn bộ và bắt sống 478 tên, địch không còn đủ sức tiếp tục mở những cuộc hành quân chiếm lại Lộc Ninh và những vùng đã mất. Cuối ngày 19 tháng 1 năm 1973, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương kết thúc chiến dịch.

Kết quả toàn chiến dịch ta diệt và đánh thiệt hại nặng 5 chiến đoàn, 7 lữ đoàn và 1 sư đoàn ngụy, diệt 7.985 tên, bắt 5.381 tên, thu 282 xe quân sự, 52 khẩu pháo, 6.837 súng các loại, bắn rơi và phá hủy 897 máy bay. Chiến dịch Nguyễn Huệ diễn ra liên tục dài ngày, tuy không chiếm được thị xã Bình Long, mục tiêu trung tâm trọng yếu của chiến lược đề ra, nhưng cũng đã giải phóng được một vùng rộng lớn trên hướng chiến lược xung yếu, trực tiếp uy hiếp cửa ngõ Sài Gòn từ phía tây bắc, góp phần vào chiến thắng chung của cuộc tiến công chiến lược năm 1972, làm thay đổi cục diện chiến trường miền Đông Nam Bộ, giành lại quyền chủ động chiến lược, tạo địa bàn đứng chân vững chắc cho bộ đội chủ lực, đẩy mạnh phong trào chiến tranh nhân dân phát triển.

Chiến dịch tiến công Nguyễn Huệ là chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng có quy mô lớn nhất ở chiến trường Nam Bộ từ trước đến bấy giờ. Lần đầu tiên ở miền Đông Nam bộ, quân ta có xe tăng (2 tiểu đoàn) và pháo xe kéo (2 trung đoàn), tham gia chiến dịch, nên đã gây bất ngờ lớn với địch.

Nghệ thuật nghi binh tạo thế khí mở màn chiến dịch là nét nổi bật và thành công lớn của chiến dịch Nguyễn Huệ. Do khéo nghi binh, tận dụng yếu tố bí mật bất ngờ, nên ngay từ đầu Bộ tư lệnh chiến dịch đã táo bạo triển khai lực lượng xen kẽ với địch trên một chiều sâu gần 70km trong đất địch từ biên giới đến bắc Chơn Thành, hình thành thế chia cắt địch; và cho hướng thứ yếu nổ súng trước,

tạo điều kiện đưa lực lượng ở hướng chủ yếu vào triển khai chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công làm cho quân địch hoàn toàn bị bất ngờ.

Cái hay trong chiến dịch Nguyễn Huệ còn thể hiện ở nghệ thuật vận dụng chiến thuật. Trong đánh địch ở khu vực Tàu Ô, ta đã sáng tạo được lối đánh mới, chốt chặn kết hợp vận động tiến công, phòng ngự trận địa nhưng luôn tìm cách tiến công phản kích địch, đánh quăn lộn với địch, đánh vào bên sườn phía sau địch...

Mặc dù còn có những thiếu sót, song chiến dịch Nguyễn Huệ đã giành được thắng lợi nhiều mặt, đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của bộ đội ta về đánh hiệp đồng binh chủng lớn ở địa bàn miền Đông Nam Bộ.

CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN (Tiến công, từ ngày 4 đến ngày 24 tháng 3 năm 1975)

Qua các đợt hoạt động của ta trên chiến trường trong hai năm 1973 - 1974, quân ngụy Sài Gòn ngày càng bị lúng túng cả trong tác chiến và trong xây dựng lực lượng. Từ những năm 1974 trở đi, chúng hầu như không còn tiến hành được cuộc hành quân lấn chiếm nào. Viện trợ của Mỹ giảm, kéo theo phương tiện chiến tranh, hỏa lực chi viện cho chiến đấu và sức chiến đấu của chủ lực ngụy giảm sút mạnh.

Về ta, trong năm 1974 việc xây dựng lực lượng, chuẩn bị chiến trường tiếp tục được tiến hành tập trung, với nhịp độ ngày càng khẩn trương. Ba quân đoàn chủ lực lần lượt ra đời, một khối lượng vật tư chiến tranh gần 50 vạn tấn được chuyển vào miền Nam, mạng đường chiến lược, chiến dịch phát triển nhanh và ngày càng hoàn thiện. Trong năm 1974, bộ đội ta ở chiến trường vẫn tiếp tục giành được những thắng lợi quan trọng, tạo ra thế và lực mới trên toàn miền Nam. Năm vững thời cơ cách mạng đến, từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị đã họp quyết định về quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam, trong đó nam Tây Nguyên là hướng chiến lược chủ yếu trong đó cuộc tổng tiến công lớn trong năm 1975.

Ngày 9 tháng 1 năm 1975, Thường trực Quân uỷ Trung ương họp và mời các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo dự để quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết Bộ chính trị về chiến dịch Tây Nguyên. Tọa hội nghị này, ý định đánh Buôn Ma Thuột hình thành rõ rệt và chiến dịch Tây Nguyên chính thức được quyết định mở với mật danh "Chiến dịch 275".

Tây Nguyên thuộc dải đất phía tây miền Trung Trung Bộ, là vùng cao nguyên, rừng núi nối tiếp nhau theo hướng bắc nam. Bắc Tây nguyên, núi cao, rừng rậm hiểm trở, nam Tây Nguyên (từ đường 19 trở vào, địa hình bằng phẳng hơn. Tây Nguyên gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức. Đường 14 chạy dọc từ bắc xuống nam, nối các thị xã của Tây Nguyên xuống miền Đông Nam Bộ. Các con đường ngang đường 21, 19, 17 nối Tây Nguyên với các tỉnh đồng bằng ven biển, trong đó đường 7 có đoạn hư hỏng nặng, lâu ngày không sử dụng. Tây Nguyên có 2 sông lớn là sông Pô Kô và sông Sê Rê Pôc. Vào mùa mưa, dòng chảy của sông rất lớn, nên việc cơ động các phương tiện lớn rất khó khăn.

Tây Nguyên là vùng đất chiến lược quan trọng, vì vậy Mỹ ngụy đã biến Tây Nguyên thành một căn cứ chiến lược lớn hòng đè bẹp phong trào cách mạng của 3 nước Đông Dương, ngăn chặn sự chi viện của ta từ miền Bắc vào và từ rừng núi xuống đồng bằng. Sở chỉ huy quân đoàn 2, quân khu 2 ngụy được đặt ở Plây Ku. Dọc theo biên giới Việt Nam - Cam pu chia là các trại biệt kích, dọc theo đường 14 là hệ thống các căn cứ quân sự dày đặc trong đó có các căn cứ cấp sư đoàn và quân đoàn được tổ chức vững chắc thành tuyến phòng ngự cơ bản làm nòng cốt cho hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên. Trên các trục đường ngang như 19, 21 cũng được địch tổ chức thành các tuyến phòng thủ mạnh để đảm bảo giao thông từ Tây Nguyên xuống đồng bằng. Toàn bộ lực lượng địch ở Tây Nguyên¹ có sư đoàn bộ binh 23 (3 trung đoàn: 44, 45 và 53), 7 tiểu đoàn biệt động quân (21, 22, 23, 24, 45, 4, 6), 36 tiểu đoàn bảo an, 4 thiết đoàn thiết giáp, 230 khẩu pháo, sư đoàn 6 không quân với 150 máy bay các loại. Nhìn tổng thể, địch bố trí mạnh ở phía bắc, còn khu vực phía nam được xem như là hậu phương, chúng bố trí lực lượng mỏng hơn.

Sau khi hạ quyết tâm mở chiến dịch Tây Nguyên, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã ra quyết định thành lập Đảng uỷ và Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên, Trung tướng Hoàng Minh Thảo được giao trọng trách làm Tư lệnh, đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính uỷ, bí thư Đảng uỷ chiến dịch. Khu uỷ Khu 5 cử đồng chí Bùi San, phó bí thư khu uỷ và đồng chí Nguyễn Căn, bí thư tỉnh uỷ Đắc Lắc đi cùng Đảng uỷ, Bộ tư lệnh chiến dịch trực tiếp chỉ đạo các tỉnh phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực, trong chuẩn bị cũng như trong tác chiến. Bộ phận đại diện của Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh do Đại tướng Văn Tiến Dũng chủ trì cũng được đặt tại Tây Nguyên để trực tiếp chỉ đạo chiến dịch.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm các sư đoàn bộ binh 10, 320, 316, 3 và 968; bốn trung đoàn bộ binh (25, 29B, 271, 95A), trung đoàn đặc công 198, hai tiểu đoàn đặc công 14, 27, hai trung đoàn pháo binh 40, 675, ba trung đoàn phòng không 232, 234, 593, trung đoàn xe tăng thiết giáp 273, hai trung đoàn công binh 7, 575, trung đoàn thông tin 29, trung đoàn ô tô vận tải và lực lượng vũ trang tỉnh Đắc Lắc, Kon Tum và Gia Lai.

Sau khi được thành lập, Đảng uỷ Bộ tư lệnh chiến dịch đã nhanh chóng quán triệt nhiệm vụ và xây dựng quyết tâm chiến dịch. Nhiệm vụ chủ yếu mà Bộ Chính trị và Quân uỷ giao ngày 21 tháng 1 là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch (diệt sư đoàn 22, đánh thiệt hại nặng quân đoàn 2 ngụy), giải phóng các tỉnh Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức; mục tiêu then chốt là thị xã Buôn Ma Thuột và ba quận lỵ Đức Lập, Cẩm Gia, Kiến Đức, mở rộng hành lang, nối liền

1. Cụ thể, địch bố trí ở Kon Tum 3 tiểu đoàn biệt động quân 21, 22, 23, 8 tiểu đoàn bảo an, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 trung đoàn thiết giáp. Ở Plây Ku có sở chỉ huy quân đoàn 2 ngụy, sư đoàn 23 (thiếu trung đoàn 53, 2 tiểu đoàn biệt động quân 25, 4; 15 tiểu đoàn bảo an, 5 tiểu đoàn pháo binh, 3 trung đoàn thiết giáp và sư đoàn 6 không quân. Ở Phú Bổn có 4 tiểu đoàn bảo an. Đắc Lắc có trung đoàn 53 (thiếu 1 tiểu đoàn); 9 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 trung đoàn thiết giáp (thiếu). Quảng Đà có trung đoàn biệt động quân 24, 3 tiểu đoàn bảo an, 4 đại đội pháo binh, 1 chi đoàn thiết giáp. Tuyên Đức có 4 tiểu đoàn bảo an, Lâm Đồng có 4 tiểu đoàn bảo an.

Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, thực hiện chia cắt chiến lược, tạo cục diện mới về chiến lược.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Bộ tư lệnh chiến dịch xác định quyết tâm và kế hoạch chiến dịch như sau: hướng và khu vực tác chiến chủ yếu là Buôn Ma Thuột - Đức Lập; mục tiêu đánh mở đầu là Đức Lập, mục tiêu chủ yếu quyết định là thị xã Buôn Ma Thuột. Hướng và mục tiêu quan trọng là Thuận Mẩn (Cẩm Gia) nhằm cắt đứt đường 14, chia cắt địch về chiến dịch, ngăn chặn dự bị của địch từ Plây Ku xuống Buôn Ma Thuột. Hướng phát triển: Phú Bổn, Quảng Đức, chủ yếu là Phú Bổn, bao gồm cả thị xã Cheo Reo. Hướng bao vây chia cắt chiến dịch là cắt đường 19 từ đông Plây Ku qua An Khê tới đông Bình Khê, cắt đường 21 trên đoạn đông tây Chư Cúc. Hướng kiềm chế nghi binh, giam chân khối chủ lực của quần đoàn 2 ngụy là Kon Tum, Plây Ku.

Cách đánh cụ thể được xác định là tiến công nghi binh vào Plây Ku và Kon Tum, cắt đường 14, thu hút và giam chân phần lớn chủ lực địch ở bắc Tây Nguyên; cắt đứt hai trục đường 19 và 21 để ngăn chặn, tiêu diệt lực lượng dự bị của địch từ đồng bằng lên Tây Nguyên và quân địch ở Tây Nguyên rút chạy; đánh chiếm Đức Lập, Thuận Mẩn nhằm cô lập thị xã Buôn Ma Thuột; tập trung lực lượng chủ yếu giáng đòn quyết định giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, sẵn sàng đánh bại phản kích của địch. Trận then chốt đánh thị xã Buôn Ma Thuột được dự kiến trong trường hợp địch đã tăng cường phòng ngự dự phòng.

Công tác chuẩn bị chiến dịch được tổ chức hết sức công phu và tiến hành theo hai bước: bước chuẩn bị trước và chuẩn bị trực tiếp. Trong bước chuẩn bị trước ta đã mở rộng và hoàn chỉnh vùng giải phóng, củng cố hậu phương tại chỗ, dồn ép địch vào các thị xã, thị trấn. Trên hướng Plây Ku, ta diệt các căn cứ Chư Nghé, Lệ Ngọc, Ia Súp. Trên hướng Kon Tum, ta diệt cứ điểm Kon Rốc, đánh chiếm quận Ly Măng Đen và Đắc Pét. Bộ đội địa phương bức rút quận ly Măng Bút. Đến đầu năm 1975, vùng giải phóng của ta đã được mở rộng vào sát các thị xã, thị trấn và đường giao thông chiến lược quan trọng của địch ở hầu hết các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và Gia Nghĩa.

Một công việc hết sức quan trọng trong bước chuẩn bị trước là xây dựng hệ thống đường cơ động và hệ thống kho tàng dự trữ hậu cần. Từ sau Hiệp định Pa-ri, Mặt trận Tây Nguyên cùng Đoàn 559 khẩn trương hoàn chỉnh đường chiến lược Hồ Chí Minh đoạn đi qua Tây Nguyên. Con đường này không chỉ nhằm bảo đảm về hậu cần cho chiến dịch mà còn là con đường cơ động quan trọng của khối chủ lực từ bắc Tây Nguyên xuống nam Tây Nguyên. Từ tháng 9 năm 1974, ta triển khai xây dựng hệ thống đường chiến dịch ở nam Tây Nguyên gồm các đường 68, 28, N1, N5, 140, 22, 23, 128 và các đường nhánh về từng đơn vị. Từ tháng 11 năm 1974, ta đã bắc 3 cầu Pô Kô Hạ, Diên Bình, Đắc Mót và tiếp đó đã bắc cầu phao có trọng tải 50 tấn qua sông Pô Kô và Sê Rê Pốc. Từ ngày 31 tháng 1 năm 1975, ta đã khôi phục đường 50 và 48 ở bắc Buôn Ma Thuột. Đến tháng 2 năm 1975, ta đã mở thêm các đường mới: 503, 500, 508 dài 61 km, đường 51, 57B, 57C dài 75km. Khó khăn nhất là làm đường 20C ở tây sông Sê Rê Pốc.

Con đường này chỉ được phép đánh dấu và cưa sấn 2 phần 3 thân các cây lớn, chờ khi nổ súng mới đổ cây và dọn đường cho xe tăng đi. Tính đến khi nổ súng (4 tháng 3), ngoài hệ thống đường có sẵn, bộ đội và nhân dân Tây Nguyên đã làm thêm khoảng 560 km đường phục vụ chiến dịch.

Nhu cầu vật chất cho chiến dịch Tây Nguyên rất lớn (ước khoảng 14.000 tấn). Với nỗ lực của Đoàn 559, số hàng nhận theo kế hoạch đã vượt 10% cho cả năm 1975. Đến đầu tháng 3, hậu cần chiến dịch đã chuyển giao cho các đơn vị đạt 78% kế hoạch, trong đó quân lương đạt 114%, vũ khí đạt 83%, xăng dầu đạt 24%. Hậu cần chiến dịch đã tổ chức căn cứ ở suối Đak Đam và phân cụm ở tây Ea H'leo bảo đảm cho hai hướng của chiến dịch. Đặc biệt số đạn pháo cần cho trận Buôn Ma Thuột, ngoài kế hoạch chuyển từ hậu phương vào, ta còn dự trữ được một số lượng khá lớn, đồng thời hoàn thành bảo dưỡng, kiểm tra các loại xe pháo.

Với thế bố trí của ta từ sau Hiệp định Pa-ri, địch đã tập trung phần lớn chủ lực ở bắc Tây Nguyên để đối phó với chủ lực ta. Trong thời gian chuẩn bị trước, ta đã tiến hành một loạt các biện pháp nghi binh để củng cố thêm sai lầm này của địch và bảo đảm bí mật cho việc vận chuyển vật chất và di chuyển lực lượng của ta xuống nam Tây Nguyên. Đoàn 559 sử dụng hai sư đoàn công binh 473 và 470 mở đường cơ giới từ A Sầu vào Đắc Tô, Kon Tum. Khu 5 huy động công binh và hơn chục ngàn dân công mở các đường nhánh, gùi thô rậm rộ tới các vùng căn cứ ở ngoại vi bắc Tây Nguyên. Sư đoàn 968 vào thay thế vị trí và duy trì các hoạt động ở bắc Tây Nguyên của hai sư đoàn 10 và 320, để hai sư đoàn này di chuyển vào nam Tây Nguyên.

Bước chuẩn bị trực tiếp được tiến hành từ ngày 21 tháng 1 năm 1975. Trong bước chuẩn bị này Bộ tư lệnh chiến dịch hoàn chỉnh thêm một bước quyết tâm chiến dịch, tiếp tục hoạt động nghi binh và điều chỉnh, bố trí lực lượng thành các cụm theo nhiệm vụ chiến dịch. Cụm lực lượng trên hướng Buôn Ma Thuột có sư đoàn 316, trung đoàn 95B, trung đoàn 24 (thiếu 1 tiểu đoàn), tiểu đoàn 21 của Đoàn 559, trung đoàn đặc công 198 và tiểu đoàn đặc công 27, trung đoàn xe tăng thiết giáp 273 (thiếu 1 tiểu đoàn), 2 trung đoàn pháo 40 và 675, hai trung đoàn phòng không 232, 234, hai trung đoàn công binh 7, 575) và lực lượng vũ trang tỉnh Đắc Lắc. Cụm lực lượng trên hướng Đức Lập - Quảng Đức có sư đoàn 10 (thiếu trung đoàn 24), trung đoàn 271, một tiểu đoàn pháo của trung đoàn pháo 40, tiểu đoàn đặc công 14. Cụm lực lượng trên đường 14 - Thuận Mẫn có sư đoàn 320. Cụm lực lượng trên đường 21 có trung đoàn 25. Cụm lực lượng trên đường 19 có sư đoàn 3 (thiếu 1 trung đoàn) ở Bình Khê và trung đoàn 95A ở Plây Pôn. Hướng Kon Tum và Plây Ku do sư đoàn 968 và lực lượng vũ trang hai tỉnh đảm nhiệm.

Ngày 23 tháng 2 năm 1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng, đại diện Bộ Tổng Tư lệnh chính thức phê chuẩn quyết tâm, kế hoạch của Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên. Đến đây mọi công tác chuẩn bị đã cơ bản hoàn thành.

Ngày 4 tháng 3, chiến dịch Tây Nguyên chính thức bắt đầu. Từ ngày 4 đến ngày 9 tháng 3 ta tổ chức nghi binh, tạo thế, triển khai lực lượng, chia cắt chiến dịch, tạo điều kiện đánh Buôn Ma Thuột.

Qua một thời gian tiến hành nghi binh, ta đã làm cho địch tin chắc ta sẽ đánh Plây Ku. Đòn nghi binh của ta đã có kết quả, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định nổ súng đánh cắt giao thông, chia cắt chiến dịch theo kế hoạch. Trên đường 19, ngày 4 tháng 3, trung đoàn 95A đã tiêu diệt một loạt vị trí địch, trong đó có căn cứ A Dun do một tiểu đoàn bảo an chiếm giữ, làm chủ đoạn từ ngã ba Plây Pôn đến ấp Phú Yên. Sư đoàn 3 tiến công tiêu diệt 11 vị trí địch như Cây Rui, Chóp Nón, Hòn Kiêng, Cột Cờ, Truong Ổi, Che Chẻ, Đồi Đá, Làng Mai... diệt hơn 300 tên của trung đoàn 47 ngụy, làm chủ đoạn từ Thương Giang đến Bình Khê. Như vậy trong ngày mở đầu chiến dịch, đường 19 - con đường huyết mạch tiếp tế cho Tây Nguyên của địch đã bị cắt hoàn toàn. Trên đường 21, sáng ngày 5 tháng 3, trung đoàn 25 diệt một đoàn xe địch và làm chủ đoạn đường ở đông Chư Cúc.

Trên đường 14, sư đoàn 320 đưa trung đoàn 9 ra phục kích ở đoạn nam cầu Ea H'Leo. Chiều ngày 5 tháng 3, tiểu đoàn 2 của trung đoàn phục kích diệt 8 xe trong đoàn xe 15 chiếc của trung đoàn 45 ngụy từ Plây Ku về Buôn Ma Thuột. 7 xe còn lại quay đầu chạy về Plây Ku, trong đó có tên đại tá Vũ Thế Quang, sư đoàn phó sư đoàn 24. Sáng ngày 7 tháng 3 trung đoàn 48 tiến công đánh chiếm điểm cao Chư Di Rê (nam Thuận Mẫn), diệt một trung đội địch. Tiếp đó, 6 giờ ngày 8, trung đoàn 48 được tăng cường 3 khẩu pháo 105mm tiếp tục nổ súng tiến công Thuận Mẫn, một quận lỵ nằm trên đường 14, cách Buôn Ma Thuột 80 km. Sau hơn 1 giờ chiến đấu, trung đoàn đã loại khỏi vòng chiến đấu tiểu đoàn 257 bảo an đóng giữ tại đây, làm chủ quận lỵ. Cùng thời gian trên, quần chúng ở xung quanh đó đã phá 7 ấp chiến lược giải phóng 27 buôn và 7.000 dân. Đường 14 bị gián đoạn nghiêm trọng.

Phát hiện được sư đoàn 320 đánh Thuận Mẫn, chiều 8 và sáng 9 tháng 3, địch vội vã dùng máy bay lên thẳng đổ liên đoàn 21 biệt động quân từ bắc Tây Nguyên xuống sân bay Hoà Bình và đưa tiểu đoàn này lên Buôn Hồ (nam Thuận Mẫn 30 km) để bảo vệ bắc Buôn Ma Thuột. Nhận thấy dấu hiệu địch tăng cường lực lượng bằng đường không cho Buôn Ma Thuột, Bộ tư lệnh chiến dịch đã lệnh cho các đơn vị pháo binh tổ chức kiểm soát hai sân bay Cù Hanh, Hoà Bình; sư đoàn 968 cắt đường 14 giữa Kon Tum và Plây Ku và tiếp tục bắn phá vào hai thị xã này.

Tiếp tục kế hoạch cô lập Buôn Ma Thuột, 5 giờ 55 phút ngày 9 tháng 3, sư đoàn 10 nổ súng tiến công Đức Lập. Đức Lập là quận lỵ nằm trên đường 14, tây nam thị xã Buôn Ma Thuột khoảng 50km, án ngữ giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Địch xây dựng ở đây 5 căn cứ điểm mạnh có lô cốt, hầm ngầm và hệ thống vật cản dày đặc; trong căn cứ có sở chỉ huy hành quân sư đoàn 23, hai tiểu đoàn bộ binh, 3 đại đội pháo 105 mm, một chi đoàn xe tăng, 5 đại đội bảo an và một số đơn vị trinh sát, công binh trực thuộc sư đoàn 23.

Trận đánh của sư đoàn 10 vào Đức Lập diễn ra rất ác liệt. Lúc 9 giờ ngày 9 tháng 3, các trung đoàn 28 và 66 đã làm chủ căn cứ núi Lửa và sở chỉ huy hành quân của sư đoàn 23. Song tại quận lỵ Đức Lập, địch dựa vào lô cốt, hầm ngầm ngoan cố chống cự. Sư đoàn 10 phải tổ chức nhiều đợt tiến công, đưa pháo vào gần bắn thẳng, đến 8 giờ 30 ngày 10 mới làm chủ được quận lỵ. Sau khi chiếm Đức Lập, chiều ngày 10, sư đoàn 10 tiếp tục tiến công căn cứ Đắc Sắc, giải phóng Đắc Song. Như vậy sau 6 ngày đêm chiến đấu, giai đoạn tạo thế của chiến dịch đã hoàn thành, Buôn Ma Thuột hoàn toàn bị chia cắt từ mọi phía.

Tiến công thị xã Buôn Ma Thuột - thực hiện thắng lợi trận then chốt thứ nhất (ngày 10 và 11 tháng 3).

Thị xã Buôn Ma Thuột, tỉnh lỵ Đắc Lắc, dân số khoảng 15 vạn dân, địa hình tương đối bằng phẳng, ít sông suối, rải rác xung quanh có một số điểm cao độ lập. Năm 1975 địch nhận định hướng tiến công của ta ở bắc Tây Nguyên, nên mặc dầu Buôn Ma Thuột là một vị trí xung yếu nhưng phòng thủ của chúng ở đây mỏng hơn bắc Tây Nguyên và có nhiều sơ hở. Mặc dù ta đã chiếm Thuận Mãn, tiến công Đức Lập, nhưng địch vẫn chưa đoán được ý định tiến công vào Buôn Ma Thuột. Tính đến ngày 9 tháng 3, lực lượng địch ở đây có sở chỉ huy tiền phương sư đoàn 23, ban chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc, trung đoàn 53 (thiếu), 1 tiểu đoàn xe bọc thép, 1 tiểu đoàn pháo binh, các phân đội trực thuộc của sư đoàn 23, hậu cứ của 2 trung đoàn 44, 45, hai tiểu đoàn và một số đại đội bảo an cùng dân vệ, cảnh sát: tổng số khoảng 8.000 tên tổ chức phòng thủ thành 3 tuyến¹, tuyến ngoài cùng cách thị xã đến 30km.

Khoảng 16 giờ ngày 9, toàn bộ 12 trung đoàn bộ binh và binh chủng tham gia tiến công Buôn Ma Thuột bắt đầu rời khu tập kết để chuyển lên triển khai tiến công trên 5 hướng: sư đoàn 316 trên hướng bắc, nam và đông; sư đoàn 10 tổ chức một mũi binh chủng hợp thành thọc sâu vào sở chỉ huy sư đoàn 23 ngay; trung đoàn 95B triển khai đánh vào ngã sáu.

2 giờ 3 phút ngày 10, các đội đặc công của trung đoàn đặc công 198 luôn sâu lót sẵn bắt nờ nổ súng tiến công kho Mai Hắc Đế, sân bay Hoà Bình, sân bay thị xã và hậu cứ trung đoàn 53, làm chủ được một số mục tiêu. Phối hợp với đặc công, các phân đội H12 và ĐKB bắn phá vào căn cứ của sư đoàn 23. Lợi dụng tiếng nổ các loại xe pháo, xe tăng, ô tô chở bộ binh của ta từ 5 hướng (đơn vị gần là 10 km., đơn vị xa là 25 km) tiến vào thị xã. Từ 7 giờ 15, khi sương mù đã tan, các cụm pháo của chiến dịch và pháo sư đoàn bắt đầu bắn phá các mục tiêu

1. Tuyến giáp ngoài cùng là các tiền đồn cách thị xã trên dưới 30km gồm có liên đoàn 926 biệt động quân ở cứ điểm Bàn Đón, liên đoàn 21 biệt động quân và tiểu đoàn bảo an ở quận lỵ Buôn Hồ, tiểu đoàn 269 bảo an và dân vệ ở quận lỵ Phước An, tiểu đoàn 243 bảo an và dân vệ ở quận lỵ Lạc Thiện. Tuyến hai ở ngoại vi thị xã gồm ba khu vực chính: khu Quang Trung ở phía bắc do tiểu đoàn 225 bảo an và 15 trung đội dân vệ. 1 trung đội pháo cùng cảnh sát, phòng vệ đóng giữ; khu Trần Hưng Đạo ở phía đông và đông nam có sở chỉ huy trung đoàn 53, tiểu đoàn 3/65, đại đội 45 trinh sát, chi đội thiết giáp, 2 trung đội bảo an, 28 trung đội dân vệ cùng cảnh sát phòng vệ đóng giữ; khu Lý Thường Kiệt ở tây và tây nam có 3 đại đội bảo an, 15 trung đội dân vệ cùng cảnh sát đóng giữ, tuyến 3, gồm 6 yếu khu bên trong thị xã.

trong thị xã như căn cứ sư đoàn 23, tiểu khu Đắc Lắc, các khu pháo binh, thiết giáp... Lợi dụng kết quả hoãn lực, bộ binh các hướng triển khai tiến công.

Trên hướng đông bắc thị xã, từ 8 giờ, trung đoàn 95B tiến công đánh chiếm ngã Sáu. Địch chống trả quyết liệt, chúng ném bom ngăn chặn và dùng xe tăng, bộ binh phản kích đẩy ta ra xa. Hai tiểu đoàn 4 và 5 của trung đoàn 95B được tăng cường 4 xe tăng, liên tục tiến công và đánh địch phản kích. 13 giờ 30, trung đoàn làm chủ ngã Sáu, sau đó phát triển tiến công vào tiểu khu Đắc Lắc. 15 giờ, trung đoàn làm chủ tiểu khu và cử một bộ phận có 3 xe tăng quay trở lại diệt đại đội biệt kích còn lại ở sân bay thị xã.

Trên hướng tây bắc, 6 giờ 30 phút, trung đoàn 148 đánh chiếm điểm cao Chư Ebua sau đó phát triển vào đánh chiếm khu pháo binh, thiết giáp và hậu cứ của tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 45 địch rồi phát triển theo đường Phan Bội Châu, tiêu diệt địch ở chùa Bồ Đề và tiến đến ngã sáu bắt liên lạc với trung đoàn 95B.

Trên hướng tây nam, địch dùng 2 xe thiết giáp M113 và 2 xe GMC chở bộ binh phản kích hòng chiếm lại kho Mai Hắc Đế. Địch công đã cùng một bộ phận của trung đoàn 174 đánh bại phản kích của địch giữ vững trận địa. Cùng thời gian trên, trung đoàn 174 được phối thuộc một đại đội xe tăng đã sử dụng 2 tiểu đoàn đánh chiếm điểm cao Chư Dluê, bộ phận còn lại đánh chiếm kho xăng và khu vực các đại đội trực thuộc của sư đoàn 23 nguy ở nam đường 429.

Trên hướng tây, tiểu đoàn 4 của trung đoàn 24 cùng xe tăng, xe thiết giáp theo đường 429 thọc sâu vào sở chỉ huy sư đoàn 23 nguy. Tiểu đoàn đánh chiếm được khu truyền tin, khu quân y và tổ chức đánh bại phản kích của địch, giữ vững khu vực đã chiếm.

Trên hướng nam, trung đoàn 149 bị địch chống trả quyết liệt chưa đánh chiếm được các mục tiêu theo quy định; tiểu đoàn 9 của trung đoàn 174 được biệt cộng dẫn đường đã tiến công đánh chiếm quận lỵ Hoà Bình.

Bị tiến công dồn dập từ nhiều hướng, địch co về phòng thủ tại căn cứ sư đoàn 23 đồng thời sử dụng 79 lần chiếc máy bay ném bom vào đội hình tiến công của ta. Phạm Văn Phú, tư lệnh quân đoàn 2 yêu cầu Vũ Thế Quang (chỉ huy ở nam Tây Nguyên) cố giữ từ 2 đến 3 ngày để chúng tăng viện ứng cứu. Sau khi phân tích tình hình, Bộ tư lệnh chiến dịch hạ quyết tâm nhanh chóng đánh chiếm căn cứ sư đoàn và 23 và các mục tiêu còn lại trước khi địch đưa lực lượng dự bị đến ứng cứu.

Từ 6 giờ ngày 11 tháng 3, ta nổ súng tiến công vào căn cứ sư đoàn 23 nguy, sau 2 giờ hoả lực chuẩn bị, bộ binh xe tăng ta từ 3 mũi tiến công, đến 11 giờ ta làm chủ trận địa. Trận then chốt quyết định mở đầu chiến dịch thắng lợi sau 32 giờ tiến công mãnh liệt, ta bắt sống toàn bộ chỉ huy của địch.

Đánh bại phản đột kích của sư đoàn 23 nguy, thực hiện thành công trận then chốt thứ hai (14 đến 18 tháng 3).

Sau khi làm chủ Buôn Ma Thuột, Bộ tư lệnh chiến dịch lập tức triển khai lực lượng tiêu diệt địch ở ngoại vi, mà trọng điểm là các căn cứ của các trung đoàn 45 và 53, quét sạch tàn binh, củng cố khu vực đã chiếm, sẵn sàng đánh bại phản kích của địch. Sư đoàn 10 được điều động về khu vực đông bắc thị xã, sẵn sàng đánh địch phản kích. Ngày 12 tháng 3, tiểu đoàn 4 của trung đoàn 95B đánh chiếm khu Nhà Lao; trung đoàn 24 cùng 1 đại đội xe tăng đánh chiếm hậu cứ trung đoàn 45 và trung tâm huấn luyện của sư đoàn 23; trung đoàn 174 tiến công cụm quân địch ở cầu Sê Rê Pốc; trung đoàn 9 đánh chiếm quận lỵ Buôn Hồ, điểm cao Chư Bao, ấp Đạt Lý. Ngày 13, một bộ phận của trung đoàn 148 đánh chiếm ấp Châu Sơn. Ngày 14, tiểu đoàn 21 giải phóng bản Đôn, tiểu đoàn 6 đánh chiếm Chư M'Nga và trung đoàn 149 được tăng cường 1 đại đội xe tăng bắt đầu tiến công căn cứ trung đoàn 53. Như vậy, ta đã cơ bản chiếm được các bàn đạp phản kích đột kích của địch quanh thị xã, buộc địch phải đổ quân ứng cứu xuống những vị trí không có lợi, dễ bị ta tiêu diệt.

Cùng với tiếng súng ở Buôn Ma Thuột, các hướng khác của chiến dịch cũng dồn dập tiến công quân địch. Ngày 10 tháng 3, trung đoàn 271 đánh chiếm 2 ấp Nhân Cơ, Nhân Hải, áp sát sân bay Nhân Cơ. Ngày 11 tháng 3 trung đoàn 25 phục kích diệt 1 đoàn xe và một bộ phận địch ở khu vực Chư Cúc trên đường 21. Ngày 12 tháng 3, trung đoàn 19 sư đoàn 968 đánh chiếm 2 vị trí ở nam Plây Ku và Kon Tum. Ngày 13 tháng 3, trung đoàn 95 tiêu diệt cụm quân địch ở ngã ba Plây Ku, tiếp đó diệt 2 chi đoàn thiết giáp, đánh bại phản kích của địch và phát triển xuống đèo Măng Giang. Sư đoàn 3 của Quân khu 5 tiêu diệt 9 chốt địch trên đường 19 sau đó phát triển về vườn Xoài, tiếp tục cắt đường 19.

Sau khi bị ta chiếm Buôn Ma Thuột, địch vội vã điều động sư đoàn 23 quay trở lại tổ chức phản kích hòng chiếm lại. Chiều 12 và sáng 13, địch sử dụng 81 lần chiếc máy bay phản lực đánh phá khu vực đông bắc thị xã dọn bãi sau đó dùng 145 lần chiếc máy bay lên thẳng đổ trung đoàn 45 pháo đội 232 xuống khu vực điểm cao 581, nằm trên đường 21, phía đông thị xã, nơi đây đang có tàn binh của liên đoàn bảo an 21.

Do có chuẩn bị trước, ngay trong đêm 13, trung đoàn 24 của sư đoàn 10, được phối thuộc 1 đại đội xe tăng đã triển khai lực lượng áp sát địch. Từ 7 giờ ngày 14, được sự chi viện của pháo binh, trung đoàn 24 đã tiến công vào tiểu đoàn 2 của trung đoàn 45 ngụ ở chân điểm cao 581. Tiểu đoàn 2 bị thiệt hại nặng, trung đoàn 45 cùng liên đoàn 21 địch buộc phải co cụm ở đồn điền cà phê ở ngã ba Nông Trại, đông điểm cao 581. Ngày 15 và 16, địch đổ nốt trung đoàn 44 và sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 23 xuống Phước An. Như vậy toàn bộ sư đoàn 23 đã quay trở về Đắc Lắc, tổng lực lượng của địch trong khu vực Nông Trại – Phước An lên tới 5.600 tên.

Thời cơ tiêu diệt lớn quân địch đã tới. Bộ tư lệnh yêu cầu sư đoàn 10 tập trung lực lượng quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Nông Trại – Phước An. Kế hoạch đánh địch của sư đoàn nhanh chóng được vạch ra. Trung đoàn 24 (thiếu) được tăng cường tiểu đoàn 8 của trung đoàn 66 tiến công vào Phước An

từ hai hướng tây và nam; trung đoàn 28 tiến công vào Phước An từ hai hướng bắc và đông bắc; tiểu đoàn 6 thuộc trung đoàn 24 cùng xe tăng, xe thiết giáp tiến công vào Nông Trại. Sáng ngày 16 tháng 3, tiểu đoàn 6 cùng xe tăng tiến công tiêu diệt cụm quân địch ở Nông Trại, tàn binh địch còn lại chạy về Phước An. Ngày 17, trung đoàn 24 và trung đoàn 28 tiến công làm chủ Phước An, loại khỏi vòng chiến đấu tiểu đoàn 1 của trung đoàn 44 ngụy. Địch thu nhặt tàn binh, tổ chức co cụm ở Chư Cúc, đồng thời dùng phi pháo bắn chặn, ném bom phá cầu trên đường 21, ngăn chặn ta truy kích.

Bộ đội ta nhanh chóng khắc phục cầu đường, kiên quyết truy kích đập tan cụm quân địch ở Chư Cúc. 12 giờ ngày 18 tháng 3, được sự chi viện của pháo binh, trung đoàn 28 cùng xe tăng của trung đoàn 273 tiến đánh thẳng vào căn cứ Chư Cúc. Trước sức tấn công áp đảo của ta, 1.500 tên địch buộc phải đầu hàng, số còn lại chạy về hướng đông bị trung đoàn 25 đang chuẩn bị đánh Khánh Dương đón đánh, tiêu diệt và bắt sống 500 tên. Cũng trong đêm 16 rạng ngày 17 tháng 3, được sự chi viện đặc lực của cụm pháo binh chiến dịch, trung đoàn 66 và 149 từ hai hướng đột phá tiêu diệt phần lớn quân địch tại căn cứ trung đoàn 53, làm chủ căn cứ này, sau đó phát triển tiêu diệt cứ điểm B50 của địch. Như vậy, toàn bộ lực lượng của sư đoàn 23 và liên đoàn 21 biệt động quân bị tiêu diệt và tan rã, kế hoạch phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột của địch bị thất bại hoàn toàn. Trận then chốt thứ hai của chiến dịch thắng lợi, góp phần quan trọng thúc đẩy chiến dịch phát triển.

Đánh trận then chốt thứ ba, tiêu diệt quân địch rút chạy trên đường (từ 17 đến 24 tháng 3).

Buôn Ma Thuột bị chiếm, sư đoàn 23 địch bị ta tiến công dữ dội, đường 19 bị cắt, Plây Ku, Kon Tum bị bao vây uy hiếp, hướng Nha Trang - Cam Ranh bị bỏ ngỏ, địch rơi vào thế bị động lúng túng. Ngày 14 tháng 3, Nguyễn Văn Thiệu, tổng thống Việt Nam Cộng hoà bay ra Nha Trang thị sát và quyết định rút toàn bộ lực lượng ở Tây Nguyên theo đường 7 về giữ đồng bằng. Và, ngay trong đêm 14 rạng ngày 15, tướng Phú đã bí mật triển khai kế hoạch rút quân. Đi đầu là các lực lượng sửa đường và bảo vệ đường đi, đi sau là toàn bộ lực lượng còn lại của quân khu 2 ở Tây Nguyên¹.

Ngay từ ngày 13 tháng 3, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã dự kiến tình huống địch rút chạy và đã chỉ thị cho Bộ Tư lệnh chiến dịch chuẩn bị kế hoạch đánh địch rút chạy. 19 giờ ngày 16, sau khi nhận được điện của Đại tướng Văn Tiến Dũng thông báo địch rút chạy trên đường 7, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã nhanh chóng hạ quyết tâm sử dụng sư đoàn 320² truy kích tiêu diệt toàn bộ quân

1. Gồm: 6 liên đoàn biệt động, 3 thiết đoàn thiết giáp 19, 21, 3, 6 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn của trung đoàn 44, tiểu đoàn 89 thuộc liên đoàn 21, liên đoàn 20 công binh, liên đoàn 66 truyền tin, cơ quan quân đoàn 2, sĩ quan sư đoàn 6 không quân, 2 liên đoàn bảo an cùng tàn quân và các lực lượng đồn trú từ Phú Thiện đến Củng Sơn.

2. Được tăng cường trung đoàn 95B, 1 tiểu đoàn xe tăng và một bộ phận pháo binh của trung đoàn 675.

địch rút chạy, đồng thời yêu cầu bộ đội địa phương Phú Yên chặn đánh địch ở Củng Sơn.

Khi nhận lệnh, sư đoàn 320 đang triển khai đội hình chiến đấu từ Chư Phao đến Cẩm Ga, cách Cheo Reo khoảng 50 km. Với tinh thần hết sức khẩn trương. Sư đoàn đã điều động toàn bộ lực lượng cơ động về hướng Cheo Reo truy kích địch. Tiểu đoàn 9 của trung đoàn 64, đang đứng chân ở đồng đường 7B, được lệnh vận động lên trước để chặn địch. 11 giờ ngày 17, tiểu đoàn 9 ra đến đường 7, tại khu vực đèo Mơ Ría (đông Cheo Reo 4km), cắt ngang đội hình địch và chặn đứng khối lượng lớn địch ở khu vực thị xã Cheo Reo (chỉ có liên đoàn 6 biệt động quân, thiết đoàn 19, 1 tiểu đoàn pháo và một bộ phận công binh chạy thoát về Củng Sơn.

Rạng sáng ngày 18, trung đoàn 9 triển khai tiến công quận lỵ Phú Thiện thực hiện chia cắt từ phía sau đội hình địch; trung đoàn 48 đã chặn địch ở Chư Pa và tiến vào áp sát bao vây địch ở Cheo Reo từ phía bắc; trung đoàn 64 đã đến đông Cheo Reo, cùng tiểu đoàn 9 đến trước, hình thành hướng vây địch từ phía nam. Đúng 11 giờ ngày 18, trung đoàn 48 bắt đầu tiến công cụm địch ở Cheo Reo. Pháo cối của ta bắn dồn dập vào các mục tiêu trong thị xã, địch hoảng loạn tranh nhau tháo chạy. Đến 18 giờ 30, quân ta làm chủ sân bay, trại Ngô Quyền, đài phát thanh, tiêu diệt và đánh tan liên đoàn 23 biệt động, quân sau đó phát triển làm chủ hoàn toàn thị xã lúc 24 giờ. Số tàn binh rút chạy trên đường 7 bị trung đoàn 64 đánh bật lại, chúng co thành hai cụm ở nam Cheo Reo 2km. 6 giờ 30 ngày 19 tháng 9 sư đoàn 320 tổ chức tiến công tiêu diệt hai cụm quân này, tiêu diệt hoàn toàn cụm quân địch ở thị xã Cheo Reo. Cùng thời gian trên, trung đoàn 9 đánh chiếm Phú thiện và phối hợp với lực lượng ta ở Cheo Reo tiêu diệt gọn quân địch rút chạy.

Sau khi vượt thoát qua khu vực Cheo Reo, liên đoàn 6 biệt động quân (thiếu), thiết đoàn 19, tiểu đoàn pháo binh và một bộ phận công binh địch định chạy về Tuy Hoà nhưng bị tiểu đoàn 9 bộ đội Phú Yên phá cầu chặn đánh, chúng phải dừng lại ở Củng Sơn và cùng lực lượng tại chỗ ở đây gồm một tiểu đoàn bảo an và lính biệt kích, dân vệ của quận Sơn Hoà tổ chức phòng ngự và tìm cách sửa cầu, đường để rút chạy. Về phía ta, sau khi giải phóng Cheo Reo, sư đoàn 320 tiếp tục truy kích địch. Trung đoàn 64 cùng 1 đại đội thiết giáp đi đầu đội hình. Trên đường hành tiến, ngày 21, trung đoàn giải phóng quận lỵ Phú Túc, ngày 22, diệt một bộ phận địch chốt ở gần Ca Lúi. Ngày 23, trung đoàn tiến đến Củng Sơn, bắt đầu liên lạc với tiểu đoàn 96 bộ đội Phú Yên tại đây. 11 giờ ngày 24 tháng 3, phát hiện địch ở Củng Sơn chuẩn bị rút chạy, mặc dù ít hơn địch nhưng trung đoàn 64 cùng tiểu đoàn 96 đã táo bạo đưa 1 đại đội sang sông chặn địch, đồng thời tổ chức hai mũi tiến công vào cụm quân địch. Địch hoang mang, rối loạn và nhanh chóng bị tiêu diệt, chỉ có một số rất ít chạy được về Tuy Hoà. Như vậy đến ngày 24, quân ta đã hoàn thành thắng lợi trận địch truy kích quân địch rút chạy trên đường 7, đập tan ý định bỏ Tây Nguyên về co cụm ở đồng bằng của địch, tạo nên bước ngoặt chiến lược của cuộc chiến tranh, thúc đẩy nhanh quá trình tan rã và sụp đổ của chúng ta.

Phối hợp với chính hướng, ngày 12, sư đoàn 3 của Quân khu 5 giải phóng An Khê; ngày 17, trung đoàn 19 cùng lực lượng vũ trang địa phương giải phóng thị xã Kon Tum, trung hoà 95A cùng lực lượng vũ trang địa phương giải phóng Plây Kú; ngày 20, trung đoàn 271 giải phóng Kiến Đức và ngày 22 giải phóng Gia Nghĩa.

Ngày 24 tháng 3, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch mở đầu cho cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1975 giành thắng lợi rực rỡ.

Kết quả, ta đã diệt và làm tan rã quân đoàn 2, quân khu 2 nguy cùng một bộ phận chiến lược của chúng. Tiêu diệt sư đoàn 22 và 23, lữ đoàn 3 dù, 8 liên đoàn biệt động quân, 1 liên đoàn công binh, 4 thiết đoàn thiết giáp, 10 tiểu đoàn pháo binh, đánh thiệt hại nặng sư đoàn 6 không quân. Tiêu diệt và làm tan rã 7 tiểu khu, 26 chi khu, 50 tiểu đoàn và 51 đại đội bảo an cùng toàn bộ lực lượng cảnh sát, dân vệ và phòng vệ dân sự trong 7 tỉnh. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20.000 tên địch, thu và phá huỷ 154 máy bay, 1.096 xe, 17.188 khẩu súng cùng toàn bộ các cơ sở hậu cần kỹ thuật, kho tàng của địch ở Tây Nguyên. Giải phóng 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức.

Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi đã tạo ra sự thay đổi cơ bản về so sánh lực lượng và thế chiến lược giữa ta và địch. Chiến thắng Tây Nguyên đã dẫn tới sự sụp đổ về chiến lược và về tinh thần của nguy quyền Sài Gòn, tạo ra một bước ngoặt quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn.

Về nghệ thuật chiến dịch, nét đặc sắc của chiến dịch Tây Nguyên là ta đã chọn hướng, chọn mục tiêu tiến công chủ yếu rất đúng, rất hiểm. Lựa chọn nam Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu, Buôn Ma Thuột là mục tiêu chủ yếu, ta đã điểm trúng huyệt, đánh vào nơi hiểm yếu của địch. Đánh Buôn Ma Thuột, ta có điều kiện triển khai lực lượng tiến công địch bằng sức mạnh binh chủng hợp thành với quy mô lớn. Đồng thời chiếm được Buôn Ma Thuột, ta có điều kiện mở ra các hướng phát triển chia cắt địch về chiến dịch cũng như chiến lược.

Nghệ thuật nghi binh, tạo thế, giữ quyền chủ động chiến dịch cũng là nét nổi bật và là thành công lớn của ta. Ta đã tiến hành một loạt các biện pháp nghi binh công phu và tích cực để thu hút và giam chân khối chủ lực cơ động của chúng ở bắc Tây Nguyên, trong khi ta tập trung lực lượng tiến công nam Tây Nguyên địch hoàn toàn bị bất ngờ và nhanh chóng dẫn đến thất bại.

Trong chiến dịch tiến công việc tạo ưu thế về lực lượng và phương tiện là một nhân tố quan trọng để giành thắng lợi. Trong chiến dịch ta đã kết hợp giữa lực lượng tại chỗ (28 tiểu đoàn bộ binh) với lực lượng của Bộ tăng cường (14 tiểu đoàn bộ binh) và chủ lực của Quân khu 5, của Đông Nam Bộ đến phối hợp (10 tiểu đoàn) cùng lực lượng vũ trang địa phương. Bằng cách đó ta đã tạo được ưu thế về binh lực và phương tiện so với địch, đặc biệt là trên hướng chủ yếu của chiến dịch, Trong trận tiến công Buôn Ma Thuột lực lượng ta lớn gấp 4 đến 5 lần quân địch, nhưng đến trận đánh phản kích của sư đoàn 23 và trận truy kích trên đường

7 thì lực lượng ta chỉ xấp xỉ bằng địch hoặc ít hơn địch nhưng ta đã thắng chúng vì thế của ta vững.

Vận dụng linh hoạt cách đánh chiến dịch cũng là thành công của chiến dịch Tây Nguyên. Trong chiến dịch Tây Nguyên ta đã sử dụng linh hoạt các biện pháp tác chiến đánh cắt giao thông, đánh thị xã, đánh căn cứ, đánh quân địch phản đột kích, đánh địch rút chạy để tiêu diệt quân địch. Tự chung, trong từng trận hoặc trên địa bàn chiến dịch ta đã tuân thủ cách đánh chung là tiến hành nghi binh tạo thế, thu hút, giam chân chủ lực địch trên hướng khác, tạo ưu thế trên hướng và mục tiêu chủ yếu; thực hiện bao vây, chia cắt, cô lập từng cụm quân địch; kết hợp đột phá với lừa sâu, thọc sâu, thực hiện trong ngoài cùng đánh...

Nghệ thuật chiến dịch Tây Nguyên thể hiện sâu sắc tư tưởng quan điểm chiến tranh nhân dân Việt Nam, kế thừa những kinh nghiệm truyền thống của các chiến dịch trước, hội tụ khá đầy đủ các yếu tố cấu thành nghệ thuật chiến dịch và có những phát triển sáng tạo, thể hiện trình độ cao về nghệ thuật chiến dịch trong tác chiến hiệp đồng quy mô lớn.

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (Tiến công, từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975)

Trải qua hơn một tháng liên tục tổng tiến công và nổi dậy, với hai chiến dịch lớn, chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng, quân và dân ta đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân sự và hệ thống chính quyền ngụy ở hai quân khu, quân đoàn địch, giải phóng 16 tỉnh, 5 thành phố cùng nhiều quận lỵ, chi khu, yếu khu quân sự. Vùng giải phóng được mở rộng chiếm 3 phần 4 đất đai và gần một phần hai dân số miền Nam. Một cục diện mới chưa từng có đã mở ra. Thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến. Trong phiên họp lịch sử ngày 25 tháng 3, Bộ Chính trị chủ trương: “Tập trung nhanh nhất lực lượng (từ 12 sư đoàn trở lên), binh khí, kỹ thuật và vật chất, giải quyết xong Sài Gòn – Gia Định trước mùa mưa”. Tiếp đó (ngày 30 tháng 3 và ngày 14 tháng 4), Bộ Chính trị đã chính thức hạ quyết tâm mở chiến dịch Hồ Chí Minh - chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn kết thúc chiến tranh, chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử.

Về địch, bị mất lực lượng và phần đất ở quân khu 1 và 2 và bị thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng ở Nam Bộ, tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu gào thét “tử thủ” phần đất còn lại. Mỹ đã lập khẩn cấp cầu hàng không chở một số lượng vũ khí, khí tài và cử tướng Uây-oen, tham mưu trưởng lục quân đến Sài Gòn và cùng với quân ngụy vạch kế hoạch phòng thủ Sài Gòn, ngoan cố chống cự hòng trì hoãn cuộc tiến công của ta cho đến mùa mưa. Với lực lượng của quân đoàn 3 cùng tàn quân của quân đoàn 1 và 2, hệ thống phòng thủ của địch ở Sài Gòn được tổ chức thành nhiều tuyến, trong đó tập trung tăng cường ở hướng bắc và tây bắc.

Tuyến phòng thủ vòng ngoài gồm sư đoàn 22 đảm nhiệm ở Long An, Bến Lức; sư đoàn 25 đảm nhiệm ở Tây Ninh, Trảng Bàng, Củ Chi Đông Dù, Hậu Nghĩa; sư đoàn 5 đảm nhiệm Lai Khê, Bến Cát, Bình Dương, sư đoàn 18 đảm nhiệm ở Bầu Cá, Trảng Bom, Suối Địa; sư đoàn thủy quân lục chiến (có 2 lữ) đảm nhiệm ở Long Bình; lữ đoàn dù giữ Bà Rịa, lữ đoàn 3 kỵ binh đảm nhiệm ở Biên Hoà, Long Bình (có một bộ phận ở Gò Vấp - Lái Thiêu) và là lực lượng dự bị của quân đoàn 3.

Tuyến phòng thủ ngoại vi Sài Gòn do sư đoàn biệt động quân (có 3 liên đoàn) mới thành lập đảm nhiệm. Khu Tây gồm Vĩnh Lộc, Châu Hiệp, Bà Hom, Bình Chánh trở vào do hai bên liên đoàn biệt động (7,8) và liên đoàn 239 bảo an đảm nhiệm. Khu Nam gồm Nhà Bè, Nhân Trạch do bảo an dân vệ phụ trách.

Tuyến nội đô, dịch tổ chức thành 5 liên khu, mỗi liên khu gồm 2 quận (1 và 3, 5 và 8,2 và 4, 6 và 7, 10 và 11) do lực lượng cảnh sát, phòng vệ dân sự phụ trách.

Nhìn chung, tập đoàn phòng ngự lớn của địch ở Sài Gòn - Gia Định tuy số lượng còn đông nhưng đã bị chia cắt, cô lập cao độ và sức chiến đấu đã giảm sút hẳn. Lực lượng phòng ngự ở vòng ngoài mạnh, bên trong yếu và sơ hở, không có lực lượng tăng viện. Mỹ khó có khả năng can thiệp trực tiếp trở lại bằng lực lượng, khả năng can thiệp bằng không quân và hải quân cũng rất hạn chế.

Để chắc thắng trong trận quyết chiến chiến lược lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã quyết định tập trung lực lượng lớn chủ lực và binh khí kỹ thuật cho chiến dịch gồm: quân đoàn 1 (thiếu sư đoàn 308) ở lại bảo vệ miền Bắc, Quân đoàn 2, Quân đoàn 3¹, Quân đoàn 4 và đoàn 232. Tổng số lực lượng là 15 sư đoàn, 1 lữ đoàn và 4 trung đoàn bộ binh; 20 lữ đoàn, trung đoàn và 8 tiểu đoàn pháo binh; 3 lữ đoàn, trung đoàn và 6 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 8 lữ, trung đoàn và 2 tiểu đoàn đặc công; 4 trung đoàn và 10 tiểu đoàn thông tin; 1 trung đoàn tên lửa; 2 sư đoàn ô tô vận tải, một bộ phận hải quân và không quân cùng lực lượng địa phương trong địa bàn chiến dịch².

Trong cuộc họp ngày 1 tháng 4, Bộ Chính trị đã chỉ định 3 đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị có mặt tại chiến trường chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị về chỉ đạo chiến dịch và ra quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm các đồng chí Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh; Phạm Hùng làm Chính uỷ; các đồng chí Lê Trọng Tấn, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh làm Phó tư lệnh; Lê Quang Hoà là Phó chính uỷ; Lê Ngọc Hiền, Quyền tham mưu trưởng. Các cơ quan của Miền được tăng cường một số đồng chí của Bộ và các tổng cục chuyển thành cơ quan chiến dịch.

Sài Gòn là một thành phố lớn, cấu trúc phức tạp, rộng khoảng 120km², là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, sào huyệt cuối cùng của địch, dân số

1. Quân đoàn 3 được thành lập theo quyết định số 54/QĐ-QP ngày 26 tháng 3 năm 1975 của Bộ Quốc phòng - *Lực lượng vũ trang Tây Nguyên*, Nxb QĐND, tr.344.

2. Gồm 2 trung đoàn, nhiều tiểu đoàn, đại đội bộ binh, 8 trung đoàn đặc công, 1 lữ đoàn biệt động và các lực lượng vũ trang của các đoàn thể, dân quân tự vệ của các tỉnh thành huyện.

khoảng hơn 3 triệu. Các khu vực xung quanh Sài Gòn địa hình phức tạp, trống trải, sinh lầy, sông rạch và cầu cống nhiều, dân số trên dưới 6 triệu. Muốn tiến vào Sài Gòn, bộ đội phải chiếm được các con đường, cầu đường và các đầu mối giao thông quan trọng. Ở hướng bắc và tây bắc, tuy địa hình tương đối thuận lợi nhưng cũng phải đánh chiếm được các cầu: Cầu Bông, cầu Sáng, cầu Bình Triệu, cầu Bình Phước mới vào được Sài Gòn.

Với phương châm và tư tưởng chỉ đạo tác chiến: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, Bộ Tư lệnh chiến dịch xác định phải chuẩn bị chu đáo, đánh chắc thắng, không cho địch co cụm lớn về Sài Gòn; tổ chức các mũi thọc sâu có sức đột kích mạnh đánh nhanh vào các mục tiêu chủ yếu; kết hợp giữa tiến công quân sự với địch vận và nổi dậy của quần chúng. Tiến công quân sự phải đi trước một bước và giữ vai trò quyết định; phát huy sức mạnh tổng hợp, đột phá liên tục, dồn dập cho đến toàn thắng. Coi trọng bảo đảm các mặt, giữ bí mật.

Về cách đánh chiến dịch, Bộ tư lệnh nhấn mạnh: Phải thực hiện chia cắt chiến lược, cắt đường bộ, đường không, khống chế sân bay, triệt để bao vây, cô lập Sài Gòn, bao vây, chặn và tiêu diệt chủ lực địch ở vòng ngoài, không cho chúng co cụm về Sài Gòn, đánh thắng những trận then chốt quan trọng. Tổ chức những binh đoàn binh chủng hợp thành (cơ sở đoàn tăng cường) từ nhiều hướng nhiều mũi tấn công vào nội đô, kết hợp chặt chẽ với đặc công, biệt động, lực lượng địa phương ở bên trong, kết hợp với quần chúng nổi dậy, thực hiện trong ngoài cùng đánh, nhanh chóng táo bạo đánh chiếm các mục tiêu chiến lược, đập tan đầu não chỉ huy quân sự, đầu não ngục quyền, tiêu diệt và làm tan rã, bắt toàn bộ quân địch đầu hàng; trong đó lấy thọc sâu nhanh chóng đánh ngã quân địch bên trong là chính. Về chiến thuật, Bộ Tư lệnh nhấn mạnh các hình thức chính như tiến công các cụm cứ điểm phòng ngự vững chắc, các căn cứ trung đoàn, sư đoàn, các sở chỉ huy quân đoàn và các trường quân sự của địch. Vận động tiến công đánh quân địch rút chạy, tổ chức các binh đoàn thọc sâu, chiến thuật đánh chiếm thành phố, thị xã và chiến thuật của đặc công đánh chiếm và giữ cầu bảo đảm cho cơ động.

Bộ Tư lệnh chiến dịch không tổ chức đội hình thê đội, không chia bước, chia đợt mà giao khu vực và mục tiêu tiến công cho từng quân đoàn trên từng hướng (Trên từng hướng có tổ chức đội hình thành bộ phận).

Trên hướng tấn công chủ yếu tây bắc, sử dụng Quân đoàn 3 (Do đồng chí Vũ Lăng tư lệnh, đồng chí Đặng Vũ Hiệp chính uỷ), gồm các sư đoàn 316, 320A, 10 cùng lực lượng vũ trang của tỉnh Tây Ninh, Củ Chi. 2 trung đoàn Gia Định, các tiểu đoàn của thành đội Sài Gòn, các đơn vị đặc công, biệt động, có nhiệm vụ; tiến công tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, chặn không cho sư đoàn 25 nguy co cụm về Sài Gòn. Tổ chức một lực lượng mạnh (cơ sở đoàn tăng cường) thọc sâu vào nội đô, đánh chiếm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất và tổ chức một bộ phận hợp điểm ở dinh Độc Lập, chiến lĩnh các quận Tân Bình, Phú Nhuận, Sư đoàn 316 có binh chủng phối thuộc chặn đánh tiêu diệt sư đoàn 25 địch ở Gò Dầu, Trảng

Bàng, sau đó về làm dự bị cho chiến dịch và quân đoàn, chủ yếu là tăng cường cho đơn vị thọc sâu.

Trên hướng bắc, sử dụng quân đoàn 1 (đồng chí Nguyễn Hoà làm tư lệnh, đồng chí Hoàng Minh Thi làm chính uỷ) gồm sư đoàn 312 và 320B, được tăng cường trung đoàn bộ binh 95B, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn xe tăng, 1 trung đoàn phòng không tự hành, phối hợp với lực lượng vũ trang Bình Phước, Bình Dương và một trung đoàn đặc công vùng ven có nhiệm vụ: bao vây tiêu diệt địch ở căn cứ Phú Lợi, Bình Dương, Lai Khê, Bến Cát, Tân Uyên, ngăn chặn và tiêu diệt sư đoàn 5 nguy không cho chúng co về Sài Gòn. Tổ chức một lực lượng binh chủng hợp thành (cơ sở sư đoàn tăng cường) thọc sâu và nội đô đánh chiếm mục tiêu chủ yếu là bộ tổng tham mưu nguy, các bộ tư lệnh binh chủng ở Gò Vấp; tổ chức một bộ phận hợp điểm ở dinh Độc Lập, chiếm lĩnh các quận Võ Giáp, Bình Thạnh.

Trên hướng đông nam, sử dụng Quân đoàn 2 (đồng chí Nguyễn Hữu An là tư lệnh, đồng chí Nguyễn Công Trang là chính uỷ) gồm sư đoàn 325 và 304, được phối thuộc sư đoàn 3 Quân khu 5 và trung đoàn đặc công 116 ở vùng ven và Bà Rịa, đánh chiếm căn cứ Nước Trong, chi khu Long Bình, căn cứ Long Bình, chi khu Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ - phà Cát Lái, chi khu Đức Thạnh, thị xã Bà Rịa, pháo kích sân bay Tân Sơn Nhất, đánh chiếm Vũng Tàu phát triển sang Cần Giuộc, tiêu diệt địch ở hữu ngạn sông Đồng Nai, đánh chiếm các quận 9 và 4; tổ chức một mũi hợp điểm ở dinh Độc Lập.

Trên hướng đông, sử dụng Quân đoàn 4 (đồng chí Hoàng Cầm tư lệnh, đồng chí Hoàng Thế Thiện chính uỷ) gồm các sư đoàn 7, 341 và 6, được tăng cường lữ đoàn bộ binh 52, 1 tiểu đoàn pháo 130mm, 1 trung đoàn và 1 tiểu đoàn phòng không hỗn hợp, 1 tiểu đoàn xe tăng, có nhiệm vụ đánh chiếm khu vực Biên Hoà - Hồ Nai (gồm sở chỉ huy quân đoàn 3 nguy và sân bay): sử dụng một lực lượng mạnh binh chủng hợp thành thọc sâu vào nội đô, đánh chiếm dinh Độc Lập, chiếm lĩnh quận 1, 2, 3 và một số mục tiêu quan trọng như căn cứ hải quân, bộ quốc phòng nguy, đài phát thanh.

Trên hướng tây và tây nam, sử dụng quân đoàn 232 (đồng chí Lê Đức Anh là tư lệnh, đồng chí Lê Văn Tường là chính uỷ) gồm các sư đoàn 3, 5 và 9, bốn trung đoàn độc lập, 1 trung đoàn đặc công, được tăng cường 1 tiểu đoàn xe tăng T54, 1 tiểu đoàn PT85, 1 tiểu đoàn pháo 130mm, 1 trung đoàn và 1 tiểu đoàn phòng không, cùng với sư đoàn 8 Quân khu 8 và các lực lượng vũ trang địa phương có nhiệm vụ cắt lộ 4 (đoạn Bến Lức - ngã ba Trung Lương), chiếm Tân An (Quân khu 8 đánh chiếm Mỹ Tho, cắt Sài Gòn và đồng bằng miền Tây, tiêu diệt địch ở Hậu Nghĩa, mở cửa tuyến sông Vàm Cỏ, tổ chức một lực lượng binh chủng hợp thành mạnh (cơ sở sư đoàn tăng cường), thọc sâu từ phía tây, đánh chiếm biệt khu thủ đô, tổ chức một bộ phận điểm ở dinh Độc Lập; tổ chức một lực lượng cơ sở sư đoàn thọc sâu từ phía nam, đánh chiếm cầu Nhị Thiên Đường, phát triển đánh chiếm mục tiêu chủ yếu là tổng nha cảnh sát, có một bộ phận hợp điểm ở dinh Độc Lập, chiếm các quận 5, 6, 7, 8, 10, 11, Bình Chánh.

Các lực lượng vùng ven và nội đô tổ chức đánh phá các sân bay, bến tàu, kho tàng, trận địa pháo địch, phát động quần chúng nổi dậy, diệt đồn bốt nhỏ, mở rộng địa bàn đứng chân, đánh chiếm, giữ trước các cầu. Trong tổng tiến công, phối hợp chặt chẽ với chủ lực đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố, làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy.

Các binh chủng đảm bảo chỉ huy, cơ động và chi viện cho bộ binh chiến đấu. Không quân và hải quân còn sẵn sàng làm nhiệm vụ phối hợp cùng bộ binh giải phóng các đảo.

Bộ Tư lệnh chiến dịch đã dự kiến ba tình huống cơ bản và một số tình huống khác có thể xảy ra; cử đại diện xuống cánh đông, cánh tây nam và tổ chức sở chỉ huy cơ bản trong giai đoạn chuẩn bị ở tây nam Lộc Ninh, sở chỉ huy trước giờ nổ súng ở đông nam Dầu Tiếng. Mọi công tác chuẩn bị dự kiến xong trước 16 giờ ngày 27 tháng 4, thời gian tiến công của toàn mặt trận dự kiến vào 6 giờ ngày 29 tháng 4 và kéo dài từ 3 đến 5 ngày. Ngày 7 tháng 4, Bộ tư lệnh hoàn chỉnh quyết tâm và ngày 14 tháng 4, Bộ Chính trị nhất trí thông qua quyết tâm của Bộ Tư lệnh chiến dịch và đồng ý chiến dịch mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh.

Công tác chuẩn bị cho chiến dịch đã được tiến hành kiên quyết khẩn trương và toàn diện theo tinh thần “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Bộ Tổng tham mưu cùng các tổng cục và Đoàn 559 bảo đảm vận chuyển quân và vật chất theo yêu cầu của chiến dịch. Quân đoàn 1 nhận lệnh ngày 25 tháng 3 ở Ninh Bình, hành quân gấp đến Đồng Xoài vào ngày 25 tháng 4. Quân đoàn 3 nhận lệnh 28 tháng 3 ở Tây Nguyên, hành quân gấp đến Dầu Tiếng vào ngày 20 tháng 4. Quân đoàn 2 nhận lệnh ngày 5 tháng 4 ở Đà Nẵng vừa hành quân vừa chiến đấu, đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, Phan Thiết, Bình Tuy tiến về Rừng Lá, Xuân Lộc, Bà Rịa.

Để đảm bảo chuyển 20.000 tấn hàng từ miền Bắc, Tây Nguyên và Khu 5 vào cung cấp đủ cho yêu cầu của chiến dịch, hậu cần chiến dịch và chiến lược đã huy động 10.000 xe vận tải, mở thêm 2 tuyến vận tải mới vào Lộc Ninh và Long Khánh, mở 6 tuyến vận tải chiến dịch xuống các cánh do hậu cần B2 phụ trách, kéo dài đường ống dẫn dầu từ Bù Đốp vào Lộc Ninh tăng cường khai thác lương thực tại chỗ...

Ngoài công tác bổ sung quân số, củng cố các đơn vị, sửa chữa, mở rộng đường cơ động và chuẩn bị các lực lượng quân sự, chính trị, hậu cần cắm ở nhiều nơi trong địa bàn để phát động và lãnh đạo quần chúng, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã chỉ đạo mở các đợt hoạt động và chiến dịch tạo thế cho chiến dịch Hồ Chí Minh, như: đợt hoạt động ở Dầu Tiếng - Chơn Thành (đường 13), Định Quán - Lâm Đồng (đường 20), chiến dịch giải phóng Xuân Lộc của Quân đoàn 4 và các hoạt động của đoàn 232 ở Tân An - Thủ Thừa, sư đoàn 8 Quân khu 8 ở lộ 4 (đoạn ngã ba Trung Lương đến bắc Mỹ Thuận), trung đoàn 24 và 88 ở đông nam Long An, sư đoàn 4 Quân khu 9 ở lộ vòng cung Cần Thơ... Các đợt hoạt động này cùng các hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương, đặc công, biệt động ở vùng ven và

nội đô Sài Gòn đã tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng chiến dịch triển khai đúng kế hoạch. Ngày 25 tháng 4, mọi công tác chuẩn bị của ta cơ bản đã hoàn thành, các lực lượng chiến dịch đã vào đến vị trí triển khai và sẵn sàng chờ lệnh nổ súng.

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu nổ súng. Từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 4, ta tiến công vào tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, thực hiện bao vây cô lập triệt để Sài Gòn, tạo thêm thế có lợi để thực hành tổng tiến công trên toàn mặt trận.

Trên hướng đông do Quân đoàn 2 đảm nhiệm. Sư đoàn 304 sử dụng trung đoàn 9 tiến công trường thiết giáp, trung đoàn 24 tiến đánh trường bộ binh ở căn cứ Nước trong. Đến 18 giờ 45 ngày 26, ta chiếm được trường thiết giáp. Địch co lại ở khu vực trường bộ binh và trường biệt kích, đồng thời điều thêm lực lượng từ Biên Hoà lên tổ chức phản kích. Liên tục trong hai ngày 27, 28, sư đoàn 304 đã đánh bại các đợt phản kích của địch và tổ chức nhiều đợt tiến công, nhưng không dứt điểm.

Sư đoàn 325, sử dụng trung đoàn 101 tiến công quận lỵ Long Thành, trung đoàn 46 luồn vào sau lưng địch đánh chiếm ngã ba Phước Thiêng, trung đoàn 18 bao vây địch ở Bình Sơn và làm dự bị cho sư đoàn. Đến 10 giờ ngày 27, trung đoàn 46 chiếm được Thái Lạc, Phước Thiêng, Phú Lợi và bao vây Long Tân. 10 giờ 30 ngày 27, trung đoàn 101 chiếm xong quận lỵ Long Thành. Sáng ngày 28, trung đoàn 46 dẫn đầu đội hình của sư đoàn tiến quân theo đường 25, liên tiếp tiêu diệt các cụm phòng ngự của địch ở Bến Sáng, Phú Hội, Long Tân, sau đó làm chủ quận lỵ Nhơn Trạch vào chiều ngày 28, sư đoàn 325 đã tổ chức đánh bại tất cả các đợt phản kích của địch ở khu vực Nhơn Trạch, tạo điều kiện cho pháo binh Quân đoàn vào chiếm lĩnh trận địa bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Trên hướng sư đoàn 3, lúc 20 giờ ngày 26, trung đoàn 12 đánh chiếm Đức Thạnh, sau đó truy kích địch qua ba huyện Đức Thạnh, Đất Đỏ, Long Điền, cùng lực lượng địa phương xoá bỏ một loạt vị trí ở ven biển. 15 giờ ngày 27, trung đoàn 141 chiếm xong thị xã Bà Rịa và trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp. Các lực lượng sư đoàn 3 phát triển xuống Vũng Tàu, nhưng địch đã phá cầu Cỏ Mây và tổ chức ngăn chặn tại đây. Sư đoàn đã chuyển hướng vụ hồi của trung đoàn 12 làm hướng tiến công chính và tăng cường thêm lực lượng của trung đoàn 2 cho hướng này, tiếp tục tổ chức tiến công địch.

Trong ngày 27, địch đã dùng 114 lần chiếc máy bay các loại bắn phá vào đội hình tiến công của Quân đoàn 2, lực lượng phòng không của quân đoàn bắn trả quyết liệt, bắn rơi 7 chiếc.

Hai tiểu đoàn địa phương Bà Rịa và hai đại đội địa phương Long Đất cùng phối hợp chặt chẽ với chủ lực tiến công địch ở Long Điền, Đất Đỏ. Đến 17 giờ ngày 27, ta hoàn toàn làm chủ khu vực từ Long Hải đến Bà Rịa.

Trên hướng đông nam do Quân đoàn 4 đảm nhiệm, sư đoàn 314 sử dụng 2 trung đoàn 270 và 273 tiến công đánh chiếm căn cứ Trảng Bom, trung đoàn 266

tiến đánh khu vực phòng thủ của địch từ Hưng Nghĩa – ấp Bầu Cá tiêu diệt lực lượng còn lại của sư đoàn 18 và trung đoàn 5 thiết giáp ngụy. Đến 10 giờ ngày 27, sư đoàn chiếm Trảng Bom, làm chủ từ suối Địa đến ga Long Lạc. Ngày 28, sư đoàn 341 phát triển vào Hồ Nai, bị địch ngăn chặn quyết liệt phải dừng lại tổ chức đột phá. Sư đoàn 6, do không đánh trúng mục tiêu, để địch co cụm về Long Lạc – Hồ Nai. Sư đoàn 7 cùng lữ đoàn 52 tiến theo sau đội hình của sư đoàn 6, bố trí ở nam lộ 1 chuẩn bị làm lực lượng thọc sâu của Quân đoàn.

Các lực lượng ở vùng ven trên hai hướng đông và đông nam đồng loạt tổ chức đánh chiếm và giữ các cầu bên trong lòng địch. Ngày 27, đoàn 113 đặc công, đánh chiếm các cầu Ghềnh, Rạch Chiếc, Rạch Cát. Địch phản kích chiếm lại, ta chuẩn bị đánh tiếp. Đoàn đặc công 116 đánh chiếm cầu xa lộ Đồng Nai, đánh bại phản kích của địch, giữ vững cầu. Ngày 28, đại đội 40 (đoàn 116) đánh chiếm cầu Bến Gỗ (Cát Lái). Đoàn 10 đặc công tập kích đồn Phước Khánh, Nhơn Trạch; tổ chức một bộ phận vượt sông đánh vào cảng hải quân nhưng không thành công. Pháo binh chiến dịch ở Hiếu Liêm bắn phá làm tê liệt sân bay Biên Hoà; sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy phải chạy về Gò Vấp vào chiều 28.

Trên hai hướng tây và tây nam, từ ngày 27, sư đoàn 5 đã cắt hoàn toàn lộ 4 từ Bến Lức - Tân An. Sư đoàn 8 đánh cắt lộ 4 đoạn Trung Lương - Tấn Hiệp - Long Định; tiểu đoàn công binh 341 Quân khu 8 cùng bộ đội địa phương cắt đoạn Cai Lậy - An Hữu. Sư đoàn 3 tiến công đánh chiếm khu vực An Ninh - Lộ Giang, sau đó vượt sông Vàm Cỏ áp sát địch, đảm bảo cho sư đoàn 9 cùng binh khí kỹ thuật vượt sông vào tập kết ở Bầu Cong, Mỹ Thạnh, Đức Hoà. Các trung đoàn 24, 88 mở rộng vị trí đứng chân ở bắc Cần Giuộc, chiếm các đường 5 chuẩn bị tiến vào nam Sài Gòn.

Trên hướng tây bắc do Quân đoàn 3 đảm nhiệm, cũng trong hai ngày 27, 28, sư đoàn 361 sử dụng trung đoàn 174 cắt lộ 22 đoạn Bầu Nâu - Trà Võ; trung đoàn 148 và trung đoàn 149 cắt lộ 1 đoạn Phước Mỹ - Trảng Bàn, diệt các chốt địch ở Trung Hưng, Suối Cao, Bó Heo, chặn sư đoàn 25 ngụy, chế áp các trận địa pháo địch, bức hàng tiểu đoàn 1 của trung đoàn 50 ngụy, và cùng lực lượng vũ trang Tây Ninh bao vây thị xã, giải phóng nhiều vùng nông thôn.

Trên hướng bắc do Quân đoàn 1 đảm nhiệm, sư đoàn 312 sử dụng trung đoàn 141 phối hợp với tiểu đoàn 2 địa phương diệt gọn tiểu đoàn 306 bảo an và một số trận địa pháo địch, mở đường 16 đoạn Bình Mỹ - Sinh Cơ, đồng thời đưa trung đoàn 165 vào bao vây căn cứ Phú Lợi, đưa trung đoàn 209 luồn xuống chốt đường 13. Chặn sư đoàn 5 ngụy. Sư đoàn 320 B cơ động đội hình đến bắc Bình Chuẩn. Lực lượng vũ trang Thủ Dầu Một đã phối hợp giải phóng tây nam Bến Cát, tây nam Tân Uyên. Đoàn 115, tiểu đoàn Gia Định đánh chiếm và làm chủ lộ Đại Hàn đoạn cầu Bình Phước - Quán Tre, mở thông cửa phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất.

Chiều 28, không quân ta đã dùng 5 máy bay A37 thu được của địch, do đồng chí Nguyễn Văn Lục chỉ huy, được phi công Nguyễn Thành Trung (người đã ném bom dinh Độc Lập ngày 8 tháng 4) dẫn đường vượt qua mạng lưới cảnh giới của

địch ném bom vào sân bay Tân Sơn Nhất, đặc công bắn 400 viên ĐKB vào sân bay làm tê liệt hoạt động của sân bay này.

Như vậy, trong hai ngày tiến công, trên tất cả các hướng ta đã thực hiện tốt việc ngăn chặn chủ lực địch ở vòng ngoài, triệt để bao vây cô lập Sài Gòn. Tuy địch đối phó quyết liệt, nhưng trước sức tiến công của ta, sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy rút về Gò Vấp, quân địch đã hoang mang cao độ, tướng tá ngụy tranh nhau di tản. Bộ tư lệnh chiến dịch đã kịp thời thông báo tình hình chung và lệnh cho các hướng tiếp tục tiến công để đảm bảo đến sáng ngày 29 tháng 4, toàn mặt trận tổng tiến công vào Sài Gòn theo đúng kế hoạch.

Trong ngày 29 tháng 4, ta thực hành tổng tiến công trên toàn mặt trận, chặn và tiêu diệt các tập đoàn chủ lực chủ yếu của địch ở vòng ngoài, đồng thời thọc sâu cùng lực lượng tại chỗ đánh chiếm các địa bàn quan trọng ở vùng ven, chuẩn bị đồng loạt đánh vào nội đô.

Trên hướng đông nam - hướng Quân đoàn 2, từ 4 giờ 30 phút ngày 29, pháo binh quân đoàn bắt đầu bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Sư đoàn 304 tiến công dứt điểm tiêu diệt quân địch ở trường bộ binh, bãi để xe thiết giáp ở căn cứ Nước Trong và ngã ba Long Bình. Đến 10 giờ, trung đoàn 9 chiếm ngã ba đường 15, sau đó toàn bộ sư đoàn 304 phát triển theo đường 15 chiếm cầu sông Buông, căn cứ Long Bình. Tận dụng kết quả tiến công của sư đoàn 304, binh đội thọc sâu (gồm lữ đoàn tăng thiết giáp 203, trung đoàn bộ binh 66 và một bộ phận pháo binh, công binh, phòng không) đã nhanh chóng vượt lên trước, bắt liên lạc được với đoàn đặc công 116 giữ cầu Đồng Nai, chuẩn bị cho đột phá vào nội đô.

Cùng thời gian trên, sư đoàn 325 sử dụng trung đoàn 46 giải quyết nốt các mục tiêu còn lại ở Nhơn Trạch, sau đó tiến công vào quân địch ở thành Tuy Hạ. Địch ở Tuy Hạ chống cự quyết liệt, sư đoàn phải sử dụng một bộ phận của trung đoàn 121 cùng xe tăng mở mũi tiến công vào cổng chính để phối hợp với trung đoàn 46, mới giải quyết được. Sau khi diệt địch ở Tuy Hạ, sư đoàn tổ chức truy kích, vượt sông bằng sức mạnh, đánh chiếm căn cứ hải quân Cát Lái và tiếp tục phát triển đánh vào quận 9 và bộ tư lệnh hải quân địch. Sư đoàn 3, tiếp tục tiến ra Vũng Tàu và làm chủ thị xã lúc 16 giờ 15 ngày 29.

Trên hướng đông - hướng Quân đoàn 4, từ sáng 29, sư đoàn 314 có 5 xe tăng dẫn đầu lần lượt đập tan nhiều ổ đề kháng của địch. Tới ngã ba Hồ Nai - Biên Hoà, gặp hào sâu, xe tăng không qua được, sư đoàn phải vòng qua phía bắc đánh xuống Biên Hoà. Trung đoàn 273 diệt một tiểu đoàn địch ở ga Long Hạc, tiến vào sân bay Biên Hoà chiếm căn cứ của sư đoàn 3 không quân ngụy. Trung đoàn 270 phối hợp cùng sư đoàn 6 (sau khi đã đánh chiếm căn cứ thiết giáp, sư đoàn 18 ngụy ở Yên Thế), đánh chiếm căn cứ pháo binh Hóc Bà Thúc, sau đó cùng trung đoàn 266 vòng qua Hồ Nai, đánh vào Long Bình. Đêm 29, sư đoàn 6 đập tan tuyến phòng thủ của địch ở ngã ba Hồ Nai, bắn cháy phá huỷ hàng chục xe tăng, xe thiết giáp.

Cùng thời gian trên, sư đoàn 7 (thiếu trung đoàn 209), binh đội thọc sâu của quân đoàn tiến theo trục đường 1, tiêu diệt tiểu đoàn 6 thủy quân lục chiến và một bộ phận trung đoàn 82 sư đoàn 18 cách Hồ Nai 1.500 mét, phá huỷ 40 xe tăng, xe thiết giáp, sau đó tổ chức đột phá qua Tam Hiệp, mở rộng đường hành quân sang hai cánh, vừa đi vừa đánh địch đẩy nhanh tốc độ tiến công.

Phối hợp với chủ lực, lực lượng vùng ven trên hai hướng hoạt động khá hiệu quả. Đoàn đặc công 116 tập kích vào bộ chỉ huy tiếp vận của địch ở tây nam Long Bình, kho xăng Long Bình và tổ chức chốt giữ cầu xa lộ Đồng Nai, Đoàn đặc công 115 chiến cầu Ghềnh lần hai, tổ chức một bộ phận tập kích sở chỉ huy trung đoàn 15 thiết giáp và trung tâm tiếp vận Biên Hoà ở Hóc Bà Thúc. Đoàn đặc công 10 đánh chiếm Phước Khánh, ngã ba Đồng Tranh, bắn cháy 10 tàu trên sông Sài Gòn.

Trên hướng tây bắc - hướng Quân đoàn 3, ngày 29, trung đoàn đặc công 198 đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng và đánh tan tiểu đoàn 81 biệt kích dù, sau đó bàn giao cho đại đội 10 (trung đoàn 64) chốt giữ bảo vệ cầu Bông. Sư đoàn 320 A tiến công quyết liệt căn cứ Đồng Dù, đánh bại phản kích của địch, tiêu diệt sở chỉ huy sư đoàn và trung đoàn 50 của sư đoàn 25 ngụy, bắt sống chuẩn tướng Lý Tông Bá, sư đoàn trưởng. Sư đoàn 316 tiến công địch tại Bến Kéo, Cẩm Giàng, Trà Võ, Đồng Chùa, Suối Sâu, Gò Đầm Hạ, Lào Táo, Phước Hiệp, đến 17 giờ làm chủ Trảng Bàng, tiêu diệt làm tan rã 2 trung đoàn 46, 49 liên đoàn 251 bảo an, 1 chiến đoàn thiết giáp. Sư đoàn 25 ngụy bị xoá sổ.

Sư đoàn 10 (binh đội thọc sâu) xuất phát lúc 5 giờ 25, tiến vào nội đô trên hai cánh. Trung đoàn 24 cùng 1 tiểu đoàn xe tăng theo quốc lộ 1, đánh tan cụm quân địch ở Hậu Nghĩa, Củ Chi, diệt 28 xe tăng, xe thiết giáp, hàng chục xe GMC, sau đó phát triển đánh chiếm thành Quan Năm và Hóc Môn. Trung đoàn 28 cùng 2 tiểu đoàn thiết giáp và trung đoàn pháo binh tiến theo đường 15, nhanh chóng tiêu diệt các cụm quân địch ở Phú Hoà Đông, Tân Quy, sau đó vì cầu Sáng sập, phải quay lại Ba Ri, Tân Quy, theo tỉnh lộ 8, vượt qua Đồng Dù, tiến sang cầu Bông, đánh chiếm khu huấn luyện Quang Trung. 16 giờ trung đoàn tiến đến xưởng dệt Vi-ne-dex-cô, đánh tan 1 tiểu đoàn địch tại đây. Đến 21 giờ, trung đoàn đến Bà Quẹo, bị địch ngăn chặn quyết liệt, phải dừng lại củng cố.

Trên hướng bắc - hướng Quân đoàn 1. Sư đoàn 312 đã đưa trung đoàn 165 áp sát căn cứ Phú Lợi, trung đoàn 209 triển khai trận địa chốt chặn trên đường 13. Sở chỉ huy nhẹ của sư đoàn 5 ngụy hoảng sợ tháo chạy, bị lực lượng chốt chặn của ta ở Phú Cường bắt làm tù binh. Sư đoàn 320 B làm nhiệm vụ thọc sâu, bị địch ngăn chặn ở gần Tân Uyên, toàn bộ đội hình hành quân của sư đoàn gồm 287 xe các loại bị ùn tắc ở tây bắc Tân Uyên. Sư đoàn phải sử dụng tiểu đoàn 1 của trung đoàn 48 và tiểu đoàn 4 của trung đoàn 27, được đồng chí chỉ huy phó tỉnh đội dẫn đường, luồn về phía sau, đánh tan tiểu đoàn 316 bảo an chốt giữ tại Tân Uyên mở đường cho hai cánh của sư đoàn tiến về Lái Thiêu.

Lực lượng vùng ven trên hai hướng bắc và tây bắc trong ngày 29 cũng đánh địch rất hiệu quả. Trung đoàn 1 Gia Định đánh địch ở Tân Thới Nhật, Xuân Thới

Thương (quận Tân Bình), diệt chốt ngã ba Như Dòng trên lộ 9, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giành chính quyền làm chủ, truy quét tàn binh địch. Trung đoàn đặc công 115 giải phóng xã Tân Thới Hiệp, đánh bại phản kích của quân dù. Tiểu đoàn 10 Gia Định chiến cầu Chợ Mới. Biệt động đánh cầu Bình Phước, dài phát thanh Quán Tre, đại đội địa phương Củ Chi đánh chiếm chi khu. Tiểu đoàn 80 biệt động tiến công trận địa pháo và trại thiết giáp Phù Đổng, Gò Vấp. Trung đoàn Gia Định chặn đánh trung đoàn 50 sư đoàn 25 nguy tháo chạy từ Đồng Dù...

Trên hướng tây và tây nam - hướng đoàn 232, sư đoàn 3, lúc 10 giờ 10 ngày 29 đã làm chủ thị xã Hậu Nghĩa, sau đó tổ chức đánh chiếm chi khu Đức Hoà, chi khu Đức Huệ (lúc 14 giờ 30), căn cứ Trà Cú (lúc 18 giờ 20) và tổ chức vượt sông Vàm Cỏ Đông. Tàn quân địch ở Hậu Nghĩa chạy về Củ Chi vị trung đoàn 1 Gia Định từ Xuân Thới Thượng vận động ra diệt và bắt hàng trên 1.000 tên. Sư đoàn 9 đưa toàn bộ lực lượng vào Mỹ Hạnh, sau đó thọc sâu về hướng Bà Quẹo. Đêm 29, trung đoàn 3, bộ phận đi đầu của sư đoàn đã triển khai ở khu vực Bà Lác - tuyến đê Đại Hàn, bắc Bà Hom 2km. Sư đoàn 5 và sư đoàn 8 tiếp tục cắt lộ 4, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Trung đoàn 24 và 88 đã phát triển đến bắc Cần Giuộc, Hưng Long. Phía bên trong, lực lượng vùng ven cũng tăng cường hoạt động: trung đoàn đặc công 429 tiến đánh tiểu đoàn 8 biệt động nguy tại Tân Tạo, Bà Hom, khu ra đa Phú Lâm; đánh chiếm ấp 2 (Bình Trị Đông), ấp Bình Hưng, Ký Thúc On và cầu Nhị Thiên Đường; trung đoàn đặc công 117 bắn 200 viên ĐKB vào sân bay Tân Sơn Nhất; bộ đội địa phương Bình Chánh đánh chiếm các phân chi khu Tân Túc, Tân Hào (Tân Bình).

Như vậy trong ngày 29 các hướng các mũi tên đã tích cực đánh chiếm các mục tiêu quy định, chặn được chủ lực địch ở vòng ngoài, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn lực lượng chủ yếu của địch, mở thông cửa cho các binh đoàn thọc sâu (lực lượng thọc sâu ở hai hướng tây bắc và tây nam đã vào tới nơi quy định). Địch đối phó quyết liệt trên hướng đông và đông nam, nhất là ở khu vực Hồ Nai, Biên Hoà, căn cứ Nước Trong - Sông Buông. Song trước sức tiến công mạnh mẽ của ta, địch rất hoang mang, có hiện tượng tan rã, rút chạy, đầu hàng từng bộ phận, chỉ huy rối loạn. Quần chúng nhân dân ở từng hướng dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tại chỗ nổi dậy giành quyền làm chủ, truy quét tàn quân và phá các vị trí địch.

Nắm chắc tình hình trên các hướng, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tiếp tục tiến công vào nội đô theo kế hoạch đã dự kiến, đồng thời bổ sung nhiệm vụ cho một số hướng. Quân đoàn 4 phải nhanh chóng đánh chiếm Biên Hoà, đặc biệt là sư đoàn 7 thọc sâu phải hết sức khẩn trương cho kịp các hướng khác. Quân đoàn 1 kiên quyết chặn và tiêu diệt sư đoàn 5 nguy. Sư đoàn 320B bỏ qua quân địch dọc đường, nhanh chóng tiếp cận vùng ven để thực hành đột phá nội đô. Đề phòng Quân đoàn 1 vào chậm, Quân đoàn 3 ngoài nhiệm vụ đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất, phải tổ chức một bộ phận đánh vào bộ tổng tham mưu nguy.

Ngày 30 tháng 4, các hướng tổng công kích vào nội thành Sài Gòn, đánh chiếm các mục tiêu chiến lược đã quy định, hoàn thành nhiệm vụ của chiến dịch.

Trên hướng đông nam - hướng Quân đoàn 2, binh đội thọc sâu (lữ đoàn 203 và trung đoàn 66) được trung đoàn đặc công 116 dẫn đường, xuất phát từ lúc 5 giờ, vượt qua cầu Đồng Nai, bỏ qua cụm địch ngăn chặn ở ngã tư Thủ Đức, tiến đến cầu Rạch Chiếc lúc 9 giờ. Được lực lượng biệt động phối hợp, binh đội tiến về cầu xa lộ Sài Gòn, dùng sức mạnh của pháo binh, xe tăng đập tan cụm phòng ngự bộ binh, cơ giới của địch ở đây rồi tiến thẳng vào nội đô. 10 giờ 30 phút, được đồng chí Nga biệt động dẫn đường, đại đội xe tăng do đại đội trưởng Bùi Quang Thận chỉ huy dẫn đầu đội hình thọc sâu đã tiến vào dinh Độc Lập, bắt toàn bộ ngục quyền trung ương Sài Gòn, buộc chúng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trên đài phát thanh. Đúng 11 giờ 30, cờ cách mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập. Tiếp đó ta chiếm đài phát thanh, ngân hàng, bộ quốc phòng ngục, 13 giờ, chiếm bộ tư lệnh hải quân - thương cảng; 14 giờ, chiếm quận 4, trường huấn luyện Thủ Đức, cục chiến tranh chính trị, cảng Sài Gòn.

Sư đoàn 304 sau khi đánh chiếm khu Long Bình, làm chủ xa lộ Sài Gòn, đánh chiếm Tân Cảng. Sư đoàn 325, sau khi chiếm Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, Cát Lái, lúc 13 giờ 30 ngày 30 đã vượt sông đánh chiếm Quận 9, Thủ Thiêm. Sư đoàn 3, lúc 9 giờ 30, làm chủ Vũng Tàu và được nhân dân địa phương đưa thuyền bè đến giúp đỡ tổ chức vượt sông thẳng lợi, tiến công địch đánh chiếm Cần Giuộc.

Trên hướng đông - hướng Quân đoàn 4, sư đoàn 6, từ 7 giờ đến 9 giờ ngày 30, phối hợp cùng trung đoàn 3 của sư đoàn 341 đánh chiếm sở chỉ huy quân đoàn 3 ngục, đến 11 giờ, chiếm sở chỉ huy sư đoàn 3 không quân và sân bay Biên Hoà. Sư đoàn 341, 9 giờ ngày 30, chiếm Hóc Bà Thước, 13 giờ phát triển sang Thủ Đức. 10 giờ 30, trung đoàn 209 đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn 18 và khu biệt động quân, sau đó phát triển vào nội đô Sài Gòn. 11 giờ, tiểu đoàn 7 của trung đoàn 3 cùng 6 xe tăng vượt qua cầu Ghềnh vừa đi vừa đánh địch, tiến vào Sài Gòn lúc 16 giờ 30.

Sư đoàn 7 sau khi đánh tan quân địch ngăn chặn ở ngã ba Tam Hiệp, lúc 9 giờ, tổ chức đội hình tiến vào Sài Gòn theo đường xa lộ (vì cầu ở đường 1 không chịu được tải trọng của xe tăng). 13 giờ 30, sư đoàn đến dinh Độc Lập, sau đó đánh chiếm các mục tiêu quy định: như sở chỉ huy thủy quân lục chiến, căn cứ hải quân, bộ quốc phòng, cảng Bạch Đằng... và nhận bàn giao dinh Độc Lập từ Quân đoàn 2. Lữ đoàn 52 tiến sau đội hình của sư đoàn 7 cũng đã chiếm các mục tiêu được phân công ở quận 10.

Trên hướng tây bắc - hướng Quân đoàn 3, binh đoàn thọc sâu từ các vị trí triển khai nhanh chóng tiến vào đánh chiếm các mục tiêu quy định. Trung đoàn bộ binh 24 cùng một tiểu đoàn của lữ đoàn thiết giáp 273 được nữ biệt động Nguyễn Trung Kiên dẫn đường, từ 6 giờ 30 nổ súng đánh chiếm ngã tư Bảy Hiền, sau đó đánh thẳng vào cổng 5 của sân bay Tân Sơn Nhất. Địch ở sân bay chống trả quyết liệt, ta bị cháy 3 xe tăng, xe thiết giáp. Trung đoàn tổ chức lại đội hình tiến công từ hai cổng 4 và 5, điều thêm pháo bắn thẳng đến chi viện, đến 9 giờ 30, trung đoàn chiếm được cổng 5, thọc sâu bắt liên lạc với phái đoàn

ta ở trại “trại Đa Vít”, chiếm khu thông tin, bộ tư lệnh không quân và bộ tư lệnh sư đoàn không quân địch. Đến 13 giờ 30, ta làm chủ sân bay Tân Sơn Nhất.

Trung đoàn 28 và 2 tiểu đoàn của lữ đoàn tăng thiết giáp 273 tiến đánh bộ tổng tham mưu ngụy. Lúc 9 giờ 30, đơn vị tiến đến Lăng Cha Cả, diệt một bộ phận quân dù ngăn chặn ở bệnh viện Cổ Đốc, rồi đột phá vào cổng 1 của bộ tổng tham mưu ngụy. Địch ngoan cố chống cự, nhưng sau khi ta bắn cháy 3 xe tăng, chúng bỏ chạy, trung đoàn phát triển vào cùng trung đoàn 48 sư đoàn 320 B Quân đoàn 1 làm chủ khu vực bộ tổng tham mưu ngụy.

Trung đoàn 64 có nhiệm vụ phát triển, hiệp đồng với đơn vị bạn đánh dinh Độc Lập, nhưng 13 giờ mới tới nơi, sau đó cùng đơn vị bạn đánh chiếm các mục tiêu làm chủ quận 3, quận Phú Nhuận. Trong khi đó các sư đoàn 316, 320 tiếp tục truy quét tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn sư đoàn 25 và các lực lượng khác của quân ngụy, cùng lực lượng các địa phương Tây Ninh, Củ Chi, Hóc Môn, giải phóng các địa phương này.

Trên hướng bắc - hướng Quân đoàn 1, sư đoàn 312 sử dụng trung đoàn 165 có xe tăng đi cùng tiến công tiêu diệt địch ở căn cứ Phú Lợi; trung đoàn 209 đánh chiếm các vị trí địch ở An Lợi, Cầu Tây, Mỹ Thạch, Xóm Xoài; trung đoàn 141 vượt qua Trảng Bàng, đánh địch ở Lai Khê. Sau đó sư đoàn phát triển về Thủ Dầu. Một tiêu diệt làm tan rã và bắt sống toàn bộ sư đoàn 5 cùng lực lượng khác của ngụy tại Bình Dương giải phóng tỉnh Bình Dương. Tướng Lê Nguyên Vỹ tư lệnh sư đoàn 5 ngụy phải tự sát.

Trên mũi thọc sâu - sư đoàn 320B, trung đoàn 27 tiến công địch ở Lái Thiêu (6 giờ 30) sau đó phát triển đánh chiếm khu vực cầu Vĩnh Bình, cầu Bình Phước (cầu Bình Phước do tiểu đoàn 5 đặc công đã chiếm lúc 7 giờ 30, chốt giữ), mở đường cho trung đoàn 48 cùng tiểu đoàn 66 thuộc lữ đoàn tăng thiết giáp 202 tiến vào nội đô. Trung đoàn 48 sau khi đã diệt và làm tan rã toàn bộ lữ đoàn 3 kỵ binh ngụy tại cầu Bình Triệu đã vượt qua ngã tư Phú Nhuận, theo đường Võ Tánh tiến thẳng vào bộ tổng tham mưu ngụy. Trung đoàn tổ chức nhiều mũi đánh vào các cổng 1, 2, 3, hình thành bao vây, phối hợp với trung đoàn 28 sư đoàn 10 Quân đoàn 3 làm chủ bộ tổng tham mưu ngụy lúc 10 giờ 30. Do có 21 đồng chí biệt động thành dẫn đường, nên các lực lượng đánh bộ tổng tham mưu ngụy, tiến công khá nhanh và đánh rất trúng mục tiêu.

Trên cả hai hướng tây và tây nam - hướng đoàn 232, sư đoàn 3 đã hoàn thành việc đánh chiếm khu vực Hậu Nghĩa và hai bên sông Vàm Cỏ, bảo đảm bến vượt cho sư đoàn 9 - lực lượng thọc sâu tiến thẳng vào Sài Gòn. Sau khi vượt sông, sư đoàn 9 tổ chức tiến quân theo hai trục. Trục thứ nhất, trung đoàn 1 sau khi diệt 1 tiểu đoàn dù ở ngã ba Bà Quẹo, đánh chiếm phân chi khu Vĩnh Lộc, trung đoàn tiến vào ngã tư Bảy Hiền, đập tan kháng cự của địch ở đây và phát triển theo đường Lê Văn Duyệt, đánh chiếm biệt khu Thủ đô, bắt sống tướng ngụy Lâm Văn Phát. Trục thứ hai trung đoàn 3 tiến công tiêu diệt sở chỉ huy liên đoàn 8 và tiểu đoàn biệt động quân 88 trên tuyến vành đai Đại Hàn; tiếp đó đánh tan tiểu đoàn

bảo an 327 ở nam Vĩnh Lộc, tiến công chốt của tiểu đoàn 317 bảo an, tiêu diệt chi khu Bà Hom, đánh chiếm trường đua Phú Thọ và có một bộ phận sang hợp điểm ở dinh Độc Lập.

Trên mũi tiến công của trung đoàn 24, lúc 5 giờ 30 phút, trung đoàn cùng đặc công tiến công diệt đồn ngã ba Đình Hưng Đông, sau đó chiếm cầu Nhị Thiên Đường, cầu chữ Y. 10 giờ 30, đánh chiếm bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia và đưa một bộ phận sang hợp điểm ở dinh Độc Lập. Trung đoàn 88, từ 5 giờ 30 đến 8 giờ, tiến công tiêu diệt đồn và phân chi khu Bà Phước, sau đó phát triển tiến công làm chủ đồn Ông Thìn, ngã ba An Phú, khu Nhà Bè. Trung đoàn 16, lúc 6 giờ 30, chiếm ga An Lộc, 11 giờ 30 chiếm cầu Bình Điện, sau đó có một bộ phận phát triển vào nội thành.

Sư đoàn 5, từ 5 giờ đến 12 giờ, tiến công tiêu diệt và bức hàng toàn bộ sư đoàn 22 và các liên đoàn biệt động quân, cùng lực lượng tại chỗ đánh chiếm thị xã Tân An, chi khu Thủ Thừa. Các đơn vị đặc công; 8 giờ, chiếm quận Tân Bình, 10 giờ, chiếm quận Bình Chánh; 12 giờ, chiếm được khu Rừng Sát.

Như vậy đến 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4, ta đã đánh chiếm xong 5 mục tiêu chủ yếu và trong ngày cũng đã làm chủ toàn bộ các mục tiêu quân sự, chính trị, hành chính, kinh tế trong nội thành Sài Gòn. Sau hơn 3 ngày đêm chiến đấu thần tốc, dũng mãnh, chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng.

Quân dân khu 8 và khu 9 đã nắm vững thời cơ chiến lược, chủ động phối hợp với chiến trường chính ở miền Đông Nam Bộ, tiến công quân địch, nổi dậy làm chủ. Đến sáng ngày 1 tháng 5, đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân đoàn 4, quân khu 4 địch, giải phóng đồng bằng sông Cửu Long.

Kết quả, trong chiến dịch Hồ Chí Minh ta đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng chủ lực, địa phương, cảnh sát thuộc quân khu 3 địch, lực lượng tổng trừ bị còn lại và tàn quân của quân đoàn 1, quân đoàn 2. Đập tan hệ thống nguy quyền từ trung ương đến cơ sở, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh Tân An, Gò Công, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hoà, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu. Tổng số lực lượng địch bị tiêu diệt và tan rã khoảng 250.000 tên (trong đó khoảng 160.000 tên bị bắt và đầu hàng. 15.700 tên bị tiêu diệt). Tính đến ngày 10 tháng 10 năm 1975, có thêm hơn 700.000 tên ra trình diện (có 30 tướng, hơn 400 đại tá, hơn 200 trung tá, hơn 5.000 thiếu tá, gần 60.000 cấp úy). Số đơn vị bị diệt gồm: 7 sư đoàn bộ binh (có 3 sư đoàn mới khôi phục), 5 lữ đoàn dù, kỵ binh thiết giáp và pháo binh, 4 sư đoàn không quân, 90 đơn vị hải quân... ta đã thu 500 khẩu pháo, hơn 400 xe tăng, xe thiết giáp, hơn 800 máy bay, 600 tàu chiến, 270.000 khẩu súng, 3.000 xe các loại, thu toàn bộ kho tàng và trang thiết bị ở các căn cứ của địch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh - chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng toàn thắng đã đưa cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của ta đến thắng lợi cuối cùng. Từ đây, nhân dân ta đã giành được độc lập tự do, tiến tới thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Về nghệ thuật chiến dịch, chiến dịch Hồ Chí Minh có nhiều phát triển mới. Trước hết Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã kịp thời nắm bắt đúng thời cơ chiến lược, hạ quyết tâm chiến dịch chính xác và kịp thời. Sau thắng lợi vang dội ở Tây Nguyên, ta đã chỉ đạo nhanh chóng tiêu diệt quân khu 1 và bộ phận còn lại của quân khu 2 địch, không cho chúng co cụm về Sài Gòn; nhanh chóng tập trung lực lượng trong một thời gian ngắn (khoảng 1 tháng) với lực lượng lớn chưa từng có trong lịch sử chiến tranh cách mạng nước ta (15 sư đoàn) và một khối lượng vật chất, trang thiết bị kỹ thuật rất lớn tạo ưu thế về lực, thực hiện thắng lợi trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975; đồng thời đã tăng cường sự lãnh đạo tại chỗ của Bộ Chính trị đối với chiến dịch, tăng cường bộ máy chỉ đạo và chỉ huy cho chiến dịch, huy động sức người và vật chất ở mức độ cao nhất cho chiến trường, tạo điều kiện cho Bộ tư lệnh chiến dịch đã nắm chắc ý đồ của trên, hạ quyết tâm chiến dịch chính xác và kịp thời, chuẩn bị chu đáo, thực hành chiến dịch trong một thời gian ngắn, đánh bại ý đồ kéo dài cuộc chiến tranh của địch.

Việc tạo thời cơ, nắm bắt và tranh thủ thời cơ phụ thuộc rất lớn vào thế lực của ta trên chiến trường. Về thế, trước khi bước vào chiến dịch ta đã có một thế trận chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao. Đó là thế trận của hai lực lượng, ba thứ quân, thế trận đảm bảo cho thực hiện hai đòn tiến công chiến lược là tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Bằng một loạt các hoạt động quân sự của ta trước chiến dịch ta đã tạo được thế bao vây chia cắt Sài Gòn, lập được hành lang chiến lược nối từ hậu phương trực tiếp đến chiến trường, hành lang đó ngày càng được mở rộng và hoàn chỉnh. Các lực lượng ba thứ quân của ta đã đứng chân được ở những vị trí xung yếu. Về lực, với thắng lợi của các đòn quân sự trước chiến dịch trên toàn Miền, ta đã làm suy giảm lực lượng địch bằng những trận tiêu diệt lớn (địch đã bị thiệt hại tới 35% quân số, 40% cơ sở hậu cần, 40% binh khí kỹ thuật). Ta đã thực hiện chia cắt chiến lược giữa đồng bằng sông Cửu Long và Sài Gòn. Do có ý đồ chuẩn bị cho trận quyết chiến và chiến lược từ trước nên ta đã xây được các binh đoàn chủ lực mạnh. Về so sánh lực lượng địch, ta lúc này, ta đã đạt tỉ lệ áp đảo 1,7 trên với 1 chủ lực và 3 trên 1 với số đơn vị tập trung. Về binh khí kỹ thuật ta đã tập trung được 516 khẩu pháo mặt đất, 550 tên lửa và pháo phòng không, 1 đại đội máy bay A37, 320 xe tăng, xe thiết giáp, 1.600 xe kỹ thuật chiến đấu, hơn 10.000 xe vận tải, 60.000 tấn vật chất (15.000 tấn đạn). Về lực lượng nổi dậy ta đã tăng cường 1.700 cán bộ cho vùng ven và nội thành, có hơn 1.200 đảng viên và 10.000 quần chúng nòng cốt, 40 lăm chính trị với 7.000 quần chúng làm chủ có mức độ, 400 tổ chức công khai với 25.000 người do ta nắm. Rõ ràng cả thế và lực ta đều áp đảo địch.

Từ nghiên cứu kỹ thực tế chiến trường Bộ Tư lệnh chiến dịch đã đi đến kết luận rất đúng về hai đối tượng tác chiến chủ yếu của chiến dịch là các sư đoàn chủ lực của chúng bố trí ở vòng ngoài và cơ quan đầu não về quân sự chính trị ở nội đô. Hai đối tượng này có quan hệ mật thiết với nhau, đối tượng thứ nhất bị tiêu diệt thì đối tượng thứ hai sẽ mất chỗ dựa chủ yếu, mất ý chí để kháng, tan

rã hoặc đầu hàng. Ngược lại nếu đối tượng thứ hai bị tan rã hoặc đầu hàng sớm, thì đối tượng thứ nhất sẽ như rắn mất đầu và nhanh chóng bị tiêu diệt. Từ nhận định trên Bộ Tư lệnh chiến dịch đã xác định cách đánh chiến dịch, chiến thuật trong chiến dịch rất linh hoạt và sáng tạo đó là kết hợp với thế trận đã được chuẩn bị trước, hình thành thế trận hợp vây lớn, chia cắt hiểm, kết hợp chặt chẽ và phát huy cao độ uy lực của các binh đoàn chủ lực, của lực lượng vũ trang tại chỗ và nổi dậy của quần chúng. Dùng từng bộ phận lực lượng thích hợp trên từng hướng, đủ sức bao vây chia cắt, chặn giữ quân địch lại, không cho chúng rút chạy về Sài Gòn. Tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh phòng thủ vòng ngoài của địch; đồng thời sử dụng một lực lượng chủ lực cùng lực lượng tại chỗ đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đội được cơ giới hoá và trang bị mạnh, đánh địch trong hành tiến, thọc sâu theo các trục đường, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ tập đoàn phòng ngự lớn của địch tại trung tâm đầu não của chúng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh cũng là một điển hình về sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, cả binh chủng và quân chủng, sự kết hợp trên quy mô lớn ba mũi giáp công, tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng. Chiến dịch Hồ Chí Minh - chiến dịch tiến công quy mô lớn nhất của ta, thực sự là đỉnh cao của nghệ thuật chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng, bước phát triển nhảy vọt lớn nhất về sức mạnh và nghệ thuật chiến đấu của toàn quân và toàn dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

NHẬT LỆNH

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc ngày 1 tháng 5 năm 1973

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang.

Toàn thể anh chị em dân quân tự vệ, công nhân và nhân viên quốc phòng.

Hôm nay, nhân ngày lễ Quốc tế lao động, toàn quân ta cùng với toàn dân vô cùng phấn khởi chào mừng thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cuộc kháng chiến chống ngoại xâm oanh liệt nhất trong lịch sử mấy nghìn năm đấu tranh kiên cường, bất khuất vì độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam ta.

Cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất của đế quốc Mỹ từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bị nhân dân Việt Nam ta đánh bại. Đội quân xâm lược lớn nhất từ trước đến nay trên đất nước ta, đội quân hung bạo của nước đế quốc, mạnh nhất với những trang bị rất hiện đại, cuối cùng đã bị thua to và buộc phải rút hết về nước.

Dưới ngọn cờ của Đảng Lao động Việt Nam quang vinh, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trải qua ba mươi năm chiến đấu, với một tinh thần anh dũng tuyệt

vời, toàn quân ta đã cùng với toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, đánh thắng phát xít Nhật, tiếp đó hai lần kháng chiến thắng lợi, đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ. Lần đầu tiên, sau hơn một thế kỷ đấu tranh giải phóng dân tộc, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã chấm dứt sự chiếm đóng của các đội quân xâm lược nước ngoài trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta. Đó là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử của dân tộc Việt Nam ta, một sự kiện vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi rực rỡ của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta, thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân và quân đội ta, thắng lợi của sức mạnh ủng hộ và đoàn kết quốc tế. Đó là thắng lợi có ý nghĩa thời đại của một nước nhỏ nhưng có quyết tâm lớn chiến đấu cho độc lập tự do, thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ, đánh bại chiến tranh xâm lược của một nước đế quốc đầu sỏ đem sức mạnh sắt thép khổng lồ để hòng nô dịch các dân tộc. Đó là thắng lợi rực rỡ của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, của truyền thống đoàn kết chiến đấu dũng cảm và thông minh của dân tộc Việt Nam ta, thắng lợi của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam, đánh bại khoa học và nghệ thuật quân sự của chủ nghĩa đế quốc.

Nhân ngày hội lịch sử hôm nay, toàn quân và toàn dân ta thành kính nhớ đến công lao trời biển của Bác Hồ kính mến, người thầy của cách mạng Việt Nam, vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta, Hồ Chủ tịch đời đời sống mãi.

Tổ quốc ta mãi mãi ghi nhớ công ơn to lớn của các anh hùng liệt sĩ, của các đồng chí, đồng bào ở cả hai miền Nam - Bắc đã chiến đấu quên mình vì nước vì dân. Tinh thần của các liệt sĩ đời đời bất diệt!

Thừa lệnh Trung ương Đảng và Chính phủ, nhân ngày hội lớn hôm nay của cả dân tộc, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam nhiệt liệt khen ngợi và tuyên dương công trạng toàn thể cán bộ và chiến sĩ thuộc các quân chủng và binh chủng, của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, toàn thể anh chị em dân quân tự vệ, công nhân và nhân viên quốc phòng, đã cùng với toàn dân chiến đấu cực kỳ dũng cảm, hai lần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại man rợ bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hậu phương lớn của cả nước, hết lòng chi viện tiền tuyến lớn, lập nên chiến công vĩ đại. Quân đội ta thật xứng đáng là đội quân "trung với Đảng, hiếu với dân;... nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam anh em, trải qua hàng chục năm trời, trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ,

đã lớn lên nhanh chóng, chiến đấu anh dũng, chiến thắng liên tiếp, xứng đáng là một đội quân “trung thành vô hạn, anh dũng tuyệt vời, chiến thắng vẻ vang”. Dưới lá cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng và chính phủ cách mạng lâm thời, người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam nước ta, toàn thể cán bộ và chiến sĩ các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam anh hùng, trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên, Tây Nguyên đến Khu 5, Nam Bộ, đã vượt qua muôn vàn thử thách, cùng với 17 triệu đồng bào miền Nam “Thành đồng Tổ quốc” lần lượt đánh bại mọi chiến lược của đế quốc Mỹ, lập nên chiến công vĩ đại, viết nên những trang sử huy hoàng.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng đồng bào ta trong cả nước, tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với đồng bào đã hết lòng thương yêu, đùm bọc bộ đội, cùng bộ đội đánh giặc, cứu nước, không ngừng cổ vũ và giúp đỡ bộ đội tiến lên diệt địch, lập chiến công to.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của quân giải phóng và của nhân dân Lào anh hùng.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của Quân giải phóng và của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng.

Tình đoàn kết chiến đấu giữa các lực lượng vũ trang và nhân dân ba nước Đông Dương anh em nhất định ngày càng củng cố và phát triển.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng những thành tựu to lớn của các lực lượng vũ trang của nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa và của loài người tiến bộ.

Hiện nay, Hiệp định “chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết đã hơn ba tháng. Tên lính cuối cùng của đội quân viễn chinh Mỹ đã phải rút khỏi nước ta. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn ôm ấp dã tâm tiếp tục thực hiện cái gọi là học thuyết Ních-xơn, dùng chính quyền Sài Gòn làm công cụ để duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính phủ Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đang vi phạm rất nghiêm trọng và có hệ thống các điều khoản của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam. Vì vậy, ở miền Nam, tiếng súng vẫn nổ, máu của đồng bào ta vẫn chảy. Gần đây, Hoa Kỳ lại vô cơ đình chỉ việc tháo gỡ mìn ở bờ biển và sông ngòi nước ta, tiếp tục hành động chiến tranh bằng cách cho máy bay trinh sát xâm phạm vùng trời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ở Lào, đế quốc Mỹ tiếp tục ném bom vùng giải phóng.

Ở Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ ráo riết tăng cường chiếm tranh xâm lược.

Chúng ta cực lực lên án những hành động tiếp tục chiến tranh, phá hoại hiệp định, phá hoại hòa bình của Hoa Kỳ và các chính quyền tay sai. Một lần nữa, chúng ta khẳng định rằng: không có một mưu đồ xâm lược nào, một thủ đoạn chiến tranh nào, không có lời lẽ và hành động đe dọa nào có thể lay chuyển quyết

tâm sắt đá của nhân dân ta tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh cho độc lập và hòa bình của Tổ quốc.

Trong mấy chục năm qua, các đội quân xâm lược của ba nước đế quốc, kể cả đế quốc Mỹ, đều lần lượt bị thất bại, phải rút khỏi nước ta. Vậy thì, trong cục diện mới ngày nay, so sánh lực lượng ở Việt Nam, ở Đông Dương và trên thế giới đã và đang thay đổi có lợi cho cách mạng, nhất định không có một tập đoàn buôn dân bán nước nào, không có một thế lực phản động và hiếu chiến nào có thể ngăn cản bước tiến của dân tộc ta trên con đường thực hiện hiệp định, củng cố hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ.

Trước tình hình mới, hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, chúng ta hãy:

1. Nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chức năng vẻ vang của các lực lượng vũ trang nhân dân, luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác và ý chí chiến đấu, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu khiêu khích và phá hoại, mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc nước ta, làm hậu thuẫn vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh của toàn dân ta vì hòa bình, độc lập, dân chủ và hòa hợp dân tộc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

2. Tích cực và khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh, quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, dân quân và tự vệ rộng khắp và mạnh mẽ, nền quốc phòng toàn dân ngày càng vững mạnh. Cán bộ và chiến sĩ ta phải nêu cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, nắm vững khoa học và kỹ thuật quân sự tiên tiến, có kỷ luật tự giác nghiêm minh, có bản lĩnh chiến đấu giỏi, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc thân yêu, làm tròn mọi nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

3. Tích cực tham gia công cụ phục hồi kinh tế, hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc nước ta ngày càng mạnh, cả về kinh tế và quốc phòng.

Trong ngày hội lớn hôm nay, nhìn lại quá trình chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của dân tộc, chúng ta càng tin tưởng sâu sắc vào tương lai tươi sáng của đất nước, vào sức mạnh vô địch của nhân dân ta, của quân đội ta. Sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của toàn dân ta để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh nhất định giành được thắng lợi vẻ vang.

Dưới ngọn cờ trăm trận trăm thắng của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, toàn thể cán bộ và chiến sĩ ta hãy cùng toàn dân anh dũng tiến lên, giành những thắng lợi mới, rực rỡ hơn nữa.

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc 19 giờ ngày 25 tháng 3 năm 1975)

“... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương vừa họp đánh giá tình hình, nhận định: chiến dịch B3 đại thắng, cuộc Tổng tiến công chiến lược đã bắt đầu. Đây là bước ngoặt trong cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Chiến tranh cách mạng đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt... Tình hình ở trọng điểm sẽ có bước phát triển mới nhanh hơn dự kiến nhiều nhất là trong trường hợp ta tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở Huế và Đà Nẵng, đồng bằng sông Cửu Long... Thời cơ chiến lược lớn đã đến. Cần nhanh chóng tập trung lực lượng và phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ... hoàn thành nhiệm vụ ở trọng điểm càng sớm càng tốt, có thể sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch. Thời tiết đang tốt, kéo dài không có lợi Bộ Chính trị quyết định:

a. Nhanh chóng tập trung 3 sư đoàn chủ lực, các đơn vị binh khí kỹ thuật chủ yếu về địa bàn Buôn Ma Thuột, sẵn sàng cơ động vào hướng trọng điểm.

b. Giải phóng Bình Định (hướng đường 19), phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh. Hướng đường số 7 chỉ dùng lực lượng địa phương phát triển xuống Tuy hòa. Hướng đường 21 phát triển ra phía Đông, tùy theo khả năng, nếu có thuận lợi mới thì xuống Nha Trang, Cam Ranh.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở mặt trận Đà Nẵng, thành lập Bộ tư lệnh Quảng Đà.

Đã thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam do anh Tô¹. làm chủ tịch. Chúc anh Đình² chóng hồi phục.

Ký tên

VĂN

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI QUÂN KHU 5 VỀ GIẢI PHÓNG CÁC ĐẢO

“... Theo chỉ thị của Bộ Chính trị. Thường vụ giao cho Khu ủy và Bộ tư lệnh B1³ nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất đánh chiếm các đảo hiện do quân ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Nam Sa⁴. Trong việc này, anh Nguyễn Bá Phát, phái viên của Bộ Tổng tham mưu và các cán bộ hải quân đi cùng sẽ do Khu ủy và Quân khu ủy chỉ đạo để thực hiện kế hoạch”.

(Điện ngày 30 tháng 3 năm 1975)

1. Đồng chí Phạm Văn Đồng.
2. Đồng chí Đình Đức Thiện.
3. Quân khu 5.
4. Trường Sa.

“... Thực hiện kịp thời đánh chiếm các hòn đảo ở vùng Nam Hải, đặc biệt là các đảo Nam Sa. Việc này phải chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết”.

(Điện chiều ngày 4 tháng 4 năm 1975)

“Có tin quân nguy chuẩn bị rút khỏi đảo Nam Sa. Các anh cho kiểm tra lại ngay và chỉ thị cho lực lượng ta hành động kịp thời theo phương án đã định. Nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm”.

(Điện ngày 9 tháng 4 năm 1975)

“... Các anh đã tích cực tổ chức thực hiện quyết định của Quân uỷ Trung ương về việc đánh chiếm các đảo. Ý kiến của tôi¹:

1. Việc đánh chiếm các đảo cần làm đúng thời cơ. Nếu có thời cơ cụ thể mà không kịp đánh chiếm thì các nước ngoài có thể chiếm trước. Nếu địch chưa rút mà ta đã chiếm được thì tình hình có thể trở nên phức tạp, vì lực lượng ta có hạn và việc tăng viện gặp khó khăn.

2. Do đó, thời cơ cụ thể đánh chiếm là:

a) Nếu địch đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay. Nếu quân nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại.

b) Nếu địch mới có triệu chứng rút hoặc bắt đầu rút thì theo dõi, kịp thời đánh chiếm khi địch rút đại bộ phận.

c) Khi tình hình chung của địch nguy khốn, nhất là tình hình địch ở trọng điểm, thì đánh chiếm ngay.

Hai thời cơ cụ thể trên do anh² theo dõi và quyết định. Thời cơ cụ thể thứ ba, tôi sẽ kịp thời báo anh khi xuất hiện”.

(Điện ngày 13 tháng 4 năm 1975)

“... Thời cơ đánh các đảo thuộc khu vực Nam Sa lúc này rất thuận lợi. Chỉ đánh các đảo quân nguy miền Nam chiếm đóng. Các anh ra lệnh đánh chiếm ngay. Theo dõi, đôn đốc kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên báo cáo về Bộ”.

(Điện ngày 14 tháng 4 năm 1975)

“... Quân uỷ Trung ương rất phấn khởi được tin quân ta đã chiếm các đảo thuộc Trường Sa. Nhiệt liệt khen ngợi các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược”.

(Điện ngày 28 tháng 4 năm 1975)

1. Đồng chí Võ Nguyên Giáp.
2. Đồng chí Chu Huy Mân.

**ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
GỬI CÁC ĐƠN VỊ ĐANG ĐỔ VÀO CHIẾN TRƯỜNG
(Điện lúc 9 giờ 30 phút ngày 7 tháng 4 năm 1975)**

“... Mệnh lệnh:

1. Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và quyết thắng.
2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ.

Văn”.

**ĐIỆN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là
“Chiến dịch Hồ Chí Minh”***

(Điện lúc 17 giờ 50 phút ngày 14 tháng 4 năm 1975)

“Gửi: Anh Tám Thành¹, anh bảy Cường, anh Tuấn.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị đã họp nghe Quân ủy Trung ương báo cáo về tình hình mặt trận Sài Gòn và các phương hướng, chủ trương mà các anh đã điện ra. Bộ Chính trị nhất trí với các phương hướng, chủ trương ấy. Mong các anh tranh thủ thời gian chuẩn bị thật tốt để giành thắng lợi thật to lớn. Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Chúc các anh khỏe.

Ba”

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
Số: 113/QUTW

Ngày 27 tháng 4 năm 1975

**CHỈ THỊ
Về nhiệm vụ của các đơn vị quân đội quản lý
thành phố Sài Gòn - Gia Định**

Quân ủy Trung ương ra chỉ thị này để chuẩn bị tốt cho các đơn vị có nhiệm vụ vào quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định.

*. Lê Duẩn, Thư vào Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 391.

1. Tám Thành: đồng chí Hoàng Văn Thái.

Cuộc tấn công và nổi dậy của quân và dân ta để giải phóng Sài Gòn - Gia Định có thể buộc địch đầu hàng nhanh chóng. Song cũng dự phòng trường hợp cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, ta giải phóng từng phần và quản lý từng phần tiến đến giải phóng và quản lý toàn thành phố.

1. Quản lý tốt Sài Gòn - Gia Định là một nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa chính trị lớn.

Thắng lợi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trọng đại kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta, giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Phát huy thắng lợi to lớn đó của dân tộc ta, củng cố thành quả rực rỡ ấy của cách mạng là trách nhiệm trực tiếp của các cấp, các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý thành phố, do toàn Đảng và toàn dân giao cho. Quản lý tốt sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với đồng bào và chiến sĩ trong cả nước, cũng như đối với dư luận thế giới. Các đơn vị cần nhận rõ vinh dự và trách nhiệm nặng nề của mình để đề cao quyết tâm và có biện pháp cụ thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Mục đích yêu cầu của việc quản lý Sài Gòn - Gia Định là:

Nhanh chóng tiêu diệt các lực lượng của địch còn lại, dập tan sự phản kháng của chúng ở sào huyệt cuối cùng, xóa bỏ hoàn toàn bộ máy nguy quân, nguy quyền và các tổ chức phản động;

Tích cực góp phần xây dựng chính quyền cách mạng các cấp và các đoàn thể quần chúng của ta, thực hiện tốt mọi chính sách đối với thành phố mới giải phóng, nhanh chóng ổn định trật tự, trị an của thành phố;

Quản lý tốt thành phố về mọi mặt, quản lý tốt những cơ sở vật chất tài sản của địch để lại nhằm phục vụ lợi ích chung của toàn dân và toàn quân;

Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, ra sức tuyên truyền phổ biến các chính sách của cách mạng, tuyên truyền chiến thắng để nâng cao tinh thần phấn khởi, đoàn kết tin tưởng trong nhân dân;

Tích cực góp phần ổn định đời sống của nhân dân.

Trong một thời gian ngắn nhất, cố gắng bảo đảm mọi mặt sinh hoạt của thành phố trở lại bình thường cả về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, do đó đề cao tinh thần phấn khởi, tin tưởng của đồng bào cả nước, đề cao được chính nghĩa và uy tín của cách mạng nước ta trước dư luận thế giới.

2. Để làm tốt nhiệm vụ, các đơn vị quản lý thành phố cần nắm vững những đặc điểm của Sài Gòn - Gia Định.

Chúng ta đã quản lý tốt nhiều thành phố, thị xã trong quá trình tấn công và nổi dậy mùa xuân năm nay. Nhiều đơn vị đã thu được những kinh nghiệm quý báu. Nhưng vừa qua, do tình hình phát triển rất nhanh, có những chính sách, quy định chưa kịp phổ biến, giáo dục kỹ, và do một số cán bộ và chiến sĩ còn thiếu ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, nên còn những khuyết điểm nhất

định. Thành phố Sài Gòn - Gia Định lại có nhiều đặc điểm rất khác với các thành phố đã giải phóng trước đây, nên việc quản lý cũng có nhiều yêu cầu quan trọng hơn và phức tạp hơn.

Thành phố rất rộng (700km², kể cả vùng ven; riêng khu nội thành gồm 11 quận và có diện tích 100m²). Địa hình phức tạp, gồm nhiều quận nội thành có phố xá, nhà cửa kiên cố và những vùng ven đô nhiều sông ngòi, làng mạc; địch có nhiều kiến trúc bố phòng phức tạp, bố trí thành nhiều tuyến, nhiều tầng, bao gồm cả những hệ thống hầm ngầm bí mật lớn.

Thành phố rất đông dân (3,3 triệu người). Đông đảo nhân dân lao động có truyền thống đấu tranh cách mạng và tinh thần yêu nước, rất tha thiết với sự nghiệp giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây là nơi tập trung nhiều sinh viên, công chức, trí thức. Đây cũng là nơi có nhiều tư sản, ngoại kiều (nhiều nhất là Hoa Kiều). Địch có nhiều tổ chức để khống chế quần chúng. Các tổ chức tôn giáo, đảng phái phản động rất phức tạp.

Đây là "thủ đô" của *ngụy quyền*, là nơi tập trung các cơ quan trung ương của *ngụy quyền*, *ngụy quân*, của các đảng phái phản động, các tổ chức gián điệp, tình báo quốc tế, v.v... Đây cũng là trung tâm hoạt động của các tôn giáo. Để bảo vệ tất cả các cơ quan đầu não của chúng, địch đã bố trí ở đây rất nhiều lực lượng vũ trang và bán vũ trang, do những tên phản động nhất cầm đầu; chúng sẽ tổ chức và hành động chống lại cách mạng một cách ngoan cố, có thể có những hành động phá hoại và những thủ đoạn tàn bạo đối với nhân dân trong lúc bị ta tấn công và cả khi đã lâm vào thế thất bại.

Sài Gòn - Gia Định còn là nơi tập trung tất cả các đại sứ quán, các cơ quan ngoại giao, thương mại, các tổ chức quốc tế có quan hệ với *ngụy quyền* Sài Gòn. Nhiều cơ quan này có thể tìm cách che chở cho bọn phản động Sài Gòn, giúp bọn này trú ẩn hoặc thoát ra nước ngoài nếu chúng ta không có biện pháp quản lý chặt chẽ.

Ở thành phố và vùng ngoại vi có rất nhiều cơ sở kinh tế và hậu cần của địch, bao gồm các cơ sở kinh tế dân sự và quân sự rất quan trọng. Việc quản lý những cơ sở vật chất và tài sản lớn của địch để lại có tác dụng rất quan trọng đối với việc củng cố vùng giải phóng, cũng như đối với việc tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng trước mắt và lâu dài.

Tình hình *văn hóa xã hội* ở Sài Gòn - Gia Định có những vấn đề phức tạp vì ảnh hưởng của nền văn hóa suy đồi và phản động do đế quốc Mỹ đưa vào. Đây là nơi bộ máy chiến tranh tâm lý của địch hoạt động ráo riết nhất, và việc tuyên truyền của ta từ trước lại gặp khó khăn. Về bề ngoài thành phố có rất nhiều hiện tượng phồn vinh giả tạo, dễ làm cho một số anh em nhận thức mơ hồ khi vào thành phố.

3. Công tác cụ thể khi vào quản lý

Cần căn cứ vào các chính sách của Đảng và chính phủ đã ban hành, căn cứ vào chỉ thị này của Quân ủy Trung ương và những chỉ thị cụ thể của Trung ương

Cục, của Quân uỷ Miền, trực tiếp là của Ủy ban quân quản để có kế hoạch toàn diện triển khai các mặt công tác. Tùy theo tình huống khi vào tiếp quản và chú ý đầy đủ đến những đặc điểm của thành phố nói chung, nhất là tình hình thực tế của địa bàn đơn vị mình được phân công phụ trách, mà thực hiện các chỉ thị và quy định, và vận dụng những kinh nghiệm đã có.

a) *Vấn đề cấp bách nhất là đập tan các lực lượng còn lại của địch, nhanh chóng ổn định trật tự an ninh thành phố, xóa bỏ bộ máy nguy quyền các cấp từ trung ương đến phường khóm.* Do đặc điểm thành phố, địch có nhiều điều kiện để ẩn nấp che giấu lực lượng. Phải rất cảnh giác, dựa vào cơ sở chính trị, cơ sở cách mạng, dựa vào nhân dân lao động và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh giải phóng để kịp thời phát giác và bắt giữ những tên đầu sỏ quan trọng cầm đầu của bộ máy nguy quyền, nguy quân và các tổ chức phản động. Kịp thời phát hiện và giải quyết các hầm bí mật, tịch thu tất cả vũ khí của địch, canh gác nghiêm ngặt các kho vũ khí, những phương tiện vận chuyển thông tin liên lạc của địch, không cho chúng liên hệ với nhau. Không để bọn quân nhân phạm pháp do địch thả ra gây những hành động tội ác. Tiến hành tuần tra canh gác theo kế hoạch thật chặt chẽ. Chú ý tổ chức và chỉ đạo tốt các đội quân cảnh. Cùng các lực lượng công an nghiêm trị mọi hành động phá hoại và chống đối của địch.

b) Theo kế hoạch của Ủy ban quân quản, *giải phóng kịp thời những đồng chí và đồng bào yêu nước bị địch giam giữ trong các nhà tù, kịp thời ngăn chặn những âm mưu địch thủ tiêu, phân tán tù nhân.* Tích cực tham gia việc cứu chữa cho những anh chị em đang bị nguy kịch. Kịp thời bắt liên lạc với các tổ chức của ta, với các lực lượng chính trị trong các nhà tù mới được giải phóng. Giúp đỡ các anh chị em khác trở về theo những quy định và chính sách đã ban hành.

c) *Kịp thời triển khai việc bảo vệ thành phố.* Chiếm lĩnh ngay những địa bàn trọng yếu, các trung tâm hành chính, quân sự và các đầu mối giao thông quan trọng. Khống chế các sân bay, bến cảng, cầu cống, ngã tư quan trọng trong thành phố. Việc bố trí lực lượng phải có trọng điểm không bị thu hút vào những mục tiêu thứ yếu dần mỏng lực lượng. Triển khai ngay các lực lượng quân cảnh. Có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh thành phố, đề phòng địch ở trong thành phố hoặc các địa phương lân cận phản kích. Chế độ trực ban, trực chiến phải duy trì thật nghiêm. Phải có kế hoạch hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng tiếp quản trong và xung quanh thành phố, có chỉ huy thống nhất, có phương tiện thông tin liên lạc vững chắc.

Chú ý xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát triển lực lượng dân quân tự vệ, huấn luyện kịp thời cho các lực lượng này và có kế hoạch hiệp đồng tác chiến tốt. Phát triển lực lượng phải rất coi trọng chất lượng, tuyệt đối không được sơ hở, mất cảnh giác.

d) *Giải quyết tốt vấn đề tù binh, tàn binh địch.* Cần theo đúng các chính sách và chỉ thị của Ban Bí thư và sự chỉ đạo của Ủy ban quân quản. Số lượng tù binh và những tên cần phải bắt giữ sẽ rất lớn. Cần phối hợp chặt chẽ với các cơ

quan của Đảng và chính quyền để tiến hành việc đăng ký, phân loại một cách khẩn trương và chu đáo. Đối với sĩ quan và binh lính địch khi đã hạ vũ khí, đã nhận ra lẽ phải thì chính sách của ta là đối xử nhân đạo, khoan hồng. Đối với bọn ngoan cố thì nghiêm khắc trừng trị. Bọn phản động đầu sỏ, bọn sĩ quan cao cấp, bọn ác ôn quan trọng thì phải giam giữ và phải canh phòng cẩn mật, không cho chúng trốn thoát.

e) Theo Kế hoạch của Ủy ban quân quản và phối hợp với các lực lượng, *nhANH chóng triển khai việc quản lý các cơ sở vật chất tài sản của địch để lại*, bao gồm cả cơ sở dân sự và quân sự. Đây là nhiệm vụ rất lớn trong việc tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, một nhiệm vụ vừa có ý nghĩa kinh tế vừa có ý nghĩa chính trị quan trọng. Các cấp cần nghiên cứu kỹ các chỉ thị, quy định và các kế hoạch đã có về công tác này để chấp hành thật tốt. Đây không phải chỉ đơn thuần là việc thu nhận chiến lợi phẩm mà chính là việc tiếp thu hầu như toàn bộ cơ cấu vật chất của một chế độ xã hội do đế quốc Mỹ xây dựng nên ở miền Nam ta từ mấy chục năm nay. Dựa vào những tài liệu của ta và cả những tài liệu của nhân viên ngục quyền, ngục quân ta khai thác được, có chủ trương bao quát, có kế hoạch toàn diện và có hệ thống để làm chủ toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất và kỹ thuật rất quan trọng đó, sử dụng tốt vào nhiệm vụ trước mắt và quản lý, giữ gìn tốt để sử dụng lâu dài, không để bị đảo lộn và phá hoại. Đây là một việc hết sức cần thiết để làm cho guồng máy quân sự, chính trị, kinh tế ở Sài Gòn - Gia Định nói riêng và ở miền Nam được khôi phục tốt và hoạt động bình thường, góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

g) *Tích cực tham gia ổn định đời sống mọi mặt của nhân dân và của ngoại kiều.*

Cần chú ý đặc điểm Sài Gòn - Gia Định rất đông dân và ngoại kiều, tình hình đời sống sinh hoạt rất phức tạp. Do đó lực lượng của các cơ quan, đoàn thể sẽ khó làm xuể việc này, nhất là khi mới vào thành phố. Các đơn vị cần hết sức tích cực tham gia, sử dụng triệt để các lực lượng, các phương tiện của mình và có kế hoạch hiệp đồng thật cụ thể với các cơ quan, đoàn thể để góp phần lớn nhất vào công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tinh thần phấn khởi, tin tưởng, đoàn kết trong nhân dân lao động. Ra sức giúp đỡ nhân dân ổn định đời sống mọi mặt; chăm lo cho đời sống đồng bào là mục đích chiến đấu của các lực lượng vũ trang cách mạng chúng ta, là phương hướng rất cơ bản để tăng cường đoàn kết quân dân, tạo cho các lực lượng vũ trang có sức mạnh to lớn để hoàn thành nhiệm vụ khó khăn phức tạp khi quản lý thành phố cũng như để làm tròn mọi nhiệm vụ khác.

Trong quan hệ với các tầng lớp nhân dân ở thành phố mới giải phóng, cần chú ý giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm chắc các chính sách, có thái độ đúng đắn, khiêm tốn, có ý thức tôn trọng tính mệnh, tài sản, phong tục, tập quán của nhân dân, không đụng đến cái kim sợi chỉ của nhân dân; nghiêm cấm mọi hành động xâm phạm đến của cải của nhân dân, của Nhà nước hoặc chiến lợi phẩm.

Các đơn vị được thay mặt toàn quân nhận nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó tiến về Sài Gòn tiếp quản thành phố mang bên Bác Hồ vĩ đại, có vinh dự hết sức lớn lao. Để xứng đáng với sự tín nhiệm đó, các cấp ủy, các chi bộ, các cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý thành phố phải ra sức nắm vững đường lối, chủ trương chính sách và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Để hoàn thành nhiệm vụ, mọi cán bộ, chiến sĩ phải nêu cao bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, nêu cao tác phong của người quân nhân cách mạng và tư thế của người chiến thắng. Không được làm điều gì ảnh hưởng xấu đến thanh danh của các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Phải thực hiện tốt những yêu cầu sau đây:

Một là: Đã có kỷ luật càng phải đề cao kỷ luật hơn nữa. Mọi người phải tự giác; quản lý phải chặt chẽ; xử phạt phải nghiêm minh; khen thưởng phải kịp thời.

Phải *chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, các quy định ở vùng mới* giải phóng.

Đã đoàn kết càng phải đoàn kết hơn nữa, đoàn kết với các cơ quan của Đảng và chính quyền, đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang, các đơn vị, các cơ quan và làm nhiệm vụ quản lý, để có sự nhất trí cao, có kế hoạch hiệp đồng cụ thể, vì lợi ích chung của cách mạng.

Hai là: Phải quy định nhiệm vụ rõ ràng, phải có tổ chức chỉ huy cụ thể. Phân công phân nhiệm cho các đơn vị phải dứt khoát, quy định rõ đơn vị nào được vào thành phố, phạm vi phụ trách của mỗi đơn vị đến đâu, đơn vị nào không được vào.

Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cấp, mỗi đơn vị, mỗi cơ quan trong nhiệm vụ quản lý và cần có sự chỉ huy tập trung, thống nhất.

Ba là: Phải có nhiều biện pháp tổ chức cụ thể, có tác phong sâu sát, linh hoạt, thận trọng để quyết định các tình huống. Cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần phải có kế hoạch cụ thể. Công tác chuẩn bị phải khẩn trương, chu đáo và phải tiến hành cả trong quá trình chuẩn bị chiến đấu. Chú ý nắm vững công tác giáo dục, kiểm tra. Phải có tổ chức chuyên trách để chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ.

Quân uỷ Trung ương mong rằng chỉ thị này sẽ được quán triệt đầy đủ đến tận chi bộ và trung đội, tiểu đội và được chấp hành nghiêm túc, và tin rằng các đơn vị sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang được giao cho.

TM Quân uỷ trung ương
Bí thư
VÕ NGUYỄN GIÁP

**DIỆN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
GỬI - BỘ CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH
(Điện lúc 12 giờ 25 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975).**

“... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí, nhưng không phải với tư cách tổng thống mà với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân. Đã nhận được tin ta cấm cờ lên dinh Độc lập lúc 11 giờ. Các anh trong Bộ Chính trị rất vui, rất vui”.

**LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ VÀ CHI PHÍ CHIẾN TRANH
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ**

	Chiến tranh Thế giới thứ hai	Chiến tranh Triều Tiên	Chiến tranh Việt Nam
Thời gian	3 năm 8 tháng (12-1941 đến 8-1945)	3 năm (6-1950 đến 6-1953)	11 năm 1 tháng (12- 1961 đến 1-1973)
Quân số Mỹ huy động lúc cao nhất		327.000 (6-1953)	549.500 (4-1969)
Số quân Mỹ chết và bị thương	405.399	134.951	359.684 (con số Mỹ công bố thấp hơn thực tế)
Số bom đạn và thuốc nổ đã dùng (tấn)	5.000.000	2.600.000	14.300.000
Chi phí chiến tranh (tỷ đôla)	341	20	676 (chưa tính nay đủ)

**VIỆN TRỢ VÀ CHI PHÍ TRỰC TIẾP CỦA MỸ CHO
CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM (1945 - 1975)**

Nguồn:- *Tạp chí Quân đội nhân dân số 12 - 1972 và số tháng 9 - 1973.*

- *Tổ hợp quân sự - công nghiệp Mỹ và cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2 - 1975.

- *21 năm viện trợ Mỹ, Viện nghiên cứu khoa học thị trường - giá cả*. Hà Nội, 1991.

- *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb, Quân đội nhiều Việt Nam, Hà Nội, 1997.

1. Viện trợ trực tiếp bằng vũ khí, trang bị của Mỹ cho Pháp (1945 - 1954) và quân Ngụy Sài Gòn (1954 - 1975)

Cho Pháp (1945 - 1954)			Cho chính quyền Sài Gòn (1954 - 1975)*	
Viện trợ Mỹ cho Pháp (tỷ Frãng)			Về vũ khí, trang bị.	
Năm	Tổng số	%	Loại vũ khí, trang bị:	Số lượng
1950	52,0	19,5	- Xe tăng, xe bọc thép	2.074 chiếc
1951	62,0	16,1	- Máy bay các loại	1.800 chiếc
1952	200,0	35,4	(Có 600 chiếc trực thăng)	
1953	285,0	43,8	- Pháo các loại	1.532 khẩu
1954	555,0	73,9	- Xe cơ giới	56.000 chiếc
	1.154,0		- Súng bộ binh các loại	1.900.000 chiếc
			- Máy thông tin + VTĐ	50.000 chiếc
			+HTĐ	70.000 chiếc
Chú thích: theo đơn giá (1945 - 1954): 1.154 tỷ Frãng tương đương 2,6 tỷ đôla.			Thực chất của viện trợ quân sự cũng như của chính sách viện trợ nói chung của Mỹ chính là một công cụ để Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.	
Trong đó về vũ khí, trang bị ¹				
Loại vũ khí, trang bị		Số lượng		
Xe tăng, xe bọc thép		1.400 chiếc		
Máy bay		350 chiếc		
Tàu đổ bộ		390 chiếc		
Ô tô		16.000 chiếc		
Súng bộ binh		175.000 khẩu		
Đạn các loại ²		2.555 triệu viên (có 15 triệu viên đại bác)		
1. Tổng số viện trợ của Mỹ lên đến 1.725 triệu đôla, chiếm 78% chi phí của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.				
2. Với số đạn như trên, thì cứ hai người dân Việt Nam phải chịu một quả đạn đại bác, 10 viên đạn súng thường.				
- Với khối lượng vũ khí trang bị như vậy, chính quyền Sài Gòn đã xây dựng một đội quân đông trên 1 triệu / 16 triệu dân, được coi là đội quân đông nhất Đông Nam Á, thứ tư thế giới.				
- Về lực lượng không quân đứng thứ 10 thế giới.				
- Viện trợ Mỹ tăng gấp đôi thì đồng bào ta phải chịu cảnh máu chảy đầu rơi tăng nhiều lần. Quân Mỹ - Ngụy bị thương vong tăng 10 lần, đào ngũ tăng 18 lần.				
- Nền kinh tế Nam Việt Nam từ chỗ xuất khẩu gạo đã phải nhập khẩu: năm 1965: 129.000 tấn, năm 1968: 765.000 tấn.				
- Mỹ vào, 2,2 triệu người từ nông thôn bỏ ra các thành thị sống nhờ viện trợ; Mỹ rút, để lại 2 triệu người bị thất nghiệp.				

2. Viện trợ của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn; chi phí chiến tranh trực tiếp của Pháp và Mỹ qua từng thời kỳ.

Viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn		Chi phí của Pháp qua các năm (tỷ Frãng)			
Thời kỳ	Số lượng (triệu đôla)	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng
Từ 1955 - 1960		1945	3,2	1950	266,5
1955	234,9	1946	27,0	1951	384,8
1956	180,0	1947	53,3	1952	565,0
1957	162,8	1948	89,7	1953	650,0
1958	144,3	1949	138,2	1954	751,0
1959	143,0	Tổng cộng trong 10 năm, tổng chi phí là 2.928,7 tỷ Frãng, tương đương 6,62 tỷ đôla Mỹ tính theo thời giá lúc bấy giờ.			
1960	164,0				
Cộng	1.028,9	2. Chi phí trực tiếp của Mỹ từ 1965 - 1972			
Thời kỳ "chiến tranh đặc biệt":		Thời kỳ Giônxon		Thời kỳ Níchxon	
1961 - 1962	750,0	Năm	tỷ đôla*	Năm	tỷ đôla*
1963	211,5	1965	0,2	1969	50,8
1964	216,4	1966	11,8	1970	40,1
Cộng	1.177,9	1967	38,1	1971	27,3
Thời kỳ "chiến tranh cục bộ":		1968	49,5	1972	23,0
1966	862,0	*	99,60	*	141,2
1967	1.203,5	* Bao gồm cả hai khoản "dự trù trước" và "chi thêm"			
1968	1.054,5	Số liệu để so sánh mức chi phí: Chi phí cho toàn bộ chương trình tên lửa hạt nhân trong tài khoá 1972 - 1973 = 8,8 tỷ đôla. Chi phí cho toàn bộ kế hoạch nghiên cứu và phát triển kỹ thuật chiến tranh trong tài khoá 1972 - 1973 = 7,1 tỷ đôla. Chi phí cả năm 1971 cho lực lượng hạm đội 7 chỉ có 282 triệu đôla. Trong lúc đó, mỗi tuần Níchxon chi 250 triệu đôla tiền bom để ném ở Việt Nam và Đông dương.			
Cộng	3.420,0				
Thời kỳ "chiến tranh Việt Nam hoá"					
1969	1.608,2				
1970	1.692,6				
1971	1.882,5				
1972	2.382,5				
1973	2.270,5				
1974	1.026,0				
1975	1.450,1				
Cộng	12.311,8				
Tổng cộng	17939,1				

Quân Mỹ rút dần, trao gánh nặng chiến tranh cho chính quyền Sài Gòn. Mỹ giúp Sài Gòn bằng cách dùng không quân, hải quân yểm trợ và tăng viện trợ để Sài Gòn tận lực tăng quân số, chống đỡ những khó khăn to lớn về kinh tế và ổn định phần nào đời sống xã hội khi không còn quân Mỹ trên đất Nam Việt Nam.

Hải quân: 52%/30%. Không quân chiến lược B-52 (200/102 chiếc)

Không quân chiến thuật tăng gần 300 chiếc (1.408/1.200 chiếc)

Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ chống nhân dân Việt Nam, chi phí trực tiếp 240,8 tỷ đôla, gấp hơn 13 lần tổng số viện trợ cho ngụy, bằng 70 lần thu nhập quốc dân miền Nam hồi đó.

Nếu tính bằng tiền thì bình quân một ngày, Mỹ tiêu tốn hết 77 triệu đôla. Tính bằng đạn thì số đạn tiêu thụ trong một ngày là 16 triệu đôla. Một năm Mỹ tiêu tốn 700 triệu đôla, bằng 3% thu nhập của cả nước Mỹ và bằng thu nhập của cả miền Nam trong ba năm.

SỐ QUÂN MỸ VÀ CÁC NƯỚC PHỤ THUỘC MỸ Ở MIỀN NAM VIỆT NAM TỪ 1965 - 1973

Nguồn:- Tạp chí Quân đội nhân dân số tháng 2 - 1973.

- *Tổ hợp quân sự - công nghiệp Mỹ và cuộc chiến tranh Việt Nam*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tháng 2 - 1975.

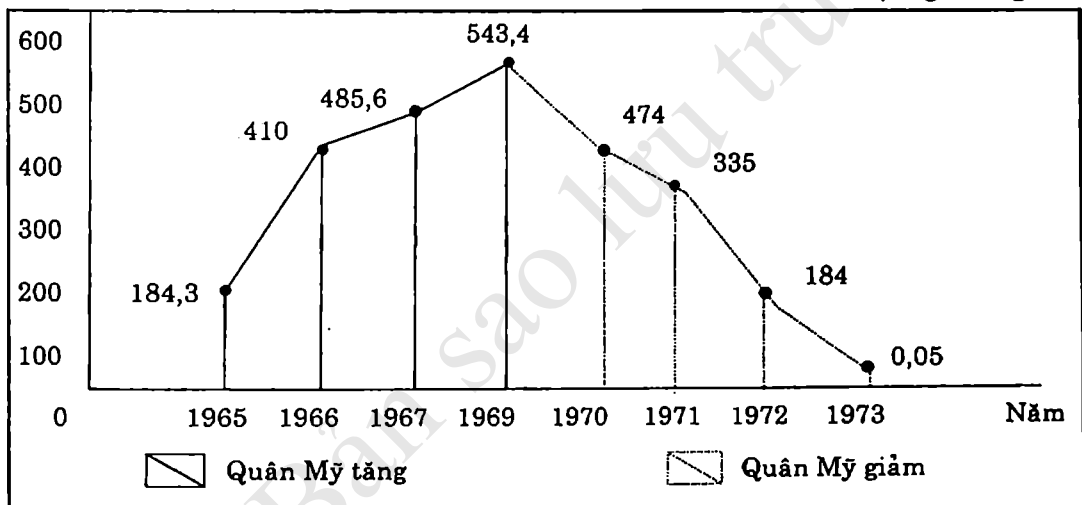
- *Jeff Stein - marc Leepson: Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia và Trung tâm báo chí nước ngoài - Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 1993.

- *Mác Namara: Nhìn lại quá khứ - Tám thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

- *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996.

1. Số quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam từ 1965 - 1973.

(Đơn vị: nghìn người)



Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, số quân Mỹ có mặt cao nhất trên chiến trường miền Nam là 11 sư đoàn và 11 trung đoàn với hơn 540.000 người, gồm sư đoàn kỵ binh bay số 1, sư đoàn bộ binh số 1, 4, 25 và số 9; sư đoàn bộ binh American số 23, sư đoàn không vận số 101. Hai sư đoàn thủy quân lục chiến số 1 và số 3; hai lữ đoàn tương đương sư đoàn là lữ đoàn bộ binh số 5 và lữ đoàn không vận số 82; lữ đoàn công binh số 18, lữ đoàn quân cảnh số 18 và các trung đoàn của sư đoàn số 5, trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11.

Ngày 29 - 3- 1973, quân Mỹ rút hết, để lại 50 lính thủy đánh bộ bảo vệ sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Sau đây là một số đơn vị tiêu biểu:

Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, thành lập năm 1942, tham chiến trên chiến trường Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, là đơn vị chiến đấu đầu tiên với 13.500 quân, đổ bộ lên phía bắc Đà Nẵng, Việt Nam ngày 9 - 3 - 1965, đánh dấu sự tham chiến công khai của lực lượng chiến đấu Mỹ tại Việt Nam, là một trong số đơn vị quân Mỹ (trừ lữ đoàn 3) rút khỏi Việt Nam đợt đầu (25.000) vào ngày 27 - 7 - 1969.

Sư đoàn tia chớp nhiệt đới (sư đoàn bộ binh số 25), thành lập tháng 10 - 1941, đến Việt Nam tháng 4 - 1966, rút khỏi Việt Nam tháng 12 - 1970 (trừ lữ đoàn, tháng 4 - 1971), là một trong những sư đoàn chịu thương vong lớn nhất trong chiến tranh xâm lược Việt Nam: 34. 484 người, gấp gần hai lần thương vong trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (5.432) và chiến tranh Triều Tiên (13.685) cộng lại

Sư đoàn kỵ binh bay số 1, thành lập 7 - 1965, sư đoàn cơ động đường không đầu tiên, tinh nhuệ nhất, có đầy đủ quân số (16.000) (trang bị hơn 400 máy bay trực thăng, hơn 1.600 xe các loại) của quân đội Mỹ tham gia Chiến tranh xâm lược Việt Nam tháng 9 - 1965, rút khỏi Việt Nam tháng 4 - 1970 (trừ lữ đoàn 3 tháng 6 - 1972), thương vong trong chiến tranh Việt Nam khoảng 30.000 người, gấp 1,5 lần trong Chiến tranh thế giới lần hai (4.055) chiến tranh Triều tiên (16.498) cộng lại.

Sư đoàn bộ binh số 1, (Anh cả đỏ), là một trong những sư đoàn nổi tiếng nhất của lực lượng Mỹ, thành lập 5 - 1917, sư đoàn bộ binh đầu tiên của Mỹ tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam tháng 10 - 1965, rút khỏi Việt Nam tháng 4 - 1970. Thương vong trong chiến tranh Việt Nam 20.770 người, gần bằng thương vong trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (22.320), nhiều hơn Chiến tranh thế giới lần thứ hai (20.659).

Sư đoàn dù số 101, sư đoàn cơ động đường không của quân đội Mỹ, nguyên là sư đoàn bộ binh thành lập trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trong Chiến thắng thế giới lần thứ hai, chuyển thành sư đoàn dù, đến Việt Nam tháng 11 - 1967 (riêng lữ đoàn 1, từ tháng 7 - 1965), bộ phận cuối cùng rời khỏi Việt Nam ngày 10 - 3 - 1972, thương vong trong chiến tranh Việt Nam khoảng 20.000 người, gấp hơn hai lần thương vong trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (9.328)

Sư đoàn bộ binh số 9, thành lập tháng 8 - 1940, đến Việt Nam tháng 12 - 1996, rút khỏi Việt Nam tháng 10 - 1970, thương vong trong chiến tranh Việt Nam khoảng 20.000 người, gần bằng thương vong trong chiến tranh thế giới lần thứ hai (23.277).

Sư đoàn bộ binh số 4, thành lập năm 1917, đến Việt Nam tháng 9 - 1996, rút khỏi Việt Nam tháng 12 - 1970, thương vong trong chiến tranh Việt Nam 16.844 người, bằng khoảng 75% thương vong trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (22.660)

Sư đoàn American(sư đoàn bộ binh số 23), thành lập trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đơn vị đã gây nên vụ thảm sát Sơn Mỹ (16 - 3 - 1968) trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, đến Việt Nam tháng 9 - 1967, giải thể tháng 11 - 1971. Thương vong trong chiến tranh Việt Nam 17.565 người, gấp 4 lần thương vong trong chiến tranh thế giới lần thứ hai (4.209).

2. Quân các nước phụ thuộc Mỹ ở miền Nam Việt Nam 1964 - 1973

Tên nước	Số lượng	Ngày đến	Ngày rút
1) Nam Triều Tiên (2 sư đoàn + 1 lữ đoàn)	50.000	9-1964	29-3-1973
2) Thái Lan (1 sư đoàn + 1 trung đoàn)	13.000	7-1966	2-1972
3) Ôxtrâylia (1 trung đoàn + 1 tàu khu trục và 1 phi đội máy bay)	7.000	9-1964	12-1972
4) Philippin (1 tiểu đoàn công binh + 2 đội cố vấn chiến tranh tâm lý)	2.000	4-1965	29-3-1973
5) Niu Dilân (2 đại đội công binh + 1 đại đội pháo binh)	600	7-1965	12-1972
Cộng	72.600		

LỰC LƯỢNG CỦA MỸ ĐÃ HUY ĐỘNG VÀO CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM (Từ năm 1956 đến đầu năm 1975)

Nguồn: - *Việt Nam con số sự kiện 1945 - 1989*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989.

- *42 đời Tổng thống Hoa Kỳ, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam*, Hà Nội, 1995.

- *Jeff Stein - Mare Leepson: Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam*, Nxb, Chính trị quốc gia và Trung tâm Báo chí nước ngoài, Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 1993.

- *Mác Namara: Nhìn lại quá khứ - Tấn thâm kịch và bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

Thời gian gây chiến tranh (tháng)	222 ¹
Chi phí cho chiến tranh (tỷ đôla)	676 ²
Mỹ huy động tại nước Mỹ:	
Quân tham chiến và hỗ trợ (nghìn tên)	800

- Số lượt lính Mỹ tham chiến (nghìn lượt)	6.600
- Tỷ lệ các quân chủng tham chiến (%)	
Lục quân	70
Lính thủy đánh bộ	60
Hải quân	40
Không quân	60
- Số xí nghiệp của nước Mỹ phải phục vụ chiến tranh (nghìn cái)	22
- Mỹ huy động quân các nước phụ thuộc (nghìn tên)	
Bao gồm các nước : Nam Triều Tiên, Philippin, Ôxtrâylia, Thái Lan, Niu Dilân	72

1. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, ngay tại nước Mỹ, 8 thanh niên tự thiêu, người tự thiêu đầu tiên (1965) trước cửa Lầu năm góc là Normam Morrison, 32 tuổi; 70 thanh niên đã đốt thẻ quân dịch ở Niu York (15 - 4 - 1967); từ năm 1996 - 1973 có 503. 926 vụ lính Mỹ đào ngũ; nhiều cuộc biểu tình của nhân dân và sinh viên Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam diễn ra, cuộc biểu tình đầu tiên ở Oasinhton là ngày 27 - 11 - 1965; 25.000 người; lớn nhất 250.000 người (15 - 11 - 1969); riêng năm 1970, xảy ra 250 vụ đánh bom khủng bố đòi chấm dứt chiến tranh. Người đứng đầu cuộc biểu tình phản đối cuộc chiến tranh ở Việt Nam bên ngoài sứ quán Mỹ ở Luân Đôn (Anh) hồi đó là cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton; người kiên trì đấu tranh cho hoà bình và đã nhiều lần đến thăm Việt Nam trong cuộc chiến tranh là chị Jane Fonda.

2. Số liệu mới được công bố của Viện Quốc tế nghiên cứu chiến lược (IISS) Luân Đôn là 720 tỷ đôla.

LỰC LƯỢNG KHÔNG QUÂN MỸ SỬ DỤNG TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Nguồn: Chiến tranh nhân dân đánh thắng Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1982, t.1

(Đơn vị: chiếc)

Loại máy bay	Thời điểm					
	8 - 1967	Tết Mậu Thân 1968	7 - 1969	Trước 30 - 3 - 1972	8 - 1972	12 - 1972
1. Máy bay chiến đấu chiến thuật						
a) Của Mỹ	1.171 (17LD) ¹	1.148 (17LD)	1.262 (17LD)	634 (8LD)	1.077 (15LD)	999 (14LD)
- Ở căn cứ Thái Lan	274 (4LD)	284 (4LD)	286 (4LD)	237 (2LD)	215 (7LD)	455 (6LD)
- Ở căn cứ nam Việt Nam	681 (10LD)	648 (10LD)	760 (10LD)	187 (3LD)	142 (2LD)	124 (2LD)
- Trên các tàu sân bay	216 (3LD)	216 (3LD)	216 (3LD)	210 (3LD)	420 (6LD)	420 (6LD)
b) Của quân Ngụy Nam Việt Nam	162	120	120	220	240	280
2. Máy bay ném bom chiến lược B-52³	(6Đ.Đ) ² 60	(6Đ.Đ)	(6Đ.Đ)	(11Đ.Đ)	(12Đ.Đ)	(14Đ.Đ)
		120	120	90	193	193

LỰC LƯỢNG HẢI QUÂN MỸ SỬ DỤNG TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Khu vực hoạt động	Thời điểm		
	Vịnh Bắc Bộ	Từ Đà Nẵng trở vào	Cộng
1967 - 1968 (Thời kỳ leo thang cao của Tổng thống Giôn-xơ)	18 - 33 tàu, gồm: 2 - 3 tàu sân bay, 1 tàu chống ngầm, 3 tàu tuần dương, 12 - 22 tàu khu vực, 2 - 4 tàu ngầm	22 - 35 tàu, gồm: 10 - 21 tàu chiến đấu, 12 - 14 tàu đổ bộ và phục vụ	53 - 55 tàu (45% tàu chiến đấu của hạm đội 7)
Tháng 7 - 1969 (Trước khi Mỹ rút quân từng bước khỏi miền Bắc Việt Nam)	12 - 24 tàu, gồm: 2 - 3 tàu sân bay, 1 - 2 tàu tuần dương, 9 - 15 tàu khu vực, 1 - 4 tàu ngầm.	20 - 33 tàu, gồm 8 - 15 tàu chiến đấu, 12 - 18 tàu đổ bộ và phục vụ	44 - 47 tàu (43% tàu chiến đấu của hạm đội 7)
Trước ngày 30 - 3 - 1972	13 tàu, gồm: 2 - 3 tàu sân bay, 8 - 9 tàu khu vực, 2 tàu ngầm	8 tàu, gồm: 3 tàu khu trục, 5 tàu đổ bộ và phục vụ	21 tàu.
Tháng 8 - 1972 (Thời kỳ leo thang cao của Tổng thống Ních-xơn)	48 - 53 tàu, gồm: 3 - 5 tàu sân bay, 1 tàu chống ngầm, 30 - 33 tàu khu trục, 1 - 5 tàu tuần dương, 4 tàu ngầm, 6 - 11 tàu đổ bộ	5 - 13 tàu, gồm: 1 tàu sân bay, 3 - 10 tàu khu trục, 1 - 2 tàu đổ bộ	52 - 56 tàu (60% tàu chiến đấu của hạm đội 7)
Tháng 12 - 1972 (Khi dịch mở cuộc tập kích chiến lược đường không)	26 - 28 tàu, gồm: 4 - 5 tàu sân bay, 17 tàu khu trục, 5 - 6 tàu ngầm và chống ngầm	11 tàu, gồm: 9 tàu khu trục, 2 tàu đổ bộ	37 - 39 tàu (40% tàu chiến đấu của hạm đội 7).

1. LD: Liên đội, một liên đội tương đương 1 sư đoàn không quân.

2. ĐĐ: Đại đội

3. Máy bay ném bom chiến lược B - 52 ở căn cứ Utapao (Thái Lan) và đảo Guam, thường đặt ở Guam 2/3 lực lượng.

**HOẠT ĐỘNG CỦA DỊCH TRÊN TUYẾN VẬN TẢI
CHIẾN LƯỢC HỒ CHÍ MINH TRÊN BỘ VÀ TRÊN BIỂN**

Nguồn: - *Chiến tranh nhân dân đánh thắng Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ*, NXB. Quân đội nhân dân, 1982, t.1

- *Lịch sử hải quân nhân dân Việt Nam*, Nxb. Binh đoàn Trường Sơn xuất bản, Hà Nội, 5 - 1989.

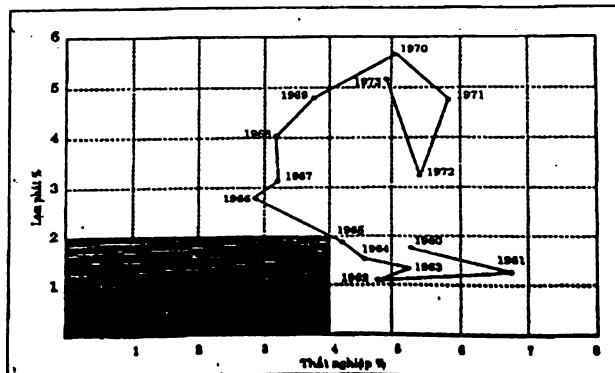
Tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn và vận tải biển của ta đã làm phá sản âm mưu chiến lược của đế quốc Mỹ hòng ngăn chặn nguồn chi viện từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam, cô lập cách mạng miền Nam trong thế bị bao vây kìm kẹp ác liệt.

Trên tuyến vận tải biển, chúng tăng cường kiểm soát trên không, trên biển như tiến hành các vụ biệt kích và dùng chiếm hạm, máy bay đánh phá vào quân cảng hải quân ta, mở chiến dịch "Mát két Taimơ" phong toả các cửa biển, cửa sông hòng tiêu diệt, ngăn chặn các tàu vận tải quân sự của hải quân ta từ miền Bắc vào chiến trường miền Nam. Tàu chiến của Mỹ - Ngụy và pháo địch từ nam khu phi quân sự đã bắn trên 850.000 quả đạn pháo, dùng máy bay, tàu chiến rải 21.973 mìn từ trường phong toả các hải cảng, đường hàng hải quốc tế, các khu chuyển tải và vùng ven biển miền Bắc với diện tích trên 650 km². Chúng đã gây tổn thất lớn cho ta về người, vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Trên tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn, quân Mỹ - Ngụy đã tiến hành các chiến dịch không quân "Sấm rền", "Con hổ thép", lập phòng tuyến điện tử Mác Namara; mở các cuộc hành quân phối hợp nhiều quân, binh chủng tiến công vào tuyến vận tải quân sự Trường Sơn. Chúng đã ném xuống tuyến đường Hồ Chí Minh trên 7,526,000 quả bom phá, bom sát thương, hàng triệu quả mìn các loại, rải chất độc hoá học làm trụi lá cây... Trong 10 năm (1966 - 1975), trung bình mỗi năm cứ 1.000 m đường phải hứng chịu 736 quả và loạt bom, 36 cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, hàng ngàn vụ biệt kích. Hơn 2 vạn cán bộ, chiến sĩ hy sinh, trên 3 vạn bị thương, cùng hàng vạn đồng chí của ta chịu ảnh hưởng chất độc hoá học trên tuyến đường lịch sử này.

**LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP CỦA MỸ DO TÁC ĐỘNG
CỦA CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM (1960 - 1973)**

Nguồn: Hội đồng cố vấn kinh tế: *Báo cáo kinh tế của Tổng thống Mỹ 2 năm 1973 - 1975.*



**SO SÁNH KHỐI LƯỢNG BOM KHÔNG QUÂN, HẢI QUÂN MỸ NÉM,
THẢ XUỐNG CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG¹ VỚI KHỐI LƯỢNG BOM
KHÔNG QUÂN MỸ, ANH NÉM XUỐNG CÁC CHIẾN TRƯỜNG TRONG
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ HAI VÀ TRIỀU TIÊN.**

(Đơn vị: nghìn tấn)

1. Khối lượng bom không quân, hải quân Mỹ ném, thả trong chiến tranh xâm lược Việt Nam 1965 - 1972.

Nguồn: - *Chiến tranh nhân dân đánh thắng Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1982, t.1

- *Jeff Stein - Marc Leepson: Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Trung tâm báo chí nước ngoài - Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 1993.

Miền Bắc	1965	1966	1967	1968	1969	1970	1971	1972	Tổng cộng
		30	200	270	200	3,6	13,4	10,3	210
Miền Nam	21,8	302	598	1.059	957	511	238	561,7	4.444,7
Tổng cộng	51,8	502	868	1.259	960,6	524,4	248,3	771,7	5.382,0

2. Khối lượng bom không quân Mỹ, Anh ném xuống các chiến trường trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1950 - 1953)

Nguồn: *Lịch sử Chiến tranh thế giới lần thứ hai*, Nxb. Paxô, Pari (Pháp), 1951.

- *Cuộc chiến tranh không quân*, Trung tâm nghiên cứu Đại học Coócnen (Mỹ), 1972.

Chiến trường Lực lượng không quân	Châu Âu (1941 - 1945)	Thái Bình Dương (1942 - 1945)	Địa Trung Hải và Trung Đông (1942 - 1945)	Nhật Bản (1942 - 1945)	Triều Tiên (1950 - 1953)
Khối lượng bom của không quân Mỹ ném	1.580	530		160,8	698
Khối lượng bom của không quân Anh ném	955, 4	126,4	160,84		

1. Mỹ thừa nhận lực lượng không quân Hoa Kỳ đã ném, thả xuống chiến trường Đông Dương 7,5 triệu tấn bom, gấp 3 lần số bom Mỹ dùng trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (2,1 triệu tấn), gấp 47 lần số bom Mỹ ném xuống Nhật Bản (160.800 tấn) và hơn 10 lần số bom Mỹ ném xuống Triều Tiên (698.000 tấn).

CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA KHÔNG QUÂN VÀ HẢI QUÂN MỸ ĐỐI VỚI MIỀN BẮC¹.

Từ ngày 7 - 2 - 1965 đến 15 - 1 - 1973, đế quốc Mỹ đã hai lần tiến hành Chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc (lần thứ nhất: từ ngày 7 - 2 - 1965 đến 1 - 11 - 1968 của chính quyền Giônxon; lần thứ hai: từ ngày 6 - 4 - 1972 đến 15 - 1 - 1973 của chính quyền Níchxon. Không quân Mỹ ném xuống miền Bắc hàng triệu tấn bom. Bình quân 1km² phải chịu đựng 6 tấn bom, mỗi người dân miền Bắc phải chịu đựng 45,5 kg bom.

Đã gây thiệt hại:

- Về người: giết và gây thương tật cho hơn 200.000 người (80.000 người chết), để lại hậu quả 70.000 trẻ em mồ côi.

- Về kinh tế: tất cả các cơ sở kinh tế và quốc phòng đều bị đánh phá: 100% các nhà máy điện, 1.500/ 1.600 công trình thủy lợi, hơn 1.000 quãng đê xung yếu; 6 đường xe lửa với hầu hết cầu cống bị sập, hỏng 66/70 nông trường quốc doanh bị bom đạn địch bắn phá; trên 40.000 trâu, bò bị giết hại; 6 thành phố bị đánh phá, trong đó có 3 thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên bị phá hoại nặng nề, 28/30 thị xã (trong đó có 12 thị xã bị phá hủy toàn toàn), 96/116 thị trấn, 4.000/ 5.788 xã miền Bắc (có hơn 300 xã bị phá hủy hoàn toàn), 350 bệnh viện (có 10 bệnh viện bị phá hủy hoàn toàn), 1.500 bệnh xá, 1.300 trường học, hàng trăm chùa chiền, nhà thờ và di tích lịch sử, hơn 5 triệu m² nhà ở bằng gạch ngói, hàng chục vạn hécta ruộng vườn bị bom đạn cày xới để lại hậu quả nặng nề cho nhân dân ta phải khắc phục sau chiến tranh.

SO SÁNH SỰ PHÁT TRIỂN VỀ KIỂU, LOẠI BOM ĐẠN CỦA KHÔNG QUÂN MỸ VÀ PHÁP SỬ DỤNG TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM²

Loại vũ khí	Pháp sử dụng (1945 - 1954)	Mỹ sử dụng (1965 - 1975)
- Bom phá	7	29
- Bom sát thương	2	13
- Mìn	2	10
- Tên lửa, đạn rốc két	1 (không điều khiển)	8 (có điều khiển)
- Đầu nổ cơ học lắp vào các loại bom đạn	10	25
- Đầu nổ điện tử, quang học, lade lắp vào các loại bom, đạn	0	20

1. Trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai: Nước Đức trung bình là 5,4 tấn/km², 27kg/đầu người; nước Nhật 0,43 tấn/km², 1,6kg/đầu người.

2. Mỹ thừa nhận, từ tháng 3-1965 đến 6-1970, đã sử dụng chất độc hóa học, chất độc màu da cam ở miền Nam Việt Nam, với mục đích phá hủy cây trồng và rừng rậm nơi "che giấu và ẩn nấp của Cộng sản". Chúng đã rải xuống 20 triệu galông, tương đương 76 triệu lít trên diện tích 1,5 triệu mẫu Anh rừng (tương đương 607.500ha), 221.000 mẫu Anh cây trồng (tương đương 89.500ha).

SỐ ĐẠN PHÁO VÀ Mìn ĐỊCH BẮN VÀ THẢ Ở MIỀN BẮC (QUẢ)

Thời gian	Đạn pháo		Mìn từ trường thả trên sông, cửa sông và ven biển
	Do tàu chiến bắn	Do pháo đặt ở phía nam khu phi quân sự bắn	
1965 – 1968	484.574	150.641	4.500
1969 – 1972	107.289	6.994	17.473
Tổng cộng	591.863	258.635	21.937

SỐ LẦN ĐÁNH PHÁ CỦA KHÔNG QUÂN ĐỊCH VÀO CÁC LOẠI MỤC TIÊU Ở MIỀN BẮC

Thời gian	Số lần đánh phá các loại mục tiêu								Cộng
	Giao thông vận tải	Tỷ lệ % ¹	Quân sự	Tỷ lệ % ¹	Kinh tế	Tỷ lệ % ¹	Dân cư	Tỷ lệ % ¹	
1965 - 1968	94.561	52,3	18.249	10,09	12.185	6,7	55.783	30,8	180.778
1969 - 1972	14.595	63,5	2.010	8,7	2.162	9,4	4.188	18,2	22.955
Tổng cộng	109.156	53,5	20.259	9,9	14.347	7,0	59.971	29,4	203.733

CHỈ SỐ SO SÁNH MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG CỦA KHÔNG QUÂN ĐỊCH TRONG CÁC NĂM ĐÁNH PHÁ MIỀN BẮC

(Năm 1965 = 1)

Hoạt động của không quân địch	Năm	1966	1967	1968	1972
- Số phi vụ máy bay đánh phá trung bình hàng tháng		2,8	3,8	3,5	3,2
- Khối lượng bom ném xuống trung bình hàng tháng		5,5	7,0	6,6	7,0
- Số mục tiêu đánh phá trung bình hàng tháng		1,2	1,5	1,6	1,5

1. So với tổng số lần đánh phá các loại mục tiêu

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM (Từ 1944)

Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (1945 - 1976), Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1976) quản lý, bao gồm các tổ chức vũ trang và bán vũ trang: Quân đội nhân dân Việt Nam, dân quân tự vệ và công an nhân dân (trong tài liệu này chúng tôi không đề cập tới).

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập, ngày đó đã trở thành ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, trụ cột của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra và phát triển trên cơ sở các đội vũ trang cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức và lãnh đạo.

Quân đội nhân dân Việt Nam đã trải qua các tên gọi:

- *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* (12-1944 đến 6-1945);
- *Việt Nam giải phóng quân* (5-1945 đến 11-1945);
- *Vệ quốc đoàn* (11-1945 đến 5-1946);
- *Quân đội quốc gia Việt Nam* (5-1946 đến 1950);
- *Quân đội nhân dân Việt Nam* từ 1950.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bộ phận quân đội nhân dân Việt Nam ở chiến trường miền Nam được mang tên *Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*.

Quân đội nhân dân Việt Nam trải qua ba thời kỳ xây dựng, chiến đấu và trưởng thành.

1. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

Quân đội nhân dân Việt Nam mới ra đời còn non trẻ. Những năm tháng đầu tiên chỉ có các đơn vị bộ binh, từng bước kinh qua chiến đấu và trưởng thành, một số binh chủng dần dần được tổ chức, như Binh chủng Thông tin (1945), Binh chủng Công binh (1946), Binh chủng Pháo binh (1951)..

Tổ chức quân chủ lực cũng như quân địa phương theo nguyên tắc "tam tam chế", nghĩa là cứ ba đơn vị cấp dưới hợp thành một đơn vị cấp trên (đây là nguyên tắc tổ chức có tính chất cơ bản, trên thực tế thì rất linh hoạt).

Hệ thống các đơn vị quân đội được tổ chức theo biểu biên chế sau:

- Tiểu đội (biên chế 10 - 12 người);
- Trung đội (biên chế 3 tiểu đội);
- Đại đội (biên chế 3 trung đội, có thể có một số tiểu đội trực thuộc);
- Tiểu đoàn (biên chế 3 đại đội, có thể có một số trung đội trực thuộc);

- Đại đoàn (được tổ chức vào giữa cuộc kháng chiến - 1949), mỗi đại đoàn có 3 trung đoàn và một số tiểu đoàn và đại đội trực thuộc.

Các đơn vị bộ đội địa phương do các liên khu, khu và phân liên khu trực tiếp quản lý, chỉ huy. Cấp tỉnh thành lập tỉnh đội, cấp huyện thành lập huyện đội, cấp xã thành lập xã đội. Mỗi tỉnh đội và huyện đội đều có một lực lượng bộ đội địa phương nhất định, tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của mỗi địa phương. Xã đội chỉ huy lực lượng dân quân, du kích của xã dưới sự chỉ huy của cơ quan quân sự cấp trên.

Trong cơ cấu Chính phủ những năm đầu kháng chiến, đứng đầu Bộ Quốc phòng là một quan chức dân sự. Trong cơ cấu lực lượng vũ trang đứng đầu là một Tổng chỉ huy. Sau đó hai chức vụ này được thống nhất làm một, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh quân đội.

Để giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh tổ chức thực thi các kế hoạch, nhiệm vụ của toàn quân có các cơ quan:

- Bộ Tổng tham mưu, đứng đầu là Tổng tham mưu trưởng;
- Tổng cục Chính trị, đứng đầu là Chủ nhiệm;
- Tổng cục Cung cấp, đứng đầu là Chủ nhiệm;
- Một số cơ quan chức năng trực thuộc.

Cấp liên khu và tương đương hệ thống cơ quan gồm có:

- Bộ Tham mưu (Tham mưu trưởng);
- Cục Chính trị (Chủ nhiệm);
- Cục Cung cấp (Chủ nhiệm);
- Một số cơ quan chức năng trực thuộc.

Cấp đại đoàn và trung đoàn cũng có hệ thống cơ quan tương ứng như cấp liên khu, quy mô nhỏ hơn, cơ quan cấp đại đoàn gọi là phòng (phòng tham mưu, phòng chính trị, phòng cung cấp và một số bộ phận chức năng trực thuộc); cơ quan cấp trung đoàn gọi là ban (ban tham mưu, ban chính trị, ban cung cấp).

Hệ thống chỉ huy từ cấp đại đội (có thời kỳ từ cấp trung đội) đến cấp liên khu, phân liên khu có hai cấp trưởng (được gọi là chế độ chỉ huy "đoàn trưởng - chính trị viên", một thời gian ngắn thực hiện chế độ "chính uỷ quyết định tới hậu"): một người chỉ huy về quân sự (đại đội trưởng tới liên khu trưởng) một người phụ trách về công tác đảng, công tác chính trị (chính trị viên, chính uỷ - từ cấp trung đoàn trở lên).

Ngoài các đơn vị chiến đấu còn có một hệ thống các đơn vị bảo đảm, huấn luyện và cơ sở sản xuất quốc phòng phục vụ nhu cầu chiến đấu và xây dựng của quân đội.

Chế độ tuyển quân bổ sung cho quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào sự tình nguyện của thanh niên, những người có lòng nhiệt thành yêu nước căm thù địch

sâu sắc - được gọi là bộ đội tình nguyện - đây là một trong những nguyên nhân đã tạo nên một giá trị văn hoá - tinh thần độc đáo của Quân đội nhân dân Việt Nam được nhân dân tôn vinh "Bộ đội Cụ Hồ".

Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hệ thống tổ chức quân đội nhân dân Việt Nam như sau. (sơ đồ 1).

2. Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975).

Quân đội nhân dân Việt Nam có hai lực lượng: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương. Có lực lượng thường trực và lực lượng dự bị. Có các quân chủng: Lục quân, Hải quân và Phòng không - Không quân.

Bộ đội Lục quân được tổ chức tương đối hoàn chỉnh gồm các binh chủng của một bộ đội lục quân hiện đại, giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, một số quân đoàn (tương đương) bộ đội hợp thành đã được thành lập tạo nên sức mạnh chiến đấu tập trung - "những quả đấm thép" - của lực lượng vũ trang. Mỗi quân đoàn được tổ chức 3 sư đoàn (đại đoàn trong giai đoạn chống Pháp được gọi là sư đoàn từ 1958) bộ binh và một số đơn vị binh chủng hoả lực mạnh và chuyên môn kỹ thuật (xe tăng, pháo binh, pháo phòng không, công binh, thông tin, hoá học).

Bộ đội Phòng không - Không quân và Bộ đội Hải quân cũng tổ chức theo phương hướng hiện đại hoá với nhiều binh chủng hợp thành của một quân đội tương đối hiện đại (binh chủng không quân, binh chủng tên lửa, binh chủng pháo phòng không, binh chủng radar...).

Trên các hướng chiến lược tổ chức các quân khu (tương đương) gần các đơn vị chủ lực của quân khu (tương đương) và bộ đội địa phương của tỉnh, huyện.

Hệ thống các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, hệ thống nhà trường quân đội, các viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành; hệ thống các xí nghiệp quốc phòng tương đối hoàn chỉnh.

Lực lượng dân quân du kích phát triển mạnh mẽ, tạo nên lực lượng tại chỗ rộng khắp cho lực lượng vũ trang chính quy tác chiến thuận lợi. Lực lượng này cũng là nòng cốt cho công tác bảo đảm trật tự an ninh ở các địa phương.

Từ năm 1958, Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện chế độ bổ sung và thay thế quân bằng nghĩa vụ quân sự và thực hiện chế độ quân hàm trong toàn quân. Năm 1960, Luật Nghĩa vụ quân sự chính thức được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thông qua. Luật Nghĩa vụ quân sự đã góp phần nâng cao chất lượng quân đội. Theo Luật Nghĩa vụ quân sự 1960 quy định, nam thanh niên từ 18 - 26 tuổi có nghĩa vụ phục vụ trong lực lượng thường trực của quân đội, thời hạn là 3 năm, sau đó giải ngũ chuyển sang ngạch quân nhân dự bị, khi đất nước có sự biến cố thể huy động trở lại phục vụ trong quân ngũ. Luật này đã được sửa đổi, bổ sung hai lần vào các năm 1962 và 1965 để phù hợp với tình hình cách mạng của đất nước, đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Luật Nghĩa vụ quân sự quy định hạ sĩ quan và binh sĩ trong quân đội có các bậc quân hàm: thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ, binh nhất và binh nhì.

Năm 1958, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà cũng thông qua Luật sĩ quan, thực hiện chế độ quân hàm trong toàn quân (trước đó trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh phong quân hàm sĩ quan cho một số cán bộ cao cấp của quân đội). Theo Luật sĩ quan 1958, sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam có ba cấp:

- Cấp tướng, có 4 bậc: đại tướng, thượng tướng, trung tướng và thiếu tướng;
- Cấp tá, có 4 bậc: đại tá, thượng tá, trung tá và thiếu tá;
- Cấp úy, có 5 bậc: đại úy, thượng úy, trung úy, thiếu úy và chuẩn úy.

Phục vụ trong quân đội ngoài các sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ còn một bộ phận các quân nhân chuyên nghiệp (những người làm công tác chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ) và công nhân viên quốc phòng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhiều nữ thanh niên đã tình nguyện tham gia quân đội trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hệ thống tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam như sau: (sơ đồ 2).

3. Thời kỳ đất nước thống nhất (từ 1975)

Quân đội nhân dân Việt Nam bước vào giai đoạn cách mạng mới, bảo vệ Tổ quốc thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Do tính chất nhiệm vụ có thay đổi nên hệ thống biên chế tổ chức cũng có một số thay đổi để phù hợp với nhiệm vụ mới.

Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Chủ tịch nước là người thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ huy điều hành quân đội. Giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có các cơ quan:

- Bộ Tổng tham mưu (đứng đầu là Tổng Tham mưu trưởng);
- Tổng cục Chính trị (đứng đầu là Chủ nhiệm Tổng cục);
- Tổng cục Hậu cần (đứng đầu là Chủ nhiệm Tổng cục);
- Tổng cục Kỹ thuật (đứng đầu là Chủ nhiệm Tổng cục);
- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (đứng đầu là Chủ nhiệm Tổng cục);
- Tổng cục II (đứng đầu là Tổng cục trưởng);
- Và một số cơ quan chức năng trực thuộc.

Quân đội nhân dân Việt Nam có các quân chủng:

- Lục quân;
- Hải quân;
- Phòng không - Không quân;
- Bộ đội biên phòng.

Lục quân không tổ chức thành quân chủng độc lập, gồm các quân đoàn binh chủng hợp thành, các binh chủng (pháo binh, công binh, thông tin, hoá học, đặc công, tăng - thiết giáp), các sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn độc lập. Trên các hướng chiến lược tổ chức các quân khu gồm các đơn vị chủ lực thuộc quân khu, các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện trong quân khu.

Ngoài các đơn vị chiến đấu còn có một hệ thống hoàn chỉnh các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, hệ thống nhà trường các cấp từ học viện đến trường đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật, các viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành, các xí nghiệp quốc phòng, các đơn vị chuyên làm kinh tế...

Cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam phục vụ trong quân ngũ theo những quy định của Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 1981 (thay thế luật năm 1958) và được sửa đổi, bổ sung vào năm 1990 và năm 1999; Luật Nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 1981 (thay thế Luật Nghĩa vụ quân sự sửa đổi năm 1965), được sửa đổi hai lần vào năm 1990 và năm 1994; Nghị định của Chính phủ về quân nhân chuyên nghiệp.

Hệ thống cấp bậc quân hàm trong Quân đội nhân dân Việt Nam gồm:

- Đại tướng;
- Thượng tướng (Đô đốc hải quân);
- Trung tướng (Phó đô đốc hải quân);
- Thiếu tướng (Chuẩn đô đốc hải quân);
- Đại tá;
- Thượng tá;
- Trung tá;
- Thiếu tá;
- Đại úy;
- Thượng úy;
- Trung úy;
- Thiếu úy;
- Thượng sĩ;
- Trung sĩ;
- Hạ sĩ;
- Binh nhất;
- Binh nhì.

Hệ thống cấp bậc quân hàm của quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội gồm có:

- Thượng tá;
- Trung tá;
- Thiếu tá;
- Đại úy;
- Thượng úy;
- Trung úy;
- Thiếu úy;
- Chuẩn úy;
- Thượng sĩ.

Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức, xây dựng theo phương hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Ngày càng được hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động với một hệ thống các điều lệnh, điều lệ, quy định, chế độ...

Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt bằng quy chế do Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định.

Từ năm 1945 - 1989, quân đội nhân dân Việt Nam hầu như chiến đấu liên tục đã cùng toàn dân đánh thắng các kẻ thù xâm lược:

- Thực dân Pháp trong cuộc kháng chiến 1945 - 1954, giải phóng một nửa đất nước từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc;
- Đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh kéo dài hơn 20 năm từ 1954 - 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước;
- Cuộc chiến tranh biên giới do tập đoàn Campuchia phản động gây ra ở biên giới phía tây nam 1977 - 1979 và lực lượng thù địch gây ra ở phía bắc Tổ quốc năm 1979.
- Làm nhiệm vụ quốc tế giúp nhân dân Lào chống thực dân Pháp (1945 - 1954), đế quốc Mỹ (1960 - 1975); và nhân dân Campuchia chống thực dân Pháp (1945 - 1954), đế quốc Mỹ (1970 - 1975), bọn diệt chủng Khmer Đỏ (1979 - 1989), góp phần giành độc lập cho nhân dân hai nước bạn trên bán đảo Đông Dương.

Quân đội nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ chiến đấu giải phóng, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (1944 - 1994) đã được Nhà nước tặng thưởng:

- 14 Huân chương Sao vàng, huân chương cao quý nhất của Nhà nước (tặng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vào các năm 1974, 1979 và 1984; Quân tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia năm 1978; 7 quân khu - 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 - và 3 quân chủng; Phòng không, Không quân và Hải quân).

- 119 Huân chương Hồ Chí Minh, (88 huân chương tặng tập thể và 31 huân chương tặng cá nhân).

- 315 Huân chương Độc lập (48 huân chương tặng tập thể, 267 huân chương tặng cá nhân).

- 44 Huân chương Lao động (11 huân chương tặng tập thể, 33 huân chương tặng cá nhân).

- Hàng vạn đơn vị và hàng triệu cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng được tặng Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công, Huân chương Chiến thắng, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ.

Đến hết năm 2000, 3.622 tập thể, 1.781 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" và "Anh hùng lao động".

Ngoài lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam còn có lực lượng dân quân tự vệ hùng hậu đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương, sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan quân sự địa phương (Ban chỉ huy quân sự huyện (quận), Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) ở các quân khu) và lực lượng công an nhân dân.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NGUY QUYỀN MIỀN NAM (1955 - 1975)

Lực lượng vũ trang của chính quyền ngụy ở miền Nam Việt Nam (Việt Nam cộng hoà) hình thành ngày 26 - 10 - 1955, trên cơ sở tiếp thu và cải tổ quân đội quốc gia Việt Nam do Pháp thành lập cho chính quyền bù nhìn Bảo Đại năm 1950; mang tên Quân lực Việt Nam cộng hoà (5-1964). Được đế quốc Mỹ trực tiếp tổ chức, trang bị và huấn luyện, sử dụng như một công cụ để tiến hành chiến tranh xâm lược kiểu mới của Mỹ ở Việt Nam.

Quân lực Việt Nam cộng hoà gồm ba quân chủng là Lục quân, Hải quân và Không quân. Có hệ thống tổ chức quân sự theo lãnh thổ (quân khu, tiểu khu và chi khu), trường huấn luyện sĩ quan và binh sĩ, cơ sở công nghiệp quân sự. Từ năm 1964, Quân lực Việt Nam cộng hoà có 3 bộ phận hợp thành: Chủ lực quân, Địa phương quân (Bảo an đoàn) và Nghĩa quân (Dân vệ đoàn). Chủ lực quân là lực lượng chính quy làm nhiệm vụ cơ động, Bảo an đoàn và Dân vệ đoàn là lực lượng lãnh thổ (quân địa phương).

Quân số Quân lực Việt Nam cộng hoà lúc cao nhất gần 1.100.000 người, bổ sung theo chế độ quân dịch và tuyển mộ. Dưới sự chỉ huy và viện trợ của Mỹ, quân đội Việt Nam cộng hoà xây dựng thành một quân đội chính quy, hiện đại với nhiều sư đoàn bộ binh, nhiều đơn vị hoả lực mạnh và tăng cường hải quân và không quân hiện đại. Tuy được trang bị hiện đại, thực chất là quân đội tay sai nên chất lượng quân đội ngụy kém buộc Mỹ phải tăng cường cố vấn quân sự (thời điểm cao nhất lên tới 26.200 người vào năm 1964) và phải đưa một bộ phận quân chiến đấu Mỹ (thời điểm cao nhất lên tới gần 536.000 tên) và quân các nước đồng minh Mỹ (66.000 tên) vào Việt Nam để cứu vãn tình thế trong cuộc Chiến tranh cục bộ.

Tổng tư lệnh tối cao của lực lượng vũ trang Việt Nam cộng hoà là Tổng thống Việt Nam cộng hoà, cơ quan chỉ huy cao nhất của Quân lực Việt Nam cộng hoà là Bộ Tổng tham mưu.

Vào thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, Quân lực Việt Nam cộng hoà còn tới gần 1.000.000 quân, trong đó:

- Lực quân 86 vạn quân, với 11 sư đoàn bộ binh, dù, thuỷ quân lục chiến, 16 liên đoàn biệt động quân, 8 lữ đoàn kỵ binh thiết giáp, 51 chi đội tăng với khoảng 2.200 xe tăng và bọc thép các loại, 64 tiểu đoàn pháo mặt đất, 4 tiểu đoàn pháo phòng không, cùng nhiều đơn vị bảo đảm chiến đấu được trang bị khá hiện đại.

- Hải quân khoảng 39.000 người, với 5 hạm đội, 5 vùng duyên phòng cùng một số giang thuyền gồm gần 2.000 tàu, thuyền các loại.

- Không quân khoảng 61.000 người, với 6 sư đoàn, nhiều phi đoàn độc lập, hơn 2.000 máy bay các loại.

- 4 quân khu - vùng chiến thuật (1, 2, 3,4).

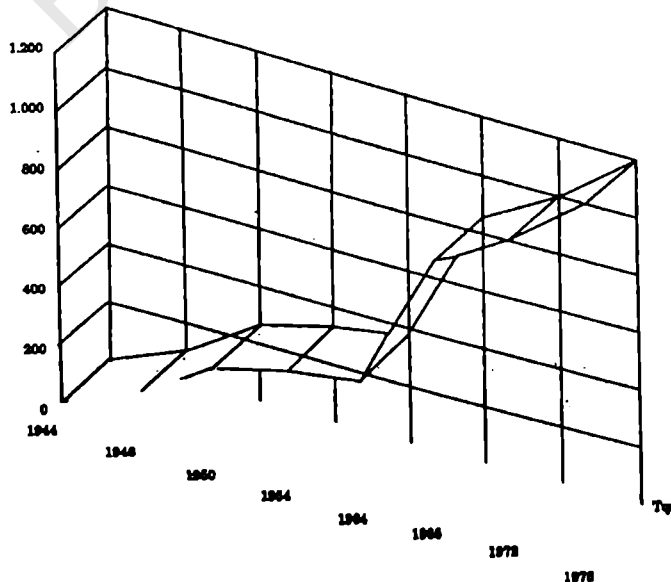
Quân lực Việt Nam cộng hoà bị tiêu diệt và tan rã hoàn toàn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân Việt Nam mùa Xuân 1975.

VỪA KHÁNG CHIẾN VỪA KIẾN QUỐC

TỔNG SỐ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (1944-1975)

(Đơn vị tính: 1.000 người)

Nguồn: 50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995



**THÀNH TÍCH THAM GIA CHIẾN ĐẤU VÀ PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU
CỦA NHÂN DÂN MIỀN BẮC**

Số ngày công ¹	Khối lượng đất đá (m ³) ²	Số bom đạn nhân dân tự thảo gỡ (quả)	Hố cá nhân (cái) ³	Hầm tập thể (cái) ⁴	Hầm bảo vệ gia súc và của cải (cái)	Hào giao thông (km)	Địa đạo (m)
267.874.625	35.290.494	211.295	3.144.589	3.714.764	1.600.032	1.296	18.044

CHỈ SỐ SO SÁNG KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN CHI VIỆN TIỀN TUYẾN TRONG NHỮNG NĂM 1965 - 1972

(Năm 1965 = 1)

1966	1967	1968	1969	1970	1971	1972
2,4	4,4	8,0	7,6	9,4	9,0	15,6

VẬN TẢI CHIẾN LƯỢC CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG

Nguồn: - *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997

- *Lịch sử Hải quân nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985

- *30 năm đường Hồ Chí Minh*, Binh đoàn Trường Sơn xuất bản, Hà Nội, 1989.

- *Lịch sử đường 559, Binh đoàn Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999

1. Vận tải biển

Bộ đội Hải quân đã vận chuyển 261.291 tấn hàng hoá, vũ khí phục vụ chiến đấu.

Từ tháng 2-1964 đến 12-1964, vận chuyển được:

- Cho Nam Bộ: 4.920 tấn.

- Cho khu V: 171 tấn.

Sau sự kiện Vũng Rô, từ năm 1965 - 1975, ta phải thay đổi phương thức vận chuyển từ miền Bắc vào sông Gianh, sau đó vận tải bộ được 711 tấn.

Bộ đội Hải quân đã:

1. Số ngày công phục vụ chiến đấu và bảo đảm giao thông vận tải
2. Khối lượng đất đá đào đắp, chuyên chở phục vụ chiến đấu và bảo đảm giao thông.
3. Đào ở nơi sản xuất, đường đi lại và nơi ở.
4. Hầm tập thể của gia đình, nhà trẻ, trường học, bệnh xá, nơi hội họp...

- Đánh chìm 353 tàu xuống các loại của Mỹ - Ngụy, trong đó có chiếc tàu chở dầu trọng tải 15.000 tấn. Đánh bị thương 45 chiếc khác, trong đó có các tàu tuần dương, khu trục hiện đại của hải quân Mỹ như: Niu Poniu, Oasinhton, Giôđép Xơrao, Béccolây, Pribon, v.v...

- Bắn rơi 118 máy bay các loại.

- Rà phá, tháo gỡ hàng nghìn thủy lôi và bom từ trường của địch, bảo đảm luồng lạch thông suốt 3.731 hải lý.

327 đơn vị và 21 cá nhân đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Vận tải qua Trường Sơn

Từ năm 1959 - 1975, **Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh** đã vận chuyển được gần 1.400.000 tấn hàng hoá, vũ khí, trong đó cho các chiến trường và cách mạng Lào, Campuchia hơn 583.000 tấn, 5.500.000m³ xăng dầu; bảo đảm hành quân cơ động, tiêu thụ trên tuyến và tổn thất trên đường vận chuyển hơn 765.600 tấn; năm 1974 vận chuyển số lượng hàng gấp 22 lần năm 1966: 217.426 tấn; mùa xuân năm 1975 được 413.450 tấn, gấp đôi năm 1974; đưa đón, vận chuyển trên 2 triệu cán bộ, chiến sĩ và cán bộ, nhân dân vào ra trên tuyến.

Để giao được 1.000 tấn hàng, bộ đội Trường Sơn bị tổn thất: 57 người bị thương, 21 người hy sinh, 25 xe ô tô, 143 tấn hàng bị phá huỷ.

Đã mở 5 hệ thống đường trục dọc, 21 đường trục ngang nối liền các chiến trường dài gần 17.000km. Mở 3.140km đường kín cho xe chạy ban ngày, 3.000km đường giao liên, gần 1.300km đường thông tin tải ba, 14.000km đường thông tin hữu tuyến và thiết bị tiếp sức. Bảo đảm vận chuyển hàng trên sông có chiều dài 500km và 1.400km đường ống xăng dầu từ hậu phương miền Bắc qua Trường Sơn cho các chiến trường. Trong cuộc Tổng tiến công mùa xuân năm 1975, đã bảo đảm giao thông đường 1 và 7 tuyến đường khác với tổng chiều dài là 2.577km; đã bắc 88 cầu, huy động 1.052 xe chở các quân đoàn chủ lực và 20 vạn quân.

Để vận tải được vũ khí, phương tiện và lương thực, thực phẩm cho các chiến trường, bộ đội ta trên tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn đã phải chống chọi, chịu đựng với khối lượng bom đạn do Đế quốc Mỹ ném xuống tuyến đường là hơn 7.500.000 quả bom (tương đương 4 triệu tấn), hàng triệu quả mìn các loại, đánh trả hàng trăm cuộc hành quân, có xe tăng, thiết giáp yểm trợ, hàng nghìn lần biệt kích, thám báo của Mỹ - Ngụy, đỉnh cao là cuộc hành quân Lam Sơn 719 vào Đường 9 - Nam Lào tháng 2 - 1971. Trong chiến dịch này, bộ đội Trường Sơn đã bắn rơi 356 máy bay, diệt 8.105 tên, bắt 1.160 tên, phá huỷ 136 xe tăng, xe cơ giới và 86 khẩu pháo.

Với tinh thần đánh địch mà đi, mở đường mà tiến, Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đã làm thất bại các kế hoạch ngăn chặn của không quân và bộ binh địch, vô hiệu hoá nhiều loại vũ khí hiện đại, các sáng chế khoa học quân sự của địch; đã anh dũng chiến đấu bắn trả 151.133 trận đánh phá của

không quân địch, bắn rơi 2.455 máy bay các loại, bắt 10 người lái, đánh bộ binh địch 2.500 trận lớn nhỏ, diệt hơn 18.740, bắt hơn 1.290, gọi hàng 10.000, đưa tổng số quân địch bị diệt, bị thương, bị bắt lên gần 20.000 tên; thu và phá huỷ hơn 100 xe quân sự và hàng nghìn súng các loại. Đã san lấp 78.000 hố bom, phá hơn 230.000 bom nổ chậm và bom từ trường, 85.100 loạt mìn các loại. Đào đắp gần 29 triệu m³ đất đá.

Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Hồ Chí Minh, 77 đơn vị, và 44 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1976), Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, bảo vệ Tổ quốc. Trên mặt trận mới này, 5 đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và 3 đơn vị, 3 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống (19-5-1959 đến 19-5-1999), Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh vinh dự đón nhận Huân chương Sao Vàng của Đảng, Nhà nước trao tặng, vì đã có thành tích to lớn trong 16 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước và 24 năm xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng.

LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN, DU KÍCH, TỰ VỆ TOÀN QUỐC VÀ TỔ CHỨC, TRANG BỊ DÂN QUÂN, TỰ VỆ Ở MỘT SỐ QUÂN KHU.

Nguồn: - *Chiến tranh nhân dân địa phương trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Nxb, Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.

- *Tổng kết chiến tranh nhân dân địa phương các Quân khu III, IV, V*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.

I. TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Địa phương	Năm	Lực lượng tổ chức được	
		Dân quân, du kích	Tự vệ
Nghệ An	Đầu năm 1947	4.000	30.000
	Đến tháng 11-1947	11.417	76.768
Cao Bằng		9.000	56.000
Lạng Sơn		8.500	60.000
Liên khu V	Năm 1948	500.000	
Tuyến du kích làng chiến đấu ven biển kéo dài tới 400km.			

II. TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

1. Lực lượng dân quân, tự vệ toàn quốc (1959 - 1975)

Lực lượng DQTV trong từng thời kỳ	Miền Bắc	Tỷ lệ so với dân số chung (%)	Miền Nam	Tỷ lệ so với dân số ta nắm được (%) ¹
Từ 1959 - 1964 ²	1.474.360	7,43	179.000	1,25
Từ 1965-1975	2.501.865	10,14		
Từ 1965 - 1968			184.081	3,35
Từ 1969 - 1972			120.948	2,77
Từ 1973 - 1975			296.984	

2. Tổ chức, trang bị của dân quân tự vệ ở một số quân khu.

Quân khu III (1965 - 1972)	Quân khu IV (1972)
<p>1. Lực lượng chống và cứu sập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại chỗ: 3.684 đội, với 218.557 người : - Cơ động: 1 tiểu đoàn = 420 người - Trang bị: 183 xe tải, 3 xe cầu, 4 xe ủi, 4 máy cày, 4 máy phát điện và các dụng cụ thô sơ khác. <p>2. Lực lượng cấp cứu tải thương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại chỗ: 21.866 tổ, đội, gồm 129.808 người - Cơ động: của thị xã, thành phố 584 đội, của huyện 83 đội, gồm 280.000 người. Trang bị xe cấp cứu, xe tải thương. Tổ chức kíp mổ. <p>3. Lực lượng cứu hoả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại chỗ: tổ chức theo thôn, xã, phường, với số lượng tham gia: 156.838 người. Trang bị thùng, gầu, câu liêm, cuốc xẻng, dao... - Cơ động: 83 đội của huyện, khu phố, mỗi đội từ 12 - 15 người và 4 đội của thành phố. Trang bị xe cứu hoả và các dụng cụ thô sơ khác. 	<p>1. Tổ chức đơn vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - 52 tiểu đoàn tự vệ. - 2.084 đại đội (973 đại đội tự vệ) - 1610 trung đội (310 trung đội tự vệ) - 603 tiểu đội (54 tiểu đội tự vệ) <p>2. Lực lượng cơ động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 tiểu đoàn, 8 đại đội (cấp huyện) 129.808 người. - 6 đại đội, 70 trung đội 742 tiểu đội (cấp cơ sở) <p>3. Trang bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoả lực phòng không: từ 12,7 mm đến pháo cao xạ 85mm, cho 25 đại đội, 186 trung đội (có 2 trung đội pháp 85 mm) và 24 tiểu đội. - Hoả lực pháo binh: từ cối 60 mm đến pháo 105 mm, cho 7 đại đội (có 1 đại đội pháp 105 mm), 217 trung đội là 11 tiểu đội. <p>4. Lực lượng cứu hộ, giải quyết hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.317 đội trinh sát, quan sát, báo động, 674 đội công binh DQTV, 11.326 đội cứu thương, 2.060 đội cứu sập, 166 đài quan sát thủy lôi, 1.293 đội rà bom, 116 đội điều chỉnh giao thông tại các biển vượt. <p>5. Phòng tránh:</p> <p>Hầm hào phòng tránh: 24.525.493 cái (trong đó đào mới từ 1965 đến 1972 là 529.493 cái) Gồm: 35 km địa đạo, 4.834 km hào giao thông.</p>

1. Tỷ lệ so với dân ta nắm ở vùng giải phóng và trang chấp.
2. Miền bắc tính từ năm 1960

THANH NIÊN XUNG PHONG VIỆT NAM (1950 - 1975)

Nguồn: *Thanh niên xung phong - những trang oanh liệt*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1996.

Thanh niên xung phong ra đời ngày 15 - 7 - 1950 theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, có gần 200.000 thanh niên tham gia:

- Chống Pháp: 20.000 người.

- Chống Mỹ: 180.000 người.

+ Ở miền Bắc : 175.000 (trong đó có 35.000 người làm nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc).

+ Ở miền Nam: 5.000 người.

Nhiệm vụ: "... là một lực lượng lao động đặc biệt, quân sự hoá của thanh niên, có vũ trang, được tổ chức và xây dựng trên ba mặt: sản xuất, chiến đấu, học tập". Thực tế thanh niên xung phong đảm nhiệm 16 loại công việc khác nhau nhưng chủ yếu ở ba ngành: giao thông vận tải, lâm nghiệp và quốc phòng.

Thành tích:

- Đã mở hơn 100 con đường với tổng chiều dài 4.000 km.

- Đảm bảo giao thông ngày đêm trên 3.000 km đường, trong đó có 2.526 trọng điểm dịch thường xuyên đánh phá ác liệt.

- Cùng quân đội tham gia xây dựng 6 sân bay quân sự dã chiến.

- Rà phá trên một vạn quả bom, mìn.

- Bấm rơi 15 máy bay, bắt 13 người lái, 6 biệt kích, thám báo.

Hàng vạn thanh niên xung phong sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã được vào học tại các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề.

Tháng 11 - 1997, Thanh niên xung phong Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Một tập thể và 4 cá nhân được phong tặng danh hiệu anh hùng.

Trong hai cuộc kháng chiến có:

- Hơn 4.000 người hy sinh

- Hàng vạn người bị thương.

- Hơn 8.000 người bị ảnh hưởng chất độc hoá học.

CÔNG AN NHÂN DÂN TRÊN MẶT TRẬN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Nguồn: 50 năm Công an nhân dân chiến đấu và trưởng thành (1945 - 1995), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1995.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy

"Đối với tự mình, phải cần kiệm, liêm chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo".

Công an nhân dân chiến đấu, xây dựng và trưởng thành lớn mạnh, đã và đang biến lời dạy của Người thành mục tiêu phấn đấu nhằm xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

1. Tổ chức và tên gọi công an nhân dân

Tháng 8 - 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, cùng với chính quyền dân chủ nhân dân, các tổ chức đầu tiên của công an Việt Nam được thành lập.

- Ở Bắc Bộ, thành lập Sở Liêm phóng.
- Ở Trung Bộ, thành lập Sở Trinh sát.
- Ở Nam Bộ, thành lập Quốc gia tự vệ cuộc.

Ngày 12 - 2 - 1946, thành lập Việt Nam Công an vụ, thống nhất tổ chức và nhiệm vụ của ngành công an cả nước.

Việt Nam Công an vụ có ba cấp:

- Công an toàn quốc, có tên gọi là Nha Công an Trung ương.
- Công an kỳ, có tên gọi là Sở Công an kỳ.
- Công an tỉnh, có tên gọi là Ty Công an tỉnh.

Giám đốc Việt Nam công an vụ dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Ngày 16 - 2 - 1953, Nha Công an Trung ương đổi thành Thứ Bộ Công an, do một thứ trưởng phụ trách.

Ngày 27 - 8 - 1953, đổi Thứ Bộ Công an thành Bộ Công an.

Ngày 6 - 6 - 1975, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá V, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà quyết định hợp nhất Bộ Công an và Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ.

Ngày 7 - 5 - 1998, kỳ họp thứ ba Quốc hội khoá X, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định đổi tên Bộ Nội vụ thành Bộ Công an.

Quá trình chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, Công an nhân dân Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tuyên dương công trạng và tặng thưởng 2 Huân chương Sao vàng, 50 Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương các loại.

297 đơn vị và 135 cán bộ, chiến sĩ được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (có 5 đơn vị được tuyên dương lần thứ hai).

2. Chiến công xuất sắc của lực lượng công an nhân dân trên mặt trận bảo vệ an ninh tổ quốc.

Thời gian	Sự kiện
	Trong kháng chiến chống Pháp
Tháng 8 - 1945	- Bắt một số tên phản động cách mạng nguy hiểm trong Chính phủ bù nhìn, trong các tổ chức phản động, tay sai Pháp, Nhật, ổn định an ninh trật tự trong toàn quốc.
Tháng 9 - 1945	- Kịp thời trấn áp vụ bạo loạn cướp chính quyền ở Cần Thơ do bọn phản động lợi dụng đạo Hoà Hảo cầm đầu
Tháng 5 - 1946	- Tiêu diệt bọn phản động trong tổ chức Đại Việt duy dân, một tổ chức của bọn phản động cách mạng lưu vong được lập ra ở Trung Quốc, do Lý Đông A cầm đầu âm mưu cướp chính quyền ở tỉnh Hoà Bình.
Tháng 7 - 1946	- Bắt tên Nghiêm Xuân Chi, Trưởng ban ám sát của Việt Nam Quốc dân đảng, phá tan kế hoạch ám sát một số cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng ta.
Ngày 12 - 7 - 1947	- Đập tan âm mưu và hoạt động của thực dân Pháp câu kết với bọn phản động trong tổ chức Quốc dân đảng Việt Nam định lật đổ chính quyền cách mạng, bắt gần 100 tên, thu được nhiều bằng chứng về tội ác, các tài liệu phản cách mạng ở 40 trụ sở của tổ chức, trong đó có 2 trụ sở lớn ở Hà Nội là nhà số 132 phố Duyvinh (nay là phố Bùi Thị Xuân) và nhà số 7 phố Ôn Như hầu (nay là phố Nguyễn Gia Thiều).
Ngày 10 - 10 - 1947	- Diệt tên Chủ tịch Hội đồng an dân Bắc Việt và tên Thủ tướng Chính phủ bù nhìn Nam Kỳ tự trị
Ngày 28 - 4 - 1950	- Trùng trị tên Bazin, Phó Giám đốc Sở mật thám Liên bang Đông Dương, chánh Sở mật thám Pháp ở Nam Kỳ.
Ngày 29 - 6 - 1950	- Diệt tên Hà Văn Lan, Phó Thủ hiến Trung Kỳ tại Huế.
Tháng 9 - 1950	- Tổ điệp báo Nha Công an Trung ương hoạt động trong lòng địch thu được nhiều tin tức quan trọng, bắt 3 tên cầm đầu trong hai đảng phái phản động (Đại Việt Quốc dân đảng và Việt Nam Quốc dân đảng) và đánh đắm Thông báo hạm Amiôđanhvin của thực dân Pháp ở vùng biển Sầm Sơn (Thanh Hoá), phá huỷ hàng trăm tấn vũ khí và nhiều quân trang, quân dụng (27 - 9 - 1950).
Ngày 24 - 4 - 1951	- Đánh mìn phá huỷ cầu lạc bộ sĩ quan Pháp tại Phát Diệm (Ninh Bình) làm chết và bị thương gần 100 sĩ quan, binh nhì Pháp.
Tháng 4 - 1952	- Trấn áp bọn phản động lợi dụng đạo Thiên Chúa gây bạo loạn ở xứ Tràng Nứa (Hưng Nguyên, Nghệ An)

Tháng 11 – 1952	- Khám phá tổ chức gián điệp của Phòng Nhì hải quân Pháp ở Hòn Mê (Thanh Hoá) câu kết với bọn phản động lợi dụng đạo Thiên Chúa ở Tĩnh Gia (Thanh Hoá) và các huyện phía bắc tỉnh Nghệ An.
Tháng 5 – 1953	- Khám phá tổ chức gián điệp của Phòng Nhì Pháp tại Đông Hà (Quảng Trị) câu kết với bọn phản động lợi dụng đạo Thiên Chúa ở nhà thờ Phước Sơn, Vĩnh Linh (Quảng Trị).
Cuối năm 1953 đến tháng 5 – 1954	- Bảo vệ an ninh trật tự góp phần quan trọng vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
Từ tháng 3 đến tháng 7 – 1954	- Bảo vệ tuyệt đối an toàn đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà tại Hội nghị Giơnevơ.
Từ tháng 4 đến tháng 7 – 1954	- Khống chế, sử dụng toán gián điệp Pháp ở Thái Nguyên do tổ chức biệt kích hỗn hợp nhảy dù (GCMA) điều khiển.
Tháng 1 – 1955	Trong kháng chiến chống Mỹ: - Dập tắt vụ bạo loạn của bọn phản động lợi dụng Thiên Chúa cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam ở xứ Ba Lang, Tĩnh Gia, Thanh Hoá.
Tháng 12 – 1957	- Phá tổ chức phản động "Mặt trận chống cộng miền Bắc" gồm 113 tên ở Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên do tên Nguyễn Quang Hải, nguyên là sĩ quan ngụy cầm đầu, âm mưu xây dựng cơ sở, thu thập tin tức, gây rối an ninh trật tự, phá hoại các công trình kinh tế, quốc phòng.
Tháng 4 – 1958	- Phá tổ chức phản động "Nhân văn giai phẩm" do một số phần tử phản Đảng và Thụy An (gián điệp Pháp cài lại), Trần Thiếu Bảo (tư sản) cầm đầu nhằm dả kích chế độ, chống lại sự lãnh đạo của Đảng, gây nên luồng tư tưởng xấu trong nhân dân ở Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh.
Tháng 11 – 1958	- Khám phá tổ chức gián điệp Mỹ cài lại ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định do tên Trần Minh Châu (tức Cặp) chỉ huy nhằm thu thập tin tức tình báo, phá hoại và chờ đợi thời cơ lật đổ chính quyền.
Tháng 12 – 1959	- Trấn áp vụ bạo loạn ở Đồng Văn, Hà Giang do bọn quan lại của chế độ cũ và bọn phi cầm đầu.
Từ tháng 5 – 1961	- Đấu tranh thắng lợi chuyên án gián điệp Mỹ - Ngụy đầu tiên nhảy dù xuống vùng rừng núi Sơn La.
Đến tháng 12 - 1966	- Đấu tranh chuyên án gián điệp, biệt kích xâm nhập bằng đường biển vào Quảng Ninh.
Từ tháng 8 – 1961 đến tháng 1 - 1970	- Phá tổ chức phản động "Đảng cách mạng quốc gia Việt Nam" ở Thanh Hóa.
Tháng 4 – 1962	- Phá vụ án gián điệp Mỹ - Ngụy do Châu Thanh - Trần Đình Cán hoạt động ẩn nấp ở Nghệ An.
Tháng 5 – 1962	- Phá tổ chức gián điệp của Mỹ - Ngụy cài lại hoạt động ở Hải Phòng, Hà Nội, Phú Thọ, Quảng Ninh và Thái Nguyên, thu được nhiều vũ khí và phương tiện hoạt động.
Tháng 10 – 1964	- Lực lượng phòng cháy, chữa cháy dập tắt đám cháy do bom Mỹ gây ra ở Tổng kho xăng Đức Giang, Hà Nội.
Từ tháng 6 - 1965 đến tháng 10 – 1968	
Tháng 6 – 1966	

Ngày 7 - 12 - 1966	- Các chiến sĩ trinh sát vũ trang Sài Gòn - Gia Định diệt tên Trần Văn Văn, Chủ tịch Quốc hội ngụy Sài Gòn ở ngay trong nội đô.
Tháng 10 - 1967	- Phá tổ chức chống Đảng, làm tình báo cho nước ngoài của một số cán bộ cao cấp ở Hà Nội.
Tháng 3 - 1968	- Phá tổ chức tuyên truyền phản cách mạng, truyền bá văn hoá đồi trụy và chống đối nghĩa vụ quân sự ở Hà Nội và một số tỉnh khác.
Tháng 5 - 1968	- Phá vụ án xâm phạm nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa của một số cán bộ có chức, có quyền ở Cục Thực phẩm, Bộ Nội thương.
Từ tháng 1 đến tháng 4 - 1970	- Nữ chiến sĩ trinh sát vũ trang Bến Tre - Nguyễn Thị Minh Hiền hai lần diệt địch ở Hội trường công chức thị xã, diệt và làm bị thương hơn 70 tên ngụy quân, ngụy quyền địa phương.
Tháng 5 - 1972	- Phá vụ án gián điệp Âu Trạch Niên (của Mỹ) ở Hải Phòng.
Từ 13 - 5 - 1968 đến ngày 27 - 1 - 1973	- Bảo vệ an toàn phái đoàn Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.
Tháng 3 - 1973	- Phá kế hoạch tình báo song phương Việt - Mỹ mang tên "Kế hoạch Hải Yến" của CIA và Đặc uỷ trung ương tình báo ngụy.
Tháng 8 - 1974	- Phá vụ án tham ô lớn của một số cán bộ có chức, có quyền ở huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú (nay là tỉnh Vĩnh Phúc)
Ngày 14 - 10 - 1974	- Trừ diệt tên cầm đầu hàng phản bội, làm tình báo viên cho cảnh sát đặc biệt ngụy ở thị xã Cần Thơ.
Từ ngày 9 - 4 đến ngày 30 - 4 - 1975	- Đấu tranh chống phản cách mạng, bảo vệ chiến dịch Hồ Chí Minh, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

SẢN XUẤT QUỐC PHÒNG

I- TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Nguồn: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học.* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

Vũ khí, đạn dược do các xưởng quân giới từ Liên khu IV trở ra sản xuất (không kể sản xuất của các xưởng quân giới từ Liên khu V trở vào và các xưởng sản xuất vũ khí của các địa phương).

Năm 1946 - 1950: 1.323 tấn

Năm 1951 - 1954: 1.310 tấn

2.633 tấn

Một số loại chính:

Nội dung	1946	1947	1948	1949	1950	1951	1952	1953	1954	Cộng
Bắn										
- Súng (khẩu)	2	268	267	191	40	30				785
- Dạn (quả)	40	4.037	6.368	3.206	1.160	2.012				16.813
Súng cối										
- Súng (khẩu)		145	678	900	225					1.848
- Dạn (quả)	575	1.234	22.718	80.967	3.007					167.049
Phóng bom:										
- Súng (khẩu)		4	139	87	13					243
- Dạn (quả)		436	1.832	4.634	916					7.816
Súng SKZ:						28.548				
- Súng (khẩu)				85	225	176				486
- Dạn (quả)				645	2.149	4.811				7.605
Phóng lựu:										
- Súng (khẩu)		81	231	1428	290					2.030
- Dạn (quả)	1.360	9.709	22.670	70.193	24.034	14.488				142.444
- Lựu đạn (quả)	12.375	29.847	32.829	74.197	124.023	227.600	394.624	620.236	33.356	1.448.986
- Mìn (quả)	162	16.271	7.067	66.652	64.089	42.801	76.130	116.622	39.762	49.436

II- TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

1. Kết quả sản xuất của bộ đội ở miền Bắc và các chiến trường (1957 - 1975)

(Khối lượng: tấn)

Năm Tổng số	Lương thực (quy gạo)		Thực phẩm (thịt, cá)		Quân y (thuốc, bông băng)	
	Miền Bắc	Chiến trường	Miền Bắc	Chiến trường	Miền Bắc	Chiến trường
1957						
1958			311			
1959	118		509			
1960	702		667			
1961	4.119	400	620			
1962	5.632	1.1478	609	46		
1963	5.740	3.420	740	442		2
1964	6.934	4.980	681	346		
1965	129	2.455	72	476		9
1966	543	3.348	314	253		36
1967	1.143	1.141	1.659	1.178	88	88
1968	817	3.680	891	495	167	
1969	3.268	3.566	1.248	497	33	151
1970	3.413	10.210	1.580	705	103	137
1971	3.487	7.365	1.984	873	94	109
1972	2.015	8.643	1.991	1.175	77	130
1973	73	2.248	9.379	1.952	980	216
1974	2.554	8.080	1.499	1.145	232	33
1975	1.002	2.134	1.727	539	136	64
Cộng	36.523	62.817	27.112	10.122	1.910	975

2. Kết quả sản xuất vũ khí, đạn dược, phụ tùng xe máy các loại của bộ đội ở miền Bắc và các chiến trường từ năm 1957 đến năm 1975.

(Khối lượng: tấn)

Năm	Vũ khí, đạn dược		Phụ tùng xe máy - miền Bắc	Các loại khác	
	Miền Bắc	Chiến trường		Miền Bắc	Chiến trường
1957					
1958			127		
1959	59	1	116		
1960	661	15	128		
Cộng	720	16	371		
1961	553	50	154		
1962	267	97	180		
1963	571	154	173		
1964	1.536	247	179		
Cộng	2.957	548	686		
1965	583	3.566	83		
1966	3.154	439	106		
1967	3.261	782	258	1.080	1.251
1968	3.736	1.168	475	1.343	1.188
Cộng	10.734	5.955	922	2.423	2.439
1969	2.101	1.079	501	6.304	8.161
1970	1096	658	542	12.299	2.114
1971	1.622	695	886	6.819	5.334
1972	1.943	1.197	549	4.975	1.741
Cộng	6.762	3.629	2.478	30.397	17.350
1973	258	1.241	458	5.992	1.704
1974		1.089	917	11.328	495
1975		821	488	8.753	802
Cộng	258	3.151	1.863	26.073	3.001
Tổng cộng	21.431	13.339	6.320	58.893	22.790

VIỆN TRỢ QUỐC TẾ CHO VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN

I- TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Nguồn: Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

(Đơn vị tính: tấn)

Loại hàng	Năm/Số lượng					Tổng số	
	5 - 12 - 1950	1951	1952	1953	1 - 6 - 1954	Tấn	Tiền
Vũ khí, đạn	949	463	990	1.060	791		136 triệu đồng Nhân dân tệ (34 triệu rúp) Theo thanh toán giữa Việt Nam và Trung Quốc)
Nguyên liệu quân giới	71	157	342	103	30		
Vận tải xăng dầu					2.047		
Gạo, thực phẩm	120	776	610	1.516	1.772		
Quân Trang	2.634	4.210	151	823	159		
Quân Y	181	452		713	24		
Thông tin	20	27	58	28	29		
Công binh	8	1	5	157	40		
Cộng	3.983	6.086	2.156	4.400	4.892	21.517	
Trong đó về vũ khí: - 24 khẩu sơn pháo 75 mm - 24 khẩu lựu pháo 105 mm. - 76 khẩu pháo cao xạ 37 mm (của Liên Xô) - 12 khẩu pháo hoả tiễn H6 (của Liên Xô) - 715 xe ô tô vận tải (trong đó 685 xe của Liên Xô)							

II. TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Nguồn: Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

(Đơn vị tính: tấn)

Loại hàng	Năm/ Số lượng					Tổng cộng
	1955 - 1960	1961 - 1964	1965 - 1968	1969 - 1972	1973 - 1975	
* Hậu Cần (bao gồm: lương thực, thực phẩm, quân trang, quân y, xăng dầu, mìn, vật liệu xây dựng...)	4.105	230	105.614	316.130	75.267	1.101.346
* Kỹ thuật (bao gồm: vũ khí, đạn, khí tài, vật tư)	45.480	70.065	411.879	684.666	49.264	1.261.336
Tổng khối lượng: 2.362.682 tấn						
Thành tiền: hơn 7 tỷ rúp						

PHẦN THỨ TƯ

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

- * Từ đổ nát chiến tranh, bắt tay xây dựng đất nước
- * 20 năm đổi mới (1986 - 2005):
 - Những thành tựu đạt được từ thời kỳ đổi mới đến nay

Bản sao lưu trữ

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM TRƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1976 - 1985)

Sau ngày giải phóng đất nước, nhân dân Việt Nam đứng trước một cơ hội mới để xây dựng và phát triển kinh tế vì có thuận lợi cơ bản là tiềm năng kinh tế của hai miền có thể bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, do xuất phát điểm của nền kinh tế thấp kém lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cùng với những vấp vấp, sai lầm trong các chính sách kinh tế nên đến năm 1985, kinh tế nước ta đã rơi vào khủng hoảng và vòng xoáy của lạm phát, thể hiện trên những mặt chủ yếu sau đây:

1. Kinh tế tăng trưởng thấp

Từ năm 1976 đến năm 1985, tổng sản phẩm xã hội tăng 50% tức là bình quân mỗi năm trong giai đoạn 1976 - 1985 chỉ tăng 4,6%. Đã thế, sản xuất kinh doanh lại kém hiệu quả nên chi phí vật chất cao và không ngừng tăng lên. Năm 1980, chi phí vật chất chiếm 41,9% tổng sản phẩm xã hội; năm 1985 tăng lên chiếm 44,1%. Do vậy, thu nhập quốc dân qua hai kế hoạch 5 năm tăng 38,8%, bình quân mỗi năm tăng 3,7%.

2. Làm không đủ ăn và dựa vào nguồn bên ngoài ngày càng lớn

Năm 1985, dân số cả nước gần 59,9 triệu người, tăng 25,7% so với năm 1975. Như vậy trong 10 năm 1975 - 1985, bình quân mỗi năm dân số tăng 2,3%. Để đảm bảo đủ việc làm và thu nhập của dân cư không giảm thì ít nhất nền kinh tế phải tăng 7% mỗi năm. Nhưng trên thực tế nền kinh tế không đạt mức tăng đó nên sản xuất trong nước luôn luôn không đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tối thiểu.

Thu nhập quốc dân sản xuất trong nước chỉ bằng 80-90% nhu cầu sử dụng. Tích lũy tuy nhỏ bé, nhưng toàn bộ quỹ tích lũy và một phần quỹ tiêu dùng phải dựa vào nguồn nước ngoài. Trong những năm 1976 - 1980, thu vay nợ và viện trợ nước ngoài bằng 38,2% tổng thu ngân sách và bằng 61,9% tổng số thu trong nước. Nếu so với tổng số chi ngân sách thì bằng 37,3%. Ba chỉ tiêu tương ứng của thời kỳ 1981 - 1985 lần lượt là 22,4%, 28,9% và 18,6%. Tính đến năm 1985, nợ nước ngoài đã lên tới 8,5 tỷ rúp và 1,9 tỷ USD. Tuy nguồn thu từ nước ngoài lớn như vậy nhưng ngân sách vẫn trong tình trạng thâm hụt và phải bù đắp bằng phát hành. Bộ chi ngân sách năm 1980 là 18,1% và năm 1985 là 36,6%.

Giá trị xuất khẩu hàng năm có tăng lên nhưng vẫn còn thấp so với giá trị nhập khẩu. Tỷ lệ xuất khẩu thường chỉ bằng 20-40% nhập khẩu: 1976 bằng 21,7%; 1977 bằng 26,5%; 1978 bằng 25,1%; 1979 bằng 21,0%; 1980 bằng 25,8%;

1981 bằng 29,0%; 1982 bằng 35,8%; 1983 bằng 40,4%; 1984 bằng 32,2%; 1985 bằng 37,5%. Hầu hết các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống đều phải nhập khẩu toàn bộ hay một phần do sản xuất trong nước không đảm bảo được tiêu dùng. Ngoài sắt, thép, xăng dầu, máy móc, thiết bị còn nhập cả những loại hàng hóa lẻ ra sản xuất trong nước đáp ứng được như gạo và vải mặc. Trong những năm 1976 - 1980 đã phải nhập 60 triệu mét vải các loại và 1,5 triệu tấn lương thực quy gạo. Sau 10 năm đất nước thống nhất, việc xây dựng và phát triển kinh tế cơ bản trong bối cảnh hòa bình mà cái gì cũng thiếu nên cái gì cũng quý.

3. Siêu lạm phát hoành hành và giá cả tăng cấp số nhân

Cơn sốt lạm phát không biết đã ra đời trong nền kinh tế từ bao giờ, song ngay từ năm 1976 nó đã từng tồn tại và cứ lớn dần lên ngoài ý muốn của con người. Năm 1985, cuộc cải cách giá - lương - tiền theo giải pháp sốc đã thất bại làm cho cơn sốt lạm phát vụt lớn nhanh, hoành hành trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Giá cả leo thang từng ngày đã vô hiệu hóa tác dụng đổi tiền chỉ mới tiến hành vài tháng trước đó, làm rối loạn điều hành kinh tế vĩ mô. Giá cả không chỉ tăng ở thị trường tự do mà còn tăng rất nhanh trong thị trường có tổ chức. Về cơ bản, giá cả đã tuột khỏi tầm tay bao cấp của Nhà nước. Siêu lạm phát đạt đỉnh cao vào năm 1986, với tốc độ tăng giá cả năm lên tới 774,4%.

ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI

Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật -
Đại hội mở đầu cho công cuộc đổi mới (12 - 1986)

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA V (Trích)

Sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thực hiện thống nhất nước nhà, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến vào giai đoạn cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách. Bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm và sai lầm. Cách mạng nước ta có những nhân tố thuận lợi mới nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt.

Trong quá trình chuẩn bị đại hội, các đồng chí trong toàn Đảng, đồng bào trong cả nước và ở nước ngoài đã góp nhiều ý kiến thẳng thắn vào bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và nêu nhiều kiến nghị đầy tâm huyết. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang theo dõi, trông đợi Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh giá đúng tình hình, tổng kết được những kinh nghiệm quý báu, xác định những nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách và biện pháp để ổn định tình hình, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.

Đại hội chúng ta có nhiệm vụ làm hết sức mình để đáp ứng lòng mong mỏi chính đáng của đồng bào và đồng chí.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ

Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*. Cùng với việc đánh giá những thành tích đã đạt được, ở đại hội này, chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Năm năm qua, cách mạng nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều mặt phức tạp.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta tiếp tục nhận được sự giúp đỡ to lớn và sự hợp tác nhiều mặt của Liên Xô vĩ đại và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như sự cổ vũ, ủng hộ của nhiều nước bầu bạn và nhân dân yêu chuộng tự do trên thế giới. Cùng với sự cải thiện thể chiến lược chung của cách mạng ba nước Đông Dương, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam, Lào và Campuchia đã tạo thêm những nhân tố thuận lợi cho công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở mỗi nước.

Song, đất nước ta cùng với Lào và Campuchia phải thường xuyên đối phó với những hành động xâm lược, phá hoại và bao vây kinh tế của các thế lực thù địch. Những biến động bất lợi trên thị trường thế giới cũng gây thêm cho chúng ta không ít khó khăn.

Từ điểm xuất phát rất thấp về kinh tế, lại chịu hậu quả của chiến tranh lâu dài, nhân dân ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa thực hiện nhiệm vụ dân tộc vừa làm nghĩa vụ quốc tế, phải đáp ứng cùng một lúc những yêu cầu cơ bản, vừa cấp bách là bảo đảm và cải thiện đời sống, tích lũy để xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng.

Về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự giảm sút của sản xuất vào cuối những năm 70 cùng với những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, nhất là bố trí đầu tư và xây dựng cơ bản của năm năm 1976 - 1980, đã để lại hậu quả nặng nề.

Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng vạch ra, nhân dân ta đã anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được những *thành tựu quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong *sản xuất nông nghiệp và công nghiệp*, đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979 - 1980, từ năm 1981 đến nay, đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt.

Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9% so với 1,9% hàng năm của thời kỳ 1976 - 1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976 - 1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981 - 1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5% so với 0,6% hàng năm trong thời kỳ 1976 - 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6,4% so với 0,4% trong năm năm trước.

Về *xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật*, trong năm năm 1981 - 1985, đã hoàn thành mấy trăm công trình tương đối lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, thủy lợi, giao thông... Về năng lực sản xuất, tăng thêm 456 nghìn ki-lô-oát điện, 2,5 triệu tấn than, 2,4 triệu tấn xi măng, 33 nghìn tấn sợi, 58 nghìn tấn giấy; thêm 309 nghìn ha được tưới nước, 186 nghìn ha được tiêu úng, 241 nghìn ha được khai hoang đưa vào sản xuất; dầu mỏ bắt đầu được khai thác. Các công trình

thủy điện Hòa Bình, Trị An đang được xây dựng, chuẩn bị đưa vào hoạt động trong những năm tới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tiến thêm một bước, đại bộ phận nông dân Nam Bộ đi vào con đường sản xuất tập thể, đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên có tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Cùng với những thành tựu về khoa học, kỹ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp, tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển của sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng đắn cho việc củng cố quan hệ kinh tế tập thể ở nông thôn.

Nhà nước và nhân dân ta cố gắng chăm lo *bảo đảm các nhu cầu của quốc phòng và an ninh*, thi hành chính sách hậu phương quân đội.

Chăm lo *đời sống của nhân dân* là một nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các ngành kinh tế quốc dân đã thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, văn học, nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Các hoạt động khoa học, kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

Trong cả nước, đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, đơn vị chiến đấu giỏi, nhiều huyện làm ăn tốt; một số địa phương và ngành có cách làm ăn năng động, sáng tạo đã đạt được những thành tích đáng phấn khởi. Thực tiễn sinh động của các cơ sở, các địa phương, các ngành cung cấp kinh nghiệm quý báu cho sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Cũng trong năm năm qua, cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã giành thêm những *thắng lợi to lớn*.

Chúng ta đã làm thất bại thêm một bước quan trọng âm mưu của bọn bá quyền chống nước ta, củng cố hơn nữa khả năng quốc phòng của đất nước.

Trên vùng biên giới phía bắc, quân và dân ta đã xây dựng thế trận phòng thủ ngày càng vững chắc, chiến đấu dũng cảm và có hiệu quả, ngăn chặn địch lấn chiếm.

Chúng ta đã làm thất bại một bước chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận lớn bọn phản động FULRO ở vùng Tây Nguyên, bắt gọn nhiều nhóm phản động khác và bọn gián điệp, thám báo, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đạt được những kết quả đáng kể trên một số mặt: củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố cơ sở chính trị ở một số địa bàn xung yếu, xây dựng lực lượng dự bị. Quân đội ta đã có một bước phát triển theo hướng chính quy, hiện đại; sức mạnh chiến đấu được nâng

cao. Lực lượng dân quân, tự vệ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, huy động lực lượng quân đội tham gia xây dựng kinh tế đã đạt một số kết quả, nhất là xây dựng các công trình công nghiệp và giao thông.

Quân và dân ta tiếp tục thực hiện *ngghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia*, củng cố liên minh chiến lược với hai nước láng giềng anh em, cùng nhau tăng cường thế lực của cách mạng ở cả ba nước.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hòa bình đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta *những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên*.

Những thành tựu ấy gắn liền với những quan điểm đúng đắn của đường lối chung và đường lối kinh tế được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, gắn liền với những chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Những thành tựu đã đạt được làm nổi bật tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta. Trong điều kiện sản xuất, chiến đấu và đời sống hết sức khó khăn, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các lực lượng vũ trang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, đã sáng tạo ra một khối lượng sản phẩm nhiều hơn rõ rệt so với 5 năm trước, chiến đấu rất kiên cường, thông minh, dũng cảm, lập nhiều chiến công.

Những thành tựu ấy không tách rời sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, sự hợp tác và tình đoàn kết, chiến đấu của Lào và Campuchia.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, chúng ta đồng thời thấy rõ rằng, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang có nhiều khó khăn:

- Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra, so với yêu cầu cần nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, có tích lũy để công nghiệp hóa và củng cố quốc phòng. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch năm năm vừa qua như sản xuất lương thực, than, xi măng, gỗ, vải, hàng xuất khẩu... không đạt đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân lao động.

- Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các xí nghiệp nói chung chỉ sử dụng được khoảng một nửa công suất thiết kế, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

- Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại.

- Lưu thông không thông suốt, phân phối rối ren, vật giá tăng nhanh đang tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội.

- Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải... giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước.

- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được sử dụng và cải tạo tốt.

- Đời sống của nhân dân, nhất là công nhân, viên chức còn nhiều khó khăn. Nhiều người lao động chưa có và chưa đủ việc làm. Nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hóa chưa được đảm bảo. Nông thôn thiếu hàng tiêu dùng thông thường và thuốc men; nhà ở, điều kiện vệ sinh, sinh hoạt văn hóa ở nhiều nơi còn nghèo nàn.

- Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lộng quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan Nhà nước.

Nhìn chung, chúng ta *chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân.*

Vì sao có tình hình như vậy?

Chúng ta không đánh giá thấp những khó khăn khách quan; những khó khăn đó rất lớn. Song điều quan trọng là phân tích so sánh *những nguyên nhân chủ quan*, nêu rõ những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước.

1. Về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở nhận định đúng những đặc điểm cơ bản của tình hình cách mạng nước ta; Đảng ta đã kịp thời quyết định thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế trong cả thời kỳ quá độ. Nhưng việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế, xã hội của đất nước, đã có nhiều thiếu sót. Do đó, trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế.

Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết. Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên. Trong năm năm 1976 - 1980, trên thực tế, chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa

trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời.

Đại hội lần V, cùng với việc khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược, đã cụ thể hóa một bước đường lối kinh tế trong chặng đường trước mắt, đề ra những mục tiêu tổng quát, các chính sách lớn về kinh tế, xã hội. Nhưng trong chỉ đạo thực hiện đã không quán triệt những kết luận quan trọng nói trên, chưa kiên quyết khắc phục tư tưởng nóng vội và bảo thủ thể hiện chủ yếu trong các chủ trương về cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế.

2. Về bố trí cơ cấu kinh tế

Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không tính tới điều kiện và khả năng thực tế, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, chưa sử dụng có hiệu quả những khả năng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Trong năm năm 1976 - 1980, đã đề ra những chỉ tiêu kế hoạch quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, không coi trọng đúng mức việc khôi phục và sắp xếp lại nền kinh tế, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều, nhưng hiệu quả rất thấp.

Trên cơ sở xác định lại bước đi của công nghiệp hóa, Đại hội lần thứ V chủ trương trong năm năm 1981 - 1985, phải vừa phát triển, vừa sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại xây dựng cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa.

Nhưng chúng ta đã không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội lần thứ V. Nông nghiệp chưa thực sự được coi là mặt trận hàng đầu, không được bảo đảm những điều kiện cần thiết để phát triển, nhất là vật tư, tiền vốn và các chính sách khuyến khích. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vẫn bị coi nhẹ về tổ chức, đầu tư, chính sách. Công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Một khuyết điểm lớn là đã hầu như không sắp xếp lại các cơ sở sản xuất để khắc phục sự chông chéo, bất hợp lý, không tập trung được nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư có hạn vào những cơ sở trọng điểm nhằm khai thác tốt nhất năng lực sản xuất hiện có. Mặt khác, trong xây dựng cơ bản, tuy đã đình, hoãn một số công trình tương đối lớn, tập trung hơn cho các trọng điểm, nhưng về căn bản, vẫn chưa điều chỉnh hợp lý, không kiên quyết đình, hoãn những công trình chưa thật cấp bách và kém hiệu quả, còn ham xây dựng nhiều công trình quy mô lớn. Khối lượng xây dựng dở dang quá nhiều, khiến cho vốn bị đọng quá lâu. Các địa phương và các ngành còn xây thêm nhiều công trình ngoài kế hoạch, làm tăng thêm sự phân tán về tiền vốn và vật tư.

3. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đi đôi với việc ra sức xây dựng những cơ sở và lực lượng kinh tế mới, phải rất coi trọng cải tạo và sử dụng tốt các cơ sở và lực lượng kinh tế sẵn có bằng những hình thức và bước đi thích hợp. Nhưng chúng ta chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh.

Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, ít chú ý những đặc điểm về tính chất của từng ngành, từng nghề, để lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp, có xu hướng muốn tổ chức ngay các hợp tác xã quy mô lớn, không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực của cán bộ. Về nội dung cải tạo, thường nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý và chế độ phân phối. Cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả; sau những đợt làm nóng vội, lại buông lỏng. Do đó, không ít tính chất kinh tế được gọi là công tư hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, chỉ có hình thức, không có thực chất của quan hệ sản xuất mới.

Việc chưa sắp xếp lại các ngành và các cơ sở sản xuất, chậm thay đổi cơ chế quản lý kinh tế đã dẫn tới làm suy yếu vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh làm cho kinh tế tập thể chậm được củng cố, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chưa được mở rộng, ít tiến bộ về tổ chức và phương thức kinh doanh để làm chủ thị trường; một bộ phận bị lôi cuốn vào những hoạt động tiêu cực, tuồn hàng cho tư thương. Thương nghiệp tư nhân chậm được cải tạo. Chúng ta cũng chưa đánh trúng và nghiêm trị bọn đầu cơ buôn lậu, bọn địch phá hoại thị trường.

Trong nhận thức cũng như hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

4. Về cơ chế quản lý kinh tế

Từ Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (khóa IV) năm 1979 đến nay, nhiều nghị quyết của Trung ương, nhiều quyết định của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được ban hành, đặc biệt Nghị quyết 8 của Trung ương (khóa V) và Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị có ý nghĩa đổi mới sâu sắc. Một số ngành và nhiều địa phương, cơ sở đã tiến hành những cuộc thử nghiệm, tìm tòi về cách làm ăn mới nhằm khai thác khả năng tiềm tàng của nền kinh tế để phát triển sản xuất, cải tiến lưu thông, phân phối, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân. Đó là một nhân tố trực tiếp tạo nên thành tựu kinh tế trong năm năm qua.

Song, cho tới nay, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về căn bản chưa bị xóa bỏ. Cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi, một số thể chế quản lý mới còn chấp vá, không ăn khớp, thậm chí trái ngược nhau. Tình trạng tập trung quan liêu còn nặng, đồng thời những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý, việc điều hành không nhạy bén là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hành động không thống nhất từ trên xuống dưới. Một số người và cơ sở đã lợi dụng những sơ hở của cơ chế quản lý để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ.

Chúng ta mới nêu ra được phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể, thì còn nhiều vấn đề chưa giải đáp được thỏa đáng cả về lý luận và thực tiễn.

Rõ ràng là chúng ta còn thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý, lại chưa chú trọng tổng kết kinh nghiệm. Hiện nay cần phải khắc phục cả hai khuynh hướng: bảo thủ, trì trệ, không muốn đổi mới; và nóng vội, giản đơn, muốn giải quyết xong mọi vấn đề trong một thời gian ngắn.

5. Về phân phối, lưu thông

Suốt năm năm qua lĩnh vực phân phối, lưu thông luôn luôn căng thẳng và rối ren. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã dành nhiều thời giờ vào công việc này, nhưng các giải pháp đưa ra chưa thật sự có hiệu quả.

Tình hình nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Trước hết, đó là những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế và trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, là tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại nhiều năm trong quản lý kinh tế, dẫn tới sản xuất chậm phát triển, mâu thuẫn giữa cung và cầu ngày càng gay gắt. Trong lúc đó, lại chưa cảnh giác đầy đủ, thiếu những biện pháp có hiệu lực ngăn chặn những phần tử xấu và kẻ thù lợi dụng sơ hở của ta để phá hoại.

Chúng ta chưa có chính sách cơ bản về tài chính gắn liền với chính sách đúng đắn về giá cả, tiền tệ, tín dụng, tiền lương. Nhà nước không điều tiết đúng mức thu nhập của tư thương, không tước đoạt những nguồn thu nhập bất chính, không bảo vệ tốt tài sản quốc gia, chưa tập trung những nguồn thu quan trọng vào ngân sách và phân phối đúng các nguồn vốn, vật tư hàng hóa có trong tay. Các khoản chi của ngân sách mang nặng tính bao cấp và trong một thời gian dài vượt quá nguồn thu. Việc sử dụng các nguồn vốn vay và viện trợ kém hiệu quả. Chúng ta đã tiêu dùng cả một phần quan trọng nguồn vốn từ bên ngoài và quỹ khấu hao cơ bản. Tất cả những cái đó gây ra thâm hụt ngân sách, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lạm phát trầm trọng.

Việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền đã phạm sai lầm. Thiếu biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để Nhà nước nắm được hàng và tiền. Các giải pháp cụ thể

về định mức giá và quản lý giá, về định mức lương và quản lý quỹ lương, về đổi tiền, về xác định bước đi trong điều chỉnh giá, lương, tiền tiến hành thiếu chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế.

Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lãnh đạo và quản lý kinh tế năm năm qua.

6. Về thực hiện chuyên chính vô sản

Tình trạng buông lỏng chuyên chính vô sản thể hiện ở nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế, xã hội, đấu tranh tư tưởng, văn hóa và trong việc chống lại âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để thiết lập và giữ vững trật tự xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội, đã để cho pháp luật và kỷ cương của Nhà nước bị vi phạm ngày càng phổ biến.

Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng thả nổi và buông lỏng, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa "tả" khuynh vừa hữu khuynh.

Đúng như Đại hội lần thứ V nhận định, chúng ta vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, trong thực tế hai mặt đó cùng tồn tại và đều cản trở bước tiến của cách mạng.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội, bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân...

Trong lĩnh vực tư tưởng và tổ chức Đảng ta đã làm được một số việc có kết quả tốt, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ có một bước trưởng thành, đã có nhiều kinh nghiệm mới về xây dựng đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Nhưng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, trước những biến động và thử thách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoạt động tư tưởng và tổ chức của Đảng đã không theo kịp yêu cầu của cách mạng.

Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế. Chưa chú ý đầy đủ việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của mình và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước anh em.

Trong công tác tổ chức, khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới công tác cán bộ. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo một số quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức, không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của công việc, cách làm lại thiếu quy hoạch, chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng. Công tác giáo dục và quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ.

Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm, không tuân thủ quy trình làm việc và ra quyết định. Việc chỉ đạo, điều hành thường không tập trung, thiếu kiên quyết và nhất quán. Trong các đảng bộ và cấp ủy có sự vi phạm nguyên tắc Lê-nin-nít trong sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Về mặt tổ chức, đã để cho bộ máy Nhà nước, bộ máy của Đảng và các đoàn thể phình ra quá lớn, chồng chéo và phân tán.

Những sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng. Cần nhấn mạnh rằng, việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo là một nguyên nhân trực tiếp làm cho sự lãnh đạo của Đảng trong những năm gần đây không đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội.

Từ thực tiễn cách mạng trong những năm qua, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Đảng ta không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Quần chúng là người làm ra lịch sử.

Nhân dân rất cách mạng, có những phẩm chất rất quý báu. Trải qua trên nửa thế kỷ chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao hy sinh, gian khổ, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì độc lập, vì Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên. Đảng ta không thể phụ lòng mong đợi đó của nhân dân.

Bài học lớn rút ra từ những năm qua là trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân; tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh nhằm ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Mỗi đảng viên cộng sản phải thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy

được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật khách quan là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Để khắc phục được khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, Đảng ta trước hết phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội.

Tiêu chuẩn đánh giá sự vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là sản xuất phát triển, lưu thông thông suốt, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, con người mới xã hội chủ nghĩa ngày càng hình thành rõ nét, xã hội ngày càng lành mạnh, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố. Mọi chủ trương, chính sách gây tác động ngược lại là biểu hiện sự vận dụng không đúng quy luật khách quan, phải được sửa đổi hoặc bãi bỏ.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Nước ta có thể từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là vì cuộc cách mạng ở nước ta diễn ra trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhân dân ta có sự giúp đỡ to lớn và hợp tác toàn diện của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự liên minh và hợp tác toàn diện của hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia. Sự giúp đỡ và hợp tác ấy là điều kiện quan trọng để nhân dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta còn có sự ủng hộ, giúp đỡ của nhiều nước bầu bạn khác, của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay và xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn.

Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của một Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để đảm bảo cho Đảng ta làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, vấn đề cấp bách là tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng

cũng như trong lãnh đạo kinh tế, xã hội. Không ngừng trau dồi và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên, thực hiện thường xuyên tự phê bình và phê bình trong Đảng và trước quần chúng. Trong Đảng, phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí, sự thống nhất ý chí và hành động, nêu cao tính tổ chức và tính kỷ luật, lời nói đi đôi với việc làm.

Đại hội lần thứ VI phải là đại hội đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong việc tăng cường sức mạnh của Đảng, nâng cao uy tín của Đảng trong quần chúng, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ mới. Đảng ta phải trở thành một đảng lãnh đạo vững mạnh trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trên mười năm lãnh đạo đất nước ta đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Đảng ta đã có đủ điều kiện để nhận thức sâu sắc hơn những đặc điểm của chặng đường đó. Nền sản xuất nhỏ với những nhược điểm vốn có của nó, hậu quả của những cuộc chiến tranh lâu dài trước đây và cả cuộc chiến tranh mới, tàn dư của chế độ cũ, đang là những trở ngại trên con đường phát triển của nước ta. Bằng những thành tựu đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã khắc phục một bước sự phân tán và lạc hậu của nền kinh tế, cải tiến một phần cơ cấu kinh tế - xã hội, đặt những cơ sở đầu tiên cho bước phát triển mới. Nhưng chúng ta chưa tiến xa được mấy so với điểm xuất phát quá thấp. Những sai lầm và khuyết điểm đã mắc phải càng làm cho tình hình thêm khó khăn.

Thực trạng kinh tế, xã hội phức tạp đòi hỏi Đảng ta phải có những quyết sách xoay chuyển tình hình, tạo ra một bước ngoặt cho sự phát triển.

Trong những năm tới, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong *bối cảnh quốc tế có nhiều sự biến đổi*.

...

Tại Đại hội này, chúng ta khẳng định: *Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và luôn luôn tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta quyết tâm tiếp tục làm hết sức mình để *tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; củng cố và phát triển liên minh đặc biệt với hai người Lào và Campuchia*, coi đó là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược gắn liền với lợi ích sống còn của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở nước ta và trên toàn bán đảo Đông Dương.

Vì sự nghiệp *bảo vệ Tổ quốc*, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do kẻ thù gây ra.

Chúng ta phải thấu suốt và thực hiện đúng quan điểm “Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc”, “Toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước”, kiên quyết chấp hành và cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, kết hợp chặt chẽ kinh tế, quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân, xây dựng hậu phương đất nước một cách toàn diện.

Xây dựng quân đội nhân dân chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu cao. Tổ chức tốt việc bảo vệ chủ quyền và giữ vững an ninh các tuyến biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo, xây dựng và củng cố bộ đội biên phòng vững mạnh. Tiếp tục phát triển dân quân, tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới. Tăng cường xây dựng lực lượng dự bị. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Phối hợp cố gắng của Nhà nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang để bảo đảm những nhu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang. Thực hiện đầy đủ các chính sách hậu phương quân đội. Từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Trên cơ sở bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và sản xuất quốc phòng, huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế.

Thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng.

Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng vũ trang và không vũ trang bằng mọi phương tiện cần thiết. Cuộc đấu tranh này cần được tổ chức chặt chẽ và thường xuyên trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị trong cả nước dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của các cấp ủy đảng. Thực hiện có nền nếp công tác quản lý hộ khẩu; xây dựng xí nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện... phường, xã, quận, huyện an toàn về an ninh và trật tự, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương; xây dựng nội bộ trong sạch vững mạnh; ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch.

Là lực lượng vũ trang cách mạng nòng cốt của cuộc đấu tranh trọng yếu này, Công an nhân dân phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy và tiến lên hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, thật sự là công cụ tin cậy, sắc bén của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc phải được bảo đảm bằng sức mạnh tổng hợp của chế độ mới. Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta tiếp tục *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chng của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng xác định. Tập trung trí tuệ toàn Đảng và toàn dân, Đại hội chúng ta tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo phong phú của các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở, giải quyết một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn, phát triển đường lối và nâng cao năng lực chỉ đạo thực hiện của Đảng.

Ngày nay đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta,

Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan, và độ dài của thời kỳ đó phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước. Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Đó là một thời kỳ đấu tranh giai cấp phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai". Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng ta. Sau Đại hội này, với tinh thần cách mạng và khoa học, tiếp tục phát triển đường lối đã được xác định, Đảng ta cần xúc tiến *xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ*. Trên cơ sở cương lĩnh đó, sẽ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật v.v... thảo ra một cương lĩnh cách mạng hoàn chỉnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là một sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội.

Chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn. V.I. Lê-nin nói: "Suốt cả thời kỳ đó trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa. Và tất cả cái khó khăn của nhiệm vụ chúng ta phải làm, tất cả cái khó khăn của chính sách và tất cả sự khéo léo của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ đó"¹.

¹ V.I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, NXB Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t.40, tr.119 - 120.

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên là xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn.

Chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong việc xây dựng những tiền đề đó. Đáng tiếc là những việc đã làm không đồng bộ, có nhiều mặt thiếu sót, gây ra đảo lộn. Vì vậy, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả để nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đưa mọi mặt hoạt động vào quỹ đạo phát triển bình thường và tiến hành những cuộc cải cách về tổ chức, quản lý, thiết lập cơ cấu sản xuất và cơ chế mới quản lý kinh tế - xã hội. Đại hội lần thứ VI xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm cả ổn định sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định đời sống vật chất và văn hóa, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được.

Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát, Đại hội xác định những mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội sau đây cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên.

1. *Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.* Hướng mọi cố gắng vào việc đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Cụ thể là bảo đảm ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ ấm; đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh, di lại, học hành và hưởng thụ văn hóa, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở, nhất là tại các thành phố và khu công nghiệp tập trung. Đó là yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện hiện nay.

Ổn định đời sống nhân dân phải đi đôi với bảo đảm yêu cầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để đủ sức tiếp nhận và đưa vào tái sản xuất mở rộng vốn vay và viện trợ của nước ngoài.

2. *Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.* Để làm đủ ăn và có tích lũy, phải ra sức phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ sinh đẻ, và để sản xuất phát triển, phải xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý, trước hết là cơ cấu các ngành kinh tế, phù hợp với tính quy luật về sự phát triển các ngành sản xuất vật chất, phù hợp với khả năng của đất nước và phù hợp với sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Cơ cấu kinh tế đó bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối với nhịp độ tăng trưởng ổn định. Phải thông qua việc sắp xếp lại sản xuất đi đôi với việc xây dựng thêm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết, tạo ra cho được một cơ cấu kinh tế hợp lý, hướng vào việc đẩy mạnh sản

xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

3. *Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.* Cũng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể một cách toàn diện, cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho thành phần kinh tế này giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác nhau trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc bảo đảm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động. Hình thành đồng bộ hệ thống mới về quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hóa làm khâu trung tâm, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát huy hiệu quả của cơ chế mới quản lý kinh tế nhằm khai thác tốt năng lực của các cơ sở sản xuất, củng cố trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế.

4. *Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.* Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Loại bỏ các nguồn thu nhập do làm ăn phi pháp mà có. Trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, đặc biệt chú ý xây dựng quan hệ xã hội và lối sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực; giữ gìn và phát huy tinh thần dân chủ, nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng và những giá trị văn hóa khác của truyền thống dân tộc và cách mạng. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của nhân dân, củng cố kỷ cương xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự công cộng, thực hiện nguyên tắc: mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

5. *Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.* Quốc phòng và an ninh được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định các nhu cầu: đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang; củng cố thể trận bảo vệ Tổ quốc cả về quốc phòng và an ninh; bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật và từng bước trang bị cho các lực lượng vũ trang; bảo đảm vật tư, tài chính cho sản xuất quốc phòng.

Những mục tiêu trên đây sẽ được cụ thể hóa, định lượng thành các chỉ tiêu cụ thể của các kế hoạch kinh tế, xã hội. Cái mốc đánh dấu chặng đường đầu tiên kết thúc là đạt được năm mục tiêu nói trên. Độ dài của chặng đường đầu tiên tùy thuộc một phần quan trọng vào việc vận dụng những bài học đã rút ra từ thực tiễn mười năm qua, để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới.

Phần thứ hai

NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI

Chúng ta có những khả năng trong tầm tay để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Muốn biến những khả năng đó thành hiện thực, điều quan trọng hàng đầu là đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo nên phong trào quần chúng hăng hái thực hiện đồng thời cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa.

Các chính sách kinh tế phải nhằm khai thác nhanh và có hiệu quả mọi khả năng hiện có và tiềm tàng của nền kinh tế. Đó là khoảng một nửa công suất thiết bị chưa được sử dụng; là ruộng đất còn nhiều khả năng thâm canh; là rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt; là sức lao động dồi dào, lực lượng khoa học, kỹ thuật chưa được tận dụng; là khả năng tiết kiệm năng lượng vật tư và huy động mọi nguồn vốn vào việc phát triển sản xuất... Những lực lượng sản xuất ấy đang bị kìm hãm vì những sai lầm, thiếu sót trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong cơ chế quản lý.

Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện trong các chính sách và biện pháp lớn dưới đây:

1. Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư

Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định. Để thực hiện sự sắp xếp đó, trước hết phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư.

Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là trong kế hoạch năm năm 1986 - 1990, phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, để đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên đạt được kết quả như sau:

- Về lương thực, thực phẩm: bảo đảm lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ. Đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

- Về hàng tiêu dùng: sản xuất đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân thành thị và nông thôn về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu.

- Về hàng xuất khẩu: tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; đạt kim ngạch xuất khẩu đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

Các chương trình mục tiêu trên cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên đã được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định.

Yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng, về hàng xuất khẩu quyết định vị trí hàng đầu của nông nghiệp. Phải đưa nông nghiệp tiến một bước theo hướng sản xuất lớn, nhằm yêu cầu chủ yếu là tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hóa nông sản. Nông nghiệp phải được ưu tiên đáp ứng những nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, về vật tư, về lao động kỹ thuật; những nguồn đầu tư ấy phải được sử dụng có hiệu quả. Đầu tư cho nông nghiệp phải đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, bảo quản để có nhiều sản phẩm cuối cùng. Mở rộng và hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi; ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học, đưa vào sử dụng phổ biến và ổn định các loại giống mới; đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú ý; tăng thêm sức kéo, bảo đảm đủ công cụ thường và công cụ cải tiến, thực hiện từng bước và có trọng điểm việc cơ giới hóa; hạ thấp mức hư hao nông sản trong các khâu thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, chế biến; chủ động phòng, chống bão lụt.

Phương châm phát triển nông nghiệp là kết hợp chuyên môn hóa với phát triển toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, lúa và màu, cây lương thực và cây công nghiệp. Phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày; việc mở rộng diện tích cây công nghiệp dài ngày phải chú trọng chất lượng, thâm canh ngay từ đầu. Phát triển nông nghiệp phải lấy thâm canh, tăng vụ là chính, đồng thời mở rộng diện tích một cách vững chắc và có hiệu quả. Sửa đổi, bổ sung các chính sách về đất ruộng và các loại đất khác để quản lý, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên đất.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, tăng thêm vốn rừng, phát triển có trọng điểm việc trồng rừng tập trung chuyên canh, đẩy nhanh nhịp độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo phương thức nông - lâm kết hợp; ngăn chặn phá rừng, cháy rừng; phát triển rộng khắp phong trào trồng cây, chú ý cả cây lấy gỗ, cây làm nguyên liệu và làm củi. Tiến hành tích cực việc định canh, định cư, giao đất, giao rừng cho các đơn vị tập thể và nhân dân sử dụng lâu dài để làm chủ đất rừng như làm chủ đất ruộng. Xây dựng các khu kinh tế tổng hợp lâm - nông - công nghiệp; khai thác, bảo quản, chế biến, sử dụng gỗ và các loại lâm sản khác với hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Hải sản và thủy sản nước ngọt, nước lợ là một nguồn lợi lớn. Coi trọng cả đánh bắt và nuôi trồng, đi đôi với giải quyết tốt việc chế biến, vận chuyển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng nhanh hàng xuất khẩu. Tăng đầu tư và bổ sung chính sách nhằm tận dụng mọi diện tích mặt nước có thể nuôi

trồng thủy sản. Những diện tích mặt nước mà các cơ sở quốc doanh và tập thể quản lý không sử dụng hết, thì giao cho nhân dân mượn hoặc nhân khoán để mở rộng sản xuất.

Công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đáp ứng cho được nhu cầu của nhân dân về những loại hàng thông thường, bảo đảm yêu cầu chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh việc làm hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác, đồng thời mở rộng mặt hàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Khai thác triệt để mọi nguồn nguyên liệu; tận dụng các loại phế liệu; tranh thủ nguồn nguyên liệu gia công của nước ngoài.

Phát triển công nghiệp nhẹ trước hết dựa vào việc tổ chức lại sản xuất, đầu tư chiều sâu và đầu tư đồng bộ để tận dụng công suất thiết bị của các cơ sở hiện có; coi trọng các cơ sở có năng lực và hiệu suất chế biến cao. Sử dụng hợp lý khả năng sản xuất hàng tiêu dùng của các xí nghiệp công nghiệp nặng, xí nghiệp quốc phòng. Có chính sách đúng đắn, huy động rộng rãi nguồn vốn và kỹ thuật của nhân dân, kể cả của Việt kiều, để phát triển các cơ sở làm ra nguyên liệu và cơ sở chế biến dưới nhiều hình thức. Phát triển và củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh trong những khâu chi phối quá trình sản xuất và lưu thông.

Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng phải gắn chặt với thị trường, nắm chắc nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vươn lên làm đúng vai trò đại diện cho người tiêu dùng, đặt hàng và ký hợp đồng với cơ sở sản xuất. Áp dụng hình thức đấu thầu để ưu tiên đặt hàng và cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở làm ra sản phẩm tốt, giá rẻ, không phân biệt đó là cơ sở quốc doanh hay tập thể. Các cơ sở làm ăn kém cỏi mà không vươn lên được, thì phải thay đổi phương hướng sản xuất, thu hẹp sản xuất hoặc giải thể.

Việc phát triển *công nghiệp nặng* và xây dựng *kết cấu hạ tầng* phải nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên và theo khả năng thực tế, chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo. Ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu khí). Ngành *công nghiệp cơ khí* của tất cả các bộ và các địa phương phải được sắp xếp lại, đồng bộ hóa, chuyên môn hóa, từng bước đổi mới thiết bị. Trong *công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu*, chú ý đến nguyên liệu khoáng sản và các nguyên liệu khác để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; sử dụng hết năng lực hiện có và phát triển thêm một số cơ sở nhỏ về vật liệu xây dựng, hóa chất, kim loại. Sản phẩm nào mà công nghiệp nặng nhất thiết phải tạo ra trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thì cố gắng làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp. Những sản phẩm nào trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu. Nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ phải tạo ra sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của mình và đóng góp ngoại tệ cho Nhà nước. Không bố trí xây dựng công nghiệp nặng vượt quá điều kiện và khả năng thực tế, ngay cả để phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Về kết cấu hạ tầng, chú trọng phát triển giao thông vận tải và thông tin liên lạc: bảo dưỡng, nâng cấp, đồng bộ hóa và chấn chỉnh tổ chức quản lý để xây dựng có hiệu quả những cái đã có, chọn lọc xây dựng thêm những cơ sở cần thiết bảo đảm cho sản xuất, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống nhân dân và chuẩn bị cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa. Ưu tiên phát triển giao thông vận tải đường thủy, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ, phát triển vận tải đường không. Động viên các tổ chức kinh tế tập thể và nhân dân góp sức, góp vốn mở mang đường giao thông nông thôn, miền núi, phát triển các phương tiện vận tải, nhất là phương tiện thô sơ, nửa cơ giới. Khắc phục sự ách tắc trong vận tải hàng hóa, cải thiện một bước sự đi lại của nhân dân. Nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ và giảm nhẹ tình trạng lạc hậu về thông tin liên lạc, hiện đại hóa những khâu có điều kiện.

Đi đôi với việc tăng thêm nguồn điện, cần xây dựng cân đối mạng lưới dẫn điện. Các thành phố và thị xã phải xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp nước, thoát nước và hệ thống cống rãnh.

Phát triển rộng rãi các loại hoạt động dịch vụ: kỹ thuật, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Theo phương hướng nêu trên, ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu phải được xây dựng khẩn trương để triển khai thực hiện trong kế hoạch 1986 - 1990 như nhiệm vụ trung tâm về kinh tế - xã hội của tất cả các ngành và các cấp.

Các chương trình này thực hiện, bảo đảm cân đối giữa mục tiêu, phương tiện, biện pháp, chính sách. Đối với mỗi loại sản phẩm, phải tính đến tất cả các yếu tố của chu trình tái sản xuất, từ điều kiện sản xuất đến chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ, phải giải quyết đồng bộ cả về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và chính sách kinh tế.

Cả ba chương trình phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, coi trọng việc phân bố lực lượng sản xuất trên các vùng lãnh thổ, nhằm phát huy thế mạnh của các vùng trong mối quan hệ liên kết, bổ sung cho nhau theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng trao đổi trong nước và với nước ngoài, khắc phục khuynh hướng tự cấp, tự túc. Kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, giữa sản xuất và lưu thông, dịch vụ trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh, từng vùng kinh tế. Kinh tế trên địa bàn huyện có vị trí quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện ba chương trình mục tiêu. Phương hướng xây dựng huyện không phải là tạo ra một bộ máy quản lý hành chính - kinh tế nặng nề, mà phải phát triển, củng cố, sắp xếp, liên kết các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nhằm khai thác tốt nhất lao động, đất đai, rừng, biển, ngành nghề trên địa bàn huyện.

Theo phương hướng bố trí lại cơ cấu kinh tế, phải điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước nhằm tập trung vào việc thực hiện ba chương trình mục tiêu nói trên và bảo đảm phát huy hiệu quả. Việc xác định hiệu quả

đầu tư phải chú ý tới yêu cầu tốn ít vốn, tạo ra nhiều việc làm, đưa công trình vào sử dụng nhanh.

Phải soát xét thật chặt chẽ các công trình xây dựng dở dang, kể cả công trình trên hạn ngạch và dưới hạn ngạch của cả trung ương và địa phương, trong tất cả các ngành, cũng như các công trình chưa khởi công, nhưng đã ký nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài. Kiên quyết giảm tiến độ hoặc đình hẳn việc xây dựng những công trình chưa thật sự cấp bách hoặc làm xong sẽ không đủ điều kiện sử dụng có hiệu quả, hoặc xét trong khả năng cân đối chung, cần dành ưu tiên cho các công trình khác. Tập trung sức hoàn thành nhanh và đồng bộ một số công trình trọng điểm. Cùng với việc lựa chọn chặt chẽ các công trình chuyển tiếp, cần *ưu tiên đầu tư đồng bộ và đầu tư chiều sâu cho các cơ sở hiện có*. Việc xây dựng thêm công trình mới chỉ đặt ra khi các cơ sở hiện có, dù được mở rộng thêm, cũng không đáp ứng được yêu cầu, và phải nhằm đúng phương hướng, mục tiêu đã định, làm quy mô nhỏ và vừa là chính, tranh thủ kỹ thuật tiến bộ, bảo đảm xây dựng nhanh, đưa vào sử dụng kịp thời từng phần công trình.

Phương châm chỉ đạo này cũng phải được thấu suốt trong việc xây dựng các cơ sở về khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hóa. Đầu tư có trọng điểm để giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân, viên chức, chú ý sửa chữa nhà cửa cũ, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân xây dựng thêm cả ở thành thị và nông thôn.

Việc đầu tư cho sự nghiệp phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo phải được chuẩn bị chu đáo, trước hết là đối với các công trình gối đầu.

Đi đôi với việc điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, phải quy định lại chế độ, thể lệ đầu tư nhằm nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng phương án và quyết định chủ trương đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình lớn do trung ương quyết định. Tránh xét duyệt riêng rẽ từng công trình tách khỏi các quan hệ cân đối chung. Gắn trách nhiệm và lợi ích vật chất của đơn vị chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản của khu vực Nhà nước, bất kể thuộc nguồn vốn nào. Thực hiện chế độ đấu thầu xây dựng theo tiêu chuẩn bảo đảm thời hạn huy động, chất lượng công trình và giảm chi phí xây lắp.

Muốn dứt khoát chuyển hướng trong việc bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, phải đổi mới cách nghĩ và cách làm, dám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm, dám xử lý kiên quyết những trường hợp phức tạp. Tất cả các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở phải chủ động, quyết tâm sắp xếp lại sản xuất và xây dựng trong phạm vi của mình, cùng với trung ương thực hiện việc điều chỉnh lớn cơ cấu sản xuất và đầu tư trong cả nước, quyết giành lại thể chủ động để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

2. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

Muốn phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đi đôi với việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng, phải xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế.

Trong xã hội ta, còn nhiều người có sức lao động chưa có việc làm và chưa sử dụng hết thời gian lao động. Khả năng thu hút sức lao động của khu vực Nhà nước trong những năm trước mắt còn có hạn. Cũng không thể đưa tất cả những người làm ăn cá thể vào các tổ chức kinh tế tập thể trong một thời gian ngắn. Có những ngành, nghề đưa vào làm ăn tập thể chưa bảo đảm hiệu quả. Trong khi nguồn vốn của Nhà nước và của tập thể còn eo hẹp, thì nguồn vốn còn dư trong nhân dân hầu như chỉ đưa vào tiêu dùng hoặc cất giữ và mua hàng tích trữ. Phải có chính sách mở đường cho người lao động tự tạo ra việc làm, kích thích mọi người đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy, mở rộng tái sản xuất trên quy mô toàn xã hội.

Xuất phát từ sự đánh giá những tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân, cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tạo việc làm, chúng ta chủ trương: đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích lũy tập trung của Nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có *chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*.

Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của Lê-nin coi *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Ở nước ta, các thành phần đó là:

- Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó.

- Các thành phần kinh tế khác gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác.

Chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa phải xuất phát từ đặc trưng nói trên mà đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn.

Theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa phải có bước đi và hình thức thích hợp. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ: lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tình hình thực tế của nước ta đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ

lên quy mô lớn. Trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới; trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô mới thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả ba mặt: xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Tuy chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là nền tảng của quan hệ sản xuất mới, nhưng khi chế độ quản lý và chế độ phân phối không phù hợp, thì ngay cả các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu toàn dân, được trang bị kỹ thuật cao hơn, cũng làm ăn kém hiệu quả. Xây dựng quan hệ sản xuất mới về cả ba mặt, làm cho nó thật sự mang bản chất xã hội chủ nghĩa, gắn với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, là công việc to lớn, không thể làm xong trong một thời gian ngắn.

Mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: *đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.*

Trong những năm trước mắt, để tiến hành vững chắc công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng tích cực của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, *điều quan trọng nhất là củng cố và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, chi phối được các thành phần kinh tế khác.*

Phải đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm cho các đơn vị *kinh tế quốc doanh* có quyền tự chủ, thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Sắp xếp lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Trên cơ sở đó, ổn định và từng bước nâng cao tiền lương thực tế của công nhân, viên chức, tăng tích lũy cho xí nghiệp và cho Nhà nước. Kinh tế quốc doanh chủ động mở rộng liên kết với các thành phần kinh tế khác, hướng các thành phần đó vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Để củng cố kinh tế tập thể, phải nâng cao trình độ tổ chức, quản lý và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật đi đôi với thực hiện quan hệ trao đổi và liên kết với kinh tế quốc doanh, kinh tế gia đình, trước hết là về mặt cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Trong nông nghiệp, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa Nhà nước, kinh tế quốc doanh với hợp tác xã, đồng thời cải tiến quản lý nội bộ hợp tác xã, hoàn thiện phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, gắn liền việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở

vật chất - kỹ thuật với xây dựng nông thôn mới. Các tập đoàn sản xuất ở Nam Bộ phải được củng cố theo đúng tính chất tổ chức kinh tế tập thể. Việc đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã bậc cao, quy mô lớn phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể đã chín muồi, không làm vội vã.

Kinh tế gia đình có vị trí quan trọng và khả năng dồi dào, cần được khuyến khích và giúp đỡ phát triển trong mối quan hệ hỗ trợ và gắn bó với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Trên nguyên tắc bảo đảm trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước và tập thể, gia đình công nhân, viên chức, gia đình xã viên có thể mở rộng sản xuất bằng lao động của gia đình mình, kinh doanh trong các ngành nghề theo đúng pháp luật và chính sách. Thu nhập của kinh tế gia đình không những góp phần cải thiện đời sống, mà còn là một nguồn tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đặt ra cho chặng đường đầu tiên là *kinh tế xã hội chủ nghĩa với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân*, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện được tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế.

Đối với *kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa*, Nhà nước thừa nhận sự cần thiết của bộ phận kinh tế này trong thời kỳ quá độ, hướng dẫn và giúp đỡ nó sản xuất, kinh doanh, liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Không nên có thành kiến, phân biệt đối xử, gây khó khăn cho những người lãnh đạo cá thể chưa muốn tham gia các tổ chức kinh tế tập thể hoặc xin rút ra khỏi các tổ chức đó.

Đối với tiểu thương, thông qua nhiều hình thức tùy theo ngành hàng để sắp xếp, cải tạo và sử dụng họ thành lực lượng bổ sung cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, giúp đỡ số người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Nhà nước cho phép những nhà *tư sản nhỏ* sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản nhà nước, thông qua sự kiểm soát của Nhà nước và sự liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. *Kinh tế tư bản nhà nước* là hình thức kinh tế quá độ, có thể được tổ chức từ thấp đến cao, từ đại lý cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, làm gia công, cho đến hợp doanh với Nhà nước.

Trong lĩnh vực lưu thông, phải xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Đối với một số người buôn bán loại vừa, có tay nghề trong một số ngành hàng tươi sống,

Nhà nước dùng hình thức liên doanh để sử dụng họ kinh doanh theo pháp luật và chính sách.

Như vậy, quá trình sử dụng kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân luôn luôn gắn liền với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần đó bằng nhiều hình thức.

Thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân, thì đương nhiên cũng phải thường xuyên đấu tranh với xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa và những mặt tiêu cực trong hợp đồng kinh tế của các thành phần đó. Nhà nước dùng pháp luật và chính sách, dựa vào sức mạnh của kinh tế xã hội chủ nghĩa để kiểm soát và chi phối các thành phần kinh tế đó theo phương châm “sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn”.

Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm mạnh dạn kinh doanh.

Xóa bỏ những thành kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Nhà nước có chính sách ưu đãi về kinh tế (như chính sách đầu tư, thuế, tín dụng...) đối với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; song về pháp luật phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng. Những người làm ra của cải và những việc có ích cho xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách đều được tôn trọng, được quyền hưởng thu nhập tương xứng với kết quả lao động, kinh doanh hợp pháp của họ. Đối với những kẻ lười biếng, ăn bám, phải phê phán và cưỡng bức lao động. Những kẻ phạm pháp đều bị trừng trị theo pháp luật. Ai vi phạm hợp đồng kinh tế, đều bị xử phạt và phải bồi thường. Đó là chính sách nhất quán đối với mọi công dân, không phân biệt họ thuộc thành phần kinh tế nào. Quan điểm đó phải thấm suốt trong các chính sách cụ thể, trong công tác tuyên truyền, giáo dục và văn hóa, để xây dựng những nhận thức đúng đắn trong nhân dân, tạo nên môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho việc thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo nền kinh tế nhiều thành phần.

3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng xuất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Cơ chế đó quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chi tiết từ trên giao xuống, không phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan quản lý hành chính - kinh tế can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, nhưng lại

không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với các quyết định của mình; các đơn vị kinh tế cơ sở vừa không có quyền tự chủ, vừa không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế đó chưa chú ý đầy đủ đến quan hệ hàng hóa - tiền tệ và hiệu quả kinh tế, dẫn tới cách quản lý và kế hoạch hóa thông qua chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức không ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với hiệu quả sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư, lao động, tách rời việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động.

Cơ chế đó đẻ ra bộ máy quản lý cồng kềnh, với những cán bộ quản lý kém năng động, không thạo kinh doanh, với phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền.

Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí.

Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được khẳng định là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Ngay sau khi giành chính quyền, nắm được những mạch máu kinh tế chủ yếu của đất nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa có điều kiện và nhất thiết phải quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất. *Tính kế hoạch* là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ.

Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển hóa nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Chúng ta đang quản lý có kế hoạch một nền kinh tế sản xuất hàng hóa với những đặc điểm của thời kỳ quá độ. Việc sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân là một tất yếu khách quan. *Sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ* là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý kinh tế mà chúng ta đang xây dựng.

Việc sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng, tức là phải thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Muốn kế hoạch hóa quá trình tái sản xuất hàng hóa, phải vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật đang tác động lên nền kinh tế. Trong hệ thống các quy luật đó, quy luật kinh tế cơ bản cùng với các quy luật đặc thù khác của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo, được vận dụng trong một thể thống nhất với các quy luật của sản xuất hàng hóa, đặc biệt là quy luật giá trị, quan hệ cung cầu... Kế hoạch hóa phải luôn luôn gắn liền với việc sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế. Nền kinh tế phải được *quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu*, với động lực thúc đẩy là sự kết hợp hài hòa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng của người lao động. Mức thu nhập của tập thể và của người lao động phải phụ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể là những đơn vị sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ về tài chính. Các tập thể lao động thật sự có vai trò của người làm chủ trong việc tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh.

Những điều nêu trên dẫn tới yêu cầu phân cấp kế hoạch hóa và quản lý kinh tế theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trên cơ sở phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Đi đôi với việc xác định đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của các cấp, các ngành, phải đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý. Việc bố trí đúng những cán bộ có trách nhiệm chủ yếu trong các cơ quan quản lý kinh tế ở trung ương, địa phương và các cơ sở kinh tế lớn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng và vận hành cơ chế quản lý mới.

Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là *cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ*.

Đổi mới cơ chế quản lý là một quá trình cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu. Cuộc đấu tranh để đổi mới không những bị sức mạnh của thói quen níu lại, mà còn vấp phải những đặc quyền, đặc lợi của một số người gắn bó với cơ chế cũ. Đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng và cơ quan nhà nước, đấu tranh giữa những người đồng chí, đấu tranh với chính bản thân mình. Khó khăn, phức tạp là ở chỗ đó. Chúng ta phải khắc phục trở ngại chính hiện nay là tư tưởng bảo thủ muốn quay trở lại cơ chế cũ đã quen thuộc, do dự không dám giải quyết những vấn đề đã chín muồi.

Phương hướng và nội dung chủ yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý đã được xác định. Song điều quan trọng và khó khăn hơn là tìm ra được những hình thức kinh tế cụ thể, bước đi và nội dung đổi mới trong từng bước. Chúng ta còn ít kinh nghiệm; vì thế phải coi trọng việc nghiên cứu, học tập, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Khuynh hướng nóng vội, giản đơn muốn đổi mới xong xuôi trong một thời gian ngắn là không phù hợp với thực tế.

Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải nắm vững những vấn đề có tính nguyên tắc dưới đây:

Thực hiện tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế

Tình trạng tập trung quan liêu trong công tác quản lý và điều hành còn nặng. Tình trạng phân tán, vô tổ chức trong hoạt động kinh tế cũng phổ biến.

Phải lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế, xã hội. Chính cơ chế quản lý còn nặng tính chất tập trung quan liêu, vừa gò bó cấp dưới, vừa làm giảm hiệu lực quản lý tập trung là nguyên nhân trực tiếp làm rối loạn trật tự, kỷ

cương. Vì vậy, không thể khắc phục rồi ren bằng cách quay trở lại cơ chế cũ, mà phải kiên quyết thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc phân cấp quản lý phải bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: Quyền quyết định của trung ương (bao gồm cả các ngành trung ương) đối với những lĩnh vực then chốt, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm cho sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế; quyền chủ động của các địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và vai trò làm chủ của các tập thể lao động. Trong sự phân công phân cấp quản lý, trách nhiệm phải đi đôi với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích.

Yêu cầu cấp bách là thể hiện những nguyên tắc đó trong các lĩnh vực quản lý cụ thể đang có nhiều vướng mắc, như kế hoạch hóa, quản lý vật tư, hàng hóa, xuất khẩu, nhập khẩu, ngoại tệ, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, tiền tệ, giá cả, lao động, tiền lương.

Vai trò quản lý kinh tế của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, nói cho cùng, là nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở kinh tế hoạt động có hiệu quả. Nhà nước kiểm soát và điều khiển các xí nghiệp và đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế bằng pháp luật, chính sách kinh tế, chính sách tiến bộ kỹ thuật, thay cho sự can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Pháp luật quy định những giới hạn mà các xí nghiệp không được vi phạm. Các chính sách buộc các xí nghiệp tự lựa chọn các quyết định về sản xuất, kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước. Cần có những quy định bảo đảm sự kiểm tra, giám sát thống nhất của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động của các đơn vị cơ sở. Những hiện tượng giấu giếm, khai man, hạch toán và báo cáo sai sự thật phải bị xử lý.

Việc xây dựng chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp và chế độ làm chủ tập thể của quần chúng lao động ở cơ sở phải được tiếp tục bổ sung, sửa đổi qua thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở đó mà làm rõ và giải quyết đúng đắn chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp quản lý hành chính - kinh tế giữa trung ương và địa phương, giữa tỉnh và huyện.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải đề cao kỷ luật và pháp luật. Sự chỉ đạo và điều hành từ trên xuống dưới, trước hết là từ các cơ quan trung ương, phải thống nhất theo nghị quyết của Đảng và Nhà nước, theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được xác định. Cấp dưới phải phục tùng cấp trên; cấp trên phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Đổi mới kế hoạch hóa

Kế hoạch kinh tế quốc dân trong những năm tới phải bảo đảm thực hiện phương hướng sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí đúng cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo các chương trình mục tiêu. Các cân đối kế hoạch được xây dựng từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên, với sự hướng dẫn và điều hòa của trung ương. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa theo ngành và kế hoạch hóa trên địa bàn lãnh thổ.

Với quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, các đơn vị kinh tế cơ sở chủ động tiếp cận nhu cầu của thị trường, khai thác mọi khả năng để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước, *Hợp đồng kinh tế* giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh vừa là cơ sở để xây dựng kế hoạch vừa là công cụ pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện kế hoạch. Cần tăng cường chế độ hợp đồng kinh tế và bảo đảm hiệu lực của nó bằng *chế độ trọng tài kinh tế nhà nước*.

Nhà nước sử dụng các đòn bẩy kinh tế cả trong kế hoạch hóa trực tiếp và kế hoạch hóa gián tiếp để bảo đảm thực hiện những phương hướng, mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Việc giao kế hoạch pháp lệnh chỉ hạn chế trong một số chỉ tiêu thật cần thiết nhằm bảo đảm những cân đối cơ bản và những nghĩa vụ cam kết với nước ngoài. Phần đầu xây dựng từng bước lực lượng dự trữ của Nhà nước để chủ động xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Ủy ban kế hoạch Nhà nước và các cơ quan khác ở trung ương có chức năng quản lý hành chính - kinh tế được giải thoát bớt những công việc sự vụ, phải tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu chiến lược kinh tế - xã hội, xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn, đảm bảo các quan hệ cân đối tổng hợp trong nền kinh tế, xây dựng chính sách và luật lệ kinh tế. Đó là những yếu tố quan trọng để từng bước nâng cao chất lượng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế

Để kích thích sản xuất phát triển, lập lại trật tự và ổn định thị trường, phải có *chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa*, xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính.

Trong nền kinh tế còn nhiều thành phần, bên cạnh sự lưu thông hàng hóa của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, còn có thị trường tự do bao gồm hoạt động mua bán trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong dân cư và hoạt động lưu thông, dịch vụ của những người kinh doanh, tư nhân ở cả thành thị và nông thôn. Nhà nước sử dụng những biện pháp có hiệu quả để cải tạo và xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu. Nhưng không thể xóa bỏ thương nghiệp nhỏ tự do theo ý muốn chủ quan bằng mệnh lệnh hành chính, mà chỉ có thể thu hẹp nó bằng sự thay thế tốt hơn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và biết sử dụng nó trong những lĩnh vực mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa thể kinh doanh tốt hoặc chưa cần kinh doanh.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương và cơ sở cho thấy: nếu biết kinh doanh, biết vận dụng những biện pháp kinh tế là chủ yếu, kết hợp với biện pháp giáo dục và hành chính, được sự tham gia trực tiếp của quần chúng nhân dân, thì thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng thực hiện được độc quyền kinh doanh những mặt hàng thiết yếu và làm chủ được thị trường.

Đối với những mặt hàng hoàn toàn do kinh tế quốc doanh sản xuất hoặc nhập khẩu, đương nhiên, thương nghiệp quốc doanh độc quyền bán trên thị trường và

Nhà nước có biện pháp hành chính để bảo đảm sự độc quyền ấy. Nhưng ngay đối với những vật tư, hàng hóa đó, biện pháp kinh tế cũng rất quan trọng. Chính sách giá cả và phương thức mua bán không hợp lý thì không thể ngăn chặn được chúng chạy ra thị trường tự do bằng nhiều con đường ngang tắt.

Đối với những sản phẩm do các thành phần kinh tế ngoài khu vực quốc doanh sản xuất, biện pháp chủ yếu để các tổ chức kinh tế quốc doanh nắm được sản phẩm hàng hóa là có chính sách giá cả và phương thức mua bán thích hợp theo nguyên tắc thỏa thuận, chủ yếu là thông qua hợp đồng kinh tế với người sản xuất. Chính sách kinh tế đúng đắn đi đôi với công tác điều tra, phát hiện, trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu là những biện pháp có hiệu quả để xóa bỏ chợ đen. Chính sách ép giá và phương thức mua bán phiến hà, đi đôi với các biện pháp ngăn cấm hay hạn chế nông dân và người sản xuất tiêu thụ hàng hóa trên thị trường sẽ đẩy họ vào thế đối phó với Nhà nước bằng cách giữ hàng không bán, bán lên lút cho tư thương, hoặc thu hẹp sản xuất. Kết quả cuối cùng là sản xuất giảm sút, cung cầu căng thẳng, giá cả bị đẩy lên. Chính sách đó càng tạo điều kiện cho tư thương hoạt động mạnh hơn và làm suy yếu liên minh công - nông.

Chính sách giá cả phải vận dụng tổng hợp nhiều quy luật, trong đó quy luật giá trị có tác động trực tiếp. Giá cả phải phù hợp với giá trị, đồng thời phải phù hợp với sức mua của đồng tiền và tính đến quan hệ cung cầu. Các yêu cầu điều tiết thu nhập, bảo đảm chính sách xã hội, thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, cần được thực hiện thông qua sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó có các biện pháp giá cả, tài chính, tín dụng...; chỉ dùng biện pháp giá cả để đáp ứng những yêu cầu đó sẽ đẩy giá cả tới mức thoát ly giá trị.

Muốn ổn định giá cả, chính sách giá cả phải nhằm trước hết kích thích các cơ sở sản xuất và mọi người lao động làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa, hạ giá thành, hăng hái bán sản phẩm cho Nhà nước. Không thể ổn định giá cả bằng cách giữ giá một cách cứng nhắc, bất chấp sức mua của đồng tiền, bất chấp quan hệ cung - cầu và sự biến động của các yếu tố hình thành giá cả; mặt khác, phải có biện pháp tích cực khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do.

Phấn đấu thi hành chính sách một giá, đó là giá kinh doanh thương nghiệp.

Chính sách một giá gắn liền với cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa có tác dụng kích thích sản xuất và mở rộng lưu thông hàng hóa, tạo điều kiện cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chuyển sang kinh doanh, chiếm lĩnh và làm chủ thị trường, không tạo ra nhu cầu giả tạo, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng thất thoát hàng hóa.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít mặt hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh. Nhà nước chưa đủ lực lượng để kìm giá lại, thì tạm thời áp dụng chính sách hai giá trong việc mua nông sản và bán lẻ hàng tiêu dùng.

Để tạo điều kiện cho thương nghiệp quốc doanh thoát khỏi tình trạng khó mua, khó bán, bỏ trống trận địa, cần phải sớm ban hành cơ chế định giá và quản lý giá đúng đắn.

Chính sách tiền lương phải đáp ứng yêu cầu cấp bách là đảm bảo tiền lương thực tế của người ăn lương trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa đủ và giá cả chưa ổn định.

Vấn đề cơ bản là phát triển sản xuất, Nhà nước nắm quỹ hàng lương thực, thực phẩm và hàng thiết yếu khác, có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người ăn lương mua được hàng hóa cần thiết; hết sức hạn chế việc quay trở lại chế độ tem phiếu.

Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng đảm bảo yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân, xóa bỏ từng bước phần cung cấp còn lại trong chế độ tiền lương, áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Những vấn đề đó phải được giải quyết cùng với việc thực hiện chế độ hợp đồng lao động, tinh giản bộ máy quản lý hành chính Nhà nước và bộ phận quản lý gián tiếp của các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Việc thực hiện phải đi từng bước vững chắc, phù hợp với khả năng cân đối tiền - hàng và với nhịp độ tăng năng suất lao động.

Chính sách tài chính, tiền tệ có vai trò trọng yếu trong việc chuyển các hoạt động kinh tế sang cơ chế hạch toán kinh doanh, đấu tranh chống lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền.

Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước chính sách tài chính quốc gia theo hướng: bảo đảm quyền tự chủ tài chính của các cơ sở kinh tế, kích thích mạnh mẽ kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo ra nguồn tích lũy ngày càng tăng cho từng đơn vị và cho Nhà nước, điều tiết và phân phối hợp lý các nguồn thu nhập nhằm thực hiện công bằng xã hội và bảo đảm quan hệ tích lũy và tiêu dùng phù hợp với các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Đổi mới các chính sách, chế độ tài chính, trước hết là *chính sách thuế*. Chấm dứt chế độ bao cấp qua ngân sách, như bù lỗ tràn lan, cấp phát vốn mà không ràng buộc trách nhiệm vật chất với hiệu quả sử dụng vốn; tránh dùng vốn tín dụng không đúng quan điểm hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; sửa đổi một số chế độ phúc lợi vượt quá khả năng của nền kinh tế. Các chế độ tài chính cần quán triệt *chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt cả trong sản xuất và tiêu dùng*.

Bộ chi ngân sách ngày càng tăng là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới lạm phát, đẩy giá cả tăng nhanh. Phần đầu giảm bộ chi, tiến tới cân bằng thu chi ngân sách là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tài chính trong năm năm 1986 - 1990. Bên cạnh những biện pháp cơ bản, thường xuyên trong chính sách tài chính quốc gia, cần có những biện pháp bất thường áp dụng trong một thời gian ngắn để tăng thu, giảm chi, hạn chế, đi tới chấm dứt phát hành để chi cho ngân sách.

Ngân hàng có nhiệm vụ khẩn cấp cùng với hoạt động tài chính và các ngành kinh tế khác phấn đấu giảm lạm phát, điều chỉnh hợp lý khối lượng tiền lưu thông trên cơ sở tăng nhanh vòng quay của đồng tiền và áp dụng phổ biến các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần tích cực vào việc lập lại cân đối về tiền - hàng, ổn định sức mua của đồng tiền, đáp ứng nhu cầu về tiền cho việc mở rộng sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Bên cạnh nhiệm vụ quản lý lưu thông tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, cần xây dựng hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế. Phải trên cơ sở phục vụ tốt mà thực hiện chức năng giám sát bằng đồng tiền các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chống thái độ cửa quyền. Phát triển rộng rãi các tổ chức tín dụng tập thể trong nhân dân, ngăn chặn nạn tư nhân cho vay nặng lãi.

Chính sách tiết kiệm phải được thấu suốt trong kế hoạch hóa và các đòn bẩy kinh tế. Chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn chặt trách nhiệm và lợi ích vật chất với hiệu quả sử dụng tài sản, tiền vốn, vật tư, lao động là phương hướng chủ yếu để thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động kinh tế. Tron môi trường hạch toán kinh doanh, cần đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và tiến bộ kỹ thuật, xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất. Đi đôi với tiết kiệm năng lượng, vật tư, cần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào việc bảo dưỡng, nâng cao tuổi thọ của máy. Bảo đảm chất lượng sản phẩm là tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng; các chính sách kinh tế phải đi đôi với biện pháp hành chính, giáo dục nhằm khuyến khích làm hàng tốt, ngăn chặn làm hàng xấu, nghiêm trị làm hàng giả.

Khuyến khích mọi người tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn để tích lũy, mở rộng sản xuất dưới nhiều hình thức. Chính sách tiết kiệm tiêu dùng phải khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, hạn chế tiêu dùng những loại hàng có thể dành cho xuất khẩu, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ. Cấm ngặt việc dùng tiền của công để chè chén, biếu xén. Chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, phương tiện thuộc của công dùng trong sinh hoạt.

Quá trình đổi mới quản lý kinh tế đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết để chuyển toàn bộ hệ thống các chính sách, chế độ, thể lệ quản lý và tổ chức bộ máy quản lý sang cơ chế mới. Cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng này phải được tiến hành đồng bộ, kết hợp giữa bên trên và bên dưới, giữa sự đổi mới của các cơ quan quản lý với phong trào quần chúng. Việc sửa đổi và ban hành các chính sách, chế độ quản lý phải xuất phát từ thực tế, tập hợp sáng kiến và kinh nghiệm của các địa phương và cơ sở, không thể chỉ là công việc nghiên cứu của một số ít cán bộ ở bàn giấy.

Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh

quá trình cải cách. Qua từng bước khẩn trương và vững chắc, phấn đấu đến năm 1990 về cơ bản hình thành được cơ chế quản lý mới và chấn chỉnh bộ máy quản lý, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ bảo đảm cho cơ chế đó được vận hành thông suốt.

4. Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật

Trong điều kiện thế giới đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và qua tình hình thực tế của nước ta, càng thấy rõ sự bức bách phải làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một *động lực to lớn* đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Vị trí then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được thể hiện trong cuộc sống. Trên cơ sở những việc đã làm được, cần xúc tiến và hoàn thành việc xác định *chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật*, làm luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và định hướng cho công tác khoa học, kỹ thuật.

Sự lựa chọn về phương hướng khoa học, kỹ thuật phải thống nhất với sự lựa chọn về mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm tới, phải lựa chọn và tổ chức *áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật thích hợp*, nhằm trước hết phục vụ ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong nông nghiệp, áp dụng rộng rãi các thành tựu sinh học và các thành tựu khoa học, kỹ thuật khác làm tăng thêm màu mỡ cho đất canh tác, tăng nhanh năng suất trồng trọt, chăn nuôi, nâng cao hệ số sử dụng đất, giảm hư hao lương thực và nông sản khác. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, hoạt động khoa học, kỹ thuật phải hướng vào việc cải tiến, đổi mới và hoàn thiện công nghệ, hợp lý hóa tổ chức sản xuất, đổi mới thiết bị, sản xuất nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế, giảm mạnh tiêu hao vật tư, tận dụng nguyên liệu, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu.

Triển khai một số đề tài được chọn lọc thuộc các *hướng khoa học, kỹ thuật hiện đại*, như công nghệ sinh học, vật liệu và công nghệ mới, điện tử và tin học... Xúc tiến công tác điều tra và đánh giá kinh tế tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế - xã hội, công tác dự báo và nghiên cứu chiến lược, phân vùng quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng các luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho các chủ trương lớn về phát triển kinh tế và xã hội, sử dụng tốt nhất đi đôi với bảo vệ có hiệu quả môi trường sinh thái.

Các ngành *khoa học tự nhiên* đẩy mạnh công tác nghiên cứu những đề tài bảo đảm cơ sở khoa học cho việc phát triển các ngành kỹ thuật, cho việc ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại, từng bước hình thành các hướng khoa học, kỹ thuật mũi nhọn.

Thực hiện những biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để sớm khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội. Nhiệm vụ chủ yếu của các ngành *khoa học xã hội* trong những năm tới là tham gia đắc lực vào công tác lý luận của Đảng, góp phần xây

dựng cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và nắm bắt nhanh nhạy những thành tựu lý luận của các nước anh em. Khoa học xã hội phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh sự kết hợp một cách hữu cơ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Mỗi phương án phát triển kinh tế đều phải xét đến tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường. Tập trung lực lượng giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật cấp bách, có hiệu quả thiết thực.

Lực lượng khoa học và kỹ thuật cần được tổ chức lại, bố trí và sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách và biện pháp đúng đắn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phát huy lao động sáng tạo, hướng về cơ sở sản xuất, về các địa bàn kinh tế đang cần sự có mặt của họ. Đảng và Nhà nước cố gắng tạo những điều kiện thuận lợi để những người làm công tác khoa học, kỹ thuật hoạt động có kết quả và đòi hỏi mọi người phải cống hiến cho đất nước bằng những sáng chế, bằng kết quả đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, bằng việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội.

Các cơ quan khoa học cần được sắp xếp lại và bố trí hợp lý trên các vùng lãnh thổ, theo nguyên tắc *gắn chặt khoa học, kỹ thuật với sản xuất và đời sống*, nhằm sử dụng tiềm lực khoa học, kỹ thuật như một bộ phận cấu thành của lực lượng sản xuất xã hội, tạo điều kiện rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, tản mạn. Theo nguyên tắc đó, chuyển một số cơ quan nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chuyên ngành về trực thuộc các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp lớn. Mở rộng các hình thức liên kết giữa khoa học và sản xuất. Xây dựng các tổ chức liên hiệp khoa học - sản xuất với hình thức và quy mô thích hợp. Tổ chức tốt hoạt động của các trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu và triển khai. Phát huy hơn nữa vai trò của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp trong công tác nghiên cứu triển khai theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ các khâu: khoa học - đào tạo - sản xuất. Thành lập một số trung tâm khoa học - kỹ thuật tổng hợp cho những vùng kinh tế quan trọng. Chuẩn bị điều kiện để thành lập Viện hàn lâm khoa học Việt Nam.

Tăng mức đầu tư cho khoa học, kỹ thuật từ nhiều nguồn khác nhau: ngân sách nhà nước, quỹ tự có của các cơ sở sản xuất, quỹ tập trung của ngành, tín dụng ưu đãi của ngân hàng, v.v... coi trọng đầu tư chiều sâu và quản lý tốt để sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có của các cơ quan khoa học - kỹ thuật.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và kỹ thuật. Thông qua hợp tác để nhanh chóng nắm bắt các thành tựu khoa học, kỹ thuật,

tránh lãng phí do nghiên cứu trùng lặp. Gắn chặt hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế. Xây dựng và thực hiện chính sách chuyển giao công nghệ có chọn lọc, kết hợp với công tác nghiên cứu và triển khai trong nước. Tích cực tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học, kỹ thuật theo các hướng ưu tiên của Hội đồng tương trợ kinh tế đến năm 2000.

Việc phát huy vai trò động lực của khoa học, kỹ thuật tùy thuộc một phần quan trọng ở cơ chế quản lý. Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học - kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật, đưa lại hiệu quả thiết thực. Áp dụng rộng rãi phương thức ký kết hợp đồng nghiên cứu và triển khai giữa các tổ chức khoa học, kỹ thuật với các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Chuyển dần một số cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật sang chế độ hạch toán kinh tế. Các cơ sở có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học, kỹ thuật của mình. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện chế độ mua sáng chế và hạch toán vào giá thành sản phẩm. Các chính sách và biện pháp về giá cả lợi nhuận, thuế, tín dụng, tiền lương, tiền thưởng, quỹ chuyên dùng... phải thật sự thôi thúc các cơ sở sản xuất, kinh doanh tìm đến khoa học, đặt hàng cho khoa học, sử dụng khoa học và kỹ thuật như yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các chế độ về bản quyền tác giả, khen thưởng việc tạo ra và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phải được thực hiện đầy đủ. Hội đồng giải thưởng Nhà nước về khoa học và kỹ thuật phải hoạt động một cách thiết thực. Xây dựng và phát triển các hoạt động về sở hữu công nghiệp (như bản quyền sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, v.v...).

Tăng cường hoạt động về tiêu chuẩn hóa, bảo đảm đo lường, kiểm nghiệm và quản lý chất lượng sản phẩm; gắn trách nhiệm và lợi ích của người sản xuất với chất lượng sản phẩm; xây dựng kỷ luật sản xuất theo tiêu chuẩn, định mức; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận chất lượng sản phẩm; thể chế hóa và thực hiện nghiêm ngặt chế độ giám định công nghệ.

Tăng cường hệ thống thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật, nâng cao năng lực bảo đảm thông tin cho công tác lãnh đạo và quản lý cho hoạt động, nghiên cứu, triển khai và sản xuất. Tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật từ ngoài nước. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin đại chúng cả về nội dung và hình thức. Tổ chức tốt công tác lưu trữ; bảo vệ an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ quốc gia.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật là sự nghiệp của quần chúng. Đảng ta thi hành nhất quán chính sách đẩy mạnh *phong trào quần chúng* tiến quân vào khoa học và kỹ thuật, Chính sách đó khuyến khích các sáng kiến, cổ vũ việc phổ biến các kiến thức khoa học và kỹ thuật, tổng kết và áp dụng rộng rãi các kinh nghiệm và điển hình tiên tiến, động viên hàng chục triệu người tham gia các hoạt động khoa học, kỹ thuật thông qua lao động sáng tạo của mình.

Cán bộ lãnh đạo và quản lý các ngành, các cấp có vai trò quan trọng và trách nhiệm to lớn trong việc bảo đảm thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển khoa học, kỹ thuật. Nâng cao hơn nữa trình độ của các cán bộ có trách nhiệm cho kịp yêu cầu của bước phát triển mới về khoa học, kỹ thuật.

5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học – kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

...

Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, khâu quan trọng nhất là đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

Chương trình *xuất khẩu* cho những năm tới phải tính toán cụ thể và chính xác hiệu quả kinh tế của từng mặt hàng để lựa chọn các sản phẩm xuất khẩu có lợi nhất, xác định các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, vừa có kim ngạch cao, vừa có điều kiện ổn định và phát triển cả về sản xuất và thị trường tiêu thụ. Trên cơ sở đó, có kế hoạch đầu tư đồng bộ từ nguyên liệu đến chế biến, bảo quản, vận chuyển, đi đôi với tổ chức sản xuất và lưu thông hợp lý, đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng các chính sách đòn bẩy để thực hiện cho được chương trình xuất khẩu.

Trong cơ cấu xuất khẩu của những năm trước mắt, các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất. Tăng nhanh khối lượng sản phẩm, nâng cao trình độ chế biến, phấn đấu hạ giá thành, tăng hiệu suất thu ngoại tệ. Kiên quyết tổ chức tốt việc xuất khẩu nông sản sang vùng Viễn Đông của Liên Xô, giành vị trí ổn định và ngày càng tăng trên thị trường này.

Tận dụng nguồn lao động dồi dào và khéo tay để gia công cho nước ngoài, làm những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ và một số hàng xuất khẩu khác, từ những sản phẩm thông thường đến những sản phẩm tinh vi; khai thác khả năng to lớn ấy để hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Đẩy mạnh xuất khẩu các loại khoáng sản có hiệu suất thu ngoại tệ hợp lý.

Việc hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với nước ngoài, thực hiện đúng các hợp đồng xuất khẩu cả về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng phải được đặt vào vị trí ưu tiên. Dù khó khăn, trở ngại đến đâu cũng nhất thiết phải làm cho được điều đó. Tăng cường kỷ luật giao hàng xuất khẩu theo kế hoạch, đồng thời gắn việc phân phối hàng nhập khẩu với việc thực hiện kế hoạch giao hàng xuất khẩu, không phân phối theo lối bao cấp, bình quân như trước.

Để khắc phục tình trạng kích giá, tranh mua hàng xuất khẩu, đi đôi với biện pháp hành chính và tổ chức, cần có chính sách thuế xuất khẩu, đặc biệt là đối với một số mặt hàng có hiệu suất thu ngoại tệ cao.

Cơ cấu *nhập khẩu* phải phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Để khắc phục tình trạng nhập khẩu không hợp lý, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ, cần ban hành chính sách thuế nhập khẩu. Xử lý đúng và kịp thời giá bán hàng nhập khẩu để chống sử dụng lãng phí, chống thất thoát hàng và khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

Hoạt động xuất, nhập khẩu phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý xuất nhập khẩu theo kế hoạch, pháp luật và chính sách. Vấn đề quan trọng hàng đầu là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu. Bên cạnh những quy định chung về quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, cần bổ sung chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, tạo điều kiện cho các đơn vị làm hàng xuất khẩu theo sát được nhu cầu, thị hiếu, giá cả và các điều kiện kinh doanh khác trên thị trường thế giới. Các đơn vị sản xuất có quy mô xuất khẩu tương đối lớn được trực tiếp giao dịch với khách hàng nước ngoài, theo sự quản lý của Bộ Ngoại thương.

Sắp xếp hợp lý các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu, loại bỏ những khâu trung gian và những thủ tục phiền hà; thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu với một số mặt hàng quan trọng, khắc phục tình trạng tranh mua trên thị trường trong nước và tranh mua, tranh bán trên thị trường ngoài nước. Các tổ chức kinh doanh được giao nhiệm vụ thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu phải hoạt động theo phương thức kinh doanh, không làm theo lối quan liêu, cửa quyền, bắt bí và gây phiền hà cho người làm hàng xuất khẩu hoặc người cần nhập khẩu. Việc hạch toán và phân chia lợi nhuận xuất khẩu phải công bằng, công khai, để cho các cơ sở và địa phương thấy xuất khẩu qua tổ chức đầu mối có lợi hơn là tự mình xuất khẩu.

Ngân hàng ngoại thương thống nhất việc quản lý ngoại hối, song phải bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ của các chủ tài khoản ngoại tệ theo đúng chính sách của Nhà nước. Nghiên cứu chế độ mua bán ngoại tệ qua Ngân hàng Ngoại thương để tạo điều kiện áp dụng khi cần định được giá trị đồng tiền trong nước. Có cơ chế điều chỉnh kịp thời tỷ giá kết toán nội bộ về ngoại tệ và tỷ giá hối đoái phi mậu dịch, kiểu hối, không để lạc hậu so với tình hình thực tế. Có chính sách khuyến khích Việt kiều gửi tiền và vật tư về nước, thay cho việc gửi hàng tiêu dùng.

Cùng với việc mở rộng xuất, nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, cần vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ các hình thức bạn đưa gia công, liên doanh đến đầu tư trực tiếp, tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất và khoa học giữa các tổ chức kinh tế, khoa học - kỹ thuật của nước ta với các tổ chức tương ứng của các nước anh em.

Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh.

Coi trọng việc tổ chức, động viên Việt kiều góp phần xây dựng đất nước bằng nhiều cách, bao gồm cả đầu tư kỹ thuật và vốn; phát huy khả năng của kiều bào trong việc giúp đỡ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các công ty, các tổ chức kinh tế ở nước ngoài.

Đẩy mạnh hợp tác khoa học, kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân. Tổ chức tốt việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài dưới nhiều hình thức; chú ý tới hình thức nhận thầu đồng bộ công trình xây dựng và các loại dịch vụ. Nhanh chóng khai thác các điều kiện thuận lợi của đất nước để mở mang du lịch bằng vốn đầu tư trong nước và hợp tác với nước ngoài. Phát triển vận tải quốc tế, dịch vụ cung ứng tàu biển và máy bay...

Trong quan hệ liên minh đặc biệt với Lào và Campuchia về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, cần coi trọng hiệu quả thiết thực, bảo đảm cho nền kinh tế của cả ba nước đều có lợi và cùng phát triển. Nhanh chóng đi ngay vào phân công, hợp tác sản xuất, phối hợp đầu tư trong những lĩnh vực có điều kiện; tăng nhanh khối lượng trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa ba nước. Tiếp tục giúp Lào và Campuchia điều tra cơ bản, phân vùng quy hoạch, đào tạo cán bộ.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, cần có biện pháp hạn chế và ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, song không vì thế mà đóng cửa lại. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực kinh doanh cho đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại, kể cả những cán bộ chuyên làm công tác này và những cán bộ ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh có quan hệ giao dịch ở nước ngoài.

Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trình độ phát triển kinh tế và điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Do đó, cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

Trong việc *phát huy yếu tố con người* và lấy việc *phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, cần có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hóa và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng.

Cùng với việc tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế – xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội, và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hàng ngày của xã hội ta.

1. Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động

Phấn đấu *hạ bằng được tỷ lệ phát triển dân số* đến năm 1990 xuống 1,7%. Các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể phải chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động kế hoạch hóa dân số, coi đó là một điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội.

Đi đôi với đầu tư mở rộng mạng lưới bảo đảm kỹ thuật phục vụ cho việc sinh đẻ có kế hoạch, cần sửa đổi các chính sách, chế độ của Nhà nước, coi trọng các biện pháp giáo dục, văn hóa nhằm thay đổi tâm lý, tập quán của nhân dân, trước nhất là nam nữ thanh niên, đối với việc kế hoạch hóa gia đình. Chỉ đạo thực hiện đúng Luật hôn nhân và gia đình khi được Quốc hội thông qua.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành thị và cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng đầu trong những năm tới. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác, kể cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Ban hành và thực hiện Luật lao động.

Phương hướng giải quyết việc làm và mở mang ngành nghề tại chỗ để thu hút số lao động thừa và mới tăng, đi đôi với phân bố lao động đến các địa bàn khác, vừa nhằm vào lĩnh vực nông nghiệp, vừa phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, dịch vụ và các ngành sản xuất khác, làm hàng xuất khẩu và gia công.

Mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài kết hợp với việc đào tạo tay nghề cho thanh niên và nâng cao trình độ cho chuyên gia, bố trí cơ cấu ngành nghề thích hợp; chọn lựa người đúng tiêu chuẩn; quản lý chặt chẽ về tổ chức và tư tưởng. Cùng với nước sở tại, chăm sóc đời sống vật chất, văn hóa của những người đi lao động ở nước đó; tổ chức chu đáo việc gửi tiền, hàng hóa về cho gia đình. Sắp xếp việc làm cho những người đã làm việc, học nghề ở nước ngoài về.

Đẩy mạnh công tác định canh, định cư ở miền núi gắn liền với việc quy hoạch - xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện. Bổ sung chính sách đối với việc xây dựng các vùng kinh tế mới và công tác định canh, định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, tạo điều kiện cho người mới đến ổn định sản xuất và đời sống.

Trong khu vực Nhà nước, giảm mạnh số lao động gián tiếp và quản lý hành chính, chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

2. Thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa; bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động. Tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh, dịch vụ hợp pháp, có ích cho xã hội. Ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các nguồn thu nhập bất chính. Kết hợp sức mạnh của các cơ quan chức năng và sự đấu tranh của quần chúng, nghiêm trị những kẻ phạm pháp bất kỳ ở cương vị nào. Việc phê bình công khai trên báo cáo là quyền chính đáng của mọi công dân, cần được thực hiện có nền nếp. Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền, đặc lợi.

Xây dựng nền nếp sống và làm việc theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội; nêu cao tính tự giác, ý thức tự trọng của mỗi người kết hợp với các biện pháp giáo dục và hành chính của các tổ chức xã hội và các cơ quan nhà nước. Sự quan tâm đến con người và thái độ tôn trọng lẫn nhau trở thành một tiêu chuẩn đạo đức trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trong các dịch vụ phục vụ đông đảo nhân dân.

3. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân

Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập quốc dân, từng bước mở rộng quỹ tiêu dùng xã hội, làm cho nó giữ vị trí ngày càng lớn trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa và các sự nghiệp phúc lợi khác.

Về sự nghiệp giáo dục

Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội. Sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục, điều chỉnh, nâng cao chất lượng của cuộc cải cách này. Phát triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức: đào tạo và bồi dưỡng chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức. Mục tiêu đào tạo của từng loại hình trường học phải được cụ thể hóa thành các kế hoạch đào tạo và các tiêu chuẩn đánh giá kết quả đào tạo. Cải tiến chế độ thi cử, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và sự công minh.

Xây dựng ngành giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ em, phát triển các lớp mẫu giáo. Xóa bỏ nạn mù chữ còn lại ở một số địa phương, hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I cho trẻ em, phổ cập cấp II ở những nơi có điều kiện, từng bước mở rộng giáo dục phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Các trường phổ thông phải dạy kiến thức phổ thông cơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp,

hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở miền núi; thực hiện chủ trương dùng tiếng nói và chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông.

Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề, phát triển các trung tâm dạy nghề rộng rãi cho thanh niên và nhân dân lao động. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành. Đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn đầu ngành đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn và năng lực thực hành, coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Kết hợp giảng dạy học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chuẩn bị cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu, hiểu và làm tốt nghĩa vụ công dân.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên. Nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những người dạy học. Có chính sách học bổng hợp lý đối với học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đầu tư đúng mức cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ sở cần thiết cho dạy và học. Ngoài ngân sách của Nhà nước, cần quy định rõ sự đóng góp của các ngành và các địa phương, các tổ chức kinh tế và xã hội cho sự nghiệp giáo dục. Tranh thủ sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Chuẩn bị ban hành Luật giáo dục.

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật phải được nâng cao chất lượng. Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quyết tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa quần chúng thành nề nếp, nhất là trong thanh niên, khắc phục bệnh phô trương, hình thức. Xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, viện bảo tàng, nhà truyền thống từ trung ương đến cơ sở, ở các ngành và các địa phương.

Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, công tác điện ảnh, và phát hành sách, báo, phim ảnh.

Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng thông tin; đưa đến tận các đơn vị cơ sở ở các vùng đất nước những giá trị văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và thế giới, những kiến thức phổ thông và hiện đại về khoa học, kỹ thuật. Đưa văn hóa, văn nghệ đến vùng rừng núi và nông thôn hẻo lánh. Coi trọng nghệ thuật kiến trúc vừa dân tộc, vừa hiện đại, giản dị trong việc xây dựng các công trình văn hóa cũng như dân dụng, các khu dân cư.

Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật chuyên nghiệp, đãi ngộ xứng đáng lao động nghệ thuật, động viên sáng tạo khuyến khích tài năng. Kết hợp giữa cơ quan nhà nước với các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật và các đoàn thể quần chúng khác, theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của cá nhân và tập thể văn nghệ sĩ, liên hệ với quần chúng lao động. Nhà nước cùng với nhân dân xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho văn hóa và nghệ thuật, giữ gìn và tôn tạo những di tích lịch sử, văn hóa. Hoàn thành việc sưu tầm vốn văn hóa và nghệ thuật các dân tộc, khuyến khích tìm tòi và thể nghiệm, bảo đảm cho các đơn vị nghệ thuật hoạt động ổn định và ngày một nâng cao chất lượng, ngăn chặn khuynh hướng thương mại và các hiện tượng tiêu cực khác.

Chống những tàn tích văn hóa phong kiến, thực dân, tư sản. Làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch biến văn hóa, văn nghệ thành phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục.

Về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân

Sức khỏe của nhân dân, tương lai của giống nòi là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của tất cả các ngành, các đoàn thể, là trách nhiệm và lợi ích thiết thân của mỗi công dân.

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt các quan điểm y học dự phòng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền và phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", trước mắt tập trung *sức nâng cao chất lượng các hoạt động y tế* và đạt được tiến bộ rõ rệt trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Có biện pháp tích cực và chính sách thích hợp nhanh chóng củng cố mạng lưới y tế, nhất là y tế huyện, quận và cơ sở. Phát động rộng rãi phong trào quần chúng và huy động lực lượng các ngành tham gia bảo vệ và làm sạch môi trường, phòng và chống dịch, phòng và chống các bệnh xã hội, nghề nghiệp... Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác khám và chữa bệnh. Tăng cường giáo dục cán bộ, nhân viên y tế về thái độ, tinh thần phục vụ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, không ngừng nâng cao trình độ của nền y học và y tế nước ta. Cố gắng đầu tư thêm cho công tác y tế và chăm lo tốt hơn đời sống vật chất văn hóa của đội ngũ cán bộ y tế.

Phát triển sản xuất dược phẩm và thiết bị, dụng cụ y tế. Mở rộng nuôi trồng, chế biến và sử dụng có hiệu quả thuốc ta. Có chính sách đầu tư để hình thành các vùng dược liệu tập trung, tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm và cho xuất khẩu, mở rộng sản xuất hóa dược, xây dựng công nghiệp kháng sinh. Nâng cao năng lực xuất khẩu để nhập khẩu những thứ chưa sản xuất được. xây dựng ngành công nghiệp dược phẩm.

Tranh thủ sự hợp tác quốc tế và sử dụng đúng các nguồn viện trợ trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Cùng với công tác y tế, công tác thể dục, thể thao góp phần khôi phục và tăng cường sức khỏe của nhân dân. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng, từng bước đưa việc rèn luyện thân thể thành thói quen hàng ngày của nhân dân đông đảo, trước hết là của thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường hợp. Củng cố và mở rộng hệ thống trường, lớp năng khiếu thể thao, phát triển lực lượng vận động viên trẻ. Lựa chọn và tập trung sức nâng cao thành tích một số môn thể thao. Coi trọng việc giáo dục đạo đức, phong cách thể thao xã hội chủ nghĩa. Cố gắng bảo đảm các điều kiện về cán bộ, về khoa học, kỹ thuật, cơ sở vật chất, và nhất là về tổ chức, quản lý cho công tác thể dục, thể thao.

4. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội

Nước ta vừa trải qua cuộc chiến đấu lâu dài và hiện nay vẫn phải làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế, số lượng thương binh, cựu binh, gia đình liệt sĩ rất lớn. Số người về hưu trong xã hội ngày càng đông.

Từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội chủ nghĩa đối với toàn dân, theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", mở rộng và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người có công với cách mạng và những người gặp khó khăn. Nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ bảo trợ xã hội phù hợp với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Thực hiện đúng chế độ về hưu. Tổ chức tốt hơn việc phục vụ về xã hội, y tế, văn hóa, thông tin cho người về hưu. Thu hút các cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm, các cựu chiến binh, thương binh tham gia hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp với sức khỏe và kinh nghiệm của mỗi người, nhất là tham gia công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Có kế hoạch và biện pháp thiết thực thu hút những người còn khả năng lao động tham gia các hoạt động sản xuất, dịch vụ, tổ chức dạy nghề và dành những nghề thích hợp cho thương binh. Ưu tiên sắp xếp việc làm, tuyển lao động, tuyển sinh và chăm lo việc học của thương binh, con liệt sĩ, quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Tổ chức nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo thương binh, bệnh binh nặng, thân nhân liệt sĩ và những người có công với cách mạng già yếu, không nơi nương tựa, chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn.

Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa, mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình.

Nhà ở là một trong những vấn đề cơ bản trong chính sách xã hội của Nhà nước ta. Xây dựng một chính sách toàn diện về vấn đề nhà ở, huy động nhiều hơn vốn đầu tư của Nhà nước, của các đơn vị tập thể và nhân dân để phát triển vật liệu xây dựng, xây thêm nhà ở. Thực hiện việc phân phối công bằng nhà ở tại các thành phố và thị xã.

5. Thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc

Chính sách giai cấp (bao gồm chính sách đối với mỗi giai cấp và chính sách xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích của các giai cấp) và *chính sách dân tộc* luôn luôn là một bộ phận trọng yếu trong chính sách xã hội.

Trong thời kỳ quá độ, cơ cấu giai cấp xã hội cũ dần được thay thế bằng cơ cấu giai cấp của xã hội mới. Quá trình đó cần được thực hiện có kế hoạch gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Cần có quan điểm đúng đắn và thống nhất, kèm theo những chính sách, biện pháp có hiệu quả xây dựng toàn diện giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho nền tảng chính trị - xã hội của xã hội mới ngày càng vững chắc, ưu thế của lực lượng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường ngày càng được phát huy mạnh mẽ. Tiến hành điều tra cơ bản, nắm chắc cơ cấu giai cấp và xã hội của cả nước và từng địa phương sau hơn mười năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát hiện những vấn đề cần được giải quyết về mặt chính sách giai cấp.

Các cấp lãnh đạo phải quan tâm đầy đủ và có sự nhạy cảm đối với dư luận và nguyện vọng của quần chúng để điều chỉnh, bổ sung các chính sách, nhất là trong các vấn đề quan hệ tới lợi ích thiết thân của mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội.

Sự nghiệp đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đòi hỏi tăng cường công tác nghiên cứu về dân tộc học và công tác điều tra xã hội học, hiểu biết đầy đủ những khác biệt cụ thể của từng vùng, từng dân tộc. Trên cơ sở đó, bổ sung, cụ thể hóa và thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc, tránh những sai lầm rập khuôn hoặc chủ quan áp đặt những hình thức tổ chức không phù hợp trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc.

Đầu tư thêm và tập trung sự cố gắng của các ngành, các cấp, kết hợp với động viên tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân và các dân tộc để khai thác, bảo vệ và phát triển thế mạnh về kinh tế ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú. Đẩy mạnh công tác định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào trước hết ở các vùng cao, biên giới, các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến.

Trong việc phát triển kinh tế, xã hội ở những nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số, cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc, bảo đảm phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau, cùng làm chủ tập thể, kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội,

đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người, kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ

Kế hoạch đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi để thực hiện sự phân bố lại lao động xã hội trên phạm vi cả nước, cần bao gồm cả kế hoạch hình thành cơ cấu giai cấp xã hội mới của vùng các dân tộc. Thực hành những hình thức, biện pháp thích hợp thu hút đồng bào các dân tộc tại chỗ tham gia quá trình phát triển kinh tế với tư cách là người làm chủ thật sự bình đẳng.

Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc. Tình cảm dân tộc, tâm lý dân tộc sẽ còn tồn tại lâu dài và là một lĩnh vực nhạy cảm. Trong khi xử lý các mối quan hệ dân tộc, phải có thái độ thận trọng đối với những gì liên quan đến lợi ích của mỗi dân tộc, tình cảm dân tộc của mỗi người. Chống những thái độ, hành động biểu thị tư tưởng “dân tộc lớn” và những biểu hiện của tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG TA VÀ NHÀ NƯỚC TA

Một vấn đề có tính quy luật của cách mạng trong thời đại hiện nay là sự kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân mỗi nước với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Thắng lợi của cách mạng mỗi nước cũng là thắng lợi của cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện sinh động sự kết hợp sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Ngày nay sự nghiệp cách mạng của nước ta càng có nhiều điều kiện thuận lợi mở rộng sự hợp tác và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Trong những năm tới, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức hết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta phải phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Campuchia và Lào. Chúng ta cần tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác.

...

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm nhuần những tư tưởng và tình cảm cách mạng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới.

Phần thứ tư

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Bài học “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” bao giờ cũng quan trọng.

Thực hiện cách mạng chứng minh rằng: ở đâu nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng.

Vận dụng bài học này vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta coi *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống. Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội.

Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc chứng tỏ nhân dân ta giàu lòng yêu nước, thiết tha với chủ nghĩa xã hội, có nghị lực dồi dào, chịu đựng gian khổ, lao động cần cù và sáng tạo, chiến đấu anh dũng; bộ máy Đảng và Nhà nước có cố gắng trong việc thực hiện chức năng của mình.

Bên cạnh những biểu hiện tốt đẹp ấy, trong xã hội ta đang có những hiện tượng không bình thường: sự thiếu gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tình trạng quan liêu trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý và các tổ chức chuyên trách về công tác quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu là cơ chế kết hợp hoạt động giữa Đảng, nhân dân và Nhà nước chưa được cụ thể hóa thành thể chế.

Cùng với những hậu quả của cơ chế cũ về quản lý kinh tế, tệ quan liêu trong thái độ, phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, kể cả ở các đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính cơ sở, chưa được phê phán và khắc phục. Một

bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức quyền, quên những năm tháng cùng nhân dân đồng cam cộng khổ trong chiến tranh giải phóng, đã sống xa dân không quan tâm giải quyết những vấn đề bức thiết do quần chúng đặt ra. Có những cấp ủy đảng coi nhẹ công tác quần chúng, không dựa vào nhân dân để chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng. Không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến của nhân dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ quen dùng các biện pháp hành chính. Đảng chưa phát huy vai trò và chức năng của các đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế, xã hội. Các đoàn thể chưa tích cực đổi mới phương thức hoạt động đúng với tính chất của tổ chức quần chúng.

Toàn Đảng, từ các đồng chí lãnh đạo đến mọi đảng viên, phải thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: “Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào”. Ý thức *phục vụ nhân dân* phải được thấu suốt trong hoạt động của cán bộ, đảng viên nhân viên, nhà nước. Đó là tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá phẩm chất mỗi người.

Quyền làm chủ của nhân dân cần được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, quyền hạn và lợi ích đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ. Mỗi người đều phải làm chủ lao động của mình, làm việc có kỷ luật, với năng suất và hiệu quả cao, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Mọi công dân phải tham gia việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, chống địch phá hoại, bảo vệ Tổ quốc, coi đó là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của mình.

Những mục tiêu do Đại hội Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng. Đảng và Nhà nước phải có chính sách xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, củng cố liên minh công – nông và chăm lo giáo dục thế hệ trẻ. Đối với giai cấp công nhân, Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí giai cấp tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Công tác quản lý không phải là việc riêng của những người quản lý chuyên nghiệp, mà là sự nghiệp của nhân dân. Trong công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, dù là quản lý hành chính, hay quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý trật tự, trị an, đều cần có sự tham gia của quần chúng. Việc phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội cần được các cơ quan lãnh đạo và quản lý đặt ra và thực hiện đúng ngay từ khi chuẩn bị và quyết định chủ trương, chính sách. Xóa bỏ nhận thức sai lầm, coi công tác quần chúng chỉ là biện pháp để tổ chức, động viên nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách. Đối với những chủ trương có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước cũng như ở các địa phương và đơn vị cơ sở, cấp ủy đảng hoặc cơ quan chính quyền phải trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. *Dân biết,*

dân bàn, dân làm, dân kiểm tra đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý nhà nước của mình.

Động viên quần chúng tham gia rộng rãi và thường xuyên vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Tập thể những người lao động có quyền hạn và nghĩa vụ trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bố trí lao động, tuyển lựa cán bộ quản lý kiểm tra, giám sát các hoạt động của cơ quan quản lý. Các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo tổ chức các đại hội công nhân viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, đại hội xã viên trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho các tập thể lao động có tiếng nói chính đáng của người làm chủ trực tiếp ở đơn vị cơ sở.

Ở các xã, phường và khu dân cư phải phát huy vai trò của công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân tập thể, Mặt trận Tổ quốc trong việc vận động nhân dân phát triển sản xuất, làm kinh tế gia đình, tổ chức phân phối, lưu thông, dịch vụ, hoạt động văn hóa, giáo dục, bảo vệ sức khỏe và môi trường, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định. Tiếp sau việc ban hành Bộ luật hình sự và dự thảo Luật hôn nhân và gia đình, Nhà nước ta còn phải ban hành các luật khác. Chính đốn tổ chức, thi hành những biện pháp có hiệu lực trừ diệt các tệ hối lộ, cửa quyền, loại bỏ và nghiêm trị những phần tử biến chất lợi dụng danh nghĩa Đảng và chính quyền để đục khoét nhân dân, áp bức quần chúng. Các cơ quan tòa án, kiểm sát, thanh tra, an ninh... dựa vào nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời những vụ vi phạm quyền công dân.

Việc bài trừ những hành động phạm pháp, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện có hiệu quả nếu thật sự dựa vào sự kiểm tra, giám sát của quần chúng. Ở đây, các đoàn thể quần chúng giữ một vai trò quan trọng. Sự kiểm tra và giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước, muốn đạt kết quả tốt, phải được các đoàn thể quần chúng tổ chức và chỉ đạo. Sử dụng hệ thống kiểm tra nhân dân, tăng cường hệ thống kiểm tra công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, phát triển rộng rãi các hình thức tham gia kiểm tra của đoàn thanh niên, hội phụ nữ và mặt trận. Kỷ luật lao động, kỷ cương xã hội chỉ có thể được củng cố khi có một cơ chế quản lý đúng, có những biện pháp mạnh mẽ mang tính luật pháp cùng việc giáo dục đạo đức xã hội.

Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực chất là *tôn trọng con người, phát huy sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới, và thông qua quá trình xây dựng kinh tế - xã hội mà đào tạo, rèn luyện con người mới, hình thành những tập thể lao động mới*. Muốn tạo nên một tập thể vững mạnh, phải xây dựng từng con người, quan tâm *phát hiện và bồi dưỡng nhân tài*. Việc xây dựng nếp sống mới, con người mới có tầm quan trọng đặc biệt trong xã hội ta. Không xây dựng được ý

thức tự giác, tự làm chủ của mỗi người, không thể bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của mọi người.

Các ngành văn hóa, văn nghệ, giáo dục và thông tin đại chúng vừa phải hiểu rõ nguyện vọng, tâm tư của quần chúng để phục vụ tốt và phản ánh với Đảng, vừa có trách nhiệm tạo cho được những dư luận quần chúng đúng đắn, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Khẩu hiệu “dân tin Đảng, Đảng tin dân” phải được thể hiện hàng ngày trong cuộc sống thông qua những việc làm cụ thể.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng dân chủ, Đảng xã hội và các đoàn thể quần chúng, trước hết là Công đoàn, Hội liên hiệp Nông dân tập thể, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội liên hiệp Phụ nữ, có vai trò to lớn trong việc động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Các cấp các ngành chính quyền phải tôn trọng các đoàn thể quần chúng và mặt trận, phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể và mặt trận hoạt động có kết quả thiết thực. Đảng viên, cán bộ chính quyền, bộ đội, công an hàng ngày cũng phải tự mình trực tiếp vận động quần chúng, coi đó là một công việc tất yếu để thực hiện được tốt công tác chuyên môn của mình.

Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo chặt chẽ các đoàn thể, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đoàn thể mà đề ra nhiệm vụ, mục tiêu hành động và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các đoàn thể. Nhưng cấp ủy đảng phải tôn trọng tính độc lập về tổ chức của các đoàn thể, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Các đoàn thể cũng phải mau chóng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình cho phù hợp với những cuộc cải cách về quản lý kinh tế, xã hội. Hoạt động đoàn thể phải chuyển mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng vào các phong trào cách mạng.

Lợi ích chính đáng của quần chúng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Trước mắt, tập trung sức giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, phù hợp với từng đối tượng.

Đối với *công nhân, viên chức* phải có chế độ tiền lương hợp lý, phúc lợi xã hội cần thiết để bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa cho người lao động và gia đình. Đảng cần tổng kết kinh nghiệm và ra nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân. Nhà nước cần bổ sung Luật công đoàn.

Đối với *nông dân*, phải giải quyết tốt quan hệ giữa nghĩa vụ đóng góp cho đất nước và quyền lợi của nông dân. Nhà nước phải soát lại các chính sách quan hệ đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với *trí thức*, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển. Phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân, nông dân.

Thanh niên phải được bảo đảm việc làm khi bước vào đời và được quyết tâm giáo dục về nhân cách, bản lĩnh và lý tưởng theo phương châm “sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Phải có ý thức đầy đủ rằng chính thanh niên là lớp người có sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mạnh dạn giao trách nhiệm cho thanh niên, và thông qua các hoạt động xã hội mà đào tạo và bồi dưỡng họ. *Thiếu niên và nhi đồng* phải được học tập và chăm sóc trong tình thương của gia đình và xã hội. Các cấp bộ Đảng và đoàn thanh niên phải chăm lo xây dựng *Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh*.

Phụ nữ nói chung, và lãnh đạo nữ nói riêng, có những đặc điểm cần được chú ý. Để phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, cần làm cho đường lối vận động phụ nữ của Đảng được thấu suốt trong cả hệ thống chuyên chính vô sản, được cụ thể hóa thành chính sách, luật pháp. Các cơ quan nhà nước, với sự phối hợp của các đoàn thể, cần có biện pháp thiết thực tạo thêm việc làm, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện đúng Luật hôn nhân và gia đình. Tạo điều kiện cho phụ nữ kết hợp được nghĩa vụ công dân với chức năng làm mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đảng cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của *các dân tộc thiểu số* ở nước ta nhằm củng cố và nâng cao thêm một bước khối đoàn kết các dân tộc, hướng vào việc xây dựng miền núi giàu mạnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng do Đại hội đề ra. Tăng cường việc giáo dục chính sách dân tộc trong cán bộ, đảng viên, trong quân đội và đồng bào cả nước, nâng cao cảnh giác, kịp thời vạch trần và làm thất bại âm mưu, hoạt động của kẻ thù chia rẽ dân tộc. Có quy hoạch và kế hoạch tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nhất là cán bộ các dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới và một số vùng ở miền Nam.

Đảng và Nhà nước ta, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ *đồng bào theo tôn giáo* đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc. Cảnh giác, kiên quyết và kịp thời chống lại âm mưu, thủ đoạn của bọn đế quốc và phản động chia rẽ đồng bào có đạo và đồng bào không có đạo, giữa đồng bào theo đạo này với đồng bào theo đạo khác.

Người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài đang hình thành một cộng đồng vừa hòa nhập vào xã hội sở tại vừa gắn bó với quê hương, Đảng và Nhà nước ta, thông cảm và đánh giá cao lòng yêu nước của đồng bào, sẽ tạo thêm những điều kiện thuận lợi để đồng bào xây dựng khối đoàn kết cộng đồng, tiếp xúc với bà con trong nước, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Trong thời kỳ quá độ, đó là *nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động

và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là công tác cấp bách, là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Bộ máy nhà nước của ta còn công kênh và kém hiệu lực. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp là nguyên nhân trực tiếp làm cho bộ máy nặng nề, nhiều tầng, nhiều nấc. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và chức năng, tiêu chuẩn cán bộ chưa được xác định rõ ràng. Một số ngành ở trung ương và địa phương đang có xu hướng chia tách thành nhiều cơ quan và đơn vị chuyên môn hóa theo lối khép kín; nhiều tổ chức trùng lặp, chồng chéo; nhiều trường hợp bố trí cán bộ, nhân viên không tương xứng với nhiệm vụ. Chế độ trách nhiệm không rõ ràng. Phong cách làm việc nặng về hình thức giấy tờ, hội họp quá nhiều, mà quyết định thì chậm, thiếu cơ sở khoa học, nhiều khi không dứt khoát, việc tổ chức thực hiện lại yếu.

Để thiết lập cơ chế quản lý mới cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước theo phương hướng sau đây.

Xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp. Tăng cường bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống thống nhất, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm từng phần theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế với quản lý sản xuất - kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội.

Đó là bộ máy nhà nước có đủ năng lực thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu:

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật chính sách cụ thể.

- Xây dựng chiến lược kinh tế, xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Quản lý hành chính - xã hội và hành chính - kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục.

- Thực hiện một quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao.

- Xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Nhà nước phải làm tròn nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch kinh tế - xã hội, các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ. Phải nâng cao năng lực quản lý hành chính, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ quyền lực nhà nước đồng thời xây dựng hệ thống quản lý kinh tế theo cơ chế quản lý mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, trước hết là nêu cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp. Vẫn còn tình trạng các cơ quan dân các cấp được lựa chọn, bầu cử và hoạt động một cách hình thức chủ nghĩa. Trong nhiều trường hợp, cấp ủy đảng còn bao biện, làm thay công việc của chính quyền. Việc lựa chọn người bầu vào các cơ quan dân cử ở nhiều nơi còn gò ép. Nhiều ủy ban nhân dân chưa thật sự tôn trọng Hội đồng nhân dân.

Các cơ quan dân cử từ Quốc hội đến Hội đồng nhân dân các cấp thường xuyên cải tiến và kịp thời tổng kết các mặt hoạt động của mình; nâng cao chất lượng các kỳ họp, bàn và quyết định những vấn đề thiết thực; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và công tác giám sát đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, làm cho các cơ quan dân cử thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành để tổ chức thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Vấn đề cấp bách là phải sắp xếp lại các Bộ, Ủy ban nhà nước, Tổng cục và tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước của các Bộ. Bộ máy quản lý hành chính của bộ không được can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp. Giảm bớt những tổ chức trung gian như vụ, cục, phòng, ban chuyển mạnh. Giảm bớt sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Giảm bớt chức phó ở tất cả các cấp và các cơ quan.

Theo những phương hướng sắp xếp lại bộ máy nhà nước trung ương, bộ máy các Ủy ban nhân dân địa phương cũng phải tổ chức lại gọn và tinh, có đủ quyền hạn, nhiệm vụ và năng lực quản lý trên lãnh thổ.

Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Tuân theo pháp luật là chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm *xây dựng pháp luật*. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*. Đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học), của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân.

Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý “nội bộ”. Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình phạt, quan thì xử theo “lẽ”. Hiến pháp quy định: “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”. Cấm tình trạng bao che hành động phạm pháp và người phạm pháp dưới bất cứ hình thức nào.

Phải dùng sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Các cấp ủy đảng, từ trên xuống dưới, phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế, và kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cơ quan pháp chế.

Đổi mới phong cách làm việc. Để lãnh đạo và quản lý tốt phải ra quyết định đúng, kịp thời và tổ chức thực hiện các quyết định đó. Việc chuẩn bị quyết định và ra quyết định phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Chấm dứt chế độ làm việc theo lối quan liêu qua nhiều nấc trung gian không cần thiết. Thực hiện phong cách làm việc có điều tra, nghiên cứu, xử lý công việc nhanh chóng, bãi bỏ những thủ tục phức tạp, gây phiền hà cho nhân dân.

Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Muốn nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội, phải có một đội ngũ cán bộ giỏi, có năng lực, có kinh nghiệm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Cán bộ quản lý hành chính nhà nước (từ bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch các cấp, cục, vụ trưởng... đều phải là những người hiểu biết nguyên tắc và chế độ quản lý hành chính, hiểu biết pháp luật, hiểu biết chuyên môn. Có loại cán bộ làm công tác tổng hợp, nhưng không có loại cán bộ được coi như thích hợp với mọi công tác. Để tăng hiệu lực quản lý của Nhà nước, tăng trách nhiệm của cán bộ giữ vị trí chủ chốt ở các ngành, từ nay chấm dứt tình trạng bổ nhiệm cán bộ không có hiểu biết hoặc kém chuyên môn vào các cương vị lãnh đạo và quản lý cơ quan chuyên môn. Thực hiện chế độ bãi miễn đối với các cán bộ vô trách nhiệm, thiếu năng lực.

Để phát triển và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, sắp xếp lại hệ thống các trường đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng cho các đối tượng khác nhau theo những chương trình thích hợp. Các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cương vị

chủ chốt từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã, từ tổng giám đốc đến cán bộ quản lý cơ sở đều phải qua các lớp bồi dưỡng định kỳ có sát hạch, theo chương trình thiết thực và có hệ thống về đường lối, chính sách, cơ chế quản lý và kiến thức quản lý mới, về chuyên môn, nghiệp vụ và về pháp luật.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên thực tế là một thể thống nhất. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tất cả đều do dân và vì dân, có thật sự do dân mới thật sự vì dân một cách đầy đủ. Nguyên lý cơ bản đó được thực hiện từng bước vững chắc là điều kiện quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng.

Phấn thứ năm

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Năm năm qua là một thời kỳ hoạt động phong phú và đầy thử thách của Đảng. Từ những thành tựu cũng như những sai lầm, Đảng ta đã trưởng thành một bước trong công tác lãnh đạo. Đại hội này là một cái mốc đánh dấu bước trưởng thành ấy. Song tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm với những nhiệm vụ của giai đoạn mới. Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên. Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy là ở chỗ, trong nhiều năm, chúng ta đã coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng đảng. Đây là điều mà toàn Đảng từ Ban Chấp hành Trung ương đến các tổ chức cơ sở và mỗi đảng viên cần nhận thức đầy đủ với ý thức trách nhiệm cao.

Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế đang đòi hỏi tăng cường không ngừng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để tăng cường sức chính sách và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đảng phải chăm lo xây dựng mình vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, để từ đó tác động quyết định đến sự phát triển của cách mạng nước ta.

1. Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng

Thế giới ngày nay đang thay đổi nhanh chóng. Chủ nghĩa xã hội đang phấn đấu thể hiện rõ tính ưu việt về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản. Đối với các nước

xã hội chủ nghĩa anh em, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đổi mới thắng lợi với mọi thử thách, đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v... Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện được những mục tiêu do Đại hội lần thứ VI đề ra.

Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thụ những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Các văn kiện của Đại hội lần thứ VI thể hiện bước đầu sự đổi mới tư duy của Đảng. Mỗi chúng ta, từ người lãnh đạo đến đảng viên thường, dù hoạt động trong lĩnh vực nào cũng cần kiểm tra lại nhận thức của mình, sớm lĩnh hội được những quan niệm mới, kiên quyết gạt bỏ những quan niệm sai lầm. Làm quán triệt các nghị quyết của Đại hội đến từng đảng viên, từng người lao động, tạo nên sự đổi mới về nhận thức, nâng cao nhiệt tình cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng.

Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài. Tính bảo thủ, sức ì của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý, hệ thống thông tin chính xác; phê bình và tự phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v... Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy.

Cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc *bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới*, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Phẩm chất chính trị của mỗi người phải thể hiện ở

lập trường vững vàng trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa cái lành mạnh và cái hư hỏng; ở ý chí bền bỉ, tính năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao, làm việc có hiệu quả thiết thực; ở lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh thực hiện nhiệm vụ. Tâm trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, trái với bản chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng tiên phong phải được khắc phục. Vấn đề đạo đức xã hội đang được đặt ra một cách cấp bách. Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước, với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Các lực lượng làm công tác tư tưởng phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh này, lên án, vạch trần bản chất thối nát của lối sống cũ, khẳng định mạnh mẽ và truyền bá rộng rãi những giá trị đạo đức mới, thúc đẩy quá trình hình thành lối sống mới.

Trên thế giới và trong nước ta, cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản đang diễn ra gay gắt. Kẻ thù ở ngoài nước và trong nước thường xuyên tìm cách phá chúng ta về tư tưởng. Chúng tung ra đủ loại luận điệu xuyên tạc nhằm phá hoại Đảng và chế độ ta. Những người cộng sản phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nhạy cảm nắm bắt tình hình, kịp thời đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của chúng. Nhưng thời gian qua, công tác tư tưởng chưa thực sự tiến hành theo hướng đó. Đã có lúc, có nơi, một số đảng viên thụ động, bàng quan, bất lực trước sự lan tràn của những tin đồn nhảm, những dư luận ác ý, tê liệt trước sự tiến công của địch về tư tưởng. Để khắc phục tình trạng không bình thường đó, cần tổ chức lại công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch, nhất là ở những thành phố lớn.

Hiệu quả công tác tư tưởng phụ thuộc trước hết vào sự lãnh đạo của các tổ chức đảng. Đảng ta lãnh đạo chính quyền, có hệ thống các cơ quan làm công tác tư tưởng, phương tiện tuy chưa hiện đại, nhưng so với trước, đã tăng nhiều, lại có gần hai triệu đảng viên, trên mười vạn chi bộ, nhưng vì sao kết quả công tác tư tưởng lại không tương xứng, trận địa tư tưởng ở nhiều nơi lại bị bỏ trống? Nguyên nhân quan trọng là nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo và chưa biết lãnh đạo công tác tư tưởng, nhiều đồng chí được phân công vào các vị trí quan trọng của các cơ quan nhà nước cũng không làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Muốn làm chủ trận địa tư tưởng, mỗi cấp ủy phải hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, có kế hoạch công tác tư tưởng, biết tổ chức, bồi dưỡng và sử dụng các cơ quan, các cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng, biến các lực lượng ấy thành một đội quân hùng hậu có sức chiến đấu cao.

Công tác tư tưởng phải đổi mới về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện.

Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng từ trung ương đến chi bộ. Hiệu quả các cuộc hội nghị phải thể hiện trên hai mặt: đề ra được chủ trương, biện pháp để giải quyết các nhiệm vụ; có tác dụng giúp những người tham

gia sinh hoạt nắm vững quan điểm của Đảng, tiếp nhận được thông tin, kinh nghiệm, hiểu biết mới, tăng thêm ý thức trách nhiệm. Các cuộc sinh hoạt có chất lượng của cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng là điều kiện đầu tiên để triển khai có hiệu quả công tác tư tưởng.

Các tổ chức đảng phải xây dựng được đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có phẩm chất cách mạng, có trình độ chính trị và nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, thường xuyên bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ ấy trong công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Việc chậm hình thành đội ngũ này là do coi nhẹ hình thức tuyên truyền miệng, thiếu nội dung phong phú, hấp dẫn và những phương tiện vật chất cần thiết cho các báo cáo viên.

Các phương tiện thông tin đại chúng có nhiệm vụ truyền bá đường lối, chính sách của Đảng, đi sát thực tế, thông tin kịp thời và phân tích sâu sắc những sự kiện mới; phát hiện và phản ánh trung thực những điển hình tiên tiến, nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác; đề cập và chỉ ra phương hướng giải quyết những vấn đề thiết thực mà xã hội quyết tâm; xây dựng dư luận xã hội lành mạnh, động viên quần chúng tích cực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, đồng thời cũng phản ánh tiếng nói của quần chúng. Trình độ mọi mặt của nhân dân ta ngày càng cao, đòi hỏi báo chí và các phương tiện thông tin khác phải bảo đảm tính chân thực, nâng cao chất lượng, tăng cường tính quần chúng, và tính chiến đấu, khắc phục tình trạng giản đơn, đơn điệu, hời hợt, sáo rỗng, một chiều.

Nâng cao chất lượng công tác xuất bản cả ở trung ương và địa phương, bảo đảm có nhiều sách bổ ích, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm nguyên tắc và thiếu trách nhiệm dẫn tới xuất bản và phát hành văn hóa phẩm có hại. Cố gắng xuất bản một số sách chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn học có chất lượng, với khối lượng tương đối lớn, đủ cung cấp cho mỗi cơ sở một tủ sách hay.

Các tổ chức đảng phải quan tâm chỉ đạo công tác văn hóa, văn nghệ.

Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người. Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân, gắn bó với hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến phức tạp, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, tạo nên những điển hình sống động, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội. Tính chân thực, tính tư tưởng và tính nghệ thuật bao giờ cũng là tiêu chuẩn của giá trị tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân, chiến sĩ, thực hiện chức trách cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội. Đẩy mạnh công tác phê bình văn học,

nghệ thuật với tinh thần xây dựng, dũng cảm và vô tư, khắc phục thói nể nang và những khuynh hướng lệch lạc, loại trừ các biểu hiện thô thiển.

Đảng bộ các cấp cần tạo những điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ, bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho văn nghệ sĩ, chú trọng lực lượng trẻ xuất hiện từ phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu. Nâng cao trình độ lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ chống lối gò ép hoặc buông lỏng.

Cải cách toàn diện công tác của các trường đảng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Hệ thống trường đảng phải tập trung sức đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận được lựa chọn theo quy hoạch và thường kỳ tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức. Các cấp ủy phải xây dựng quy hoạch cán bộ để trên cơ sở đó thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ. Đổi mới đội ngũ cán bộ giảng dạy, viết lại sách giáo khoa và đổi mới phương pháp dạy và học.

Mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên v.v... học tập chủ nghĩa Mác – Lênin theo các chương trình đã được quy định, nhằm trang bị cho họ thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sau Đại hội lần thứ VI, phải tổ chức một đợt học tập rộng lớn để quán triệt các nghị quyết, gắn liền với quá trình thực hiện những nhiệm vụ chính trị.

Đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Tuyển lựa những cán bộ đã trải qua công tác thực tiễn bổ sung cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Luân phiên đưa các cán bộ này đi làm công tác thực tế một thời gian. Quyết tâm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về cơ sở vật chất – kỹ thuật của công tác tư tưởng: giấy in, phương tiện nghe nhìn, trường sở, phương tiện dạy và học, điều kiện sinh hoạt và học tập cho học viên các trường đảng.

2. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý

Đảng ta đã thay đổi một phần và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhưng sự thay đổi còn chậm chạp, chất lượng đội ngũ cán bộ vẫn chưa đáp ứng những yêu cầu mới. Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng. Được rèn luyện trong quá trình chiến đấu lâu dài, nhiều thế hệ cán bộ đã trưởng thành, đó là cơ sở để giải quyết vấn đề đổi mới cán bộ.

Trên cơ sở xác định tiêu chuẩn cụ thể, cần đánh giá lại cán bộ một cách có hệ thống, sắp xếp và kiện toàn cho được các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý các ngành quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng,

an ninh, các chức vụ chủ chốt của 40 tỉnh, thành, đặc khu, của hơn 400 quận, huyện, các cơ sở trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

Đổi mới đội ngũ cán bộ có nghĩa là đánh giá, lựa chọn, bố trí lại, di dời với đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có đủ những tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý, ngang tầm nhiệm vụ. Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, trước hết phải đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ. Việc đổi mới cán bộ cần được thực hiện khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tránh thay đổi vội vàng. Tránh lối đổi mới một cách hình thức, chỉ căn cứ vào độ tuổi, bằng cấp, hoặc hiểu đổi mới chỉ đơn thuần là thay đổi người, chỉ trọng cán bộ mới, coi nhẹ cán bộ lâu năm có năng lực và phẩm chất.

Để đổi mới đội ngũ cán bộ một cách đúng đắn, cần đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán bộ.

Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đang đòi hỏi những cán bộ có phẩm chất và năng lực phù hợp. Đó là những cán bộ có phẩm chất chính trị đã được thử thách, luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thông suốt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ham học hỏi, năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lý kinh tế, xã hội, có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đó là những cán bộ có đạo đức cách mạng và phong cách lãnh đạo tốt, trước hết là có ý thức tập thể, dân chủ, di dời với tính quyết đoán, có ý thức trách nhiệm, có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng, quan tâm đến con người, gương mẫu trong lối sống, đoàn kết và động viên được nhiệt tình lao động của cán bộ và nhân dân.

Phải từ lợi ích chung của cách mạng, từ chính sách cán bộ thống nhất của Đảng mà lựa chọn cán bộ một cách công minh. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, đấu óc địa vị, tư loại, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa cục bộ và bệnh quan liêu trong công tác cán bộ đều gây ra những hậu quả xấu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết trong Đảng. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu khép kín trong từng địa phương, từng ngành, không tiếp nhận cán bộ được điều động từ nơi khác, ngành khác tới.

Đổi mới đội ngũ cán bộ bao hàm ý nghĩa trẻ hóa. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, tăng thêm cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, kết hợp đúng cán bộ nhiều tuổi với cán bộ trẻ để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo. Có khắc phục được quan niệm đẳng cấp, tôn ti theo kiểu phong kiến còn khá nặng nề, chúng ta mới có thể phát hiện và cất nhắc được những cán bộ trẻ ưu tú.

Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức đảng và phải được tiến hành theo quy hoạch. Mọi cán bộ lãnh đạo đều có nhiệm vụ tham gia với tập thể lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kế tục. Cán bộ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm có nghĩa vụ ủng hộ, giúp đỡ lớp cán bộ kế tục. Nhân tài

không phải là sản phẩm tự phát, mà phải được phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng chỗ, đúng lúc. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Đó là kết hợp giữa bồi dưỡng kiến thức ở các trường học với rèn luyện trong thực tiễn. Phải căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của cán bộ mà mạnh dạn bố trí vào những cương vị công tác phù hợp, sau đó liên tục theo dõi, kiểm tra, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch góp phần đào tạo những cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo.

Chống tệ quan liêu, cửa quyền, trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ. Dân chủ hóa công tác cán bộ bằng những quy chế rõ ràng. Công tác cán bộ là công việc chung của các cơ quan Đảng và Nhà nước, không phải chỉ là việc riêng của cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ, mặc dù công tác của các cơ quan này là quan trọng.

Cơ chế quản lý cán bộ có đúng thì sự đánh giá cán bộ mới chính xác, mới phát hiện, đề bạt được cán bộ tốt, thay đổi những người xấu và yếu kém, loại trừ những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ.

Xác định chế độ trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với việc quản lý cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, coi đây là một chức năng quan trọng không thể thiếu của các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm tính tập thể trong các quyết định về cán bộ trên cơ sở dân chủ xem xét đầy đủ ý kiến của tổ chức và cá nhân có liên quan, đi đôi với nêu cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu: tránh tình trạng người phụ trách không có quyền và nhất là không có trách nhiệm trong việc lựa chọn cán bộ do mình phụ trách. Quy định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, xác định quyền hạn, trách nhiệm, các mối quan hệ giữa cơ quan Đảng và Nhà nước, ngành và địa phương, cấp trên và cấp dưới, xác định quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt, điều động, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào quy chế và nề nếp.

3. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta. Sức mạnh tổ chức to lớn của Đảng là ở sự thực hiện đầy đủ nguyên tắc này. Tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm, làm suy yếu sự đoàn kết trong Đảng. Tình trạng cục bộ, vô kỷ luật cũng gây ra những hậu quả tai hại và làm cho sự lãnh đạo của Đảng, việc điều hành của Nhà nước kém hiệu quả.

Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật. Mọi sự

năng động, sáng tạo phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách. Cơ quan lãnh đạo phải nắm vững quyền chỉ đạo tập trung, điều hành thống nhất, không dung túng những việc làm sai trái. Có lập lại kỷ cương trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Nhà nước, mới có sức mạnh lập lại trật tự trong xã hội.

Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể. Cấp dưới, dù cho người đứng đầu là ủy viên trung ương, cũng không thể tự cho mình quyền không thi hành hoặc làm trái chỉ thị của cấp trên.

Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt dân chủ. Biết bao vấn đề quan trọng và mới mẻ, phức tạp đang đặt ra trước các cơ quan lãnh đạo. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi người đều có hạn. Mọi quyết định chủ quan, độc đoán, đơn giản đều không tránh khỏi sai lầm. Phải nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của các cơ sở và địa phương, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học. Các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể. Người lãnh đạo phải bình tĩnh lắng nghe những ý kiến trái với ý kiến của mình. Ý kiến khác nhau phải được nói hết, nói thẳng và trải qua thảo luận dân chủ mà đi đến chân lý.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy là một yêu cầu quan trọng. Cung cấp những thông tin cần thiết để mỗi cấp ủy viên nắm chắc được tình hình, có điều kiện đóng góp vào quá trình ra các quyết định. Cải tiến cách điều hành hội nghị để bảo đảm thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết, kể cả bằng phiếu kín, làm cho mỗi nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể, buộc mọi người phải thực hiện, không ai được quyền tuyên truyền và thực hiện ý kiến riêng đã bị đa số bác bỏ. *Đẩy mạnh phê bình và tự phê bình* đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Người cộng sản phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong Đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, lừa dối cấp trên, thái độ nể nang, hoặc đàn áp, trả thù người phê bình. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong dịp chuẩn bị đại hội lần này được tiến hành tương đối rộng rãi từ trên xuống dưới, đã phát hiện và sửa chữa một số khuyết điểm, bước đầu củng cố lòng tin của nhân dân. Cần đưa việc tự phê bình và phê bình vào chế độ sinh hoạt thường xuyên của tất cả các tổ chức đảng.

Không được coi phê bình và tự phê bình là một dịp dả kích lẫn nhau, mà phải xem đó là một sinh hoạt đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, củng cố sự đoàn kết nhất trí. *Sửa đổi phong cách làm việc, đi sâu, đi sát thực tế.*

Cán bộ lãnh đạo phải dành một phần thời giờ thích đáng đi cơ sở gặp quần chúng tìm hiểu tình hình, nghe ý kiến của cấp dưới, giải quyết kịp thời tại chỗ những việc cụ thể. Đến những nơi tiên tiến để tổng kết kinh nghiệm và đến cả những nơi khó khăn, yếu kém để giúp đỡ.

Thiết lập trong toàn Đảng một chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được thông tin đầy đủ về tình hình và nội dung các vấn đề thuộc phạm vi mình phụ trách trước khi ra quyết định.

Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện. Đó cũng là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Mọi tổ chức, từ cơ quan của Đảng, Nhà nước đến đoàn thể quần chúng, mọi lĩnh vực hoạt động từ kinh tế, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, không có ngoại lệ, đều phải đặt dưới sự kiểm tra của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trung ương đảng và các cấp ủy đảng phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Mỗi cấp ủy, trong từng thời gian, đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm, sử dụng và phát huy vai trò Ủy ban kiểm tra và các ban của Đảng, kết hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng; kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn.

Chúng ta đã xây dựng bước đầu quy chế làm việc của các tổ chức đảng và Nhà nước. Cần rút kinh nghiệm bổ sung và hoàn chỉnh những quy chế đó. Quy định cụ thể và thực hiện một số chế độ công tác và sinh hoạt nội bộ, trước hết là chế độ hội nghị, chế độ kiểm tra, chế độ phê bình và tự phê bình, chế độ tiếp xúc với quần chúng.

4. Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực

Cùng với việc nâng cao năng lực và rèn luyện phong cách, phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ đảng viên.

Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người dày tớ thật trung thành của nhân dân.

Hãy giữ gìn nêu cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Mọi người hãy suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích cách mạng, chứ không phải vì địa vị và tư lợi. Lý tưởng ấy phải được thể hiện cụ thể trong lao động, chiến đấu, học tập và trong lối sống của mỗi đảng viên. Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm – phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhấn mạnh và rèn luyện. Ban hành những quy định ngăn ngừa thói khoa trương, thổi phồng thành tích, thi hành kỷ luật những cán bộ, những tổ chức “làm láo, báo cáo hay”, có thái độ nghiêm khắc với những kẻ xu thời, vụ lợi, xu nịnh và với cả người ưa nịnh. Bất kỳ cán bộ, đảng viên nào cũng phải tôn trọng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, tôn trọng quyền làm chủ của nhân

dân. Những hành động của quyền, hống hách, ức hiếp quần chúng phải bị lên án và thi hành kỷ luật.

Trong tư tưởng cũng như trong hoạt động, phải *triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi*. Với lương tâm của người cộng sản, mỗi cán bộ, đảng viên hãy nghiêm khắc xem xét mình đã sống lành mạnh, sống bằng lao động của mình hay chưa? Tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích của nhân dân, ăn cắp của công, lấy của công để biếu xén, chèn chèn “phân phối nội bộ”, phải bị phê phán và xử lý nghiêm khắc.

Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở chương trình công tác, ở hoạt động thực tiễn của Trung ương, các cấp ủy, các tổ chức cơ sở của Đảng. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu trong lối sống. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu càng lớn. Không ai có quyền tự ban cho mình những đặc quyền, đặc lợi. Phải bỏ ngay những chế độ cung cấp, trang bị phương tiện sinh hoạt, v.v... do các ngành, các địa phương tự ý quy định, trái với chế độ chung.

Mỗi cấp ủy phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ thuộc phạm vi quản lý của mình. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý đảng viên - kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo - về những vấn đề thuộc về đạo đức và phong cách.

Mười năm qua, trên 19 vạn đảng viên, trong đó một phần khá lớn là những người phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức, đã bị đưa ra khỏi Đảng; có những người đã phải truy tố trước pháp luật. Việc thi hành kỷ luật vẫn chưa nghiêm, đến nay nhiều người không đủ tư cách đảng viên vẫn còn ở trong Đảng. Phải làm trong sạch Đảng, trước hết loại bỏ ngay những phần tử thoái hóa, biến chất.

Cần đưa công khai trên báo, đài hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng một số vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Các tỉnh ủy, huyện ủy không thể giao cho tổ chức cơ sở, nhất là nơi yếu kém, tự làm việc chọn lọc đảng viên, mà phải chỉ đạo trực tiếp, nhằm trước hết vào những cơ sở nắm của cải của Nhà nước hoặc có quan hệ đến sinh mệnh chính trị và đời sống của quần chúng.

Sau Đại hội Đảng, cần có kế hoạch tiến hành *cuộc vận động làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội*. Một hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận chuyên đề về công tác xây dựng đảng.

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở

Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao chất lượng đảng viên... đều tùy thuộc vào sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Những thành tựu đã đạt được, những tiềm năng

được khai thác, những kinh nghiệm có giá trị đều bắt nguồn từ sự nỗ lực phấn đấu của quần chúng ở cơ sở mà hạt nhân lãnh đạo là tổ chức đảng. Nhưng mặt khác, sự yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở của Đảng đã hạn chế những thành tựu của cách mạng.

Tổ chức cơ sở phải là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở những nơi thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện đúng chức năng kiểm tra, kể cả kiểm tra người đứng đầu cơ sở. Từng thời gian, đảng ủy phải có chương trình kiểm tra, và biết tổ chức lực lượng, huy động Đảng viên, cán bộ chuyên môn và quần chúng tham gia công tác kiểm tra. Lựa chọn và cử bí thư Đảng ủy cơ sở có phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng của cơ sở đó.

Công tác quần chúng có vị trí quan trọng trong hoạt động của tổ chức cơ sở. Mỗi chi bộ, đảng viên phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho quần chúng và bằng hoạt động gương mẫu của người cộng sản mà động viên quần chúng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng đảng, góp ý kiến phê bình, nhận xét hoạt động của chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên, và giới thiệu những người ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng. Thực hiện rộng rãi chế độ quần chúng phê bình chi bộ, đảng viên, định kỳ mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác.

Tổ chức cơ sở đảng, mà trực tiếp là chi bộ, cần chăm lo việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chi bộ làm tốt việc phân công đảng viên; đảng viên nào cũng được giao công tác và phải làm tròn nhiệm vụ.

Số đảng viên đã về hưu ngày càng nhiều và chiếm tỷ lệ lớn ở các đảng bộ phường, xã. Cần quyết tâm bồi dưỡng những vấn đề thời sự, chính sách và sử dụng các đồng chí về hưu vào những công việc thích hợp với khả năng và sức khỏe mỗi người.

Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Số lượng đảng viên của toàn Đảng tuy đông nhưng phân bố rất không đều. Vì vậy, phải tiếp tục coi trọng việc phát triển đảng viên đi đôi với điều chỉnh, phân bố hợp lý lực lượng đảng viên. Điều quan trọng là bảo đảm chất lượng Đảng viên ngay từ khi lựa chọn kết nạp. Đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức cơ sở này trước khi kết nạp đảng viên mới.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của Đảng. Các tổ chức đảng phải chăm lo giáo dục, rèn luyện đoàn viên, giúp cho mỗi người sống và làm việc theo lý tưởng của Đoàn. Đó là nguồn chủ yếu để phát triển đảng viên mới.

Chú ý tăng thêm thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số trong việc phát triển đảng viên cũng như việc đào tạo cán bộ.

6. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng

Đảng ta có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp. Chẳng những lúc cách mạng phát triển bình thường thuận lợi mà cả lúc sóng gió, ở những bước ngoặt lịch sử, Đảng luôn luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nhờ đó, Đảng đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang.

Bên cạnh mặt bản chất của Đảng là đoàn kết nhất trí, chúng ta không thể xem thường tác động của một số nhân tố tiêu cực. Có tình trạng thiếu nhất trí về một số quan điểm và sự thiếu ăn khớp trong phong cách và quan hệ làm việc giữa một số cán bộ lãnh đạo các cấp. Bệnh cục bộ, địa phương còn nặng. Do đặc điểm của quá trình cách mạng ở nước ta, đội ngũ cán bộ mỗi miền, mỗi địa phương có sự hình thành và phát triển khác nhau; sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau chưa đầy đủ. Kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng tình hình này để kích động gây chia rẽ.

Tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, GIẢI QUYẾT HIỆU QUẢ NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH, ĐƯA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TIẾP TỤC TIẾN LÊN*

NÔNG ĐỨC MẠNH

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng

... Với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 7 (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí thông qua nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và các nghị quyết về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo, về vấn đề đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đó là các vấn đề chính trị hệ trọng, có quan hệ đến sự phát triển của đất nước, đến đời sống thiết thân về chính trị, kinh tế, xã hội của các tầng lớp nhân dân, vừa có tính thời sự cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Đó lại là những vấn đề hệ trọng nhưng rất nhạy cảm, cần phải được giải quyết một cách khách quan khoa học.

Yêu cầu đối với chúng ta hiện nay là phải làm mọi việc cần thiết để các nghị quyết ấy sớm đi vào cuộc sống. Tinh thần và nội dung các nghị quyết phải được thấu hiểu sâu sắc và được thống nhất cao trong toàn Đảng và toàn dân, trong toàn bộ hệ thống chính trị và trong mọi tầng lớp xã hội, từ thống nhất nhận thức đẩy tới một phong trào hành động, kiên quyết thực hiện nghị quyết của Đảng, Nhà nước và nhân dân đều thực hiện; toàn xã hội, mọi người và mỗi người đều cùng làm.

Trước hết, cần nhận rõ **vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**, đối với Đảng ta, không hoàn toàn là vấn đề mới vì đoàn kết dân tộc vốn là truyền thống quý báu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Tư tưởng đoàn kết các tầng lớp nhân dân để làm cách mạng dân tộc giải phóng được phát huy mạnh mẽ ngay từ ngày Đảng ta mới thành lập, được thể hiện xuyên suốt từ *Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* do Bác Hồ khởi thảo, cho đến các chính sách mặt trận của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Tư tưởng đó thể hiện một cách tập trung, nổi bật nhất trong câu nói mang tính tổng kết lịch sử nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"*. Tư tưởng đại đoàn kết, với nội dung và chất lượng mới, trở thành ngọn cờ chỉ đạo cho công tác vận động cách mạng nói chung và cho

* Trích Bài nói tại Hội nghị Trung ương 7 (phần 2), Khóa IX

công tác mặt trận nói riêng trong thời kỳ mới. Thấm nhuần tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ, Đại hội IX của Đảng đã nêu lên phương hướng chiến lược “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc” nhằm tạo ra động lực mới để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết lần này của Trung ương chính là cụ thể hóa tư tưởng chiến lược ấy của Đại hội IX.

Mục tiêu chung là củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của chúng ta về đại đoàn kết toàn dân tộc là lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh là điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Nếu hiểu một cách sâu sắc, đó có nghĩa là chúng ta cần làm rất nhiều để các điểm tương đồng ngày càng được phát huy và nhân lên, những điểm còn khác nhau ngày càng giảm thiểu. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Động lực của sự củng cố và phát triển ấy là: bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng và nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước; đấu tranh chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ của các thế lực thù địch.

Đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước đây, hiện nay và sau này cũng vậy, vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Các vấn đề dân tộc và tôn giáo được đặt ra và giải quyết trong tổng thể, theo phương hướng và nội dung cơ bản của nhiệm vụ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời hết sức chú ý đến tính đặc thù của từng vấn đề ấy.

Về *vấn đề dân tộc*, chúng ta thực hiện nhất quán chính sách các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, đoàn kết rộng rãi trong nội bộ từng dân tộc, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số; thực hiện sự phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; thực hiện ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi; bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ, nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, phát huy nội lực, tinh thần tự lực

tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương và các địa phương trong cả nước.

Về **vấn đề tôn giáo**, chúng ta luôn luôn coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật; thực hiện đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau và trong nội bộ từng tôn giáo, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Vì sự đoàn kết các dân tộc và các tôn giáo, chúng ta nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta đặc biệt coi trọng việc giải quyết đúng và thực hiện tốt các chính sách - chính sách chung cho mọi tầng lớp nhân dân và chính sách cụ thể cho từng giai cấp và giai tầng xã hội, cho mọi giới, mọi lứa tuổi, cho các dân tộc và tôn giáo, trước hết và quan trọng nhất là những chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, về xây dựng đội ngũ cán bộ. Những chính sách đó trực tiếp tạo nên và củng cố cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội cho đại đoàn kết.

Chúng ta khẳng định rằng, đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tức là của Đảng, Nhà nước, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội khác, trong đó hạt nhân là các tổ chức Đảng. Sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức Đảng là yếu tố quyết định để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Chúng ta đặc biệt coi trọng việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng, đổi mới phong cách và phương thức công tác của cán bộ hoạt động trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là cán bộ dân vận, theo tinh thần "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và nói dân hiểu, làm dân tin", khắc phục bằng được lối làm việc hành chính, quan liêu, xa dân. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể, đội ngũ làm công tác dân vận, công tác dân tộc và tôn giáo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực và sự hiểu biết cần thiết về các vấn đề mình phụ trách, có tác phong công tác tốt, vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ.

Về **chính sách đất đai**, quan điểm cơ bản của chúng ta là đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật. Quan điểm cơ bản đó đã được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và các văn kiện Đại hội Đảng, liên quan đến bản chất của chế độ xã hội ta. Chúng ta cũng khẳng định rằng, đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn tài nguyên đặc biệt quý giá, là nguồn lực to lớn của đất nước, là không gian, môi trường sống của cả dân tộc. Do đất đai mang tính kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc, các giải pháp về đất đai phải chú ý đầy đủ tới các khía cạnh kinh tế, chính

trị, xã hội; phải vì lợi ích chung của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người đầu tư và người sử dụng đất. Đất đai phải được khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng và nguồn lực của đất, phải được đầu tư phát triển về cả diện tích và chất lượng nhằm phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường quốc phòng, an ninh. Việc đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai phải phù hợp với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các đoàn thể nhân dân trong vấn đề đất đai.

Xuất phát từ những quan điểm cơ bản ấy, chúng ta tiếp tục bổ sung, sửa đổi những vấn đề quan trọng trong chính sách và pháp luật về đất đai, đặc biệt về chế độ sử dụng đất đai, về nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu và là người quản lý thống nhất đất đai, về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất, v.v... Nghị quyết của Trung ương về vấn đề đất đai sẽ là cơ sở quan trọng để Quốc hội xây dựng và ban hành luật Đất đai mới trong năm 2003, trước mắt đóng góp tích cực vào việc lập lại trật tự, kỷ cương trong việc quản lý, khai thác sử dụng đất đai, phấn đấu để đất đai được khai thác sử dụng một cách hiệu quả nhất, phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Giải quyết tốt các vấn đề trên là một bước tiến mới trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX. Vì đó là những vấn đề vừa có tính thời sự cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài, lại là những vấn đề rất nhạy cảm, được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Do đó, chắc chắn nó sẽ được sự đón nhận, đồng tình và ủng hộ rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân với quyết tâm sớm đưa các nghị quyết đó vào cuộc sống, tạo ra khí thế mới, những cố gắng mới và thành tựu mới.

ĐỔI MỚI - SỰ LỰA CHỌN CÁCH MẠNG NHẪM MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đổi mới là sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam bắt đầu diễn ra từ năm 1986, là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của Việt Nam. Sau 15 năm vượt qua các thử thách và khó khăn to lớn, tiến hành công cuộc đổi mới trên mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội... đến nay, Việt Nam có đủ cơ sở để khẳng định rằng đổi mới là sự lựa chọn đúng đắn, đã đặt Việt Nam vào quỹ đạo phát triển mới về chất, phù hợp với xu thế của thời đại và với ý nguyện của nhân dân. Sự hưởng ứng đường lối đổi mới ngày càng sâu rộng và tự giác của nhân dân, khả năng tiếp cận và hội nhập một cách có hiệu quả của đất nước vào đời sống của cộng đồng quốc tế cùng với những kết quả to lớn và toàn diện mà đổi mới mang lại là những bằng chứng hiển nhiên, thuyết phục về tính tất yếu lịch sử của quá trình đổi mới ở Việt Nam

I. ĐỔI MỚI - LÓGIC TẤT YẾU CỦA CUỘC SỐNG

Trong nhiều thập kỷ trước đổi mới, cũng giống như ở các nước XHCN khác, Việt Nam thực hiện công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo mô hình XHCN được quan niệm lúc bấy giờ. Theo đó, chế độ sở hữu toàn dân và tập thể về tư liệu sản xuất và cơ chế kế hoạch hóa tập trung đóng vai trò là những yếu tố chủ đạo của mô hình phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, nhân dân Việt Nam phải ra sức động viên và tập trung sức mạnh toàn dân tộc để vừa xây dựng đất nước, vừa thực hiện cuộc chiến tranh không cân sức nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Việc thực hiện mô hình phát triển này đã mang lại những kết quả to lớn không thể phủ nhận. Đó là sự đảm bảo quyết định để giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, tạo lập những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu rất quan trọng của CNXH, mang lại cho nhân dân cuộc sống tự do, việc làm, quyền làm chủ xã hội cùng với những cải thiện đáng kể trong đời sống vật chất và tinh thần.

Tuy nhiên, thực tế trước đổi mới, nhất là của hơn 10 năm tiến hành xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước (1975 - 1986), chứng tỏ rằng trong nền kinh tế mang đậm đà bản sắc nông dân - nông nghiệp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, mô

hình phát triển gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung có những khiếm khuyết lớn trong việc giải quyết các nhiệm vụ phát triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Sau nhiều năm vận động trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, tuy đất nước có đạt được những thành tựu to lớn, song nhiều vấn đề mấu chốt và thiết yếu nhất của cuộc sống nhân dân (ăn, mặc, ở) vẫn chưa được giải quyết đầy đủ; đất nước chưa có những thay đổi sâu sắc và triệt để trong phương thức phát triển; tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế ngày càng trầm trọng; nhiệt tình lao động và năng lực sáng tạo của nhân dân, tài nguyên và các nguồn lực chưa được khai thác, phát huy đầy đủ, thậm chí bị xói mòn.

Nhìn tổng quát, với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, nền kinh tế Việt Nam vận động thiếu năng động và kém hiệu quả. Những mất cân đối và nguy cơ bất ổn định tiềm tàng trong đời sống kinh tế - xã hội bị tích nén lại. Tình trạng thiếu hụt kinh niên làm gia tăng các căng thẳng trong đời sống xã hội. Lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước giảm sút. Trên thực tế, đến cuối những năm 70, đất nước đã thực sự lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Vấn đề cấp bách đặt ra cho Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam lúc này là tìm kiếm cách thức phát triển mới có khả năng đáp ứng các mục tiêu của sự nghiệp xây dựng CNXH, trong đó quan trọng nhất là phải tháo gỡ các ràng buộc về cơ chế và thể chế để giải phóng các nguồn lực phát triển của đất nước.

Cần phải nói rằng ngay khi đất nước mới lâm vào khủng hoảng, trong nền kinh tế Việt Nam, dưới áp lực của thực tiễn, đã diễn ra hai cuộc thử nghiệm quan trọng: 1) Áp dụng chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp và 2) Triển khai chế độ "kế hoạch 3 phần" ở các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Về nguyên tắc, cả hai cuộc thử nghiệm này đều diễn ra theo một xu hướng chung: nới lỏng các ràng buộc của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mở rộng hơn phạm vi hoạt động của các quan hệ thị trường, trao nhiều quyền chủ động kinh doanh hơn cho các chủ thể kinh tế và người lao động. Phong trào lan rộng ra khắp nền kinh tế và đã nhanh chóng đưa lại những thành tựu nổi bật, trước hết là trên mặt trận nông nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả của xu hướng cải cách này còn bị hạn chế do việc thực hiện những cải cách theo hướng thị trường mới mang tính cục bộ và chỉ dừng lại ở cấp vi mô, trong khuôn khổ cố gắng bảo tồn cơ chế kế hoạch hóa tập trung ở tầm vĩ mô. Vì vậy, những cuộc thử nghiệm này tuy đưa đến những thành tựu nổi bật trong nông nghiệp nhưng vẫn không ngăn cản được cuộc khủng hoảng ngày càng trở nên trầm trọng. Tình hình đó đã khiến cho đổi mới trở thành một nhu cầu hết sức bức bách, là đòi hỏi bức thiết của cuộc sống. Nhận rõ nhu cầu bức thiết ấy, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã chính thức khởi xướng sự nghiệp đổi mới.

Giữa lúc Việt Nam chính thức quyết định tiến hành công cuộc đổi mới, trên thế giới cũng diễn ra nhiều biến đổi quan trọng. Những biến đổi ấy vừa có ảnh

hưởng tới Việt Nam, vừa gợi ra những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo với các mức độ khác nhau. Đó là:

1. Công cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc theo hướng thị trường - mở cửa bắt đầu diễn ra từ năm 1978. Tiếng vang của những thành tựu cải cách nổi bật mà Trung Quốc thu được đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam quan tâm do có sự tương đồng nhiều mặt về các điều kiện kinh tế - xã hội giữa hai nước, mặc dù trong thời gian này quan hệ Việt Nam - Trung Quốc vẫn còn căng thẳng, chưa được bình thường hóa.

2. Sự không thành công của công cuộc cải tổ đã dẫn tới sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu là một bài học phản diện. Sự sụp đổ đó là bằng chứng về sự thất bại của con đường cải tổ theo kiểu “phủ định sạch trơn”, sử dụng “liệu pháp sốc”, giải quyết không đúng mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình cải tổ. Cái giá phải trả là rất đắt.

3. Tổ chức của các nước “công nghiệp mới” ở Đông Á đưa ra những gợi ý về cách thức và giải pháp phát triển đối với những nước vốn xuất phát từ những nước nông nghiệp và có quan hệ xã hội theo kiểu những giá trị văn hóa Phương Đông. Đó là những thành công của các chiến lược phát triển: phát huy mạnh nội lực, thị trường - mở cửa, hướng vào xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

4. Xu hướng hợp tác và cạnh tranh trên thế giới đang từng bước thay thế xu hướng đối đầu và xung đột. Tình huống này buộc các quốc gia phải định hướng lại tư duy về các vấn đề phát triển. Khác hẳn trước đây, trong hoàn cảnh phát triển mới, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế trở thành nhu cầu tự thân bên trong đối với nền kinh tế nông nghiệp vốn mang đậm tính chất khép kín, tự cấp tự túc của Việt Nam.

Toàn bộ tình hình trên đây, ở trong cũng như ngoài nước đã tác động đến Việt Nam về cả hai phương diện. Một mặt, nó đòi hỏi phải đổi mới tư duy phát triển, đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế theo một phương thức mới. Mặt khác, nó tạo ra các cơ hội và điều kiện để sự thay đổi đó diễn ra thuận lợi. Đó là điểm khởi đầu cả về lịch sử lẫn lý luận của quá trình đổi mới.

II. ĐỔI MỚI TƯ DUY PHÁT TRIỂN

Nhận thức được sự thay đổi của tình hình và yêu cầu gay gắt phải tạo một bước ngoặt trong tiến trình phát triển đất nước, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI tuyên bố tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và triệt để. Chương trình phát triển đất nước được thông qua tại Đại hội này có nội dung đặc biệt quan trọng là chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường - mở cửa theo định hướng XHCN. Để thực hiện được bước chuyển ấy, khâu đầu tiên có ý nghĩa quyết định là phải đổi mới tư duy phát triển. Chính điều đó xác định giá trị lịch sử của Đại hội VI: Đại hội của đổi mới tư duy.

Quá trình đổi mới tư duy phát triển trên thực tế là quá trình đấu tranh về mặt lý luận và tư tưởng nhằm đạt đến nhận thức mới về CNXH và về con đường đi lên CNXH của Việt Nam.

Trước hết, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội VI đã kiểm điểm và đánh giá theo tinh thần phê phán những sai lầm chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động nóng vội, chủ quan, không tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đại hội đã rút ra 4 bài học lớn, trong đó 2 bài học đầu tiên là “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động” và “Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”. Những bài học trên đây là cơ sở quyết định để từ bỏ lối tư duy sáo mòn, kinh viện; tập trung trí tuệ của toàn Đảng vào việc tìm kiếm và lựa chọn một tư duy mới, một chiến lược phát triển mới, có khả năng đáp ứng tốt nhất đòi hỏi của nhân dân. Đại hội Đảng lần thứ VI trở thành sự kiện đánh dấu bước ngoặt phát triển là nhờ nó quán triệt sâu sắc nguyên tắc: nếu không có sự phê phán và tự phê phán nghiêm túc, sẽ không thể có bất kỳ một sự đổi mới nào, kể cả đổi mới tư duy.

Thứ hai, nội dung cốt lõi của tư duy đổi mới là bước chuyển từ quan niệm kinh tế XHCN là một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, phải được xây dựng ngay trong thời kỳ quá độ sang khẳng định phải phát triển trong thời kỳ quá độ một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN, tức là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Về thực chất, đây là sự đổi mới tư duy phát triển.

Sự đổi mới tư duy phát triển ấy hướng tới sự đổi mới triệt để và toàn diện phương thức phát triển nhưng không đổi hướng phát triển: mục tiêu của phát triển vẫn là đạt tới CNXH, nhưng phương thức phát triển thì có những đổi mới căn bản. Đó là:

- Bước chuyển từ quan niệm cũ về nền kinh tế trong thời kỳ quá độ, theo đó, trong nền kinh tế ấy thành phần kinh tế XHCN (gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) với sở hữu công cộng (gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể) giữ vị trí thống trị sang quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) với nhiều hệ thống sở hữu đa dạng, hỗn hợp, đan xen lẫn nhau.

- Bước chuyển từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của kế hoạch, kỳ thị thị trường sang chỗ thừa nhận thị trường, khẳng định phải kết hợp kế hoạch với thị trường, trong đó kế hoạch định hướng thị trường, còn thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch, có vai trò điều tiết cung cầu, giá cả, điều tiết sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Thứ ba, sự đổi mới tư duy phát triển còn thể hiện ở bài học thứ ba mà Đại hội VI đã rút ra: đó là “phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới”. Thực chất của sự đổi mới này là thay thế quan niệm phát triển “khép kín” trong thế đối đầu bằng quan niệm phát triển dựa vào mở cửa, mở rộng hợp tác quốc tế theo phương châm kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và cạnh tranh phát triển dựa trên cơ sở phát huy nội lực. Cách tiếp cận phát triển mới này bắt nguồn từ đòi hỏi bức bách phải thoát khỏi tình trạng bị bao vây cấm vận, trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực và cộng đồng các nước XHCN có những thay đổi lớn. Đảng Cộng sản Việt Nam coi đây là cách lựa chọn tốt nhất để Việt Nam chủ động hội nhập vào quá trình hợp tác kinh tế quốc tế, tận dụng các cơ hội phát triển to lớn mà thời đại đang dành cho các nước đi sau. Việc kịp thời chuyển hướng nhận thức trong đường lối đối ngoại như vậy thể hiện rõ quan niệm mới về độc lập dân tộc, phù hợp với các điều kiện quốc tế đã thay đổi sâu sắc.

Thứ tư, cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phải ngày càng hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ thành cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội. Nếu cơ chế quản lý kinh tế là cơ chế bảo đảm cho sự vận động và phát triển của lĩnh vực kinh tế, thì cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội là cơ chế bảo đảm cho hệ thống chính trị phát huy được vai trò của mình, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả một hệ thống quản lý xã hội.

Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ đã được đề ra từ những năm 70, nhưng nay cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, theo đó, “phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN” như bài học thứ tư mà Đại hội VI đã rút ra, đặc biệt là phải tăng cường sức chiến đấu, nâng cao năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng, còn Nhà nước phải được xây dựng thành Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, quản lý xã hội bằng pháp luật, nhân dân phải thực sự trở thành người chủ, mọi việc đều phải tiến hành theo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Thứ năm, sự đổi mới tư duy phát triển còn thể hiện ở khẳng định phải “phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, coi nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định đối với sự phát triển của đất nước, là yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững”, từ đó yêu cầu phải “khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng XHCN” như đã từng xảy ra trong thời kỳ trước đổi mới.

Trên cơ sở quan điểm đổi mới ấy, Đại hội VI đề ra nhiệm vụ phải có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

Sự đổi mới tư duy lý luận trên đây của Việt Nam, một mặt, đặt nền tảng lý luận cần thiết cho quá trình đổi mới thực tiễn; mặt khác, là sản phẩm của chính quá trình này. Để hình thành nên tư duy mới ấy, nhiệm vụ phải làm là kết hợp một cách biện chứng những nguyên lý lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống và tinh hoa văn hóa dân tộc, với những nhận thức mới về thế giới hiện đại, về con đường phát triển mang các sắc thái đặc thù của thời đại và dân tộc. Điều rất quan trọng là tư duy mới đó được hình thành từ chính thực tiễn sáng tạo của dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, nó trở thành một trong những căn nguyên chủ yếu nhất của các thành tựu phát triển to lớn mà nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quãng thời gian hơn 15 năm đổi mới vừa qua.

III. KẾT QUẢ ĐỔI MỚI - THÀNH CÔNG CỦA MỘT ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN MỚI

Tuy không thể nói công cuộc đổi mới của Việt Nam cho đến nay diễn ra một cách hoàn toàn trọn trù và thuận lợi, song tính nhất quán của quá trình phát triển là điều được khẳng định. Chính việc đặt nền kinh tế vào một quỹ đạo phát triển mới - quỹ đạo kinh tế thị trường, mở cửa theo định hướng XHCN - đã tạo nên các thành tích phát triển đáng kể trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

Về mặt kinh tế, với việc thực hiện đường lối đổi mới, chỉ sau 10 năm, Việt Nam đã thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng nặng nề. Nạn lạm phát phi mã bị đẩy lùi từ hơn 700% năm 1986 xuống còn 12% năm 1995 và được kiểm soát chặt từ đó đến nay đã góp phần đáng kể vào việc khôi phục và củng cố các cơ sở ổn định và tăng trưởng. GDP được nhân đôi sau 10 năm (1991 - 2000) nhờ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt hơn 7,5% trong khi xuất, nhập khẩu đạt mức tăng trưởng hơn 20%/ năm. Đây là kết quả trực tiếp của quá trình đổi mới cơ chế kinh tế và áp dụng mô hình tăng trưởng mới. Việc tập trung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và từng bước kết hợp với việc đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội đã khuyến khích sự phát triển của tất cả các thành phần, lực lượng kinh tế, tạo nên sức thúc đẩy phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy, đồng thời vẫn giữ được sự ổn định vĩ mô cả về kinh tế, chính trị, xã hội - tiền đề tối cần thiết cho thành công của đổi mới. Ngân sách nhà nước, cán cân thương mại và dự trữ quốc gia không ngừng được cải thiện, tạo cơ sở vững chắc cho quá trình tăng trưởng cao, bền vững. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm xuống tương ứng với sự tăng lên rõ ràng của công nghiệp và dịch vụ. Cơ chế thị trường, với sự can thiệp có định hướng của Nhà nước, đã làm thay đổi căn bệnh nguyên tắc phân phối các nguồn lực. Đối với một nước nghèo như Việt Nam, về dài hạn, sự thay đổi đó có giá trị đặc biệt to lớn.

Đường lối phát triển giữ vững định hướng XHCN xác định rõ tăng trưởng không phải là mục đích tự thân. Cùng với việc tập trung nỗ lực để đạt được tốc độ tăng trưởng cao, bền vững, nhà nước đã định hướng phân bổ rộng khắp và công bằng cho nhân dân lao động lợi ích do đổi mới mang lại. Nhờ đó, đời sống

của người dân được cải thiện nhanh chóng. Chỉ trong 5 năm (1993 - 1998) thu nhập bình quân đầu người trên phạm vi cả nước đã tăng gấp 2,45 lần, tỷ lệ hộ đói nghèo về cả lương thực, thực phẩm và phi lương thực, thực phẩm đã giảm từ trên 50% giai đoạn 1992 - 1993 xuống còn trên 30% giai đoạn 1997 - 1998. Đời sống tinh thần trong xã hội được cải thiện rõ rệt. Việc kiên trì định hướng phát triển vì con người đó đã dẫn tới kết quả là chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam, theo xếp hạng của UNDP, tăng lên khá nhanh. Từ thứ 121 năm 1990 lên thứ 101 năm 2000 (hơn 174 nước), năm 2002 đạt thứ 109 trên 175 nước. Cũng cần nói thêm rằng đối với Việt Nam, xếp hạng chỉ số phát triển con người luôn luôn vượt trội xếp hạng chỉ số GDP/ đầu người. Năm 1992, sự chênh lệch giữa hai chỉ số này là 34 bậc, còn đến năm 2000, con số tương ứng là 19 bậc. Sự chênh lệch này phản ánh một cách rõ ràng định hướng ưu tiên quan tâm đến con người, đến sự phát triển vì con người trong chiến lược phát triển của Việt Nam. Đây là một trong những thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Một trong những kết quả đổi mới nổi bật khác của Việt Nam là trong lĩnh vực đối ngoại. Với chủ trương Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, Việt Nam đã tiến hành việc bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ và các nước trước đây có quan hệ thù địch, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và chủ động hội nhập vào quỹ đạo phát triển của khu vực và thế giới. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ toàn diện với hầu hết các nước trên thế giới, là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực. Hàng nghìn công ty nước ngoài đã đầu tư vào Việt Nam với số vốn cam kết gần 40 tỉ đôla, chưa kể hàng chục tỉ đôla thu hút được từ các nguồn tài trợ phát triển chính thức.

Nhìn tổng thể, các kết quả mà đổi mới mang lại đã tạo ra cho Việt Nam thế và lực phát triển mới. Đây là kết quả mang tính tổng hợp của đổi mới, có giá trị định hướng tương lai. Với cách nhìn như vậy, có thể nói thành công quan trọng nhất của đổi mới là Việt Nam đã tìm thấy và khẳng định được một con đường phù hợp để giải quyết các vấn đề phát triển của mình trong điều kiện mới.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA VIỆT NAM

Mười lăm năm đổi mới là quãng thời gian đầy thử thách, vượt qua vô vàn khó khăn của Việt Nam trên con đường tìm tòi mô hình phát triển mới, có hiệu quả hơn, đảm bảo đưa sự nghiệp xây dựng CNXH đến thành công. Thực tiễn của 15 năm đổi mới có cho phép rút ra nhiều bài học bổ ích về tiến hành công cuộc đổi mới. Dưới đây là một số bài học chủ yếu nhất.

Bài học thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh CNXH thế giới đang lâm vào thoái trào, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời phân tích tình hình quốc tế và trong nước, khẳng định con

đường kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là quyết định chính trị có tầm quan trọng hàng đầu. Theo đó trong nhận thức lại về CNXH, học thuyết Mác - Lênin không đồng nghĩa với sự phủ định sạch trơn. Vấn đề là cần phân biệt những nguyên lý cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin với những nhận thức không đúng do sự ngộ nhận có tính ấu trĩ và kinh viện đã bị thực tiễn bác bỏ.

Trong hơn 70 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện cuộc cách mạng “long trời, lở đất” vì độc lập tự do của mỗi người và của cả dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam đã được thử thách trên 70 năm; là sự kết hợp nhuần nhuyễn mục tiêu độc lập dân tộc với xây dựng xã hội mới, xã hội XHCN; là sự kết hợp những tinh hoa cách mạng - khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin với những truyền thống lịch sử - văn hóa quý báu của dân tộc Việt Nam. Chân lý đó sẽ không là khó hiểu đối với bất kỳ ai có điều kiện nghiên cứu toàn bộ các tác phẩm và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh kể từ những năm 1920 cho đến khi Người qua đời.

Bài học thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm thích hợp.

Đây là bài học về nghệ thuật tiến hành đổi mới. Thực chất của nó là bài học về phối hợp chính sách và kết hợp tối ưu giữa các lợi ích ngắn hạn, cục bộ với các lợi ích dài hạn và toàn thể, tìm tòi các bước đi, hình thức và cách làm thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Thực tiễn cho thấy, đổi mới là một cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do vậy, nó phải được tiến hành đồng bộ trên tất cả mọi lĩnh vực. Logic khách quan đó đòi hỏi phải phối hợp đồng bộ các chính sách và giải pháp đổi mới trên cơ sở sự nhất quán của đường lối đổi mới và của quyết tâm phát triển. Yêu cầu này đặc biệt đúng cho quá trình chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường - mở cửa.

Trong các yêu cầu đồng bộ thể hiện ra là nguyên tắc phổ biến, quyết định triển vọng dài hạn của đổi mới thì các điều kiện cụ thể hiện thực của đất nước lại đòi hỏi sự mềm dẻo, linh hoạt khi lựa chọn và phối hợp chính sách. Việt Nam là một nước nghèo, lạc hậu, tiềm lực phát triển yếu, lại bị bao vây, cấm vận kéo dài. Trong bối cảnh đó, đổi mới chỉ có thể thành công khi biết lựa chọn một cách tối ưu các hình thức và bước đi thích hợp, biết tập trung nỗ lực và các nguồn lực phát triển hạn chế vào những khâu đột phá quyết định nhằm xoay chuyển tình hình. Không phải ngẫu nhiên mà quá trình đổi mới ở Việt Nam được bắt đầu từ khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết quả là, từ một nước thiếu lương thực một cách triền miên, sau một thời gian ngắn, Việt Nam đã có thể trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu của thế giới.

Trong thực tế đổi mới, Việt Nam đã hướng chính sách vào mục tiêu tập trung nỗ lực và sức mạnh để tạo ra sự đột phá phát triển trong khuôn khổ định hướng

chung. Chính đây là lý do giải thích tại sao Việt Nam thu được thành công khá nhanh chóng trong việc chống lạm phát, phá vỡ thế cấm vận, giải quyết vấn đề đói nghèo và tăng trưởng, thiết lập cơ chế kinh tế mới và từng bước nâng cao sức cạnh tranh quốc tế v.v..

Bài học thứ ba: Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm.

Đây là bài học về việc xử lý mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình chuyển đổi được thực hiện trong bối cảnh quốc tế đang thay đổi mạnh mẽ và có nhiều yếu tố tác động không thuận lợi. Bài học này được đúc kết từ chính kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam.

Vấn đề làm rõ quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị đã được đặt ra từ Đại hội VI. Nhưng rồi thực tiễn đổi mới ở Việt Nam cũng như thực tiễn cải cách, cải tổ ở các nước XHCN đã cho phép Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (6-1991) rút ra kết luận rằng phải tập trung sức đổi mới kinh tế, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động trong hệ thống chính trị. Đổi mới các hoạt động trong hệ thống chính trị cần được tiến hành thận trọng, trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, tạo sự nhất trí cao trong xã hội, tiến hành liên tục từng bước vững chắc. Tuyệt đối không được phép nhân danh cải tổ, cải cách mà tạo ra tình hình mất ổn định chính trị (nhất là về hoàn thiện hệ thống luật pháp, về cải cách hành chính, về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân).

Bài học thứ tư: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn 15 năm đổi mới của Việt Nam cho thấy việc chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung vốn mang nặng tính quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường là hoàn toàn cần thiết. Chính cơ chế thị trường đã góp phần quan trọng vào việc khai thác và phát huy được các tiềm năng sản xuất trong xã hội, làm bật dậy sức sáng tạo to lớn của hàng chục triệu người lao động, là nền tảng bảo đảm thực hiện quyền làm chủ về mặt kinh tế của người lao động, trên cơ sở đó, mở rộng và phát huy dân chủ trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống.

Song, thực tế cũng cho thấy cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng dẫn đến xu hướng phân hóa giàu nghèo quá mức, kéo theo việc thương mại hóa các quan hệ xã hội, làm xuất hiện những tệ nạn xã hội, làm tổn hại các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Vì thế, để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng định hướng XHCN, việc sử dụng cơ chế thị trường phải đi đôi với việc nâng cao chất lượng quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước. Bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác, Nhà nước phải hướng vào việc phát triển và làm lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối và bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, không

để diễn ra chênh lệch quá lớn về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư, thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hệ thống thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn đến sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập v.v.. Tóm lại, cùng với việc sử dụng cơ chế thị trường để kích thích sản xuất phát triển, phải tăng cường vai trò và nâng cao chất lượng quản lý của Nhà nước về kinh tế- xã hội để giữ vững định hướng XHCN.

Bài học thứ năm: Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Đây là bài học truyền thống của Việt Nam, thể hiện đặc biệt rõ qua việc huy động sức mạnh của toàn dân tộc trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa và phát huy truyền thống ấy, trong thời kỳ đổi mới, xuất phát từ hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam sau 30 năm chiến tranh, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, vì độc lập dân tộc, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai.

Chính việc mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng đổi mới trên đây đã phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, tạo thành động lực phát triển chủ yếu của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Bài học thứ sáu: Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là xu hướng toàn cầu hóa kinh tế đang được đẩy mạnh và quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức đang diễn ra nhanh chóng. Với tư duy đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, cần khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới từ bên ngoài, thực tiễn đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, đẩy mạnh mở cửa và chủ động hội nhập quốc tế, coi đây là cách thức hợp lý để tiếp cận nhanh và có hiệu quả vào các xu hướng phát triển quyết định tương lai đang diễn ra trên thế giới, thông qua đó lựa chọn một mô hình thích hợp để giải quyết các vấn đề phát triển đang đặt ra gay gắt cho một nước đang bị tụt hậu phát triển.

Trong thực tiễn đổi mới, ngay từ đầu Việt Nam đã lựa chọn chính sách phát triển trên đây. Nhờ vậy, Việt Nam đã từng bước phá vỡ thế bao vây cấm vận, xây dựng và củng cố niềm tin trong cộng đồng quốc tế; nhanh chóng mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị và ngoại giao với các quốc gia và vùng lãnh thổ trên

thế giới cũng như với các tổ chức quốc tế và khu vực. Nhờ đó, uy tín và vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trong những vấn đề hợp tác quốc tế và khu vực. Kết quả rõ nhất của điều đó là tạo lập được một môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, là mức độ tăng trưởng cao của hoạt động ngoại thương, của các dòng đầu tư và tài trợ phát triển nước ngoài vào Việt Nam trong những năm qua.

Tuy nhiên, thực tiễn đổi mới cũng cho thấy trong khi đẩy mạnh mở cửa và chủ động hội nhập quốc tế, cần phải giữ vững độc lập tự chủ thực hiện mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, “hòa nhập” nhưng không “hòa tan” - đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến những thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Bài học thứ bảy: Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của Đảng. Không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, lực lượng chính trị đã đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử có khả năng tập hợp và tổ chức quần chúng trong phạm vi cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng dân tộc và tái thiết đất nước cũng như phát động sự nghiệp đổi mới, mở ra trang sử mới của dân tộc thì chắc chắn sự nghiệp đổi mới sẽ không thể thực hiện có tính kế thừa liên tục, thậm chí có thể đi chệch hướng. Vì vậy, Đảng cùng với đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

V. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI - CON ĐƯỜNG ĐI TỚI TƯƠNG LAI CỦA VIỆT NAM

Sau 15 năm đổi mới, xã hội Việt Nam đã có những thay đổi sâu sắc. Những thay đổi đó đã mang lại cho Việt Nam một thế và lực phát triển mới khi bước vào thế kỷ mới.

Ngày nay, xét trên tất cả các mặt, tiềm lực phát triển của Việt Nam đã được nhân lên gấp bội so với trước đổi mới. Nền kinh tế đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng của thập niên 80, đứng vững trước tác động tiêu cực to lớn của cuộc khủng hoảng khu vực nửa cuối thập niên 90. Những nền tảng cho quá trình tăng trưởng nhanh, bền vững đã được tạo lập và củng cố. Thể chế kinh tế thị trường được khẳng định dứt khoát nhờ hiệu quả phát triển to lớn mà nó đem lại trong thời gian qua. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tạo nên cơ sở xuất phát tốt cho giai đoạn mới. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ ràng không chỉ đem lại cho nền kinh tế một khả năng đầu tư phát triển mới to lớn hơn mà còn củng cố lòng tin vào định hướng phát triển XHCN và tạo ra động lực phát triển mạnh mẽ.

Trong các quan hệ quốc tế, vị thế của Việt Nam đã được nâng cao rõ rệt. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho phép Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn đến cơ hội phát triển, tận dụng hiệu quả hơn các lợi thế phát triển của một nước đi sau.

Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đang bước vào thế kỷ mới với một vóc dáng mới đầy triển vọng. Tuy nhiên, đó chỉ mới là một mặt của vấn đề. Đảng và Nhà nước Việt Nam nhận thức rõ rằng đổi mới là cuộc thử nghiệm một con đường phát triển mới. Sai lầm và khiếm khuyết là không thể tránh khỏi. Trên cơ sở nghiêm túc tổng kết thực tiễn, các kỳ Đại hội Đảng, mà gần đây nhất là Đại hội IX, đã phân tích sâu sắc các điểm yếu kém nội tại của nền kinh tế, các vấn đề chính trị xã hội phát sinh trong quá trình đổi mới, vạch ra các nguyên nhân của tình hình, đặc biệt là các nguyên nhân chủ quan.

Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng đã phân tích và đánh giá khách quan và toàn diện các xu hướng đang diễn ra trên thế giới, định vị rõ những yếu tố có ảnh hưởng to lớn đến triển vọng phát triển toàn cầu và khu vực và khả năng tác động của chúng đến Việt Nam.

Những nhận thức như vậy là cơ sở để rút ra các nhận định về thời cơ, nguy cơ và thách thức phát triển mà Việt Nam đang và sẽ đối mặt trong giai đoạn tới. Cơ hội phát triển là rất lớn, song thách thức còn rất gay gắt.

Kết luận quan trọng nhất được rút ra từ những nhận định đó là: đẩy mạnh đổi mới, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là phương hướng chiến lược phải tiếp tục kiên trì thực hiện vì đó là con đường duy nhất bảo đảm triển vọng phát triển sáng sủa cho Việt Nam.

Trong tầm nhìn chiến lược, mục tiêu cơ bản mà Việt Nam phấn đấu đạt vào năm 2020 là thoát khỏi tình trạng tụt hậu phát triển, về cơ bản trở thành nước công nghiệp. Đây là cơ sở vật chất để đạt được mục đích phát triển tổng quát là xây dựng Việt Nam thành một nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Trong bối cảnh thế giới đang thay đổi sâu sắc và nhanh chóng, khi những rủi ro phát triển đang gia tăng nhanh cùng với xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, việc đạt tới các mục tiêu đó đòi hỏi những nỗ lực to lớn hơn, mang tính trí tuệ cao hơn và có chất lượng cao hơn. Những nỗ lực đó hướng tới việc giải quyết những nhiệm vụ chính sau:

Thứ nhất, duy trì tốc độ tăng trưởng và phát triển nhanh, bền vững, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường.

Thứ ba, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

Các nhiệm vụ này bao hàm trong chiến lược tổng thể về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của giai đoạn mới. Về thực chất, chiến lược này đồng nghĩa với việc triển khai một mô hình phát triển cho phép Việt Nam rút ngắn được quãng

đường tiến lên hiện đại, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách tụt hậu giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Nhưng để đạt được các mục tiêu dài hạn đó, trong giai đoạn trước mắt, Việt Nam phải tập trung nỗ lực giải quyết một số nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa đột phá như đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế, nhất là cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trong khu vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế của sản phẩm Việt Nam, xóa đói giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực, cải cách hành chính và tạo lập môi trường thúc đẩy quá trình thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế v.v..

Sau một thời gian nhịp độ cải cách và tăng trưởng bị chậm lại do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực và những điều kiện thị trường quốc tế không thuận lợi, do những yếu kém bên trong chưa được khắc phục kịp thời, khi bước vào thế kỷ mới, nền kinh tế Việt Nam đã khôi phục lại được đà phát triển. Đây là kết quả của việc áp dụng các giải pháp tiếp tục đổi mới với một quyết tâm và một cấp chất lượng cao hơn. Sau 15 năm dựa vào đổi mới để phát triển, Việt Nam lại có thêm một kinh nghiệm mới để khẳng định rằng tiếp tục đẩy mạnh đổi mới là sự lựa chọn duy nhất đúng cho tương lai của Việt Nam.

ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM - THÀNH TỰU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

GS, VS NGUYỄN DUY QUÝ *

Từ năm 1986, Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. So với công cuộc cải cách và chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường ở các quốc gia khác, đổi mới ở Việt Nam có những nét đặc thù riêng. Đổi mới ở Việt Nam diễn ra từ cả hai chiều: “từ dưới lên” tức là ở các hợp tác xã, doanh nghiệp và “từ trên xuống”, tức là các quyết định của Đảng và Nhà nước. Mối quan hệ hai chiều ấy đã làm cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam diễn ra không có sự xung đột giữa “phía trên” và “phía dưới”, cũng như không có các “cú sốc” quá mạnh được tạo ra bởi các chính sách và biện pháp điều chỉnh vĩ mô quá cứng rắn và duy ý chí của bộ máy lãnh đạo “phía trên”. Đó là đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam, vừa có sự chỉ đạo từ trên xuống, vừa có sự sáng tạo của nhân dân từ bên dưới. Do đó, đổi mới đã dẫn đến những thành công.

Khác với các nước Đông Âu và Liên Xô trước đây, ở Việt Nam nhu cầu đổi mới các chính sách kinh tế đã xuất phát từ chính lĩnh vực kinh tế, chứ không phải là hệ quả những biến động chính trị.

Sự chuyển biến từ thời kỳ chiến tranh sang hoà bình đã làm bùng nổ các nhu cầu về đời sống, từ đó làm nảy sinh yêu cầu tháo gỡ các cản trở về quản lý kinh tế và sau đó dẫn đến những thay đổi trong quan niệm về sự vận hành của nền kinh tế. Nói một cách khác là thực tiễn đã làm “tan băng” các quan niệm xơ cứng và thúc ép hình thành hệ thống lý thuyết và quan niệm phù hợp hơn.

Đổi mới ở Việt Nam không phải là chuyển từ mô hình cũ sang một mô hình đã có sẵn lấy từ một nước khác nào đó, mà là một quá trình xóa bỏ các yếu tố của mô hình cũ và thay thế bằng những yếu tố mới thích hợp hơn với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Quá trình đổi mới ở Việt Nam không phân chia thành các giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị lý luận về đổi mới và giai đoạn áp dụng lý luận đó vào thực tế, mà là quá trình vừa khái quát lý luận từ thực tiễn đổi mới, vừa áp dụng những lý luận đã có vào cuộc sống.

Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi lớn lao, hầu như tất cả các nước đều có sự điều chỉnh chính sách của mình. Những kinh nghiệm cải cách của các nước cũng là sự gợi ý cho Việt Nam trong sự tìm tòi con

* Viện khoa học Xã hội Việt Nam.

đường đổi mới. Vì vậy, những quan điểm đổi mới của Việt Nam được hình thành không chỉ từ việc đúc kết kinh nghiệm của nước mình, mà còn từ những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đổi mới ở Việt Nam là quá trình thử nghiệm, trong quá trình đó cái mới và cái cũ xen kẽ nhau, cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần, có lúc, có nơi còn chiếm ưu thế hơn so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần dần được khẳng định và đưa tới những thành công. Điểm nổi bật của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là luôn luôn lấy *sự ổn định chính trị - xã hội làm tiền đề*, làm điều kiện tiên quyết cho sự nghiệp đổi mới thắng lợi. Thực tiễn chứng minh rằng, có sự ổn định mới phát triển được và chính sự phát triển sẽ tạo ra sự ổn định mới vững chắc hơn.

Sau gần 20 năm thực tiễn, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng:

- Việt Nam đã thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm, đã khắc phục được nạn lạm phát có lúc trên 700% (năm 1986) xuống mức lạm phát 12% (năm 1995) và sau đó cho đến hiện nay lạm phát chỉ còn một chữ số; đã khắc phục được nạn thiếu lương thực trước đây và hiện nay nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Việt Nam đã trở thành một nước xuất khẩu gạo vào hàng thứ 2, thứ 3 thế giới. GDP của Việt Nam đã tăng gấp hai sau 10 năm (1990-2000) - nhờ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 7,5%. Hiện nay Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm mục tiêu đến năm 2020, về cơ bản sẽ trở thành một nước công nghiệp.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã chú ý đến việc thực hiện chính sách công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo. Nhờ đó mà đời sống nhân dân được cải thiện một bước đáng kể. Tính riêng trong 5 năm (1993-1998) thu nhập bình quân của Việt Nam đã tăng 2,45 lần.

Một đặc điểm khác đáng chú ý nữa là sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đã xác định đổi mới *kinh tế làm trọng tâm*. Nhờ định hướng đúng đắn đó mà những yêu cầu cấp thiết của nhân dân về sản xuất và đời sống được giải quyết, đem lại sự tin tưởng của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới, tự nó trở thành động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới giành được nhiều thắng lợi.

Song song với đổi mới về kinh tế, từng bước đổi mới về chính trị, xã hội, văn hóa với mục tiêu phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Khoa học, giáo dục được Nhà nước và xã hội hết sức chăm lo, Nhà nước coi chính sách phát triển khoa học và giáo dục là quốc sách hàng đầu. Nhờ vậy, trong những năm đổi mới vừa qua, khoa học và giáo dục đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Năm 2000, Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, hiện nay đang thực hiện chương trình phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Còn ở các trường đại học hiện nay đang thực hiện chương trình đào

tạo sau đại học với hai học vị thạc sĩ và tiến sĩ hầu như ở tất cả các ngành học thuộc khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Việt Nam thực hiện chính sách mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Trên cơ sở đường lối đó, Việt Nam đã kiên trì phấn đấu đẩy lùi và làm thất bại chính sách bao vây cấm vận, cô lập Việt Nam của các thế lực thù địch, tạo dựng được môi trường quốc tế, khu vực thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên chính trường và thương trường thế giới.

Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, mở rộng quan hệ thương mại với 150 nước; tranh thủ đầu tư trực tiếp của các tập đoàn và công ty thuộc 70 nước và vùng lãnh thổ; tranh thủ được viện trợ phát triển của 45 nước và định chế tài chính quốc tế.

Tháng 7 - 1995, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), tổ chức hợp tác khu vực được thành lập cách đây 37 năm, tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) với cam kết thực hiện chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). Tháng 3 - 1996, Việt Nam đã tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) gồm 10 nước châu Á và 15 nước châu Âu với tư cách thành viên sáng lập. ASEM đang trong quá trình thử nghiệm, xây dựng viễn cảnh ASEM năm 2020, thăm dò, tìm hiểu khả năng của nhau để lựa chọn những lĩnh vực hợp tác giữa hai khu vực giàu tiềm năng của thế giới. Tháng 10 năm 2004, Hội nghị ASEM lần thứ 5 họp tại Thủ đô Hà Nội của Việt Nam. Tháng 11- 1998, Việt Nam đã gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) gồm các nước và lãnh thổ thuộc châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương ở ven hai bờ Thái Bình Dương.

Chính trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã nhanh chóng mở rộng xuất nhập khẩu, thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách nhà nước. Nếu năm 1990, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mới đạt 2,204 tỷ USD và nhập khẩu đạt 2,752 tỷ USD thì năm 2001, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã đạt 15,1 tỷ USD (nếu tính cả dịch vụ thì đạt 17,6 tỷ USD), tăng mỗi năm trung bình trên 20%, có năm tăng 30%.

Đổi mới ở Việt Nam đã kết hợp được nội lực và ngoại lực. Tháng 12 - 1987, Việt Nam đã ban hành Luật Đầu tư trực tiếp của nước ngoài, từ thời gian ấy đến nay, đất nước ta đã thu được 42 tỷ USD vốn đầu tư của nước ngoài với trên 3000 dự án, trong số đó đã thực hiện khoảng 21 tỷ USD. Có thể nói rằng, nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới. Ngoài ra Việt Nam còn tranh thủ được nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) ngày càng lớn.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra cơ hội để Việt Nam tiếp cận với những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Đồng thời, thông qua các dự án hợp tác với nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam đã tiếp nhận được nhiều kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

Những thành tựu đổi mới trên đây bắt nguồn từ đổi mới tư duy. Việc đổi mới tư duy mà Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra (năm 1986) rất khái quát, nhưng hết sức cơ bản và có ý nghĩa rất quan trọng cho việc tiếp tục đổi mới về sau. Khi công cuộc đổi mới được triển khai vào chiều sâu thì đổi mới tư duy càng được đẩy mạnh. Bất cứ một sự ngưng trệ nào trong tư duy cũng đều làm ngưng trệ công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực tiễn đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội vừa là kết quả của đổi mới tư duy, lại vừa đặt ra những yêu cầu mới cho việc tiếp tục đổi mới tư duy ở giai đoạn cao hơn. Ở Việt Nam đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà làm cho chủ nghĩa xã hội đi tới thắng lợi. Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà là nhận thức, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng ấy. Đổi mới không phải là phủ định quá khứ mà là khẳng định những gì hiểu đúng, làm đúng; loại bỏ những gì hiểu sai, làm sai; bổ sung những nhận thức mới, cách làm mới, đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới.

Thực hiện được điều vừa trình bày không đơn giản. Đây thực sự là cuộc đấu tranh phức tạp giữa cái đúng và cái sai, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu lỗi thời, giữa cái mới thúc đẩy sự phát triển và cái cũ cản trở sự phát triển. Tiêu chuẩn để phân biệt những mặt trái ngược đó chính là thực tiễn - là kết quả về kinh tế - xã hội giành được trong thời kỳ đổi mới.

Đổi mới của Việt Nam đã được thể hiện rõ nét trên một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, từ mô hình kinh tế hiện vật chỉ có hai thành phần kinh tế (nhà nước và tập thể) sang mô hình mới kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (nhà nước, tập thể, cá thể tiểu chủ, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài), trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự thống nhất biện chứng với tính đa dạng các hình thức sở hữu, đa dạng các hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất. Đây là đổi mới căn bản mà ý nghĩa sâu xa của nó là tôn trọng khách quan về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nhờ đó, mở đường giải phóng mọi tiềm năng xã hội, giải phóng sức sản xuất. Nhân tố quan trọng bậc nhất của lực lượng sản xuất là con người - người lao động làm chủ, được thúc đẩy bởi quy luật lợi ích, trong đó lợi ích cá nhân của người lao động là động lực trực tiếp và cơ sở để thực hiện và phát triển lợi ích của tập thể và của toàn xã hội.

Thứ hai, từ mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế bao cấp sang mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường. Điểm nổi bật trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ

chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới có tính đột phá là từ chỗ về cơ bản không sử dụng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, chuyển sang cơ chế coi thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch, còn kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng, điều tiết ở tầm vĩ mô, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh. Cơ chế thị trường đòi hỏi sự thừa nhận cạnh tranh, ganh đua thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng đồng thời dẫn tới sự chênh lệch thu nhập, sự phân hóa giàu nghèo. Đây là mặt trái của cơ chế thị trường. Vấn đề đặt ra là Nhà nước phải có chính sách đúng đắn để cho cơ chế thị trường không đẩy tới sự phân hóa giàu - nghèo vượt quá giới hạn cho phép. Việt Nam đã giải quyết vấn đề này bằng chính sách xóa đói, giảm nghèo được thực hiện tương đối có hiệu quả.

Tại cuộc Hội thảo quốc tế chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo do Bộ Kế hoạch và đầu tư của Việt Nam phối hợp với Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức tại Hà Nội, đại diện của nhiều tổ chức và nhà tài trợ quốc tế đã đánh giá cao những thành tựu của Việt Nam trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Việt Nam có tốc độ giảm nghèo nhanh nhất khu vực Đông Nam Á.

Thứ ba, đổi mới hệ thống chính trị từ chế độ tập trung quan liêu, với phương thức quản lý hành chính mệnh lệnh sang dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với tôn trọng luật pháp, kỷ cương xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới trong lĩnh vực này đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ những lực cản đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội sản sinh ra những nhân tố mới, động lực mới thúc đẩy công cuộc đổi mới ở Việt Nam giành được nhiều thành quả.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam bao gồm ba bộ phận cấu thành: Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Nói đổi mới hệ thống chính trị, thực chất là đổi mới tổ chức, cán bộ và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị đó.

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo; giữ vững truyền thống đoàn kết trong Đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ bè phái.

- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Nhà nước thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, định ra pháp luật, tổ chức quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, kế hoạch và các chính sách cụ thể. Nhà nước có mối quan

hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân. Nhờ vậy đã lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Nhờ vậy đã có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và chống lại tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của nhân dân.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Các đoàn thể nhân dân, tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vừa vận động các hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực, vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho các hội viên, đồng thời tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Điều đáng chú ý là ở Việt Nam khi nói tới hệ thống chính trị thì không những nói tới vai trò, chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các thành viên trong hệ thống chính trị mà còn xác định cả mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa các thành viên ấy trong cơ chế vận hành của cả hệ thống như một chỉnh thể thống nhất. Cơ chế tổng thể ấy ở Việt Nam thường được diễn đạt một cách vắn tắt là cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Thành tựu đạt được trong việc thực hiện đổi mới hệ thống chính trị là đáng kể. Đổi mới đã tạo ra bầu không khí dân chủ và cởi mở trong xã hội, đã thiết lập được các cơ chế và chính sách để thực hiện quyền dân chủ của nhân dân. Tất cả những điều vừa trình bày trên đây đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Thành tựu này được các nước trong khu vực cũng như các đối tác có quan hệ với Việt Nam thừa nhận và xem đây là một thuận lợi trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Bước vào thiên niên kỷ mới, thế giới có nhiều biến động phức tạp, khoa học - công nghệ có những bước tiến kỳ diệu. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, nếu không có sự hợp tác đa phương như: bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo, chống khủng bố, chống tội phạm quốc tế...

Tình hình trên đang tạo ra cả cơ hội lớn và thách thức lớn đối với Việt Nam cũng như các nước đang phát triển khác. Môi trường hòa bình, hợp tác, liên kết quốc tế và các xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực như nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đồng thời, Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức như nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong 3 năm qua (2001-2003) mới đạt 7,1% trong khi kế hoạch đề ra phải đạt 7,55%. Tốc độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Nhìn chung, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ. Rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng. Nạn buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội.

Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Chất lượng giáo dục đào tạo thấp so với yêu cầu. Môi trường đô thị nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đối với sự phát triển đất nước.

Đó là những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết và trên thực tế đang được giải quyết. Trước hết, Việt Nam đã ban hành chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) với mục tiêu tổng quát là đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Mục tiêu cụ thể của chiến lược là đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của cả nền kinh tế. Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 16-17%, công nghiệp 40-41%, dịch vụ 42-43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

Nâng đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam. Tốc độ tăng dân số đến năm 2010 còn khoảng 1,1%. Xóa hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo. Giải quyết việc làm của cả thành thị và nông thôn (thất nghiệp ở thành thị dưới 5%), nâng tỷ lệ người lao động được đào tạo lên khoảng 40%. Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước; tăng tuổi thọ trung bình lên 71 tuổi.

Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trên tiến trình tiếp tục đổi mới phải coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết. Muốn vậy, phải tạo động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn lực, gắn kết việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp hữu cơ giữa tăng trưởng kinh tế – xã hội với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng an ninh. Chắc chắn Việt Nam sẽ tận dụng được thuận lợi, thời cơ, vượt qua được khó khăn, thách thức, tiếp tục giành được nhiều thắng lợi mới vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bản sao lưu trữ

KẾT HỢP ĐỔI MỚI KINH TẾ VỚI ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ MỘT THÀNH CÔNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

GS, TS TRỊNH NHƯ*

Công cuộc đổi mới đó Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo diễn ra qua hai chặng đường, từ đổi mới từng phần trong lĩnh vực kinh tế, được bắt đầu từ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (Khoá IV), tháng 8-1979, đến đổi mới toàn diện do Đại hội Đảng lần thứ IV (tháng 12-1986) quyết định. Đó là quá trình tìm tòi, thử nghiệm, chọn lọc và đúc kết về lý luận và thực tiễn của các cấp bộ đảng của nhân dân để hình thành đường lối, chủ trương và biện pháp thực hiện. Nếu tính từ bước khởi động hay tín hiệu đầu tiên của công cuộc đổi mới diễn ra từ 1979 đến nay, 20 năm đã trôi qua, trong đó hơn 10 năm đổi mới toàn diện giữ vai trò quan trọng nhất. Thực tiễn cách mạng của chặng đường lịch sử đó với biết bao biến động phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế, đặc biệt là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là Liên Xô, đã cho phép đánh giá khách quan và khoa học những giá trị lý luận, thực tiễn, đúc kết những kinh nghiệm quý báu của công cuộc đổi mới.

Tổng kết 10 năm tiến hành đổi mới toàn diện, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã rút ra sáu kinh nghiệm chủ yếu, trong đó có kinh nghiệm: "kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị¹. Để làm sáng tỏ thêm ý nghĩa và giá trị của kinh nghiệm trên, bài viết này sẽ trình bày những hoạt động chủ yếu của Đảng trong tiến trình kết hợp giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, hiệu quả của sự kết hợp đó được thể hiện trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội.

I- Từ đổi mới từng phần về kinh tế đến kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị trong công cuộc đổi mới toàn diện.

Để tiến tới công cuộc đổi mới toàn diện, Đảng ta đã tiến hành đổi mới từng phần về kinh tế, trước hết là đổi mới cơ chế, chính sách trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Điều đó xuất phát từ việc giải quyết những yêu cầu cấp thiết của đời sống kinh tế - xã hội ở thời điểm cuối thập niên 70 đầu thập niên 80. Hội nghị Trung ương 6 (Khoá IV) tháng 8-1979 đã đề ra nhiều chủ trương quan trọng về kinh tế nhằm tháo gỡ những khó khăn của

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb CTQG, H. 1996, tr.71

một nền kinh tế nặng nề, như Hội nghị đã nhận định: sản xuất phát triển chậm, năng suất thấp, đời sống thiếu thốn, nhất là đời sống những người ăn lương ở thành thị, các khu công nghiệp và những nơi có thiên tai. Trong lúc đó, một điều đặc biệt đáng quan tâm là người lao động thiếu háng hái sản xuất, bọn làm ăn bất chính và phi pháp vẫn ngang nhiên hoạt động.

Hội nghị cho rằng, nguyên nhân của tình hình khó khăn về kinh tế là do việc xây dựng kế hoạch kinh tế thiếu căn cứ khoa học, chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa với sử dụng thị trường, chưa chú ý tăng kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và chưa sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, có những biểu hiện nóng vội, giản đơn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Hội nghị đã quyết định những chủ trương và giải pháp mới, mạnh dạn và sáng tạo, sát hợp với yêu cầu cấp bách của đời sống kinh tế, nhằm làm cho sản xuất “bung ra”.

Trước hết, Hội nghị xác định phải coi nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng và cấp bách đó, cần ban hành những chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp như: ổn định mức bán lương thực theo nghĩa vụ; tận dụng diện tích canh tác; bỏ cách phân phối theo định suất; điều chỉnh qui mô hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hợp tác xã lớn thành nhiều hợp tác xã nhỏ. Đối với các xí nghiệp, cần bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ tài chính. Việc xây dựng kế hoạch phải tính đến yếu tố thị trường, và sự tồn tại của thị trường tự do là tất yếu; phải quản lý thị trường bằng các biện pháp kinh tế. Về thành phần kinh tế, trong công nghiệp vẫn tồn tại 5 thành phần: quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể, lao động cá thể và tư bản tư nhân, cần có chính sách đúng đắn đối với từng thành phần kinh tế. Hội nghị cũng quyết định chủ trương mới về lưu thông, phân phối, trong đó nhấn mạnh: lưu thông phân phối phải nhằm thúc đẩy sản xuất theo hướng kết hợp 3 lợi ích: cá nhân, tập thể và xã hội.

Đổi mới tư duy được thể hiện trong những quyết định quan trọng của Hội nghị Trung ương 6. Tuy chưa đề cập toàn diện đến mô hình chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhưng về cơ bản những quyết định đó đã gợi mở phương hướng đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế. Đi theo hướng đó, từ Trung ương tới các Đảng bộ cơ sở đã tìm tòi và thực hiện nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, ách tắc về sản xuất và phân phối lưu thông, được thể hiện tập trung ở những quyết sách sau đây:

Nửa sau năm 1979, Chính phủ đã ban hành quyết định khuyến khích nông dân khai hoang, phục hoá, xoá bỏ các trạm kiểm soát cấm chợ, ngăn sông, người sản xuất có quyền trao đổi sản phẩm ngoài thị trường không phải nộp thuế sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ cho Nhà nước. Nhờ các chính sách trên, nông dân đã háng hái sản xuất, sản lượng lương thực năm 1979 cao hơn năm 1978 tới 1.718.000 tấn. Đối với sản xuất hàng tiêu dùng, nhiều địa phương đã áp dụng những biện pháp khuyến khích phát triển.

Ngày 23-6-1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 26 về phân phối lưu thông và cơ chế quản lý kinh tế, trong đó có xác định phải xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, kết hợp kế hoạch với thị trường và phải sửa đổi hệ thống giá cho phù hợp với qui luật cung cầu. Sau một thời gian thử nghiệm tại nhiều địa phương, ngày 13-1-1981, Ban bí thư đã ban hành Chỉ thị 100 về khán sản phẩm đến nhóm và người lao động, ghi nhận một mốc đổi mới quan trọng cơ chế quản lý hợp tác xã. Trong công nghiệp, Quyết định 25-CP của Chính phủ, tháng 1-1981, nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và quyền tự chủ tài chính của các xí nghiệp quốc doanh, cũng thể hiện việc quán triệt tinh thần đổi mới tư duy kinh tế trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6.

Đại hội Đảng lần thứ V (3-1982) đã phân tích, đánh giá những khó khăn to lớn về kinh tế - xã hội của đất nước; phê phán tư tưởng nóng vội, bảo thủ, xác định nước ta vẫn đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong cơ cấu kinh tế... Song Đại hội V chưa tìm ra những nguyên nhân chủ quan trong lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý nền kinh tế của đất nước. Cho nên chưa đưa ra được những quyết định đáp ứng yêu cầu giải phóng sức sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân.

Phương hướng đổi mới kinh tế tuy gặp sự cản trở của những quan niệm bảo thủ đã được định hình trong cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, nhưng vẫn tiếp tục tiến triển. Hội nghị Trung ương 8 (Khoá V), tháng 6-1985, bàn về những giải pháp cho vấn đề giá, lương tiền, đã chủ trương dứt khoát xoá bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, Hội nghị quyết định những chủ trương cụ thể về giá, lương, tiền: tính đủ chi phí trong giá thành sản phẩm; tiền lương thực tế bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng lương, xoá bỏ cung cấp hiện vật với giá thấp, trả lương bằng tiền có hàng hoá bảo đảm; các tổ chức kinh tế phải chịu trách nhiệm về lỗ lãi; chuyển ngân hàng sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ VI, Bộ Chính trị đã đưa ra những kết luận quan trọng về quan điểm kinh tế, bao gồm các vấn đề cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và các cơ chế quản lý. Bộ Chính trị chủ trương điều chỉnh lớn cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư theo hướng thực sự lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, phát triển công nghiệp nhẹ bao gồm sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản thực phẩm, tạo nguồn hàng xuất khẩu. Từ đó xác lập và thực hiện ba chương trình kinh tế: sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, cần khắc phục khuyết điểm nóng vội và phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những hình thức và bước đi thích hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ở từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Với trình độ phát triển của nền kinh tế nước ta, cần lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp qua nhiều nấc trung gian quá độ. Về cơ chế quản lý kinh tế, Bộ Chính trị kết luận: đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá - tiền tệ. Các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất, mức thu nhập của người

lao động phải căn cứ vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Phải phân biệt chức năng quản lý hành chính - kinh tế của Nhà nước chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế. Bộ Chính trị còn đề ra nhiều biện pháp cụ thể để thực hiện cơ chế mới.

Các kết luận trên đã soi tỏ nhiều vấn đề quan trọng, cơ bản ở tầm vĩ mô, biện pháp và bước đi của quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại chặng đường tìm tòi theo hướng đổi mới tư duy kinh tế từ Hội nghị Trung ương 6 (Khoá IV) đến kết luận của Bộ Chính trị về một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế, có thể thấy rằng, đổi mới từng phần về kinh tế đã diễn ra dưới ánh sáng của tư duy mới, đồng thời cũng là quá trình đấu tranh khắc phục những nhận thức không đúng về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được hoạch định và thực thi trong giai đoạn này không chỉ là thành quả của sự đổi mới tư duy kinh tế mà đã chứa đựng nhiều nhân tố của đổi mới tư duy chính trị, được thể hiện ở nhận thức về thời kỳ quá độ, về mô hình kinh tế của thời kỳ đó, về phát huy dân chủ trong hoạt động kinh tế.

Đến Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986), công cuộc đổi mới toàn diện với sự kết hợp đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị được Đảng khởi xướng và đưa vào cuộc sống. Sự kiện đó đánh dấu một bước ngoặt cơ bản trên con đường đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện ở đường lối đối nội và đối ngoại do Đảng hoạch định dựa trên nền tảng của sự đổi mới tư duy chính trị. Ở một tầm rộng lớn hơn, Đại hội VI của Đảng đã ghi nhận sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội VI đã cụ thể hoá các quan điểm mới về cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, về công nghiệp hoá sát hợp với tình hình của đất nước và cải tạo xã hội chủ nghĩa theo các hình thức, bước đi phù hợp với quy luật về mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất với tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất; thừa nhận sự tồn tại khách quan của kinh tế hàng hoá và thị trường. Những mục tiêu kinh tế - xã hội của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đã bao hàm những nhân tố kinh tế, xã hội, phát huy dân chủ, củng cố quốc phòng, an ninh nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, xây dựng những tiền đề cần thiết cho công nghiệp.

Đại hội nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân mà khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là sự cụ thể hoá có giá trị thực tiễn cao. Đồng thời, Đại hội nêu cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, vai trò lãnh đạo của Đảng. Để tăng cường sức chiến đấu, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng, Đại hội chủ trương phải tiến hành đổi mới Đảng về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Như vậy, xem xét tổng thể, Đại hội VI với tư duy đổi mới đã tổng kết quá trình xây dựng đất nước, khẳng định những thành tựu đã đạt được và nghiêm khắc chỉ ra tính chất nghiêm trọng của tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nguyên nhân của tình trạng đó là do những sai lầm về chủ trương, chính sách

lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước, trong đó những khuyết điểm của công tác tư tưởng và công tác tổ chức cán bộ là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Và cũng xuất phát từ tư duy mới, Đại hội đã đề ra những chủ trương và giải pháp đúng đắn, mở đường cho công cuộc đổi mới toàn diện, kết hợp chặt chẽ và biện chứng giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

II. Tiếp tục đổi mới toàn diện, tập trung giải quyết những khó khăn, ách tắc về kinh tế, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, đổi mới hệ thống chính trị và đường lối đối ngoại

Khi đường lối đổi mới toàn diện của Đảng được triển khai cũng là xuất hiện nhiều khó khăn chồng chất, đòi hỏi Đảng phải giải quyết kịp thời và hiệu quả. Quán triệt và cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VI, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo tháo gỡ những rối ren về phân phối, lưu thông nhằm phát triển kinh tế và ổn định đời sống của nhân dân. Ngay sau Đại hội VI, vào năm 1987, đã liên tiếp diễn ra các Hội nghị Trung ương 2 (tháng 4-1987), Hội nghị Trung ương 3 (tháng 8-1987 bàn về những giải pháp cho vấn đề phân phối, lưu thông. Ban Chấp hành Trung ương xác định: phân phối lưu thông là mặt trận nóng bỏng và đặt mục tiêu giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động theo hướng xoá bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp, nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, phát huy tính tích cực của các thành phần kinh tế khác, mở rộng giao lưu hàng hoá, giải phóng sức sản xuất. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra những quy định mới về giá, về lưu thông; chính sách và biện pháp giải quyết tiền lương, đời sống của công nhân, viên chức là lực lượng vũ trang; chính sách và biện pháp tăng thu, hạn chế bội chi ngân sách, giảm tốc độ lạm phát: thực hiện chính sách thu mua nông sản của nông dân theo giá thoả thuận đã ban hành từ trước; phấn đấu thực hiện cơ chế một giá, thực hiện chế độ lương thống nhất trong cả nước.

Tiếp đó, Bộ Chính trị còn đề ra các biện pháp cấp bách chống lạm phát; thu mua và cung cấp lương thực, một nguồn hàng tác động trực tiếp tới sự biến động giá cả; thu hút vốn trong dân, thi hành chính sách một giá; quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hoá.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, để tháo gỡ những khó khăn mà “khoán 100” không thể giải quyết được, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 10 (4-5-1988) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, trong đó đề cập nhiệm vụ sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế. Theo tinh thần đó, cơ chế quản lý hợp tác xã được đổi mới trên cơ sở điều chỉnh quan hệ sở hữu (giao ruộng khoán ổn định cho xã viên trong 15 năm, chuyển nhượng tài sản cố định mà hợp tác xã quản lý kém hiệu quả cho xã viên), quan hệ phân phối sản phẩm (bỏ phân phối theo công điểm) và quan hệ quản lý (khoán cho hộ xã viên, hộ là đơn vị tự chủ trong sản xuất, hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản). Chủ trương trên là sự điều chỉnh lớn hiệu quả sản xuất, phù hợp với nguyện vọng của nông dân.

Nhằm cụ thể hoá quan điểm của Đại hội VI về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 16 (17-5-1988) về đổi mới chính sách cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Nghị quyết xác định các thành phần kinh tế đó tồn tại lâu dài; áp dụng các nguyên tắc quản lý dân chủ công bằng, bình đẳng và tự quản; được sử dụng rộng rãi theo yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước.

Với hoạt động của các cấp bộ Đảng, Nhà nước và nhân dân theo phương hướng, nhiệm vụ và các biện pháp đổi mới do Đảng đề ra, tình hình kinh tế - xã hội từ nửa sau năm 1988 đã có nhiều chuyển biến tích cực, lạm phát đã bị kiềm chế một bước, tạo đà cho bước tiến quan trọng của năm 1989 (năm đầu tiên nước ta không những giải quyết được nạn thiếu lương thực mà còn xuất khẩu gạo) và những năm sau.

Trong tiến trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế theo đường lối đổi mới, nhiều vấn đề về xây dựng Đảng đã phát sinh, đòi hỏi phải kịp thời giải quyết. Hội nghị Trung ương 5 (Khoá VI) đã quyết định *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng*. Những vấn đề cấp bách đó là đổi mới tư duy, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo là phương pháp công tác, nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo chính trị của cán bộ, đảng viên, mở rộng dân chủ, đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng, tăng cường mối liên hệ của Đảng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm nhiệm vụ mới.

Trong quan hệ đối ngoại, Đảng ta đã chủ động đề xuất và thực hiện nhiều giải pháp cho những vấn đề phức tạp nhất để phá vỡ sự bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch như vấn đề Campuchia, quan hệ Việt - Trung, Việt - Mỹ, Việt Nam - ASEAN. Trong đó, vấn đề Campuchia là nổi bật nhất, do kẻ thù bóp méo, xuyên tạc thiện chí của Việt Nam giúp đỡ cách mạng Campuchia để chống Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta chủ trương tiến hành rút hết quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia vào tháng 8-1989, sớm hơn 1 năm theo kế hoạch; đồng thời thể hiện thiện chí của Việt Nam bằng những hoạt động cụ thể để bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, Việt - Mỹ và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi vì hoà bình và phát triển. Do vậy, tháng 11-1991 quan hệ giữa hai Đảng và hai nước Việt - Trung đã được bình thường hoá; tháng 2-1994, Chính phủ Mỹ xoá bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam và tháng 7-1995, Việt Nam và Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao.

Trong lúc công cuộc đổi mới ở nước ta đang được triển khai và thu được thành tựu bước đầu, thì ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng, tan vỡ và sụp đổ. Biến động nghiệt ngã và bất ngờ đó tác động trực tiếp, nhiều mặt đối với cách mạng Việt Nam. Trong tình hình đó, Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) đã xác định 5 nguyên tắc cơ bản chỉ đạo toàn bộ quá trình đổi mới theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa: Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, xây dựng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng ta và nhân dân ta; chủ nghĩa Mác - Lênin (Đại hội VII của Đảng bổ sung "tư tưởng Hồ Chí Minh") là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo

toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; đổi mới tổ chức và phương pháp hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà thực chất là phát huy quyền làm chủ, của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong bối cảnh lịch sử mới.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 7 (Khoá VI) tháng 8-1980 đã đánh giá thực trạng tình hình cải cách, cải tổ ở các nước Đông Âu và Liên Xô, phân tích sai lầm của nhiều đảng và hoạt động phá hoại chủ nghĩa đế quốc - những nhân tố đưa đến khủng hoảng chính trị tại các nước đó. Hội nghị nhận định tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, khẳng định tính tất yếu khách quan của quá trình đổi mới, cải tổ, cải cách; chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ bị diệt vong, cần nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch; cần giáo dục đảng viên và nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng. Hội nghị xác định rõ: Chế độ chính trị của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động.

Theo dõi diễn biến khủng hoảng chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) đã phân tích, đánh giá nguyên nhân của sự khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng của chủ nghĩa xã hội, tác động của nó đối với Việt Nam, và khẳng định: Đảng phải tích cực đổi mới, nâng cao trình độ lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Đảng phải luôn nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn đất nước, có tinh thần độc lập, tự chủ, có quan điểm, phương pháp và bước đi đúng trong công cuộc đổi mới toàn diện mà mấu chốt là giữ vững ổn định chính trị.

Với lập trường kiên định và hoạt động thực tiễn của Đảng, trong bước sóng gió đó ổn định chính trị đã được giữ vững và điều đó tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế. Tiến thêm những bước mới trong lĩnh vực đổi mới chính trị, Đảng ta vừa tự đổi mới và chỉnh đốn Đảng vừa thúc đẩy sự đổi mới hệ thống chính trị nói chung và cải cách bộ máy nhà nước nói riêng. Đại hội VII (6-1991) xây dựng bảy biện pháp cơ bản xây dựng và bảo vệ đất nước, trong đó xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa là biện pháp hành đầu. Tư tưởng đó được phát triển thành các nội dung, nguyên tắc; biện pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Trên lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, hành loạt bộ luật, sắc lệnh được ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội, quan hệ kinh tế, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, mở rộng quan hệ quốc tế giữa nước ta với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực, góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội và chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Kinh nghiệm thành công của sự kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị được Đại hội VIII khẳng định và tiếp tục thực hiện để phát triển kinh tế và

giữ vững ổn định chính trị, mở rộng quan hệ đối ngoại theo các phương hướng và nguyên tắc đã được xác định.

Kinh nghiệm quý báu đó bắt nguồn từ nhận thức lý luận và tổng kết thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta và xem xét sự thành, bại của quá trình, cải tổ được tiến hành tại nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Điều quan trọng nhất là Đảng ta đã xác định đúng vị trí và tầm quan trọng của vấn đề đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, mối quan hệ biện chứng giữa các lĩnh vực đó, qui trình thực hiện theo những nguyên tắc bảo đảm cho công cuộc đổi mới được tiến hành đúng hướng.

Nếu đổi mới kinh tế được khởi phát và là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới, thì sự đổi mới đó cũng đã sớm gắn kết với đổi mới tư duy chính trị được biểu hiện ở những quan niệm mới về thời kỳ quá độ và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Rõ ràng là những quan niệm cũ về chủ nghĩa xã hội đã dẫn tới sự hình thành các cơ chế chính sách và quan hệ sản xuất kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Công cuộc đổi mới kinh tế bắt đầu từ chỗ thay đổi những cơ chế cũ, áp dụng những cơ chế quản lý mới, đổi mới quan niệm và hương hướng cải tạo xã hội chủ nghĩa, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác các tiềm năng lao động, tiền vốn, đất đai; thừa nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu cùng tồn tại, đan xen lẫn nhau, hoạt động trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là những yếu tố quan trọng của sự đổi mới tư duy chính trị. Theo đó, quá trình đổi mới đã được phát triển từ đổi mới từng phần đến đổi mới toàn diện, bảo đảm cho công cuộc đổi mới dù diễn ra trong những điều kiện điều kiện vô cùng khó khăn, nhưng vẫn tiến triển vững chắc.

Đổi mới kinh tế ở Việt Nam còn bao hàm trong đó nội dung dân chủ hoạt động của các thành phần kinh tế. Đảng và Nhà nước tôn trọng sự bình đẳng của các thành phần kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho nó cùng phát triển.

Sự đổi mới bộ máy, cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị và việc tăng cường xây dựng luật pháp cũng hướng về một trong những nhiệm vụ quan trọng là phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân. Hoạt động đối ngoại theo phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá cũng góp phần quan trọng tạo ra môi trường hoà bình, xây dựng quan hệ hợp tác bình đẳng cùng có lợi giữa nước ta và các nước, các khu vực và tổ chức quốc tế, trên cơ sở đó, mở rộng thị trường, khai thác nguồn vốn và công nghệ tiến tiến phục vụ phát triển kinh tế.

Dân chủ hoá hoạt động mở đường cho các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ mang lại những thành tựu kinh tế mà chính điều đó đã củng cố niềm tin, sự hưởng ứng của nhân dân đối với công cuộc đổi mới; tăng cường mối què hương máu thịt giữa dân và Đảng, giữa dân và Nhà nước, tạo lập cơ sở vững chắc cho sự ổn định chính trị.

Xem xét một cách tổng quát chặng đường đổi mới đã qua, có thể thấy rằng, Đảng ta đã giải quyết thành công mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế đổi mới chính trị.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN - MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

GS ĐẶNG XUÂN KỲ

I. TỪ KINH TẾ KẾ HOẠCH HÓA TẬP TRUNG, BAO CẤP CHUYỂN SANG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trước kia, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều cho rằng kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp là mô hình kinh tế chung, đặc trưng cho xã hội chủ nghĩa. Mô hình đó đối lập hoàn toàn với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, một nền kinh tế phục vụ cho tư bản bóc lột lao động, duy trì vĩnh viễn chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp chỉ có hai thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là những thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra đều là những thành phần phi xã hội chủ nghĩa. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là quá trình xây dựng và phát triển các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng, hạn chế, cải tạo để đi đến xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Nói chung là phải xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa như Mác và Ăngghen đã viết trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, xóa bỏ giai cấp tư sản với tính cách là giai cấp bóc lột cuối cùng trong lịch sử phát triển của nhân loại, kể cả những mầm mống sản sinh ra giai cấp tư sản. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp đã được xây dựng ở Liên Xô từ sau khi Lênin mất. Sau đại chiến thế giới lần thứ II, mô hình này đã được áp dụng ở tất cả các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, dù xuất phát từ những trình độ phát triển rất khác nhau, trong những điều kiện lịch sử cụ thể rất khác nhau. Nếu làm khác đi thì đều bị lên án là xét lại chủ nghĩa Mác - Lênin, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Thời kỳ quá độ ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đã được bắt đầu bằng việc cải tạo triệt để đối với thành phần kinh tế tư bản tư nhân, với hình thức công tư hợp doanh được thực hiện một cách cưỡng bức. Còn đối với các thành phần sản xuất nhỏ như nông dân cá thể, thợ thủ công, những người làm ăn buôn bán nhỏ "hàng ngày hàng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản" cũng phải cải tạo bằng con đường tập thể hóa với các hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã được thực hiện một cách gò ép. Chính vì vậy, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước đi vào thời kỳ quá độ đã được hoàn thành về cơ bản chỉ trong một thời gian dăm ba năm.

Sau khi thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa đều có tốc độ tăng trưởng khá cao. Điều ấy càng làm cho nhiều người tin rằng, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa có thể không khó khăn, không phải kéo dài như Lênin đã dự đoán trước kia. Có thể chỉ cần vài ba kế hoạch 5 năm là cơ bản hoàn thành được những nhiệm vụ đề ra cho thời kỳ quá độ để bước sang một giai đoạn mới: Xây dựng và phát triển xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị - tinh thần của chính nó.

Nhưng thực tiễn đã không diễn ra như vậy. Nếu nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp với hai thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể đã có ý nghĩa tích cực, tạo ra sự tăng trưởng kinh tế trong thời gian đầu của thời kỳ quá độ và đặc biệt có ý nghĩa to lớn trong việc huy động lực lượng của cả nước để đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược, thì khi bước vào thời kỳ xây dựng hòa bình, nền kinh tế đó đã tỏ ra không còn phù hợp. Duy trì quá lâu nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp đã làm triệt tiêu các động lực phát triển, làm cho nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng suy thoái và lâm vào khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng. Tình hình này buộc các nước xã hội chủ nghĩa phải tiến hành cải tổ, cải cách hay đổi mới để chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Sự chuyển đổi ấy thực sự có ý nghĩa một cuộc cách mạng, bởi vì nó đòi hỏi phải nhận thức lại một cách cơ bản những vấn đề kinh tế rất cơ bản. Nó đòi hỏi phải quán triệt phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ bỏ bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, phải xuất phát từ thực tiễn để rút ra những kết luận mới, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết thành công những nhiệm vụ mới đang đặt ra cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước. Trước hết, mỗi nước phải thoát ra khỏi khủng hoảng từ đó tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chấp nhận kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tư nhân là vấn đề hoàn toàn mới, khác hẳn những quan điểm truyền thống đã từng phổ biến trong các nước xã hội chủ nghĩa suốt mấy chục năm qua. Trước kia chúng ta đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản. Giờ đây chúng ta thừa nhận kinh tế thị trường là nền kinh tế có hiệu quả nhất trong lịch sử phát triển của nhân loại từ trước đến nay, là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường và cơ chế này được sử dụng không riêng trong chủ nghĩa tư bản mà cả trong chủ nghĩa xã hội. Chỉ có mục tiêu là khác nhau: một bên phục vụ cho việc củng cố chế độ tư bản chủ nghĩa, một bên phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đã có nhiều ý kiến cho rằng chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó có thành phần kinh tế tư bản tư nhân là chủ trương quay về với quan điểm của Lênin về Chính sách kinh tế mới (NEP). Điều đó chỉ đúng một phần. Đúng với quan điểm của Lênin khi chúng ta đối chiếu với 5 thành phần kinh tế đã được Lênin nêu ra trong Chính sách kinh tế mới. Không đúng vì Lênin không quan niệm chính sách này là lâu dài, mà chỉ là một bước lùi tạm

thời của nước Nga Xôviết trong năm 1921, khi cuộc khủng hoảng đã ở vào tình trạng nguy kịch. Sau hơn một năm thực hiện Chính sách kinh tế mới, Lênin đã cho rằng bước lùi như thế là đủ, tiếp đó lại phải tiến lên phía trước. Còn chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở các nước xã hội chủ nghĩa khi bước vào cải tổ, cải cách hay đổi mới lại là chủ trương có tính chiến lược lâu dài, ít nhất là trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề có tính nguyên tắc được đặt ra là chuyển đổi không phải để biến nền kinh tế của đất nước trở thành nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, biến chế độ xã hội chủ nghĩa thành chế độ tư bản chủ nghĩa. Khó khăn phức tạp cũng chính là ở chỗ đó.

Thực tiễn cải tổ, cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX trở đi đã diễn ra theo hai chiều hướng: một chiều hướng từ bỏ nguyên tắc, làm cho khủng hoảng càng trầm trọng, từ đó sự phản bội của một số lãnh đạo ở bên trong cộng với sự chống phá từ bên ngoài đã làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa; chiều hướng thứ hai kiên trì nguyên tắc, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa, tìm ra con đường mới giành thắng lợi ngày càng nhiều cho chủ nghĩa xã hội.

Chiều hướng thứ nhất đã diễn ra ở Liên Xô và Đông Âu trong những năm 80 và kết thúc bằng sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa từ 1989 đến 1991. Chiều hướng thứ hai đã diễn ra ở Trung Quốc từ năm 1979 và ở Việt Nam từ năm 1986. Vài ba năm gần đây, Cuba mới tiến hành cải cách từng phần, còn Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên mới bắt đầu cải cách từ tháng 7 - 2002. Chúng ta chưa có đủ thông tin, vì vậy cũng chưa thể nói gì nhiều về hai nước này.

Việc chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường ở Trung Quốc và Việt Nam nếu xét trên đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản lãnh đạo và từ thực tiễn cải cách, đổi mới ở mỗi nước, chúng ta thấy có điểm chung là nền kinh tế thị trường được xây dựng đều nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng điểm khác là ở chỗ, Việt Nam mới xác định kinh tế thị trường là cần thiết, là tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vì vậy nêu ra khái niệm *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*; còn Trung Quốc thì cho rằng đó là nền kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa sau khi đã kết thúc thời kỳ quá độ, vì vậy đã nêu ra khái niệm *kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*. Những quan điểm trên sẽ được thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểm nghiệm trong những thập niên tới.

II. VỀ NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA NHIỀU THÀNH PHẦN HAY KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Từ cuối năm 1954, sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Đảng ta chủ trương phải tiến hành khôi phục kinh tế, củng cố chế độ dân chủ nhân dân, từ đó chuẩn bị điều kiện để đưa miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế cần phải xây dựng lúc đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều

thành phần. Chủ trương đó đã được nêu rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa II (tháng 3 - 1955): “Phát triển sản xuất, làm cho kinh tế dồi dào, công và tư đều được chiếu cố, lao động và tư bản đều có lợi, thành thị và thôn quê giúp đỡ lẫn nhau, mở rộng trao đổi giữa trong và ngoài nước”, “tăng cường một cách vững chắc bộ phận kinh tế quốc doanh và chăm lo xây dựng dần dần bộ phận kinh tế hợp tác xã,... hướng dẫn, giúp đỡ công việc làm ăn buôn bán của các tầng lớp tiểu tư sản và công cuộc kinh doanh của tư sản dân tộc. Tư sản ngoại quốc cũng cần được chiếu cố một cách thích đáng”. Chủ trương này lại được khẳng định ở Hội nghị Trung ương 8 (tháng 8 - 1955) khi xác định kế hoạch 2 năm khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội để “củng cố miền Bắc và tranh thủ miền Nam, đẩy mạnh cuộc đấu tranh hòa bình thống nhất đất nước”.

Như vậy là vấn đề kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong đó có kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân được đặt ra vẫn trong *khuôn khổ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân* với tính chất là giai đoạn quá độ để chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở đây cũng thể hiện quan điểm của Đảng ta về sự đan xen giữa hai giai đoạn cách mạng: cuối giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã chuẩn bị cho việc ra đời những tổ chức kinh tế, những thành phần kinh tế của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa như kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

Tuy nhiên, chủ trương đó chỉ được thực hiện trong một thời gian rất ngắn. Đến cuối năm 1955, Bộ Chính trị đã xác định lại là miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ cuối năm 1954, sau khi đã được hoàn toàn giải phóng. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 9 (tháng 3 - 1956) đã nhất trí với chủ trương này; từ đó chuẩn bị tích cực cho việc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách toàn diện. Tháng 11 - 1958, Hội nghị Trung ương 14 (khóa II) chính thức công bố chủ trương *cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh trong ba năm 1958 - 1960*. Tháng 4 - 1959, Hội nghị Trung ương 16 (khóa II) lại nhấn mạnh: “Chúng ta phải làm cho mọi người thấy rõ sự cần thiết cấp bách *cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh*, thấy rõ những việc phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc *không dung thứ sự tồn tại của kinh doanh tư bản chủ nghĩa*”.

Như vậy là ở miền Bắc, việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đồng thời với tiến hành cải tạo nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ bằng con đường tập thể hóa về cơ bản được coi là đã kết thúc vào cuối năm 1960. Hầu hết các doanh nghiệp công thương nghiệp tư bản tư doanh đã trở thành các doanh nghiệp công tư hợp doanh, còn nông dân và những người lao động tiểu thủ công, buôn bán nhỏ đều được đưa vào các tổ hợp tác và hợp tác xã, từ hợp tác xã bậc thấp đến hợp tác xã bậc cao. Cơ sở kinh tế - xã hội ở miền Bắc nước ta đã hoàn toàn thay đổi: từ một xã hội có nhiều thành phần kinh tế trở thành một xã hội chỉ còn hai thành phần chủ yếu là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; từ một xã hội có nhiều giai tầng trong đó có giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột trở thành một xã hội chỉ còn hai giai cấp cơ bản là giai cấp công nhân và giai

cấp nông dân tập thể; một tầng lớp quan trọng là tầng lớp trí thức phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa; bên cạnh đó là những người lao động cá thể, sản xuất nhỏ đã được đưa vào con đường làm ăn tập thể; giai cấp tư sản dân tộc về cơ bản đã bị xóa bỏ với tính chất là một giai cấp. Nền kinh tế được xây dựng từ đó cho đến năm 1975 là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp giống như ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa được triển khai một cách khẩn trương. Chỉ trong hai năm 1977 - 1978, giai cấp tư sản đã bị xóa bỏ, đại bộ phận nông dân và những người sản xuất nhỏ được đưa vào con đường làm ăn tập thể giống như ở miền Bắc với các hình thức *tập đoàn sản xuất*. Nhưng cũng từ năm 1979, nền kinh tế nước ta rơi vào khủng hoảng và trong thời gian này, khủng hoảng cũng diễn ra ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Tình hình ấy buộc Đảng và nhân dân ta phải tìm tòi, thử nghiệm cách làm ăn mới, để từ năm 1986 thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, được thông qua tại Đại hội VI.

Từ đây, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp được chuyển sang nền *kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Đại hội VII)*; nói gọn lại đây là *nền kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội (Đại hội IX)*. Nếu trước kia chúng ta chỉ chấp nhận kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở trong chế độ dân chủ nhân dân thì đến đổi mới, quan điểm trên đã thay đổi. Xây dựng "*nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*".

Đến Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3 - 1989), quan điểm về kinh tế nhiều thành phần đã được phát triển thêm một bước - *từ đặc trưng đã trở thành một vấn đề có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên xã hội chủ nghĩa*: "Các hình thức kinh tế tư nhân - cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân vẫn cần thiết lâu dài cho nền kinh tế và nằm trong cơ cấu của nền kinh tế hàng hóa đi lên chủ nghĩa xã hội". "Chính sách kinh tế nhiều thành phần có *ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật* từ sản xuất nhỏ đi lên xã hội chủ nghĩa và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người được tự do làm ăn theo pháp luật". Nói đến quy luật, tính quy luật cũng có nghĩa là nói đến tính tất yếu, khách quan, nói đến bản chất của sự vật, đối tượng, quá trình; có phát hiện và làm theo qui luật, tính qui luật mới thúc đẩy được sự vận động và phát triển của sự vật, đối tượng, quá trình mà chúng ta đang tác động vào chúng. Những tổn thất do phủ định quá sớm nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta cũng như ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa suốt mấy chục năm trước kia đã chứng minh việc làm trái quy luật đã phải trả giá ra sao.

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN

Đại hội VI nêu ra 6 thành phần kinh tế, trong đó có hai thành phần: *thành phần kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa* (bao gồm thợ thủ công, nông dân cá thể,

những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể) và *thành phần kinh tế tư bản tư nhân* được hiểu là những thành phần kinh tế tư nhân. Tuy nhiên khái niệm chung kinh tế tư nhân chỉ chính thức được sử dụng từ Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (tháng 3 - 1989) như trên đã trình bày, trong đó có kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân lúc này được coi là *các hình thức của kinh tế tư nhân*. Đến Đại hội VII, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân được coi là *hai thành phần kinh tế* hợp thành kinh tế tư nhân.

Cũng phải thấy rằng, trong Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII chỉ nói đến *thành phần kinh tế cá thể*, còn trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội VII thì thành phần này được gọi là *thành phần kinh tế cá thể và tiểu chủ*. Từ đấy trở đi, tiểu chủ được gắn với cá thể thành một thành phần kinh tế. Quan điểm này đã được thể hiện trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là trong các văn kiện của Đại hội VIII, Đại hội IX và gần đây là của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (tháng 3 - 2002).

Như vậy, *kinh tế tư nhân* không phải là một thành phần kinh tế mà là một *khu vực kinh tế* gồm hai thành phần - thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Trước Đại hội IX, kinh tế tư bản tư nhân bao gồm cả kinh tế tư bản tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Từ Đại hội IX đến nay, nội hàm khái niệm kinh tế tư bản tư nhân được thu hẹp lại, chỉ bao gồm kinh tế tư bản tư nhân trong nước, còn kinh tế tư bản tư nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam được tách ra thành một thành phần kinh tế riêng: thành phần kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài.

Khái niệm *khu vực kinh tế* không phải là khái niệm mới. Nó đã được sử dụng ở tất cả các nước trên thế giới từ lâu. Ở nước ta, khái niệm này đã được nêu ra từ Đại hội VI khi Đảng ta nói về *khu vực kinh tế quốc doanh và khu vực kinh tế tập thể*. Nếu khái niệm khu vực kinh tế trước kia dùng để chỉ nhiều loại hình tổ chức kinh tế trong một thành phần kinh tế, thì bây giờ nội hàm của khái niệm khu vực kinh tế còn được mở rộng để chỉ nhiều thành phần kinh tế thuộc cùng một chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Hai thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân đều thuộc cùng một chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, vì vậy cùng thuộc về một khu vực kinh tế tư nhân, đương nhiên về quy mô sở hữu thì rất khác nhau. Khái niệm khu vực kinh tế đã thường xuyên được sử dụng trong Báo cáo hàng năm của Chính phủ trình Quốc hội, cũng như trong các kết quả thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê trong những năm gần đây.

Kinh tế tư nhân, đặc biệt là tư bản tư nhân hiện nay ở nước ta không phải là tàn dư của xã hội cũ để lại như thời kỳ tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1955 - 1960) cũng như ở miền Nam (1977 - 1978). Đây lại chính là *sản phẩm của đường lối đổi mới*, chúng ra đời và phát triển cùng với đổi mới, hiện thực hóa sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta. Chính điều này đã làm thay đổi nhiều nhận thức của chúng ta về thời kỳ quá độ, về các thành phần kinh tế, về kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân, về vấn đề bóc lột trong tiến trình xây dựng

chủ nghĩa xã hội, về sự cần thiết phải đổi mới các chính sách kinh tế nhằm phát triển các lực lượng sản xuất và xây dựng các quan hệ sản xuất phù hợp.

Một vấn đề cần phải làm rõ là năm 1986, khi Đảng ta xác định nền kinh tế nhiều thành phần thì lúc đó, các thành phần thuộc khu vực kinh tế tư nhân đang tồn tại hay sau đó mới xuất hiện? Thực tế cho chúng ta câu trả lời là các thành phần đó vừa đang tồn tại, vừa sẽ xuất hiện và phát triển khi Đảng ta đưa ra quan điểm mới về nền kinh tế nhiều thành phần và những chính sách khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế. Đường lối, chủ trương của Đảng bao giờ cũng phản ánh cái đang có và cái sẽ có. Cũng phải thấy rằng, có thành phần kinh tế cũng về hình thức đã bị xóa bỏ, nhưng trong thực tiễn vẫn tồn tại, ngược lại có thành phần kinh tế mới đã được xác định, nhưng mới chỉ có danh nghĩa, chứ chưa thực sự tồn tại trong thực tiễn. Điều này chứng minh một quan điểm mấu chốt: mọi sự biến đổi về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất chỉ có thể được thực hiện bằng các chủ trương phản ánh đúng các quy luật khách quan, chứ không phải bằng những sắc lệnh có tính chất chủ quan, duy ý chí. Sự phát triển các khu vực kinh tế tư nhân ở nước ta qua những năm đổi mới là một minh chứng rất rõ về vấn đề này.

Từ các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa IX (tháng 3 - 2002), chúng ta thấy quan điểm của Đảng ta về kinh tế tư nhân được tập trung ở một số điểm chủ yếu sau đây:

- Kinh tế tư nhân là *bộ phận cấu thành quan trọng* của nền kinh tế quốc dân - nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy cũng có nghĩa là nó không phải là bộ phận đối lập với chủ nghĩa xã hội, cần phải hạn chế, cải tạo và xóa bỏ; ngược lại cần khuyến khích, tạo điều kiện cho nó phát triển.

- Phát triển kinh tế tư nhân là *vấn đề chiến lược lâu dài* trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát triển kinh tế tư nhân không phải để biến nền kinh tế nước ta thành nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, mà là xây dựng cho được nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân phải là một lực lượng quan trọng đóng góp vào sự nghiệp to lớn này.

- Kinh tế tư nhân có quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, được bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các thành phần kinh tế khác; được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp, khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển theo pháp luật.

- Trong khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là trong kinh tế tư bản tư nhân, phải bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở pháp luật và tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Chăm

lo bồi dưỡng, giáo dục các chủ doanh nghiệp nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Kinh tế tư nhân phát triển theo phương hướng sau:

Kinh tế cá thể, tiểu chủ thường hoạt động dưới hình thức *hộ kinh doanh cá thể* (còn gọi là *hộ gia đình*), được Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển ở cả nông thôn và thành thị; khuyến khích các hộ liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Kinh tế tư bản tư nhân thường hoạt động dưới hình thức các *doanh nghiệp của tư nhân* (với 4 loại: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh); được Nhà nước tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý và tâm lý xã hội để phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, không hạn chế về quy mô (vốn đầu tư, số lao động sử dụng, doanh thu, lợi nhuận), nhất là trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp của tư nhân chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước, trở thành kinh tế tư bản nhà nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp đối với kinh tế tư nhân nói chung cũng như trong từng doanh nghiệp.

Những quan điểm của Đảng ta đối với kinh tế tư nhân như trên đã trình bày không phải được hình thành ngay một lúc. Những quan điểm ấy bước đầu được xác định từ Đại hội VI, qua thực tiễn đổi mới đã dần dần được điều chỉnh, bổ sung, phát triển. Sự phát triển ấy sẽ còn tiếp tục cùng với sự phát triển của thực tiễn đổi mới trong những năm tới.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010
(Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội
đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng)

Đại hội VII của Đảng quyết định Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000. Đại hội IX đánh giá việc thực hiện chiến lược đó và quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI - **Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.**

I. TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC VÀ BỐI CẢNH QUỐC TẾ

1. Đánh giá việc thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000

Chiến lược 10 năm 1991 - 2000 được thực hiện khi nền kinh tế đang có một số chuyển biến tích cực, nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan vỡ; Mỹ tiếp tục bao vây, cấm vận nước ta; các thế lực thù địch tìm cách chống phá ta về nhiều mặt; những năm cuối thập kỷ 90, nước ta lại chịu tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và bị thiệt hại lớn do thiên tai liên tiếp xảy ra trên nhiều vùng.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt, nhìn chung việc thực hiện Chiến lược 1991 - 2000 đã đạt được những *thành tựu to lớn và rất quan trọng*:

(1) Sau mấy chục năm đầu thực hiện Chiến lược, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sau 10 năm tăng hơn gấp đôi (2,07 lần). Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ mức không đáng kể, đến năm 2000 đã đạt 27% GDP. Từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng, nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế, tăng xuất khẩu và có dự trữ. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển nhanh. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp từ 38,7% giảm xuống 24,3%, công nghiệp và xây dựng từ 22,7% tăng lên 36,6%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 39,1%.

(2) Quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại một bước, thích nghi dần với cơ chế mới, hình thành những tổng công ty lớn trên nhiều lĩnh vực then chốt. Kinh tế tập thể có bước chuyển đổi và phát triển đa dạng theo phương thức mới. Kinh tế hộ phát huy tác dụng rất quan trọng trong nông nghiệp; kinh tế cá thể, tư nhân,

kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh. Cơ chế quản lý và phân phối có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, nước ta đã phát triển quan hệ kinh tế với hầu khắp các nước, gia nhập và có vai trò ngày càng tích cực trong nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, chủ động từng bước hội nhập có hiệu quả với kinh tế thế giới. Nhịp độ tăng kim ngạch xuất khẩu gần gấp ba nhịp độ tăng GDP. Thu hút được một khối lượng khá lớn vốn từ bên ngoài cùng nhiều công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

(4) Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên đáng kể. Đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước; bắt đầu phổ cập trung học cơ sở ở một số thành phố, tỉnh đồng bằng. Số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gấp 6 lần. Đào tạo nghề được mở rộng. Năng lực nghiên cứu khoa học được tăng cường, ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến. Các hoạt động văn hóa, thông tin phát triển rộng rãi và nâng cao chất lượng.

Mỗi năm tạo thêm hơn 1,2 triệu việc làm mới. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của nước ta) từ trên 30% giảm xuống 10%. Người có công với nước được quan tâm chăm sóc. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm từ 2,3%, giảm xuống 1,4%. Tuổi thọ bình quân từ 65,2 tuổi tăng lên 68,3 tuổi. Việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, chăm lo sức khỏe cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh có nhiều tiến bộ. Phong trào thể dục rèn luyện sức khỏe phát triển; thành tích thi đấu thể thao trong nước và quốc tế được nâng lên.

Trong hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn những thành tựu và tiến bộ về văn hóa, xã hội là sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân ta.

(5) Cùng với những nỗ lực to lớn của lực lượng vũ trang nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện tăng cường tiềm lực, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đánh giá tổng quát, phần lớn các mục tiêu chủ yếu đề ra trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã được thực hiện. Nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hóa xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước hơn hẳn 10 năm trước, khả năng độc lập tự chủ được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguyên nhân của những thành tựu là đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng cùng những cố gắng và những tiến bộ trong công tác quản lý của Nhà nước đã phát huy được nhân tố có ý nghĩa quyết định là ý chí kiên cường, tính năng động, sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta.

Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đã đạt được chưa đủ để vượt qua tình trạng nước kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp xa so với mức trung bình của thế giới và kém nhiều nước xung quanh. Thực trạng kinh tế – xã hội vẫn còn những mặt yếu kém, bất cập, chủ yếu là:

- Nền kinh tế kém hiệu quả và sức cạnh tranh còn yếu. Tích lũy nội bộ và sức mua trong nước còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất với thị trường; cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý. Tình trạng bao cấp và bảo hộ còn nặng. Đầu tư của Nhà nước còn thất thoát và lãng phí. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm mạnh. Tăng trưởng kinh tế những năm gần đây giảm sút, năm 2000 tuy đã tăng lên nhưng còn thấp hơn mức bình quân của thập kỷ 90.

- Quan hệ sản xuất có mặt chưa phù hợp, hạn chế việc giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Chưa có chuyển biến đáng kể trong việc đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể phát triển chậm, việc chuyển đổi các hợp tác xã theo Luật ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp. Các thành phần kinh tế khác chưa phát huy hết năng lực, chưa thực sự được bình đẳng và yên tâm đầu tư kinh doanh. Cơ chế quản lý, chính sách phân phối có mặt chưa hợp lý, chưa thúc đẩy tiết kiệm, tăng năng suất, kích thích đầu tư phát triển; chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh.

- Kinh tế vĩ mô còn những yếu tố thiếu vững chắc. Hệ thống tài chính, ngân hàng, kế hoạch đổi mới chậm, chất lượng hoạt động hạn chế; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều vướng mắc, chưa tạo điều kiện và hỗ trợ tốt cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Giáo dục, đào tạo còn yếu về chất lượng, cơ cấu đào tạo chưa phù hợp, có nhiều tiêu cực trong dạy, học và thi cử... Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế – xã hội. Cơ sở vật chất của các ngành y tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, thông tin, thể thao, còn nhiều thiếu thốn. Việc đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực này còn triển khai chậm.

- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng thường bị thiên tai. Số lao động chưa có việc làm và thiếu việc làm còn lớn. Nhiều tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, nạn ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS có chiều hướng lan rộng. Tai nạn giao thông ngày càng tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm ngày càng nhiều.

Những mặt yếu kém, bất cập nói trên có phần do điều kiện khách quan, nhưng chủ yếu là do những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nổi lên là:

Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước chưa nghiêm, kém hiệu lực, hiệu quả. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có phần thiếu nhanh nhạy, chưa thật chủ động tranh thủ thời cơ. Vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước ở các cấp chưa được

phân định rành mạch và phát huy đầy đủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện tốt, trách nhiệm tập thể chưa được xác định rõ ràng, vai trò cá nhân phụ trách chưa được đề cao; kỷ luật không nghiêm.

Một số vấn đề về quan điểm như sở hữu và thành phần kinh tế, vai trò của Nhà nước và thị trường, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, hội nhập kinh tế quốc tế... chưa được làm rõ, chưa có sự thống nhất trong nhận thức và thông suốt trong thực hiện, làm cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và thể chế hóa thiếu dứt khoát, thiếu nhất quán, chậm trễ, gây trở ngại cho công cuộc đổi mới và công tác tổ chức thực hiện.

Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết cả về xây dựng và hoàn thiện thể chế, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực và làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức.

Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận không theo kịp yêu cầu. Tổ chức bộ máy chồng chéo, kém hiệu lực và hiệu quả. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức thoái hóa biến chất, thiếu năng lực. Tình trạng mất dân chủ, tệ nạn quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân, lãng phí còn nặng, đang là lực cản của sự phát triển và gây bất bình trong nhân dân.

2. Bối cảnh quốc tế.

Bối cảnh quốc tế trong thời gian tới có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn. Khả năng duy trì hòa bình, ổn định trên thế giới và khu vực cho phép chúng ta tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; đồng thời đòi hỏi phải đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với những tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra. Một số xu thế tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta 10 năm tới:

Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng. Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển. Chu trình luân chuyển vốn, đổi mới công nghệ và sản phẩm ngày càng được rút ngắn; các điều kiện kinh doanh trên thị trường thế giới luôn thay đổi đòi hỏi các quốc gia cũng như doanh nghiệp phải rất nhanh nhạy nắm bắt, thích nghi. Các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, có cơ hội thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển, cải thiện vị thế của mình; đồng thời đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục yếu kém để vươn lên.

Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hóa và bảo vệ môi trường,

phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch... Các công ty xuyên quốc gia tiếp tục cấu trúc lại, hình thành những tập đoàn khổng lồ chi phối nhiều lĩnh vực kinh tế. Sự cách biệt giàu nghèo giữa các quốc gia ngày càng tăng.

Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia. Đối với nước ta, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế.

Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động, trong đó Trung Quốc có vai trò ngày càng lớn. Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế nhiều nước ASEAN và Đông Á đang khôi phục đà phát triển với khả năng cạnh tranh mới. Tình hình đó tạo thuận lợi cho chúng ta trong hợp tác phát triển kinh tế, đồng thời cũng gia tăng sức ép cạnh tranh cả trong và ngoài khu vực.

II. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đưa đất nước tiến nhanh và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không làm được như vậy sẽ tụt hậu xã hội hơn về trình độ phát triển kinh tế so với các nước xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp tới niềm tin của nhân dân, sự ổn định chính trị, xã hội và an ninh quốc gia.

1. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu tổng quát của chiến lược 10 năm 2001 - 2010 là:

Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Mục tiêu cụ thể của chiến lược là:

- Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu. Ổn định kinh tế vĩ mô; cân cân thanh toán quốc tế lành mạnh và tăng dự trữ ngoại tệ; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn và tác động tích cực đến tăng trưởng. Tích lũy nội bộ nền

kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 16 - 17%, công nghiệp 40 - 41%, dịch vụ 42 - 43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

- Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Tốc độ tăng dân số đến năm 2010 còn khoảng 1,1%. Xóa hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo. Giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn (thất nghiệp ở thành thị dưới 5%, quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn khoảng 80 - 85%); nâng tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề lên khoảng 40%. Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước. Người có bệnh được chữa trị; giảm tỷ lệ trẻ em (dưới 5 tuổi) suy dinh dưỡng xuống khoảng 20%; tăng tuổi thọ trung bình lên 71 tuổi. Chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện.

- Năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ đủ khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ thế giới và tự phát triển trên một số lĩnh vực, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa.

- Kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và có bước đi trước. Hệ thống giao thông bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt quanh năm và hiện đại hóa một bước. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và nâng cấp. Hệ thống đê xung yếu được củng cố vững chắc; hệ thống thủy nông phát triển và phần lớn được kiên cố hóa. Hầu hết các xã được sử dụng điện, điện thoại và các dịch vụ bưu chính - viễn thông cơ bản, có trạm xá, trường học kiên cố, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao. Bảo đảm về cơ bản cơ sở vật chất cho học sinh phổ thông học cả ngày tại trường. Có đủ giường bệnh cho bệnh nhân.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được tăng cường, chi phối các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được đổi mới, phát triển, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đều phát triển mạnh và lâu dài. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả.

2. Quan điểm phát triển.

- *Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.*

Phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả những sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Tăng nhanh năng suất lao động xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển.

Các vùng kinh tế trọng điểm có nhịp độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung, đóng góp lớn vào tăng trưởng của cả nước và lôi kéo, hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng có nhiều khó khăn cùng phát triển.

Tăng nhanh năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập khẩu. Đi nhanh vào công nghệ hiện đại ở những ngành và lĩnh vực then chốt để tạo bước nhảy vọt về công nghệ và kinh tế, tạo tốc độ tăng trưởng vượt trội ở những sản phẩm và dịch vụ chủ lực. Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa ngay từ đầu trong suốt các giai đoạn phát triển. Nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

Nâng cao năng lực và tạo cơ hội cho mọi người đều có thể phát huy hết tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi người góp sức thực hiện *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân về ăn, mặc, ở, đi lại, phòng và chữa bệnh, học tập, làm việc, tiếp nhận thông tin, sinh hoạt văn hóa. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, đồng thời ra sức xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện về hạ tầng và năng lực sản xuất để các vùng, các cộng đồng đều có thể tự phát triển, tiến tới thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Thiết thực chăm lo sự bình đẳng về giới, sự tiến bộ của phụ nữ; đặc biệt chăm lo sự phát triển và tiến bộ của trẻ em.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi và tiếp tục giải quyết hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi trường. Bảo vệ và cải tạo môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân. Chủ động gắn kết yêu cầu cải thiện môi trường trong mỗi quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, coi yêu cầu về môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá các giải pháp phát triển.

- *Coi trọng phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết.*

Bằng sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp các nguồn lực trong nước và ngoài nước, tập trung sức phát triển kinh tế để xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp theo hướng hiện đại với những nội dung chủ yếu sau:

Xây dựng tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bao gồm: kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; nền công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng; nền nông nghiệp hàng hóa lớn; các dịch vụ cơ bản; tiềm lực khoa học và công nghệ. Trên cơ sở hiệu quả tổng hợp về kinh

tế – xã hội, trước mắt và lâu dài, triển khai xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu và xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng, cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy nhanh tác dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế và quốc phòng, an ninh.

Phát triển mạnh nguồn lực con người Việt Nam với yêu cầu ngày càng cao.

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn lực.

Tiếp tục đổi mới sâu rộng, đồng bộ về kinh tế, xã hội và bộ máy nhà nước hướng vào hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, tạo động lực và nguồn lực phát triển nhanh, bền vững.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Tập trung tháo gỡ mọi vướng mắc, xóa bỏ mọi trở lực để khơi dậy nguồn lực to lớn trong dân, cổ vũ các nhà kinh doanh và mọi người dân ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút tốt hơn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

- Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ.

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác đấu tranh; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại; đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, không ngừng tăng năng lực cạnh tranh và

giảm dần hàng rào bảo hộ. Nâng cao hiệu quả hợp tác với bên ngoài; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của nước ta đối với kinh tế khu vực và thế giới.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương và trong các dự án đầu tư lớn. Phân bổ hợp lý việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trên các vùng của đất nước, vừa phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa sử dụng được cho quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư các vùng xung yếu, vùng biên giới, của khẩu, hải đảo phù hợp với chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia. Hoàn chỉnh chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia phù hợp với mọi tình hình mới, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng kinh tế đối ngoại. Phát triển công nghiệp quốc phòng và kết hợp sử dụng năng lực đó để tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng sản xuất một số mặt hàng vừa phục vụ kinh tế - vừa phục vụ quốc phòng - an ninh.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG.

A. Định hướng phát triển các ngành

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng; chuyển dịch cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu lao động, tạo việc làm thu hút nhiều lao động ở nông thôn. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ và sản xuất nông nghiệp, đạt mức tiên tiến trong khu vực về trình độ công nghệ và về thu nhập trên một đơn vị diện tích; tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước, tăng đáng kể thị phần của các nông sản chủ lực trên thị trường thế giới.

Chú trọng điện khí hóa, cơ giới hóa ở nông thôn. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp gia công và dịch vụ; liên kết nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trên từng địa bàn và trong cả nước.

Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn. Quy hoạch hợp lý và nâng cao hiệu quả việc sử dụng quỹ đất, nguồn nước, vốn rừng gắn với bảo vệ môi trường. Quy hoạch các khu dân cư, phát triển các thị trấn, thị tứ, các điểm văn hóa ở làng xã; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần, xây dựng cuộc sống dân chủ, công bằng, văn minh ở nông thôn.

- Xây dựng hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Điều chỉnh quy hoạch sản xuất lương thực phù hợp với nhu cầu và khả năng tiêu thụ, tăng năng suất đi đôi với nâng cấp chất lượng. Bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung lúa hàng hóa và ngô làm thức ăn chăn nuôi; tận dụng điều kiện thích hợp của các địa bàn khác để sản xuất lương thực có hiệu quả. Nâng cao giá trị và hiệu quả xuất khẩu gạo. Có chính sách bảo đảm lợi ích của người sản xuất lương thực.

Phát triển theo quy hoạch và chú trọng đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè, điều, hạt tiêu, dứa, dâu tằm, bông, mía, lạc, thuốc lá... hình thành các vùng rau, hoa quả có giá trị cao gắn với phát triển cơ sở bảo quản, chế biến.

Phát triển và nâng cao chất lượng, có hiệu quả chăn nuôi gia súc, gia cầm; mở rộng phương pháp nuôi công nghiệp gắn với chế biến sản phẩm; tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi trong công nghiệp.

Phát huy lợi thế về thủy sản, tạo thành một ngành kinh tế mũi nhọn, vươn lên hàng đầu trong khu vực. Phát triển mạnh nuôi, trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn, nhất là nuôi tôm, theo phương thức tiến bộ, hiệu quả và bền vững môi trường. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, ổn định khai thác gần bờ; nâng cao năng lực bảo quản, chế biến sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và trong nước. Mở rộng và nâng cấp các cơ sở hạ tầng, dịch vụ nghề cá. Giữ gìn môi trường biển và sông, nước, bảo đảm cho sự tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định và lâu dài theo hướng xã hội hóa lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn chặn nạn đốt, phá rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu; nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

- Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học kết hợp với công nghệ thông tin. Chú trọng tạo và sử dụng giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị cao. Đưa nhanh công nghệ mới vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ sạch trong nuôi, trồng và chế biến rau quả, thực phẩm. Hạn chế việc sử dụng hóa chất độc hại trong nông nghiệp. Xây dựng một số khu nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường đội ngũ, nâng cao năng lực và phát huy tác dụng của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cơ bản hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt, kiểm soát lũ, bảo đảm tươi, tiêu an toàn, chủ động cho sản xuất nông nghiệp (kể cả cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản) và đời sống nông dân. Đối với những khu vực thường bị bão, lũ, cùng với các giải pháp hạn chế tác hại thiên

tai, phải điều chỉnh quy hoạch sản xuất và dân cư thích nghi với điều kiện thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo thời tiết và khả năng chủ động phòng chống thiên tai, hạn chế thiệt hại.

- Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Hình thành các khu vực tập trung công nghiệp, các điểm công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuyển một phần doanh nghiệp gia công (may mặc, da - giày...) và chế biến nông sản ở thành phố về nông thôn. Có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Trên cơ sở chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác, từng bước tăng quỹ đất canh tác cho mỗi lao động nông nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm và thu nhập cho dân cư nông thôn.

Giá trị gia tăng nông nghiệp (kể cả thủy sản, lâm nghiệp) tăng bình quân hàng năm 4,0 - 4,5%. Đến năm 2010, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 40 triệu tấn. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP khoảng 16 - 17%; tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng lên khoảng 25%. Thủy sản đạt sản lượng 3,0 - 3,5 triệu tấn (trong đó khoảng 1/3 là sản phẩm nuôi, trồng). Bảo vệ 10 triệu ha rừng tự nhiên, hoàn thành chương trình trồng 5 triệu ha rừng. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 9 - 10 tỷ USD, trong đó thủy sản khoảng 3,5 tỷ USD.

2. Công nghiệp, xây dựng.

2.1. Phát triển công nghiệp.

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, như chế biến nông, lâm, thủy sản, may mặc, da - giấy, điện tử - tin học, một số sản phẩm cơ khí và hàng tiêu dùng...

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với bước đi hợp lý, phù hợp với điều kiện vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được hiệu quả.

Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hóa. Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội.

Phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng.

Quy hoạch phân bố hợp lý công nghiệp trên cả nước. Phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao, hình thành các cụm công nghiệp lớn và khu kinh tế mở.

Phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa với ngành, nghề đa dạng. Đổi mới, nâng cấp công nghệ trong các cơ sở hiện có để nâng cao

năng suất, chất lượng, hiệu quả. Sử dụng phù hợp với các công nghệ có khả năng thu hút nhiều lao động. Phát triển nhiều hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, trên cơ sở đảm bảo hài hòa về lợi ích. Tăng tỷ lệ nội địa hóa trong công nghiệp gia công, lắp ráp. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo hộ sở hữu công nghiệp, bảo vệ môi trường.

2.2. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và có năng lực đấu thầu công trình xây dựng ở nước ngoài. Ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu lực quy hoạch, năng lực thiết kế, xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Phát triển các hoạt động tư vấn và các doanh nghiệp xây dựng, trong đó chú trọng các doanh nghiệp mạnh theo từng lĩnh vực thủy điện, thủy lợi, cảng, cầu đường... Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng.

Nhiệm vụ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp (kể cả xây dựng) bình quân trong 10 năm tới đạt khoảng 10 - 10,5%/ năm. Đến năm 2010, công nghiệp và xây dựng chiếm 40 - 40% GDP và sử dụng 23 - 24% lao động. Giá trị xuất khẩu công nghiệp chiếm 70 - 75% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bảo đảm cung cấp đủ và an toàn năng lượng (điện, dầu khí, than); đáp ứng đủ nhu cầu về thép xây dựng, phân lân, một phần phân đạm; cơ khí chế tạo đáp ứng 40% nhu cầu trong nước, tỷ lệ nội địa hóa trong sản xuất xe cơ giới, máy và thiết bị đạt 60 - 70%; công nghiệp điện tử - thông tin trở thành ngành mũi nhọn; chế biến hầu hết nông sản xuất khẩu; công nghiệp hàng tiêu dùng đáp ứng được nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.

3. Kết cấu hạ tầng.

Phát triển năng lượng đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Sử dụng tốt các nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí và than để phát triển cân đối nguồn điện. Xây dựng các cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thủy điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia. Đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện; có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi. Tăng sức cạnh tranh về giá điện so với khu vực.

Phát triển mạng lưới thông tin hiện đại và đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hệ thống lãnh đạo, quản lý và các dịch vụ tài chính, thương mại, giáo dục, y tế, tư vấn... Mở rộng khả năng hòa mạng viễn thông với chi phí có khả năng cạnh tranh quốc tế; phủ sóng phát thanh, truyền hình đến các xã, thôn trong cả nước và mở rộng đến nhiều nơi trên thế giới với chất lượng ngày càng cao.

Về đường bộ, hoàn thành nâng cấp quốc lộ 1 và xây dựng đường Hồ Chí Minh. Nâng cấp, xây dựng các tuyến quốc lộ khác, chú trọng các tuyến đường biên giới, các tuyến đường vành đai và tuyến đường nối các vùng tới các trung

tâm phát triển lớn, các cầu vượt sông lớn, các tuyến nối với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông trên từng vùng, kể cả giao thông nông thôn, bảo đảm thông suốt quanh năm. Nâng cấp hệ thống đường sắt hiện có, mở thêm tuyến mới đến các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện hệ thống cảng biển quốc gia và mạng lưới các cảng địa phương theo quy hoạch. Phát triển vận tải thủy, tăng năng lực vận tải biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu. Hiện đại hóa các sân bay quốc tế, nâng cấp các sân bay nội địa.

Cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và cho trên 90% dân cư nông thôn. Giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị.

4. Các ngành dịch vụ.

Phát triển mạnh *thương mại*, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động để mở rộng thị trường trong nước và hội nhập quốc tế có hiệu quả. Hình thành các trung tâm thương mại lớn, các chợ nông thôn, nhất là ở miền núi, bảo đảm cung cấp một số sản phẩm thiết yếu cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ nông sản. Phát triển thương mại điện tử. Nhà nước, các hiệp hội, các doanh nghiệp phối hợp tìm kiếm, mở rộng thị trường cho sản phẩm Việt Nam.

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách ngày càng hiện đại, an toàn, có sức cạnh tranh, vươn nhanh ra thị trường khu vực và thế giới. Dành thị phần lớn cho doanh nghiệp trong nước trong vận chuyển hàng hóa Việt Nam theo đường biển và đường hàng không quốc tế. Phát triển mạnh vận chuyển hành khách công cộng ở các thành phố lớn.

Tiếp tục phát triển nhanh và hiện đại hóa dịch vụ *bưu chính - viễn thông*; phổ cập sử dụng Internet. Điều chỉnh giá cước để khuyến khích sử dụng rộng rãi. Đến năm 2010, số máy điện thoại, số người sử dụng Internet trên 100 dân đạt mức trung bình trong khu vực.

Phát triển *du lịch* thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, hình thành các khu du lịch trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các nước.

Mở rộng các dịch vụ *tài chính - tiền tệ* như tín dụng, bảo hiểm, kiểm toán, chứng khoán... đi thẳng vào công nghệ hiện đại, áp dụng các quy chuẩn quốc tế. Từng bước hình thành trung tâm dịch vụ tài chính lớn trong khu vực.

Phát triển mạnh các *dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phục vụ* đời sống, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Toàn bộ các hoạt động dịch vụ tính theo giá trị gia tăng đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 7 - 8%/ năm và đến năm 2010 chiếm 42 - 43% GDP, 26 - 27% tổng số lao động.

B. Định hướng phát triển các vùng.

Các vùng, khu vực đều phát huy lợi thế để phát triển, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Nhà nước tiếp tục thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh, đồng thời tạo điều kiện và đầu tư thích đáng hơn cho vùng nhiều khó khăn. Thống nhất quy hoạch phát triển trong cả nước, giữa các vùng, tỉnh, thành phố, tạo sự liên kết trực tiếp về sản xuất, thương mại, đầu tư, giúp đỡ kỹ thuật và nguồn nhân lực. Nâng cao trình độ dân trí và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực. Gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện môi trường và quốc phòng, an ninh. Coi trọng chiến lược phát triển các vùng biên giới.

Khu vực đô thị: phát huy vai trò của các trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa trên từng vùng và địa phương, đi nhanh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, đi đầu trong việc phát triển kinh tế tri thức. Tạo vành đai nông nghiệp hiện đại ở các thành phố lớn.

Quy hoạch mạng lưới đô thị với một số ít thành phố lớn, nhiều thành phố vừa và hệ thống đô thị nhỏ phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị ở miền núi. Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch. Đưa việc quy hoạch và quản lý đô thị và nền nếp, ngày càng xanh sạch đẹp, văn minh. Hoàn thiện quy hoạch giao thông lâu dài, hợp lý ở tất cả các đô thị; khắc phục tình trạng ách tắc giao thông ở các đô thị lớn. Cung cấp đủ nước sạch, thoát nước và xử lý chất thải; xóa nhà tạm bợ. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh.

Khu vực nông thôn đồng bằng: phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên nền cây lúa, cây rau, quả, chăn nuôi, thủy sản và ứng dụng phổ biến các tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm. Hoàn thành điện khí hóa và thực hiện cơ giới hóa ở những khâu cần thiết. Nâng cao nhanh thu nhập trên một đơn vị diện tích nông nghiệp. Chuyển nhiều lao động sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp, các làng nghề, mạng lưới công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ.

Khu vực nông thôn trung du, miền núi: phát triển mạnh cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc và công nghiệp chế biến. Bảo vệ và phát triển vốn rừng. Hoàn thành và ổn định vững chắc định canh, định cư. Bố trí lại dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Phát triển kinh tế trang trại. Giảm bớt khoảng cách phát triển với nông thôn đồng bằng. Có chính sách đặc biệt để phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, cửa khẩu.

Khu vực biển và hải đảo: xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu km² thêm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh nuôi, trồng, khai thác, chế biến hải sản; thăm dò khai thác và chế biến dầu khí; phát triển đóng tàu thuyền và vận tải biển; mở mang du lịch; bảo vệ môi

trường; tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển, khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển.

Trong 10 năm tới, phát triển từng vùng lớn tập trung vào những định hướng quan trọng như sau:

1. Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đưa nhiều lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ và đi lập nghiệp ở nơi khác.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng. Cùng với lương thực, đưa vụ đông thành một thế mạnh, hình thành các vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, thịt, hoa; mở rộng nuôi, trồng thủy sản. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và cơ khí phục vụ nông nghiệp, các cụm, điểm công nghiệp, dịch vụ và làng nghề ở nông thôn.

Trong vùng kinh tế trọng điểm, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công nghiệp xuất khẩu, công nghiệp điện tử, thông tin và một số cơ sở cơ khí đóng tàu, luyện kim, phân bón; các dịch vụ có hàm lượng tri thức cao; các trung tâm mạnh của vùng và cả nước về đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, y tế, văn hóa, du lịch.

Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng, trước hết là các tuyến trục quốc lộ, các cảng khu vực Hải Phòng, Cái Lân, các sân bay.

2. Miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hình thành và phát huy vai trò các trung tâm thương mại, xuất khẩu, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, khoa học và công nghệ, văn hóa, đào tạo đối với khu vực phía Nam và cả nước. Đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí; sản xuất điện, phân bón và hóa chất từ dầu khí. Hoàn chỉnh và nâng cấp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Mở mang công nghiệp ở các tỉnh, không tập trung quá mức vào các đô thị lớn.

Phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, hình thành các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long.

Nâng cấp các tuyến quốc lộ nối với các vùng và quốc tế; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng biển, sân bay. Xây dựng đô thị trên các trục phát triển gắn với khu công nghiệp. Giải quyết tốt hệ thống giao thông đô thị, cấp và thoát nước, khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Phát huy lợi thế biển và ven biển, khai thác có hiệu quả các tuyến đường trục Bắc - Nam, các tuyến đường ngang, các tuyến đường xuyên Á, các cảng biển. Hình

thành các khu công nghiệp ven biển, các khu công nghiệp - thương mại tổng hợp và phát triển kinh tế trên các cửa khẩu và hành lang dọc các tuyến đường. Phát triển các ngành công nghiệp lọc, hóa dầu, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến và chế tạo khác, các loại hình dịch vụ. Xây dựng theo quy hoạch một số cảng nước sâu, với tiến độ hợp lý. Đẩy nhanh việc xây dựng khu kinh tế Dung Quất - Chu Lai. Phát triển mạnh du lịch biển và ven biển, gắn liền với các khu di tích, danh lam thắng cảnh của cả vùng, đặc biệt là trên tuyến Huế - Đà Nẵng - Hội An - Nha Trang.

Phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, tăng nhanh sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, kết hợp với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh trồng rừng. Có giải pháp hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt, hạn hán nặng, kết hợp với bố trí lại sản xuất và dân cư. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường toàn dải ven biển. Khai thác có hiệu quả vùng đất phía Tây, chú ý xây dựng các hồ chứa nước chống lũ và làm thủy điện.

Từng bước tạo điều kiện để vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ liên kết với Tây Nguyên tham gia có hiệu quả việc hợp tác kinh tế với Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh biên giới.

4. Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tây Bắc và Đông Bắc).

Phát triển mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi đại gia súc gắn với chế biến. Tạo các vùng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà, rừng nguyên liệu công nghiệp, gỗ trụ mỏ.

Xúc tiến nghiên cứu và xây dựng thủy điện Sơn La. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, nông sản, lâm sản, chú trọng chế biến xuất khẩu. Hình thành một số cơ sở công nghiệp lớn theo tuyến đường 18 gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ, chú trọng thương mại. Nâng cấp các tuyến đường trục từ Hà Nội đi các tỉnh biên giới, hoàn thành các tuyến đường vành đai biên giới và các đường nhánh. Phát triển thủy lợi nhỏ gắn với thủy điện nhỏ, giải quyết việc cấp nước sinh hoạt và điện cho đồng bào vùng cao. Phát triển các đô thị trung tâm, các đô thị gắn với khu công nghiệp. Nâng cấp các cửa khẩu biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, định canh, định cư vững chắc, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc.

5. Tây nguyên.

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp sản xuất hàng hóa lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sản. Có chiến lược và quy hoạch xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới thành vùng kinh tế động lực.

Phát triển nhanh theo hướng thâm canh là chính sách đối với các cây công nghiệp gắn với thị trường xuất khẩu (cà phê, cao su, chè, bông...), chăn nuôi đại gia súc, trồng và bảo vệ rừng, cây dược liệu, cây đặc sản và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển thủy điện lớn và vừa, các hồ chứa nước cho thủy lợi. Khai thác và chế biến quặng bôxít. Phát triển công nghiệp giấy. Nâng cấp, khai thác tốt các tuyến đường trục, và đường ngang nối xuống vùng Duyên hải. Phát triển sự hợp tác liên kết kinh tế - thương mại - dịch vụ với các nước láng giềng Lào, Campuchia. Có chính sách thu hút vốn đầu tư, bố trí dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch, nâng cao dân trí và trình độ công nghệ. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, thật sự cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào dân tộc.

6. Đồng bằng sông Cửu Long.

Tiếp tục phát huy vai trò của vùng lúa và nông sản, thủy sản xuất khẩu lớn nhất cả nước; đẩy mạnh sản xuất và nâng cao chất lượng lương thực, rau quả, chăn nuôi, thủy sản hàng hóa. Phát triển công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ. Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tăng tỉ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ.

Hoàn chỉnh mạng lưới đường bộ và mạng giao thông thủy. Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A, mở thêm một số tuyến trục để phát triển giao thông phía Tây Nam. Nâng cấp các quốc lộ đến các tỉnh lỵ. Xây dựng cầu qua sông Hậu và có đủ cầu trên các tuyến này. Phát triển mạng đường liên huyện và giao thông nông thôn, xây cầu kiên cố thay "cầu khi". Hoàn chỉnh các cảng sông, nâng cấp các sân bay. Quy hoạch và xây dựng khu dân cư, kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện chống lũ hàng năm và ngăn mặn.

IV. HÌNH THÀNH ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

1. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu.

Đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Mọi doanh nghiệp, mọi công dân được đầu tư kinh doanh theo các hình thức do luật định và được pháp luật bảo vệ. Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa; từng bước hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước để thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; tập trung đầu

tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và một số cơ sở công nghiệp quan trọng. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những ngành sản xuất và dịch vụ quan trọng; xây dựng các tổng công ty nhà nước đủ mạnh để làm nòng cốt trong những tập đoàn kinh tế lớn, có năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế như dầu khí, điện, than, hàng không, đường sắt, vận tải viễn dương, viễn thông, cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán...

Đổi mới cơ chế quản lý, phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Chuyển các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đầy đủ trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, xóa bỏ bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để huy động thêm vốn, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Ưu tiên cho người lao động được mua cổ phần và từng bước mở rộng bán cổ phần cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện việc giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp loại nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ. Sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên.

Phấn đấu trong khoảng 5 năm cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hóa một bước các tổng công ty nhà nước.

Phát triển *kinh tế tập thể* với các hình thức hợp tác đa dạng. Chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật Hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại. Mở rộng các hình thức kinh tế hỗn hợp, liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và quản lý, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, phát triển vốn tập thể, giải quyết nợ tồn đọng của hợp tác xã cũ.

Kinh tế cá thể và tiểu chủ ở nông thôn và thành thị được Nhà nước tạo điều kiện để phát triển.

Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển không hạn chế về quy mô trong những ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn mà pháp luật không cấm;

khuyến khích hợp tác, liên doanh với nhau và với doanh nghiệp nhà nước, chuyển thành doanh nghiệp cổ phần và bán cổ phần cho người lao động.

Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong và ngoài nước ngày càng phát triển đa dạng.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, hàng hóa và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng.

2. Tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Hình thành đồng bộ và tiếp tục phát triển, hoàn thiện các loại thị trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế, để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Có giải pháp hữu hiệu chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Phát triển thị trường vốn và tiền tệ, nhất là thị trường vốn trung hạn và dài hạn. Tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, từng bước mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động, kể cả việc thu hút vốn nước ngoài. Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quyết định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Phát triển thị trường lao động, người lao động được tìm và tạo việc làm ở mọi nơi trong nước; đẩy mạnh xuất khẩu lao động với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Phát triển các loại thị trường dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, dịch vụ bảo hiểm, các dịch vụ tư vấn và phục vụ sản xuất kinh doanh...

Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện phát huy tích cực, đồng thời khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường. Nhà nước tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển, thực hiện những dự án trọng điểm bằng nguồn lực tập trung; đổi mới thể chế quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; điều tiết thu nhập hợp lý; xây dựng pháp luật và kiểm tra giám sát việc thực hiện; giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính; công khai hóa và thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong quan hệ với doanh nghiệp và nhân dân; kiên quyết xóa bỏ những quy định và thủ tục mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây phiền hà, sách nhiễu cho doanh nghiệp và nhân dân.

3. Đổi mới chính sách và kiến toàn hệ thống tài chính – tiền tệ.

Tích cực đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính – tiền tệ quốc gia, động viên hợp lý và phân phối có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm thực hiện

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Thực hiện nguyên tắc công bằng, hiệu quả trong chính sách phân phối và phân phối lại nguồn thu nhập trong xã hội. Tạo lập môi trường tài chính lành mạnh, thông thoáng nhằm giải phóng và phát triển các nguồn lực tài chính và tiềm năng sản xuất của các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư; bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu ngân sách, thu hút các nguồn vốn bên ngoài; đa dạng hóa các công cụ và hình thức tổ chức tài chính, tiền tệ phi ngân hàng và các quỹ đầu tư nhằm động viên các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa với các chính sách kinh tế, tài chính để định hướng và khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp tiết kiệm đầu tư, kinh doanh.

Bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của thị trường tài chính – tiền tệ trong toàn bộ nền kinh tế.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhau, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Áp dụng thuế thu nhập cá nhân thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển. Hiện đại hóa công tác thu thuế và tăng cường quản lý của Nhà nước.

Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ lệ tích lũy cho đầu tư phát triển, phân định rõ hoạt động sự nghiệp và quản lý hành chính công để có chính sách tài chính thích hợp; thực hiện cải cách tiền lương đi liền với tinh giản biên chế bộ máy và cải cách thủ tục hành chính; giảm mạnh và tiến tới xóa bỏ những khoản chi mang tính chất bao cấp trong ngân sách. Sử dụng ngân sách nhà nước phải chủ động và có hiệu quả, tăng cường kiểm soát các khoản chi, kiên quyết chống lãng phí, thất thoát. Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước từ xác định chủ trương, lập và duyệt dự án đến thực hiện dự án. Bảo đảm nguồn tài chính cho những nhiệm vụ ưu tiên của chiến lược. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển đối với các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời quan tâm đầu tư nhiều hơn cho các vùng khó khăn. Tiếp tục đổi mới chính sách tài trợ giải quyết việc làm, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, giúp đỡ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy xã hội hóa khu vực sự nghiệp, đồng thời bảo đảm cho người nghèo được hưởng các phúc lợi cơ bản.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và các ngành trong việc quản lý tài chính và ngân sách đã được phân cấp.

Thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính của doanh nghiệp; tách biệt tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp. Thực hiện công khai hóa tài chính doanh nghiệp và tài chính công. Nhà nước giám sát, điều tiết tài chính doanh nghiệp thông qua chế độ kế toán, kiểm toán và hệ thống thuế, bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích tất cả các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế cần kiệm đầu tư kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Cân đối ngân sách một cách tích cực, tăng dần dự trữ, giữ bội chi ở mức hợp lý, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Quản lý chặt chẽ việc vay nợ và trả nợ nước ngoài, giữ mức nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; bảo đảm nghiêm ngặt hiệu quả sử dụng vốn vay; quy định rõ và thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Thực thi chính sách tiền tệ bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển. Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ như tỷ giá, lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở theo các nguyên tắc thị trường. Nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành môi trường minh bạch, lành mạnh, và bình đẳng cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng. Ứng dụng phổ biến công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, cho vay, cung ứng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng thuận lợi và thông thoáng đến mọi doanh nghiệp và dân cư, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn tín dụng cho sản xuất, kinh doanh và đời sống, chú trọng khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ - ngân hàng. Giải quyết nợ tồn đọng đi đôi với tăng cường những chế định pháp lý, kinh tế và hành chính về nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền thu nợ hợp pháp của người cho vay. Tăng cường năng lực tự kiểm tra của các tổ chức tín dụng và công tác thanh tra, giám sát các cơ quan chức năng, không để xảy ra đổ vỡ tín dụng.

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Phân biệt chức năng của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước, chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong kinh doanh. Giúp đỡ và thúc đẩy các tổ chức tín dụng trong nước nâng cao lực quản lý và trình độ nghiệp vụ có khả năng cạnh tranh với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của nước ta với quốc tế. Gần gũi cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp nhà nước. Sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần, xử lý các ngân hàng yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và bảo đảm an toàn.

4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...

Nhà nước có chính sách khuyến khích mạnh mẽ mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, và dịch vụ. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển mạnh những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; giảm mạnh xuất khẩu sản phẩm

thô và sơ chế, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chế biến và tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm; nâng dần tỷ trọng sản phẩm có hàm lượng trí tuệ, hàm lượng công nghệ cao. Xây dựng các quỹ hỗ trợ xuất khẩu, nhất là đối với hàng nông sản. Khuyến khích sử dụng thiết bị, hàng hóa sản xuất trong nước. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, tiến tới cân bằng xuất nhập. Thực hiện chính sách bảo hộ có lựa chọn, có thời hạn đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Đẩy mạnh các lĩnh vực dịch vụ thu ngoại tệ: du lịch, xuất khẩu lao động, vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính - tiền tệ, dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, thu hút kiều hối...

Chủ động và tích cực thâm nhập thị trường quốc tế, chú trọng thị trường các trung tâm kinh tế thế giới, duy trì và mở rộng thị phần trên các thị trường quen thuộc, tranh thủ mọi cơ hội mở thị trường mới. Từng bước hiện đại hóa phương thức kinh doanh phù hợp với xu thế mới của thương mại thế giới. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, thông tin thị trường bằng nhiều phương tiện và tổ chức thích hợp, kể cả các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động môi giới, khai thác thị trường quốc tế.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện các hình thức đầu tư, nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Giảm mạnh, tiến tới xóa bỏ sự phân biệt về chính sách và pháp luật giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Cải tiến nhanh các thủ tục hành chính để đơn giản hóa việc cấp phép đầu tư, thực hiện từng bước cơ chế đăng ký đầu tư. Chú trọng thu hút đầu tư của các công ty nắm công nghệ nguồn và có thị phần lớn trên thị trường thế giới. Tăng cường hỗ trợ và quản lý sau cấp giấy phép tạo điều kiện triển khai thực hiện có hiệu quả. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện cổ phần hóa những doanh nghiệp có điều kiện. Triển khai từng bước vững chắc các hình thức đầu tư gián tiếp của nước ngoài ở nước ta.

Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài về đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài và có chính sách hỗ trợ công dân Việt Nam kinh doanh hợp pháp ở nước ngoài.

Tiếp tục tranh thủ nguồn tài trợ của các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức phi chính phủ. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gắn chặt việc sử dụng vốn vay với trách nhiệm trả nợ.

V. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.

1. Giáo dục và đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

Bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và tự tôn dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà kinh doanh, nhà quản lý. Chính sách sử dụng lao động và nhân tài phải tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của các tập thể và cá nhân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để thực hiện mục tiêu đó, trong 10 năm tới cần:

Phát triển giáo dục mầm non. Củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước; phần lớn thanh, thiếu niên trong độ tuổi ở thành thị và vùng nông thôn đồng bằng được học hết trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp hoặc đào tạo nghề. Tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, suốt đời.

Điều chỉnh hợp lý cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng trong hệ thống giáo dục và đào tạo phù hợp yêu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu của Chiến lược. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ. Phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực, tiến tới đạt trình độ quốc tế. Phát triển giáo dục thường xuyên và đào tạo từ xa. Nhà nước dành ngân sách đưa người giỏi đi đào tạo ở các nước phát triển; khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, kỹ sư thực hành và nhà kinh doanh giỏi. Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi, xuất khẩu lao động, một số ngành mũi nhọn. Phát triển và nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc. Đổi mới chương trình đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng thiết thực, hiện đại. Chú trọng trang bị và nâng cao kiến thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên.

Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khóa, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay. Đổi mới và tổ chức thực hiện nghiêm minh chế độ thi cử. Đề cao tính tự chủ của trường đại học.

Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia

và tỷ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng miền núi cao, hải đảo.

Tăng cường cơ sở vật chất và từng bước hiện đại hóa nhà trường (lớp học, sân chơi, bãi tập, phòng trách nhiệm, máy tính nối mạng Internet, thiết bị giảng dạy, và học tập hiện đại, thư viện, ký túc xá...). Phấn đấu đến năm 2010 phần lớn các trường phổ thông có đủ điều kiện cho học sinh học tập và hoạt động cả ngày tại trường.

Tăng cường đầu tư cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Ngân sách nhà nước tập trung nhiều hơn cho các bậc giáo dục phổ cập, cho vùng nông thôn, miền núi, cho đào tạo trình độ cao và những ngành khó thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; bảo đảm điều kiện học tập cho con em người có công và gia đình nghèo. Tăng cường quản lý nhà nước, đặc biệt là hệ thống thanh tra giáo dục, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường quản lý và giúp đỡ người đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

2. Khoa học và công nghệ.

Tăng cường tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn đặt trọng tâm vào tổng kết thực tiễn, đi sâu nghiên cứu những vấn đề lớn của đất nước, khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế – xã hội, phát huy nhân tố con người và văn hóa Việt Nam. *Khoa học tự nhiên* chú trọng hướng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai. *Khoa học công nghệ* tập trung vào đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng, coi trọng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa.

Đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, đồng thời lựa chọn các công nghệ thích hợp, không gây ô nhiễm và khai thác được lợi thế về lao động. Chú trọng nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại, thích nghi công nghệ nhập khẩu, cải tiến từng bộ phận, tiến tới tạo ra những công nghệ đặc thù Việt Nam. Hiện đại hóa công nghệ trong quản lý. Hoàn thành xây dựng hai khu công nghệ cao ở gần Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt trình độ tiên tiến của khu vực.

Thực hiện cơ chế kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất, kinh doanh; ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu. Khẩn trương đổi mới tổ chức, sắp xếp hợp lý các viện, trung tâm, các cơ sở nghiên cứu trong cả nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu quốc gia, các hội, liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật.

Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Dành vốn đầu tư thích đáng cho nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân được hoạt động khoa học theo luật định. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh, bảo hộ sở hữu trí tuệ và quyền tác giả. Có cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đặt hàng cho cơ quan nghiên cứu.

Phát huy tính sáng tạo, tính dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ. Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia giỏi của thế giới đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước bằng hình thức thích hợp.

VI. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI.

I. Phát triển văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể dục, thể thao

Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, *"Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa"*, phong trào *"người tốt, việc tốt"*, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, và tiếp thu tinh hoa văn hóa của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

Chú trọng giữ gìn, phát triển các di sản văn hóa phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hóa vật thể, các di tích lịch sử; nâng cấp các bảo tàng. Phát triển mạng lưới thư viện, hiện đại hóa công tác thư viện, lưu trữ. Xây dựng các công trình văn hóa các khu vui chơi công cộng.

Khuyến khích sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị theo chủ đề lớn về chiến tranh và cách mạng, về sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về xã hội và con người Việt Nam. Nâng cao chất lượng nền điện ảnh Việt Nam, phấn đấu xây dựng nhiều bộ phim hay và tốt. Chú trọng thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam trong các công trình xây dựng, kiến trúc mới.

Phát triển và hiện đại hóa mang lưới thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản. Đến năm 2010 hoàn thành cơ bản việc phổ cập các phương tiện phát thanh, truyền hình đến mỗi gia đình. Phát triển các điểm văn hóa kết hợp với hệ thống bưu cục khắp các xã trong cả nước. Dùng tiếng nói dân tộc và chữ viết các dân tộc có chữ viết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng đồng bào dân tộc.

Ban hành và thực hiện chính sách thể hiện rõ sự quan tâm, và chăm sóc đối với văn nghệ sỹ và những người hoạt động trong các lĩnh vực nghệ thuật, nhất là nghệ thuật truyền thống.

Đẩy mạnh hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể trạng và tầm vóc của người Việt Nam. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng với mạng lưới cơ sở rộng khắp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, đưa thể thao Việt Nam lên trình độ chung trong khu vực Đông Nam Á và có vị trí cao trong nhiều bộ môn.

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích nhân dân và các tổ chức tham gia thiết thực, có hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư và bảo trợ các hoạt động văn hóa, thể thao. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa, thể thao phong phú, lành mạnh.

Tăng đầu tư ngân sách cho văn hóa tương ứng với tăng trưởng kinh tế, tập trung xây dựng một số trung tâm lớn gắn kết văn hóa, thể thao, du lịch như Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, Trung tâm thể thao quốc gia và các trung tâm đào tạo về văn hóa, thể thao ngang tầm khu vực.

Mở rộng giao lưu văn hóa, thể thao quốc tế. Đầu tư thích đáng cho việc truyền bá ở trong nước các giá trị văn hóa của loài người và giới thiệu đất nước, văn hóa, con người Việt Nam với thế giới.

2. Dân số và việc làm.

Tiếp tục giảm tốc độ tăng dân số, sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý (khoảng 88 – 89 triệu người vào năm 2010); giải quyết đồng bộ, từng bước và có trọng điểm chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư.

Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân. Đến năm 2010, nước ta có 56,8 triệu người ở độ tuổi lao động, tăng gần 11 triệu người so với năm 2000. Để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, phải tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rộng rãi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều việc làm và phát triển thị trường lao động. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với cơ cấu kinh tế. Chú trọng bảo đảm an toàn lao động.

Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Xây dựng và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ cơ chế, chính sách về đào tạo nguồn lao động, đưa lao động ra nước ngoài, bảo vệ quyền lợi và tăng uy tín của người lao động Việt Nam ở nước ngoài.

3. Xóa đói, giảm nghèo.

Bằng nguồn lực của Nhà nước và của toàn xã hội, tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cho vay vốn, trợ giúp đào tạo nghề, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, giúp đỡ tiêu thụ sản phẩm... đối với những vùng nghèo, xã nghèo và nhóm dân cư nghèo. Chủ động di dời một bộ phận nhân dân không có đất canh tác và điều kiện sản xuất đến lập nghiệp ở những vùng còn tiềm năng. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng và giúp đỡ người nghèo. Thực hiện trợ cấp xã hội đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt không thể tự lao động, không có người bảo trợ, nuôi dưỡng.

Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói giảm nghèo.

4. Tiền lương và thu nhập.

Các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước, được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và năng suất lao động của mỗi người. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh. Xác định hợp lý thuế thu nhập cá nhân.

Cải cách cơ bản tiền lương đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, điều chỉnh tiền lương bảo đảm mức sống tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội. Hệ thống thang, bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người giỏi, lao động có năng suất cao. Thay đổi cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp, tạo điều kiện đổi mới cơ chế tiền lương, thúc đẩy việc tinh giản biên chế bộ máy công quyền.

Từng bước mở rộng vững chắc hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội. Tiến tới áp dụng chế độ bảo hiểm cho mọi người lao động, mọi tầng lớp nhân dân. Kết hợp sự trợ giúp của Nhà nước với việc phát triển các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhằm giúp đỡ có hiệu quả người được hưởng chính sách xã hội, nạn nhân chiến tranh, thiên tai, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người tàn tật, và người già không nơi nương tựa. Bảo đảm người có công với nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư cùng xã, phường.

5. Phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Nâng cao tính công bằng và hiệu quả trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến. Đặc biệt coi trọng tăng cường dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ tử

vong của bà mẹ có liên quan đến thai sản. Giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do các bệnh truyền nhiễm, không để xảy ra dịch lớn. Tích cực phòng, chống các bệnh không do nhiễm trùng, khắc phục hậu quả tai nạn và thương tích. Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn truyền máu.

Hoàn chỉnh quy hoạch củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế, các bác sĩ làm việc ở tất cả các trạm y tế xã đồng bằng và trung du, phần lớn xã miền núi. Nâng cấp bệnh viện huyện, tỉnh; phát triển các bệnh viện đa khoa khu vực (liên huyện) ở các địa bàn xa trung tâm tỉnh. Hoàn thiện hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại miền Trung và phát triển các trung tâm y tế vùng. Từng bước hiện đại hóa trang bị y tế, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, kết hợp quân - dân y; phấn đấu có một số lĩnh vực y, dược học có thể mạnh trở thành trung tâm của khu vực Đông Nam Á. Tiêu chuẩn hóa và tăng cường đào tạo cán bộ y tế, chú ý người dân tộc thiểu số; phân bố cán bộ theo vùng phù hợp với nhu cầu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội. Đề cao ý đức gắn với xây dựng và thực hiện quy chế hành nghề, xóa bỏ các tiêu cực.

Thực hiện chính sách quốc gia về thuốc, tăng cường khả năng sản xuất và cung ứng thuốc đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đổi mới cơ chế, chính sách viện phí; mở rộng y tế tự nguyện, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Có chính sách trợ giúp cho người nghèo được khám chữa bệnh.

6. Đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội và bệnh dịch AIDS.

Phòng chống, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy. Thực hiện cơ chế, giải pháp đồng bộ về tuyên truyền, giáo dục, chữa trị, đào tạo nghề, tạo việc làm. Xử lý nghiêm theo pháp luật những hành động gây tệ nạn xã hội.

Xây dựng nếp sống lành mạnh trong toàn xã hội, ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS. Tổ chức chữa cho bệnh AIDS và người nghiện ma túy, giúp những người này sống, lao động có ý nghĩa trong cộng đồng.

Có biện pháp đồng bộ ngăn chặn tai nạn giao thông.

Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể đối với tình trạng tệ nạn xã hội trên từng địa bàn. Phát huy vai trò của từng người dân, từng cộng đồng tham gia đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi những tệ nạn này.

VII. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH.

1. Đổi mới thể chế.

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới thể chế và thủ tục hành chính,

tập trung trước hết vào xóa bỏ những quy định mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và nhân dân, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới thể chế trong từng năm. Bảo đảm các văn bản pháp quy có nội dung đúng đắn, nhất quán, khả thi. Chỉ đạo sát từ khâu soạn thảo, thông qua đến phổ biến, thực hiện và tổng kết.

Đổi mới phương thức và quy trình xây dựng thể chế, cải tiến sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan, coi trọng sử dụng các chuyên gia liên ngành và dành vai trò rất quan trọng cho tiếng nói của nhân dân, của doanh nghiệp. Đặc biệt tăng cường việc chỉ đạo, kiểm tra, nâng cao kỷ luật và hiệu lực thi hành pháp luật trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

2. Kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước

Trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước với hoạt động kinh doanh, xúc tiến việc đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với nâng cao tính tập trung, thống nhất trong việc ban hành thể chế. Quy định rõ trách nhiệm quyền hạn của từng cấp, từng tổ chức, từng cá nhân. Đề cao trách nhiệm cá nhân, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân. Nâng cao vai trò của tòa hành chính trong việc giải quyết khiếu kiện hành chính.

Tách cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng như vệ sinh môi trường, tham gia giữ gìn trật tự trị an xóm, phường...

Xúc tiến nhanh và có hiệu quả việc hiện đại hóa công tác hành chính, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin. Kiện toàn bộ máy và tinh giản biên chế một cách cơ bản. Có chính sách giải quyết thỏa đáng số người dôi ra.

3. Nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với chương trình, nội dung sát hợp; chú trọng đội ngũ cán bộ xã, phường. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức dưới quyền. Thanh lọc những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm; chuyển đổi công tác những người không đủ năng lực.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân.

4. Ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, quan liêu.

Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; người lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm. Bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; khen thưởng người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tham nhũng, quan liêu:

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, thủ tục hành chính, kiên quyết chống tệ của quyền, sách nhiễu, “xin – cho” và sự tắc trách, vô kỷ luật trong công việc. Thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức đã quy định trong pháp luật.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, ngăn chặn lãng phí, tham nhũng tiền và tài sản công, nhất là trong khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính ở cơ sở và các cấp chính quyền; thực hiện chế độ kê khai tài sản đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân, và phương tiện thông tin đại chúng.

- Cải cách tiền lương đi đôi với tăng cường giáo dục và kiểm tra việc thực hiện công vụ của cán bộ công chức.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC.

1. Đột phá những lĩnh vực then chốt.

Tập trung sức đột phá những lĩnh vực then chốt để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế – xã hội”

- Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tạo bước chuyển biến mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2. Cải tiến các biện pháp tổ chức thực hiện.

Nâng tầm hoạch định chính sách để thực hiện nghị quyết của Đảng; chú ý tới tính đặc thù của các ngành và các vùng.

Đổi mới cơ bản công tác kế hoạch hóa theo hướng tăng cường dự báo, nâng cao chất lượng kế hoạch định hướng, giữ vững các cân đối vĩ mô, kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các công cụ chính sách kinh tế, luật pháp, tạo điều kiện cho thị trường hoạt động có hiệu quả, nhằm bảo đảm mục tiêu của chiến lược.

Nâng cao chất lượng các quy hoạch. Xây dựng kế hoạch 5 năm trở thành công cụ kế hoạch chủ yếu, được điều chỉnh bổ sung hàng năm phù hợp với tiến độ thực

hiện kế hoạch và những diễn biến mới của tình hình trong, ngoài nước. Trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phải quán triệt tư tưởng và nội dung của chiến lược.

Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện chiến lược của các cấp ủy Đảng và cơ quan nhà nước. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến của nhân dân, thu hút trí tuệ của nhân dân trong quá trình thực hiện chiến lược.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở. Các cấp ủy Đảng cần quán triệt sâu sắc nội dung chiến lược này trong toàn Đảng, toàn dân, thống nhất ý chí và hành động, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động ở mọi cấp, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho Chiến lược được thực hiện thắng lợi.

PHẦN THỨ NHẤT
**VỀ KINH TẾ TẬP THỂ SỐ HỘ, TỔ HỢP TÁC,
 HỢP TÁC XÃ VÀ PHÂN LOẠI HỢP TÁC XÃ**

I. Số hộ, dân số, lao động

- Tổng số hộ cả nước: 14,5 triệu hộ trong đó nông thôn 11,27 triệu hộ (chiếm 77,7%), thành thị 3,23 triệu hộ (chiếm 22,3%)¹.

- Đên năm 2000 ở nông thôn có 9,9 triệu hộ sản xuất nông nghiệp (chiếm 87,9%), tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ chiếm 27,1% và đồng bằng sông Cửu Long chiếm 23,6%. Có 1,36 triệu hộ làm các ngành nghề phi nông nghiệp (12,1%), trong đó 2,6% hộ hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông - lâm - thủy sản, 3,8% hộ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 5,7% hộ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Ở thành thị có 2,4 triệu hộ tham gia làm kinh tế thuộc các ngành thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và sản xuất nông nghiệp ngoại thành!²

- Dân số, lao động:

+ Tổng dân số năm 2000: 77,7 triệu người, trong đó:

* Thành thị: 18,6 triệu người (chiếm 23,94%)

* Nông thôn: 59,1 triệu người (chiếm 76,06%)³.

+ Tổng lao động năm 2000 khoảng 39,3 triệu người. Trong đó:

* Khu vực I (nông, lâm, ngư nghiệp) chiếm 61,0%

* Khu vực II (công nghiệp, xây dựng) chiếm 17,6%

* Khu vực III (dịch vụ) chiếm 21,4%

Chia ra các vùng và các khu vực⁴

1. Theo thống kê của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, năm 2000.

2. Theo báo cáo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. Tổng cục Thống kê năm 2000.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tháng 1-2000.

Cơ cấu lao động năm 2000	Nông – lâm ngư nghiệp(%)	Công nghiệp, xây dựng (%)	Các ngành dịch vụ (%)
Cả nước	61,00	17,06	21,40
1. Đồng bằng sông Hồng	62,56	13,15	24,29
2. Vùng Đông Bắc	61,73	14,57	23,70
3. Vùng Tây Bắc	86,94	3,03	10,03
4. Bắc Trung Bộ	71,27	10,35	18,38
5. Duyên hải miền Trung	60,67	13,80	25,53
6. Tây Nguyên	78,96	4,58	16,46
7. Đông Nam Bộ	34,67	25,55	39,78
8. Đồng bằng sông Cửu Long	61,54	11,20	27,26

II. Tổ hợp tác

- Cả nước hiện có 241.261 tổ, nhóm hợp tác với các tên gọi khác nhau, trong đó có 46.000 tổ liên kết sản xuất, 3.153 chi hội nghề nghiệp, 4.969 câu lạc bộ nông dân. 82.416 tổ liên kết vay vốn ngân hàng nông nghiệp, 27.345 tổ phụ nữ tiết kiệm, 8.868 chi hội ngành nghề thanh niên, 27.345 câu lạc bộ thanh niên tham gia sản xuất và hàng nghìn tổ tín chấp vay vốn ngân hàng người nghèo ở các địa phương.¹

Thống kê tổ hợp tác theo các vùng khảo sát²:

Số TT	Vùng	Tổ đã đăng ký		Chia theo thời gian hoạt động						Tổng số hội viên tham gia (người)
		Tổng số vốn	Tỷ lệ (%)	Dưới 1 năm		Từ 1- 5 năm		Trên 5 năm		
				Tổng số tổ	Tỷ lệ (%)	Tổng số tổ	Tỷ lệ (%)	Tổng số tổ	Tỷ lệ (%)	
1.	Trung du miền núi phía Bắc	4.813	17,55	0	0,00	4.289	34,25	524	10,47	11.754
2.	Đồng bằng Bắc Bộ	317	1,16	10	0,10	99	0,79	208	4,16	3.338
3.	Duyên hải Bắc Trung Bộ	1.184	4,32	0	00,00	56	0,45	1.128	22,54	4.851
4.	Duyên hải Nam Trung Bộ	83	0,30	8	0,08	13	0,10	62	1,24	1.971
5.	Tây Nguyên	5.077	18,51	4.070	41,10	946	7,55	61	1,22	45.809
6.	Đông Nam Bộ	2.267	8,26	37	0,37	763	6,09	1.467	29,31	22.507
7.	Đồng bằng sông Cửu Long	13.688	49,90	5.777	58,34	6.356	50,76	1.555	31,07	196.705
Cộng chung		27.429	100	9.902	100	12.522	100	5.005	100	285.935
Tỷ lệ so tổng số (%)		100		36,10		45,65		18,25		

1. Theo Báo cáo của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Tổng hợp Báo cáo của 31 tỉnh, thành phố tháng 2-2000.

III. Số lượng hợp tác xã và phân loại hợp tác xã.

1. Số lượng hợp tác xã, quy mô hợp tác xã nông nghiệp từ 1960 – 1987

Số lượng hợp tác xã từ 1960 - 1987¹

Năm	Tổng số hợp tác xã nông nghiệp	Trong đó hợp tác xã bậc cao	Hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp	% hợp tác xã bậc cao so tổng số	% hộ xã viên so tổng số hộ nông dân
1960 (miền Bắc)	40.422	4.346	36.076	10,8	85,8
1965 (miền Bắc)	31.650	19.035	12.615	60,1	90,1
1970 (miền Bắc)	19.924	16.860	3.064	84,6	95,5
1975 (miền Bắc)	17.000	15.319	1.681	90,1	95,6
1976 (cả nước)	15.229	13.564	1.665	89,1	-
1980 (cả nước)	12.606	10.520	2.086	83,5	65,6
1981 (cả nước)	13.524	11.930	1.594	88,2	65,0
1987 (cả nước)	17.022	-	-	-	-

Quy mô hợp tác xã nông nghiệp từ 1976 - 1981

Quy mô hợp tác xã	Năm 1976	Năm 1978	Năm 1980	Năm 1981
Số nhân khẩu (người) / hợp tác xã	1.153	1.522	1.709	1.668
Số lao động (Lđộng)/ hợp tác xã	397	535	590	575
Diện tích canh tác b.q (ha)	121	169	201	163

Số lượng hợp tác xã từ 1987 đến 31-12-2000².

Số TT	Hợp tác xã các ngành nghề	Tổng số đến tháng 12-1987		Tổng số đến tháng 12-1996		Tổng số đến 31-12-2000	
		Tổng số HTX	% so tổng số HTX	Tổng số HTX	% so tổng số HTX	Tổng số HTX	% so tổng số HTX
1.	Nông-lâm nghiệp	17.022	23,16	13.782	74,07	10.289	67,94
2.	Diêm nghiệp	0	0,00	37	0,20	36	0,24
3.	Thủy sản	474	0,64	189	1,02	528	3,49
4.	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.	32.034	43,59	1.925	10,49	1.566	10,34
5.	Xây dựng	3.900	5,31	327	1,76	341	2,25
6.	Giao thông-vận tải	3.300	4,49	948	5,09	951	6,28
7.	Thương mại	9.600	13,06	367	1,97	373	2,46
8.	Tín dụng	7.160	9,74	971	5,22	974	6,43
9.	HTX khác ³	0	0,00	34	0,18	86	0,57
Cộng chung		73.490	100,00	18.607	100,00	15.144	100,00

1. Tổng cục Thống kê: Niên giám Thống kê 1981.

2. Theo Báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. HTX khác gồm, Hợp tác xã sản xuất kinh doanh tổng hợp, Hợp tác xã điện, nước, Hợp tác xã vệ sinh môi trường.

Số lượng hợp tác xã chia theo vùng miền đến ngày 31-12-2000¹

Số TT	Các vùng	Tổng số hợp tác xã		Phần hợp tác xã theo ngành nghề								
		Tổng số HTX	Tỷ lệ (%)	Nông-lâm nghiệp	Diêm nghiệp	Thủy sản	Tiểu thủ công nghiệp	Xây dựng	Giao thông	Thương nghiệp dịch vụ	Tín dụng	HTX khác
1.	Trung du miền núi phía Bắc	3.634	24,00	3.129	0	11	206	61	112	28	71	17
2.	Đồng bằng Bắc bộ	5.470	36,12	3.745	28	39	843	80	251	72	395	17
3.	Duyên hải Bắc Trung Bộ	2.395	15,81	1.713	1	286	131	19	59	33	116	37
4.	Duyên hải Nam Trung bộ	1.412	9,32	934	4	73	141	38	113	20	83	6
5.	Tây Nguyên	287	1,90	142	0	0	28	16	44	28	29	0
6.	Miền đông Nam Bộ	651	4,30	108	0	0	117	17	222	111	74	2
7.	Đồng bằng sông Cửu Long	1.295	8,55	519	3	119	100	110	150	81	206	7
Cộng chung		15.144	100	10.289	36	528	1.566	341	951	373	974	86
Tỷ lệ các ngành (%)		100		67,94	0,24	3,49	10,34	2,25	6,28	2,46	5,43	0,57

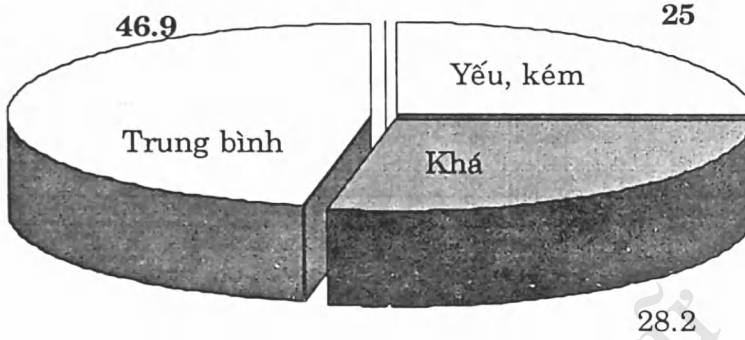
Số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, chưa chuyển đổi, thành lập mới đến ngày 31-12-2000²

Hợp tác xã ngành nghề	Tổng số hợp tác xã đã chuyển đổi			Tổng số đến tháng 12-1996		Hợp tác xã mới thành lập		
	Tổng số hợp tác xã đã chuyển đổi	Trong đó hợp tác xã đã cấp đăng ký kinh doanh	% so với tổng số hợp tác xã đã chuyển đổi	Tổng số hợp tác xã	% so chuyển đổi chưa chuyển đổi năm 1996	Tổng số hợp tác xã thành lập mới	Tổng số hợp tác xã đăng ký kinh doanh	% so hợp tác xã thành lập mới
Nông lâm nghiệp	5.764	4.544	78,83	3.110	35,05	1.401	1.401	99,00
Diêm nghiệp	31	31	100,00	1	2,86	4	2	50,00
Thủy sản	164	59	35,98	18	10,00	346	346	100,00
Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	881	441	50,06	58	6,22	627	627	100,00
Xây dựng	97	64	65,98	43	30,71	201	201	100,00
Giao thông-vận tải	356	294	82,58	33	8,62	562	562	100,00
Thương mại	134	57	42,54	77	36,49	162	162	100,00
Tín dụng	564	564	100,00	13	2,24	397	394	99,24
HTX khác	34	29	85,29			52	50	96,15
Cộng chung	8.025	6.083	75,80	3.353	29,61	3.766	3.745	99,44

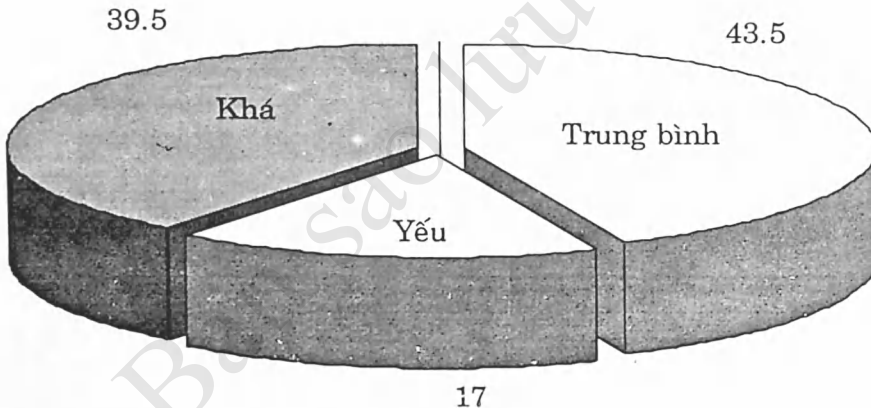
1,2. Theo Báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phân loại khá, trung bình, yếu kém năm 2000¹

+ Phân loại hợp tác xã nông nghiệp (NN-LN-DN-TS) và hợp tác xã phi nông nghiệp qua biểu đồ:



Phân loại hợp tác xã phi nông nghiệp năm 2000



+ Phân loại hợp tác xã theo 7 vùng:

Số TT	Các vùng	Tổng số hợp tác xã có báo cáo	HTX loại khá		HTX trung bình		HTX yếu, kém	
			Số lượng	% so tổng số	Số lượng	% so tổng số	Số lượng	% so tổng số
1.	Trung du MN phía Bắc	92	27	29,35	36	39,13	29	31,52
2.	Đồng bằng Bắc bộ	2576	819	31,79	1.238	48,06	519	20,15
3.	Duyên hải Bắc Trung bộ	1.259	367	29,15	602	47,82	290	23,03
4.	Duyên hải Nam Trung bộ	1.259	367	29,15	602	47,82	290	23,03
5.	Tây Nguyên	670	257	38,36	261	38,96	152	22,69
6.	Miền Đông Nam bộ	460	149	32,39	190	41,30	212	26,30
7.	Đồng bằng sông Cửu Long	1.334	408	30,58	565	42,35	361	27,06
	Cộng chung	7.650	2.394	31,29	3.494	45,67	1.762	23,03

1. Báo cáo viên của các tỉnh, thành phố tháng 6-2000.

2. Quy mô xã viên hợp tác xã và đóng góp cổ phần¹

Theo báo cáo ở 3.772 hợp tác xã đã chuyển đổi và 1.121 hợp tác xã mới thành lập của các địa phương cho thấy quy mô xã viên tham gia hợp tác xã và đóng góp cổ phần cho các ngành nghề như sau:

Số TT	Loại hợp tác xã	Số xã viên bình quân 1 hợp tác xã	Trong đó xã viên hợp tác xã chuyển đổi	Bình quân hợp tác xã mới thành lập	% xã viên góp cổ phần mới	% xã viên góp > quy định điều lệ
1.	HTX Nông-Lâm nghiệp	930	1.036	276	56,37	7,02
2.	HTX Diêm nghiệp	444	444	0	100,00	0,00
3.	HTX Thủy sản	20	37	16	68,04	5,85
4.	HTX Tiểu thủ công nghiệp	20	20	21	88,73	17,17
5.	HTX Xây dựng	16	20	13	85,21	27,52
6.	HTX Giao thông-vận tải	69	85	38	91,92	19,34
7.	HTX Thương mại	70	87	46	82,16	38,28
8.	HTX Tín dụng	790	798	669	88,55	3,73
9.	HTX khác	177	280	133	86,87	18,96

(Xã viên hợp tác xã tín dụng tính cả số xã viên xác lập. Số xã viên thường xuyên bình quân có 18 người/ hợp tác xã)

Mức đóng góp cổ phần bình quân:

+ Hợp tác xã nông nghiệp đã góp cổ phần là 316.000 đồng; trong đó góp cổ phần mới là 59.000 đồng.

+ Hợp tác xã nông nghiệp góp cổ phần cũ là 10.766.000 đồng và góp cổ phần mới là 6.324.000 đồng.

Trong đó: xã viên hợp tác xã dịch vụ điện, nước đóng cao nhất (97 tr.đ/ xã viên); hợp tác xã giao thông (39,9 tr. đ/ xã viên); hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp (36,4 tr. đ/ xã viên), thấp nhất là hợp tác xã tín dụng (1,93 tr.đ/xã viên).

3. Tài sản, vốn quỹ và công nợ của hợp tác xã

a) *Vốn cố định, lưu động của hợp tác xã:*

- Tổng hợp số liệu báo cáo của 5.143 hợp tác xã ở 7 vùng (có 3.784 hợp tác xã đã chuyển đổi, 1.359 hợp tác xã mới thành lập) cho thấy quy mô vốn của các ngành nghề như sau:

+ Bình quân chung một hợp tác xã nông nghiệp có 557,56 triệu đồng, trong đó: tài sản cố định 407 triệu đồng (73%), vốn lưu động 150,3 triệu đồng (27%), riêng vốn lưu động tự có 64,7 triệu đồng/ hợp tác xã; vốn do xã viên đóng góp chiếm 44,8%/ tổng giá trị tài sản, nhưng chủ yếu do vốn cũ chuyển qua, vốn mới góp chỉ chiếm 8,3%. Hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển đổi bình quân 638,3 triệu đồng/1 hợp tác xã, trong đó giá trị tài sản cố định chiếm 72,2%; vốn góp của xã viên chiếm 45,6%, trong đó vốn cũ chuyển qua chiếm 39%.

1. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

+ Hợp tác xã phi nông nghiệp: Vốn bình quân một hợp tác xã là 1.833,5 triệu đồng, cao nhất hợp tác xã giao thông 3,03 tỷ/ 1 hợp tác xã (vốn cố định chiếm 87,5%); hợp tác xã tín dụng 2,92 tỷ/ 1 hợp tác xã (vốn cố định chiếm 2,9, vốn lưu động chiếm 97,1%).

Vốn bình quân một hợp tác xã phân theo chuyển đổi và mới thành lập theo các ngành nghề như sau:

Số TT	Loại hình hợp tác xã	HTX đã chuyển đổi			HTX mới thành lập		
		Bình quân vốn 1 hợp tác xã (tr.đ)	Trong đó vốn cố định (%)	Vốn lưu động (%)	Bình quân vốn 1 hợp tác xã (tr.đ)	Trong đó vốn cố định (%)	Vốn lưu động (%)
1.	HTX Nông- lâm nghiệp	638,3	72,17	27,83	49,7	84,75	15,25
2.	HTX Diêm nghiệp	712,6	76,52	23,48	79,0	15,61	84,39
3.	HTX Thủy sản	894,6	90,59	9,41	1.391,5	97,20	2,80
4.	HTX Tiểu thủ công nghiệp	849,9	68,75	31,25	747,7	61,96	38,04
5.	HTX Giao thông-vận tải	3.182,3	92,67	7,33	2.160,6	65,61	34,39
6.	HTX Xây dựng	802,0	45,67	54,33	447,5	49,89	50,11
7.	HTX Thương mại	743,3	54,39	45,61	399,4	59,69	40,31
8.	HTX Tín dụng	3.086,9	2,87	97,13	1.033,5	3,85	96,15
9.	HTX khác	485,3	47,14	52,86	250,9	63,92	36,08

b) Vốn, quỹ của hợp tác xã:

Vốn bình quân một hợp tác xã năm 2000 theo vùng:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Số TT	Vùng khảo sát	Số hợp tác xã báo cáo	Tổng vốn bình quân 1 HTX	Trong đó vốn cố định	Vốn lưu động/ HTX	Vốn cố định tự có	Vốn lưu động tự có
1.	Trung du miền núi phía Bắc	956	359,60	243,33	116,33	208,23	30,29
2.	Đồng bằng Bắc bộ	2.040	962,79	525,62	437,17	233,70	116,58
3.	Duyên hải Bắc Trung bộ	803	767,24	516,00	251,24	259,83	79,17
4.	Duyên hải Nam Trung bộ	432	1.476,73	904,53	572,21	353,33	111,04
5.	Tây Nguyên	217	1.644,53	1.016,83	627,70	702,19	205,09
6.	Đồng Nam bộ	144	2.806,88	1.286,22	1.520,67	404,31	228,64
7.	ĐB sông Cửu Long	460	1.513,08	595,00	918,08	371,88	106,72

Vốn tự có của hợp tác xã chuyển đổi, mới thành lập:

Số TT	Loại hình hợp tác xã	HTX đã chuyển đổi			HTX mới thành lập		
		Bình quân vốn tự có 1 hợp tác xã (tr. đ)	Trong đó vốn cố định (%)	% so với tổng vốn hợp tác xã (%)	Bình quân vốn tự có 1 hợp tác xã (Tr.đ)	Trong đó vốn cố định (%)	% so với tổng vốn hợp tác xã (%)
1.	HTX Nông-lâm nghiệp	333,3	80,6	52,2	35,3	67,5	70,9
2.	HTX Diêm nghiệp	443,8	88,0	62,3	11,3	29,4	14,3
3.	HTX Thủy sản	179,9	79,2	20,1	136,8	87,4	9,8
4.	HTX Tiểu thủ công nghiệp	678,0	74,4	79,8	537,3	70,2	71,9
5.	HTX giao thông-vận tải	1.185,2	93,5	37,2	1.849,6	65,2	85,6
6.	HTX Xây dựng	326,3	84,4	40,7	357,9	54,3	80,0
7.	HTX thương mại	348,00	20,1	46,8	191,3	47,1	87,9
8.	HTX tín dụng	1.245,9	5,0	40,4	263,9	13,1	25,5
9.	HTX khác	465,4	66,00	95,9	135,7	32,9	54,1

- *Trích quỹ của hợp tác xã năm 2000:*

+ Đề quỹ bình quân một hợp tác xã năm 2000: 35,96 triệu đồng, trong đó quỹ phát triển sản xuất (PTSX) chiếm 90,3%.

+ Hợp tác xã phi nông nghiệp: hợp tác xã tín dụng 92 triệu đồng/ 1 hợp tác xã, trong đó quỹ phát triển sản xuất chiếm 29,3%; hợp tác xã Giao thông 35,8 triệu đồng/ 1 hợp tác xã, quỹ phát triển sản xuất chiếm 43%; hợp tác xã phát triển sản xuất là 25,7 triệu đồng/ 1 hợp tác xã, quỹ phát triển sản xuất chiếm 56%...

c) *Nợ phải thu, phải trả và cân đối khả năng vốn của hợp tác xã để trả nợ:*

Số TT	Loại hợp tác xã	Nợ phải trả/ HTX (tr.đ)	Trong đó nợ Ngân hàng (%)	Nợ phải thu/ IHTX (tr.đ)	Trong đó xã viên nợ hợp tác xã (%)	Cân đối phải thu (-) phải trả (tr.đ)	Cân đối vốn HTX (-) phải trả	Đánh giá về vốn HTX
I	HTX đã chuyển đổi							
1.	HTX Nông-lâm nghiệp	72,89	29,6	115,51	80,5	42,62	375,89	Còn vốn
2.	HTX Diêm nghiệp	132,42	0,0	0,00		-132,42	311,37	
3.	HTX Thủy sản	597,23	24,0	7,72	93,0	-589,51	-409,64	Mất vốn
4.	HTX Tiểu thủ công nghiệp	199,75	4,1	79,26	6,2	-120,48	557,57	Còn vốn
5.	HTX Giao thông-vận tải	270,21	2,2	30,61	39,2	-239,60	945,57	
6.	HTX Xây dựng	238,31	3,7	276,84	12,1	38,53	364,86	
7.	HTX Thương mại	467,90	1,0	205,79	1,4	-262,11	85,88	
8.	HTX Tín dụng	1.970,34	0,0	1.618,19	94,4	-352,15	893,80	
9.	HTX khác	122,21	1,6	92,00	14,5	-30,21	435,21	
II	HTX mới thành lập							
1.	HTX Nông-lâm nghiệp	20,58	29,1	18,50	38,4	-2,08	33,18	
2.	HTX Diêm nghiệp	58,33	100,0	60,00	100,0	1,67	13,00	
3.	HTX Thủy sản	1.254,76	65,6	37,21	9,2	-1.217,6	-1.080,8	Mất vốn
4.	HTX Tiểu thủ công nghiệp	156,26	43,0	94,72	27,6	-61,54	475,74	Còn vốn
5.	HTX Giao thông-vận tải	90,83	9,4	78,41	30,2	-12,42	1.837,1	
6.	HTX Xây dựng	93,26	37,4	132,99	4,1	39,73	397,63	
7.	HTX Thương mại	207,68	12,3	53,24	23,7	-154,44	36,90	
8.	HTX Tín dụng	901,46	18,5	730,67	70,6	-170,79	93,13	
9.	HTX khác	80,96	9,8	19,28	5,9	-61,68	74,06	

(Hợp tác xã đánh cá đang mất cân đối so với vốn tự có, do chủ yếu vay đóng tàu khai thác xa bờ)

4. Kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2000

- *Tổng hợp về sản xuất kinh doanh năm 2000 của 3.628 hợp tác xã trên các lĩnh vực cho thấy:* Có 54,3% hợp tác xã có lãi, 13,8% hợp tác xã lỗ và 31,9% hợp tác xã hòa vốn. Doanh thu bình quân đạt 990 triệu đồng/ 1 hợp tác xã, tỷ lệ bình quân lãi/ doanh thu là 3,9%. Doanh thu của hợp tác xã nông nghiệp và diêm nghiệp đạt thấp nhất, cao nhất là hợp tác xã thương mại (5-6 tỷ/1 hợp tác xã), kể là hợp tác xã giao thông, tín dụng và xây dựng (từ 2-3 tỷ/1 hợp tác xã).

Kết quả sản xuất kinh doanh các ngành nghề:

Số TT	Loại hợp tác xã	Doanh thu b.q 1 hợp tác xã	Lãi b.q 1 hợp tác xã (tr. đ)	% hợp tác xã có lãi (%)	Thực lãi b.q 1 hợp tác xã (tr.đ)	% hợp tác xã bị lỗ (%)	% hợp tác xã hòa vốn (%)
1.	HTX Nông-lâm nghiệp	345,7	28,3	39,1	25,2	16,0	44,9
2.	HTX Diêm nghiệp	156,6	3,7	80,0	10,5	0,0	20,0
3.	HTX Thủy sản	655,9	45,3	37,5	35,9	25,0	37,5
4.	HTX Tiểu thủ công nghiệp	1.441,3	48,8	68,9	23,1	10,9	20,2
5.	HTX Giao thông-vận tải	2.853,6	89,6	57,2	70,9	2,8	40,4
6.	HTX Xây dựng	1.206,5	20,8	52,4	16,5	23,8	23,8
7.	HTX Thương mại	5.901,5	75,1	79,7	18,4	7,8	12,5
8.	HTX Tín dụng	2.605,8	78,7	86,8	74,7	12,0	1,2

- *Trả lương cho cán bộ quản lý hợp tác xã:* Tổng hợp báo cáo của 3.628 hợp tác xã trên các lĩnh vực cho thấy hợp tác xã nông nghiệp có 95,3% hợp tác xã trả lương cho cán bộ quản lý ở mức dưới 0,5 triệu đồng/người/ tháng, 4,7% hợp tác xã trả 0,5 – 1 triệu đồng. Hợp tác xã phi nông nghiệp trả lương mức hơn 2 triệu đồng chỉ có ở hợp tác xã xây dựng và tín dụng, còn lại mức phổ biến các hợp tác xã phi nông nghiệp trả từ 0,5 – 1,0 triệu đồng/ người/ tháng.

- *Các khoản đóng góp của hợp tác xã năm 2000:* Cao nhất là hợp tác xã giao thông (bình quân đóng góp 97,5 triệu đồng/ 1hợp tác xã, trong đó thuế chiếm 50 – 55%), kế là hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã xây dựng và thương mại (30-50 triệu đồng, trong đó thuế chiếm 30-45%), thấp nhất là hợp tác xã nông nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp (1-5 triệu đồng/hợp tác xã/năm)

5. Thực trạng về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã.

a) *Trình độ Ban quản lý hợp tác xã theo ngành nghề (Điều tra tháng 6-2001):*

Số TT	Loại hình hợp tác xã	Chủ nhiệm HTX		Kế toán trưởng		Trưởng ban kiểm soát	
		% là Đảng viên	% chưa qua đào tạo	% là đảng viên	% chưa qua đào tạo	% là đảng viên	% chưa qua đào tạo
I	HTX nông, lâm, ngư nghiệp	64,70	51,20	53,85	45,63	55,41	72,66
1.	HTX Nông nghiệp	70,26	49,53	53,98	42,34	62,52	71,84
2.	HTX Lâm nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3.	HTX Diêm nghiệp	40,00	30,00	30,00	20,00	50,00	50,00

PHẦN THỨ HAI:
MỘT SỐ SỐ LIỆU VỀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN
CỦA KINH TẾ KHU VỰC TƯ NHÂN¹

1. Cơ cấu và tốc độ tăng GDP tính theo loại hình doanh nghiệp, từ năm 1996 đến năm 1999²

	1996		1997		1998		1999	
	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)
Tổng GDP (tỷ đồng Việt Nam) và tốc độ tăng	13.833	0,30	31.264	0,20	44.596	0,80	56.269	0,80
Nhà nước	0,00	0,80	0,10	0,40	9,70	0,20	9,40	0,20
Kinh tế nhà nước	0,80	1,30	1,40	0,70	1,30	0,60	1,00	0,30
Kinh tế tập thể	0,20	0,60	0,70	0,64	0,40	0,50	0,40	0,60
Tư nhân trong nước	2,70	0,20	1,70	0,70	1,10	0,80	0,50	0,60
Hộ gia đình và nông dân (kinh tế cá thể)	5,03	0,60	4,20	0,60	3,60	0,40	3,20	0,90
Khu vực tư nhân chính thức	0,67	8,70	0,50	0,70	0,50	0,84	0,30	0,71
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,40	9,40	0,20	0,80	0,20	9,10	0,20	3,40

2. Cơ cấu và tốc độ tăng lao động xét theo loại hình doanh nghiệp 1996-1999³.

	1996		1997		1998		1999	
	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)
Tổng lực lượng lao động (người) và tốc độ tăng	35.791.900	3,30	36.994.200	3,40	38.094.200	3,00	39.402.150	3,00
Khu vực nhà nước	9,10	2,60	9,20	4,60	9,10	1,85	9,00	
Doanh nghiệp nhà nước	5,10	3,70	5,20	3,80	5,20	2,97	5,10	
Hành chính sự nghiệp	3,60	11,6	3,70	4,60	3,60	0,20	3,70	
Kinh tế tập thể	0,30	20,1	0,40	16,90	0,30	0,77	0,20	
Tư nhân trong nước	90,30	3,70	90,20	3,20	90,20	2,97	90,40	9,00
Hộ gia đình và nông dân (kinh tế cá thể)	89,20	3,60	89,00	3,10	89,90	2,85	89,00	
Khu vực tư nhân chính thức	1,10	13,70	1,20	12,00	1,30	11,55	11,40	38,00
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,60	132,9	0,60	3,90	0,70	8,32	0,60	6,00
Tổng cộng	100		100		100		100	

1.3. Tổng cục Thống kê (1999)

2. GDP tính theo giá năm 1994.

3. Số lượng công ty tư nhân tính theo địa vị pháp lý, 1996-2000¹.

	1996	1997	1998	1999	6 tháng đầu năm 2000
Công ty ngoài quốc doanh	1.143	3.713	6.753	9.915	46.523
Tốc độ tăng hàng năm		0,30%	0,9%	0,6%	16,6%
Doanh nghiệp tư nhân	1.905	3.009	4.998	6.989	30.077
Tốc độ tăng hàng năm			0,6%	0,9%	11,5%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	1.316	0.420	1.384	2.473	15,70
Tốc độ tăng hàng năm		1,8%	0,2%	0,5%	25,9%
Công ty cổ phần	76	02	71	53	745
Tốc độ tăng hàng năm		0,4%	2,8%	2,1%	64,5%

4. Sản xuất công nghiệp tính theo thành phần sở hữu, 1996-2000 (% trong tổng sản lượng công nghiệp)¹

	1996	1997	1998	1999
Nhà nước	49,9	48,6	46,5	44,0
Kinh tế nhà nước	49,3	48,0	45,9	13,5
Kinh tế tập thể	0,6	0,6	0,6	0,5
Tư nhân trong nước	23,4	22,5	21,5	21,3
Hộ gia đình (kinh tế cá thể)	16,1	14,7	13,8	13,8
Kinh tế tư nhân chính thức	2,4	2,4	2,2	2,0
Kinh tế hỗn hợp	5,0	5,5	5,5	5,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	26,7	28,9	32,0	34,7

1. Tổng cục Thống kê (1996-2000), Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
1. Tổng cục Thống kê và IMF năm 2000.

PHẦN THỨ BA

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

I. THỰC TRẠNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

A. Một số tư liệu, số liệu về thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

1. Dân số, lao động và việc làm 1999-2000¹

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm		
		1990	1996	2000
1. Tổng dân số	1.000 người	65.188,4	73.156,7	77.685,5
- Thành thị	1.000 người	13.280,7	15.419,9	18.619,9
- Nông thôn	1.000 người	51.907,7	57.736,8	59.065,6
2. Số nhân khẩu từ 15 tuổi trở lên	1.000 người		35.187,3	40.445,5
- Thành thị	1.000 người		7.160,1	8.276,0
- Nông thôn	1.000 người		28.027,2	31.719,5
3. Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng (của dân số hoạt động kinh tế thường xuyên khu vực nông thôn)				
- Cả nước	%		72,11	74,19
- Đồng bằng sông Hồng	%		75,69	75,71
- Đông Bắc	%		79,01	73,01
- Tây Bắc	%		79,01	73,44
- Bắc Trung bộ	%		73,35	72,12
- Duyên hải Nam Trung bộ	%		70,69	73,92
- Tây Nguyên	%		74,98	77,04
- Đông Nam bộ	%		61,76	76,58
- Đồng bằng sông Cửu Long	%		68,16	73,68
4. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%			
Cả nước	%		5,88	6,42
- Đồng bằng sông Hồng	%		7,57	7,34
- Đông Bắc	%		6,42	6,49
- Tây Bắc	%		4,51	6,02
- Bắc Trung bộ	%		6,96	6,87
- Duyên hải Nam Trung Bộ	%		5,57	6,31
- Tây Nguyên	%		4,24	5,16
- Đông Nam Bộ	%		5,43	6,16
- Đồng bằng sông Cửu Long	%		4,73	6,15

1. Kinh tế xã hội Việt Nam 1975-2000, Nxb. Thống kê. Số liệu lao động, thương binh và xã hội Việt Nam 1996 - 2000, Nxb. Lao động.

2. Hộ, nhân khẩu, lao động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của cả nước¹.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm		
		1990	1995	1998
I. Tổng số hộ	1.000 hộ	11.025	12.250	12.588
Trong đó:				
1. Hộ nông nghiệp	1.000 hộ	9.357	10.468	10.981
2. Hộ lâm nghiệp	1.000 hộ	26.303	31.232	38.416
3. Hộ thủy sản	1.000 hộ	228.650	267.941	301.952
II. Tổng số nhân khẩu	1.000 người	59.920	58.800	62.265
Trong đó:				
1. Nhân khẩu nông nghiệp	1.000 người	45.413	50.335	52.668
2. Nhân khẩu lâm nghiệp	1.000 người	130.764	155.293	185.034
3. Nhân khẩu thủy sản	1.000 người	1.171	1.390	1.557
III. Tổng số lao động		25.771	28.175	27.922
1. Lao động nông nghiệp	1.000 người	17.677	24.041	25.302
2. Lao động lâm nghiệp	1.000 người	60.490	71.845	90.841
3. Lao động thủy sản	1.000 người	554.290	658.340	756.300

Ghi chú: Tổng số hộ, nhân khẩu, lao động trong biểu bày bao gồm toàn bộ số hộ, nhân khẩu, lao động ở khu vực nông thôn và số hộ, nhân khẩu, lao động thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản ở khu vực thành thị.

3. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)¹

	Giá trị (tỷ đồng)			Cơ cấu (%)		
	1991	1995	2000	1991	1995	2000
Tổng sản phẩm trong nước	76.707	228.892	444.139	100,00	100,00	100,00
Trong đó:						
Nông – lâm nghiệp và thủy sản	31.058	62.219	107.913	40,49	27,18	24,30
1. Nông-Lâm nghiệp	28.766	55.555	94.375	37,53	24,27	21,25
a. Nông nghiệp	27.061	52.713	88.409	35,26	23,03	19,91
- Trồng trọt	23.038	44.418	71.611	30,03	19,41	16,12
- Chăn nuôi	3.530	7.161	14.588	4,60	3,13	3,28
- Dịch vụ nông nghiệp	493	1.134	2.210	0,64	0,50	0,50
b. Lâm nghiệp	1.725	2.842	5.966	2,25	1,24	1,34
2. Thủy sản	2.272	6.663	13.538	2,96	2,91	3,05

1. Số liệu thống kê nông lâm thủy sản 1990-1998.
2. Tổng cục Thống kê: Niên giám thống kê.

Tính theo giá so sánh 1994:

	Giá trị (tỷ đồng)			Cơ cấu (%)		
	1991	1995	2000	1991	1995	2000
Tổng sản phẩm trong nước	139.634	195.567	273.422	100,00	100,00	100,00
Trong đó:						
Nông - Lâm nghiệp và thủy sản	42.917	51.319	63.353	30,74	26,24	23,17
1. Nông - Lâm nghiệp	38.432	46.057	57.049	27,52	23,55	20,86
a) Nông nghiệp	36.285	43.658	54.512	25,99	22,32	19,94
- Trồng trọt	29.188	34.976	44.155	20,90	17,88	16,15
- Chăn nuôi	5.951	7.394	8.994	4,26	3,78	3,29
- Dịch vụ nông nghiệp	1.146	1.288	1.363	0,82	0,66	0,50
b) Lâm nghiệp	2.147	2.399	2.537	1,54	1,23	0,93
2. Thủy sản	4.485	5.262	6.304	3,21	2,69	2,31

4. Quy mô, chất lượng của lực lượng lao động hộ, cơ sở ngành nghề nông thôn¹.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cơ sở chuyên	Hộ chuyên	Hộ kiêm	Hộ nông nghiệp thuần
1. Lao động thường xuyên (LĐTX)					
a) Quy mô LĐTX bình quân	1.000 người	26,50	3,32	3,16	2,57
Trong đó: Nữ	1.000 người	11,55	1,05	1,39	1,26
% so với tổng số	%	43,58	31,63	43,99	49,03
b) Cơ cấu LĐTX chia theo trình độ văn hóa					
- Chưa tốt nghiệp cấp I	%	4,53	9,99	14,33	14,46
- Tốt nghiệp cấp I	%	14,45	21,76	26,43	30,21
- Tốt nghiệp cấp II	%	46,56	43,54	43,30	43,11
- Tốt nghiệp cấp III	%	34,37	24,71	15,93	12,22
c) Cơ cấu LĐTX chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật					
- Không có chuyên môn kỹ thuật	%	36,15	54,81	78,76	93,78
- Công nhân kỹ thuật	%	54,05	40,09	16,62	4,03
Trong đó: + Thợ giỏi	%	9,82	6,75	1,25	0,05
+ Cao đẳng, Đại học	%	6,00	3,55	2,27	1,37
2. Lao động thời vụ		3,8	1,55	1,35	0,82
Quy mô lao động thời vụ bình quân	Ngày	6,85	0,45	4,23	5,85
Tỷ lệ so với lao động thường xuyên	%	25,85	13,55	133,86	228,02
3. Thời gian hoạt động bình quân					
Số tháng hoạt động/năm	Tháng	9,83	10,79	10,17	
Số ngày làm việc/ tháng	Ngày	25,08	25,25	25,29	

1. Tài liệu điều tra ngành nghề nông thôn 1997

5. Tỷ lệ nông sản Việt Nam qua chế biến¹.

Hạng mục	1990	1995	2000
Tỷ lệ gạo xay xát bằng máy	42	75	85
Trong đó: Công nghệ tiên tiến	5	15	26
Cà phê	17	30	57
Trong đó: Chế biến ướt	-	5	12
Cao su	85	90	95
Trong đó: Cao su chế biến thành phẩm	7	10	15
Chè	47	85	78
Trong đó: Chế biến công nghệ tiên tiến	6	23	37
Mía đường	25	57	82
Trong đó: Công nghệ tiên tiến	-	10	22
Điều	85	93	97
Trong đó: Công nghệ tiên tiến	37	58	85
Rau quả	<	5	7
Trong đó: Công nghệ tiên tiến	-	-	-
Thịt	0,5	1	2
Trong đó: Công nghệ tiên tiến	-	0,3	0,7

1. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX.

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật và điều kiện sản xuất của cơ sở, hộ¹

	Nhóm chế biến lâm thủy nông sản	Nhóm thủ công nghiệp và xây dựng	Nhóm dịch vụ	Chung
I. CƠ SỞ CHUYÊN				
1. Hiện trạng nhà xưởng				
- Tỷ lệ nhà xưởng kiên cố (%)	13,56	24,02	24,67	20,05
- Tỷ lệ nhà xưởng bán kiên cố (%)	72,56	58,27	72,25	67,92
- Tỷ lệ nhà xưởng là nhà tạm (%)	13,88	17,72	3,08	12,03
2. Nguồn gốc nhà xưởng				
- Tỷ lệ xây hoặc tự có (%)	83,60	76,77	73,57	78,57
- Tỷ lệ được cấp (%)	5,99	7,87	11,45	8,15
- Tỷ lệ cơ sở phải đi thuê (%)	8,20	11,02	9,69	9,52
Khác (%)	2,21	4,33	5,29	-
3. Điều kiện sản xuất				
- Diện tích sử dụng bình quân cho một lao động thường xuyên (m ^{2*})	77,19	140,80	163,03	122,29
- Tỷ lệ cơ sở không sử dụng điện để sản xuất (%)	13,56	17,32	10,57	13,91
- Tỷ lệ cơ sở không đủ nước cho sản xuất (%)	4,42	3,54	6,17	4,64
- Tỷ lệ cơ sở không đảm bảo an toàn vệ sinh lao động (%)	13,25	15,35	9,69	12,91
- Giá trị máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất bình quân cho một lao động sử dụng thường xuyên (1.000đ)	13.897	10.471	26.462	14.863
4. Trình độ kỹ thuật				
- Thủ công, bán cơ khí (%)	61,51	70,69	43,96	59,44
- Cơ khí (%)	38,49	29,31	56,04	40,56
- Tự động (%)	-	-	-	-
II. HỘ				
1. Hiện trạng nhà ở				
- Tỷ lệ hộ có nhà kiên cố (%)	-	-	-	21,8
- Tỷ lệ hộ có nhà bán kiên cố (%)	-	-	-	63,3
- Tỷ lệ hộ có nhà tạm (%)	-	-	-	14,
2. Điều kiện sản xuất				
- Diện tích nhà/ 1 lao động sử dụng thường xuyên (m ²)	-	-	-	17,7
- Diện tích đất nông lâm bình quân cho 1 lao động thường xuyên (m ²)	-	-	-	116,9
- Giá trị máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất bình quân cho một lao động thường xuyên (1.000đ)	-	-	-	6,11
- Tỷ lệ hộ không sử dụng điện (%)	-	-	-	2,97

1. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX.

7. Tốc độ phát triển tiểu thủ công nghiệp ở các vùng¹.

Đơn vị %:

Khu vực	Năm					Bình quân 1991-1995
	1991	1992	1993	1994	1995	
Cả nước	5,2	4,6	8,9	11,5	7,7	7,8
Miền Bắc	3,7	1,9	4,4	3,5	5,8	3,7
Miền núi – Trung du	9,5	0,9	4,9	2,5	3,5	3,9
Đồng bằng sông Hồng	0,3	2,3	5,3	3,2	7,2	3,7
Khu Bốn cũ	1,6	2,7	2,3	5,6	6,9	3,7
Miền Nam	6,2	6,3	11,6	16	8,7	10,1
Duyên hải miền Trung	6,4		1,3	15,1	9,1	3,2
Tây Nguyên	3,6	1,6	20,0	-3,8	5,4	5,6
Đông Nam Bộ	21,7	20,3	21,9	16,4	8,2	18,2
Đồng bằng sông Cửu Long	-1,3	5,4	7,9	17,1	9	8,1

8. Cơ sở hạ tầng nông thôn phân theo vùng².

Chỉ tiêu	Vùng	Năm		
		1997	1998	1999
Tỷ lệ xã có điện (%)	Cả nước	79,9	82,9	85,8
	Đồng bằng sông Hồng	99,3	99,4	99,9
	Đông Bắc	72,0	73,6	78,1
	Tây Bắc	49,3	50,9	54,6
	Bắc Trung Bộ	82,0	85,9	88,4
	Duyên hải Nam Trung Bộ	72,0	73,4	79,8
	Tây Nguyên	46,3	59,1	64,5
	Đông Nam Bộ	88,7	91,7	94,4
	Đồng bằng sông Cửu Long	89,6	93,3	95,5
Tỷ lệ xã có đường ô tô đến xã (%)	Cả nước	90,3	91,6	92,9
	Đồng bằng sông Hồng	99,6	99,6	99,9
	Đông Bắc	88,4	91,1	94,8
	Tây Bắc	82,3	84,6	85,4
	Bắc Trung Bộ	93,5	94,9	94,7
	Duyên hải Nam Trung Bộ	93,9	93,4	93,8
	Tây Nguyên	97,1	96,9	97,2
	Đông Nam Bộ	99,0	99,1	99,3

1. Nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

2. Tổng cục Thống kê: Niên giám năm 2000.

	Đồng bằng sông Cửu Long	70,5	73,2	75,3
Tỷ lệ xã có đường ô tô đến thôn (%)	Cả nước	77,2	78,4	79,8
	Đồng bằng sông Hồng	99,1	99,1	99,6
	Đông Bắc	62,7	66,2	67,5
	Tây Bắc	49,7	51,2	54,9
	Bắc Trung Bộ	85,2	86,7	87,7
	Duyên hải Nam Trung Bộ	82,0	87,8	85,5
	Tây Nguyên	94,1	85,6	86,7
	Đông Nam Bộ	93,1	95,2	96,4
	Đồng bằng sông Cửu Long	54,4	54,3	58,8
Tỷ lệ xã có trường tiểu học (%)	Cả nước	97,9	98,9	98,8
	Đồng bằng sông Hồng	99,3	99,5	99,9
	Đông Bắc	94,2	98,0	97,8
	Tây Bắc	99,0	97,1	95,8
	Bắc Trung Bộ	99,1	99,7	99
	Duyên hải Nam Trung Bộ	98,4	98,4	97,
	Tây Nguyên	99,5	97,2	96,
	Đông Nam Bộ	99,3	99,7	100,0
	Đồng bằng sông Cửu Long	98,7	100,0	99,
Tỷ lệ xã có trạm y tế (%)	Cả nước	96,4	97,7	98
	Đồng bằng sông Hồng	99,8	99,9	100,0
	Đông Bắc	94,9	97,1	96
	Tây Bắc	97,8	98,4	99,
	Bắc Trung Bộ	95,1	97,5	97
	Duyên hải Nam Trung Bộ	90,7	94,6	96
	Tây Nguyên	98,7	94,3	95
	Đông Nam Bộ	98,9	99,3	95
	Đồng bằng sông Cửu Long	96,7	97,8	98

9. Thực hiện tưới tiêu nước thời kỳ 1996-2000¹

Danh mục	Đơn vị tính	Năm				
		1996	1997	1998	1999	2000
1. Diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm	1000 ha	9.486,1	9.680,9	10.001,3	10.468,9	10.448,9
2. Tổng diện tích được tưới của cây hàng năm	1000 ha	6.649	6.869	7.136	7.357	7.590
Trong đó:						
a) Diện tích được tưới lúa cả năm	1000 ha	5.919	6.105	6.330	6.507	6.690
- Lúa đông xuân	1000 ha	2.457	2.579	2.688	2.751	2.860
- Lúa hè thu	1000 ha	1.780	1.817	1.921	2.088	2.190
- Lúa mùa	1000 ha	1.682	1.709	1.721	1.668	1.640
b) Tưới màu và cây công nghiệp hàng năm	1000ha	730	764	806	850	900
3. Tỷ lệ diện tích được tưới so với diện tích gieo trồng hàng năm	%	70,9	79,05	71,28	70,27	72,64

10. Tỷ lệ các xã có đường ô tô đến trung tâm².

Số TT	Khu vực	1997	1998	1999	2000
	Cả nước	93,00	91,60	92,90	95,98
1.	Đồng bằng sông Hồng	99,60	99,60	99,90	100,00
2.	Đông Bắc	88,40	91,10	94,80	97,35
3.	Tây Bắc	82,30	84,60	85,40	90,16
4.	Bắc Trung Bộ	93,50	94,90	94,70	96,36
5.	Duyên hải Nam Trung Bộ	93,90	93,40	93,80	96,51
6.	Tây Nguyên	97,10	96,90	97,20	98,38
7.	Đông Nam Bộ	99,00	99,10	99,30	99,90
8.	Đồng bằng sông Cửu Long	70,50	73,20	75,30	86,02

11. Tỷ lệ các thôn, bản có đường ô tô đến trung tâm³.

Số TT	Khu vực	1997	1998	1999
	CẢ NƯỚC	77,2	78,4	79,8
1.	Đồng bằng sông Hồng	99,1	99,1	99,6
2.	Đông Bắc	62,7	66,2	67,5
3.	Tây Bắc	49,7	51,2	54,9
4.	Bắc Trung Bộ	85,2	86,7	87,7
5.	Duyên hải Nam Trung Bộ	85,0	87,8	85,5
6.	Tây Nguyên	94,1	85,6	86,7
7.	Đông Nam Bộ	93,1	95,2	96,4
8.	Đồng bằng sông Cửu Long	54,4	54,3	58,8

1,2,3. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

12. Chất lượng hệ thống đường nông thôn¹

CHỈ TIÊU	LOẠI ĐƯỜNG										Tổng số đường nông thôn (Huyện - xã - thôn, bản)		
	Quốc lộ		Đường tỉnh		Đường huyện		Đường xã		Đường thôn, bản		Km	%	
	Km	%	Km	%	Km	%	Km	%	Km	%			
Mặt đường													
Nhựa	5.502	63,8	4.184	23,2	3.630	9,6	1.996	4,0	929	1,1	6.555	3,8	
Đá dăm	2.030	25,7	3.851	21,4	5.326	14,0	4.146	8,8	2.576	2,9	12.048	7,0	
Cấp phối	784	9,9	5.103	28,3	12.899	34,0	18.424	39,2	25.900	29,6	57.223	33,2	
Đất	48	0,6	4.880	27,1	16.119	42,4	22.420	47,7	58.072	66,4	96.611	56,0	
Điều kiện													
Tốt/ trung bình			7.200	40,2		27,2	8.492	18,1	13.004	14,9	31.812	18,4	
Xấu/ kém			10.800	59,8		72,8	38.496	81,2	74.500	85,1	140.625	81,6	
Tổng số	7.914	100	18.018	100	37.974	100	46.986	100	87.477	100	172.437	100	

13. Số xã chưa có đường vào trung tâm xã qua các năm²

Số TT	Tỉnh	Tính hết tháng 12 của các năm				Số xã, phường (năm 2000)	Tỷ lệ các xã chưa có đường vào trung tâm xã (2000) ²
		1997	1998	1999	2000		
	Tổng số	729	606	515	415	10.329	4,02
I	Đông Bắc	157	122	95	62	2.341	4,02
1.	Bắc Giang	8	3	1		224	
2.	Bắc Kạn	16	13	11	7	122	5,74
3.	Cao Bằng	30	25	23	10	187	5,36
4.	Hà Giang	36	28	19	11	184	5,98
5.	Lào Cai	24	16	11	8	180	4,44
6.	Lạng Sơn	2				225	
7.	Phú Thọ	3	2			270	
8.	Thái Nguyên	3	3	2		177	
9.	Tuyên Quang					145	
10.	Yên Bái	33	30	26	25	178	14,04
11.	Quảng Ninh	2	2	2	1	178	0,56
12.	Vĩnh Phúc					148	
13.	Bắc Ninh					123	
II	Tây Bắc	89	81	68	55	559	9,84
1.	Hòa Bình	9	7	2	4	212	1,89
2.	Lai Châu	39	36	34	29	154	18,83
3.	Sơn La	41	38	32	22	193	11,40
III.	Đồng bằng sông Hồng	1	0	0	0	1.957	
1.	Hà Nội					228	
2.	Hải Phòng	1				216	
3.	Hà Tây					324	

1. Chỉ tính quốc lộ do Trung ương ủy thác cho tỉnh quản lý.

2. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

4.	Hải Dương					263	
5.	Hưng Yên					160	
6.	Hà Nam					114	
7.	Nam Định					225	
8.	Thái Bình					285	
9.	Ninh Bình					142	
IV	Bắc Trung Bộ	100	86	74	65	1.786	3,64
1.	Thanh Hóa	17	16	14	14	626	2,24
2.	Nghệ An	29	29	27	25	463	5,40
3.	Hà Tĩnh	15	11	6	5	262	1,19
4.	Quảng Bình	24	19	17	13	148	8,78
5.	Quảng Trị	6	6	6	4	136	2,94
6.	Thừa Thiên – Huế	9	5	4	4	151	2,65
V	Duyên hải Nam Trung Bộ	49	43	33	30	859	3,49
1.	Đà Nẵng					47	9,95
2.	Quảng Nam	25	24	22	21	211	1,15
3.	Quảng Ngãi	14	9	4	2	174	2,01
4.	Bình Định	6	6	3	3	149	
5.	Phú Yên					98	
6.	Khánh Hòa					126	
7.	Ninh Thuận	4	4	4	4	54	7,41
VI	Tây Nguyên	10	9	8	7	432	1,62
1.	Gia Lai	5	5	5	4	161	2,48
2.	Kon Tum	4	4	3	3	76	3,95
3.	Đắk Lắk	1				195	
VII	Đông Nam Bộ	3	3	3	1	1.000	
1.	Thành phố Hồ Chí Minh					303	
2.	Bình Dương					77	
3.	Bình Phước					69	
4.	Tây Ninh					86	
5.	Đồng Nai					163	
6.	Bà Rịa – Vũng Tàu					64	
7.	Bình Thuận	3	3	3	1	110	0,9
8.	Lâm Đồng					128	
VII	Đồng bằng sông Cửu Long	320	262	234	195	1.395	13,9
I	Cửu Long						
1.	Long An	49	49	44	35	182	19,23
2.	Đồng Tháp	6	6	6	5	139	3,6
3.	Tiền Giang	3	3	3	2	163	1,2
4.	Vĩnh Long	46	44	39	31	107	28,97
5.	Bến Tre	16	10	10	7	158	4,4
6.	Trà Vinh	6	6	6	5	88	5,6
7.	Sóc Trăng	30	22	22	19	98	19,39
8.	Cần Thơ	29	29	25	20	94	21,28

9.	An Giang	2	2	2	2	138	1,45
10.	Kiên Giang	51	21	9	8	108	7,41
11.	Bạc Liêu	26	26	24	19	48	39,58
12.	Cà Mau	56	44	44	42	72	58,33

Ghi chú: Bao gồm các xã mới được tách ra hoặc có đường nhưng bị mưa lũ, ngập lụt phá hỏng.

14. Tổng hợp khối lượng xây dựng giao thông nông thôn - miền núi 1991 - 2001¹.

Số TT	Hạng mục phần đường	Đơn vị tính	Khối lượng thực hiện qua các năm						Giai đoạn 1996-2000	Tổng khối lượng 1991-2000
			1991-1995	1996	1997	1998	1999	2000		
I	Mù mới	Km	21.721	4.951	2.183	3.203	2.427,3	2.200,0	14.964,3	36.685,3
	Nâng cấp	Km	71.006	11.108	21.481	17.274	20.461	20.000	90.324	161.330
	Rải nhựa thảm nhập	Km	3.184	1.505	1.220	1.221	1.697,9	3.500,0	9.143,9	12.327,9
	Rải mặt bê tông xi măng	Km	1.741	794	1.286	1.698	1.576,9	6.500	11.854,9	13.595,9
	Rải đá dăm	Km	6.463	1.003	2.504	2.502	1.457,8	3.000	10.466,8	16.929,8
	Rải cấp phối	Km	55.552	7.244	15.688	11.327	13.789,0	17.000	65.048,0	120.600,0
	Lát gạch	Km	4.025	562	782	525	660,5	500	3.038,5	7.063,5
II	Cầu, cống ngầm	C/m								
	Cầu xây mới	C/m	2589/3149	10928/10985	0477/136458	7860/113135	5682/87895	9700/145500	43647/586843	69540/881854
	Trong đó:									
	Cầu bê tông cốt thép	C/m	603/173149	1629/17098	1830/18794	2741/49528	2462/36318	2700/32400	11362/145138	17393/218287
	Cầu sắt	C/m	742/000		115/1160	125/1952	137/3499	60/39000	977/16111	1719/16411
	Cầu treo ô tô đi	C/m	22/2282			342/146		900/22600	934/24646	956/26928
	Cầu treo dẫn sinh	C/m	279/14372	120/7734	106/6230		118/7764	150/1750	494/25478	773/99850
	Cầu gỗ	C/m	243/36465	6621/38684	1368/21357	3045/32716	2128/19581	850/14850	13414/127198	13657/163663
	Thay cầu khỉ	C/m	1551/134017	241/36465	4852/73124	1650/33000	526/10896	30004/5000	12459/198485	27970/332505
	Cống các loại	C/m	41.243	12.726	12.78	15.00	62.161	20.000	94.902	136145
	Trần các loại	Cái	661/9878		152/2011	200/2080	497/9168	250/2700	1099/15929	1760/25807
	Sửa chữa cầu cũ	C/m			270/5644	2300/37421		500/110000	7570/153065	7570/153065
III	Kinh phí	Tỷ VNĐ	3.696	1.567	2.062	2.299	2.507,1	3.500	11.998,1	15.694,1
	Đón đóng góp	Tỷ VNĐ	2.201	967	1.318	1.046	1.296,6	1.500	6.127,60	8328,6
	Trung ương hỗ trợ	Tỷ VNĐ	181	82,8	78	75,5	140,9	100	394,40	575,4
	Hộ Giao thông vận tải hỗ trợ	Tỷ VNĐ	66	27,2	32,13	19,0	30,0	55	163,33	229,33
	Ngân sách tỉnh	Tỷ VNĐ	969	212	565	537,0	629,6	875	2.838,60	3.807,6
	Nguồn khác	Tỷ VNĐ	297		135	1.321,5	472,6	464	2.393,10	2.672,1
	Cộng huy động	Triệu đồng	146	25,3	42,0	48,5	36,6	30	187,10	333,1
	Số xã chưa có đường	Xã			663	606	515	415		

1. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

15. Tình trạng trang bị máy móc cơ điện nông nghiệp trong các vùng (tính đến 1-4-1999)¹.

Danh mục	Đơn vị tính	Vùng							
		Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Trung du miền núi phía Bắc	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đồng Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1. Tổng số hộ khu vực nông thôn	Hộ	12.701.120	2.877.716	2.289.027	1.901.331	1.042.592	466.006	1.329.389	2.975.059
2. Tổng số hộ có phương tiện sản xuất	Hộ	2.092.620	438.608	317.475	177.395	158.293	94.489	361.304	544.696
3. Số lượng máy kéo các loại	Chiếc	145.805	18.081	6.406	6.703	7.061	36.724	25.839	44.991
4. Máy bơm nước các loại	Chiếc	793.333	25.992	58.373	9.663	38.410	44.955	258.218	357.722
5. máy (uốt, đập lúa có động cơ	Chiếc	333.303	115.187	102.010	61.330	10.805	943	3.847	39.181
6. máy xay xát	Chiếc	162.964	36.453	59.531	34.172	9.563	5.043	7.669	10.533
7. Ô tô vận tải các loại	Chiếc	36.204	5.392	4.213	3.612	4.134	2.172	10.563	6.118
8. Xe vận tải nhỏ	Chiếc	75.721	21.200	9.858	7.805	2.706	26.746	2.252	2.100
9. Tàu thuyền vận tải có động cơ	Chiếc	257.465	6.062	3.835	4.379	2.032	236	2.631	238.290
10. Máy nghiền thức ăn chăn nuôi	Chiếc	28.977	7.916	11.621	4.757	1.054	1.551	759	869

1. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

16. Tình hình phát triển một số máy móc thiết bị chủ yếu dùng trong nông, lâm, thủy sản¹

Danh mục	Đơn vị tính	Năm					
		1990	1995	1996	1997	1997	1999
1. Máy kéo các loại							
Tổng số	Chiếc	25.086	97.817	110.681	115.487	122.958	154.80
Chỉ số phát triển	%		390,0	113,1	104,3	106,5	118,6
Trong đó:							
a) Máy kéo 4 bánh >15SN							
- Số lượng	Chiếc		26.669	29.753	32.198	38.846	39.666
- Chỉ số phát triển	%			111,6	108,2	114,4	107,6
b) Máy kéo nhỏ 2 bánh <12 SN							
- Số lượng	Chiếc		71.208	80.928	83.289	86.112	105.91
- Chỉ số phát triển	%			113,6	102,9	103,4	123,3
2. Máy bơm nước							
- Số lượng	Chiếc	168.139	511.793	543.119	583.860	660.329	793.33
- Chỉ số phát triển	%	66,1	103,2	106,1	107,5	113,3	120,0
3. Động cơ diezen trong nước sản xuất							
- Số lượng	Chiếc	2.300	4.187	7.432	5.941	6.334	14.588
- Chỉ số phát triển	%		140,7	177,5	79,9	106,6	230,3
4. Điện cung cấp cho nông nghiệp							
- Số lượng	Triệu Kwh	586,8	1.204,6	1.424,8	1.535,1	1.851,1	
- Tỷ lệ so với tổng điện năng thương phẩm	%	9,5	8,2	8,4	8,0	8,5	
- Chỉ số phát triển	%	190,2	205,3	118,3	107,7	120,6	
5. Máy tuốt đập lúa có động cơ							
- Số lượng	Chiếc	28.819	109.512	156.905	192.309	231.337	288.34
- Chỉ số phát triển	%		380,0	143,2	122,6	120,3	124,6
6. Máy nghiền thức ăn chăn nuôi							
- Số lượng	Chiếc	2.281	10.996	14.860	17.863	19.894	28.977
- Chỉ số phát triển	%		482,1	135,1	120,2	184,0	121,7
7. Số lượng tàu đánh cá		23.077	32.963	24.705	34.248	36.503	
8. Số lượng thuyền, xuồng, ghe đánh cá		44.833	70.433	52.061	53.395	49.347	

1. Phụ lục Báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

17. Diện tích gieo trồng cây hàng năm được cày bừa bằng máy ở từng vùng¹.

Vùng	Năm			
	1996	1997	1998	1999
CẢ NƯỚC	41,2	47,9	51,1	53,8
Đồng bằng sông Hồng	30,6	41,9	47,0	51,3
Trung du miền núi phía Bắc	8,7	8,5	11,3	12,2
Bắc Trung Bộ	22,3	23,1	25,6	27,1
Duyên hải Nam Trung Bộ	35,1	45,0	47,6	51,2
Tây Nguyên	30,1	30,5	29,6	30,1
Đông Nam Bộ	42,0	47,7	58,2	59,2
Đồng bằng sông Cửu Long	64,8	75,1	74,9	77,

18. Vốn đầu tư toàn xã hội phân theo ngành kinh tế¹.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Năm						
	1991	1995	1996	1997	1998	1999	2000
1. Tính theo giá hiện hành							
Tổng số	4.503,5	68.047,8	79.367,4	96.870,4	97.336,1	103.771,9	1.206
Trong đó:							
Nông nghiệp và lâm nghiệp	704,9	4.718,2	5.140,6	6.190,2	6.148,6	6.563,3	7.005
Tỷ trọng (%)	15,7	6,9	6,5	6,4	6,3	6,3	5,8
2. Tính theo giá so sánh 1994							
Tổng số	2.383,0	60.757,0	67.489,3	79.204,6	75.579,7	78.977,0	91.8..
Trong đó:							
Nông nghiệp và lâm nghiệp	372,9	4.212,7	4.371,3	5.061,3	4.774,3	4.996,3	5.228,
Tỷ trọng (%)	15,6	6,9	6,5	6,4	6,3	6,3	5,7

Ghi chú:

- Đầu tư ngành nông lâm nghiệp chưa bao gồm đầu tư cho nông thôn.
- Số liệu vốn đầu tư từ năm 1991-1994 chỉ bao gồm số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước.
- Số liệu vốn đầu tư theo giá so sánh từ năm 1991 – 1994 là tính theo giá so sánh năm 1989.
- Số liệu từ 1995-2000 là số liệu vốn đầu tư toàn xã hội.

20. Tình hình sử dụng nước sạch và máy điện thoại 1996-2000¹.

Đơn vị tính

	Đơn vị tính	Năm				
		1996	1997	1998	1999	2000
Số máy điện thoại trong cả nước	Chiếc	1.164.547	1.593.863	2.031.647	2.401.391	3.245.300
Tỷ lệ số máy điện thoại trên 1000 dân	Chiếc/1000 người	15,5	20,5	26,0	31,3	41,8
Số dân có nước sạch ²	Triệu người	1,8	2	2,2	2,5	3,3
Tỷ lệ dân có nước sạch	%	28	30	32	36	42

1. Số liệu Niên giám thống kê hàng năm – Tổng cục Thống kê.

2. Báo cáo Tổng kết chương trình nước sạch 5 năm 1996 – 2000 – Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- * *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995
- * *Bách khoa tri thức Quốc phòng toàn dân*. Nxb Chính trị Quốc gia, H.2003.
Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc đổi mới đất nước, Nxb QĐND, H.2003.
- * *Việt Nam - 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, H.2005.
- * *Việt Nam trên con đường lớn*, Nxb Lao động, H.2004
- * *Điện Biên Phủ trận thắng thế kỷ*. Nxb Chính trị Quốc gia, H.2003
- * *Công tác tư tưởng văn hóa trong quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, H.2000.
- * *Nghệ thuật toàn thắng*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, H.2005.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	7
Phần thứ nhất	
Lược sử những cuộc chiến từ năm thời bắt đầu dựng nước đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945	9
Phần thứ hai	
Hồ sơ cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)	39
Phần thứ ba	
Hồ sơ cuộc kháng chiến chống Mỹ (1945 - 1975)	185
Phần thứ tư	
Đổi mới và phát triển	379
Tài liệu tham khảo	546

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

· 175, Giảng Võ, Hà Nội - ĐT: (04)8515380

Chi nhánh phía Nam

85 CMT8, Q1, TP Hồ Chí Minh - ĐT: (08)8390970

VIỆT NAM

**TỪ CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
TỚI ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN**

(Hồ sơ 60 năm - 1945-2005)

Chịu trách nhiệm xuất bản

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo

LÊ HUY HÒA

Biên tập:

HỒ PHƯƠNG LAN

Trình bày:

QUANG VINH

Sửa bản in:

LÊ NGỌC TÚ

Bìa:

ĐÌNH DŨNG

In 1.000 cuốn, khổ sách 19 x 27cm. Tại Công Ty Cổ Phần IN KHÁNH HỘI
(27 Hoàng Diệu, P.12, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh). Giấy đăng ký kế hoạch đề tài số:
23-647/CXB. Cấp ngày 05.5.2005. In xong và nộp lưu chiểu Quý II/2005.

